ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ THƯỜNG TÍN

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ – HẠ TẦNG XÃ THƯỜNG TÍN

----------o0o----------

BÁO CÁO

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

CỦA DỰ ÁN: "XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐỂ ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT KHU NHỊ KHÊ 6, HUYỆN THƯỜNG TÍN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI"

ĐỊA ĐIỂM: XÃ NHỊ KHÊ, HUYỆN THƯỜNG TÍN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

ĐỊA ĐIỂM (SAU SÁP NHẬP): XÃ THƯỜNG TÍN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

HÀ NỘI, 8/2025

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ THƯỜNG TÍN
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ – HẠ TẦNG XÃ THƯỜNG TÍN
----------o0o----------

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

CỦA DỰ ÁN: "XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐỂ ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT KHU NHỊ KHÊ 6, HUYỆN THƯỜNG TÍN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI"

ĐỊA ĐIỂM: XÃ NHỊ KHÊ, HUYỆN THƯỜNG TÍN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

ĐỊA ĐIỂM (SAU SÁP NHẬP): XÃ THƯỜNG TÍN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

ĐẠI DIỆN CHỦ DỰ ÁN
BAN QLDA ĐẦU TƯ – HẠ TẦNG XÃ THƯỜNG TÍN

U.B.N.D XÃ THƯỜNG TÍN T.P HÀ NỘI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG

PHÓ GIÁM ĐỐC
Trần Văn Hải

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG 4 TECH

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG 4 TECH

GIÁM ĐỐC
Hoàng Văn Đồng

HÀ NỘI, 8 /2025

MỤC LỤC

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT iv
DANH MỤC BẢNG v
DANH MỤC HÌNH vii
MỞ ĐẦU 1
1. Xuất xứ của dự án 1
1.1. Thông tin chung về dự án 1
1.2. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi. 1
1.3. Sự phù hợp với quy hoạch đầu tư với Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh; quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; mối quan hệ của dự án với các dự án khác; các quy hoạch và quy định khác của pháp luật có liên quan. 2
2. Căn cứ pháp lý và kỹ thuật của việc thực hiện ĐTM 2
2.1. Các văn bản pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật về môi trường có liên quan làm căn cứ cho việc thực hiện ĐTM 2
2.2. Các văn bản pháp lý, quyết định của các cấp thẩm quyền về Dự án 6
2.3. Các tài liệu, dữ liệu do chủ dự án tự tạo lập sử dụng trong quá trình thực hiện ĐTM. 6
3. Tổ chức thực hiện đánh giá tác động môi trường 7
3.1. Tổ chức thực hiện 7
3.2. Danh sách những người tham gia chính trong quá trình lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường 8
3.3. Tổ chức thực hiện 8
4. Phương pháp áp dụng trong quá trình ĐTM 9
5. Tóm tắt các nội dung chính của báo cáo ĐTM 10
5.1. Thông tin dự án 10
5.2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường 13
5.3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh 14
5.4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường 18
5.5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của dự án 25
CHƯƠNG 1: THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN 28
1.1. Thông tin về dự án 28
1.1.1. Tên dự án 28
1.1.2. Tên chủ dự án 28
1.1.3. Vị trí địa lý 28
1.1.4. Hiện trạng quản lý và sử dụng đất, mặt nước của dự án 29
1.1.5. Khoảng cách từ dự án tới khu dân cư và khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường 31
1.1.6. Mục tiêu, loại hình, quy mô, công suất và công nghệ sản xuất của dự án 33
1.1.7. Phạm vi 34
1.1.8. Yếu tố nhạy cảm về môi trường: 35

1.2.1. Hạng mục công trình chính 36
1.2.2. Các hoạt động của dự án 49
1.2.3. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường 49
1.2.4. Các công trình đảm bảo dòng chảy tối thiểu, bảo tồn đa dạng sinh học; công trình giảm thiểu tác động do sạt lở, sụt lún, bồi lắng, nhiễm mặn, nhiễm phèn 54
1.2.5. Các công trình giảm thiểu tiếng ồn 54
1.2.6. Đánh giá việc lựa chọn công nghệ, hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường 54
1.3. Nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất sử dụng của dự án; nguồn cung cấp điện, nước và các sản phẩm của dự án 54
1.3.1. Khối lượng vật liệu trong giai đoạn xây dựng 54
1.3.2. Danh mục máy móc và thiết bị 59
1.3.3. Nguồn cấp điện, nước trong giai đoạn thi công 60
1.4. Công nghệ sản xuất, vận hành 64
1.5. Biện pháp tổ chức thi công 64
1.6. Tiến độ, tổng mức đầu tư, tổ chức quản lý và thực hiện dự án 77
1.6.1. Tiến độ thực hiện dự án 77
1.6.2. Tổng mức đầu tư 77
1.6.3. Tổ chức quản lý và thực hiện dự án 78
CHƯƠNG II: ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG KHU VỰC THỰC HIỆN DỰ ÁN 80
2.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội 80
2.1.1. Điều kiện tự nhiên 80
2.1.2. Điều kiện kinh tế - xã hội 85
2.2. Hiện trạng chất lượng môi trường và đa dạng sinh học khu vực thực hiện dự án 86
2.3. Nhận dạng các đối tượng bị tác động, yêu tố nhạy cảm về môi trường lưu vực thực hiện dự án 92
2.4. Sự phù hợp của địa điểm lựa chọn thực hiện dự án 92
CHƯƠNG III: ĐÁNH GIÁ , DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN VÀ ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP, CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG 94
3.1. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường giai đoạn thi công xây dựng dự án 95
3.1.1. Đánh giá, dự báo tác động 95
3.1.2. Các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải và biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực khác đến môi trường 121
3.2. Đánh giá, dự báo tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn vận hành 134
3.2.1. Đánh giá, dự báo các tác động trong giai đoạn vận hành 134
3.2.2. Các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải và biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực khác đến môi trường 149
3.3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường 160
3.4. Nhận xét về mức độ tin cậy của các đánh giá 162

CHƯƠNG IV. CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG 164
4.1. Chương trình quản lý môi trường của Dự án 164
5.2. Chương trình quan trắc, giám sát môi trường của Dự án 168
KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ, CAM KẾT 170
1. Kết luận 170
2. Kiến nghị 170
3. Cam kết 170
CÁC TÀI LIỆU, DỮ LIỆU THAM KHẢO 172
PHỤ LỤC 173
PHỤ LỤC I: VĂN BẢN PHÁP LÝ CỦA DỰ ÁN 174
PHỤ LỤC II: BẢN VẼ CỦA DỰ ÁN 175
PHỤ LỤC IV: KẾT QUẢ PHÂN TÍCH VÀ SƠ ĐỒ VỊ TRÍ LẤY MẪU MÔI TRƯỜNG NỀN CỦA DỰ ÁN 176

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BOD	Nhu cầu ôxy hóa sinh học (Biochemical Oxygen Demand)
BTNMT	Bộ Tài nguyên Môi trường
BYT	Bộ Y tế
COD	Nhu cầu ôxy hóa học (Chemical oxygen demand)
CO	Cacbon monoxyt
CO_2	Cacbon dioxyt
CTR	Chất thải rắn
CTRSH	Chất thải rắn sinh hoạt
CTNH	Chất thải nguy hại
ĐTM	Đánh giá tác động môi trường
HTKT	Hạ tầng kỹ thuật
HTXLNTTT	Hệ thống xử lý nước thải tập trung
NĐ	Nghị định
NTSH	Nước thải sinh hoạt
NTCN	Nước thải công nghiệp
TT	Thông tư
TTTM	Trung tâm thương mại
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
QH	Quốc Hội
QLMT	Quản lý môi trường
CTR	Chất thải rắn
UBND	Ủy ban nhân dân
VSMT	Vệ sinh môi trường
VNĐ	Việt Nam đồng
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam

DANH MỤC BẢNG

Bảng 0 1: Các hoạt động và nguồn gây tác động có liên quan đến chất thải trong quá trình giải phóng mặt bằng, thi công xây dựng 13
Bảng 0 2: Các hoạt động và nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải trong quá trình giải phóng mặt bằng, thi công xây dựng 14

Bảng 1. 1: Toạ độ khép góc khu vực dự án 28
Bảng 1. 2: Hiện trạng sử dụng đất khu vực dự án 29
Bảng 1. 3: Bảng cơ cấu sử dụng đất 33
Bảng 1. 4: Lượng sinh khối thực vật phát sinh 38
Bảng 1. 5: Bảng tổng hợp khối lượng san nền 39
Bảng 1. 6: Các thông số kỹ thuật chính của hệ thống giao thông 40
Bảng 1. 7: Bảng thống kê khối lượng hạng mục hào kỹ thuật của dự án 47
Bảng 1. 8: Bảng thống kê khối lượng hạng mục thoát nước mưa của dự án 51
Bảng 1. 9: Bảng thống kê khối lượng hạng mục thoát nước thải của dự án 53
Bảng 1. 10: Tổng hợp khối lượng đào 55
Bảng 1. 11: Tổng khối lượng đắp của dự án 55
Bảng 1. 12: Bảng tổng hợp khối lượng vật liệu xây dựng chính giai đoạn thi công 56
Bảng 1. 13: Ước tính số lượt xe vận chuyển vật liệu và đất đào đắp ra/vào công trường dự án 59
Bảng 1. 14: Bảng tổng hợp danh mục máy móc, thiết bị sử dụng trong giai đoạn xây dựng ..59
Bảng 1. 15: Nhu cầu sử dụng nước trong giai đoạn thi công 61
Bảng 1. 16: Bảng thống kê nhu cầu cấp điện trong giai đoạn vận hành của dự án 62
Bảng 1. 17: Nhu cầu cấp nước của dự án trong giai đoạn vận hành 63
Bảng 1. 18 Các hạng mục công trình tạm phục vụ thi công 65
Bảng 1. 19: Tiến độ thực hiện dự án 77
Bảng 1. 20: Tổng mức đầu tư của dự án 77

Bảng 2. 1: Nhiệt độ trung bình (^{O}C) tại TP Hà Nội từ năm 2019 - 2024 81
Bảng 2. 2: Lượng mưa (mm) các tháng tại Hà Nội từ năm 2019 - 2024 82
Bảng 2. 3: Độ ẩm trung bình (%) tại Hà Nội từ năm 2019-2024 82
Bảng 2. 4: Tốc độ gió trung bình (m/s) tháng tại Hà Nội từ năm 2019 - 2024 83
Bảng 2. 5: Vị trí khảo sát môi trường nền của dự án 86
Bảng 2. 6: Kết quả đo đạc môi trường không khí 88
Bảng 2. 7: Kết quả đo và phân tích môi trường đất 89
Bảng 2. 8: Kết quả đo và phân tích môi trường nước mặt 89

Bảng 3. 1: Các hoạt động và nguồn gây tác động có liên quan đến chất thải trong giai đoạn giải phóng mặt bằng, thi công xây dựng 94
Bảng 3. 2: Các hoạt động và nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải trong giai đoạn giải phóng mặt bằng, thi công xây dựng 95

Bảng 3. 3: Hệ số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt của CBCNV (giai đoạn xây dựng)..... 96
Bảng 3. 4: Dự báo nồng độ nước thải sinh hoạt trong giai đoạn xây dựng (trước xử lý)..... 96
Bảng 3. 5: Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải thi công 97
Bảng 3. 6: Hệ số khuyếch tán bụi trong không khí theo phương Z..... 102
Bảng 3. 7: Nồng độ bụi phát tán khi bốc xếp tại công trường..... 102
Bảng 3. 8: Thải lượng chất ô nhiễm đối với xe tải 103
Bảng 3. 9: Kết quả dự báo nồng độ các chất ô nhiễm theo chiều cao và khoảng cách tính toán trong vận chuyển nguyên vật liệu đường dài..... 105
Bảng 3. 10: Tải lượng chất ô nhiễm do các máy móc thi công hoạt động trên công trường.. 107
Bảng 3. 11: Danh mục CTNH phát sinh trong trong giai đoạn thi công 110
Bảng 3. 12: Tiếng ồn phát sinh do một số máy móc, phương tiện trong quá trình xây dựng ở khoảng cách 1,5m 111
Bảng 3. 13: Mức ồn gây ra do các phương tiện thi công theo khoảng cách (dBA) 112
Bảng 3. 14: Mức ồn tổng do các phương tiện thi công gây ra (dBA) 112
Bảng 3. 15: Mức rung gây ra do các thiết bị, máy thi công 113
Bảng 3. 16: Nhu cầu thoát nước của dự án trong giai đoạn vận hành..... 135
Bảng 3. 17: Tải lượng ô nhiễm nước sinh hoạt thải ra trong một ngày..... 136
Bảng 3. 18: Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt giai đoạn vận hành 137
Bảng 3. 19: Lượng nhiên liệu cần cung cấp cho các phương tiện giao thông trong một ngày giai đoạn vận hành..... 139
Bảng 3. 20: Hệ số ô nhiễm do khí thải các phương tiện giao thông..... 139
Bảng 3. 21: Dự báo tải lượng ô nhiễm không khí do các phương tiện giao thông trong một ngày 139
Bảng 3. 22: Thành phần rác thải sinh hoạt tại các khu đô thị của Việt Nam 142
Bảng 3. 23: Khối lượng chất thải sinh hoạt phát sinh tại dự án 143
Bảng 3. 24: Thành phần chất thải nguy hại phát sinh tại khu dân cư..... 144
Bảng 3. 25: Tiếng ồn phát sinh do một số phương tiện giao thông..... 145
Bảng 3. 26: Các hạng mục công trình đầu tư bảo vệ môi trường của Dự án 160

Bảng 4. 1: Chương trình quản lý môi trường của dự án trong giai đoạn giải phóng mặt bằng, thi công xây dựng 164

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. 1: Ranh giới của dự án tham khảo trên Google Earth 29
Hình 1. 2: Một số hình ảnh hiện trạng của dự án 31
Hình 1. 3: Mối tương quan giữa dự án và các đối tượng KT-XH xung quanh trên bản đồ vệ tinh 32
Hình 1. 6: Sơ đồ tổ chức thi công xây dựng 78
Hình 1. 4: Sơ đồ tổ chức quản lý dự án giai đoạn vận hành 78

Hình 3. 1: Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải công suất 450m^3/ngày đêm 150

MỞ ĐẦU

1. Xuất xứ của dự án

1.1. Thông tin chung về dự án

Huyện Thường Tín cách trung tâm thành phố Hà Nội khoảng 25 km về phía Nam, là một huyện ngoại thành Hà Nội, đang là huyện có tốc độ đô thị hóa nhanh, với hệ thống mạng lưới giao thông về cơ bản đã được đầu tư cải tạo, nâng cấp chuẩn hóa, cứng hóa, phục vụ tốt nhu cầu sản xuất và sinh hoạt của nhân dân. Hiện nay, huyện đang triển khai các dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật đang mang lại những hiệu quả to lớn về nhiều mặt cho sự phát triển quỹ đất, quỹ nhà. Dự án "Xây dựng HTKT để đấu giá QSD đất khu Nhị Khê 6, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội" là một trong những dự án hướng tới mục đích đó.

Dự án "Xây dựng HTKT để đấu giá QSD đất khu Nhị Khê 6, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội" do Ủy ban nhân dân xã Thường Tín làm chủ đầu tư (đại diện chủ dự án là Ban Quản lý dự án đầu tư – hạ tầng xã Thường Tín). Dự án nhằm tạo quỹ đất thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất có thu tiền sử dụng đất, tạo kênh huy động nguồn vốn đầu tư nhằm phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương; đồng thời nâng cao hiệu quả sử dụng đất đai, khớp nối đồng bộ giao thông và hạ tầng kỹ thuật với khu dân cư hiện có, phát triển khu dân cư mới theo hướng đô thị hoá, hiện đại, văn minh và giải quyết nhu cầu về đất ở của nhân dân.

Đây là dự án đầu tư mới, thuộc nhóm B theo tiêu chí phân loại của Luật đầu tư công, không thuộc loại hình sản xuất kinh doanh dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường. Dự án thực hiện sẽ chiếm dụng và phải chuyển đổi khoảng 5,14 ha đất trồng lúa; Căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 30, Khoản 3 Điều 35 của Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 và dự án đầu tư phần c số thứ tự 5 Phụ lục IV Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, dự án có diện tích chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa thuộc thẩm quyền chấp thuận của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh theo quy định của pháp luật về đất đai. Vì vậy, Dự án thuộc đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường trình Sở Nông nghiệp và Môi trường thẩm định và phê duyệt.

Tuân thủ các yêu cầu pháp lý trên, Ban Quản lý dự án đầu tư – hạ tầng xã Thường Tín đại diện chủ dự án đã phối hợp với Công ty Cổ phần Xây dựng và Môi trường 4 Tech (đơn vị tư vấn) thực hiện lập báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của Dự án, nhằm đánh giá, dự báo những tác động tiêu cực, xây dựng các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các tác động tiêu cực đến môi trường tự nhiên, kinh tế - xã hội và sức khỏe cộng đồng. Báo cáo ĐTM làm cơ sở khoa học trong công tác quản lý và giám sát môi trường của Dự án.

1.2.Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi.

- Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư: Hội đồng nhân dân huyện

Thường Tín.

- Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư: Uỷ ban nhân dân xã Thường Tín.

- Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi: Uỷ ban nhân dân xã Thường Tín.

- Cơ quan phê duyệt đánh giá tác động môi trường dự án: Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội.

1.3. Sự phù hợp với quy hoạch đầu tư với Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh; quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; mối quan hệ của dự án với các dự án khác; các quy hoạch và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Dự án "Xây dựng HTKT để đấu giá QSD đất khu Nhị Khê 6, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội" do Ban Quản lý dự án đầu tư – hạ tầng xã Thường Tín đại diện chủ đầu tư hoàn toàn phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Hà Nội nói chung và huyện Thường Tín, xã Nhị Khê nói riêng, cụ thể như sau:

- Quyết định số 1801/QĐ-TTg ngày 06/7/2011 của Chính Phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 (Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đã được Thủ tướng Chính phủ thông qua tại văn bản số 1945/VPCP-KTN ngày 26/3/2012 của Văn phòng Chính phủ);

- Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 10/01/2013 của UBND thành phố Hà Nội phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Thường Tín đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 5516/QĐ-UBND ngày 20/10/2015 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội đến năm 2030, tỷ lệ 1/10.000;

- Quyết định số 4614/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 của UBND huyện Thường Tín về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết các khu K1, K3, K4 thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín, tỷ lệ 1/500;

- Quyết định số 1056/QĐ-UBND ngày 17/3/2025 của UBND huyện Thường Tín về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật để đấu giá quyền sử dụng đất khu Nhị Khê 6, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.

2. Căn cứ pháp lý và kỹ thuật của việc thực hiện ĐTM

2.1. Các văn bản pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật về môi trường có liên quan làm căn cứ cho việc thực hiện ĐTM

Việc thực hiện báo cáo ĐTM của dự án được dựa trên cơ sở các văn bản Pháp luật về bảo vệ môi trường và các văn bản liên quan, cụ thể như sau:

a. Luật

- Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy số 40/2023/QH13 được Quốc hội ban hành ngày 22/11/2013, có hiệu lực ngày 01/07/2014;

- Luật Phòng chống thiên tai số 33/2013/QH13 được Quốc hội ban hành ngày 19/6/2013, có hiệu lực ngày 01/5/2014 sửa đổi bổ sung tại Văn bản số 21/VBHN-VPQH ngày 02/8/2023 của Văn phòng Quốc hội;

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được Quốc hội ban hành ngày 18/06/2014, có hiệu lực ngày 01/01/2015; sửa đổi bổ sung một số điều Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 được Quốc hội ban hành ngày 19/6/2017;

- Luật Quy hoạch 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017;

- Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 được Quốc hội ban hành ngày 20/11/2018, có hiệu lực ngày 01/01/2019;

- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020.

- Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 ngày 27/11/2023.

- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được Quốc hội ban hành ngày 18/1/2024, có hiệu lực ngày 01/8/2024.

b. Nghị định

- Nghị định số 13/VBHN-BXD của Chính phủ ngày 27/04/2020 về thoát nước và xử lý nước thải;

- Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

- Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác;

- Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường;

- Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 7/7/2022 của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

- Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết

về đất trồng lúa.

- Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 của Chính phủ Quy định về giá đất;

- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

- Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/05/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

- Nghị định 123/2024/NĐ-CP ngày 4/10/2024 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

- Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 6/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

c. Thông tư

- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của luật bảo vệ môi trường.

- Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của luật bảo vệ môi trường;

- Thông tư số 16/2010/TT-BXD ngày 01/9/2010 của Bộ Xây dựng quy định cụ thể và hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 71/2010/NĐ-CP ngày 23/6/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở.

- Thông tư 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù.

- Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn một số nội dung về xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường.

- Thông tư số 39/2010/TT-BTNMT ngày 16/12/2010 của Bộ tài nguyên và Môi trường về ban hành quy định, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường.

- Thông tư số 47/2011/TT-BTNMT ngày 28/12/2011 của Bộ tài nguyên và Môi trường về ban hành quy định, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường.

- Thông tư số 65/2015/TT-BTNMT ngày 21/12/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường.

- Thông tư số 51/2014/TT-BTNMT ngày 05/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi

trường quy định quy chuẩn kỹ thuật về môi trường trên địa bàn Thủ đô Hà Nội.

d. Quyết định

- Quyết định số 29/2015/QĐ-UBND ngày 09/10/2015 của UBND Thành phố Hà Nội về việc ban hành Quy định về đảm bảo trật tự, an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình xây dựng các công trình tại thành phố Hà Nội;

- Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND ngày 06/12/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành quy định về quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Quyết định 02/2005/QĐ-UBND ngày 10/01/2005 của UBND Thành phố về một số biện pháp giảm bụi trong quá trình vận chuyển vật liệu rời;

- Quyết định số 241/2005/QĐ-UB ngày 30/12/2005 của UBND thành phố Hà Nội về việc sửa đổi một số nội dung quy định về việc thực hiện các biện pháp làm giảm bụi trong lĩnh vực xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Quyết định số 16/2013/QĐ-UBND ngày 03/6/2013 của UBND Thành phố Hà Nội về việc quy định quản lý chất thải rắn thông thường trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Chỉ thị số 07/CT-UBND ngày 16/5/2017 của UBND thành phố Hà Nội về việc tăng cường quản lý phá dỡ, thu gom, vận chuyển, xử lý phế thải xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Quyết định số 5019/QĐ-UBND của Ủy ban nhân thành phố Hà Nội ngày 29/11/2021 về phê duyệt kế hoạch phát triển nhà ở thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025.

- Quyết định số 34/QĐ-UBND ngày 05/01/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Thường Tín.

e. Các tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng

Trong quá trình lập báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án, đã áp dụng các Quy chuẩn Việt Nam (QCVN) và các Tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN) hiện hành sau:

Chất lượng nước:

- QCVN 08:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

- QCVN 09:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất.

- QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

- QCVN 14:2025/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/9/2025.

Chất lượng không khí:

- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

- QCVN 06:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại

trong không khí xung quanh.

Chất lượng đất:

- QCVN 03:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất.

Tiếng ồn và độ rung

- QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

- QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

2.2. Các văn bản pháp lý, quyết định của các cấp thẩm quyền về Dự án

- Quyết định số 3536/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc thành lập Ban quản lý Dự án đầu tư – hạ tầng trực thuộc UBND xã, phường sau sắp xếp trên cơ sở tổ chức lại các Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng cấp huyện và Trung tâm phát triển quỹ đất cấp huyện;

- Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 11/7/2023 của HĐND huyện Thường Tín về việc phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án trên địa bàn huyện Thường Tín (Phụ lục 32);

- Quyết định số 1056/QĐ-UBND ngày 17/3/2025 của UBND huyện Thường Tín về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết 1/500 Dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật để đấu giá quyền sử dụng đất khu Nhị Khê 6, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội;

- Văn bản số 51/UBND ngày 06/5/2025 của UBND xã Nhị Khê về việc thỏa thuận đấu nối thoát nước, khớp nối hệ thống HTKT dự án: Xây dựng HTKT để đấu giá QSD đất khu Nhị Khê 6, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội;

- Văn bản số 56/BC-UBND ngày 05/6/2025 của UBND xã Nhị Khê về việc xác nhận diệc tích đất trồng lúa 2 vụ tại dự án: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật để đấu giá quyền sử dụng đất khu Nhị Khê 6, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội;

- Quyết định số 779/QĐ-UBND ngày 01/8/2025 của UBND xã Thường Tín về việc ủy quyền, giao thực hiện một số nhiệm vụ của chủ đầu tư đối với các dự án do Ủy ban nhân dân xã Thường Tín làm Chủ đầu tư cho Ban quản lý dự án đầu tư – hạ tầng xã Thường Tín.

2.3. Các tài liệu, dữ liệu do chủ dự án tự tạo lập sử dụng trong quá trình thực hiện ĐTM

- Thuyết minh Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án "Xây dựng HTKT để đấu giá QSD đất khu đất Nhị Khê 6, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội".

- Hồ sơ thiết kế cơ sở Trạm XLNT của dự án.

- Các số liệu điều tra, khảo sát thực địa, quan trắc phân tích hiện trạng chất lượng môi trường khu vực thực hiện dự án.

- Hồ sơ đấu nối cấp nước, cấp điện, giao thông, đấu nối thoát nước mưa và thoát nước thải của dự án.

- Kết quả tham vấn ý kiến cộng đồng tại xã Nhị Khê, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội (nay là xã Thường Tín, thành phố Hà Nội).

- Các tài liệu liên quan khác.

3. Tổ chức thực hiện đánh giá tác động môi trường

3.1. Tổ chức thực hiện

Báo cáo Đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của dự án *"Xây dựng hạ tầng kỹ thuật để đấu giá QSD đất khu đất Nhị Khê 6, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội"* do Ủy ban nhân dân xã Thường Tín là Chủ dự án, tổ chức thực hiện với sự tư vấn của Công ty Cổ phần Xây dựng và Môi trường 4Tech.

a. Chủ dự án:

- Chủ dự án: Ủy ban nhân dân xã Thường Tín.

- Đại diện Chủ dự án: Ban quản lý Dự án đầu tư – hạ tầng xã Thường Tín.

- Trụ sở chính: xã Thường Tín, thành phố Hà Nội.

- Người đại diện: Ông Lê Xuân Thọ.

- Chức vụ: Giám đốc Ban

- Điện thoại: 024 33765475

b. Đơn vị tư vấn:

* *Tên đơn vị tư vấn:*

- Tên đơn vị tư vấn Công ty Cổ phần Xây dựng và Môi trường 4Tech

- Người đại diện: Ông Hoàng Văn Đồng Chức vụ: Giám đốc

- Địa chỉ: Số 5 ngõ 196 phố Bạch Mai, tổ 22 phường Bạch Mai, thành phố Hà Nội.

- Điện thoại: 098.2461892

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0108429475 do Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 12/9/2018, đăng ký thay đổi lần thứ 3, ngày 09/01/2025.

* *Đơn vị phối hợp quan trắc và phân tích môi trường*

- Tên đơn vị phối hợp: Công ty Cổ phần Nextech Ecolife

- Địa chỉ: Liền kề 17-16, KĐT mới Văn Khê, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

- Đại diện: Nguyễn Hoàng Anh Chức vụ: Tổng Giám đốc

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường số hiệu VIMCERTS 301 kèm theo Quyết định số 932/QĐ-BTNMT ngày 06/5/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

3.2. Danh sách những người tham gia chính trong quá trình lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường

STT	Họ và tên	Chức vụ/Trình độ chuyên môn	Nội dung phụ trách	Chữ ký
I	**Đại diện Chủ dự án: Ban quản lý Dự án đầu tư – hạ tầng xã Thường Tín**			
1	Trần Văn Hải	Phó Giám đốc	Đại diện Ban	
2	Lưu Mạnh Huỳnh	Chuyên viên	Cán bộ dự án	
II	**Đơn vị tư vấn Công ty Cổ phần Xây dựng và Môi trường 4Tech**			
1	Hoàng Văn Đồng	KS. Xây Dựng	Đại diện Công ty	
2	Đào Thị Hằng	Kỹ sư. Kỹ thuật môi trường	- Chủ nhiệm lập báo cáo - Phụ trách nội dung Chương 6 (Tham vấn cộng đồng); tổng hợp báo cáo ĐTM	
3	Nguyễn Thị Kiều	ThS. Quản lý Tài nguyên và Môi trường	Phụ trách nội dung phần Mở đầu và Chương 1 (Mô tả tóm tắt Dự án); và Chương 2 (Điều kiện môi trường tự nhiên và kinh tế - xã hội khu vực dự án)	
4	Nguyễn Thị Yến	KS. Môi trường	Phụ trách nội dung (Chương 3) đánh giá tác động và biện pháp giảm thiểu các tác động của dự án và Chương 5 (Chương trình quản lý và Giám sát môi trường)	

3.3. Tổ chức thực hiện

Báo cáo được thực hiện theo đúng cấu trúc hướng dẫn tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Trình tự thực hiện ĐTM và lập báo:

- Bước 1: Nghiên cứu báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án;

- Bước 2: Nghiên cứu về các điều kiện tự nhiên và kinh tế xã hội khu vực dự án, khảo sát thực tế khu vực dự án;

- Bước 3: Thực hiện đo đạc, lấy mẫu, phân tích và đánh giá hiện trạng môi trường

khu vực dự án và vùng xung quanh;

- Bước 4: Thực hiện đánh giá, dự báo tác động tiêu cực tới môi trường theo các giai đoạn thực hiện dự án;

- Bước 5: Xây dựng các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động tiêu cực và phòng ngừa, ứng phó rủi ro, sự cố của dự án. Xây dựng chương trình quản lý và giám sát môi trường của dự án;

- Bước 6: Tổ chức tham vấn ý kiến cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân chịu tác động trực tiếp bởi dự án;

- Bước 7: Trình Sở Nông nghiệp và Môi trường thẩm định, phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án "Xây dựng HTKT để đấu giá QSD đất khu đất Nhị Khê 6, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội".

4. Phương pháp áp dụng trong quá trình ĐTM

Trong báo cáo ĐTM của Dự án "Xây dựng HTKT để đấu giá QSD đất khu đất Nhị Khê 6, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội" sử dụng các phương pháp sau đây:

❖ ***Các phương pháp ĐTM***

- Phương pháp đánh giá nhanh: Do Tổ chức Y tế thế giới (WHO) đề xuất. Được áp dụng để: (i) Đánh giá tải lượng ô nhiễm trong khí thải và nước thải của dự án và (ii) Đánh giá hiệu quả các biện pháp phòng chống ô nhiễm;

- Phương pháp lập bảng liệt kê: Lập mối quan hệ giữa các hoạt động của dự án và các tác động đến các thành phần môi trường để đánh giá tổng hợp ảnh hưởng của các tác động do các hoạt động của dự án đến môi trường.

❖ ***Các phương pháp khác***

- Phương pháp điều tra khảo sát và lấy mẫu hiện trường: Phương pháp nhằm xác định vị trí các điểm đo và lấy mẫu các thông số môi trường phục vụ cho việc phân tích và đánh giá hiện trạng chất lượng môi trường (không khí, tiếng ồn, nước mặt, đất) khu vực dự án và vùng xung quanh;

- Phương pháp phân tích và xử lý số liệu trong phòng thí nghiệm: Được thực hiện theo quy định của TCVN về bảo quản và phân tích các thông số môi trường phục vụ cho việc đánh giá hiện trạng chất lượng môi trường khu vực dự án;

- Phương pháp đánh giá so sánh: So sánh kết quả đo đạc và phân tích với các Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia (QCVN) nhằm đánh hiện trạng chất lượng môi trường hiện tại/tình trạng, mức độ ô nhiễm;

- Phương pháp thống kê: Phương pháp này nhằm thu thập và xử lý các số liệu khí tượng thủy văn, kinh tế xã hội tại khu vực Dự án;

- Phương pháp kế thừa: Kế thừa kết quả nghiên cứu ĐTM của dự án có liên quan;

- Phương pháp phân tích tổng hợp xây dựng báo cáo: Phân tích, tổng hợp các tác động của dự án đến các thành phần môi trường tự nhiên và kinh tế xã hội khu vực thực

hiện dự án.

Danh mục các phương pháp ĐTM và phương pháp lập báo cáo ĐTM của Dự án được thống kê như sau:

TT	Nội dung	Phương pháp thực hiện
1	Nghiên cứu dự án, xây dựng kế hoạch thực hiện khảo sát hiện trạng môi trường	- Thu thập bản đồ quy hoạch chi tiết; - Thu thập số liệu điều kiện khí tượng – thủy văn; - Phương pháp thống kê.
2	Điều tra khảo sát hiện trạng môi trường và lấy mẫu khảo sát hiện trạng môi trường (đất, không khí, tiếng ồn) tại địa điểm triển khai dự án và khu vực xung quanh	Phương pháp khảo sát thực địa, đo đạc lấy mẫu phân tích ngoài hiện trường và phân tích trong phòng thí nghiệm
3	Phân tích mẫu môi trường tại phòng thí nghiệm	
4	Tham vấn cộng đồng	Thu thập thông tin về điều kiện kinh tế xã hội
5	Xây dựng các hợp phần và nội dung báo cáo ĐTM	
-	Xây dựng nội dung Chương 1	Tổng hợp và phân tích hệ thống
-	Xây dựng nội dung Chương 2	- Phương pháp thống kê; - Phương pháp đánh giá so sánh.
-	Xây dựng nội dung Chương 3	- Phương pháp mô hình hóa (sử dụng trong đánh giá dự báo lan truyền tiếng ồn từ các máy thi công); - Phương pháp đánh giá nhanh; - Phương pháp kế thừa.
-	Xây dựng nội dung Chương 4	Phương pháp liệt kê
-	Xây dựng nội dung Chương 5	Phương pháp phân tích đánh giá tổng hợp.
-	Xây dựng nội dung Chương 6	Phương pháp tham vấn
6	Hiệu chỉnh báo cáo	Phương pháp phân tích đánh giá tổng hợp.

5. Tóm tắt các nội dung chính của báo cáo ĐTM

5.1. Thông tin dự án

5.1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: "Xây dựng HTKT để đấu giá QSD đất khu Nhị Khê 6, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội".

Địa điểm thực hiện: xã Nhị Khê, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.

Địa điểm thực hiện sau sáp nhập: xã Thường Tín, thành phố Hà Nội.

- Chủ dự án: Ủy ban nhân dân xã Thường Tín

- Đại diện chủ dự án: Ban quản lý Dự án đầu tư – hạ tầng xã Thường Tín

- Địa chỉ liên hệ: Xã Thường Tín, thành phố Hà Nội

- Điện thoại: 024 33765475

5.1.2. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án

a. Loại hình dự án

- Loại hình dự án: Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị

- Phân nhóm Dự án: Thuộc nhóm B

- Hình thức dự án: Đầu tư xây dựng mới

b. Quy mô, công suất dự án và phạm vi dự án

Giải phóng mặt khu đất có diện tích khoảng 6,01ha; xây dựng hạ tầng kỹ thuật: san nền, kè, giao thông, cấp điện, chiếu sáng, di chuyển ngầm nổi (nếu có),…

(Theo Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 11/7/2023 của HĐND huyện Thường Tín về việc phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án trên địa bàn huyện Thường Tín (phụ lục 32) và Quyết định 1056/QĐ-UBND ngày 17/3/2025 về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật để đấu giá quyền sử dụng đất khu Nhị Khê 6, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội).

Phạm vi:

** Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư:*

Các hạng mục công trình dự án:

- San nền dự án với diện tích 6,01 ha với cao độ san nền cao nhất +5,25m, thấp nhất là +5,10m, độ dốc san nền trung bình i = 0,4%

- Hệ thống giao thông: Đầu tư xây dựng hoàn thiện các tuyến đường theo quy hoạch trong phạm vi ranh giới dự án. Bao gồm các tuyến đường và hệ thống đường dạo của dự án. Vận tốc thiết kế V_{tk}=40Km/h áp dụng 6 tuyến đường theo các hướng chính Tây sang Đông và Bắc xuống Nam.

+ Độ dốc lòng đường: Lòng đường dốc 2 mái sang hai bên với độ dốc ngang lòng đường là 2%, trong đường cong độ dốc lòng đường theo độ dốc siêu cao.

+ Độ dốc hè đường: Hè tất cả các tuyến đường được thiết kế với độ dốc 1,5% hướng dốc vào lòng đường.

+ Độ dốc tấm đan rãnh: Được thiết kế với độ dốc 10%

+ Chiều dài các tuyến đường lần lượt là 541,69m; 146,66m; 352,44m; 145,71m; 314,91m; 122,69m. Chiều rộng nền đường tuyến 1 đến tuyến 4 là B_n= 17,5m; các tuyến còn lại là B_n= 13,0m.

- Hệ thống cấp nước: Nguồn cấp nước cho dự án lấy từ mạng lưới cấp nước của Công ty nước sạch Hà Nội. Dự án được kết nối với tuyến ống truyền dẫn DN355 dọc

đường Nhị Khê, cách khu đất của dự án khoảng 180m về phía Đông Bắc. Vị trí đặt đồng hồ tổng ở phía ngoài hàng rào ranh giới dự án và nằm sau điểm đấu nguồn cho dự án tại đường Nhị Khê.

- Hệ thống thoát nước mưa: Giai đoạn đầu thì nước mưa nội bộ của dự án được thu gom vào hệ thống cống BTCT khẩu độ D600-D800 rồi thoát về tuyến cống khẩu hộ BxH= 1,5x1m phía Nam dự án rồi xả vào mương hoàn trả T2 (tọa độ điểm xả X=2311178.53; Y=588362.78). Giai đoạn 2 khi hệ thống thoát nước theo quy hoạch phân khu S5 được phê duyệt đấu nối theo quy hoạch.

- Hoàn trả kênh mương thủy lợi:

+ Hoàn trả tuyến mương ký hiệu T1 bằng hệ thống cống BxH= 0,6x0,6m. Trrn hệ thống bố trí các vị trí ga thăm đảm bảo việc thực hiện duy tu kiểm tra công trình.

+ Hoàn trả tuyến mương ký hiệu T2 bằng hệ thống kề kết hợp mương xây hở khẩu hộ BxH=1,0x1,0m.

- Hệ thống thoát nước thải: Giai đoạn đầu nước thải của dự án sẽ được thu về trạm xử lý nước thải tập trung công suất 450m^3/ngày đêm. Nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường sẽ được bơm thoát ra mương hiện trạng ký hiệu T2 phía Đông dự án (tọa độ xả X=2311403.35; Y=588373.33). Giai đoạn 2 đấu nối vào cống thoát nước D300 phía Đông dự án để thoát về trạm xử lý nước thải Đại Áng theo quy hoạch phân khu S5 đã duyệt.

- Trạm xử lý nước thải tập trung công suất 450m^3/ngày đêm.

- Hệ thống cấp điện và chiếu sáng

- Hệ thống hào kỹ thuật: Kích thước hào kỹ thuật BxH=800x1000mm, trong hào gắn các giá đỡ ở hai bên thành hào phục vụ bố trí ống cáp nhựa xoắn HDPE sau này. Khoảng cách theo chiều đứng giữa các giá đỡ trong hào kỹ thuật bằng 300 mm, khoảng cách theo chiều ngang giữa các giá đỡ trong hào kỹ thuật bằng 300 mm và 200mm. Độ dài hữu dụng của giá đỡ bằng 300mm và 450mm, giá đỡ bằng thép L75x75x8mm được lắp ghép bằng vít thép và hàn liên tục.

c. Công nghệ sản xuất của dự án:

Dự án không thực hiện sản xuất nên không có công nghệ sản xuất.

5.1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án

a. Các hạng mục công trình của dự án bao gồm:

Xây dựng hạ tầng kỹ thuật để đấu giá QSD đất khu Nhị Khê 6, huyện Thường Tín trên diện tích khoảng 6,01 ha bao gồm các hạng mục: Giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng kỹ thuật: san nền, kè, giao thông, cấp điện, cấp nước, chiếu sáng, di chuyển ngầm nổi (nếu có)....

b. Các hoạt động của dự án:

- Giai đoạn xây dựng:

Trong giai đoạn xây dựng thì các hoạt động của dự án bao gồm:

+ Hoạt động giải phóng mặt bằng.

+ Hoạt động san nền.

+ Hoạt động xây dựng hạ tầng kỹ thuật (thi công xây dựng đường giao thông nội bộ, hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thoát nước thải, hệ thống cấp điện và chiếu sáng…).

- Giai đoạn vận hành

+ Hoạt động giao thông trong khu vực dự án.

+ Hoạt động sinh hoạt của các hộ dân của dự án.

+ Các hoạt động trường mầm non của dự án.

5.2.Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

Bảng 0 1: Các hoạt động và nguồn gây tác động có liên quan đến chất thải trong quá trình giải phóng mặt bằng, thi công xây dưng

TT	Các hoạt động	Nguồn gây tác động
I	**Giai đoạn xây dựng**	
1	Giải phóng mặt bằng	- Chất thải phát quang bao gồm: Gốc, rễ, thân, cành, lá, … - Bụi trong quá trình phá dỡ; - Bụi từ quá trình vận chuyển phế thải; - Khí thải và bụi từ hoạt động của các máy thi công; các phương tiện vận tải. - Nước thải từ quá trình rửa các máy thi công; các phương tiện vận tải.
2	Hoạt động san nền và thi công các hạng mục hạ tầng kỹ thuật	- Bụi trong quá trình san nền (đào/đắp); - Đất thải từ quá trình bóc lớp hữu cơ phong hóa; - Khí thải và bụi từ hoạt động của các máy thi công; các phương tiện vận tải. - Nước thải từ quá trình rửa các máy thi công; các phương tiện vận tải; dụng cụ thi công. - Chất thải rắn xây dựng; - Chất thải nguy hại - Sinh hoạt của CBCNV tại công trường: + Chất thải rắn sinh hoạt; + Nước thải sinh hoạt;
II	**Giai đoạn vận hành**	
1	Hoạt động sinh hoạt của người dân	- Nước thải sinh hoạt - Bụi và khí thải phát sinh từ các phương tiện giao thông - Chất thải rắn

TT	Các hoạt động	Nguồn gây tác động
		- Chất thải nguy hại

Bảng 0 2: Các hoạt động và nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải trong quá trình giải phóng mặt bằng, thi công xây dựng

TT	Các hoạt động	Nguồn gây tác động
I	**Giai đoạn xây dựng**	
1	Giải phóng mặt bằng	- Tác động tới kinh tế của các hộ dân chịu ảnh hưởng. - Nước mưa chảy tràn; - Phát quang tạo mặt bằng thi công: + Tiếng ồn và độ rung từ các máy thi công, phương tiện vận tải; + Tiềm ẩn nguy cơ gây úng ngập khu vực xung quanh.
2	Hoạt động san nền và thi công các hạng mục hạ tầng kỹ thuật	- Tiếng ồn và độ rung từ các máy thi công, phương tiện vận tải; - Tiềm ẩn nguy cơ gây úng ngập khu vực xung quanh; - Nước mưa chảy tràn;
3	Tập trung công nhân tại công trường	- Tiềm ẩn mẫu thuẫn với cộng đồng xung quanh; - Lan truyền dịch bệnh và tệ nạn xã hội; - Tiềm ẩn nguy cơ xảy ra tai nạn lao động trong thi công xây dựng.
II	**Giai đoạn vận hành**	
1	Hoạt động sinh hoạt của người dân	- Tiếng ồn do hoạt động của các phương tiện giao thông đến khu vực dự án - Tiềm ẩn nguy các tệ nạn xã hội

5.3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh

(1) Tác động nước thải

a. Giai đoạn xây dựng:

* Nước thải sinh hoạt

- Nguồn phát sinh: sinh hoạt của CBCNV tại công trường.

- Khối lượng nước thải sinh hoạt: 4,5 m^3/ngày;

- Tính chất của nước thải: Chất rắn lơ lửng; BOD_5; COD; Amoni; Photphat...

* Nước thải thi công

- Nguồn phát sinh: Các hoạt động rửa bánh xe các phương tiện vận tải, vệ sinh thiết bị thi công/ máy thi công, …

- Khối lượng nước thải thi công: 29,68 m^3/ngày đêm;

- Tính chất của nước thải: Chất rắn lơ lửng, các chất vô cơ, cặn đất cát xây dựng thuộc loại ít độc và có thể bị ô nhiễm dầu.

* Nước mưa chảy tràn

- Nguồn phát sinh: Nước mưa chảy tràn qua mặt bằng công trường.

- Lưu lượng: 0,542 (m^3/s)

- Tính chất của nước thải: Chất rắn lơ lửng, có thể nhiễm dầu, mỡ;...

b. Giai đoạn vận hành:

* Nước thải sinh hoạt

- Nguồn phát sinh: sinh hoạt của khu dân cư, trường học và khu công cộng.

- Khối lượng nước thải sinh hoạt: 450 m^3/ngày đêm;

- Tính chất của nước thải: Chất rắn lơ lửng; BOD_5; COD; chất hữu cơ, chất dinh dưỡng, tổng dầu mỡ khoáng, coliform.

* Nước mưa chảy tràn

- Nguồn phát sinh: Nước mưa chảy tràn qua mặt bằng khu cây xanh, đường giao thông.

- Lưu lượng: 0,29 (m^3/s);

- Tính chất của nước thải: Chất rắn lơ lửng, có thể nhiễm dầu, mỡ;

(2) Tác động do bụi và khí thải

a. Giai đoạn xây dựng:

- Nguồn phát sinh: Hoạt động phát quang, hoạt động san nền; tập kết, bốc dỡ nguyên vật liệu xây dựng; hoạt động của các máy thi công (máy xúc, máy ủi, đầm rung....); hoạt động của các phương tiện vận chuyển. Chủ yếu phát sinh bụi và khí thải.

- Khối lượng bụi phát sinh bao gồm:

+ Bụi phát sinh trong quá trình san nền khoảng 190,80 kg;

+ Quá trình tập kế, bốc dỡ nguyên vật liệu xây dựng phát sinh khoảng 219 kg/ngày;

- Thông số ô nhiễm: Tổng bụi lơ lửng (TSP), SO_2, NO_2, CO.

b. Giai đoạn vận hành:

- Nguồn phát sinh: Từ hoạt động giao thông của khu dân cư, trường học; mùi từ hoạt động nấu nướng; từ vị trí tập kết chất thải; từ hệ thống điều hoà không khí.

- Thông số ô nhiễm: tổng bụi lơ lửng (TSP), SO_2, NO_2, CO

(3) Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

a. Giai đoạn xây dựng:

* Chất thải rắn sinh hoạt

- Nguồn phát sinh: Sinh hoạt của công nhân

- Khối lượng: 24 kg/ngày;

- Thành phần: chất hữu cơ, gỗ, giấy, nhựa, túi nilon, vỏ đồ hộp, vỏ lon,....

* Chất thải rắn thông thường:

- Nguồn phát sinh: Hoạt động phát quang; Hoạt động thi công phục vụ giai đoạn xây dựng.

- Khối lượng và thành phần:

+ Lượng sinh khối thực vật phát sinh trong quá trình phát quang dọn dẹp mặt bằng tại dự án khoảng 10,28 tấn. Thành phần bao gồm: gốc, dễ, lá cây,...

+ Chất thải rắn thi công từ hoạt động nạo vét đất hữu cơ thải bỏ phát sinh khoảng 10.726,97 m^3, tương đương 15.017,76 tấn với thành phần chủ yếu đất hữu cơ

+ Chất thải rắn từ hoạt động thi công phát sinh trong quá trình thi công của dự án là khoảng 2.061,13 tấn với thành phần như: vỏ bao xi măng, cát thừa, vữa,...

* Chất thải nguy hại:

- Nguồn phát sinh: Từ quá trình giải phóng mặt bằng, thi công xây dựng và hoạt động bảo dưỡng máy móc thiết bị thi công tại dự án.

- Khối lượng phát sinh trong suốt quá trình thi công: Khoảng 66kg/thời gian thi công.

- Thành phần: Giẻ lau, găng tay dính dầu (mã CTNH: 18 02 01); vỏ thùng sơn (mã CTNH: 18 01 03).

b. Giai đoạn vận hành:

* Chất thải rắn sinh hoạt

- Nguồn phát sinh: Sinh hoạt của khu dân cư.

- Khối lượng: 2.000 kg/ngày;

- Thành phần: Chất hữu cơ, nhựa, nilon, giấy, bìa catton, kim loại, thuỷ tinh,....

* Chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn thông thường từ hoạt động hút bùn thải bể tự hoại dự kiến khoảng 27,74 tấn/năm, hoạt động hút bùn từ trạm xử lý nước thải dự kiến khoảng 67,50 tấn/năm.

* Chất thải nguy hại:

- Nguồn phát sinh: Từ hoạt động của khu dân cư.

- Khối lượng chất thải nguy hại của dự án khoảng 3.600 kg/năm và thành phần như sau:

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã CTNH
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thuỷ tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06
2	Pin, ắc quy thải	Rắn	16 01 12

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã CTNH
3	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải	Rắn	16 01 13
4	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 01
5	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 02
6	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 03
7	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01
	Tổng		

(4) Tiếng ồn

a. Giai đoạn xây dựng:

- Nguồn phát sinh: Hoạt động của các thiết bị thi công xây dựng, các phương tiện vận tải.

- Thành phần: là những hoạt động phát sinh ra tiếng ồn, độ rung.

b. Giai đoạn vận hành:

- Nguồn phát sinh: Hoạt động của các phương tiện giao thông.

- Thành phần: là những hoạt động phát sinh ra tiếng ồn, độ rung.

(5) Các tác động khác

a. Giai đoạn xây dựng

Các tác động khác trong giai đoạn giải phóng mặt bằng, thi công xây dựng bao gồm:

- Dự án chiếm dụng đất trồng lúa 2 vụ, tác động đến kinh tế xã hội, an ninh lương thực, việc làm của người dân do chiếm dụng đất nông nghiệp, đất trồng lúa;

- Tác động do hoạt động của phương tiện vận chuyển trong quá trình thi công dự án;

- Hoạt động thi công các hạng mục công trình và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, phế thải ảnh hưởng tới đến hoạt động giao thông đường bộ, hoạt động sản xuất, kinh doanh của các tổ chức, cá nhân xung quanh khu vực Dự án và có nguy cơ xảy ra sự cố cháy nổ, sụt lún công trình, tai nạn lao động, tai nạn giao thông,...;

- Hoạt động tập trung đông công nhân có khả năng làm mất trật tự an ninh xã hội khu vực Dự án;

- Nước mưa chảy tràn chảy tràn kéo theo các tạp chất trên bề mặt công trường sẽ gây ra các tác động suy giảm chất lượng nước mặt.

b. Giai đoạn vận hành:

- Tác động đến kinh tế-xã hội.

- Tác động của việc xả nước thải đến chất lượng nguồn nước tiếp nhận.

- Tác động tới hoạt động giao thông khu vực dự án.

5.4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường

5.4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

(I) Thu gom và xử lý nước thải

a. Giai đoạn xây dựng

❖ Nước thải sinh hoạt:

Chủ đầu tư sẽ thuê 04 nhà vệ sinh di động bố trí . Kích thước phủ bì: Rộng × dài × cao = 1.120 × 2.640 × 2.600mm. Kích thước lọt lòng (mỗi phòng): 1.060 x 850 x 1.980m. Dung tích bồn nước sạch là 900 lít, dung tích hầm phân tự hoại khoảng 1.200 lít. Đại diện chủ dự án thực hiện ký hợp đồng với đơn vị có chức năng, thu gom, vận chuyển và xử lý bùn thải từ các nhà vệ sinh theo quy định, định kỳ 1 tuần/1 lần hoặc theo tình hình thực tế phát sinh.

❖ Nước thải thi công:

- Bố trí 02 khu vực rửa xe đặt tại cổng dự án công trường.

- Nước cấp cho quá trình tưới ẩm đường, dập bụi dần bay hơi theo thời gian nên không phát sinh ra nước thải.

- Nước thải thi công (bao gồm nước thải rửa xe nước thải vệ sinh dụng cụ) → mương đào hoặc ống bằng HDPE với đường kính D150 → 01 bể lắng 02 ngăn (kích thước: dài x rộng x cao = 2m x 2m x 1m) có lót vải địa kỹ thuật để loại bỏ cặn lắng → bẫy dầu để tách dầu mỡ ra khỏi nước thải. Giữa ngăn 1 và ngăn 2 có bố trí vải lọc dầu chuyên dụng để loại bỏ dầu mỡ trong nước → Nước thải sau xử lý đạt QCTĐHN 02:2014/BTNMT (cột B) được sử dụng để tái sử dụng rửa xe (không thải ra ngoài môi trường). Dầu mỡ phát sinh được lọc bằng tấm vải chuyên dụng. Định kỳ khoảng 02 tuần/lần sẽ thay thế loại vải này. Vải nhiễm dầu mỡ này được xử lý như chất thải nguy hại; định kỳ 1 tuần/lần thực hiện nạo vét hố ga, hệ thống thoát nước hoặc khi bùn cặn lắng từ hố lắng tại cầu rửa xe đầy. Bùn lắng sau khi được nạo vét sẽ thuê đơn vị có chức năng thu gom và vận chuyển đi đổ bỏ theo đúng quy định. Khi kết thúc hoạt động thi công, toàn bộ nước thải, bùn lắng được đại diện chủ dự án thực hiện ký hợp đồng với đơn vị có chức năng được cấp phép theo quy định đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

b. Giai đoạn vận hành

* Nước thải sinh hoạt

- Hệ thống thu gom nước thải của dự án: Là mạng lưới thoát nước riêng hoàn toàn. Xây dựng hệ thống thu gom nước thải và nước mưa riêng biệt.

+ Giai đoạn trước mắt: Toàn bộ nước thải sẽ được thu gom bằng cống tròn BTCT D300 về trạm xử lý nước thải tập trung với công suất 450m^3/ngày đêm bố trí ngầm tại

khu vực cây xanh CX-01. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B sẽ được bơm ra mương hiện trạng ký hiệu T2 phía Đông dự án. Tọa độ điểm xả nước thải *(hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°, múi chiếu 3°)*: X= 2311403.35; Y= 588373.33).

Công nghệ xử lý của trạm xử lý nước thải sinh hoạt cục bộ như sau:

Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí (T-02A, T-02B) → Bể hiếu khí (T-03A, T-03B) → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Mương hiện trạng hoàn trả ký hiệu T2. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B, hệ số K=1,0)

+ Giải pháp lâu dài (sau khi hệ thống thoát nước thải của thành phố và trạm xử lý nước thải Đại Áng công suất 42.000m^3/ngày đêm được xây dựng hoàn chỉnh); Trạm xử lý nước thải tập trung với công suất 450m^3/ngày đêm sẽ xem xét thành trạm bơm chuyển bậc về trạm xử lý nước thải Đại Áng công suất 42.000m^3/ngày đêm theo quy hoạch phân khu S5 được phê duyệt.

(2) Xử lý bụi, khí thải

a. Giai đoạn xây dựng

(1) Biện pháp giảm thiểu tác động từ hoạt động san nền

Đất bóc có khả năng tận dung được tập kết trong khu đất dự án (trước khi đổ đất sẽ được rải bạt để tiện cho công tác vệ sinh). Khu tập kết có xây bờ ngăn xung quanh và có bạt che phủ để ngăn sự phát tán của bụi ra môi trường không khí. Đất bóc không có khả năng tận dụng sẽ được nhà thầu thuê đơn vị môi trường vận chuyển đến bãi xử lý.

Quây hàng rào cao 2m bằng tôn để ngăn bụi phát tán từ công trường ra các khu dân cư lân cận.

Phun nước tưới ẩm vào những ngày nắng nóng, nhiều gió.

(2) Biện pháp giảm thiểu tác động của bụi và khí thải từ các phương tiện vận tải

- Không chuyên chở quá tải trọng quy định;

- Quy định tốc độ vận chuyển của các xe vận tải khi qua vực dân cư <40km/h;

- Che bạt phủ kín thùng sau của các phương tiện vận tải;

- Sử dụng máy bơm phun nước tưới ẩm khu vực công trường và tuyến đường trước cổng công trường vào những ngày hanh khô, tần suất 1÷2 lần/ngày;

- Bố trí lao động quét dọn vệ sinh khu vực thi công và trước cổng công trường sau mỗi ngày làm việc để giảm thiểu phát tán bụi và thu gom các vật chất rơi vãi. Tần suất vệ sinh 1÷2 lần/ngày.

(3) Biện pháp giảm thiểu tác động của bụi và khí thải từ các máy thi công

- Sử dụng các máy thi công có chất lượng tốt, tiết kiệm nhiên liệu và ít phát thải các khí thải độc hại.

- Vận hành thiết bị theo đúng công suất và hướng dẫn của nhà sản xuất;

- Thường xuyên bảo dưỡng các máy thi công để thiết bị hoạt động ở chế độ tốt nhất;

- Trang bị đầy đủ bảo hộ cần thiết cho người lao động vận hành thiết bị theo danh mục nghề.

b. Giai đoạn vận hành:

- Vệ sinh môi trường, quét đường, tưới nước thường xuyên tại các tuyến đường xung quanh Dự án.

- Đảm bảo diện tích cây xanh theo đúng quy hoạch.

- Thu gom chất thải sinh hoạt hàng ngày để làm giảm mùi phát sinh tại vị trí đặt các thùng chứa chất thải.

5.4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn

a. Giai đoạn xây dựng

** Công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải phát quang thực vật, phá dỡ công trình hiện trạng và phế thải xây dựng, đất bốc hữu cơ thải bỏ trong giai đoạn giải phóng mặt bằng, thi công xây dựng.*

- Đối với diện tích trồng lúa và hoa màu, sau khi chi trả tiền đền bù và hỗ trợ cho các hộ dân chịu ảnh hưởng, Chủ Dự án sẽ để cho các hộ dân tận thu nên gần như không có thải bỏ.

- Toàn bộ chất thải xây dựng và đất bóc thải bỏ sẽ được thu gom về khu tập kết phế thải xây dựng với diện tích 500m^2 bố trí tại phía Tây dự án. Đại diện chủ dự án ký hợp đồng với đơn vị có chức năng đến vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định. Dự kiến là Khu đất 6,5ha nút giao cao tốc Pháp Vân - Cầu Giẽ, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội quãng đường vận chuyển rác thải xây dựng khoảng 18km.

** Công trình, biện pháp thu gom, quản lý chất thải rắn sinh hoạt trong trong giai đoạn giải phóng mặt bằng, thi công xây dựng.*

Rác thải sinh hoạt của công nhân phát sinh tại công trường được thu gom, phân loại tại nguồn. Đại diện chủ dự án sử dụng container 10 feet làm kho chứa chất thải rắn sinh hoạt đặt gần lán trại, thu gom toàn bộ rác thải sinh hoạt về kho chứa chất thải rắn sinh hoạt, trong kho được bố trí 02 thùng chuyên dụng loại 120 lít để thu gom, phân loại rác thải sinh hoạt trên công trường và lán trại (rác vô cơ lưu chứa trong thùng màu vàng; rác hữu cơ màu xanh). Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định với tần suất 1 lần/ngày.

** Biện pháp xử lý bùn cặn từ từ các hố ga, hố thu lắng... trên công trường thi công sau khi dự án thi công xong*

- Đối với bùn cặn nạo vét từ hệ thống thoát nước mưa, bùn từ hố ga, nhà thầu bố trí công nhân nạo vét thường xuyên. Tần suất nạo vét hố ga 1-2 tuần/lần. Toàn bộ lượng

bùn cặn này sẽ được đại diện chủ dự án sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý theo đúng quy định. Đối với hệ thống thoát nước, hố ga, bể lắng tại công trình sau sử dụng (khi thi công xong) sẽ được hút bùn, trám lấp, hoàn trả mặt bằng đất trồng cây xanh.

b. Giai đoạn vận hành:

** Chất thải rắn sinh hoạt:*

- Yêu cầu các hộ dân thực hiện phân loại chất thải tại nguồn, vất rác đúng giờ, đúng nơi quy định, đóng phí vệ sinh môi trường đầy đủ. Rác thải sinh hoạt được đơn vị vệ sinh môi trường thu gom hàng ngày theo giờ cố định.

+ Yêu cầu các hộ dân thực hiện phân loại chất thải tại nguồn, đổ rác đúng giờ, đúng nơi quy định, đóng phí vệ sinh môi trường đầy đủ. Chất thải sinh hoạt được đơn vị vệ sinh môi trường thu gom hàng ngày theo giờ cố định.

+ Bố trí các thùng rác có dung tích tối thiểu là 100 lít nắp kín với khoảng cách 50-100m/thùng có nắp kín đặt dọc các tuyến đường nội bộ, khu công cộng. Hàng ngày, đơn vị vệ sinh môi trường sẽ thu gom, vận chuyển đến nơi xử lý theo quy định.

- Tại dự án bố trí 01 điểm tập kết rác chung, chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại dự án do UBND xã Thường Tín chịu trách nhiệm quản lý, thu gom đến nơi xử lý rác thải theo quy định của thành phố.

** Chất thải rắn thông thường*

+ Yêu cầu các hộ dân, trường mầm non, khu nhà ở xã hội khi phát sinh chất thải thông thường từ hoạt động cải tạo, sửa chữa nhà cửa, bùn từ bể tự hoại phải tự chịu trách nhiệm thu gom, phân loại, thuê đơn vị vận chuyển, xử lý chất thải rắn thông thường theo đúng quy định.

+ Thường xuyên nạo vét bùn thải tại hệ thống thu gom nước thải và nước mưa. Tần suất khoảng 03 tháng/lần đối với mùa mưa, 06 tháng/lần đối với mùa khô.

+ Bùn thải từ trạm xử lý nước thải cục bộ định kỳ được đơn vị quản lý vận hành thuê đơn vị có chức năng tới thu gom vận chuyển bùn từ bể chứa bùn đi xử lý theo đúng quy định.

5.4.3. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải nguy hại

a. Giai đoạn xây dựng:

Chủ đầu tư dự án sử dụng container 10 feet làm kho chứa chất thải nguy hại đặt gần lán trại và có trách nhiệm thu gom chất thải nguy hại về kho chứa chất thải nguy hại; trong kho bố trí 02 thùng chứa dung tích từ 120 lít để lưu chứa, bảo đảm lưu chứa an toàn, không tràn đổ, dán tên, mã chất thải nguy hại, gắn biển hiệu cảnh báo chất thải nguy hại theo TCVN 6707:2009. Thu gom, phân loại, ký hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý chất thải nguy hại theo quy định.

b. Giai đoạn vận hành:

- Yêu cầu các hộ gia đình trong Dự án phải có phương án thu gom, phân loại, lưu giữ và chuyển giao chất thải nguy hại đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Thu gom, phân loại với đơn vị có chức năng xử lý chất thải nguy hại theo quy định.

5.4.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

a. Giai đoạn xây dựng

Các biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn và độ rung trong giai đoạn giải phóng mặt bằng, thi công xây dựng bao gồm:

- Sử dụng máy móc, phương tiện thi công đạt tiêu chuẩn kỹ thuật; bố trí thời gian thi công hợp lý, không thi công vào các khung giờ nghỉ ngơi (buổi trưa từ 12h - 13h30, buổi tối từ 20h - 6h sáng hôm sau).

- Che chắn xung quanh khu vực công trường bằng tôn với chiều cao 2 m.

- Thường xuyên bảo dưỡng thiết bị máy móc; các phương tiện chuyên chở vật liệu san lấp, vật liệu thi công phải đạt các tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng kiểm Việt Nam.

- Dùng các kết cấu đàn hồi giảm rung; kiểm tra mức độ ồn trong khu vực thi công để bố trí lịch thi công cho phù hợp và đạt mức độ ồn cho phép.

- Đáp ứng các quy chuẩn: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

b. Giai đoạn vận hành:

- Khu vực đỗ xe bố trí thuận lợi cho xe ra vào để xe không phải tiến lùi nhiều, gây ồn cho khu vực dự án và các vùng lân cận.

- Trồng cây xanh trong khu vực dự án vừa có tác dụng giảm lượng bụi, vừa làm giảm tác động của tiếng ồn. Làm trong sạch môi trường sống, đảm bảo sự phát triển bền vững của con người và môi trường tự nhiên.

- Quy định thời gian hoạt động của khu công cộng.

- Quy định tốc độ lưu thông của các loại xe trong khuôn viên dự án

- Xây dựng các gờ chắn giảm tốc độ trên các tuyến đường nội bộ.

- Bố trí xây dựng khu nhà ở liền kề, nhà ở xã hội, khu công cộng theo đúng quy hoạch.

- Đáp ứng các quy chuẩn: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

5.4.6. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

a. Giai đoạn xây dựng:

Các biện pháp bảo vệ môi trường khác trong giai đoạn giải phóng mặt bằng, thi

công xây dựng bao gồm:

- Hệ thống thu gom nước mưa: Bố trí hệ thống rãnh hở kích thước 300 × 300mm tại những vị trí trũng thấp giúp nước mưa chảy tràn được thoát tốt hơn, tránh tình trạng ngập úng. Cuối mương rãnh thoát nước bố trí các hố lắng (có thể tích 1m^3) để lắng và loại bỏ đất, cát, chất thải vương vãi rồi thoát tự nhiên theo địa hình thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực. Thực hiện nạo vét hố ga 02 tuần/lần và thuê đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định

- An toàn lao động: Trang bị đầy đủ trang thiết bị bảo hộ cần thiết theo quy định; xây dựng và ban hành các nội quy về làm việc trên công trường; hệ thống biển báo theo quy định;...

- Phòng chống cháy nổ: Ban hành nội quy phòng cháy chữa cháy; trang bị các phương tiện chữa cháy: Bình bọt, bao cát, mặt nạ phòng độc,... Tuân thủ QCVN 06:2021/BXD - về an toàn cháy cho nhà và công trình.

- Sự cố sụt lún công trình thủy lợi: Thi công đúng thiết kế, phạm vi Dự án; kiểm tra mức rung của các máy móc thiết bị (xe tải, máy lu, đầm...) và đưa ra phương pháp giảm rung phù hợp; phối hợp với đơn vị quản lý các công trình thủy lợi để theo dõi sụt lún, rạn nứt các công trình, khi xảy ra sụt lún mà nguyên nhân được xác định là do hoạt động của Dự án thì tạm dừng thi công, có phương án khắc phục và đảm bảo điều kiện tiêu thoát nước khu vực, đồng thời báo cáo kịp thời về cơ quan có thẩm quyền, cơ quan vận hành khai thác công trình thủy lợi. Trường hợp xảy ra sự cố sụt lún, nứt, đổ các công trình của người dân, đại diện chủ dự án phối hợp với các bên liên quan tiến hành đánh giá mức độ thiệt hại, đền bù thỏa đáng cho người dân nếu thiệt hại gây ra được xác định là do hoạt động thi công của Dự án.

- Sự cố ngập lụt: Khi có biểu hiện ngập lụt (mưa lớn, nước dâng nhanh) nhanh chóng di dời thiết bị ra khỏi công trường, bố trí hệ thống máy bơm nước.

b. Giai đoạn vận hành:

- Đảm bảo an toàn giao thông: Lắp đặt các biển báo giao thông trên tất cả các đoạn đường nội bộ trong khu vực Dự án và tuyên truyền, phổ biến luật an toàn giao thông cho các hộ gia đình thuộc khu vực Dự án.

- An toàn về cháy, nổ: Toàn bộ hệ thống tủ điện đều được nối đất an toàn. Bố trí các trụ cứu hỏa, họng lấy nước chữa cháy đáp ứng theo tiêu chuẩn chữa cháy TCVN 6379-1998. Phương án phòng chống cháy, nổ phải được cơ quan có thẩm quyền thẩm định và cấp phép theo quy định.

- Sự cố ngập úng: Khơi thông cống rãnh hàng năm; thường xuyên vệ sinh bề mặt, làm tốt công tác vệ sinh môi trường khu vực Dự án; sử dụng máy bơm để bơm thoát nước ra điểm xả theo quy định khi có ngập lụt xảy ra.

- Phòng ngừa và ứng phó sự cố của hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt:

+ Sự cố rò rỉ, vỡ đường ống thu gom nước thải phát sinh từ Dự án về hệ thống xử lý nước thải: Thường xuyên kiểm tra đường ống dẫn nước thải, kiểm tra các vị trí đấu

nối; khi xảy ra sự cố phải thông báo với bộ phận quản lý, yêu cầu hạn chế các hoạt động phát sinh nước thải tại khu vực xảy ra sự cố để khắc phục.

* Hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn:

- Tuân thủ theo định hướng Quy hoạch đã được duyệt theo quyết định Số 2592/QĐ-UBND ngày 24/5/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Thường Tín về việc: Phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết một phần của ô quy hoạch C3-4 và C3-6 thuộc quy hoạch phân khu đô thị S5 tại xã Nhị Khê, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội (phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất) và hướng thoát chung của khu vực đã được phê duyệt theo Quy hoạch phân khu đô thị S5.

+ Giai đoạn trước mắt: Hệ thống thoát nước mưa phạm vi dự án được thiết kế bằng cống hộp BTCT khẩu độ D600-D800 rồi thoát về tuyến cống khẩu độ BxH= 1,5mx1,0m phía Nam của dự án rồi xả vào mương xây hở khẩu độ BxH=1x1m (mương hoàn trả của mương hiện trạng ký hiệu T2). Tọa độ điểm xả nước mưa *(hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°, múi chiếu 3°):* X= 2311178.53; Y= 588362.78).

+ Giai đoạn lâu dài (sau khi hệ thống thoát nước mưa được xây dựng hoàn thiện): Nước mưa sẽ được đấu nối theo quy hoạch phân khu S5 được phê duyệt.

5.4.7. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

a. Giai đoạn xây dựng:

- Biện pháp giảm thiểu sự cố tai nạn lao động:

+ Các thiết bị, máy móc phải được bảo dưỡng, kiểm tra định kỳ.

+ Tổ chức buổi tập huấn cho cán bộ, công nhân viên về an toàn lao động, nội quy lao động, vệ sinh môi trường, an toàn phòng cháy chữa cháy...

+ Lắp đặt các biển báo, khẩu hiệu trên công trường về đảm bảo an toàn lao động. Đặt các biển báo, biển chỉ dẫn (có đèn báo hiệu về ban đêm), cảnh báo công trường đang thi công, yêu cầu các phương tiện giảm tốc độ khi đi qua khu công trường. Cử người hướng dẫn các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu thi công... khi ra vào công trường.

+ Lắp đặt rào chắn, biển cảnh báo nguy hiểm tại những khu vực nhạy cảm, có khả năng rơi, ngã hoặc điện giật.

- Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ

+ Không được hút thuốc, đốt lửa hay hàn gần khu vực cấm lửa, khu vực có xăng dầu, thiết bị, máy móc, xưởng gia công cốp pha...

+ Chuẩn bị các dụng cụ, phương tiện chống cháy như bể cát, bể nước, bơm nước, vòi bơm nước, bình bột chữa cháy CO_2... để kịp thời chữa cháy khi có hoả hoạn xảy ra.

+ Phải thiết kế thiết bị tự động ngắt điện ở cầu dao tổng lưới điện nhằm ngắt điện kịp thời khi có sự cố.

+ Có bảng quy định về phòng và chữa cháy tại công trình.

+ Lực lượng phòng cháy chữa cháy được thành lập và đảm bảo khắc phục kịp thời khi sự cố xảy ra.

- Biện pháp phòng ngừa giảm thiểu tai nạn giao thông:

+ Yêu cầu toàn bộ lái xe chấp hành nghiêm túc luật an toàn giao thông; không uống rượu bia khi điều khiển phương tiện giao thông.

+ Không phóng nhanh vượt ẩu, không lạng lách.

+ Không chở quá tải vật liệu xây dựng, không vượt đèn đỏ.

b. Giai đoạn vận hành

- Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố dịch bệnh:

+ Đảm bảo nguồn cấp nước sạch cho khu dân cư.

+ Tuyên truyền các hộ dân tực hiện ăn chín uống xôi, thực hiện tốt chương trình vệ sinh an toàn thực phẩm tại các khu nhà ở, khu dịch vụ.

+ Khi phát hiện dịch bệnh sơ tán ngay những người chưa bị ảnh hưởng và cách ly khu vực bị ảnh hưởng với khu vực xung quanh. Đồng thời thông báo cho cơ quan chức năng tại địa phương để có phương án xử lý kịp thời.

+ Định kỳ tiến hành phun thuốc diệt muỗi, diệt côn trùng.

- Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ

+ Theo quy hoạch, khu đô thị bố trí trụ cứu hỏa để cấp nước chữa cháy cho toàn khu đô thị.

+ Mỗi hạng mục công trình trong khu dân cư, trường mầm non, đất công cộng đơn vị nhà ở sẽ được trang bị hệ thống PCCC riêng bao gồm: các thiết bị chữa cháy tức thời như bình bọt, bình CO_2,.. và hệ thống chữa cháy cố định như bể nước chữa cháy, trụ cấp nước chữa cháy, hệ thống đường dây dẫn, vòi phun…

+ Các hộ dân tự trang bị thiết bị phòng và chữa cháy tại hộ gia đình mình để phòng hỏa hoạn.

+ Đường nội bộ được thiết kế rộng, đảm bảo xe chữa cháy ra vào dễ dàng.

+ Thường xuyên kiểm tra, bảo trì các thiết bị điện nhằm tránh hiện tượng chấp cháy điện.

+ Lắp đặt hệ thống chống sét cho nhà và công trình theo đúng quy định.

+ Thành lập đội PCCC cho khu đô thị để thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc chấp hành các quy định về PCCC.

5.5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của dự án

a. Giai đoạn xây dựng

** Giám sát nước thải*

Sau khi kết thúc thi công sẽ tiến hành thuê đơn vị hút bùn tại bể lắng, sau đó xả lượng nước còn lại. Trước khi xả sẽ tiến hành giám sát nước thải thi công.

+ Vị trí giám sát: 01 vị trí nước thải từ hố lắng.

+ Tần suất: 01 lần khi tiến hành hoàn trả mặt bằng.

+ Các chỉ tiêu giám sát: Nhiệt độ, màu, pH, BOD_5 (20°C), COD, chất rắn lơ lửng, Chì, Kẽm, Sắt, tổng dầu mỡ khoáng, Amoni (tính theo N), Tổng Nitơ, Tổng Phốt pho

(tính theo P), Coliform.

+ Quy chuẩn so sánh: QCĐTHN 02:2014/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn thủ đô Hà Nội

** Giám sát không khí và tiếng ồn, độ rung*

- Vị trí giám sát:

+ 01 mẫu không khí xung quanh tại khu vực thực hiện dự án

+ 01 mẫu không khí xung quanh tại cổng ra vào dự án

- Thông số giám sát: Bụi, tiếng ồn, độ rung, CO, SO_2, NO_x

- Tần suất quan trắc: 6 tháng/lần

- Quy chuẩn so sánh: Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung

** Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:*

- Vị trí giám sát: Tại công trường thi công.

- Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan.

- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

b. Chương trình giám sát trong giai đoạn vận hành thử nghiệm

Dự án thuộc đối tượng phải cấp Giấy phép môi trường và vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Do vậy nội dung giám sát môi trường chi tiết thực hiện theo quy định tại Giấy phép môi trường do cơ quan có thẩm quyền cấp và thực hiện theo quy định tại Điều 21 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

c. Giai đoạn vận hành:

** Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại*

- Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan.

- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

** Giám sát khác*

- Giám sát thường xuyên hiện tượng sụt lún, hư hại các hạng mục công trình trong thời gian bảo hành công trình khoảng 12 tháng.

- Giám sát công tác phòng cháy, chữa cháy: Thực hiện thường xuyên, báo cáo định kỳ gửi cơ quan có thẩm quyền.

CHƯƠNG 1: THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN

1.1. Thông tin về dự án

1.1.1. Tên dự án

"Xây dựng hạ tầng kỹ thuật để đấu giá QSD đất khu đất Nhị Khê 6, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội".

Địa điểm thực hiện dự án hiện tại: xã Nhị Khê, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.

Địa điểm thực hiện dự án (sau sáp nhập): xã Thường Tín, thành phố Hà Nội

1.1.2. Tên chủ dự án

- Chủ dự án: Ủy ban nhân dân xã Thường Tín
- Đại diện Chủ dự án: Ban quản lý dự án đầu tư – hạ tầng xã Thường Tín
- Địa chỉ: xã Thường Tín, thành phố Hà Nội.
- Phương tiện liên hệ với chủ dự án: Điện thoại: 024 33765475
- Người đại diện pháp luật của công ty: Ông Lê Xuân Thọ;
- Chức vụ: Giám đốc
- Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2023-2026.

1.1.3. Vị trí địa lý

a) Vị trí địa lý thực hiện dự án

Dự án "Xây dựng hạ tầng kỹ thuật để đấu giá QSD đất khu đất Nhị Khê 6, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội" nằm trong địa giới hành chính của xã Nhị Khê, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội với diện tích khoảng 6,01ha (60.106,90m^2), ranh giới tiếp giáp của khu vực Dự án như sau:

+ Phía Bắc: giáp đất phát triển đô thị theo QHPK S5;

+ Phía Tây và Nam: giáp khu công viên cây xanh theo QHPK S5;

+ Phía Đông: giáp đất cây xanh đô thị theo QHPK S5.

Tọa độ các điểm khép góc khu đất thực hiện Dự án được thống kê trong Bảng sau:

Bảng 1. 1: Toạ độ khép góc khu vực dự án

Điểm mốc	Toạ độ mốc giới		Điểm mốc	Toạ độ mốc giới	
	X (m)	Y(m)		X (m)	Y(m)
M1	2311533.2069	588035.1816	M10	2311411.2859	588358.8925
M2	2311531.7183	588052.6181	M11	2311285.9700	588380.2464
M3	2311506.6398	588050.4771	M12	2311160.9533	588357.2056.
M4	2311495.2250	588059.5207	M13	2311162.3541	588353.4588
M5	2311446.5691	588166.1426	M14	2311176.4061	588347.9706
M6	2311364.9102	588228.7438	M15	2311314.8512	588083.4785

Điểm mốc	Toạ độ mốc giới		Điểm mốc	Toạ độ mốc giới	
	X (m)	Y(m)		X (m)	Y(m)
M7	2311359.0830	588242.0902	M16	2311358.9000	588038.5630
M8	2311397.3170	588348.9817	M17	2311420.4507	588025.5553
M9	2311410.2537	588355.4925			



Hình 1. 1: Ranh giới của dự án tham khảo trên Google Earth

1.1.4. Hiện trạng quản lý và sử dụng đất, mặt nước của dự án

a. Hiện trạng quản lý và sử dụng đất của dự án:

Theo Quyết định phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện Thường Tín số 34/QĐ-UBND ngày 05/01/2025 của UBND thành phố Hà Nội, quy mô dự án là khoảng 6,01ha, vị trí dự án nằm tại xã Nhị Khê, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.

Nguồn gốc đất nông nghiệp tại dự án: Theo văn bản số 56/BC-UBND ngày 05/6/2025 của UBND xã Nhị Khê về việc xác nhận diện tích đất trồng lúa 2 vụ tại dự án thì tổng diện tích đất thực hiện dự án là 6,01 ha, cụ thể:

Bảng 1. 2: Hiện trạng sử dụng đất khu vực dự án

STT	Loại đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Hiện trạng sử dụng đất	Ghi chú
1	Đất nông nghiệp	5,14	85,52	Trồng lúa nước 2 vụ	*Giao cho hộ dân*
2	Đất giao thông, thuỷ lợi	0,87	14,48	Đường giao thông, kênh mượng thủy lợi nội đồng	*UBND xã Nhị Khê quản lý*
	TỔNG	**6,01**	**100**		

* Đánh giá chung về hiện trạng sử dụng đất:

- Đất hiện trạng: Chủ yếu là đất nông nghiệp trồng lúa nước 2 vụ của 68 hộ dân.

- Nghề nghiệp của các hộ dân mất đất: Đa số đều làm nông nghiệp.

- Trong diện tích thu hồi đất không có đất ở của hộ dân nên dự án không phải tiến hành di dân và không thực hiện nội dung tái định cư.

- Đất giao thông, thuỷ lợi khoảng 0,87 ha:

+ Đất giao thông nội đồng và thuỷ lợi: Gồm đường đất nội đồng, kênh mương nằm trong khu vực thực hiện dự án, cụ thể như sau:

• Tuyến mương ký hiệu T1 B1000: Phục vụ tưới tiêu nước trong ranh giới thực hiện dự án có chiều dài khoảng 155m;

• Tuyến mương ký hiệu T2 B500: Phục vụ tưới tiêu nước cho cánh đồng nằm trong ranh giới khu vực thực hiện dự án có chiều dài khoảng 199m;

• 02 đoạn đường đất nội đồng phục vụ giao thông nội đồng bắt đầu từ phía Bắc dự án xuống tới phía Nam dự án với chiều dài mỗi đoạn khoảng 156m và chiều rộng mỗi đoạn khoảng 2m.

→ Toàn bộ đường đất và kênh mương trên sẽ được san lấp khi dự án thi công.



Hình 1. 2: Một số hình ảnh hiện trạng của dự án

❖ ***Hiện trạng công trình kiến trúc***

Khu vực thực hiện dự án không có công trình xây dựng hiện hữu trên đất chỉ có đất nông nghiệp trồng lúa.

❖ ***Hiện trạng các công trình hạ tầng kỹ thuật***

- Hiện trạng giao thông: Khu vực nghiên cứu chủ yếu là đường đất, đường bờ thửa phục vụ canh tác nông nghiệp.

- Hiện trạng hệ thống thoát nước mưa: Khu vực dự án chủ yếu là khu vực cánh đồng. Hệ thống thoát nước của khu vực chủ yếu là kênh mương nội đồng.

- Hiện trạng cấp nước: Tại khu vực lập quy hoạch chưa có hệ thống cấp nước sạch, do đây là khu vực canh tác.

- Hiện trạng thoát nước thải và vệ sinh môi trường: Trong khu vực quy hoạch không có dân cư sinh sống, toàn bộ diện tích đều là đất ruộng canh tác. Do vậy không có nước và rác thải dân sinh.

- Hiện trạng cấp điện, hạ tầng viễn thông:

+ Hệ thống điện hạ thế, lưới điện chiếu sáng công cộng chưa có.

+ Khu vực lập Quy hoạch chưa có hệ thống cáp quang và các điểm dịch vụ điện thoại, internet. Khu vực này đã được phủ sóng thông tin di động, sóng truyền hình và đài tiếng nói Việt Nam.

1.1.5. Khoảng cách từ dự án tới khu dân cư và khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường



Hình 1. 3: Mối tương quan giữa dự án và các đối tượng KT-XH xung quanh trên bản đồ vệ tinh

a. Khu dân cư

Khu dân cư thôn Văn Xá cách ranh giới phía Tây Bắc của Dự án khoảng 125m.

b. Các công trình văn hoá, tôn giáo

Chùa Văn Xá: cách ranh giới khu vực Dự án khoảng 520m về phía Tây Bắc;

c. Công trình an ninh – quốc phòng

Trong diện tích khu vực thực hiện dự án và bán kính 1 km (tính từ ranh giới thực hiện dự án) không có diện tích đất hoặc công trình an ninh – quốc phòng.

d. Rừng, vườn quốc gia

Khu vực thực hiện dự án không có rừng, không nằm trong khu dự trữ sinh quyển, vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, khu dự trữ thiên nhiên thế giới

e. Hệ thống giao thông

Dự án các đường Nhị Khê về phía Tây khoảng 136m; cách đường Quốc lộ 1A khoảng 500m về phía Đông.

f. Công trình giáo dục, y tế

- Trường tiểu học Nhị Khê, trường THPT Nguyễn Trãi: Cách ranh giới khu vực dự án khoảng 210 m về phía Bắc.

g. Trụ sở cơ quan và các công trình chính trị khác

- Uỷ ban nhân dân xã Nhị Khê trước đây: Cách ranh giới khu vực dự án khoảng 450 m về phía Tây Bắc.

1.1.6. Mục tiêu, loại hình, quy mô, công suất và công nghệ sản xuất của dự án

a. Mục tiêu

- Từng bước thực hiện quy hoạch chung huyện Thường Tín đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Tạo quỹ đất sách với hạ tầng kỹ thuật đầy đủ để đấu giá quyền sử dụng đất theo quy hoạch nhằm tạo nguồn thu cho ngân sách nhà nước.

b. Loại hình dự án

Loại hình dự án: Hạ tầng kỹ thuật.

Phân nhóm Dự án: Thuộc nhóm B.

Hình thức dự án: Đầu tư xây dựng mới.

c. Quy mô, công suất dự án và phạm vi dự án

Giải phóng mặt khu đất có diện tích khoảng 6,01ha; xây dựng hạ tầng kỹ thuật: san nền, kè, giao thông, cấp điện, chiếu sáng, di chuyển ngầm nổi (nếu có),…

(Theo Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 11/7/2023 của HĐND huyện Thường Tín về việc phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án

trên địa bàn huyện Thường Tín (phụ lục 32) và Quyết định 1056/QĐ-UBND ngày 17/3/2025 về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật để đấu giá quyền sử dụng đất khu Nhị Khê 6, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội).

** Quy mô về quy hoạch sử dụng đất:*

Bảng 1. 3: Bảng cơ cấu sử dụng đất

STT	Hạng mục	Diện tích (m^2)	Tỷ lệ (%)	Dân số (người)
	Diện tích trong ranh giới lập quy hoạch	**60.106,9**	**100,00**	**1.188**
1	***Đất ở***	***26.294,1***	***43,7***	*1.188*
1.1	Đất nhà ở liền kề	5.853,8	9,7	200
1.2	Đất nhà ở biệt thự	15.139,1	25,2	208
1.3	Đất nhà ở xã hội	5.301,2	8,8	780
2	***Đất trường mầm non***	***1.659,5***	***2,8***	
3	***Đất cây xanh***	***4.527,9***	***7,5***	
4	***Đất giao thông***	***27.625,4***	***46,0***	

Nguồn: Quyết định số 1056/QĐ-UBND ngày 17/3/2025

d. Công nghệ sản xuất của dự án

Dự án không thực hiện sản xuất nên không có công nghệ sản xuất.

1.1.7. Phạm vi

** Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư:*

Các hạng mục công trình dự án:

- San nền dự án với diện tích 6,01 ha với cao độ san nền cao nhất +5,25m, thấp nhất là +5,10m, độ dốc san nền trung bình i = 0,4%

- Hệ thống giao thông: Đầu tư xây dựng hoàn thiện các tuyến đường theo quy hoạch trong phạm vi ranh giới dự án. Bao gồm các tuyến đường và hệ thống đường dạo của dự án. Vận tốc thiết kế V_{tk}=40Km/h áp dụng 6 tuyến đường theo các hướng chính Tây sang Đông và Bắc xuống Nam.

+ Độ dốc lòng đường: Lòng đường dốc 2 mái sang hai bên với độ dốc ngang lòng đường là 2%, trong đường cong độ dốc lòng đường theo độ dốc siêu cao.

+ Độ dốc hè đường: Hè tất cả các tuyến đường được thiết kế với độ dốc 1,5% hướng dốc vào lòng đường.

+ Độ dốc tấm đan rãnh: Được thiết kế với độ dốc 10%

+ Chiều dài các tuyến đường lần lượt là 541,69m; 146,66m; 352,44m; 145,71m; 314,91m; 122,69m. Chiều rộng nền đường tuyến 1 đến tuyến 4 là B_n= 17,5m; các tuyến còn lại là B_n= 13,0m.

- Hệ thống cấp nước: Nguồn cấp nước cho dự án lấy từ mạng lưới cấp nước của Công ty nước sạch Hà Nội. Dự án được kết nối với tuyến ống truyền dẫn DN355 dọc đường Nhị Khê, cách khu đất của dự án khoảng 180m về phía Đông Bắc. Vị trí đặt đồng hồ tổng ở phía ngoài hàng rào ranh giới dự án và nằm sau điểm đấu nguồn cho dự án tại đường Nhị Khê.

- Hệ thống thoát nước mưa: Giai đoạn đầu thì nước mưa nội bộ của dự án được thu gom vào hệ thống cống BTCT khẩu độ D600-D800 rồi thoát về tuyến cống khẩu hộ BxH= 1,5x1m phía Nam dự án rồi xả vào mương hoàn trả T2 (tọa độ điểm xả X=2311178.53; Y=588362.78). Giai đoạn 2 khi hệ thống thoát nước theo quy hoạch phân khu S5 được phê duyệt đấu nối theo quy hoạch.

- Hoàn trả kênh mương thủy lợi:

+ Hoàn trả tuyến mương ký hiệu T1 bằng hệ thống cống BxH= 0,6x0,6m. Trrn hệ thống bố trí các vị trí ga thăm đảm bảo việc thực hiện duy tu kiểm tra công trình.

+ Hoàn trả tuyến mương ký hiệu T2 bằng hệ thống kề kết hợp mương xây hở khẩu hộ BxH=1,0x1,0m.

- Hệ thống thoát nước thải: Giai đoạn đầu nước thải của dự án sẽ được thu về trạm xử lý nước thải tập trung công suất 450m^3/ngày đêm. Nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường sẽ được bơm thoát ra mương hiện trạng ký hiệu T2 phía Đông dự án (tọa độ xả X=2311403.35; Y=588373.33). Giai đoạn 2 đấu nối vào cống thoát nước D300 phía Đông dự án để thoát về trạm xử lý nước thải Đại Áng theo quy hoạch phân khu S5 đã duyệt.

- Trạm xử lý nước thải tập trung công suất 450m^3/ngày đêm.

- Hệ thống cấp điện và chiếu sáng

- Hệ thống hào kỹ thuật: Kích thước hào kỹ thuật BxH=800x1000mm, trong hào gắn các giá đỡ ở hai bên thành hào phục vụ bố trí ống cáp nhựa xoắn HDPE sau này. Khoảng cách theo chiều đứng giữa các giá đỡ trong hào kỹ thuật bằng 300 mm, khoảng cách theo chiều ngang giữa các giá đỡ trong hào kỹ thuật bằng 300 mm và 200mm. Độ dài hữu dụng của giá đỡ bằng 300mm và 450mm, giá đỡ bằng thép L75x75x8mm được lắp ghép bằng vít thép và hàn liên tục.

Các hoạt động của dự án trong giai đoạn thi công:

- Hoạt động giải phóng mặt bằng;

- Hoạt động san nền với cao độ san nền cao nhất là +5,25m;

- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu thi công xây dựng dự án;

- Hoạt động của máy móc thiết bị thi công;

- Hoạt động sinh hoạt của công nhân tham gia thi công;

- Hoạt động xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật bao gồm: hệ thống thông nội bộ, hệ thống cấp nước; hệ thống thu gom, thoát nước mưa; hệ thống thu gom, thoát nước thải;

hệ thống nước cấp, hệ thống cấp điện, chiếu sáng,... ;

- Hoạt động xây dựng trạm xử lý nước thải;

Các hoạt động của dự án trong giai đoạn vận hành:

- Hoạt động vận chuyển của các phương tiện giao thông ra vào dự án.

- Hoạt động sinh hoạt của các hộ dân.

- Hoạt động trường mầm non.

- Hoạt động xử lý nước thải của dự án.

- Hoạt động thu gom, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, CTNH phát sinh từ dự án.

** Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư không thuộc phạm vi đánh giá tác động môi trường:*

+ Hoạt động xây dựng nhà ở liên kế, biệt thư, nhà ở xã hội.

+ Hoạt động xây dựng trường mầm non.

1.1.8. Yếu tố nhạy cảm về môi trường:

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa 2 vụ với diện tích khoảng 5,14ha *(Theo văn bản số 56/BC-UBND ngày 05/6/2025 của UBND xã Nhị Khê (nay là xã Thường Tín) về việc xác nhận diện tích đất trồng lúa 2 vụ tại dự án: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật để đấu giá QSD đất khu Nhị Khê 6, huyện Thường Tín),* là yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại điểm đ khoảng 4 Điều 25 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung tại khoảng 6 Điều 1 Nghị định 05/20025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

1.2.1. Hạng mục công trình chính

Xây dựng hạ tầng kỹ thuật để đấu giá QSD đất khu Nhị Khê 6, huyện Thường Tín trên diện tích khoảng 6,01 ha bao gồm các hạng mục: Giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng kỹ thuật: san nền, kè, giao thông, cấp điện, cấp nước, chiếu sáng, di chuyển ngầm nổi (nếu có)....

a. Giải phóng mặt bằng

Tổng diện tích đất thu hồi dự kiến để thực hiện Dự án là 6,01 ha, bao gồm:

- Đất nông nghiệp giao cho 68 hộ gia đình, cá nhân (đất nông nghiệp trồng lúa 02 vụ) khoảng 5,14 ha;

- Diện tích đất nông nghiệp công ích khoảng 0,87 ha là đất giao thông nội đồng và đất kênh mương nội đồng do UBND xã Nhị Khê quản lý.

Toàn bộ diện tích đất thu hồi ở trên là thu hồi vĩnh viễn, không có diện tích đất thu hồi tạm thời.

- Căn cứ để lập đơn giá GPMB:

+ Giá bồi thường, hỗ trợ về đất:

Thực hiện theo Khoản 1 Điều 20 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố Hà Nội ban hành quy định các nội dung thuộc thẩm quyền của UBND thành phố Hà Nội về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội.

+ Giá bồi thường về nhà, công trình xây dựng không hợp pháp:

Thực hiện theo quy định tại Điều 14 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố Hà Nội ban hành quy định các nội dung thuộc thẩm quyền của UBND thành phố Hà Nội về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Thực hiện Quyết định số: 05/2023/QĐ-UBND ngày 28/3/2023 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành giá xây dựng mới nhà ở, nhà tạm, vật kiến trúc làm cơ sở xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội.

+ Giá bồi thường cây cối, hoa màu:

Thực hiện theo Điều 18 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố Hà Nội ban hành quy định các nội dung thuộc thẩm quyền của UBND thành phố Hà Nội về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Thực hiện Thông báo số 7979/TB-STC ngày 30/12/2022 của Sở Tài chính thành phố Hà Nội về việc mức giá tối đa làm cơ sở tính bồi thường, hỗ trợ cho từng nhóm cây trồng, vật nuôi là thuỷ sản không di chuyển được khi Nhà nước thu hồi đất năm 2023.

+ Các khoản hỗ trợ:

Thực hiện theo Quyết định số: 10/2017/QĐ-UBND, ngày 29/3/2017 của UBND Thành phố Hà Nội về việc ban hành quy định các nội dung thuộc thẩm quyền của UBND thành phố Hà Nội do Luật đất đai và các Nghị định của Chính phủ giao cho về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

+ Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm:

Thự hiện theo Điều 20, 21 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP, Khoản 6 Điều 4 Nghị định 01/2017/NĐ-CP, Khoản 1 Điều 22 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND.

+ Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất:

Thực hiện theo điểm a khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai; Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP; Khoản 5 Điều 4 Nghị định 01/2017/NĐ-CP, Khoản 1 Điều 21 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND.

Hiện tại đang trong giai đoạn lập dự án nên chưa kế hoạch GPMB cụ thể, việc thu hồi, giải phóng mặt bằng chưa được tiến hành. Sau khi dự án được phê duyệt báo cáo ĐTM và phê duyệt dự án mới tiến hành công tác GPMB

** Phương án thực hiện giải phóng mặt bằng:*

Sau khi có kế hoạch sử dụng đất, chủ trương GPMB để thực hiện dự án, Nhà đầu tư sẽ kết hợp với Ban GPMT xã Thường Tín để thực hiện chi trả bồi thường, hỗ trợ GPMB.

UBND xã Thường Tín giao cho Ban GPMB và Ban quản lý dự án đầu tư – hạ tầng xã Thường Tín trực tiếp chịu trách nhiệm thống kê chi tiết hiện trạng sử dụng đất, kiểm kê chi tiết tài sản trên đất, thảo luận với các hộ dân để thống nhất phương án đền bù chi tiết cho từng hộ dân.

Trên cơ sở đất được giải phóng UBND xã Thường Tín sẽ ra Quyết định giao đất cho đơn vị có liên quan tiến hành các bước tiếp theo của dự án.

** Phương án tái định cư và chuyển đổi cơ cấu ngành nghề:*

Dự án tiến hành đền bù và giải phóng mặt bằng, thu hồi đất nông nghiệp của các hộ dân. Trong diện tích thu hồi đất không có đất ở của hộ dân nên dự án không phải tiến hành di dân và không thực hiện nội dung tái định cư.

** Chặt, thu dọn cây trồng trên đất*

Trên diện tích đền bù GPMB, hiện trạng sử dụng đất nông nghiệp với các cây trồng lúa 2 vụ là 5,14 ha.

Lượng sinh khối thực vật được tính theo công thức:

$$M = S \times k \quad (*)$$

Trong đó:

M: Khối lượng sinh khối thực vật, kg

S: Diện tích đất nông nghiệp

k: Hệ số sinh khối thực vật

Bảng 1. 4: Lượng sinh khối thực vật phát sinh

Loại sinh khối	Lượng sinh khối (kg/m^2)					
	Thân	Cành	Lá	Rễ	Cỏ dưới tán cây	Tổng
Trảng cỏ, lúa nước	0,065	0,054	0,050	0,03	0,001	0,2
Cây hoa màu			0,6	0,15		0,75
Cây trồng lâu năm	3,0	0,5	0,1	0,5	-	4,1

(Nguồn: Đề tài "Nghiên cứu cơ sở khoa học để tính toán năng lượng sinh khối thực vật tại Việt Nam" - Viện Khoa học nông nghiệp Việt Nam)

Thay vào công thức (*) tính toán được khối lượng sinh khối thực vật trên khu vực thực hiện dự án: M = 51.400 x 0,2 = 10.280 kg = 10,28 tấn. Vậy, khối lượng sinh khối thực vật cần thải bỏ là 10,28 tấn.

b. Phương án thi công xây dựng các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật của dự án.

❖ ***Hạng mục san nền:***

** Nguyên tắc thiết kế*

- Phạm vi san nền: San nền khu vực các lô đất đấu giá và các đường dạo giữa các lô. Cao độ các đường giao thông sẽ được khớp nối vào cao độ san nền, đảm bảo thoát nước tốt.

- Trước khi san nền tiến hành vét hữu cơ khu vực đất ruộng trung bình 30cm đắp tận dụng vào các ô cây xanh.

- Tuân thủ các quy hoạch được duyệt.

- San nền theo nguyên tắc đảm bảo thoát nước tự chảy được thuận lợi nhất và khối lượng đào đắp đất nhỏ nhất.

- Nền xây dựng các khu vực mới gắn kết với khu vực cũ, đảm bảo thoát nước mặt tốt, đảm bảo chiều cao nền phù hợp với không gian kiến trúc và cảnh quan toàn khu.

- Cao độ san nền được thiết kế trên cơ sở cao độ khống chế tại các điểm nút giao với tuyến đường quy hoạch của khu vực.

- Cao độ san nền được san bằng với cao độ mép hè. Độ dốc nền xây dựng trong các lô hướng dần về phía đường giao thông và hệ thống thoát nước.

- Thiết kế san nền đảm bảo thoát nước triệt để theo nguyên tắc tự chảy.

- Kết hợp hài hòa giữa khu vực mới và hiện trạng, tổ chức hài hòa giữa địa hình và thoát nước đảm bảo khu vực nghiên cứu thoát nước tốt, tránh ngập úng.

** Giải pháp san nền:*

- Hướng dốc san nền tuân thủ theo hồ sơ Quy hoạch đã được duyệt theo quyết định Số 2592/QĐ-UBND ngày 24/5/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Thường Tín về việc: Phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết một phần của ô quy hoạch C3-4 và C3-6 thuộc quy hoạch phân khu đô thị S5 tại xã Nhị Khê, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội (phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất) và hướng thoát chung của khu vực đã được phê duyệt theo Quy hoạch phân khu đô thị S5.

- Cao độ và độ dốc san nền: Cao độ thiết kế san nền phải phù hợp với thiết kế các vùng xung quanh và đường nối vào, đảm bảo tuần suất không ngập lụt là P=1%, phù hợp với quy hoạch chi tiết 1/500 đã được phê duyệt.

- Cao độ san nền phù hợp với khu dân cư hiện trạng và các quy hoạch được phê duyệt.

- Cao độ san nền cao nhất Hxd max=5,25m, thấp nhất Hxd min=5,10m, Độ dốc san nền trung bình 0,4%.

- Trước khi san lấp tiến hành đào hữu cơ dày 30cm đối với khu vực ruộng.

- Cao độ san nền hoàn thiện lấy theo phương pháp nội suy. San nền theo đường đồng mức thiết kế với độ chênh cao giữa 2 đường đồng mức □H=0,05m. San nền lô đất bằng cát đen đạt độ chặt K=0,90. Khối lượng tính toán san nền được thực hiện bằng phương pháp lưới ô vuông kích thước ô 10x10m.

-Vật liệu sử dụng để đắp nền thiết kế là cát đen. Yêu cầu vật liệu cát đắp san nền theo Tiêu chuẩn Việt Nam –TCVN –5474-1003).

- Yêu cầu về kỹ thuật đắp nền: Đắp cát thành từng lớp dày 20-30cm, tưới nước, lu lèn đạt K90 ở từng lớp rồi mới đắp tiếp các lớp sau cho đến khi đạt cao độ thiết kế.

- Tính toán khối lượng san nền theo phương pháp lưới ô vuông với kích thước ô lưới 10x10m. Công thức tính toán khối lượng như sau:

$$V=H_{tb} \times F$$

Trong đó:

V : Khối lượng ô lưới (m^3)

Htb: Cao độ thi công trung bình (m)

F : Diện tích ô lưới (m^2)

- Phần khối lượng đất đào chủ yếu là đất hữu cơ, đất bùn. Đất hữu cơ được tận dụng làm đất màu trồng cây xanh, khối lượng thừa sẽ được vận chuyển đổ đi.

- Sử dụng phần mềm ADS để tính toán khối lượng các ô đất..

Bảng 1. 5: Bảng tổng hợp khối lượng san nền

STT	Tên lô	Diện tích đào (m^2)	Diện tích đắp (m^2)	Khối lượng đào (m^3)	Khối lượng đắp (m^3)
1	Tổng san nền các lô	0.00	33,724.10	0.00	76,412.12
2	Diện tích vét hữu cơ dày 0,3m (phạm vi các lô san nền) (m^2)				32,917.10
3	Khối lượng vét hữu cơ (m^3)				9,875.13
4	Khối lượng đắp hoàn trả vét hữu cơ (m^3)				9,875.13
5	**Tổng khối lượng đào các lô san nền (m^3)**				**9,875.13**
6	**Tổng khối lượng đắp các lô san nền (m^3)**				**86,287.25**

(Nguồn: Tổng hợp khối lượng trong báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án)

- Tổng khối lượng đất đắp san nền của dự án khoảng 60.859,18 m^3.

- Khối lượng bóc lớp đất hữu cơ phần đất ruộng là 9,875.13 m^3 sẽ được tận dụng hết vào phần diện tích san nền các ô quy hoạch trồng cây xanh của dự án.

→ Vậy khối lượng đất san nền cần vận chuyển đến dự án khoảng: 86,287.25 m^3.

❖ **Thiết kế hệ thống giao thông**

Toàn bộ dự án gồm 06 tuyến đường theo các hướng chính Tây sang Đông và Bắc xuống Nam

Bảng 1. 6: Các thông số kỹ thuật chính của hệ thống giao thông

STT	Tiêu chuẩn	Đơn vị	Thông số
I	**Tốc độ thiết kế**	Km/h	40
II	Các thông số tuyến:		
1	Tầm nhìn dừng xe tối thiểu	m	40
2	Tầm nhìn ngược chiều tối thiểu	m	80
3	Bán kính cong bằng tối thiểu thông thường	m	75
II	**Các thông số mặt cắt ngang:**		
1	Chiều rộng một làn xe tối thiểu	m	3
2	Số làn xe tối thiểu		02
3	Chiều rộng hè đường tối thiểu	m	1.0
III	**Các thông số chiều đứng:**		
1	Độ dốc dọc tối đa	%	7
2	Bán kính đường cong lõm tối thiểu tiêu chuẩn	m	450
3	Bán kính đường cong lồi tối thiểu tiêu chuẩn	m	450
4	Chiều dài tối thiểu của đoạn dốc dọc	m	40
IV	**Kết cấu mặt đường:**		
1	Môdul đàn hồi yêu cầu tối thiểu	MPa	120

(Nguồn: Báo cáo nghiên cứu khả thi)

** Bình đồ tuyến:*

- Vị trí tuyến tuân thủ theo quy hoạch tổng mặt bằng đã được duyệt; Tim các tuyến đường được định vị tại các điểm đầu, cuối và điểm giao nhau giữa tim các tuyến đường, đỉnh đường cong.

- Toạ độ các điểm định vị tim đường được thể hiện trên bản vẽ bình đồ tổng thể đường giao thông.

** Mặt cắt ngang tuyến đường:*

+ Độ dốc lòng đường: Lòng đường dốc 2 mái sang hai bên với độ dốc ngang lòng đường là 2%, trong đường cong độ dốc lòng đường theo độ dốc siêu cao.

+ Độ dốc hè đường: Hè tất cả các tuyến đường được thiết kế với độ dốc 1,5% hướng dốc vào lòng đường.

+ Độ dốc tấm đan rãnh: Được thiết kế với độ dốc 10%.

- Cụ thể mặt cắt ngang chi tiết cho các tuyến đường như sau:

+ Tuyến 01 dài 541,69m, Chiều rộng nền đường B_n=17,5m trong đó chiều rộng mặt đường B_m=7,5m, chiều rộng hè đường B_h=2x5,0=10,0m. Cao độ thiết kế vỉa hè và nền tự nhiên có độ chênh cao lớn phía ranh giới dự án (bên phải tuyến) cần thiết kế kè đá hộc để đảm bảo ổn định cho nền đường, hè đường sát với khu vực san nền thiết kế bó hè xây gạch sát mép vỉa hè đảm bảo ổn định hè đường. Tuyến đường thiết kế với quy mô đường phân khu vực cấp nội bộ có mô đun đàn hồi yêu cầu Eyc = 120Mpa.

+ Tuyến 02 dài 146,66m, Chiều rộng nền đường B_n=17,5m trong đó chiều rộng mặt đường B_m=7,5m, chiều rộng hè đường B_h=2x5,0=10,0m. Hai bên vỉa hè là khu vực san nền của các lô nên thiết kế bó hè xây gạch sát mép vỉa hè đảm bảo ổn định hè đường. Tuyến đường thiết kế với quy mô đường phân khu vực cấp nội bộ có mô đun đàn hồi yêu cầu Eyc = 120Mpa.

+ Tuyến 03 dài 352,44m, Chiều rộng nền đường B_n=17,5m trong đó chiều rộng mặt đường B_m=7,5m, chiều rộng hè đường B_h=2x5,0=10,0m. Đoạn đầu tuyến cao độ thiết kế vỉa hè và nền tự nhiên có độ chênh cao lớn phía ranh giới dự án (bên trái tuyến) cần thiết kế kè đá hộc để đảm bảo ổn định cho nền đường, hè đường sát với khu vực san nền thiết kế bó hè xây gạch sát mép vỉa hè đảm bảo ổn định hè đường. Tuyến đường thiết kế với quy mô đường phân khu vực cấp nội bộ có mô đun đàn hồi yêu cầu Eyc = 120Mpa.

+ Tuyến 04 dài 145,71m, Chiều rộng nền đường B_n=17,5m trong đó chiều rộng mặt đường B_m=7,5m, chiều rộng hè đường B_h=2x5,0=10,0m. Cao độ thiết kế vỉa hè và nền tự nhiên có độ chênh cao lớn phía ranh giới dự án (bên trái tuyến) cần thiết kế kè đá hộc để đảm bảo ổn định cho nền đường, hè đường sát với khu vực san nền thiết kế bó hè xây gạch sát mép vỉa hè đảm bảo ổn định hè đường. Tuyến đường thiết kế với quy mô đường phân khu vực cấp nội bộ có mô đun đàn hồi yêu cầu Eyc = 120Mpa.

+ Tuyến 05 dài 314,91m, Chiều rộng nền đường B_n=13,0m trong đó chiều rộng mặt đường B_m=7,0m, chiều rộng hè đường B_h=2x3,0=6,0m. Hai bên vỉa hè là khu vực san nền của các lô nên thiết kế bó hè xây gạch sát mép vỉa hè đảm bảo ổn định hè đường. Tuyến đường thiết kế với quy mô đường phố nội bộ có mô đun đàn hồi yêu cầu Eyc = 120Mpa.

+ Tuyến 06 dài 122,69m, Chiều rộng nền đường B_n=13,0m trong đó chiều rộng mặt đường B_m=7,0m, chiều rộng hè đường B_h=2x3,0=6,0m. Hai bên vỉa hè là khu vực san nền của các lô nên thiết kế bó hè xây gạch sát mép vỉa hè đảm bảo ổn định hè đường. Tuyến đường thiết kế với quy mô đường phố nội bộ có mô đun đàn hồi yêu cầu Eyc = 120Mpa.

-Tải trọng thiết kế đường: Trục xe 10 T. Tốc độ thiết kế là 40 km/h;

-Loại kết cấu áo đường : áo đường mềm cấp cao A1 theo tiêu cơ sở TCCS 38 : 2022/TCĐBVN "Áo đường mềm – Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế";

** Trắc dọc tuyến:*

- Cao độ thiết kế đường đỏ được xác định trên cơ sở tuân thủ cao độ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 đã được phê duyệt đồng thời đảm bảo sự phù hợp với cao độ các công trình hiện trạng trong khu vực nghiên cứu.

- Đường đỏ trắc dọc các tuyến đường được thiết kế phải tuân thủ các chỉ tiêu kỹ thuật về: Độ dốc dọc tối đa, Chiều dài đổi dốc tối thiểu, Bán kính, chiều dài tối thiểu đường cong đứng...

** Kết cấu áo đường:*

- Mặt đường tính toán thiết kế theo tiêu cơ sở TCCS 38:2022/TCĐBVN "Áo đường mềm – Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế" với modul đàn hồi tối thiểu Eyc=120Mpa.

- Mặt đường phải thiết kế đảm bảo êm thuận bền vững dưới tác động của tải trọng xe và mọi điều kiện thời tiết. Kết cấu sử dụng phải tạo điều kiện có thể áp dụng các công nghệ tiên tiến, cơ giới hoá và đạt chất lượng cao trong thi công mặt đường.

- Lựa chọn phương án kết cấu mặt đường mềm. Kết cấu này có ưu điểm là mặt đường rất êm thuận tạo cảm giác dễ chịu cho người sử dụng phương tiện giao thông, rất phù hợp với tính chất phục vụ của đường đô thị và đặc biệt là đối với các khu nhà ở.

- Kết cấu áo đường từ trên xuống dưới như sau:

+ Mặt đường bê tông nhựa chặt 12,5 (BTNC 12,5) dày 5cm (Tưới lớp dính bám bằng nhựa, lượng nhựa 0,5kg/m2).

+ Mặt đường bê tông nhựa chặt 19 (BTNC 19) dày 7cm (Tưới lớp thấm bám bằng nhựa, lượng nhựa 1kg/m2).

+ Lớp móng cấp phối đá dăm loại 1 kích cỡ 0/25mm dày 15cm.

+ Lớp móng cấp phối đá dăm loại 2 kích cỡ 0/37.5mm dày 25cm (Rải 1 lớp vải địa kỹ thuật không dệt cường độ 12 KN/m).

+ Phần nền: 50cm bằng cát lu lèn đạt đầm K98.

** Nền đường:*

- Thiết kế đào bỏ lớp đất không thích hợp trước khi đắp nền với chiều dày 30cm đối với đoạn tuyến qua ruộng.

- Khi đắp trên sườn dốc có độ dốc >20% phải tiến hành đánh cấp với bề rộng đánh cấp tối thiểu 1m trước khi đắp.

- Vật liệu đắp nền đường bằng cát đen đầm chặt K95.

** Hè đường, rãnh đan, bó vỉa:*

- Hè đường, cây xanh: Thiết kế mẫu hè đường đô thị trên địa bàn thành phố Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 1303/QĐ-UBND ngày 21/3/2019 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành "Thiết kế mẫu hè đường đô thị trên địa bàn thành phố Hà Nội"

- Nguyên tắc thiết về cao độ hè đường đảm bảo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật lựa chọn, tuân thủ theo các quy định trong kết cấu mẫu định hình của thành phố Hà Nội ban hành.

- Cao độ mặt hè thiết kế tại vị trí đỉnh bó vỉa cao hơn mặt đường 13cm (vị trí hạ hè cao hơn 5cm), độ dốc ngang mặt hè 1.5%

- Thiết kế lát gạch giả đá dày 4,5cm. Diện tích lát vỉa hè S=12.819,04m2 (đã trừ bó vỉa, bồn cây, hố ga chiếm chỗ). Kết cấu hè đường: Hè đường lát gạch Terrazzo dày 3cm; Đệm vữa xi măng M10 (mác 100#) dày 2cm; Móng bê tông xi măng cấp B12,5 (mác 150#) đá 1x2 dày 8cm; 01 lớp giấy dầu; Nền hè lu lèn đạt độ đầm chặt K=0,90. Các

vị trí hạ hè cho người khuyết tật có tạo nhám làm dải dẫn hướng. Các vị trí lối hạ hè lên xuống bê tông xi măng mác 150# đá 1x2 dày 15cm.

- Lát rãnh ghé bằng các tấm bê tông vân đá KT (50x30x6)cm đối với đoạn thẳng và KT 25x30x6)cm đối với đoạn cong cấp B22.5 (mác 300#) đá 1x2 dày 6cm, vữa xi măng lót móng M10 (mác 100#) dày 2cm, bê tông lót móng bó vỉa cấp B12.5 (mác 150#) đá 1x2 dày 10cm. Diện tích rãnh ghé trên đoạn thẳng S=620,10m2, trên đoạn cong S=326,10m2. Để thu nước mặt đường vào các hố ga độ dốc ngang đan rãnh thay đổi có irãnh ghé = 10%.

- Block vỉa bằng các tấm bê tông vân đá đúc sẵn cấp B22.5 (mác 300#) đá 1x2 kích thước 260x230x1000 đối với đoạn thẳng, kích thước 260x230x250 đối với đoạn cong, vữa xi măng lót móng M10 (mác 100#) dày 2cm, bê tông lót móng bó vỉa cấp B12.5 (mác 150#) đá 1x2 dày 10cm. Chiều dài bó vỉa hè trên đoạn thẳng L= 2067,00m, trên đoạn cong L = 1087,00m.

- Cây xanh bóng mát trồng dọc theo các tuyến đường giao thông được lựa chọn các loại: giáng hương, sao đen (nằm trong danh mục các loại cây được thành phố cho phép) có đường kính thân (tại vị trí cách mặt đất 1.3m) ≥20cm với chiều cao và tán cây đảm bảo không ảnh hưởng đến tầm nhìn giao thông, chiều cao phát triển 6-8m. Thân cây thẳng phân cành cao, đáng cân đối không sâu bệnh. Khoảng cách từ gốc cây ra mép vỉa hè là 0,86m.

- Cây xanh được bố trí dọc trên hè trung bình 5-10m bố trí 01 ô. Đối với những tuyến đường mà hai bên là đất chia lô thì cự li bố trí ô trồng cây thay đổi cho phù hợp; ô trồng cây được bố trí ở ranh giới giữa hai lô đất liền kề nhau.

- Kết cấu móng bồn trồng cây bằng bê tông lót móng bó vỉa cấp B12.5 (mác 150#) đá 1x2 dày 10cm, bồn cây được làm bằng các tấm BTXM vân đá đúc sẵn KT: 10x15x65cm, kích thước bồn cây 1,40 x1,40m. Dưới đệm lớp đất màu trồng cây dầy trung bình 70cm. Có bố trí thanh chống bằng gỗ D10 đối với cây xanh bóng mát đảm bảo ổn định để cây phát triển. Số lượng bồn cây bố trí hai bên hè đường là n=206 bồn.

** Bó gáy hè:*

- Thiết kế bó gáy hè xây gạch không nung VXM M75# tại các mép hè vị trí san nền có H=0.24m, đáy bằng bê tông xi măng đệm M150# đá 1x2 dày 10cm.

** Tổ chức giao thông, cây xanh:*

- Vạch sơn: Thiết kế đầy đủ hệ thống vạch sơn theo Quy chuẩn Việt Nam QCVN 41:2024/BGTVT "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ và Tiêu chuẩn cơ sở về gờ giảm tốc, gồ giảm tốc trên đường bộ - yêu cầu thiết kế TCCS 34: 2020/TCĐBVN. Vạch sơn trên tuyến được dùng loại sơn vàng phản quang sơn trực tiếp lên mặt đường lớp BTN hoàn thiện đảm bảo kỹ thuật và có bề dầy theo quy định, cụ thể như sau:

+ Vạch số 1.1: Vạch đứt quãng màu trắng để phân chia giữa hai làn xe ngược chiều.

+ Vạch số 3.1A: Vạch màu trắng kẻ sát mép hè phía đường để phân chia giữa hè và làn đường xe chạy.

+ Vạch số 7.3: Vạch đi bộ qua đường.

+ Vạch sơn giảm tốc.

- Biển báo: Biển báo trên tuyến được sử dụng các loại biển báo chỉ dẫn và hiệu lệnh tuân theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ 41:2024/BGTVT và dán phản quang theo tiêu chuẩn về màng phản quang dùng cho biển báo hiệu đường bộ TCVN 7887:2018/TCDBVN.

❖ **Thiết kế đắp mái taluy và hoàn trả mương B500 ranh giới phía Đông dự án**

- Xung quanh ranh giới phía Đông dự án thiết kế thiết kế đắp mái taluy bằng đất có độ dốc mái taluy 1:1 đảm bảo mái taluy nằm sát ranh giới dự án. Phạm vi dự án lấn vào mương thủy lợi thiết kế kè kết hợp mương B500 sát ranh giới dự án. Tổng chiều dài đắp taluy L=45,00m, tổng chiều dài hoàn trả mương B500 L=210,00m. Vật liệu đắp được lấy từ phần đất đào móng kè.

- Kết cấu mương hoàn trả B500: Đệm móng mương bằng đá dăm dày 10cm đá 4x6, bê tông móng mương dày 15cm mác 150 đá 1x2, thân mương xây bằng gạch chỉ không nung vữa xi măng mác 75#, tường mũ mố mương bằng bê tông cốt thép cấp B20 (mác 250#) đá 1x2cm đổ tại chỗ, nắp tấm đan, thanh chống bằng bê tông cốt thép cấp B20 (mác 250#) đá 1x2cm. Đáy móng mương gia cố cọc tre dài L=1.5m đóng với mật độ 16cọc/m^2.

❖ **Thiết kế kè đá hộc**

- Ranh giới phía Bắc, phía Tây và phía Nam dự án đi qua khu vực trũng thấp để đảm bảo độ ổn định nền đường và tránh lấn ra ngoài phạm vi dự án cần thiết kế kè đá hộc bảo vệ nền đường. Tổng chiều dài kè thiết kế là L=977,50m được chia thành ba đoạn với đoạn 1 chiều dài 555m và đoạn 2 chiều dài là 17,50m (chiều cao kè đoạn 1 và 2 trung bình Htb =2,5m tính cả giằng đỉnh kè); đoạn 3 với chiều dài 405m (chiều cao kè đoạn 3 trung bình Htb =2,7m tính cả giằng đỉnh kè).

- Kết cấu: Móng, tường kè xây đá hộc vữa xi măng mác M100#, đệm móng kè bê tông mác M100# đá 4x6 dày 10cm, khe phòng lún kè 10m/khe bằng bao tải tẩm nhựa, ống thoát nước kè bằng ống nhựa PVC ϕ110 đặt cách nhau 10m/ống có bố trí tầng lọc ngược để thoát nước nền đường tại các vị trí ống nhựa bằng lớp vải địa kỹ thuật không dệt và đá dăm. Đáy móng tường kè gia cố cọc tre dài L=2,0m đóng với mật độ 20cọc/m^2, Giằng chống bằng bê tông cốt thép mác 250# đá 1x2cm.

❖ **Hệ thống cấp nước**

* *Nguồn nước:* Từ nhà máy nước sông Đà thông qua hệ thống đường ống cấp nước phân phối D150 theo quy hoạch phân khu đô thị S5.

* *Chỉ tiêu cấp nước:*

- Nước cấp cho khu vực quy hoạch bao gồm: Nước cung cấp cho nhu cầu sinh hoạt, các công trình công cộng, nước tưới cây, nước rửa đường, nước hao phí rò rỉ trong các đường ống, phụ tùng.

** Mạng lưới đường ống:*

- Mạng lưới đường ống thiết kế theo dạng mạch vòng kết hợp mạng nhánh đảm bảo lưu lượng cấp nước đến công trình và cấp nước khi có cháy xảy ra.

- Đường ống cấp nước phân phối D150, D110.

- Đường ống cấp nước dịch vụ DN50.

- Đường ống cấp nước được đi trong hào kỹ thuật với các tuyến đường có bề rộng vỉa hè 5m. Các tuyến có bề rộng hè <5m ống cấp nước đi ngầm dưới vỉa hè độ sâu chôn ống từ mặt hè hoàn thiện đến đỉnh ống ≥50cm với ống D50, ≥70cm với ống D≥110, các vị trí qua đường được luồn trong ống thép độ sâu chôn ống từ mặt đường hoàn thiện đến đỉnh ống thép ≥ 52cm (bề dày lớp kết cấu). (Chi tiết hào kỹ thuật xem hạng mục hào kỹ thuật).

- Bố trí trên các tuyến ống có đường kính ≥D110 các hố van đấu nối mạng lưới cấp 1 với tuyến ống phân phối đường kính <D110 bố trí các van ti ở điểm đầu nhánh phân phối vào các công trình.

** Mạng lưới cấp nước cứu hỏa:*

- Các họng cứu hỏa được đấu nối với đường ống cấp nước phân phối có đường kính ≥D110 và được bố trí gần ngã ba, ngã tư hoặc trục đường lớn.

- Trong giai đoạn lập dự án mạng lưới cấp nước PCCC chỉ mang tính định hướng và sẽ được cụ thể hóa chi tiết trong bước sau của dự án theo hồ sơ thẩm duyệt của cơ quan chuyên môn về PCCC.

** Thủy lực mạng lưới:*

- Các tuyến ống dịch vụ đến các hộ dùng nước được tính toán thuỷ lực theo phương pháp đương lượng. Đường ống được thiết kế đến chân công trình. Áp lực tự do tại 01 điểm đấu nối dự kiến P=2.5at. (tương đương 25.0m cột nước). Trường hợp áp lực tại điểm cấp vào mạng lưới < 2.5at, áp lực tự do tại các nút trong mạng lưới trong giờ có cháy < 10m, cần bổ sung bể chứa và trạm bơm tăng áp cho toàn bộ mạng lưới.

❖ ***Hào kỹ thuật:***

- Hệ thống bó ống cáp kỹ thuật (ống HDPE) được bố trí tại các vị trí qua đường, các ống này có khả năng chịu tải trọng khi nằm dưới lòng đường. Việc sử dụng ống HDPE đã được sử dụng rộng rãi ở nhiều công trình trên địa bàn Hà Nội và các tỉnh miền bắc. Do dưới lòng đường có tuyến cống nên việc thay đổi từ hào kỹ thuật sang bó ống cáp kỹ thuật qua đường là hợp lý, việc sử lý giao cắt với tuyến cống đơn giản hơn nhiều so với hào kỹ thuật.

- Kích thước tiết diện hào kỹ thuật được chọn đảm bảo bố trí đủ các tuyến hạ tầng kỹ thuật theo yêu cầu. Qua thống kê và thoả thuận với các đơn vị chủ quản các công trình

ngầm nổi (điện lực, thông tin, viễn thông....) trên đoạn tuyến và có tính dự phòng cho sự phát triển của các loại đường dây đường ống. Khoảng cách an toàn giữa các loại đường dây đường ống theo các chiều đứng và chiều ngang tuân thủ theo các yêu cầu tiêu chuẩn kỹ thuật với đường dây đường ống đi trong hào kỹ thuật.

- Kích thước hào kỹ thuật BxH=800x1000mm, trong hào gắn các giá đỡ ở hai bên thành hảo phục vụ bố trí ống cáp nhựa xoắn HDPE sau này.

- Các đường dây đường ống dự kiến được bố trí trong hào kỹ thuật gồm: Cáp điện, cấp nước;Cáp thông tin-viễn thông; Các tuyến hạ tầng dịch vụ và Cáp dự phòng.

- Khoảng cách theo chiều đứng giữa các giá đỡ trong hào kỹ thuật bằng 300 mm, khoảng cách theo chiều ngang giữa các giá đỡ trong hào kỹ thuật bằng 300 mm và 200mm.

- Độ dài hữu dụng của giá đỡ bằng 300mm và 450mm, giá đỡ bằng thép L75x75x8mm được lắp ghép bằng vít thép và hàn liên tục.

- Kết cấu hào kỹ thuật:

+ Tải trọng thiết kế: Hoạt tải HL93 áp dụng cho phần bó ống kỹ thuật dưới lòng đường. Tải trọng người đi bộ (300kg/m^2) áp dụng cho phần hào kỹ thuật dưới vỉa hè (dải kỹ thuật)

+ Vật liệu: Bê tông cốt thép M250, đá 1x2cm; Cốt thép kéo nguội theo tiêu chuẩn TCVN 1651:2008 "Thép cốt bê tông". BTXM M150 lót móng đá 1x2cm; Đá dăm đệm móng 4x6cm.

+ Đáy hào kỹ thuật có bố trí rãnh thoát nước, nước theo rãnh tới các vị trí ga hào có bố trí hố thu nước, sau đó sẽ được bơm ra ngoài theo hệ thống thoát mưa gần nhất.

- Ga hào kỹ thuật:

+ Ga hào kỹ thuật được thiết kế xây gạch chỉ vữa xi măng M75, giằng cổ ga bằng bê tông cốt thép Mác 250 đá 1x2cm, ga được thi công đổ tại chỗ để có thể điều chỉnh kích thước sau khi đã lắp đặt hệ thống hào kỹ thuật.

+ Đáy ga bằng bê tông cốt thép M250 đá 1x2 cm đổ tại chỗ. Tấm nắp đậy ga hào kỹ thuật bằng bê tông cốt thép M250 đá 1x2 đúc sẵn. Ga hào kỹ thuật được đặt trên lớp bê tông xi măng M150 lót móng đá 1x2cm (bề dày 10cm).

Bảng 1. 7: Bảng thống kê khối lượng hạng mục hào kỹ thuật của dự án

TT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
1	Chiều dài hào	m	1474,40
2	Chiều dài bó ống	m	1076,06
3	Hố ga loại 1	Hố	4
4	Hố ga loại 2	Hố	7
5	Hố ga loại 3	Hố	18
6	Hố ga loại 4	Hố	2

TT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
7	Hố ga loại 5	Hố	11
8	Hố ga loại 6	Hố	12
9	Hố ga loại 7	Hố	3
10	Hố ga loại 8	Hố	7
11	Cụm tiếp địa	Cụm	12

❖ **Hệ thống cấp điện**

** Chỉ tiêu cấp điện:*

- Đất liền kề, biệt thự: 1,25 Kw/người;

- Đất công cộng dịch vụ: 30Kw/m^2 sàn/ngày;

- Bãi đỗ xe, giao thông: 1W/m^2;

- Cây xanh: 0,5W/m^2.

** Giải pháp cấp điện:*

- Nguồn điện: Dự kiến khu vực nghiên cứu được lấy từ tuyến trung thế 22Kv theo quy hoạch phân khu S5.

** Lưới điện trung thế:*

- Để đảm bảo kỹ thuật và mỹ quan đô thị, hạ ngầm tuyến đường dây trung thế 22KV đi trong hệ thống hào kỹ thuật cấp đến các trạm biến áp.

+ Trạm biến áp

- Trạm biến áp 22/0,4kV: Để cấp điện cho nhu cầu phụ tải khu vực nghiên cứu cần đầu tư 02 trạm biến áp công suất 1x630kvA và 2x560kvA, cấp cho phụ tải điện sinh hoạt và thương mại dịch vụ.

+ Lưới điện hạ thế

- Lưới 0,4 KV cấp điện đến các khu dân cư được tổ chức theo hình tia. Sử dụng cáp lõi đồng bọc PVC đi ngầm trong hào cáp cấp điện từ trạm biến áp khu vực đến từng tủ điện phân phối đặt trên vỉa hè đường. Mỗi tủ điện phân phối cấp điện cho 6,9,12 hộ dân.

❖ **Hệ thống chiếu sáng**

- Hệ thống đèn chiếu sáng sử dụng cáp 0,6/1kV - Cu/XLPE/PVC với tiết diện 4x10mm^2

- Cáp cấp nguồn sử dụng cáp 0.6/1kV-Cu/XLPE/PVC 4x10mm^2 luồn trong ống nhựa xoắn HDPE 50/40 đi ngầm trong đất đến cấp nguồn cho cột chiếu sáng xây dựng mới được đặt trên lề đường.

- Phương án cấp nguồn:

+ Cáp cấp điện cho tủ điều khiển chiếu sáng sử dụng cáp 0.6/1kV-Cu/XLPE/PVC 4x25mm^2 luồn trong ống nhựa xoắn HDPE 50/40 chôn ngầm trong đất.

+ Cáp cấp điện cho các bộ đèn chiếu sáng sử dụng cáp 0.6/1kV-Cu/XLPE/PVC 4x10mm^2 luồn trong ống nhựa xoắn HDPE 50/40 chôn ngầm trong đất.

+ Dây lên đèn: Sử dụng dây Cu/PVC/PVC 3x1,5 mm^2.

- Nối đất an toàn:

+ Mỗi cột đèn được thực hiện nối đất an toàn bằng dây nối đất thép mạ kẽm tròn D10 hàn vào 01 cọc nối đất thép mạ kẽm L63x63x6 dài 2,5m chôn sâu cách mặt đất 0,7m.

+ Ngoài ra còn sử dụng dây đồng trần M10 nối liên hoàn các tiếp địa cột đèn với nhau. Dây nối đất liên hoàn này được đi trong ống cùng với cáp chiếu sáng.

+ Các chóa đèn cũng được nối đất an toàn bằng dây cấp nguồn Cu/PVC/PVC 3x1,5 từ bảng điện cửa cột (trong đó 02 sợi cấp nguồn, 01 sợi nối đất).

- Nối đất lặp lại:

+ Tủ điện chiếu sáng và tại một số vị trí cột đèn được thực hiện nối đất trung tính (nối đất lặp lại). Hệ thống nối đất lặp lại dùng 04 cọc nối đất thép mạ kẽm L63x63x6 dài 2,5m chôn sâu cách mặt đất 0,7m (mỗi cọc cách nhau 2,5m), được hàn liên kết với nhau và nối lên tủ điện hoặc cột đèn bằng dây đồng Cu/PVC 1x10mm^2.

+ Vị trí có các cột tiếp địa lặp lại trung bình 200÷250m một bộ, ưu tiên các vị trí rẽ nhánh và điểm cuối tuyến.

- Toàn bộ cáp cấp nguồn chiếu sáng là loại cáp 0.6/1kV-Cu/XLPE/PVC 4x25mm^2; 0.6/1kV-Cu/XLPE/PVC 4x10mm^2 luồn trong ống nhựa xoắn chịu lực HDPE ∅50/40 chôn ngầm trong đất.

1.2.2. Các hoạt động của dự án

- Giai đoạn xây dựng:

Trong giai đoạn xây dựng thì các hoạt động của dự án bao gồm:

+ Hoạt động giải phóng mặt bằng.

+ Hoạt động san nền.

+ Hoạt động xây dựng hạ tầng kỹ thuật (thi công xây dựng đường giao thông nội bộ, hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thoát nước thải, hệ thống cấp điện và chiếu sáng…).

- Giai đoạn vận hành

+ Hoạt động giao thông trong khu vực dự án.

+ Hoạt động sinh hoạt của các hộ dân của dự án.

+ Các hoạt động trường mầm non của dự án.

1.2.3. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường

a. Hệ thống thoát nước mưa

- Tuân thủ theo định hướng Quy hoạch đã được duyệt theo quyết định Số 2592/QĐ-UBND ngày 24/5/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Thường Tín về việc: Phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết một phần của ô quy hoạch C3-4 và C3-6 thuộc quy hoạch phân khu đô thị S5 tại xã Nhị Khê, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội (phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất) và hướng thoát chung của khu vực đã được phê duyệt theo Quy hoạch phân khu đô thị S5.

+ Giai đoạn trước mắt: Hệ thống thoát nước mưa phạm vi dự án được thiết kế bằng cống hộp BTCT khẩu độ D600-D800 rồi thoát về tuyến cống khẩu độ BxH= 1,5mx1,0m phía Nam của dự án rồi xả vào mương xây hở khẩu độ BxH=1x1m (mương hoàn trả của mương hiện trạng ký hiệu T2). Tọa độ điểm xả nước mưa *(hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°, múi chiếu 3°)*: X= 2311178.53; Y= 588362.78).

+ Giai đoạn lâu dài (sau khi hệ thống thoát nước mưa được xây dựng hoàn thiện): Nước mưa sẽ được đấu nối theo quy hoạch phân khu S5 được phê duyệt.

** Nguyên tắc thiết kế*

- Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế riêng, nước mưa trên tuyến đường được thu gom vào các tuyến cống dọc qua các ga thu trực tiếp rồi thoát vào mương hiện trạng. Cụ thể hướng thoát nước của tuyến đường như sau:

- Hướng thoát nước chính từ Bắc xuống Nam, từ Tây sang Đông, hệ thống cống thoát nước chính tuân thủ quy hoạch phân khu. Trong phạm vi dự án có tuyến thoát nước chính dọc tuyến 1 theo quy hoạch phân khu khẩu độ cống BxH=1,5x1,0m.

- Về cao độ thoát nước tuân thủ quy hoạch phân khu.

** Giải pháp đấu nối:*

- Căn cứ vào Hồ sơ quy hoạch đã phê duyệt dự kiến đấu nối thoát nước dự án vào mạng hiện trạng thông qua 1 điểm tại vị trí phía Đông Nam dự án. Cao độ điểm xả thoát nước mưa là +3.00 theo đúng quy hoạch phân khu. Cống có khẩu độ BxH=1,5x1,0m.

** Giải pháp thiết kế:*

- Hệ thống thoát nước mưa khu vực nghiên cứu được tính toán thiết kế là hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn giữa nước mưa và nước thải.

- Các tuyến cống được tính toán đảm bảo thoát nước triệt để không chỉ cho các lưu vực nằm trong khu vực nghiên cứu mà còn đảm bảo thoát nước cho các lưu vực nằm ngoài khu vực nghiên cứu được xác định theo quy hoạch.

- Trên mạng lưới thoát nước mưa bố trí các công trình kỹ thuật mạng lưới như: giếng thăm, giếng kiểm tra nhằm tiện việc kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng trong quá trình vận hành, quản lý. Khoảng cách các giếng này đặt theo yêu cầu quy phạm và thực tế trong khu vực. Việc bố trí các tuyến cống thoát nước được kết hợp chặt chẽ với các công trình ngầm khác trong khu vực nghiên cứu.

- Quy hoạch thoát nước mưa phải tuân thủ 100% tuyến đường phải có hệ thống

thoát nước mưa do đó các tuyến đường phân nhóm nhà ở thiết kế hệ thống thoát nước mưa D600-D800 đấu nới với hệ thống thoát nước chung. Nước mưa được thu thông qua hệ thống hố ga thu nước đặt dưới lòng đường, khoảng cách các hố thu, thăm theo quy chuẩn.

- Dọc theo các tuyến cống thoát nước cứ 30 – 40m lại bố trí một ga thu trực tiếp để thu nước mặt đường.

- Khoảng cách giữa các ga thăm sẽ bố trí tuỳ thuộc vào khẩu độ cống và vị trí của các ga thu nước mặt, khoảng cách trung bình từ 30 – 40m.

- Đường kính cống được tính theo theo phụ lục thoát nước mưa.

** Cấu tạo cống và ga thăm*

- Ga thăm bố trí trên các tuyến cống phụ thuộc vào đường kính cống dọc, vị trí các ga thu nước mặt và các điểm cống giao nhau.

- Cấu tạo ga thăm bằng BTCT M250#: thân ga bằng BTCT M250# đổ tại chỗ, tấm đan bằng BTCT M250# đúc sẵn, đáy hố ga bằng bê tông lót M100# dày 10cm.

- Nắp ga bằng gang tải trọng 400KN

- Cống tròn BTCT D= 400mm được chế tạo trong nhà máy bằng công nghệ rung lõi. Cống chịu tải trọng HL93 (cống dưới đường) và tải trọng người đi bộ (đặt trên vỉa hè), được chế tạo bằng công nghệ đúc rung lõi. Cống khớp nối với nhau theo phương phám xảm.

- Đế cống tròn đặt 3 đế/đốt cống.

- Cống hộp BTCT bằng BTCT M300#.

- Cốt thép áp dụng theo TCVN 1651-2018, mối nối cốt thép theo đúng quy phạm hiện hành.

- Cống tròn BTCT D=600 – 800mm, cống hộp BXH=1.5mx1.0m; được chế tạo trong nhà máy bằng công nghệ rung lõi đảm bảo theo TCVN 9113:2012.

- Cốt thép áp dụng theo TCVN 1651-2008, mối nối cốt thép theo đúng quy phạm hiện hành.

** Cấu tạo ga thu trực tiếp*

- Ga thu trực tiếp có bố trí song chắn rác loại ngăn mùi.

- Kết cấu ga thu: Đệm móng ga thu bằng đá dăm dày 10 cm, móng bằng bê tông xi măng mác 150# đá 1x2 dày 15cm đổ tại chỗ; Tường xây gạch vữa xi măng mác 75# dày 22cm, trát tường vữa xi măng mác 75# dày 1,5cm. Mũ mố ga thu bằng bê tông cốt thép mác 250# đá 1x2. Bố trí bộ song chắn rác bằng Composite kích thước (430x860)mm kết hợp ngăn mùi tải trọng 25 tấn.

Bảng 1. 8: Bảng thống kê khối lượng hạng mục thoát nước mưa của dự án

TT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
1	Cống dẫn D400	m	290
2	Hố thu trực tiếp	Hố	103
3	Hố ga loại 1	Hố	35
4	Hố ga loại 2	Hố	3
5	Hố ga loại 3	Hố	20
6	Hố ga loại 4	Hố	10
7	Cống tròn D600	m	935
8	Cống tròn D800	m	70,50
9	Cống hộp BxH=1,5x1,0m	m	546
10	Cống hộp BxH=1,0x1,0M (Hoàng trả mương hiện trạng ký hiệu T2)	m	292,50
11	Kè kết hợp mương B500 (hoàng trả mương hiện trạng ký hiệu T1)	m	210
12	Mương đại bản B500 (Hoàng trả mương hiện trạng ký hiệu T2)	m	12
13	Điểm xả nước mưa	Điểm	01

b. Hệ thống thoát nước thải

Xây dựng hệ thống thu gom, thoát nước mưa và hệ thống thu gom, xử lý nước thải được tách riêng, thiết kế đồng bộ, bố trí phù hợp với quy hoạch đã được duyệt và tuân theo quy định, quy chuẩn kỹ thuật về xây dựng, quy định, quy chuẩn kỹ thuật môi trường có liên quan theo quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP, Nghị định 05/2025/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT, 07/2025/TTBTNMT của Bộ Tài nguyên và môi trường.

- Hệ thống thu gom nước thải của dự án: Là mạng lưới thoát nước riêng hoàn toàn. Xây dựng hệ thống thu gom nước thải và nước mưa riêng biệt.

+ Giai đoạn trước mắt: Toàn bộ nước thải sẽ được thu gom bằng cống tròn BTCT D300 về trạm xử lý nước thải tập trung với công suất 450m^3/ngày đêm bố trí ngầm tại khu vực cây xanh. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B sẽ được bơm ra mương hiện trạng ký hiệu T2 phía Đông dự án. Tọa độ điểm xả nước thải *(hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°, múi chiếu 3°)*: X= 2311403.35; Y= 588373.33).

+ Giải pháp lâu dài (sau khi hệ thống thoát nước thải của thành phố và trạm xử lý nước thải Đại Áng công suất 42.000m^3/ngày đêm được xây dựng hoàn chỉnh); Trạm xử lý nước thải tập trung với công suất 450m^3/ngày đêm sẽ xem xét thành trạm bơm chuyển bậc về trạm xử lý nước thải Đại Áng công suất 42.000m^3/ngày đêm theo quy hoạch phân khu S5 được phê duyệt.

** Nguyên tắc thiết kế*

- Tuân thủ theo định hướng Quy hoạch đã được duyệt.

- Sử dụng hệ thống thoát nước riêng.

- Tận dụng tối đa địa hình trong quá trình vạch mạng lưới thoát nước đảm bảo thoát nước triệt để trên nguyên tắc tự chảy, tránh đào đắp nhiều, tránh đặt nhiều trạm bơm lãng phí.

- Mạng lưới thoát nước đặt thật hợp lý để tổng chiều dài của đoạn cống là ngắn nhất, đảm bảo tránh nước chảy vũng, tránh đặt cống sâu.

- Hạn chế tới mức tối thiểu cống chui qua sông, cầu phà, đường giao thông, đê đập và các công trình ngầm.

** Giải pháp thiết kế:*

- Hệ thống thoát nước thải là hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn giữa nước thải và nước mưa

- Nước thải từ các hộ gia đình, các công trình trong khu vực dự án được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại trước khi thoát vào các tuyến cống được xây dựng ở các tiểu khu sau đó đổ vào các tuyến chính.

- Mạng lưới đường ống thoát nước thải tuân thủ QHCT 1/500 đã phê duyệt.

- Nước thải của các công trình trong khu đất sau khi xử lý sơ bộ tại công trình sẽ được thoát vào các tuyến cống thoát nước thải riêng có kích thước D300 rồi thoát về phía trạm xử lý có công suất 450m^3/ngày đêm đặt ở khu đất cây xanh trung tâm dự án.

- Giai đoạn trước mắt nước thải tập chung chảy về trạm xử lý nước thải của khu quy hoạch sau khi đạt tiêu chuẩn chảy ra hệ thống thoát nước chung. Sau khi hệ thống thoát nước thải của Thành phố được xây dựng hoàn chỉnh theo quy hoạch, trạm xử lý nước thải sẽ được xem xét chuyển thành trạm bơm chuyển bậc để bơm về trạm xử lý nước thải Đại Áng công suất 42.000m^3/ngày đêm.

- Dọc theo các tuyến cống thoát nước thải bố trí các ga thăm tại các vị trí thay đổi tiết diện cống, chuyển hướng dòng chảy, tại các điểm xả nước thải từ các nhà chia. Khoảng cách giữa giữa 02 hố ga thăm liền kề tuân thủ theo TCVN 7957:2023.

** Kết cấu ga, cống, rãnh:*

- Ga thăm gồm 2 loại ga cống D300 xây gạch và ga cống D300 bê tông cốt thép:

+ Ga thăm cống D300 xây gạch: Lót đáy ga đá dăm, lót nilon chống mất nước, giằng cổ, tấm đan sử dụng BT M250 đã 1x2, đáy ga bê tông M250 đá 1x2cm, thành ga xây gạch không nung vữa xi măng M75 bên trong trát vữa xi măng M75 dày 1,5cm;

+ Ga thăm cống D300 đổ BTCT: Lót đáy ga đá dăm, lót nilon chống mất nước, giằng cổ, tấm đan sử dụng BT M250 đã 1x2, đáy ga bê tông M250 đá 1x2cm, thành ga đổ BTXM M250 đá 1x2 bên trong trát vữa xi măng M75 dày 1,5cm;

- Nắp ga thăm bằng composite tải trọng 125KN nắp tròn là sản phẩm công nghiệp.

- Đế cống bằng BTCT M200 đúc sẵn, dưới đệm đá dăm dày 10cm, trung bình đặt 3 cái/2,5m.

Bảng 1. 9: Bảng thống kê khối lượng hạng mục thoát nước thải của dự án

TT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
1	Cống tròn BTCT D300	m	1.481	
2	Đế cống 2,5m/3 đế	Đế	1.777	
3	Hố ga D300 xây gạch	Ga	44	H mặt ga – H đáy ga ≤ 2m
4	Hố ga D300 BTCT	Ga	15	H mặt ga – H đáy ga ≥2m
5	Trạm xử lý nước thải công suất 450m^3/ngày đêm	Trạm	01	
6	Điểm xả ra mương hiện trạng ký hiệu T2	Điểm	01	

c. Quản lý chất thải rắn

- Chất thải rắn sinh hoạt:

+ Chất thải rắn sinh hoạt được yêu cầu phân loại tại nguồn tại các khu nhà ở liên kế. Hàng ngày, chất thải rắn sinh hoạt được thu gom trực tiếp bằng xe đẩy tay, xe cơ giới theo giờ cố định hoặc thu gom vào các thùng rác kín dung tích tối thiệu 100 lít và không lớn hơn 700 lít. Số lượng, vị trí các thùng được tính toán theo bán kín phục vụ khoảng 100 m/thùng.

+ Ở các nơi công cộng như cây xanh, đường trục chính dự án sẽ đặt các thùng rác nhỏ có nắp kín với khoảng cách 50-100m/thùng.

+ Tần xuất thu gom: 1 lần/ngày.

+ Xã Nhị Khê (nay là xã Thường Tín) là đơn vị chịu trách nhiệm quản lý, thu gom trực tiếp chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại dự án đến nơi xử lý rác thải theo quy định của Thành phố thông qua hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và vận chuyển đi xử lý theo quy định.

- Chất thải nguy hại:

Yêu cầu các hộ dân trong dự án phải có phương án thu gom, phân loại, lưu giữ và chuyển giao chất thải nguy hại đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/02/2025 của Chính Phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và Thông tư 07/2025/TT-BTNBMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Thu gom, phân loại với đơn vị có chức năng xử lý chất thải nguy hại theo quy định.

1.2.4. Các công trình đảm bảo dòng chảy tối thiểu, bảo tồn đa dạng sinh học; công trình giảm thiểu tác động do sạt lở, sụt lún, bồi lắng, nhiễm mặn, nhiễm phèn

Dự án không có các công trình đảm bảo dòng chảy tối thiểu, bảo tồn đa dạng sinh

hoạt, công trình giảm thiểu tác động do sạt lở, sụt lún, xói lở, bồi lắng, nhiễm mặn nhiễm phèn do dự án thực hiện tại khu vực có địa hình bằng phẳng chủ yếu là đất canh tác nông nghiệp.

1.2.5. Các công trình giảm thiểu tiếng ồn

Dự án chỉ xây dựng hạ tầng khu đô thị nên không có công trình giảm thiểu tiếng ồn, độ rung và các công trình bảo vệ môi trường khác.

1.2.6. Đánh giá việc lựa chọn công nghệ, hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

Phạm vi báo cáo chỉ đánh giá tác động môi trường trong giai đoạn thi công các hạng mục: giải phóng mặt bằng, san nền. Dự án sau khi hoàn thành không gây ra các tác động xấu tới môi trường. Quy mô, kết cấu các hạng mục công trình đầu tư dự án đảm bảo các tiêu chuẩn và quy chuẩn hiện hành.

1.3. Nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất sử dụng của dự án; nguồn cung cấp điện, nước và các sản phẩm của dự án.

1.3.1. Khối lượng vật liệu trong giai đoạn xây dựng

a. Nhu cầu sử dụng nguyên, vật liệu xây dựng

* Khối lượng vật liệu san nền

- Đối với đất đào sẽ được tận dụng vào đắp nền lô đất cây xanh và tuyến đường giao thông nên khoảng 15.017,76 tấn, còn lại khối lượng đất hữu cơ sẽ đem thải bỏ. Tổng khối lượng cát cần mua để đắp là 168.462,36 tấn. Chi tiết khối lượng được thể hiện ở Bảng 1.10 và Bảng 1.11 sau:

Bảng 1. 10: Tổng hợp khối lượng đào

STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
1	Khối lượng đào đất hữu cơ dày 0,3m (phạm vi các lô đất san nền)	m^3	9.875,13
2	Khối lượng đào hào kỹ thuật	m^3	1.179,52
3	Khối lượng đào móng kè đá hộc	m^3	2.021,75
5	Khối lượng đào đất hữu cơ tại các tuyến đường giao thông	m^3	7.921,93
	Tổng cộng	**m^3**	**20.998,33**

- Khối lượng đào đất của dự án là 20.998,33 m^3, tương đương 29.397,66 tấn (tỷ trọng đất d=1,4 tấn/m^3) (1).

- Khối lượng đào đất của dự án được tận dụng khoảng 7.525,7 m^3 đất vào phần diện tích san nền tại các lô đất cây xanh (CX1, CX2 và CX3) và tận dụng 2.021,75 m^3 đất vào phần đắp tại các tuyến đường giao thông của dự án. Vậy, khối lượng đất thải bỏ khoảng: 20.998,33 - 7.525,7 - 2.021,75 - 1.179,52= 10.271,36 m^3 = 14.379,90 tấn (tỷ trọng đất d=1,4 tấn/m^3).

- Tổng khối lượng đất tận dụng lại khoảng 10.726,97 m^3, tương đương 15.017,76 tấn.

Bảng 1. 11: Tổng khối lượng đắp của dự án

STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
1	Khối lượng đắp hoàn trả vét hữu cơ	m^3	9.875,13
2	Khối lượng đắp đất vào diện tích cây xanh (tận dụng đất bóc hữu cơ)	m^3	7.525,7
3	Khối lượng đắp san nền tại các lô đất	m^3	76.412,12
4	Khối lượng đắp kè đá hộc	m^3	596
5	Khối lượng đắp tại các tuyến đường giao thông (bao gồm nền đường và hè) (tận dụng đất đào móng kè, hào)	m^3	48.689,35
	Tổng cộng	**m^3**	**143.098,30**

- Khối lượng đắp của dự án là: 143.098,30 m^3, tương đương 181.828,79 tấn (tỷ trọng đất 1,4 tấn/m^3 và tỷ trọng cát san nền 1,2 tấn/m^3) (2).

Tổng khối lượng đào đắp của dự án (1) + (2) khoảng 211.226,45 tấn

→Vậy khối lượng cát san nền cần vận chuyển đến dự án khoảng: 181.828,79 - 13.366,43 = 168.462,36 tấn.

** Nguồn cung vật liệu san nền:*

- Sử dụng cát đắp nền được mua từ các đơn vị cung cấp vật liệu đắp nền trên địa bàn thành phố Hà Nội trong vòng bán kính khoảng 25 km.

- Phương tiện vận chuyển nguyên liệu san nền: Nguyên vật liệu được vận chuyển đến dự án bằng xe tải có trọng tải trung bình khoảng 10 tấn.

** Nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu xây dựng hạ tầng kỹ thuật*

Dự án sẽ tiến hành xây dựng các hạng mục hạ tầng kỹ thuật của dự án và sẽ sử dụng các loại vật liệu chính như cát, đá, xi măng... Khối lượng vật liệu xây dựng như bảng sau:

Bảng 1. 12: Bảng tổng hợp khối lượng vật liệu xây dựng chính giai đoạn thi công

TT	Tên vật tư	Đơn vị	Khối lượng	Tỷ trọng	Khối lượng (tấn)
I	***San nền***				***202.154,83***
1	Cát	m	168.462,36	1,2 tấn/m	202.154,83
II	***Hạng mục giao thông, cây xanh***				***78.629,68***
1	Bê tông nhựa loại C <= 12,5	tấn	1.531,78	-	1.531,78
2	Cát mịn ML=0,7-1,4	m^3	202,36	1,38 tấn/m^3	279,26
3	Cát mịn ML=1,5-2,0	m^3	102,22	1,38 tấn/m^3	141,06

TT	Tên vật tư	Đơn vị	Khối lượng	Tỷ trọng	Khối lượng (tấn)
4	Cát nền	m^3	5.686,05	1,2 tấn/m^3	6.823,26
5	Cát vàng	m^3	908,71	1,45 tấn/m^3	1.317,63
6	Đá dăm	m^3	1.480,65	1,5 tấn/m^3	2.220,98
7	Dây thép	kg	90,76	-	0,09
8	Đá 1x2	m^3	45,01	1,6 tấn/m^3	72,02
9	Đá 2x4	m^3	105,93	2,703 tấn/m^3	286,33
10	Đá 4x6	m^3	10,5	2,72 tấn/m^3	28,56
11	Đá phối	m^3	98,12	1,55 tấn/m^3	152,09
12	Đinh	kg	100,36	-	0,10
13	Gạch không nung (6,5x10,5x22)cm	viên	50.562,45	1,3 tấn/viên	65.731,19
14	Que hàn	kg	72,14	-	0,07
15	Sơn dẻo nhiệt	kg	2.408,52	-	2,41
16	Sơn lót	kg	93,22	-	0,09
17	Thép hình	kg	305,08	-	0,31
18	Thép tấm	kg	576,04	-	0,58
19	Thép tròn	kg	262,34	-	0,26
20	Thép tròn D<=10mm	kg	702,21	-	0,70
21	Xi măng	kg	1.891,15	-	1,89
22	Xi măng PCB30	kg	39.036,44	-	39,04
III	***Hạng mục cấp nước***				***1.056,15***
1	Cát nền	m^3	150,26	1,2 tấn/m^3	180,31
2	Đá 1x2	m^3	15,46	1,6 tấn/m^3	24,74
3	Đá dăm	m^3	45,11	1,5 tấn/m^3	67,67
4	Nhựa dán	kg	0,9	-	0,00
5	Ống HDPE D150	m	787,4	950 kg/m	748,03
6	Ống HPDE D110	m	619,3	3,5 kg/m	2,17
7	Ống thép D150	cây	71	96,29 kg/cây	6,84
8	Ống thép D200	cây	99	126,06 kg/cây	12,48
9	Ống DN50	m	1085,5	2,92 kg/m	3,17
10	Xi măng M75	kg	10.751,28	-	10,75
IV	***Hạng mục thoát nước mưa, thoát nước thải***				***121.965,17***
1	Cát	m^3	201,31	1,2 tấn/m^3	241,57
2	Cát mịn ML=1,5-2,0	m^3	117,25	1,38 tấn/m^3	161,81

TT	Tên vật tư	Đơn vị	Khối lượng	Tỷ trọng	Khối lượng (tấn)
3	Cát vàng	m^3	98,02	1,45 tấn/m^3	142,13
4	Dây thép	kg	107,89	-	0,11
5	Đá 1x2	m^3	317,19	1,6 tấn/m^3	507,50
6	Đá cấp phối D<=4cm	m^3	212,09	1,55 tấn/m^3	328,74
7	Đá cấp phối D<=6cm	m^3	115,22	1,55 tấn/m^3	178,59
8	Gạch không nung (6,5x10,5x22)cm	viên	90.451,85	1,3 tấn/viên	117.587,41
9	Que hàn	kg	80,44	-	0,08
10	Thép hình	kg	451,76	-	0,45
11	Thép tấm	kg	722,97	-	0,72
12	Thép tròn	kg	5.356,54	-	5,36
13	Thép tròn D<=10mm	kg	4.978,68	-	4,98
14	Xi măng PCB30	kg	98.124,78	-	98,12
15	Cống tròn D800	m	70,5	0,65 tấn/m	45,83
16	Cống tròn D600	m	935	0,38 tấn/m	355,30
17	Cống tròn D400	m	290	0,63 tấn/m	182,70
18	Cống tròn D300	m	1481	0,144 tấn/m	213,26
19	Cống hộp BxH=1500x1000	m	546,00	2,35 tấn/m	1.283,10
20	Cống hộp BxH=1000x1000	m	292,5	2,145 tấn/m	627,41
V	***Hạng mục cấp điện, chiếu sáng***				***8.420,23***
1	Cát nền	m^3	425,89	1,2	511,07
2	Cát vàng	m^3	89,99	1,45	130,49
3	Đá 1x2	m^3	70,45	1,6	112,72
4	Ống nhựa HDPE	m	807,98	2,92	2,36
5	Ống thép đen bảo vệ cáp ngầm	m	55,5	0,001	0,06
6	Que hàn	kg	0,79	0,001	0,00
7	Sơn xịt	kg	0,87	0,001	0,00
8	Xi măng PCB30	kg	8.945,25	0,001	8,95
9	Gạch chỉ	kg	4.784,12	1,6	7.654,59
10	Cát nền	kg	425,89	1,2	511,07
11	Cát vàng	kg	89,99	1,45	130,49
12	Đá 1x2	viên	70,45	1,6	112,72
Tổng cộng (I+II+III+IV+V)					**412.226,06**

Ghi chú: (*): Trọng lượng riêng được quy định trong Quyết định số 1329/QĐ-BXD ngày 19/12/2016 của Bộ Xây dựng về việc công bố định mức sử dụng vật liệu.

Nguồn cung cấp vật liệu xây dựng:

- Nguyên vật liệu xây dựng phục vụ cho dự án chủ yếu được cung cấp từ các đơn vị trên địa bàn thành phố Hà Nội và các xã lân cận với khoảng cách cự ly vận chuyển trung bình khoảng 25km.

- Phương tiện vận chuyển xây dựng công trình tạm trong quá trình thi công: Nguyên vật liệu được vận chuyển đến dự án bằng xe tải có trọng tải trung bình khoảng 10 tấn.

** Phương án tập kết, vận chuyển chất thải xây dựng:*

- Đối với đất đào khoảng 29.397,66 tấn sẽ tận dụng lại khoảng 15.017,76 tấn. Còn lại, thải bỏ khoảng 14.379,90 tấn.

- Dự án sẽ bố trí 01 khu bãi thải tập kết phế thải xây dựng (đất đá, bùn thải, gạch, sắt, chất thải trong quá trình phát quang...) với diện tích khoảng 500m^2, dự kiến đặt tại gần cổng công trường để thuận tiện cho phương tiện vận chuyển đồng thời đảm bảo mỹ quan thuận tiện cho hoạt động thi công san nền dự án. Đồng thời nhà thầu thi công chịu trách nhiệm ký hợp đồng thuê đơn vị chức năng về vệ sinh môi trường thu gom, vận chuyển phế thải đi đổ thải ở các bãi thải tập trung theo đúng quy định, dự kiến là Khu đất 6,5ha nút giao cao tốc Pháp Vân - Cầu Giẽ, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Quãng đường vận chuyển chất thải xây dựng khoảng 18km.

Theo dự kiến, thời gian thi công các hạng mục của dự án khoảng 14 tháng, bao gồm: (i) thời gian giải phóng mặt bằng và san nền (05 tháng); (ii) còn lại là thời gian thi công xây dựng hạng mục hạ tầng kỹ thuật (09 tháng).

Để có thể so sánh với QCVN 05:2023/BTNMT, số lượt xe chạy trong giai đoạn thi công xây dựng sẽ được quy đổi về số lượt xe chạy trung bình trong 1 giờ.

Bảng 1. 13: Ước tính số lượt xe vận chuyển vật liệu và đất đào đắp ra/vào công trường dự án

STT	Nội dung	Khối lượng NVL (tấn)	Thời gian vận chuyển (ngày)	Loại xe (tấn)	Số chuyến/ ngày	Số chuyến/h
1	Đổ thải	14.379,90	150	10	8	1
2	Vận chuyển vật liệu xây dựng trong giai đoạn thi công	412.226,06	360	10	95	12

Ghi chú: Thời gian làm việc mỗi tháng là 30 ngày; thời gian làm việc mỗi ngày là: 8 giờ/ngày

1.3.2. Danh mục máy móc và thiết bị

Bảng 1. 14: Bảng tổng hợp danh mục máy móc, thiết bị sử dụng trong giai đoạn xây dựng

TT	Thiết bị phương tiện	Nguyên liệu sử dụng	Ca làm việc	Đơn vị	Định mức tiêu hao 1 ca
1	Cần cẩu bánh hơi 6T	diezel	240	Lít	25
2	Cần trục ô tô 3T	diezel	250	Lít	25
3	Máy cắt uốn cốt thép 5kW	điện	240	Kwh	9
4	Máy đào một gầu, bánh 0,40 m^3	diezel	280	Lít	43
5	Máy đào một gầu, bánh xích 0,80 m^3	diezel	280	Lít	65
6	Máy đào một gầu, bánh xích 1,25 m^3	diezel	280	Lít	83
7	Máy đầm bê tông, dầm dùi 1,5 kW	điện	150	Kwh	7
8	Máy đầm bê tông, đầm bàn 1,0 kW	điện	150	Kwh	5
9	Máy gia nhiệt D315mm	điện	200	Kwh	6
10	Máy hàn xoay chiều 14 kW - 15 kW	điện	200	Kwh	48
11	Máy lu bánh hơi tự hành 16T	diezel	270	Lít	38
12	Máy lu bánh hơi tự hành 25T	diezel	270	Lít	55
13	Máy lu bánh thép tự hành 10T	diezel	270	Lít	26
14	Máy lu bánh thép tự hành 16 T	diezel	270	Lít	37
15	Máy lu bánh thép tự hành 8,5 T - 9T	diezel	270	Lít	24
16	Máy lu rung tự 25T	diezel	270	Lít	67
17	Máy nén khí, động cơ diezel - năng suất: 600,00 m^3/h	diezel	180	Lít	47
18	Máy phun nhựa đường - 190 CV	diezel	150	Lít	57
19	Máy rải cấp phối đá dăm: 50 m^3/h - 60 m^3/h	diezel	180	Lít	30
20	Máy rải hỗn hợp bê tông nhựa: 130 CV đến 140 CV	diezel	180	Lít	63
21	Máy san tự hành 110 CV	diezel	230	Lít	39
22	Máy trộn bê tông - 250,0 lít	điện	165	Kwh	11
23	Máy trộn vữa - 150,0 lít	điện	170	Kwh	8
24	Máy ủi - 110,0 CV	diezel	280	Lít	46
25	Máy vận thăng - sức nâng: 0,8 T	diezel	290	Lít	21
26	Ô tô tự đổ - trọng tải : 10 T	diezel	280	Lít	65
27	Ô tô tự đổ - trọng tải : 7,0 T	diezel	260	Lít	46
28	Ô tô tưới (xe 5 m^3)	diezel	260	Lít	23
29	Xe nâng	diezel	280	Lít	25

➔ *Một ca sử dụng điện là: 94kwh và dầu diezel là 950 lít.*

Nguồn cung cấp dầu diezel: Được mua từ các cây xăng dầu trên địa bàn huyện Thường Tín

Dự án sẽ bố trí 01 bãi tập kết phương tiện thi công với diện tích khoảng 100m^2, dự kiến tại cổng ra/vào của công trường dự án để thuận tiện cho phương tiện di chuyển ra/vào đồng thời tiện cho việc vệ sinh phương tiện.

1.3.3. Nguồn cấp điện, nước trong giai đoạn thi công

a) Giai đoạn thi công

(1) Nguồn cấp điện: Nhà thầu thi công sẽ thỏa thuận đấu nối với Tổng công ty Điện lực thành phố Hà Nội về việc cung cấp nguồn điện sử dụng tại công trường trong giai đoạn xây dựng. Dự kiến sẽ lấy từ đường dây 22KV chạy qua khu vực. Nhu cầu sử dụng điện phục vụ chiếu sáng và vận hành một số máy móc tại dự án là khoảng 94Kw/ca.

(2) Nhu cầu sử dụng nước: Hiện tại, dự án chưa đi vào thi công xây dựng nên chưa có cụ thể các thông tin về nguồn cấp nước trong giai đoạn thi công dự án. Nhưng Chủ đầu tư cam kết khi đi vào thi công xây dựng thì sẽ thuê đơn vị nhà thầu chịu trách nhiệm có văn bản thoả thuận đấu nối cấp nước và nguồn nước dự kiến sẽ được lấy tại nguồn nước sạch của khu vực.

- Trong giai đoạn xây dựng tại thời điểm nhiều nhất có khoảng 100 người. Căn cứ vào quy chuẩn QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng, lượng cấp nước sinh hoạt cho công nhân là 45 lít/người/ngày, thì quy chuẩn cấp nước đối với công nhân làm việc trên công trường chủ yếu là rửa tay chân, vệ sinh không có dịch vụ ăn uống ngủ nghỉ tại công trường.

Dự báo lượng nước cấp cho sinh hoạt của công nhân trong giai đoạn thi công xây dựng sẽ là: [100 (người) x 45(lít/người/ngày)] = 4.500(lít/ngày) = 4,5 (m^3/ngày)

- Nước cấp cho thi công xây dựng: Các hoạt động cần sử dụng nước phục vụ xây dựng cho Dự án bao gồm:

+ Tổng số lượt xe chạy trong giai đoạn thi công xây dựng (Bảng 1.13) là 103 chuyến/ngày. Lượng nước chủ yếu sử dụng xịt rửa xe ra vào công trường tại dự án. Vận dụng QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng thì lượng nước cấp cho hoạt động rửa xe khoảng 300 lít/xe. Do đó nhu cầu sử dụng nước cho hoạt động rửa xe tại dự án là:103 x 300/1000 = 30,9 m^3/ngày.

+ Nước cấp cấp cho hoạt động vệ sinh dụng cụ lao động, máy móc: Giả sử 1 ngày vệ sinh dụng cụ lao động 2 lần/ngày làm việc, mỗi lần vệ sinh 20 phút. Lưu lượng nước lớn nhất tính toán trong 1 giây để vệ sinh dụng cụ, máy móc là 0,5 lít/giây, theo TCVN 4513:1988 - Cấp nước bên trong – tiêu chuẩn thiết kế. Vậy lượng nước sử dụng cho quá trình vệ sinh dụng cụ, máy móc khoảng 1,2 m^3/ngày

+ Nước cấp cho quá trình tưới ẩm dập bụi khoảng 5m^3/ngày cụ thể:

Tần suất tưới: Trung bình 2 lần/ngày vào ngày nắng nóng trên tuyến đường quy hoạch xung quanh dự án.

Số lượng xe tưới nước: 1 xe, bồn chứa 5m^3

Nước cấp rửa đường: tiêu chuẩn cấp nước: 0,5 lít/s (QCVN 01:2021/BXD).

Chi tiết quy mô, khối lượng hạng mục cấp nước được trình bày ở bảng sau:

Bảng 1. 15: Nhu cầu sử dụng nước trong giai đoạn thi công

STT	Hoạt động	Quy mô	Tiêu chuẩn	Lưu lượng (m^3/ngày)
1	Sinh hoạt của công nhân	100 người	45 lít/người/ngày	4,5
2	Cấp nước rửa xe	103 lượt xe/ngày	300 lít/xe	30,9
3	Cấp nước vệ sinh dụng cụ lao động	2 lần/ngày × 20 phút/lần/ngày	0,5 lít/giây	1,2
4	Tưới ẩm, dập bụi	-	-	5
Cộng				**41,60**

Vậy tổng cấp nước cho giai đoạn thi công dự án là 41,60 m^3/ngày.đêm (trong đó nước thải thi công khoảng 37,10 m^3/ngày đêm và nước thải sinh hoạt của công nhân là 4,5 m^3/ngày đêm).

b) Nhu cầu sử dụng điện, nước trong giai đoạn vận hành

* *Nhu cầu cấp điện:*

Tổng nhu cầu dùng điện cho toàn dự án dự kiến khoảng: 1.468,2 kVA. Cụ thể như sau:

Bảng 1. 16: Bảng thống kê nhu cầu cấp điện trong giai đoạn vận hành của dự án

TT	Chức năng sử dụng đất	Kí hiệu ô đất	Quy mô tính toán		Chỉ tiêu		Công suất đặt Ptt (KW)	Hệ số đồng thời Kđt	Hệ số CosØ	Hệ số dp phát triển Kdp	Nhu cầu Stt (KVA)
			Khối lượng	ĐVT	Khối lượng	ĐVT					
I	**Đất ở mới**										
1.1	*Đất ở thấp tầng*	*LK-BT*									
	Đất nhà ở liền kề	LK									
		LK-01	28	*người*	*1,25*	*Kw/người*	*35,00*	*0,70*	*0,85*	*1,2*	34,6
		LK-02	40	*người*	*1,25*	*Kw/người*	*50,00*	*0,70*	*0,85*	*1,2*	49,4
		LK-03	68	*người*	*1,25*	*Kw/người*	*85,00*	*0,70*	*0,85*	*1,2*	84,0
		LK-04	64	*người*	*1,25*	*Kw/người*	*80,00*	*0,70*	*0,85*	*1,2*	79,1
C	*Đất nhà ở biệt thự*	*BT*									
		BT-01	16	*người*	*1,25*	*Kw/người*	*20,00*	*0,70*	*0,85*	*1,2*	19,8

TT	Chức năng sử dụng đất	Kí hiệu ô đất	Quy mô tính toán		Chỉ tiêu		Công suất đặt Ptt (KW)	Hệ số đồng thời Kđt	Hệ số CosØ	Hệ số dp phát triển Kdp	Nhu cầu Stt (KVA)
			Khối lượng	ĐVT	Khối lượng	ĐVT					
		BT-02	28	*người*	*1,25*	*Kw/người*	*35,00*	*0,70*	*0,85*	*1,2*	34,6
		BT-03	88	*người*	*1,25*	*Kw/người*	*110,00*	*0,70*	*0,85*	*1,2*	108,7
		BT-04	76	*người*	*1,25*	*Kw/người*	*95,00*	*0,53*	*0,85*	*1,1*	65,2
1.2	*Đất nhà ở xã hội*	*OXH*	1.040	*người*	*1,25*	*Kw/người*	*1300*	*0,53*	*0,85*	*1,1*	891,6
2	**Đất trường mầm non**	**GD**	1.991,4	m^2 sàn	0,03	kw/m^2 sàn	59,74	0,80	0,85	*1,2*	67,5
3	**Đất cây xanh**	**CX**									
	Đất cây xanh	CX-01	2.397,3	*m^2*	*0,0005*	*kw/m^2*	*1,20*	*0,80*	*0,85*	*1,2*	1,4
	Đất cây xanh	CX-02	1.703,4	*m^2*	*0,0005*	*kw/m^2*	*0,85*	*0,80*	*0,85*	*1,2*	1,0
	Đất cây xanh	CX-03	427,2	*m^2*	*0,0005*	*kw/m^2*	*0,21*	*0,80*	*0,85*	*1,2*	0,2
4	**Đất giao thông**										
	Đất đường chính khu vực		9.716,0	*m^2*	*0,001*	*kw/m^2*	*9,72*	*0,80*	*0,85*	*1,2*	11,0
	Đất đường nội bộ		17.909,4	*m^2*	*0,001*	*kw/m^2*	*17,91*	*0,80*	*0,85*	*1,2*	20,2
	Tổng nhu cầu cấp điện										1.468,2

* *Nhu cầu sử dụng nước:*

- Nguồn cấp nước: Từ nhà máy nước sông Đà thông qua hệ thống đường ống cấp nước phân phối D150 theo quy hoạch phân khu đô thị S5 *(Theo Văn bản số 1345/NSHN-KT ngày 14/5/2025 của Công ty nước sạch Hà Nội về việc thỏa thuận đấu nối cấp nước cho dự án "Xây dựng HTKT để đấu giá QSD đất khu Nhị Khê 6, huyện Thường Tín).*

- Nhu cầu dùng nước: Nước cung cấp cho nhu cầu sinh hoạt, các công trình công cộng, nước tưới cây, nước rửa đường, nước hao phí dò rỉ trong các đường ống, phụ tùng căn cứ theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật theo QCVN 01:2021/BXD, cụ thể:

+ Nước sinh hoạt: 200 l/người ngày đêm

+ Nước công cộng, dịch vụ: 2 l/m^2 sàn

+ Nước tưới cây: 3 l/m^2 ngày đêm

+ Nước rửa đường: 0,5 l/m^2 ngày đêm

+ Nước dự phòng: 15% tổng lưu lượng tính toán

+ Nước chữa cháy:15l/s

Chi tiết nhu cầu sử dụng nước cho dự án được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 1. 17: Nhu cầu cấp nước của dự án trong giai đoạn vận hành

TT	Chức năng sử dụng đất	Kí hiệu ô đất	Quy mô tính toán		Chỉ tiêu		Qtt (m^3/ngđ)
			Khối lượng	ĐVT	Khối lượng	ĐVT	
	Diện tích ranh giới lập quy hoạch						
1	**Đất ở mới**						
1.1	*Đất ở thấp tầng*	*LK-BT*					
	Đất nhà ở liền kề	LK					
		LK-01	28	người	200	l/người	5,6
		LK-02	40	người	200	l/người	8
		LK-03	68	người	200	l/người	13,6
		LK-04	64	người	200	l/người	12,8
C	Đất nhà ở biệt thự	BT					
		BT-01	16	người	200	l/người	3,2
		BT-02	28	người	200	l/người	5,6
		BT-03	88	người	200	l/người	17,6
		BT-04	76	người	200	l/người	15,2
1.2	*Đất nhà ở xã hội*	*OXH*	1.040	người	200	l/người	208
2	**Đất trường mầm non**	**GD**	1.991,40	m^2 sàn	2	l/m^2 sàn	3,98
3	**Đất cây xanh**	**CX**					
	Đất cây xanh	CX-01	2.397,30	m^2	3	l/m^2	7,19
	Đất cây xanh	CX-02	1.703,40	m^2	3	l/m^2	5,11
	Đất cây xanh	CX-03	427,2	m^2	3	l/m^2	1,28
4	**Đất giao thông**						
	Đất đường chính khu vực		9.716,00	m^2	0,5	l/m^2	4,86
	Đất đường nội bộ		17.909,4	m^2	0,5	l/m^2	8,95
I	**Tổng Qtt**						**320,98**
II	**Lượng nước dự phòng rò rỉ Qrr=15%Qtt**						**48,15**
III	**Tổng lưu lượng cấp nước lớn nhất trong ngày Qngày max=1,2(Qtt+Qrr)**						**442,95**
IV	**Nước cấp cứu hỏa - 1 đám cháy lưu lượng cấp 15l/s trong 3 giờ**						**162**
V	**Tổng nhu cầu cấp nước dự án**						**604,95**

Vậy, lưu lượng nước lớn nhất cấp cho dự án trong giai đoạn vận hành là 604,95m^3/ngày đêm.

1.4. Công nghệ sản xuất, vận hành

Phạm vi của dự án là xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đô thị bao gồm san nền, xây dựng đường giao thông, xây dựng hệ thống cấp thoát nước, cấp điện và thông tin liên lạc nên không có công nghệ sản xuất. Dự án sau khi xây dựng xong sẽ bàn giao lại cho chính quyền địa phương quản lý và vận hành. Trong quá trình vận hành dự án, chính quyền địa phương sẽ có trách nhiệm trong việc duy tru, bảo dưỡng hạ tầng, quản lý công trình, chăm

sóc mảng xanh, quản lý công tác bảo vệ môi trường. Một số hoạt động vận hành cơ bản tại dự án như sau:

* Trồng, chăm sóc cây xanh

- Trồng cây xanh, trồng dặm cây chết đảm bảo tỉ lệ cây xanh cảnh quan tại khu đô thị theo đúng quy hoạch.

- Chăm sóc cây xanh: Sử dụng xe bồn chạy dọc các hàng cây để tưới nước 1 lần/ngày hoặc tùy thuộc vào ngày nắng nóng.

- Tỉa cành: Cắt tỉa cành tạo cảnh quan cho khuôn viên khu vực dự án.

* Duy tu bảo dưỡng hạ tầng kỹ thuật bao gồm:

- Duy tu, bảo dưỡng hệ thống cấp, thoát nước: Thay đường ống hư hỏng, nạo vét hố ga 1 lần/năm

- Duy tu, bảo dưỡng đèn chiếu sáng: Thay các bóng đèn công cộng hư hỏng

- Duy tu, bảo dưỡng các hạng mục khác như cấp điện, thông tin liên lạc.....

1.5. Biện pháp tổ chức thi công

Biện pháp tổ chức thi công, công nghệ thi công các hạng mục trình của dự án như sau:

a. Phương án giải phòng mặt bằng:

Tổng diện tích đất thu hồi thực hiện dự án là 6,01 ha, bao gồm các loại đất sau:

Đất nông nghiệp trồng lúa: Diện tích thu hồi là 5,14 ha (chiếm 85,52% tổng diện tích đất thu hồi), hiện trạng là trồng lúa;

Đất giao thông, thuỷ lợi: Diện tích thu hồi là 0,87 ha (chiếm 14,48% tổng diện tích đất thu hồi).

(1) Phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB như sau:

Đối với đất nông nghiệp và đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp của các hộ dân tại xã Nhị Khê (nay là xã Thường Tín): UBND xã Thường Tín sẽ phối hợp với Ban quản lý Dự án đầu tư – hạ tầng xã Thường Tín tổ chức đo đạc, kiểm kê, kiểm đếm đất đai, tài sản trên đất bị ảnh hưởng, xác định thiệt hại và bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân chịu ảnh hưởng;

Toàn bộ chi phí cho công tác bồi thường, hỗ trợ GPMB do UBND xã Thường Tín chi trả. Sau khi quá trình bồi thường, hỗ trợ GPMB hoàn thành, Đại diện chủ dự án sẽ bàn giao mặt bằng cho đơn vị thi công để triển khai thực hiện.

(2) Chặt, thu gọn cây trồng trên đất

Một số cây trồng có thể đại diện chủ dự án tạo điều kiện cho các hộ gia đình thu hoạch toàn bộ sản phẩm trước khi thu dọn. Tuy nhiên, mặt bằng dự án vẫn còn lượng lá, gốc rễ sót lại trong đất sau thu hoạch, trước khi tiến hành thi công sẽ thu dọn khối lượng này.

(3) Phá dỡ, di chuyển công trình trên đất

Chủ dự án đã liên hệ với cơ quan có thẩm quyền, đơn vị quản lý kênh mương thủy lợi, phương án thoát nước tạm của kênh mương thủy lợi. Phương án, kỹ thuật di chuyển sẽ do đơn vị di chuyển thiết kế.

(4) Bố trí các công trình tạm phục vụ thi công

Để chuẩn bị cho thi công san lấp thì các hạng mục công trình này được đặt trong phạm vi đất dự án đã giải phóng mặt bằng, thu hồi vĩnh viễn, không có diện tích đất mượn tạm.

Các hạng mục công trình trên công trường được thống kê tại bảng sau:

Bảng 1. 18: Các hạng mục công trình tạm phục vụ thi công

TT	Hạng mục	Diện tích (m^2)	Số lượng	Mô tả
1	Không bố trí kho chứa xăng dầu	-	-	Gần khu vực dự án có 1 cây xăng, quá trình thi công dự án có thể mua xăng dầu từ các cây xăng hiện trạng.
2	Cổng ra/vào công trường	-	1 cổng	- Bố trí phía Tây Bắc của dự án. - Cổng barie rộng 4 m.
3	Bãi tập kết phương tiện thi công	100	1 khu	- Bãi hở san phẳng; - Bố trí gần cổng ra/vào công trường.
4	Khu vực tập kết phế thải xây dựng	500	1 khu	- Bãi hở san phẳng, phủ bạt; - Bố trí phía Tây của dự án.
5	Hàng rào ngăn cách khu vực dự án	-	-	- Bằng tôn, khung thép cao 2 m; - Bố trí tại xung quanh ranh giới dự án.
6	Nhà vệ sinh di động	-	4 nhà	- Thuê nhà vệ sinh di động với kích thước phủ bì: Rộng×dài×cao = 1.120 × 2.640 × 2.600mm. Kích thước lọt lòng (mỗi phòng): 1.060 x 850 x 1.980m. Dung tích bồn nước sạch là 900 lít, dung tích hầm phân tự hoại khoảng 1.200 lít; chất liệu bằng nhựa Composite nguyên khối. - Số lượng: 04 nhà - Bố trí gần khu vực lán trại.
7	Bể lắng nước thải thi công	$4m^3$	1 bể	- Hố lắng nước thải thi công xây bằng gạch, tường vữa xi măng, kích thước 2m x 2m x 1m.
8	Hố lắng nước mưa	$1m^3$/1hố	3 hố	- Hố lắng nước thải thi công xây bằng gạch, tường vữa xi măng, kích thước 1x1x1 m.
9	Rãnh thu nước mưa	-	-	- Hệ thống rãnh hở kích thước 300 x 300mm - Bố trí xung quanh dự án.
10	Cầu rửa xe	-	2 cầu	- Cầu rửa xe gồm 2 trụ hình bán nguyệt được làm bằng bê tông, với chiều BxLxH = 0,5x10x0,7 m.

TT	Hạng mục	Diện tích (m^2)	Số lượng	Mô tả
11	Kho chứa chất thải nguy hại	10	1 kho	- Sử dụng container 10 feet làm kho chứa chất thải nguy hại; - Bố trí gần khu vực lán trại.
12	Kho chứa chất thải sinh hoạt	10	1 kho	- Sử dụng container 10 feet làm kho chứa chất thải rắn sinh hoạt; - Bố trí gần khu vực lán trại.
13	Lán trại	50	1 nhà	- Kết cấu: Khung sắt, tường quây bằng tôn, mái lợp tôn, nền gạch; - Bố trí tại gần cổng/ra vào công trường.

Các công trình xây dựng/bố trí tạm thời sẽ được phá dỡ/tháo dỡ khi không còn mục đích sử dụng. Các chất thải phá dỡ/tháo dỡ sẽ được phân loại và thuê đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý.

b. Giai đoạn thi công san nền

** Nguyên tắc thiết kế*

San nền theo nguyên tắc đảm bảo thoát nước tự chảy được thuận lợi nhất và khối lượng đào đắp đất nhỏ nhất.

- Cao độ khống chế san nền được xác định nhằm đảm bảo cho khu vực thiết kế thoát nước mặt nhanh, đồng thời phù hợp với cao độ của các khu vực lân cận, tuân thủ quy hoạch chi tiết đã được duyệt.

- Cao độ đường đồng mức thiết kế phải căn cứ vào cao độ các nút giao thông trong khu vực thiết kế công trình.

** Bóc hữu cơ:*

- Thi công nạo vét đất hữu cơ dồn đống và vận chuyển tập kết vào vị trí bảo tồn đất. Khối lượng vận chuyển cự ly trung bình 300m trong khu vực xây dựng. Khối lượng này bao gồm bùn ao, mương và đất màu trên toàn bộ diện tích khu san nền. Phần khối lượng đất màu dư thừa sẽ được vận chuyển chuyển tiếp tới vị trí bãi thải.

- Dây chuyền cơ giới thi công gồm máy ủi dồn đống sau đó dùng máy đào gầu ngược và ô tô chuyển tiếp.

- Công tác đắp bù được thực hiện như công tác đắp san nền ở các bước sau.

** Đắp đất san nền tạo mặt bằng:*

- Kiểm tra các cao độ, nếu thấy có sự sai khác giữa cao độ thực tế và cao độ trên bản vẽ phải báo ngay cho chủ đầu tư biết để có biện pháp xử lý.

- Công nghệ đầm nén: Loại máy lu dùng để đầm nén, trình tự đầm nén.

- Vật liệu đắp phải được rải thành từng lớp có độ dày theo quy định hoặc xác định chiều dày thực tế theo chiều sâu ảnh hưởng của tải trọng đầm nén. Mỗi lớp sẽ được đầm nén đến khi đạt độ chặt quy định thì mới được đắp lớp tiếp theo. Các lớp đã rải xong sẽ

được san bằng máy san hoặc bằng các cách để nối với bước tiếp theo của công tác đầm nén. Bề mặt san nhẵn có độ dốc thiết kế đảm bảo để thoát nước mưa. Các cao độ và độ dốc hoàn thiện sau khi đã đầm lèn phải không cao hơn 10mm hoặc thấp hơn 20mm so với con số đã qui định hoặc đã được chấp thuận.

- Trình tự lu: Lu từ mép ngoài chỉ giới vào trong khu đất, vệt bánh lu của lần sau trùm lên vệt bánh lu lần trước từ 25-30cm. Tốc độ lu từ thấp đến cao, 2 lượt đầu 2km/h ; 4 lần tiếp theo 2.5-3km/h ; các lần còn lại 2.5km/h

- Yêu cầu độ chặt nền đắp theo TCVN 4054 (Tiêu chuẩn đầm nén theo TCVN 4201-1995).

** San nền trong các lô đất:*

- Cos cao độ mặt san nền lô đất +5.20 m đến +5.30m

- Yêu cầu độ chặt nền đắp K=0.90.

- Tận dụng đất đào trong quá trình thi công đường giao thông, thoát nước, rải thành từng lớp theo quy định.

- Tại vị trí tiếp giáp giữa lô đất và nền đường thi công bằng máy kết hợp thủ công.

- Các lô đất quy hoạch với độ dốc thiết kế hợp lý. San nền có độ dốc hướng về các trục đường, từ đó nước được dẫn vào hệ thống thoát nước đặt dưới lòng đường, thu gom bằng các cửa thu sát mép vỉa hè sau đó được chảy và hệ thống thoát nước thuộc đường Phan Văn Lân.

- Vật liệu san nền sử dụng là cát đen đầm chặt ≥ 0,90. Khi thi công tiến hành san nền theo từng lớp <=30cm, tưới nước đầm chặt đạt ≥ 0,90, sau đó mới tiến hành san nền lớp tiếp theo.

• *Chú ý:*

- Đơn vị thi công phải lập bản vẽ, trình bày biện pháp tổ chức thi công trước khi thực hiện.

- Trước khi đắp phải tiến hành đầm thí nghiệm tại hiện trường với từng loại đất và từng loại máy đem vào sử dụng nhằm: Hiệu chỉnh bề dày lớp đất rải để đầm, xác định số lượng đầm theo điều kiện thực tế, xác định độ ẩm tốt nhất của đất khi đầm nén.

- Việc thi công các hạng mục trên cần tuân thủ nghiêm ngặt các yêu cầu trong bản vẽ, trong hồ sơ thiết kế và theo các tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành của Nhà nước.

- Tất cả các thiết bị vật tư phải được kiểm tra dưới sự giám sát chặt chẽ của cơ quan kiểm định và Chủ đầu tư (Các thiết bị phải có lý lịch tiêu chuẩn sản xuất rõ ràng và hợp pháp theo qui định trong xây dựng cơ bản).

- Đơn vị thi công cần tuân thủ chặt chẽ các qui trình, qui phạm thi công hiện hành của Nhà nước nhằm đảm bảo tốt chất lượng công trình theo đúng hồ sơ thiết kế đã được duyệt. Trong trường hợp có vướng mắc về mặt kỹ thuật, đơn vị thi công cần báo cho Chủ đầu tư và cơ quan thiết kế xuống hiện trường để giải quyết.

c. Biện pháp thi công giao thông:

** Thi công móng đường bằng cấp phối đá dăm*

Yêu cầu vật liệu:

- CPĐD loại I được sử dụng làm lớp móng trên của kết cấu áo đường mềm có tầng mặt loại A1, A2 theo "Quy trình thiết kế áo đường mềm" 22 TCN 211 -06 hoặc làm lớp móng trên theo "Tiêu chuẩn thiết kế mặt đường mềm" 22 TCN 274-01.

- CPĐD loại II được sử dụng làm lớp móng dưới của kết cấu áo đường có tầng mặt loại A1 và làm lớp móng trên cho tầng mặt loại A2 hoặc B1 theo "Quy trình thiết kế áo đường mềm" 22 TCN 211-06 hoặc làm lớp móng dưới theo "Tiêu chuẩn thiết kế mặt đường mềm" 22 TCN 274-01.

Yêu cầu về thi công:

• Công tác tập kết vật liệu vào mặt bằng thi công

- Vật liệu CPĐD, sau khi được chấp thuận đưa vào sử dụng trong công trình, được tập kết đến mặt bằng thi công bằng cách:

- Đổ trực tiếp vào phễu máy rải.

- Đổ thành các đống trên mặt bằng thi công (chỉ đối với lớp móng dưới và khi được Tư vấn giám sát cho phép rải bằng máy san) với khoảng cách giữa các đống vật liệu phải được tính toán và không quá 10m.

- Sơ đồ vận hành của các xe tập kết vật liệu, khoảng cách giữa các đống vật liệu phải được dựa vào kết quả của công tác thi công thí điểm.

- CPĐD đã được vận chuyển đến vị trí thi công nên tiến hành thi công ngay nhằm tránh ảnh hưởng đến chất lượng và gây cản trở giao thông.

• Yêu cầu về độ ẩm của vật liệu CPĐD:

- Phải bảo đảm vật liệu CPĐD luôn có độ ẩm nằm trong phạm vi độ ẩm tối ưu (Wo ± 2%) trong suốt quá trình chuyên chở, tập kết, san hoặc rải và lu lèn.

- Trước và trong quá trình thi công, cần phải kiểm tra và điều chỉnh kịp thời độ ẩm của vật liệu CPĐD:

- Nếu vật liệu có độ ẩm thấp hơn phạm vi độ ẩm tối ưu, phải tưới nước bổ sung bằng các vòi tưới dạng mưa và không được để nước rửa trôi các hạt mịn. Nên kết hợp việc bổ sung độ ẩm ngay trong quá trình san rải, lu lèn bằng bộ phận phun nước đang sương gắn kèm;

- Nếu độ ẩm lớn hơn phạm vi độ ẩm tối ưu thì phải rải ra để hong khô trước khi lu lèn.

** Công tác san rải vật liệu:*

- Đối với lớp móng trên, vật liệu CPĐD được rải bằng máy rải.

- Đối với lớp móng dưới, nên sử dụng máy rải để nâng cao chất lượng công trình.

Chỉ được sử dụng máy san để rải vật liệu CPĐD khi có đầy đủ các giải pháp chống phân tầng của vật liệu CPĐD và được Tư vấn giám sát chấp thuận.

- Căn cứ vào tính năng của thiết bị, chiều dày thiết kế, có thể phân thành các lớp thi công. Chiều dày của mỗi lớp thi công sau khi lu lèn không nên lớn hơn 18cm đối với móng dưới và 15cm đối với lớp móng trên và chiều dày tối thiểu của mỗi lớp phải không nhỏ hơn 3 lần cỡ hạt lớn nhất danh định D_{max}.

- Để bảo đảm độ chặt lu lèn trên toàn bộ bề rộng móng, khi không có khuôn đường hoặc đá vỉa, phải rải vật liệu CPĐD rộng thêm mỗi bên tối thiểu là 25 cm so với bề rộng thiết kế của móng. Tại các vị trí tiếp giáp với vệt rải trước, phải tiến hành loại bỏ các vật liệu CPĐD rời rạc tại các mép của vệt rải trước khi rải vệt tiếp theo.

- Trường hợp sử dụng máy san để rải vật liệu CPĐD, phải bố trí công nhân lái máy lành nghề và nhân công phụ theo máy nhằm hạn chế và xử lý kịp hiện tượng phân tầng của vật liệu. Với những vị trị vật liệu bị phân tầng, phải loại bỏ toàn bộ vật liệu và thay thế bằng vật liệu CPĐD mới. Việc xác lập sơ đồ vận hành của máy san, rải CPĐD phải dựa vào kết quả của công tác thi công thí điểm

- Phải thường xuyên kiểm tra cao độ, độ bằng phẳng, độ dốc ngang, độ dốc dọc, độ ẩm, độ đồng đều của vật liệu CPĐD trong suốt quá trình san rải.

**Công tác lu lèn:*

- Phải lựa chọn và phối hợp các loại lu trong sơ đồ lu lèn. Thông thường, sử dụng lu nhẹ với vận tốc chậm để lu những lượt đầu, sau đó sử dụng lu có tải trọng nặng lu tiếp cho đến khi đạt độ chặt yêu cầu.

- Số lần lu lèn phải đảm bảo đồng đều đối với tất cả các điểm trên mặt móng (kể cả phần mở rộng), đồng thời phải bảo đảm độ bằng phẳng sau khi lu lèn.

- Việc lu lèn phải thực hiện từ chỗ thấp đến chỗ cao, vệt bánh lu sau chồng lên vệt lu trước từ 20 - 25cm. Những đoạn đường thẳng, lu từ mép vào tim đường và ở các đoạn đường cong, lu từ phía bụng đường cong dần lên phía lưng đường cong.

- Ngay sau giai đoạn lu lèn sơ bộ, phải tiến hành ngay công tác kiểm tra cao độ, độ dốc ngang, độ bằng phẳng và phát hiện những vị trí bị lồi lõm, phân tầng để bù phụ, sửa chữa kịp thời:

+ Nếu thấy có hiện tượng khác thường như rạn nứt, gợn sóng, xô dồn hoặc rời rạc không chặt... phải dừng lu, tìm nguyên nhân và xử lý triệt để rồi mới được lu tiếp. Tất cả các công tác này phải hoàn tất trước khi đạt được 80% công lu;

+ Nếu phải bù phụ sau khi đã lu lèn xong, thì bề mặt lớp móng CPĐD đó phải được cầy xới với chiều sâu tối thiểu là 5 cm trước khi rải bù.

** Thi công lớp nhựa thấm bám:*

Yêu cầu vật liệu: Vật liệu bitum để làm lớp nhựa thấm đạt được theo tiêu quy trình.

Chuẩn bị bề mặt để rải lớp áo đường:

- Lớp nhựa thấm được rải trên một bề mặt lề đường hoặc mặt đường hiện có thì mọi hư hỏng trong lề đường hoặc đường phải được sửa chữa theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

- Trước khi làm lớp nhựa thấm phải làm sạch bụi bẩn và tạp chất ra khỏi bề mặt nơi cần rải bằng chổi quét hoặc máy nén khí. Khi quét phải quét rộng thêm ít nhất 0.20m ra ngoài mép của khu vực rải bitum.

- Chỉ được rải lớp bitum lên bề mặt khô hoặc hơi ẩm, khi trời có sương mù hoặc mưa thì không được tiến hành rải.

** Rải vật liệu bitum:*

- Chiều dài của bề mặt cần phun cho mỗi lần chạy của thiết bị rải được đo và đánh dấu trên mặt đất. Đối với lớp nhựa thấm giới hạn các vùng cần vạch bằng dấu sơn hoặc căng dây.

- Bitum được rải sao cho đều khắp các vị trí, việc phun vật liệu bitum đồng đều tới mức tiêu thụ chỉ định thực hiện bằng thanh phun của thiết bị rải, trừ những chỗ không dùng máy rải thì có thể dùng bình phun tay.

- Vật liệu bitum rải trong một lượt xe chạy khoảng 1/2 bề rộng mặt đường đã được chuẩn bị và rải vật liệu bitum chờm lên nhau trên một dải rộng 0.20m dọc tiếp theo mép tiếp giáp của làn. Mối nối dọc theo 0.20m này không được phủ cát, sỏi khi lần phun sau chưa phủ đoạn này.

- Máy rải bitum bắt đầu di chuyển ít nhất 5m trước khu vực cần rải để khi tiến hành rải được đúng tốc độ xe chạy và tốc độ này duy trì cho tới khi vượt qua điểm định kết thúc công việc rải.

- Việc cung cấp nhựa được tiến hành sao cho khi xe phun xong một lượt trong thùng chứa còn lại 10% dung tích máy rải bitum để tránh trường hợp không khí bị hút vào hệ thống giao nhựa.

- Khối lượng nhựa dùng trong một làn xe được đo bằng cách nhúng que đo vào thùng đựng bitum của thiết bị rải trước và sau mỗi lần rải.

- Mức độ tiêu thụ nhựa trung bình của mỗi lần xe chạy tính theo thể tích của thùng nhựa số vòi, khoảng cách giữa các vòi nằm trong + 5% của mức Chủ đầu tư quy định.

- Sau khi phun bitum, các khu vực đọng quá nhiều bitum sẽ tiếp tục phân khô lại bề mặt cần phun cho đến khi bitum được hấp thụ và bảo dưỡng. Để đạt được mục đích này phải dùng lu bánh lốp lu trên lớp nhựa thấm và dùng chổi quét hoặc ống cao su lăn đối với lớp kết dính.

** Thi công mặt đường bê tông Asphalt:*

Yêu cầu vật liệu:

- Cốt liệu thô: bao gồm đá nghiền được lấy tại các mỏ đá nêu ở trên. Chất lượng của vật liệu này được thử nghiệm trước để xem chúng có đạt các yêu cầu kỹ thuật được hay không.

- Cốt liệu mịn: gồm một hay nhiều cỡ hạt đá nghiền hoặc cát tự nhiên cũng được lấy tại các mỏ đá trên và đã qua kiểm tra chất lượng.

- Chất độn: Là bột đá vôi không lẫn tạp chất có hại cũng được lấy tại các mỏ đá trên.

- Chất kết dính, phụ gia: vật liệu kết dính là nhựa asphalt loại AC - 20 có độ kim lún 60/70. Nếu có sử dụng các loại vật liệu kết dính khác thì phải có sự đồng ý của Chủ đầu tư.

Công tác trộn:

- Các loại vật liệu đã được thí nghiệm với các tiêu chuẩn kỹ thuật.

- Trước khi trộn nhà thầu sẽ đệ trình lên Chủ đầu tư công thức trộn bê tông asphalt dùng cho công trình. Công thức trộn tại hiện trường là cố định và sự kiểm tra chất lượng hỗn hợp sẽ được kiểm tra theo tỷ lệ thiết kế cho các loại cốt liệu.

Công tác vận chuyển:

- Hỗn hợp Bê tông nhựa asphalt sẽ được chuyển từ trạm trộn ra công trường bằng các loại xe tự đổ đã được Chủ đầu tư cho phép. Thùng xe bằng kim loại, sàn phẳng, sạch kín được phun một lớp dầu nhiên liệu lỏng để chống dính. Mỗi chuyến xe chở hỗn hợp phải được phủ kín bằng bạt để bảo vệ hỗn hợp khỏi bụi và làm giảm nhiệt độ.

Rải hỗn hợp và hoàn thiện:

- Trước khi rải hỗn hợp bê tông át phan phải chuẩn bị đủ máy móc thiết bị, nhân lực và các điều kiện khác để đảm bảo tiến độ công việc thực hiện >60% công suất trạm trộn.

- Bề mặt phải được làm sạch, làm lớp nhựa dính bám hoặc lớp nhựa thấm mới được tiến hành rải.

- Ván khuôn bằng gỗ hoặc thép được đặt cố định ở cao độ và yêu cầu ở mép vùng rải.

- Trước khi rải, bàn là của máy rải phải làm nóng để hỗn hợp sẽ được rải đúng cao độ và mặt cắt ngang yêu cầu.

- Máy rải phải chạy với tốc độ sao cho không gây ra các vết nứt trên mặt.

- Lớp hoàn thiện được điều chỉnh sao cho khi rải hỗn hợp được chính xác theo hàng, cao độ, mặt cắt ngang yêu cầu.

- Tại các chỗ không thể dùng máy rải được thì phải thi công bằng thủ công. Tại các vị trí đó phải kiểm tra hỗn hợp rải thật cẩn thận để tránh không bị kết dính hỗn hợp.

Đầm lèn:

- Khi rải xong hỗn hợp, bề mặt sẽ được kiểm tra và sửa chữa tất cả các hư hỏng. Công tác lu lèn sẽ được thực hiện trong giới hạn qui định về độ nhớt và tính dẻo của bê tông nhựa.

- Công tác lu lèn sẽ bao gồm 3 giai đoạn riêng biệt:

+ Lu sơ bộ: được tiến hành trong 10 phút sau khi rải. Công việc này sẽ thực hiện bằng lu bánh sắt 6-8T đi kèm sát máy rải, với số lần 2-3lần/điểm, tốc độ 1.5 - 2Km/h.

+ Lu trung gian: được tiến hành trong khoảng thời gian 10-20phút sau khi rải. Công việc này được tiến hành bằng lu bánh lốp 16Tấn theo sát ngay sau lu sơ bộ và được lu trong khi nhiệt độ của hỗn hợp vẫn cho phép đem lại kết quả đầm lèn tốt nhất. Với số lần lu 8-10 lần/điểm, trong 5 lần đầu lu với tốc độ 2-3Km/h số lần lu còn lại với tốc độ 6-8Km/h.

+ Lu hoàn thiện: tiến hành trong khoảng thời gian 20-45phút. Lu hoàn thiện được thực hiện trong điều kiện làm việc đủ để xoá đi các vệt lu trước để lại, Nhà thầu sử dụng lu bánh sắt 10-12Tấn lu 2-4 lần/ điểm với tốc độ 2-3Km/h.

- Lu các mỗi nối ngang trước tiên và trong khi lu sơ bộ sẽ là lu ngang có sử dụng các tấm chắn có bề dày yêu cầu đạt tại mép mặt đường để cho máy lu có thể lu tận mép đường. Tại các chỗ rải liền với làn đường đã rải trước vệt lu đầu tiên sẽ dọc theo mối nối dọc, theo 1 khung cách ngăn.

- Lu theo các vệt song song với tim đường tự bắt đầu theo bề dài mối nối từ chỗ có cao độ thấp đến chỗ có cao độ cao. Tại các đường cong có bố trí siêu cao thì lu tiến hành từ bụng đường cong tiến dần đến lưng đường cong. Các đường lu kế tiếp sẽ chờm lên ít nhất 1/2 bề rộng của vệt lu, các vệt lu sẽ chờm lên vệt lu trước tại điểm kết thúc trong phạm vi 1m.

- Trong khi lu các mối nối dọc, lu sơ bộ cần phải chờm lên phần đường đã rải không quá 0.15m.

- Tốc độ lu: với lu bánh sắt < 4km/h. Với lu bánh lốp < 15km/h.

- Đường và hướng lu không thay đổi đột ngột để tránh làm xô bạt hỗn hợp.

- Tiến hành lu liên tục để đạt được độ chặt đồng đều trong khi hỗn hợp vẫn còn trong điều kiện làm việc tốt.

- Các vật liệu thừa sẽ được cắt bỏ vuông vắn sau khi lu và đưa ra khỏi mặt cắt ngang và tầm nhìn của tuyến đường...

Xử lý mối nối:

-Các mối nối dọc và ngang của lớp rải kế tiếp nhau sẽ được bố trí lệch nhau để tránh mối nối này đè lên mối nối khác. Mối nối ngang bố trí lệch nhau ít nhất 0.25m.

-Trước khi rải thêm hỗn hợp lên một bề mặt hỗn hợp đã rải trước phải quét phủ lớp nhựa lên bề mặt tiếp xúc ngay trước khi rải thêm.

** Công tác lát hè, đan rãnh, bó vỉa:*

Yêu cầu vật liệu:

-Bó vỉa, đan rãnh và gạch lát hè phải đảm bảo cường độ và kích cỡ theo yêu cầu thiết kế, không sứt sẹo rạn nứt.

Trình tự thi công đặt vỉa:

- Sửa móng theo đúng cao độ và độ dốc theo Hồ sơ thiết kế, đổ BT nghèo đệm móng.

- Trồng bó vỉa bằng thủ công, khoảng cách giữa các viên vỉa phải đều nhau và cách nhau 1.5cm, phải tổ chức kiểm tra thường xuyên.

- Kiểm tra lại cao độ mặt vỉa và mép vỉa trước khi miết mạch. Chít mạch bằng VXM cát vàng M100, các mạch vữa phải được nhồi no vữa. Hoàn thiện mối nối vỉa đạt yêu cầu về kỹ thuật và mỹ thuật.

- Tiến hành lắp đặt đan rãnh theo chiều dài đúng với Hồ sơ thiết kế, đảm bảo đúng độ dốc dọc theo thiết kế để thoát nước mặt một cách êm thuận.

- Đối với bó vỉa cong phải được sự đồng ý của Chủ đầu tư Nhà thầu sẽ thi công bằng cách nối từng cục vỉa ngắn tại thành vỉa cong với quy định chiều dài 1 cục là 25cm.

Trình tự thi công biển báo hiệu:

Yêu cầu vật liệu: Các loại biển dùng cho công trình đều phải được thực hiện theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ 41-2019/BGTVT và được gia công tại nhà máy vận chuyển và lắp ráp tại công trường.

Trình tự thi công:

- Đào và đắp đất: Các hố đào phải đạt tới độ sâu đã qui định. Đất đắp phải dùng loại vật liệu thích hợp và đã được kiểm tra.

- Lắp dựng cột: Khi lắp dựng cột phải dựng thẳng đứng trong ván khuôn của khối móng trước khi đổ bê tông chân cột và phải được giữ thẳng bằng các thanh giằng cho đến khi bê tông móng đạt được cường độ theo yêu cầu của Hồ sơ thiết kế hoặc theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

- Lắp dựng biển báo: Các biển báo được lắp đặt sau khi bê tông móng cột đã đủ cường độ. Lắp đặt các biển báo phải tuân thủ theo các yêu cầu trong Hồ sơ thiết kế hoặc sự chỉ dẫn của Chủ đầu tư.

Hệ thống mốc phục vụ đo đạc - định vị công trình.

- Nhà Thầu kết hợp cùng Chủ Đầu tư, cơ quan thiết kế và các đơn vị liên quan tiến hành giao nhận vị trí công trình trên thực địa bao gồm: các mốc chỉ giới công trình, các cọc tim tuyến, cọc mốc cao độ...

- Sau khi giao nhận mặt bằng Nhà Thầu tiến hành xây dựng hệ thống mốc ranh giới thi công và vị trí các công trình. Đồng thời phục vụ đo đạc trong quá trình thi công.

- Hệ thống mốc được đổ bê tông tại chỗ có kích thước (10x10x60)cm có cắm thép Φ4 làm tâm điểm đo.

- Đối với các mốc chính như điểm gốc hoặc các điểm đầu, cuối của tuyến công trình, được dẫn dấu gắn vào các vị trí cố định để kiểm tra và khôi phục lại các mốc khi cần thiết.

Riêng đối với cốt thép phải tuân thủ các điều kiện sau:

- Chọn loại thép theo đúng số hiệu của Hồ sơ thiết kế.

- Thép dùng làm cốt thép hay gia công cốt thép được bảo quản dưới mái che và cao ít nhất 45cm so với mặt đất và được phân thành từng khu riêng biệt theo kích thước và chủng loại để dễ nhận biết và sử dụng.

- Các thanh thép thẳng không cong vênh cục bộ, sai số cho phép không lớn hơn 1% bề dày.

- Cốt thép phải sạch sẽ sau khi đặt vào ván khuôn và không được dính dầu mỡ và các chất khác có ảnh hưởng đến công tác đổ bêtông và chất lượng bê tông.

- Ván khuôn được gia công bằng thép hoặc bằng gỗ tuỳ theo tính chất của từng kết cấu công trình. Ván khuôn phải đảm bảo kết cấu vững chắc, duy trì ổn định trong suốt quá trình đổ bê tông.

d. Biện pháp thi công thoát nước mưa:

- Công tác định vị:

Công tác định vị tim cống, hố ga trên thực địa được thực hiện bằng máy toàn đạc điện tử kết hợp với thước thép để xác định và dùng cọc tre đóng xuống nền đất đã san nền để đánh dấu các vị trí.

- Công tác đúc gối cống, tấm đan hố ga

+ Đơn vị thi công xác định vị trí làm bãi đúc cấu kiện đúc sẵn.

+ Tập kết vật liệu đến vị trí bãi đúc.

+ Gia công cốt thép cấu kiện đúc sẵn.

+ Lắp dựng ván khuôn và lắp đặt cốt thép.

+ Thi công đổ bê tông cấu kiện đúc sẵn theo kích thước thiết kế.

+ Thực hiện công tác bảo dưỡng bê tông theo tiêu chuẩn.

- Công tác thi công móng cống, hố ga:

+ Công tác thi công đất được thực hiện theo đúng các yêu cầu về kỹ thuật hiện hành của Việt Nam (TCVN 4447:2012 – Công tác đất, thi công và nghiệm thu).

+ Trước khi tiến hành thi công đào đất móng kiểm tra lại mặt bằng vị trí đào đất, nếu quá trũng so với mặt bằng chung thì tiến hành thực hiện các biện pháp tiêu thoát nước mặt như bố trí các rãnh tiêu thoát và ngăn ngừa nước mặt từ khu vực khác.

+ Đất đào được vận chuyển đổ đúng nơi quy định ra ngoài mặt bằng công trình.

+ Móng đào được kiểm tra bằng máy Thủy Bình, kết hợp dây văng kiểm tra cao trình trục móng đồng thời có thể tiến hành làm công tác bê tông lót móng, dùng các mốc cố định (mốc chuẩn) về tim cốt để tiện việc kiểm tra thường xuyên.

+ Các hố đào sâu phải có gắn các bảng báo nguy hiểm và hàng rào tạm bao vây

phục vụ công tác an toàn cho con người và thiết bị.

+ Rải lớp đệm đá dăm, đầm lèn chặt theo thiết kế

+ Lắp dựng ván khuôn móng cống và đổ bê tông móng cống BTXM.

+ Cẩu lắp đế và ống cống.

- Lắp đặt ống cống:

+ Các đế cống, ống cống đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật được vận chuyển về vị trí làm cống được Tư vấn giám sát nghiệm thu mới được lắp đặt.

+ Đầu tiên đặt đế cống bằng cần cẩu kết hợp thủ công, cân chỉnh đế đúng thiết kế sau đó tiếp tục hạ ống cống. Cân chỉnh ống cống đúng vị trí, cao độ, khe hở giữa hai đốt cống không được vượt quá giới hạn cho phép. Nghiệm thu ống cống xong mới được thi công các bước tiếp theo .

+ Cao độ đỉnh cống tại điểm đầu tuyến phải đảm bảo chiều sâu lớp đất phủ tới đỉnh cống là 0.7m với trường hợp cống nằm trên mặt đường và 0.5m trong trường hợp cống nằm trên vỉa hè. Nối cống có kích thước khác nhau tại các giếng thăm theo kiểu nối mực nước hoặc đỉnh cống.

+ Công tác xây hố ga

+ Gạch nguyên liệu có cường độ chịu nén đạt yêu cầu thiết kế.

+ Xi măng được mua tại địa phương đảm bảo yêu cầu thiết kế (theo tiêu chuẩn TCVN 268- 1992)

+ Vữa xây pha trộn theo tỷ lệ thiết kế. Dùng máy trộn hỗn hợp đến khi đồng màu, sau đó mới cho nước trộn.

* Thi công hoàn trả kênh công thuỷ lợi:

- Tiến hành thi công chi tiết như sau:

+ Tiến hành khảo sát các khu vực kênh mương

+ Chặn dòng để nước không chảy vào mương nữa. Sau đó dùng máy bơm hút toàn bộ nước trong hai mương ra hệ thống thoát nước của khu vực.

+ Khi nước đã cạn hết thì sẽ sử dụng máy xúc để nạo vét lòng mương với độ dày trung bình là 0,5m. Toàn bộ bùn được xúc lên trên hai bên bơ của mương rồi để khô.

+ Sau khi đã khô thì sẽ thuê đơn vị chức năng tới vận chuyển đi xử lý theo quy định.

e. Biện pháp thi công hệ thống thoát nước thải:

Biện pháp thi công tuyến ống thoát nước thải được thực hiện theo trình tự:

+ Công tác trắc đạc, công tác đào tuyến, công tác chuẩn bị xi phông, kiểm tra áp lực xi phông; thử áp lực tuyến ống;

+ Khi lắp đặt các chi tiết cần sử dụng máy cắt, hàn ống, khi liên kết các ống và các phụ kiện thì dùng máy hàn nhiệt cầm tay chuyên dụng.

+ Để chịu được va đập lớn của nước thải khi sử dụng dùng đai ôm ống hoặc giá đỡ ống bằng thép chữ L.

f. Biện pháp thi công hệ thống cấp điện:

- Dự án sẽ tiến hành xây dựng đường dây có điện áp 35kV để nối điện từ hệ thống cấp điện 35kV theo quy hoạch phân khu đô thị được duyệt về đến trạm biến áp của dự án. Chiều dài tuyến đường dây ước tính khoảng 709m. Quá trình xây dựng và lắp đặt được thực hiện như sau:

- Phát tuyến: Tiến hành dọn dẹp, phát quang tuyến đường dự kiến lắp đặt đường dây điện... Không chặt các bụi cây ở vùng đất dễ bị xói lở trong thời gian mưa lũ và phải thực hiện theo quy định của quy phạm trang bị điện (QTĐ) về khoảng cách dây dẫn tới cây xanh.

g. Biện pháp thi công hệ thống cấp nước:

Các bước thi công xây lắp hệ thống cấp nước gồm:

- Bước 1: Đầu tiên sẽ tiến hành định vị, đánh dấu vạch vôi tim tuyến tại thực địa hiện trường.

- Bước 2: Đào đất mương đặt ống theo đúng yêu cầu thiết kế và điều kiện thi công thực tế tại hiện trường.

- Bước 3: Thi công lắp đặt đường ống, phụ kiện theo đúng yêu cầu của thiết kế.

- Bước 4: Lấp đất phủ ống, đầm chặt lớp đất lấp phủ ống đảm bảo đúng theo yêu cầu của thiết kế.

- Bước 5: Thử áp lực và súc xả đường ống.

- Bước 6: Hoàn trả lại mặt bằng theo như hiện trạng ban đầu.

- Bước 7: Xin đấu nối vào mạng lưới đường ống hiện có và cấp nước vào mạng lưới đường ống.

Kiểm tra chất lượng thi công lắp đặt đường ống, phụ tùng:

- Để kiểm tra, đánh giá chất lượng quá trình thi công lắp đặt đường ống và các phụ tùng có đạt yêu cầu thiết kế và yêu cầu sử dụng về độ bền của vật liệu, độ kín khít của đường ống và phụ tùng hay không thì các tuyến ống sẽ được kiểm tra thử áp lực đường ống trước khi đấu nối vào mạng lưới đường ống hiện có.

- Áp lực thử lấy bằng 1,5 lần áp lực làm việc của tuyến ống.

1.6. Tiến độ, tổng mức đầu tư, tổ chức quản lý và thực hiện dự án

1.6.1. Tiến độ thực hiện dự án

Tiến độ thực hiện dự án sẽ được thực hiện với tiến độ như sau:

Bảng 1. 19: Tiến độ thực hiện dự án

Hạng mục công trình	Tiến độ thực hiện dự án				
	Năm 2023	Năm 2024	Quý I-III/2025	Quý VI/2025-III/2026	Quý IV /2026 trở đi
Tổ chức bước chuẩn bị đầu tư, lựa chọn nhà thầu thi công, hoàn thiện các thủ tục pháp lý, hồ sơ liên quan đến dự án: thiết kế, thẩm định, phê duyệt dự án và thúc đẩy công tác giải phóng mặt bằng					
Thi công đào đắp, san nền					
Thi công hạ tầng kỹ thuật					
Vận hành chính thức					

1.6.2. Tổng mức đầu tư

+ Tổng mức đầu tư của dự án là: **203.221.000.000 VNĐ** *(Bằng chữ: Hai trăm linh ba tỷ, hai trăm hai mươi mốt triệu đồng chẵn).*

+ Phân bổ chi phí dự án như sau:

Bảng 1. 20: Tổng mức đầu tư của dự án

TT	HẠNG MỤC CHI PHÍ	GIÁ TRỊ SAU THUẾ
I	Chi phí bồi trường, hỗ trợ và tái định cư	81.156.979.000
II	Chi phí xây dựng	89.776.597.000
III	Chi phí thiết bị	4.898.194.000
IV	Chi phí quản lý dự án	1.516.518.000
V	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	5.721.777.000
VI	Chi phí khác	2.098.476.000
	Chi phí dự phòng	18.052.549.000
TỔNG MỨC ĐẦU TƯ (TMĐT)		**203.221.000.000**

+ Nguồn vốn: Nguồn vốn đầu tư của Dự án được cấp từ nguồn ngân sách của huyện (nay là xã Thường Tín).

1.6.3. Tổ chức quản lý và thực hiện dự án

• ***Giai đoạn xây dựng***

* Cơ cấu tổ chức



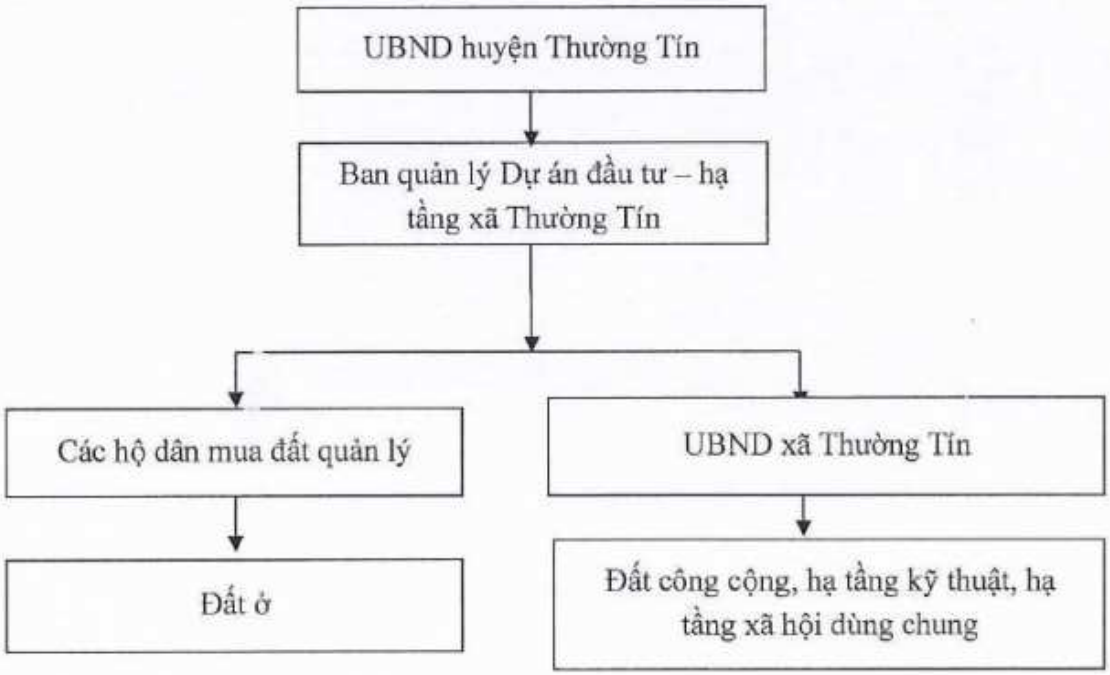
Hình 1. 4: Sơ đồ tổ chức thi công xây dựng

* Nhu cầu nhân lực: Giai đoạn xây dựng sẽ tuyển dụng công nhân khoảng 100 người, chủ yếu là người dân địa phương hoặc các vùng lân cận. Để đảm bảo an ninh trật tự, đại diện chủ dự án yêu cầu nhà thầu thi công không lắp đặt lán trại ăn nghỉ cho công nhân trên công trường. Tuy nhiên để đảm bảo vệ sinh, đại diện chủ dự án lắp đặt 04 nhà vệ sinh di động, bố trí 05 công nhân làm nhiệm vụ dọn dẹp vệ sinh trên công trường.

**** Giai đoạn vận hành dự án***

Ban quản lý Dự án đầu tư – hạ tầng xã Thường Tín sau khi hoàn thiện thi công xây dựng đồng bộ phần kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu dân cư sẽ bàn giao lại cho UBND xã Thường Tín quản lý.

Sơ đồ tổ chức quản lý của dự án trong giai đoạn vận hành như sau:



Hình 1. 5: Sơ đồ tổ chức quản lý dự án giai đoạn vận hành

CHƯƠNG II: ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG KHU VỰC THỰC HIỆN DỰ ÁN

2.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội

2.1.1. Điều kiện tự nhiên

**** Dữ liệu về địa chất:***

- Căn cứ báo cáo kết quả khảo sát địa chất công trình do Công ty TNHH tư vấn thiết kế và khảo sát xây dựng Thành Đạt lập.

Đặc điểm các lớp đất được mô tả theo thứ tự từ trên xuống, như sau:

+ Lớp 1: Đất thổ nhưỡng, sét lẫn hữu cơ, màu nâu xám, trạng thái dẻo nhão

Lớp này gặp ở toàn bộ hố khoan và nằm phía trên cùng trong phạm vi khảo sát. Thành phần là Đất thổ nhưỡng, sét lẫn hữu cơ, màu nâu xám, trạng thái dẻo nhão.

Bề dày lớp biến đổi từ 0.2m (HK2, HK3, HK4, HK5) đến 0.3m (HK1), trung bình 0,22m.

+ Lớp 2: Sét màu nâu vàng, trạng thái dẻo cứng

Lớp này gặp tại hố khoan HK2, HK3. Thành phần là Sét màu nâu vàng, trạng thái dẻo cứng.

Độ sâu gặp lớp biến đổi từ 0.2m (HK2, HK3) đến 0.2m (HK2, HK3). Độ sâu kết thúc lớp biến đổi từ 2.8m (HK3) đến 3.0m (HK2). Bề dày lớp biến đổi từ 2.6m (HK3) đến 2.8m (HK2), trung bình 2.70m.

Giá trị xuyên tiêu chuẩn N30 nhỏ nhất là 9, lớn nhất là 10, trung bình là 10.

+ Lớp 3: Sét màu xám xanh, trạng thái dẻo mềm

Lớp này gặp tại hố khoan HK1, HK4, HK5. Thành phần là Sét màu xám xanh, trạng thái dẻo mềm.

Độ sâu gặp lớp biến đổi từ 0.2m (HK4, HK5) đến 0.3m (HK1). Độ sâu kết thúc lớp biến đổi từ 2.4m (HK1) đến 3.3m (HK5). Bề dày lớp biến đổi từ 2.1m (HK1) đến 3.1m (HK5), trung bình 2.63m.

Giá trị xuyên tiêu chuẩn N30 nhỏ nhất là 6, lớn nhất là 7, trung bình là 6.

+ Lớp 4: Á sét màu nâu xám, xám đen, lẫn hữu cơ, trạng thái dẻo nhão

Lớp này gặp ở toàn bộ hố khoan. Đây là lớp cuối cùng trong phạm vi khảo sát. Thành phần là Á sét màu nâu xám, xám đen, lẫn hữu cơ, trạng thái dẻo nhão.

Độ sâu gặp lớp biến đổi từ 2.4m (HK1) đến 3.3m (HK5). Độ sâu kết thúc các hố khoan là 7.0m (HK1, HK2, HK3, HK4, HK5) và kết thúc trong lớp này. Bề dày lớp đã khoan được biến đổi từ 3.7m (HK5) đến 4.6m (HK1), trung bình 4.12m.

Giá trị xuyên tiêu chuẩn N30 nhỏ nhất là 3, lớn nhất là 4, trung bình là 3.

** Nhiệt độ không khí*

Khu vực dự án nằm trong địa phận thành phố Hà Nội nên khí hậu trong vùng mang những nét đặc trưng của vùng đồng bằng Bắc Bộ. Khí hậu trong khu vực chia làm 2 mùa rõ rệt: mùa khô và mùa mưa. Mùa mưa thường trùng với mùa hạ, kéo dài 6 tháng từ tháng V đến tháng IX, mùa khô trùng với mùa đông kéo dài từ tháng X đến tháng IV năm sau.

Nhiệt độ trung bình năm trên địa bàn khu vực dự án dao động trong khoảng 24,4 - 25,3°C, tương ứng với mức độ biến động 0,5°C. Tháng có nhiệt độ trung bình thấp nhất trong năm là 14,4°C (tháng 2/2021) và tháng có thiệt độ trung lớn nhất là 30,6°C (tháng 6/2018). Nhiệt độ không khí trung bình tháng 6 và tháng 7 cao nhất trong các tháng dao động từ 28,9°C - 30,9°C. Nhiệt độ trung bình tại thành phố Hà Nội từ năm 2019 đến năm 2024 được thể hiện trong bảng dưới đây:

Bảng 2. 1: Nhiệt độ trung bình (^{O}C) tại TP Hà Nội từ năm 2019 - 2024

Năm / Tháng	2019	2020	2021	2022	2023	2024
Tháng 1	19	17,2	16,2	17,1	17,5	17,5
Tháng 2	18	18,1	14,1	26,5	18,1	18,1
Tháng 3	22	20,7	20,2	21,2	20,6	20,6
Tháng 4	27	24,2	24,3	25,5	24,2	24,2
Tháng 5	31	26,6	27,8	28,6	26,5	26,5
Tháng 6	32	29,8	27,8	30,5	29,5	29,5
Tháng 7	32	29,2	25,2	28,8	29,2	29,2
Tháng 8	32	29,1	23,1	27,5	29,1	29,1
Tháng 9	31	28,3	24,3	25,9	28,4	28,4
Tháng 10	28	26,1	25,1	26,5	26,1	26,1
Tháng 11	24	23,1	23,1	22,7	23,1	23,1
Tháng 12	22	19,3	20,3	21,1	19,1	19,1
TB cả năm	**26,5**	**24,3**	**22,6**	**24,3**	**24,3**	**24,3**

(Nguồn: Niên giám thống kê TP Hà Nội – Cục Thống kê TP Hà Nội)

** Lượng mưa*

- Chế độ mưa của khu vực dự án có những đặc điểm như sau: + Tổng lượng mưa trung bình hàng năm dao động 1.256 - 2.073 mm. Số ngày mưa trong năm vào khoảng 130 - 140 ngày.

+ Mùa mưa: Kéo dài 6 tháng, từ tháng 5 đến tháng 10. Trong mùa mưa tập trung tới 80% lượng mưa cả năm. Lượng mưa tăng dần từ đầu mùa tới giữa mùa, đạt tới cực đại vào tháng 8, khoảng 386 - 672 mm. Các tháng 6, 7, 9 mỗi tháng cũng có lượng mưa trung bình khoảng 51 - 454 mm.

+ Mùa ít mưa: 6 tháng còn lại là mùa ít mưa, kéo dài từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau. Đặc biệt, tháng 02/2018 là 1 mm. Tháng có lượng mưa cực tiểu là tháng 02 và cực đại là tháng 11 với lượng mưa khoảng 1 - 248 mm.

- Lượng mưa các tháng đo tại Hà Nội từ năm 2019 - 2024 được thể hiện trong bảng

dưới đây:

Bảng 2. 2: Lượng mưa (mm) các tháng tại Hà Nội từ năm 2019 - 2024

Năm / Tháng	2019	2020	2021	2022	2023	2024
Tháng 1	11,4	0,4	3,0	8,5	10,5	6,1
Tháng 2	35,6	25,2	25,0	28,2	21,5	29,3
Tháng 3	27,4	30,9	29,4	82,4	36	44,5
Tháng 4	32,5	17,9	97,5	145,9	97	161,4
Tháng 5	221,4	139,6	118,1	178,6	234	335,3
Tháng 6	278,0	96,8	210,9	245,9	255	229,0
Tháng 7	277,9	247	286,3	390,5	34+6	366,2
Tháng 8	377,2	353,8	330,4	247,4	290	246,8
Tháng 9	366,0	183,1	388,3	105,3	159	206,6
Tháng 10	17,8	28,3	145,0	8,7	96	7,9
Tháng 11	91,9	116,2	4,8	15,4	44	24,4
Tháng 12	26,8	1,2	20,2	18,9	23,7	27,9
Cả năm	**1.763,9**	**1.240,4**	**1.658,9**	**1.475,7**	**1.612,7**	**1.685,3**

(Nguồn: Niên giám thống kê TP Hà Nội – Cục Thống kê TP Hà Nội)

**** Nắng và bức xạ***

- Nắng: Tổng số giờ nắng qua các năm dao động trong khoảng từ 1225 - 1572 giờ/năm. Chế độ nắng liên quan chặt chẽ tới chế độ bức xạ và tình trạng mây. Từ tháng 12 năm trước đến tháng 4 năm sau, bầu trời thường u ám, nhiều mây, nên số giờ nắng ít nhất trong năm, sang tháng 5, trời ấm lên số giờ nắng tăng lên và nhiều hơn so với các tháng trước.

- Bức xạ: Là một vùng nằm trong vùng nội chí tuyến, có độ cao mặt trời lớn, thời gian chiếu sáng dài nên khu vực dự án có được một chế độ bức xạ rất dồi dào với bức xạ thực tế hàng năm đạt tới trị số 120 Kcal/cm^2/năm. So với tổng lượng bức xạ lý thuyết thì tổng lượng bức xạ thực tế chỉ chiếm 50 – 60%. Sự phân bố tổng lượng bức xạ thực tế hàng tháng có sự biến thiên và có sự khác biệt giữa sự biến thiên của chúng với sự biến thiên của bức xạ lý thuyết hàng tháng.

**** Độ ẩm không khí***

Độ ẩm không khí trung bình các năm của khu vực Hà Nội dao động từ 82 - 85%, tương ứng với mức độ biến động 1 - 3%. Điều này cho thấy diễn biến độ ẩm trong những năm vừa qua ít biến động. Độ ẩm không khí trung bình các năm từ năm 2019 - 2024 được thể hiện tại bảng dưới đây:

Bảng 2. 3: Độ ẩm trung bình (%) tại Hà Nội từ năm 2019-2024

Năm / Tháng	2019	2020	2021	2022	2023	2024
Tháng 1	83	87	86	87	77	81
Tháng 2	75	88	87	88	84	76

Tháng 3	84	88	91	88	89	85
Tháng 4	85	88	88	88	82	82
Tháng 5	85	86	94	86	86	83
Tháng 6	82	82	81	82	77	83
Tháng 7	87	81	82	81	83	86
Tháng 8	91	86	87	86	84	87
Tháng 9	88	80	87	80	87	87
Tháng 10	85	83	84	83	78	82
Tháng 11	86	80	83	80	82	78
Tháng 12	88	79	74	79	70	75
TB Cả năm	**85**	**84**	**85**	**84**	**82**	**82**

(Nguồn: Niên giám thống kê TP Hà Nội – Cục Thống kê TP Hà Nội)

**** Tốc độ gió và hướng gió***

- Hà Nội là thành phố chịu ảnh hưởng của gió mùa. Từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau (mùa khô) chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc và từ tháng 5 đến tháng 10 (mùa mưa), chịu ảnh hưởng của gió Đông Nam. Mùa Đông gió thường thổi tập trung ở hai hướng: Bắc - Đông Bắc và Đông - Đông Nam. Trong nửa đầu mùa đông, các hướng Bắc - Đông Bắc trội hơn một chút, nhưng từ tháng 2 trở đi, các hướng Đông - Đông Nam lại chiếm ưu thế. Mùa hè gió thường có hướng Nam, Đông Nam với tần suất 60 - 70%. Gió Tây khô nóng thường xuất hiện vài ngày vào nửa đầu mùa hè và nhìn chung ít ảnh hưởng tới nền khí hậu của vùng. Tốc độ gió trung bình tại khu vực đạt 1,5-1,7 m/s. Tốc độ gió mạnh nhất xảy ra vào mùa hạ, khi có dông và bão. Tốc độ gió có thể đạt tới 30 - 35m/s. Mùa Đông, khi có gió mùa tràn về gió giật cũng có thể đạt tới vận tốc 20m/s.

Bảng 2. 4: Tốc độ gió trung bình (m/s) tháng tại Hà Nội từ năm 2019 - 2024

Năm / Tháng	2019	2020	2021	2022	2023	2024
Tháng 1	2,4	2,0	2,9	2,5	2,3	2,3
Tháng 2	2,2	2,1	3,0	2,7	2,2	1,9
Tháng 3	1,9	2,1	2,0	1,9	1,8	1,7
Tháng 4	2,2	2,0	2,1	1,7	2,1	2,1
Tháng 5	1,9	2,0	2,1	1,8	1,9	1,5
Tháng 6	2,3	2,0	2,1	2,7	2,2	2,2
Tháng 7	1,9	2,3	2,4	2,2	1,9	1,5
Tháng 8	3,1	2,8	3,5	2,6	2,9	2,9
Tháng 9	2,2	4,2	4,0	2,7	2,1	2,7
Tháng 10	1,9	2,5	4,2	1,8	1,8	1,8
Tháng 11	2,4	2,0	1,9	2,5	2,3	2,3
Tháng 12	3,7	2,8	2,9	2,5	3,5	4,1

(Nguồn: Niên giám thống kê TP Hà Nội – Cục Thống kê TP Hà Nội)

**** Điều kiện thời tiết bất thường***

- Bão: Theo Trung tâm Khí tượng thủy văn thành phố Hà Nội: Bão xuất hiện hàng năm không đều, tính trung bình trong 1 năm thành phố Hà Nội chịu ảnh hưởng của 01

đến 02 cơn bão và áp thấp nhiệt đới. Có năm nhiều tới 5 cơn bão như năm 1963, 1973 và 1996. Đặc biệt liên tục từ năm 1998 đến năm 2002 không có bão ảnh hưởng đến tp Hà Nội. Trong những năm gần đây, thành phố Hà Nội, mỗi năm chịu ảnh hưởng trực tiếp của từ 01 đến 02 cơn bão, cụ thể như: Năm 2015, chịu ảnh hưởng của bão số 1 có gió giật cấp 6 - 7, có mưa to đến rất to, lượng mưa trung bình đo được từ 100 - 200 mm; Năm 2016, chịu ảnh hưởng trực tiếp của bão số 1, 3 gây mưa to đến rất to kèm theo gió mạnh cấp 6-7, giật cấp 8-9. Năm 2017, thành phố Hà Nội chịu ảnh hưởng trực tiếp của cơn bão số 6, 10 gây mưa to đến rất to kèm theo gió mạnh. Năm 2018, Hà Nội chịu ảnh hưởng trực tiếp của cơn bão số 3 và cơn bão số 11 với tổng lượng mưa trung bình là 144,5 mm, gió cấp 6-7, giật cấp 8. Năm 2019, Hà Nội chịu ảnh hưởng trực tiếp của cơn bão số 3 với mức gió cấp 6-7, giật cấp 8, tổng lượng mưa trung bình là 100 mm. Tháng 9/2024 khu vực miền Bắc và Hà Nội chịu ảnh hưởng của cơn bão Yagi có sức gió giật trên cấp 12 kèm theo mưa lớn.

- Lũ: Khi mưa lớn Hà Nội có khả năng ngập úng cục bộ, năm 2008 và 2012 Hà Nội có mưa lớn, gây ngập úng cục bộ kéo dài khoảng 2-6 ngày.

- Sương mù: Theo thống kê, số ngày có sương mù trong năm dao động từ 22-26 ngày, thường xuất hiệ vào các tháng 10-12.

- Dông, sét: Khu vực Hà Nội có going, sét xảy ra, chủ yếu vào mùa hè, thống kê số ngày dông, sét ở Hà Nội như sau:

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Tổng
Số ngày	0,1	0,3	2,4	7,7	15,2	16,3	19,2	17,9	10,4	3,4	0,7	0,4	90,6

* *Đánh giá ảnh hưởng của điều kiện khí tượng đến hoạt động của dự án*

Nhìn chung khí hậu của khu vực dự án mang tính chất khí hậu đồng bằng Bắc Bộ nóng ẩm, mưa nhiều, chịu ảnh hưởng trực tiếp của gió mùa. Nhiệt độ, độ ẩm không khí tại khu vực đều ở ngưỡng dễ chịu nên không ảnh hưởng xấu tới sức khỏe của công nhân xây dựng của dự án. Lượng mưa và tốc độ gió tại đây thuận lợi cho quá trình pha loãng, chuyển hóa và tự làm sạch của chất thải phát sinh từ các hoạt động của dự án. Như vậy điều kiện khí tượng tại khu vực dự án thuận lợi cho quá trình hoạt động của dự án, không ảnh hưởng nhiều sinh hoạt của nhân dân khu vực lân cận.

**** Dữ liệu về thuỷ văn***

Vị trí dự án đi qua nằm trong vùng đồng bằng sông Hồng có hệ thống sông Nhuệ chảy bao quanh và hệ thống kênh mương nội đồng tương đối lớn. Nên chế độ thủy văn tại khu vực dự án gián tiếp chịu ảnh hưởng về thủy văn và môi trường của sông Nhuệ. Sông Nhuệ ở phía Tây huyện Thường Tín, là nguồn cung cấp nước và tiêu thoát nước quan trọng cho nông nghiệp.

Sông Nhuệ hay Nhuệ Giang là một con sông nhỏ, phụ lưu của sông Đáy. Sông dài khoảng 76 km, chảy ngoằn ngoèo gần như theo hướng bắc Tây Bắc-Nam Đông Nam qua địa phận thành phố Hà Nội và tỉnh Hà Nam.

Sông Nhuệ, trước khi được đào thông với sông Hồng, lấy nước từ đầm Bát Long thuộc xã Hạ Mỗ, huyện Đan Phượng. Trải qua nhiều lần đào, sông mới có được hình thể như ngày nay.

Điểm bắt đầu của nó là rãnh Liên Mạc, lấy nước từ sông Hồng trong địa phận quận Bắc Từ Liêm (thành phố Hà Nội) và điểm kết thúc của nó là cống Phủ Lý khi hợp lưu vào sông Đáy gần thành phố Phủ Lý (tỉnh Hà Nam). Sông chảy qua các quận, huyện: Bắc Từ Liêm, Nam Từ Liêm, Hà Đông, Thanh Trì, Thanh Oai, Thường Tín, Phú Xuyên của thành phố Hà Nội; huyện Duy Tiên của tỉnh Hà Nam và cuối cùng đổ vào sông Đáy ở khu vực thành phố Phủ Lý. Diện tích lưu vực của nó khoảng 1.075 km² (phần bị các đê bao bọc).

Hệ thống Thủy lợi Sông Nhuệ được bao bọc bởi sông Hồng ở phía đông và bắc, sông Đáy ở phía tây, sông Châu Giang ở phía nam, kéo dài từ 20°32'40" đến 21°09'0" vĩ độ bắc, 105°37'30" đến 106°02'0" kinh độ đông, bao gồm một phần đất đai của Thủ đô Hà Nội và tỉnh Hà Nam: Thủ đô Hà Nội có 11 quận nội thành nằm phía bờ nam sông Hồng gồm Ba Đình, Hoàn Kiếm, Tây Hồ, Cầu Giấy, Đống Đa, Hai Bà Trưng, Hoàng Mai, Thanh Xuân, Hà Đông, Bắc Từ Liêm, Nam Từ Liêm và 7 huyện nằm phía đông sông Đáy gồm Đan Phượng, Hoài Đức, Thanh Trì, Thanh Oai, Ứng Hoà, Thường Tín, Phú Xuyên; Tỉnh Hà Nam có thành phố Phủ lý và 2 huyện Duy Tiên, Kim Bảng nằm phía bắc sông Châu Giang và phía đông sông Đáy.

2.1.2. Điều kiện kinh tế - xã hội

Xã Nhị Khê (nay thuộc huyện Thường Tín, Hà Nội) có điều kiện kinh tế xã hội phát triển với thế mạnh về làng nghề truyền thống (đặc biệt là nghề tiện gỗ, đá) và đang đa dạng hóa cơ cấu kinh tế sang dịch vụ - thương mại và nông nghiệp xanh.

- Làng nghề phát triển: Nhị Khê nổi tiếng với nghề tiện gỗ và đá, tạo ra các sản phẩm đa dạng từ đồ dùng gia đình đến trang sức. Các thôn như Nhị Khê, Trung Thôn, Văn Xá là trung tâm phát triển nghề tiện. Ngoài ra, xã còn có nghề làm bánh giày và các loại bánh khác gần khu vực Quán Gánh.

- Dịch vụ - Thương mại: Các ngành nghề dịch vụ cũng bắt đầu phát triển mạnh mẽ, đặc biệt ở khu vực ven Quốc lộ 1 cũ (Quán Gánh), nhờ vị trí giao thông thuận lợi.

- Nông nghiệp: Mặc dù không phải vùng nông nghiệp chuyên sâu, nhưng Nhị Khê vẫn phát triển nông nghiệp sạch, rau sạch và đang hướng tới mô hình nông nghiệp kết hợp nhờ chính sách nông thôn mới và cải cách tưới tiêu.

- Vị trí địa lý thuận lợi: Nằm gần trung tâm Hà Nội và có hệ thống giao thông thuận tiện (quốc lộ 1A, Vành đai 4, tuyến đường sắt Bắc - Nam), tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế.

- Đời sống nhân dân: Do sự phát triển của làng nghề và nghề phụ, kinh tế cá thể của các hộ dân ở xã Nhị Khê có phần nhỉnh hơn mặt bằng chung ở các xã khác thuộc đồng bằng sông Hồng

2.2. Hiện trạng chất lượng môi trường và đa dạng sinh học khu vực thực hiện dự án

a. Đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường

Để đánh giá hiện trạng chất lượng môi trường khu vực thực hiện dự án, Chủ đầu tư dự án đã phối hợp với các đơn vị tư vấn tiến hành quan trắc tại hiện trường và lấy mẫu phân tích chất lượng các thành phần môi trường tự nhiên.

Đơn vị tiến hành khảo sát, lấy mẫu phân tích hiện trạng môi trường: Công ty Cổ phần Nextech Ecolife.

Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường, số hiệu VIMCERTS 290 chứng nhận theo Quyết định số 126/QĐ-BTNMT ngày 18/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

Thời gian tiến hành lấy mẫu, phân tích đánh giá hiện trạng môi trường được thực hiện lấy vào ngày 22/4/2025. Vị trí các điểm khảo sát hiện trạng môi trường được thể hiện trong Bảng sau:

Bảng 2. 5: Vị trí khảo sát môi trường nền của dự án

KH	Vị trí khảo sát hiện trạng môi trường	Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục $105^0 00'$, múi chiếu 3^0	
		X (m)	Y (m)
I	**Môi trường không khí**		
KK1	Mẫu không khí tại phía Tây Bắc của dự án	2311524	588035
KK2	Mẫu không khí tại đường giao thông nội đồng phía Bắc của dự án	2311416	588184
KK3	Mẫu không khí tại đường giao thông nội đồng phía Đông Bắc của dự án	2311372	588368
KK4	Mẫu không khí tại phía Đông Nam của dự án	2311216	588366
KK5	Mẫu không khí tại trung tâm của dự án	2311324	588268
KK6	Mẫu không khí tại phía Tây Nam của dự án	2311365	588039
KK7	Mẫu không khí tại đường giao thông nội đồng phía Nam của dự án	2311288	588161
II	**Môi trường đất**		
Đ1	Mẫu đất tại phía Tây của dự án	2311446	588033
Đ2	Mẫu đất tại phía Đông của dự án	2311298	588375
Đ3	Mẫu đất tại phía Đông Nam của dự án	2311194	588350
Đ4	Mẫu đất tại trung tâm của dự án	2311304	588250
Đ5	Mẫu đất tại phía Nam của dự án	2311282	588250
Đ6	Mẫu đất tại phía Bắc của dự án	2311418	588162
Đ7	Mẫu đất tại phía Tây Bắc của dự án	2311524	588033

KH	Vị trí khảo sát hiện trạng môi trường	Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục $105^0 00'$, múi chiếu 3^0	
		X (m)	Y (m)
III	**Môi trường nước mặt**		
NM1	Mẫu nước mặt tại mương ký hiệu T1 phía Bắc dự án	2311432	588180
NM2	Mẫu nước mặt tại mương ký hiệu T1 phía Nam dự án	2311290	588158
NM3	Mẫu nước mặt tại mương ký hiệu T1 trung tâm dự án	2311379	588171
NM4	Mẫu nước mặt tại mương ký hiệu T2 phía Đông Bắc dự án	2311387	588368
NM5	Mẫu nước mặt tại mương ký hiệu T2 phía Đông dự án.	2311167	588355
NM6	Mẫu nước mặt tại mương ký hiệu T2 phía Đông Nam dự án	2311317	588359
NM7	Mẫu nước mặt tại mương phía Đông Bắc giáp khu vực dự án	2311410	588373

* *Môi trường không khí:*

Bảng 2. 6: Kết quả đo đạc môi trường không khí

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả							QCVN 05:2023/BTNMT[(1)] (Trung bình 1 giờ)
			KK1	KK2	KK3	KK4	KK5	KK6	KK7	
1	Nhiệt độ	°C	29,3	29,5	29,6	29,2	29,1	29,6	28,9	-
2	Độ ẩm	%	67,2	69,1	68,0	67,8	69,4	69,1	71,0	-
3	Tốc độ gió	m/s	<0,5	<0,5	<0,5	<0,5	<0,5	<0,5	<0,5	-
4	Tiếng ồn	dBA	58,8	60,4	54,7	56,2	59,3	62,1	53,7	**70[a]**
5	TSP	$\mu g/m^3$	120	138	125	150	133	126	108	**300**
6	CO	$\mu g/m^3$	<5.100	<5.100	<5.100	<5.100	<5.100	<5.100	<5.100	**30.000**
7	NO_2	$\mu g/m^3$	107	97,6	91,9	90,5	84,2	98,0	89,9	**200**
8	SO_2	$\mu g/m^3$	89,0	99,3	78,8	144	114	123	127	**350**

- *Quy chuẩn so sánh:*

+ QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí; Trung bình 1 giờ;

+ [(a)] QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, khu vực thông thường từ 6 giờ đến 21 giờ.

Nhận xét: So sánh kết quả phân tích môi trường không khí khu vực Dự án và vùng xung quanh với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh cho thấy: tại tất cả các vị trí khảo sát, nồng độ NO_2, SO_2, CO và tổng bụi lơ lửng (TSP) đều có giá trị nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 05:2023/BTNMT (trung bình 1 giờ).

Từ kết quả đo đạc và hiện trạng khu vực dự án cho thấy môi trường không khí trong khu vực dự án còn khá tốt.

* *Môi trường đất:*

Mẫu đất được lấy đồng thời với đợt khảo sát chất lượng môi trường không khí xung quanh tại khu vực dự án. Các chỉ tiêu phân tích để đánh giá hiện trạng môi trường đất là các kim loại nặng trong đất bao gồm: Cu, Zn, As, Pb, Cd, Cr

Bảng 2. 7: Kết quả đo và phân tích môi trường đất

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả							QCVN 03:2023/BTNMT	
			Đ1	Đ2	Đ3	Đ4	Đ5	Đ6	Đ7	Loại 1	Loại 2
1	Cd	mg/Kg	<0,4	<0,4	<0,4	<0,4	<0,4	<0,4	<0,4	**4**	**10**
2	Cu	mg/Kg	17,8	18,6	17,7	19,1	18,2	15,7	16,7	**150**	**500**
3	As	mg/Kg	<0,2	<0,2	<0,2	<0,2	<0,2	<0,2	<0,2	**25**	**50**
4	Pb	mg/Kg	<14	<14	<14	<14	<14	<14	<14	**200**	**400**
5	Cr	mg/Kg	<5	<5	<5	<5	<5	<5	<5	**150**	**200**
6	Zn	mg/Kg	26,2	24,1	23,8	26,4	29,9	26,5	22,0	**300**	**600**

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 03:2023/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng đất; Loại 1: Đất ở gồm đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị; Loại 2: Đất xây dựng trụ sở cơ quan.

Nhận xét: So sánh kết quả phân tích chất lượng môi trường đất với QCVN 03:2023/BTNMT (loại 1, loại 2) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất cho thấy chất lượng môi trường đất khu vực dự án tương đối tốt. Các chỉ tiêu phân tích tại các điểm khảo sát đều cho giá trị phân tích thấp hơn nhiều lần so với giới hạn cho phép của QCVN 03:2023/BTNMT (loại 1, loại 2). Từ kết quả phân tích cho thấy môi trường đất trong khu vực dự án tương đối tốt.

** Môi trường nước mặt:*

Bảng 2. 8: Kết quả đo và phân tích môi trường nước mặt

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả							QCVN 08:2023/BTNMT Mức 8 (Bảng 1)
			NM1	NM2	NM3	NM4	NM5	NM6	NM7	
1	pH	-	6,9	6,7	6,3	7,1	7,4	7,0	6,8	6 ÷ 8,5[a]
2	DO	mg/L	**5,1**	**6,8**	**7,0**	**9,1**	**10,8**	**5,6**	**7,3**	≥ 5[a]
3	Nhu cầu ôxy hóa học (COD)	mg/L	**16**	**12**	**14**	**47**	**48**	**44**	**43**	≤ 15[a]
4	Nhu cầu ôxy sinh hóa (BOD_5 ở 20°C)	mg/L	**7**	**6**	**6**	**21**	**22**	**20**	**19**	≤ 6[a]

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả							QCVN 08:2023/BTNMT Mức 8 (Bảng 1)
			NM1	NM2	NM3	NM4	NM5	NM6	NM7	
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	**15**	**18**	**14**	**17**	**15**	**12**	**10**	**≤ 100[a]**
6	Fe	mg/L	<0,05	<0,05	<0,05	<0,05	<0,05	<0,05	<0,05	**0,5**
7	Pb(*)	mg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	**0,02**
8	Cr(*)	mg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	-
9	As	mg/L	<0,001	<0,001	<0,001	<0,001	<0,001	<0,001	<0,001	**0,01**
10	Amoni (NH_4^+_N)	mg/L	**1,70**	**1,39**	**1,11**	**0,32**	**0,47**	**0,38**	**0,59**	**0,3**
11	Nitrit (NO_2^-_N)	mg/L	<0,015	<0,015	<0,015	**0,94**	**0,70**	**0,83**	**0,75**	**0,05**
12	Nitrat (NO^-_3_ N)	mg/L	<0,20	<0,20	<0,20	<0,20	<0,20	<0,20	<0,20	-
13	Phosphat (PO_4^{3-}_P)	mg/L	0,21	0,27	0,18	0,11	0,15	0,17	0,13	-
14	Tổng dầu mỡ	mg/L	<1,5	<1,5	<1,5	<1,5	<1,5	<1,5	<1,5	**5**
15	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/L	<0,03	<0,03	<0,03	<0,03	<0,03	<0,03	<0,03	**0,1**
16	*Tổng Coliform*	MPN/100mL	**1.700**	**1.500**	**1.200**	**2.400**	**2.200**	**1.700**	**1.500**	**≤ 5000[a]**

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt;

+ Bảng 1: Giá trị giới hạn tối đa các thông số ảnh hưởng tới sức khỏe con người;

+[(a)] Bảng 2: Giá trị giới hạn các thông số trong nước mặt phục vụ cho việc phân loại chất lượng nước sông, suối, kênh, mương, khe, rạch và bảo vệ môi trường sống dưới nước; Mức B;

- (*): Chỉ tiêu được thực hiện bởi Công ty Cổ phần Công nghệ và kỹ thuật Hatico Việt Nam, Vimcerts 269.

Nhận xét: Kết quả quan trắc chất lượng nước mặt tại 07 vị trí đại diện cho toàn bộ khu vực thực hiện dự án trong đợt lấy khảo sát cho thấy hầu hết các thông số phân tích đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt so sánh theo mức B (Bảng 2) và Giá trị giới hạn tối đa các thông số ảnh hưởng tới sức khỏe con người Bảng 1 QCVN 08:2023/BTNMT trừ các thông số DO, COD, BOD_5, TSS, Amoni, Nitrit (NM4, NM5, NM6, NM7), Tổng Coliform.

b. Hiện trạng tài nguyên sinh vật:

* *Hệ sinh thái trên cạn:*

Theo điều tra khảo sát khu vực dự án cho thấy, hệ sinh thái khu vực mang đặc trưng của hệ sinh thái nông nghiệp đơn thuần.

- Hệ sinh thái của địa phương là hệ sinh thái đồng ruộng, mang đặc trưng chung của hệ sinh thái đồng bằng. Đó là hệ sinh thái nông nghiệp đơn giản. Chủ yếu là trồng lúa nước, hoa màu. Ngoài các cây trồng chính, thực vật phân bố ở đây còn có các loại cỏ, một số loài phụ thuộc họ hòa thảo (Poaceae) (cỏ đồng vực, cỏ chì...) và một số loại thuộc các họ khác (cỏ voi, cỏ bợ, cỏ vẩy ốc...).

- Đi kèm với hệ sinh thái đồng ruộng, các loài động vật phân bố trong khu vực cũng là những loài thuộc dạng sinh cảnh đồng ruộng trồng lúa và hoa màu. Các loài thường gặp trong sinh cảnh này có chuột đất lớn, chuột nhắt đồng. Các loài này sống chủ yếu ở các ruộng trồng lúa, hoa màu, chúng phát triển nhiều trong khoảng thời gian thu hoạch lúa hay hoa màu, các khoảng thời gian khác chúng co cụm sống trong các hang hốc bờ ruộng, nhất là trong mùa Đông có nhiệt độ thấp.

- Các loài chim chiếm ưu thế phân bố ở sinh cảnh này thuộc các Họ: Choi choi, rẽ, Bói cá, Chim chích, Chèo bẻo, Cò, …

- Bò sát: Bắt gặp trong sinh cảnh này gồm thằn lằn bóng hoa, rắn sãi thường, rắn hổ mang, nhái bén nhỏ, ngóe, ếch đồng...

- Ngoài những loài trên, các loài côn trùng cũng là những loài chiếm ưu thế trong hệ sinh thái này. Các loài côn trùng phân bố trong sinh cảnh này là các loài thuộc Bộ cánh vảy (Lepidoptera), Bộ cánh cứng (Coleoptera), Bộ cánh màng (Hymenoptera). Ba bộ trên có số loài phân bố chiếm ưu thế trong sinh cảnh khu vực. Ngoài ra, trong khu vực còn phát hiện thấy sự có mặt của một số loài khác thuộc các bộ khác nhưng số lượng không đáng kể.

- Một số loài sâu hại nông nghiệp, một số loài là thiên địch của các loài sâu hại, ngoài ra còn một số loài là côn trùng thú y. Thành phần các loại sâu hại nông nghiệp bao gồm chủ yếu các loài sâu hại lúa, một số sâu hại rau màu đặc trưng trên đồng ruộng ở đồng bằng Bắc Bộ.

Ngoài những loài côn trùng có ý nghĩa kinh tế, những loài côn trùng còn lại hầu hết là những loài phổ biến, phân bố rộng. Không có một loài nào thuộc loại quý hiếm cần được bảo vệ được ghi trong sách đỏ Việt Nam.

-Trong khu vực dân cư có một số loài được nuôi phổ biến như: Gà, vịt, trâu, bò, lợn. Ngoài ra một số loài, được quan sát thấy trong sinh cảnh khu dân cư: Họ nhà chuột, thạch sùng đuôi sần, tắc kè. Một số nơi ẩm ướt quanh khu vực dân cư chủ yếu là các loài phổ biến như: Cóc nhà (Bufo melanostictus), ngóe (Ran Limnocharis) và nhái bầu vân (Microhyla pulchra).

Ngoài ra, trong khu vực dự án chỉ có các ao kênh mương nhỏ nên hệ sinh thái dưới nước khu vực không đa dạng, phong phú và không có loài quý hiếm. Việc sử dụng bừa bãi các loại thuốc bảo vệ thực vật trong những năm qua đã để lại một lượng dư lượng hóa chất

bảo vệ thực vật... làm cho nguồn sinh vật thủy sinh trên đồng ruộng ngày càng cạn kiệt.

** Hệ sinh thái thủy vực:*

Bao gồm hệ sinh thái ao và hệ sinh thái kênh rạch (kênh tưới, tiêu).

- Hệ động vật nổi:

Các số liệu thống kê đã xác định trong khu vực có 9 loài thuộc các nhóm Copepoda, Ostracoda, Cladocera, Chaetognata, Tunicata cùng 10 nhóm động vật phù du khác. Số lượng cá thể động vật phù du tăng lên vào mùa mưa.

- Hệ động vật đáy: Chất đáy chủ yếu là bùn, tại đây động vật đáy thuộc nhóm giun định cư Sendentaria và nhóm ốc Gastropoda.

- Khu hệ cá:

Khu hệ cá các thuỷ vực nước ngọt thuộc khu vực dự án cho thấy hầu hết là các loài cá tự nhiên, phổ biến ở vùng đồng bằng Bắc Bộ như: Cá chép, trôi, trắm, mè, rô đồng, trê, lươn.... Một số loài cá được nuôi thả như: Trắm cỏ, mè, rô phi...

- Khu hệ động vật có xương sống ngoài cá

Bò sát - Lưỡng cư có ếch đồng, nhái, rắn cạp nong, cạp nia và rắn ráo.

Nhìn chung tính đa dạng sinh học của khu vực là không cao, trong khu vực không có loài động thực vật đặc hữu hay có nguy cơ tuyệt chủng cần phải bảo vệ.

[Nguồn: Danh lục thực vật Việt Nam – Nhà xuất bản nông nghiệp]

2.3. Nhận dạng các đối tượng bị tác động, yêu tố nhạy cảm về môi trường lưu vực thực hiện dự án

** Các đối tượng bị tác động trong quá trình thực hiện dự án bao gồm:*

- Khu dân cư thôn Văn Xá (cách ranh giới dự án 125m về phía Tây Bắc khu vực Dự án);

- Các tuyến đường giao thông: Đường bê tông nội động;

- Khu vực sản xuất nông nghiệp: Cánh đồng nằm trong khu vực dự án.

** Các yếu tố nhạy cảm về môi trường khu vực thực hiện dự án:*

Theo quy định tại điểm đ khoảng 4 Điều 25 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung tại khoảng 6 Điều 1 Nghị định 05/20025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ, các yếu tố nhạy cảm về môi trường liên quan đến dự án "Xây dựng HTKT để đấu giá QSD đất khu Nhị Khê 6, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội" được xác định liên quan đến yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng 5,14 ha đất trồng lúa nước từ 02 vụ theo quy định của pháp luật.

2.4. Sự phù hợp của địa điểm lựa chọn thực hiện dự án

Vị trí thực hiện dự án phù hợp với điều kiện tự nhiên và kinh tế xã hội khu vực bởi các yếu tố sau

a) Về điều kiện tự nhiên

Khu vực dự án có điều kiện địa lý thuận lợi, cụ thể:

Về giao thông: mạng lưới giao thông tiếp cận đến khu vực Dự án đã được đầu tư hoàn thiện, thuận lợi cho công tác vận chuyển nguyên vật liệu, máy thi công (giai đoạn thi công). Khu vực dự án có thể kết nối trực tiếp với đường bê tông nội đồng về phía Tây Bắc, quá trình vận chuyển nguyên vật liệu diễn ra chủ yếu trên tuyến đường này.

Về thủy văn: Qua khảo sát thực địa cho thấy: Hoạt động của dự án không bị ảnh hưởng của dòng chảy trong khu vực.

Về hiện trạng môi trường: theo kết quả khảo sát hiện trạng các thành phần môi trường tại khu vực Dự án và vùng xung quanh cho thấy: Chất lượng môi trường không khí xung quanh, tiếng ồn và chất lượng môi trường đất tại khu vực Dự án và khu vực lân cận đối tốt. Các chỉ tiêu quan trắc, phân tích đều nằm trong giới hạn cho phép của các QCVN. Như vậy, quá trình thực hiện Dự án không bị ảnh hưởng bởi các tác nhân ô nhiễm từ môi trường tự nhiên (bị ảnh hưởng từ môi trường bị ô nhiễm).

Về đa dạng sinh học: Kết quả khảo sát hiện trạng sinh thái và tài nguyên sinh vật tại khu vực cho thấy: trong khu vực dự án và khu vực xung quanh không có các hệ sinh thái đặc hữu, không có các loài quý hiếm cần bảo vệ, bảo tồn.

b) Về điều kiện kinh tế - xã hội

Dự án triển khai phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội khu vực bởi các yếu tố sau:

- Dự án được triển khai sẽ góp phần tăng thêm quỹ đất, tạo ra khu đất có HTKT đồng bộ, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

- Khu vực thực hiện Dự án không thu hồi đất ở nên không cần tiến hành công tác tái định cư, diện tích đất thực hiện dự án chủ yếu là canh tác nông nghiệp.

CHƯƠNG III: ĐÁNH GIÁ , DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN VÀ ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP, CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Các giai đoạn phát triển của dự án phát sinh những tác động khác nhau đến điều kiện môi trường tự nhiên môi trường kinh tế xã hội khu vực. Việc đánh giá tác động của dự án đến môi trường tự nhiên, kinh tế - xã hội được thực hiện theo 2 giai đoạn chính: giai đoạn triển khai xây dựng dự án và giai đoạn dự án đi vào vận hành. Do loại hình dự án khá đơn giản là xây dựng hạ tầng khu dân cư, do đó giai đoạn vận hành thử nghiệm có tính chất tương tự như giai đoạn vận hành ổn định. Vì vậy có thể coi tác động của 2 giai đoạn này là một.

Phần đánh giá tác động môi trường tập trung phân tích chi tiết các nguồn gây tác động có liên quan hoặc không liên quan đến chất thải, các đối tượng và quy mô bị tác động từ đó đưa ra những đánh giá tác động đến môi trường của dự án.

Bảng 3. 1: Các hoạt động và nguồn gây tác động có liên quan đến chất thải trong giai đoạn giải phóng mặt bằng, thi công xây dựng

TT	Các hoạt động	Nguồn gây tác động
I	**Giai đoạn xây dựng**	
1	Giải phóng mặt bằng	- Chất thải phát quang bao gồm: Gốc, rễ, thân, cành, lá, … - Bụi trong quá trình phá dỡ; - Bụi từ quá trình vận chuyển phế thải; - Khí thải và bụi từ hoạt động của các máy thi công; các phương tiện vận tải. - Nước thải từ quá trình rửa các máy thi công; các phương tiện vận tải.
2	Hoạt động san nền và thi công các hạng mục hạ tầng kỹ thuật	- Bụi trong quá trình san nền (đào/đắp); - Đất thải từ quá trình bóc lớp hữu cơ phong hóa; - Khí thải và bụi từ hoạt động của các máy thi công; các phương tiện vận tải. - Nước thải từ quá trình rửa các máy thi công; các phương tiện vận tải; dụng cụ thi công. - Chất thải rắn xây dựng; - Chất thải nguy hại - Sinh hoạt của CBCNV tại công trường: + Chất thải rắn sinh hoạt; + Nước thải sinh hoạt;
II	**Giai đoạn vận hành**	
1	Hoạt động sinh hoạt của người dân	- Nước thải sinh hoạt - Bụi và khí thải phát sinh từ các phương tiện giao thông - Chất thải rắn - Chất thải nguy hại

Bảng 3. 2: Các hoạt động và nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải trong giai đoạn giải phóng mặt bằng, thi công xây dựng

TT	Các hoạt động	Nguồn gây tác động
I	**Giai đoạn xây dựng**	
1	Giải phóng mặt bằng	- Tác động tới kinh tế của các hộ dân chịu ảnh hưởng. - Nước mưa chảy tràn; - Phát quang tạo mặt bằng thi công: + Tiếng ồn và độ rung từ các máy thi công, phương tiện vận tải; + Tiềm ẩn nguy cơ gây úng ngập khu vực xung quanh.
2	Hoạt động san nền và thi công các hạng mục hạ tầng kỹ thuật	- Tiếng ồn và độ rung từ các máy thi công, phương tiện vận tải; - Tiềm ẩn nguy cơ gây úng ngập khu vực xung quanh; - Nước mưa chảy tràn;
3	Tập trung công nhân tại công trường	- Tiềm ẩn mẫu thuẫn với cộng đồng xung quanh; - Lan truyền dịch bệnh và tệ nạn xã hội; - Tiềm ẩn nguy cơ xảy ra tai nạn lao động trong thi công xây dựng.
II	**Giai đoạn vận hành**	
1	Hoạt động sinh hoạt của người dân	- Tiếng ồn do hoạt động của các phương tiện giao thông đến khu vực dự án - Tiềm ẩn nguy các tệ nạn xã hội

3.1. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường giai đoạn thi công xây dựng dự án.

3.1.1. Đánh giá, dự báo tác động

3.1.1.1. Các tác động môi trường liên quan đến chất thải

1) Tác động do nước thải

Nước thải phát sinh trong giai đoạn giải phóng mặt bằng, thi công xây dựng chủ yếu là nước thải sinh hoạt của CBCNV làm việc trong giai đoạn thi công; nước rửa xe của phương tiện vận tải, dụng cụ thi công và nước mưa chảy tràn qua khu vực thực hiện Dự án.

a) Nước thải sinh hoạt

Nước thải sinh hoạt phát sinh chủ yếu do sinh hoạt của 100 công nhân thi công trong giai đoạn này. Công nhân lao động tại dự án trong giai đoạn này đa số là người địa phương, tự đảm bảo các điều kiện vệ sinh, sinh hoạt nghỉ ngơi, chỉ làm việc trong giờ hành chính không sinh hoạt trực tiếp tại dự án. Do đó, căn cứ vào Bảng 1.15 Chương I thì lưu lượng nước cấp cho công nhân thi công là $Q_{cấp}$= 4,5 m^3/ngày đêm.

Theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP của Chính phủ về xử lý

nước thải, tổng lượng nước thải sinh hoạt được ước tính bằng 100% lượng nước cấp, thì lượng nước thải mỗi ngày phát sinh là $Q_{cấp}$ x 100% = 4,5 m^3/ngày đêm.

Hệ số ô nhiễm đối với nước thải sinh hoạt do CBCNV thải ra trong giai đoạn thi công, xây dựng có thể tham khảo theo Bảng 21, TCVN 7957:2023/BXD như sau:

Bảng 3. 3: Hệ số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt của CBCNV (giai đoạn xây dựng)

TT	Các đại lượng	Khối lượng(g/người.ngày)
1	Chất rắn lơ lửng (SS)	60 ÷ 65
2	BOD_5 của nước thải đã lắng	30 ÷ 35
3	BOD_5 của nước chưa lắng	55 ÷ 60
4	Nitơ amôni ($N-NH_4$)	8 ÷ 10,5
5	Tổng photpho (TP)	1,1 ÷ 2,2

(Nguồn: TCVN 7957:2023/BXD– Thoát nước– Mạng lưới công trình bên ngoài- Tiêu chuẩn thiết kế)

Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt của CBCNV trong giai đoạn xây dựng (trước xử lý) được thể hiện trong Bảng sau:

Bảng 3. 4: Dự báo nồng độ nước thải sinh hoạt trong giai đoạn xây dựng (trước xử lý)

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Trước xử lý	QCVN 14:2018/BTNMT/Cột B
1	Chất rắn lơ lửng (SS)	mg/l	1.333 ÷ 1.444	**100**
2	BOD_5	mg/l	667 ÷ 778	**50**
3	Amoni (tính theo N)	mg/l	178 ÷ 233	**10**
4	Photphat (PO_4^{3-}) (tính theo P)	mg/l	24 ÷ 49	**10**

Ghi chú:

- QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

Mức B: Nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

Nhận xét

Dựa trên bảng trên có thể thấy, nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải trước xử lý có giá trị vượt nhiều lần so với giới hạn cho phép của QCĐP, cụ thể:

Tổng chất rắn lơ lửng (TSS): vượt từ 13,33 ÷ 14,44 lần so với giới hạn cho phép của QCVN;

Nồng độ BOD_5: Vượt từ 13,34 ÷ 15,56 lần so với giới hạn cho phép của QCVN;

Nồng độ Amoni: Vượt 17,8 ÷ 23,3 lần so với giới hạn cho phép của QCVN;

Phosphat (PO_4^{3-}): Vượt từ 2,4 ÷ 4,9 lần so với giới hạn cho phép của QCVN;

Khối lượng nước thải này nếu không được xử lý sẽ có tác động trực tiếp tới môi trường nước mặt và nước dưới đất khu vực Dự án. Tuy nhiên tổng lượng nước thải sinh hoạt không ổn định, phụ thuộc vào tiến độ thi công của từng hạng mục. Thực tế khi thi công xây dựng, lượng nước thải cần phải xử lý của Dự án sẽ giảm xuống do lượng công

nhân ở lại công trường không nhiều (công nhân làm việc theo ca và tùy theo tiến độ cần thi công mỗi hạng mục). Công nhân địa phương sẽ sử dụng các công trình xử lý nước thải tại gia đình để xử lý nước thải, do đó khối lượng nước thải cần xử lý tại công trường sẽ giảm xuống.

- Qua bảng tính toán nhận thấy, tải lượng chất ô nhiễm và nồng độ các thông số trong nước thải sinh hoạt của công nhân tại công trường khi chưa qua xử lý khá lớn. Vì vậy, trong quá trình thi công với lượng nước thải của công nhân xây dựng sẽ gây ra những tác động trực tiếp tới môi trường nước như: làm tăng độ đục của nước, gây ra hiện tượng phú dưỡng. Do đó, nguồn nước thải sinh hoạt phát sinh này nếu không được xử lý sẽ tác động trực tiếp đến chất lượng nguồn nước mặt của khu vực quanh dự án.

- Thời gian tác động: Trong suốt quá trình thi công xây dựng dự án.

- Đề xuất trong công trường xây dựng tại khu lán trại cho công nhân, chủ đầu tư sẽ thuê 02 nhà vệ sinh di động nhằm giảm thiểu ô nhiễm do nước thải sinh hoạt của công nhân xây dựng đến khu vực xung quanh.

b) Nước thải thi công

Nước thải thi công chủ yếu bao gồm: Nước vệ sinh dụng cụ từ quá trình rửa dụng cụ (xẻng, máy đầm, máy trộn,...), nước rửa bánh xe trước khi ra khỏi công trường có thể gây ô nhiễm môi trường khu vực.

Áp dụng theo nghị định 80/2014/NĐ-CP thì lượng nước thải trong quá trình thi công được tính bằng 80% lượng nước cấp sử dụng. Tổng lưu lượng nước thải từ quá trình thi công xây dựng được tính toán dựa vào công thức:

$$Q_{xả} = Q_{cấp} \times 80\% \ (m^3/ngày\ đêm)$$

Trong đó:

- $Q_{cấp}$: Lưu lượng sử dụng nước (m^3/ngày đêm)

- $Q_{xả}$: Lưu lượng nước thải (m^3/ngày đêm)

Căn cứ vào Bảng 1.15 Chương I thì lượng nước cấp cho quá trình thi công dự án là khoảng 37,1 m^3/ngày đêm. Như vậy tổng lưu lượng nước thải thi công xây dựng là 80% x 37,1= 29,68 m^3/ngày.đêm.

Bảng 3. 5: Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải thi công

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Nước thải thi công	QCTĐHN 02:2014/BTNMT Cột B
1	pH	-	7,2	6,5-9,7
2	Chất lơ lửng SS	mg/l	503,0	108
3	COD	mg/l	6,99	6,5-9,7
4	BOD_5	mg/l	663,0	108
5	NH_4^+	mg/l	85	162
6	Tổng N	mg/l	56	54

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Nước thải thi công	QCTĐHN 02:2014/BTNMT Cột B
7	Tổng P	mg/l	9,6	10,8
8	Zn	mg/l	49,27	43,2
9	Pb	mg/l	4,25	6,48
10	Dầu mỡ khoáng	mg/l	0,004	3,24
11	Coliform	MPN/100ml	0,055	0,54

[Nguồn Viện Khoa học công nghệ và quản lý môi trường – IESEM]

***Ghi chú**: QCVN 02:2014/BTNMT: quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp trên địa bàn thủ đô Hà Nội- Cột B: Quy định giá trị nồng độ của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt*

Vì mỗi hạng mục của dự án thi công theo khoảng thời gian khác nhau nên lượng nước thải phát sinh phụ thuộc theo khối lượng nguyên vật liệu vận chuyển cho từng giai đoạn thi công tương ứng. Hơn nữa, lượng nước thải rửa xe chủ yếu phát sinh trong giai đoạn dự án thi công hạng mục san nền, đào đắp tạo mặt bằng thi công, do đó nhằm hạn chế tối đa lượng đất thải bám dính vào lốp xe nên các phương tiện vận chuyển đều được phun rửa sạch trước khi ra ngoài công trường.

- Đối tượng chịu tác động: Hệ thống thoát tạm tại công trường.

- Tác nhân ảnh hưởng: Các vật chất lơ lửng trong nước (đất, cát) và có thể nhiễm dầu, mỡ;

- Mức độ tác động: Mức trung bình, đại diện chủ dự án sẽ áp dụng các biện pháp tách dòng, giảm thiểu lượng đất, cát từ nước vệ sinh thiết bị;

Khả năng phục hồi của đối tượng chịu tác động: Khả năng phục hồi nhanh đối với các tác nhân ô nhiễm là đất/cát do quá trình lắng đọng của các vật chất trong nước.

2) Tác động do bụi, khí thải

Bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động giải phóng mặt bằng, thi công xây dựng bao gồm:

- Hoạt động san nền;

- Hoạt động tập kết, bốc dỡ nguyên vật liệu xây dựng;

- Hoạt động của các máy thi công (máy xúc, máy ủi, máy lu....);

- Hoạt động của các phương tiện vận tải;

a) Hoạt động san nền

Hoạt động san nền là nguồn gây tác động đáng kể trong giai đoạn này do quá trình đào/đắp nền để đạt cao độ thiết kế. Hoạt động san nền được triển khai theo tiến độ GPMB, tại các khu vực đã được bàn giao mặt bằng. Dự kiến thời gian san nền diễn ra trong thời gian 6 tháng. Từ Bảng 1.6 và Bảng 1.7 Chương I đã thống kê được tổng khối lượng từ hoạt động đào, đắp của dự án là 298.123,83 m^3= 476.998,13 tấn.

Lượng bụi phát sinh được tính toán theo tài liệu hướng dẫn ĐTM của Ngân hàng thế giới (*(Environmental Assessment Sourcebook, Volume II, Sectoral Guidelines, Environment, World Bank, Washington D.C 8/1991)*. Hệ số ô nhiễm E được tính bằng công thức sau:

$$\mathbf{E = k \times 0{,}0016 \times (U/2{,}2)^{1,4} / (M/2)^{1,3}} \qquad \mathbf{(3.1)}$$

Trong đó:

E : Hệ số ô nhiễm, kg bụi/tấn đất;

K : Cấu trúc hạt có giá trị trung bình là 0,35;

U: Tốc độ gió trung bình trong tháng 0,3 m/s;

M : Độ ẩm trung bình của vật liệu, khoảng 30%.

$$\text{Vậy } E = 0{,}35 \times 0{,}0016 \times \left(\frac{0{,}3}{2{,}2}\right)^{1,4} \div \left(\frac{0{,}3}{2}\right)^{1,3} = 0{,}0004 \text{ kg bụi/tấn}$$

Tính toán khối lượng bụi phát sinh từ hoạt động đào/đắp từ hoạt động san nền của dự án theo công thức sau:

$$\mathbf{W = E \times Q \times d} \qquad \mathbf{(3.2)}$$

Trong đó:

W: Lượng bụi phát sinh bình quân (kg);

E: Hệ số ô nhiễm (kg bụi/tấn đất);

Q: Khối lượng đất đào/đắp (m^3); Q= 298.123,83 m^3

d: Tỷ trọng đất đào đắp (lấy trung bình d = 1,6 tấn/m^3).

Thay các giá trị ta có khối lượng bụi phát sinh là

$$W = 0{,}0004 \times 298.123{,}83 \times 1{,}6 = 190{,}80 \text{ kg.}$$

Dựa trên tải lượng bụi phát sinh trong quá trình san nền tại khu vực Dự có thể ước tính nồng độ bụi phát sinh tại khu vực công trường theo công thức sau:

$$\mathbf{C = \Sigma B/V} \qquad \mathbf{(3.3)}$$

Trong đó:

C: Nồng độ của bụi tổng số (TSP) tính trung bình 1 giờ (mg/m^3);

B: Tải lượng bụi tổng số gây ra do hoạt đào đắp trong quá trình san nền, tính trung bình trong 1 giờ (mg);

V: Thể tích vùng tính toán (m^3); thể tích vùng tính toán dựa trên diện tích khu vực tiến hành hoạt động san nền, khu vực xung quanh (bán kính 30m) và chiều cao phát tán (lấy trung bình 10m);

Tính toán cụ thể như sau:

+ B: Lượng bụi phát sinh do quá trình đào/đắp san nền.

Lượng bụi phát sinh do quá trình san nền tại khu vực là Q = 190,80 kg;

Thời gian tiến hành san nền dự kiến là: 6 tháng (tương đương 180 ngày làm việc);

Thời gian làm việc mỗi ngày là: 8 giờ/ngày;

Lượng bụi tính trung bình 1 giờ trong giai đoạn này là:

$$Q= 190,80/180/8 = 0,13 \text{ kg/giờ};$$

+ V: Thể tích vùng tính toán (m^3); V= S x d, trong đó:

S= diện tích khu vực ảnh hưởng: 60.106,90 m^2; bao gồm:

d = chiều cao phát tán, tính trung bình d = 10m;

Thay các giá trị ta có V = 601.069 m^3

Nồng độ bụi do hoạt động đào/đắp được tính như sau:

$$C= 0,13\text{kg/giờ} *10^6\text{mg/kg}: 601.069 \text{ m}^3 = 0,22 \text{ mg/m}^3$$

Theo kết quả tính toán trên có thể thấy nồng độ bụi trung bình tại khu vực công trường có giá trị 0,22 mg/m^3 nằm trong giới hạn cho phép so với QCVN 05:2023/BTNMT (trung bình 1 giờ) là 0,3mg/m^3.

Do hướng gió chủ đạo của khu vực là hướng Đông Bắc (mùa Đông) và hướng Đông Nam (mùa Hè) nên các khu vực chịu tác động nằm về phía Tây Nam của khu vực thi công (mùa Đông) và Tây Bắc của khu vực thi công (mùa hè). Căn cứ trên bản đồ tổng mặt bằng thì khu vực dân cư khu vực cuối hướng gió của dự án là đối tượng chịu tác động chính từ bụi phát sinh trong quá trình san nền của Dự án. Tuy nhiên, hiện trạng khu vực dự án là đất ruộng canh tác trong vòng bán kính 137m kể từ ranh giới khu đất dự án không có hộ dân sinh sống, do vậy tác động từ bụi trong quá trình san lấp đến khu dân cư trên được đánh giá ở mức thấp. Khu vực dân cư thôn Văn Xá, tiếp giáp về phía Tây Nam bị ảnh hưởng mức trung bình trong quá trình san nền.

- Vị trí phát thải: Các khu vực tiến hành san nền;

- Đối tượng chịu tác động: Môi trường tự nhiên, công nhân lao động của nhà thầu;

- Mức độ tác động: Mức trung bình, ảnh hưởng tới chất lượng môi trường không khí khu vực san nền, ảnh hưởng tới sức khỏe của công nhân lao động trên công trường;

Khả năng phục hồi của đối tượng chịu tác động: phục hồi nhanh sau khi nguồn tác động dừng.

b) Hoạt động bốc dỡ và tập kết vật liệu xây dựng trong giai đoạn xây dựng:

Quá trình bốc dỡ và tập kết nguyên vật liệu như đất, đá tại công trường xây dựng sẽ gây phát tán bụi ra môi trường xung quanh. Tổng khối lượng nguyên vật liệu sử dụng trong giai đoạn xây dựng Dự án (quy đổi) là 412.226,06 tấn (Bảng 1.11).

Theo Tổ chức y tế Thế giới WHO tải lượng ô nhiễm bụi như sau:

Tải lượng bụi lan tỏa khi bốc xếp vật liệu rời là: 0,17 kg/tấn;

Từ đây, ta tính được tải lượng bụi phát sinh từ các hoạt động bốc xếp nguyên vật liệu đất cát, xi măng.... như sau: 412.226,06 x 0,17 = 70.078,43 kg

Với tổng tải lượng bụi như trên, thời gian vận chuyển, bốc dỡ vật liệu xây dựng trong khoảng 320 ngày, vậy trung bình 1 ngày lượng bụi phát sinh là khoảng 219 kg đối với công tác bốc xếp, tập kết;

Áp dụng mô hình Sutton dựa trên lý thuyết Gausse áp dụng cho nguồn đường và nguồn mặt, để dự báo, tính toán nồng độ bụi tại một điểm bất kỳ tại công trường và trên tuyến đường vận chuyển. Nghiệm của phương trình được tính cho nguồn thải không liên tục và dài vô hạn khi ($X \to \infty$), gió thổi vuông góc với bề mặt đường và công trường. Phương trình có dạng:

$$C = \frac{0.8E\left\{\exp\left[\frac{-(z+h)^2}{2\delta_Z{}^2}\right] + \exp\left[\frac{-(z-h)^2}{2\delta_Z{}^2}\right]\right\}}{\delta_Z u} \quad (1)$$

Trong đó:

C: Nồng độ bụi trong không khí (mg/m^3).

E: Tải lượng chất ô nhiễm từ nguồn thải (mg/ms).

z: Độ cao của điểm tính toán (m), trong trường hợp này tính toán tại độ cao mà con người có thể bị ảnh hưởng trung bình là 1,5m.

h: Độ cao của mặt đường và công trường so với mặt đất xung quanh (m), theo thiết kế san nền của Dự án có độ cao trung bình của đường và bề mặt san nền khoảng 0,8m, so với mặt đất xung quanh.

u: Tốc độ gió trung bình tại khu vực (m/s), vào mùa hè với hướng gió chủ đạo là Đông Nam với tốc độ trung bình của tháng có gió mạnh nhất là 0,85 m/s, mùa đông với hướng gió chủ đạo là Đông Bắc, với tốc độ trung bình của tháng có gió mạnh nhất là 0,9 m/s. Tạo với bề mặt công trường một góc khoảng 90°.

δ_Z: Hệ số khuyếch tán bụi theo phương z (m) là hàm số của khoảng cách X theo phương gió thổi, với độ ổn định khí quyển tại khu vực Dự án là B, nhiệt độ trung bình mùa hè là 28,5°C, mùa đông là 18,0°C. δ_Z trong trường hợp nguồn đường giao thông thông thường được xác định theo công thức Slade (1968):

$$\delta_Z = 0,53 \cdot X^{0,73} \quad (2)$$

Với X là khoảng cách của điểm tính so sánh với nguồn thải, tính theo chiều gió thổi (m). Hệ số khuếch tán của bụi được tính toán ở bảng dưới:

Bảng 3. 6: Hệ số khuyếch tán bụi trong không khí theo phương Z

X	5	10	15	20	30	50	80	100
δ_Z	1,72	2,85	3,83	4,72	6,35	9,22	12,98	15,28

Kết quả tính toán nồng độ bụi phát tán trong quá trình bốc xếp, tập kết nguyên vật liệu rời trong thi công Dự án theo mô hình Sutton được thể hiện tại bảng:

Bảng 3. 7: Nồng độ bụi phát tán khi bốc xếp tại công trường

Phát tán theo hướng gió chủ đạo	Nồng độ bụi theo khoảng cách ($\mu g/m^3$)							
	5m	10m	15m	20m	30m	50m	80m	100m
Đông Nam	168	69	47	37	27	18	13	11
Đông Bắc	110	46	31	24	18	12	8	7
QCVN 05:2023/BTNMT (Trung bình trong 1 giờ)	300 ($\mu g/m^3$)							

Kết quả tính toán cho thấy:

Tại khoảng cách từ 5m với mép công trường, nồng độ nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh (trung bình trong 1 giờ), các khoảng cách xa hơn nồng độ bụi phát tán ngày càng nhỏ hơn GHCP. Điều đó cho thấy, hoạt động tập kết bốc xếp, tập kết vật liệu rời tại công trường sẽ gây ô nhiễm bụi tại công trường và ven mép công trường với khoảng cách từ <5m trở lại nếu không có các biện pháp che chắn đạt yêu cầu

Bụi phát sinh trong quá trình bốc dỡ và tập kết nguyên vật liệu rất nhỏ và chỉ xảy ra tức thời tại một số thời điểm trong ngày nhưng vẫn có thể gây ảnh hưởng tới công nhân lao động. Do khu dân cư tập trung nằm cách xa khu vực dự án và có thêm hệ thống tường rào cách ly nên hầu như không bị ảnh hưởng.

- Vị trí phát thải: Các khu vực bốc dỡ, tập kết nguyên vật liệu;

- Đối tượng chịu tác động: Môi trường tự nhiên, công nhân lao động của các nhà thầu;

Mức độ tác động: Mức rất nhỏ, ảnh hưởng tới chất lượng môi trường không khí các khu vực tiến hành bốc dỡ, ảnh hưởng tới sức khỏe của công nhân lao động trên công trường;

Khả năng phục hồi của đối tượng chịu tác động: Phục hồi nhanh sau khi nguồn tác động dừng (sau khi hoạt động bốc dỡ, tập kết nguyên liệu kết thúc).

c) Hoạt động của các phương tiện vận tải

Hoạt động của các phương tiện vận chuyển thường phát sinh bụi từ mặt đường (do xe tải cuốn lên) làm tăng đáng kể hàm lượng bụi trong không khí xung quanh.

Các loại khí thải chủ yếu từ các phương tiện vận tải bao gồm: CO, SO_2, NO_2. Lượng phát thải phụ thuộc vào nhiều yếu tố như loại động cơ, loại nhiên liệu, dung tích động cơ, chất lượng đường xá, mật độ xe, lưu lượng dòng xe, sự hoạt động của không khí… và cả tốc độ phát tán bụi và khí thải.

Theo cơ quan BVMT của Mỹ (USEPA) và Tổ chức Y tế thế giới (WHO), thải lượng chất ô nhiễm do các loại ô tô tải như sau:

Bảng 3. 8: Thải lượng chất ô nhiễm đối với xe tải

Chất ô nhiễm	Hệ số ô nhiễm theo tải trọng xe (kg/1.000km)					
	Tải trọng xe < 3,5 tấn			Tải trọng xe 3,5 ÷ 16 tấn		
	Trong TP	Ngoài TP	Đ.cao tốc	Trong TP	Ngoài TP	Đ.cao tốc
Bụi	0,2	0,15	0,3	0,9	0,9	0,9
Khí SO_2	1,16 S	0,84 S	1,3 S	4,29 S	4,15 S	4,15 S
Khí NO_2	0,7	0,55	1,0	1,18	1,44	1,44
CO	1,0	0,85	1,25	6,0	2,9	2,9
VOCs	0,15	0,4	0,4	2,6	0,8	0,8

(Ghi chú: S - Hàm lượng phần trăm lưu huỳnh trong nhiên liệu (%), lấy hàm lượng S bằng 0,05(%)

Dự kiến dự án sử dụng xe 10 tấn để vận chuyển. Trong khoảng thời gian thi công khoảng 14 tháng thì thời gian vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng 360 ngày và đổ thải khoảng 150 ngày. Để có thể so sánh với QCVN 05:2013/BTNMT, số lượt xe chạy trong GĐ xây dựng sẽ được quy đổi về số lượt xe chạy trung bình trong 1 giờ (thời gian làm việc là 8 giờ).

Tổng hợp số lượng ca máy theo từng hạng mục được thể hiện trong Bảng 1.13 với 103 chuyến/ngày, tương đương 13 chuyến/giờ.

- Quãng đường tính toán ước tính từ các đơn vị cung cấp VLXD và vật liệu san nền đến khu vực thực hiện dự án là khoảng 25km.

- Quãng đường tính toán ước tính từ dự án đến bãi chứa chất thải rắn xây dựng dự kiến là Khu đất 6,5ha nút giao cao tốc Pháp Vân - Cầu Giẽ, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Quãng đường vận chuyển chất thải xây dựng khoảng 18km.

Công thức tính tải lượng bụi và khí thải phát sinh từ các phương tiện vận chuyển như sau:

Q = Hệ số ô nhiễm × cung đường vận chuyển × số lượt xe/h

Vậy tải lượng các chất ô nhiễm phát sinh sẽ là:

STT	Chỉ tiêu	Lượt xe/h	Quãng đường vận chuyển (km)	Tải lượng (kg/1000 km)	Tải lượng (kg/h)	Tải lượng (mg/m.s)
I	*VLXD*					
1	Bụi	12	25	0,9	270,00	0,07500
2	SO_2	12	25	0,002075	0,62	0,00017
3	NO_2	12	25	1,44	432,00	0,12000
4	CO	12	25	2,9	870,00	0,24167
5	VOC	12	25	0,8	240,00	0,06667
II	*Đổ thải*					

STT	Chỉ tiêu	Lượt xe/h	Quãng đường vận chuyển (km)	Tải lượng (kg/1000 km)	Tải lượng (kg/h)	Tải lượng (mg/m.s)
1	Bụi	1	18	0,9	16,20	0,00450
2	SO_2	1	18	0,00208	0,04	0,00001
3	NO_2	1	18	1,44	25,92	0,00720
4	CO	1	18	2,9	52,20	0,01450
5	VOC	1	18	0,8	14,40	0,00400

- Tác động trong quá trình vận chuyển:

Công tác vận chuyển nguyên vật liệu cho dự án sẽ phát sinh các yếu tố bất lợi, gây tác động đến môi trường. Từ tải lượng của các chất ô nhiễm tính toán ở trên, áp dụng mô hình SUTTON xác định được nồng độ trung bình của các chất ô nhiễm ở một thời điểm bất kỳ với nguồn thải dạng tuyến như sau:

$$C = \frac{0,8 \times E \times \left\{ \exp\left[\frac{-(z+h)^2}{2\sigma_z^2}\right] + \exp\left[\frac{-(z-h)^2}{2\sigma_z^2}\right] \right\}}{\sigma_z \times u} (mg/m^3)$$

Trong đó:

C: Nồng độ chất ô nhiễm trong không khí (mg/m^3);

E: Tải lượng của chất ô nhiễm từ nguồn thải (mg/m.s);

z: Độ cao của điểm tính toán (m); z = 1,5 m

h: Độ cao của mặt đường so với mặt đất xung quanh (m); h = 0,5 m

u: Tốc độ gió trung bình tại khu vực (m/s); u=0,3 m/s

σ_z: Hệ số khuếch tán chất ô nhiễm theo phương thẳng đứng z (m)

Hệ số khuếch tán chất ô nhiễm σ_z theo phương thẳng đứng (z) với độ ổn định khí quyển tại khu vực nghiên cứu là loại B, được xác định theo công thức tính toán như dưới đây: $\sigma_z = 0,53.x^{0,73}$ (m) *(Nguồn: Ngô Văn Quân – Trung tâm ứng dụng công nghệ và bồi dưỡng nghiệp vụ khí tượng thủy văn và môi trường)*

Trong đó: x là khoảng cách từ điểm tính toán so với nguồn thải theo hướng gió. Phương pháp tính toán là chia tọa độ điểm tính theo trục ngang (x) và trục đứng (z). Tốc độ gió lớn nhất trong năm là 0,3 m/s. Áp dụng các thông số trên để đưa vào mô hình tính toán rút gọn ta có được kết quả tính toán nồng độ các chất ô nhiễm. Kết quả tính toán dự báo nồng độ các chất thải theo chiều cao và khoảng cách từ nguồn phát thải đến khu vực tính toán được thể hiện dưới các bảng sau:

Bảng 3. 9: Kết quả dự báo nồng độ các chất ô nhiễm theo chiều cao và khoảng cách tính toán trong vận chuyển nguyên vật liệu đường dài

TT	Khoảng cách x *(m)*	σ_z *(m)*	Bụi *(mg/m³)*	SO_2 *(mg/m³)*	NO_x *(mg/m³)*	CO *(mg/m³)*	VOC *(mg/m³)*
I	*VLXD*						
1	5	1,716	0,0188930	0,0000436	0,0302289	0,0608776	0,0167938
2	10	2,846	0,0113907	0,0000263	0,0182251	0,0367033	0,0101251
3	15	4,721	0,0084723	0,0000195	0,0135557	0,0272998	0,0075310
4	20	6,347	0,0068675	0,0000158	0,0109880	0,0221286	0,0061044
5	25	9,216	0,0058352	0,0000135	0,0093363	0,0188022	0,0051868
6	30	25,353	0,0051080	0,0000118	0,0081728	0,0164591	0,0045405
II	*Đổ thải*						
1	5	1,716	0,0011336	0,0000026	0,0018137	0,0036527	0,0010076
2	10	2,846	0,0006834	0,0000016	0,0010935	0,0022022	0,0006075
3	15	3,827	0,0005083	0,0000012	0,0008133	0,0016380	0,0004519
4	20	4,721	0,0004120	0,0000010	0,0006593	0,0013277	0,0003663
5	25	5,556	0,0003501	0,0000008	0,0005602	0,0011281	0,0003112
6	30	6,347	0,0003065	0,0000007	0,0004904	0,0009875	0,0002724
QCVN 05:2023/ BTNMT	*Trung bình 1h*		**0,3**	**30**	**0,2**	**30**	-
	Trung bình 24h		**0,2**	**0,125**	**0,1**	-	-

Dựa trên bảng trên có thể thấy: hầu hết các khí CO, SO_2 và NO_2 đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 05:2023/BTNMT (trung bình 1 giờ). Tuy nhiên, do mật độ phương tiện giao thông thấp và nồng độ được tính trung bình trên tuyến đường vận chuyển nên giá trị nồng độ ở mức nhỏ. Thực tế, tại các thời điểm xe chạy qua, nồng độ bụi và khí thải có giá trị cao hơn nhiều lần. Khu dân cư thôn Văn Xá là những đối tượng chịu ảnh hưởng; tuy nhiên tác động chỉ mang tính tức thời vào thời điểm xe chạy qua.

- Vị trí phát thải: Các tuyến đường vận chuyển đến khu vực Dự án;

- Đối tượng chịu tác động: Môi trường không khí, công nhân lao động; khu vực dân cư sống ven các tuyến đường vận tải đến khu vực Dự án;

- Mức độ tác động: Mức trung bình, ảnh hưởng tới chất lượng môi trường không khí các tuyến đường vận chuyển (đường bê tông nội đồng, ảnh hưởng tới đời sống của các hộ dân sống gần khu vực dự án);

- Khả năng phục hồi của đối tượng chịu tác động: phục hồi nhanh sau khi nguồn tác động dừng (sau khi dừng hoạt động vận chuyển).

d) Hoạt động của máy thi công

Theo trình bày tại chương 1, trong quá trình thi công xây dựng dự án có sử dụng thiết bị máy móc sử dụng nhiên liệu dầu DO. Căn cứ theo tài liệu của WHO về lượng phát thải khi sử dụng 1 tấn dầu đối với động cơ đốt trong tạo ra một lượng khí thải như sau: SO_2: 2,8 kg; NO_2: 12,3 kg; CO: 0,05 kg; Bụi: 0,94 kg;

Căn cứ vào chủng loại các máy thi công xây dựng như đã thống kê tại chương 1, định mức nhiên liệu tiêu hao của chúng trong mỗi ca làm việc theo (Thông tư 13/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 về việc hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình) tổng lượng dầu Do sử dụng trung bình theo ca được tính toán qua bảng sau:

TT	Thiết bị phương tiện	Ca làm việc	Định mức (lít/ca)*	Mức độ tiêu hao nhiên liệu (lít/ca)
1	Cần cẩu bánh hơi 6T	240	25	6.000
2	Cần trục ô tô 3T	250	25	6.250
3	Máy đào một gầu, bánh 0,40 m^3	280	43	12.040
4	Máy đào một gầu, bánh xích 0,80 m3	280	65	18.200
5	Máy đào một gầu, bánh xích 1,25 m3	280	83	23.240
6	Máy lu bánh hơi tự hành 16T	270	38	10.260
7	Máy lu bánh hơi tự hành 25T	270	55	14.850
8	Máy lu bánh thép tự hành 10T	270	26	7.020
9	Máy lu bánh thép tự hành 16 T	270	37	9.990
10	Máy lu bánh thép tự hành 8,5 T - 9T	270	24	6.480
11	Máy lu rung tự 25T	270	67	18.090
12	Máy nén khí, động cơ diezel - năng suất: 600,00 m3/h	180	47	8.460
13	Máy phun nhựa đường - 190 CV	150	57	8.550
14	Máy rải cấp phối đá dăm: 50 m^3/h - 60 m^3/h	180	30	5.400
15	Máy rải hỗn hợp bê tông nhựa: 130 CV đến 140 CV	180	63	11.340
16	Máy san tự hành 110 CV	230	39	8.970
17	Máy ủi - 110,0 CV	280	46	12.880
18	Máy vận thăng - sức nâng: 0,8 T	290	21	6.090
19	Ô tô tự đổ - trọng tải : 10 T	280	65	18.200
20	Ô tô tự đổ - trọng tải : 7,0 T	260	46	11.960
21	Ô tô tưới (xe 5 m3)	260	23	5.980
22	Xe nâng	280	25	7.000
	Tổng			**237.250**
				≈ 199.290 kg

Chú thích:

*: Định mức tiêu hao nhiên liệu lấy theo thông tư 13/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 về việc hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình

Lấy khối lượng riêng của dầu DO là 0,84 kg/lít.

Tải lượng bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện máy móc thi công như sau:

Bảng 3. 10: Tải lượng chất ô nhiễm do các máy móc thi công hoạt động trên công trường

TT	Thông số ô nhiễm	Hệ số tải lượng (kg/tấn dầu) (*)	Tổng tải lượng (kg/ca)	Tổng tải lượng (g/h)	Tổng tải lượng (mg/m^3)	QCVN 05:2023/BTNMT (mg/m^3) (Trung bình 1 giờ)
1	Bụi	4,3	4,587	0,573	0,00126	**0,3**
2	SO_2	20S (S=0,25%)	0,053	0,007	0,000015	**0,35**
3	CO	10	10,668	1,334	0,000293	**30**
4	NO_x	65	69,342	8,668	0,019067	**0,2**

Ghi chú: (*): Assessment of Sources of Air, Water and Land Pollution, WHO, 1993

- Tải lượng bụi, khí thải phát sinh do phương tiện thi công cơ giới L (g/h)

- Diện tích công trường xây dựng: S = 60.106,90 (m^2)

- Nồng độ bụi và khí thải trung bình từ phương tiện thi công cơ giới (C):

$$C = (L \times 10^3)/V = (L \times 10^3)/(60.106,90 \times 10)$$

- Thể tích vùng bị ảnh hưởng (V): V = S*H (m^3)

- Chiều cao đo các thông số khí tượng (H): H = 10 (m)

→ Kết quả tính toán tại bảng trên cho thấy: so sánh với QCVN 05:2023/BTNMT cho thấy nồng độ bụi, khí trung bình tại khu vực dự án do phương tiện thi công cơ giới tất cả các thông số nằm trong giới hạn quy chuẩn cho phép. Tuy nhiên, đại diện chủ dự án cần có biện pháp cụ thể và hiệu quả nhằm hạn chế, giảm thiểu nguy cơ gây ô nhiễm từ hoạt động này do bụi và khí thải sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến công nhân vận hành máy.

Trên thực tế, nồng độ bụi, khí thải phát sinh từ các hoạt động thi công dự án có thể lớn hơn số liệu đã tính toán trong báo cáo do có sự cộng hưởng nồng độ bụi của các hoạt động khác nhau. Do đó, tác động của bụi, khí thải phát sinh tại khu vực dự án có thể gây ra các tác động lớn đối với sức khỏe công nhân, cụ thể:

- Các hạt bụi có đường kính < 0,1μm sẽ không bị giữ lại trong phổi và được đẩy ra ngoài bằng hơi thở;

- Các hạt bụi có đường kính trong phạm vi 0,1 - 0,5 μm thì 80 ÷ 90% bụi sẽ được lưu giữ trong phổi;

- Các hạt bụi có đường kính >0,5 μm bị giữ lại ngay ở ngoài khoang mũi.

Các hạt có kích thước nhỏ sẽ gây bệnh hen suyễn, viêm phổi và viêm phế quản. Bụi lắng đọng trên lá cây sẽ làm giảm quá trình quang hợp và làm cho cây chậm phát

triển. Khi rơi xuống nước, bụi sẽ làm tăng độ đục và ảnh hưởng đến đời sống của các loài thủy sinh.

Từ phạm vi tác động của bụi, khí thải đến các đối tượng trong bán kính là 0-50m sẽ có các đối tượng như công nhân thi công tại công trường, khu dân cư lân cận khu vực dự án, đặc biệt là khu dân cư thôn Văn Xá. Các tuyến đường chính dẫn vào khu vực dự án.

- Vị trí phát thải: Khu vực hoạt động của máy thi công;

- Đối tượng chịu tác động: Môi trường tự nhiên, công nhân lao động;

- Mức độ tác động:

+ Bụi: Khi tiếp xúc với bụi ở nồng độ cao và liên tục có thể gây ra các bệnh về đường hô hấp, gây ảnh hưởng đến mắt và các bệnh về da.

+ Khí thải phát sinh từ máy móc thi công trên công trường là nguyên nhân gây phát sinh các chất ô nhiễm như SO_2, NO_2, CO, bụi, VOC ra môi trường không khí xung quanh. Khi tiếp xúc thường xuyên và liên tục với các khí thải SO_2, NO_2, CO sẽ gây các bệnh như chóng mặt, nhức đầu,

- Khả năng phục hồi của đối tượng chịu tác động: phục hồi nhanh sau khi nguồn tác động dừng.

3) Tác động do chất thải rắn sinh hoạt

Chất thải rắn sinh hoạt của CBCNV làm việc trong giai đoạn thi công, xây dựng (100 người), ước tính khối lượng chất thải rắn mỗi người phát sinh là 0,8 kg/người/ngày (theo Bảng 2.23, QCVN 01:2021/BXD – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng). Tổng khối lượng CTR phát sinh trong 1 ngày khoảng là 125 kg. Tuy nhiên, do công nhân không lưu trú lại trên công trường, họ chỉ đến làm việc theo ca rồi về, không có các hoạt động sinh hoạt ăn uống, nên trên thực tế lượng chất thải sinh hoạt phát sinh tại công trường thấp hơn rất nhiều so với số liệu ước tính (khoảng 30% - tương đương 24 kg/ngày).

Thành phần chủ yếu trong rác thải sinh hoạt là chất hữu cơ, là môi trường thuận lợi cho các vi sinh vật phát triển, đặc biệt là các vi sinh vật có hại có thể gây bệnh cho con người và cho vật nuôi. Ngoài ra, rác thải sinh hoạt còn chứa nhiều nilon, vỏ bao bì, nhựa… là các chất khó phân hủy.

Tuy nhiên, với khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh như trên của CBCNV làm việc trong giai đoạn xây dựng nếu không được thu gom sẽ gây một số tác động đến môi trường như sau:

- Phát sinh mùi hôi thối (do quá trình phân hủy của các chất hữu cơ trong rác) gây ảnh hưởng tới môi trường không khí khu vực;

- Phát sinh ruồi nhặng tại khu vực tập kết rác thải, kéo theo đó là tiềm ẩn các nguy cơ về lan truyền dịch bệnh;

- Rác thải bị cuốn trôi theo nước mưa gây tác động đến môi trường nước tại các

thủy vực tiếp nhận.

Thời gian tác động: Trong suốt quá trình thi công dự án

4) Tác động do chất thải rắn thông thường

Các chất thải rắn thông thường phát sinh trong giai đoạn giải phóng mặt bằng, thi công xây dựng cụ thể như sau:

- *Chất thải phát quang*: Sinh khối thực vật phát sinh trong quá trình giải phóng mặt bằng bao gồm: rễ, thân, cành lớn, cành nhỏ, lá cây và các loại cây, cỏ mọc dại. Khối lượng sinh khối thực vật phát sinh theo tính toán tại Bảng 1.4 chương 1 của báo cáo khoảng 10,28 tấn.

- *Chất thải rắn từ quá trình bóc đất hữu cơ tại dự án:* Căn cứ vào Bảng 1.10 thì khối lượng đất hữu cơ bóc tại dự án là khoảng 20.998,33 m^3, tương đương với 29.397,66 tấn với thành phần chủ yếu là đất hữu cơ. Lượng đất hữu cơ này sẽ được tận dụng san lấp mặt bằng đắp nền lô đất cây xanh và tuyến đường giao thông khoảng 10.271,36 m^3, tương đương 14.379,90 tấn . Khối lượng còn lại sẽ thải bỏ khoảng 10.726,97 m^3, tương đương khoảng 15.017,76 tấn.

- *Chất thải xây dựng:* Trong quá trình thi công xây dựng công trình bao gồm vật liệu xây dựng dư thừa, các loại vỏ bao xi măng, gạch vỡ, v.v.... Khối lượng chất thải xây dựng phát sinh trong giai đoạn xây dựng ước tính bằng khoảng 0,5% tổng khối lượng nguyên vật liệu sử dụng, ước tính khối lượng chất thải xây dựng phát sinh là 412.226,06 x 0,5%= 2.061,13 tấn.

Chất thải xây dựng trên, nếu không có biện pháp quản lý sẽ gây mất mỹ quan khu vực và ảnh hưởng tới môi trường đất, môi trường nước khu vực dự án.

Đối tượng chịu tác động: môi trường đất, môi trường nước mặt, nước dưới đất khu vực xây dựng công trình và các khu vực xung quanh;

Vị trí phát thải: Khu vực nhà ở công nhân, khu vực thi công xây dựng;

Mức độ tác động: mức trung bình, ảnh hưởng tới chất lượng môi trường đất, môi trường nước nếu không áp dụng các biện pháp quản lý;

Khả năng phục hồi của đối tượng chịu tác động: phục hồi nhanh do các chất thải sẽ được thu gom và thuê đơn vị vận chuyển đến nơi xử lý.

5) Tác động do chất thải nguy hại (CTNH)

** Nguồn phát sinh:* Trong giai đoạn giải phóng mặt bằng, thi công xây dựng, chất thải nguy hại phát sinh bao gồm: Giẻ lau dính dầu từ hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng máy móc và bóng đèn huỳnh quang vỡ trong quá trình phá dỡ công trình hiện trạng. Tại dự án không phát sinh dầu thải vì các máy móc, thiết bị đều được bảo dưỡng bên ngoài khu vực thi công (máy móc, xe cộ thi công được bảo dưỡng, vệ sinh tại cơ sở sửa chữa).

**Thành phần và lượng phát sinh:*

- Hiện nay, chưa có số liệu thống kê về lượng chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt

động xây dựng và trong các tài liệu về quản lý môi trường trong hoạt động xây dựng cũng thường ít đề cập đến loại chất thải này.

Lượng giẻ lau chùi máy trung bình 0,2 kg/máy/tháng (đối với các máy kích thước lớn. Ước tính trên công trường sẽ sử dụng khoảng 22 máy móc, thiết bị thi công khác nhau tại cùng một thời điểm nên trung bình 1 tháng phát sinh khoảng 4,4kg/tháng. Tổng thời gian thi công là 420 ngày (khoảng 14 tháng) nên trong khoảng thời gian thi công xây dựng sẽ phát sinh khoảng 44kg

Trong quá trình sơn vạch chỉ đường, gờ giảm tốc dự án phát sinh khoảng 6-7 thùng sơn kẻ vạch đường 5 lít. Do đó, giai đoạn này sẽ phát sinh thêm khoảng 4kg vỏ thùng sơn.

Bảng 3. 11: Danh mục CTNH phát sinh trong trong giai đoạn thi công

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh trong suốt thời gian thi công (kg)
1	Giẻ lau, găng tay dính dầu	Rắn	18 02 01	62
2	Vỏ thùng sơn	Rắn	18 01 03	4
	Tổng cộng			**66**

Lượng chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn này nếu không được thu gom và quản lý sẽ tác động đến môi trường đất, môi trường nước dưới đất. Vì vậy, Chủ đầu tư và các nhà thầu sẽ áp dụng các biện pháp quản lý để thu gom và phân loại CTNH, trước khi bàn giao cho đơn vị tiếp nhận, xử lý. Do đó tác động do CTNH được giảm thiểu đáng kể.

- Vị trí phát thải: khu vực thi công dự án

- Đối tượng chịu tác động: môi trường đất, môi trường nước mặt, nước dưới đất khu vực xây dựng công trình và các khu vực xung quanh;

- Mức độ tác động: mức trung bình, ảnh hưởng tới chất lượng môi trường đất, môi trường nước nếu không áp dụng các biện pháp quản lý;

- Khả năng phục hồi của đối tượng chịu tác động: phục hồi nhanh do các chất thải nguy hại sẽ được thu gom, lưu giữ tại kho chứa và thuê đơn vị vận chuyển đến nơi xử lý.

3.1.1.2. Các tác động không liên quan đến chất thải

1) Đánh giá tác động do tiếng ồn

Trong giai đoạn giải phóng mặt bằng, thi công xây dựng thì tiếng ồn có thể phát sinh từ các nguồn khác sau:

+ Tiếng ồn từ các phương tiện vận tải vận chuyển nguyên vật liệu ra vào công trình.

+ Tiếng ồn từ máy móc sử dụng trong thi công.

Tiếng ồn từ quá trình thi công xây dựng được thể hiện trong sau:

Bảng 3. 12: Tiếng ồn phát sinh do một số máy móc, phương tiện trong quá trình xây dựng ở khoảng cách 1,5m

STT	Thiết bị	Độ ồn ở khoảng cách 1,5 m so với nguồn (dBA)
1	Máy đào một gầu	77
2	Máy ủi	78
3	Máy đầm	76
4	Máy san 110V	81
5	Ô tô tự đổ 10T	78
6	Ô tô tưới nước	82
7	Máy lu	88
8	Máy bơm nước	82
9	Máy xúc đào	85
QCVN 26:2010/BTNMT		**70**

(Nguồn: Theo Môi trường không khí – Phạm Ngọc Đăng. Nhà xuất bản Khoa học và kỹ thuật)

Ghi chú: QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, quy định giới hạn tối đa các mức tiếng ồn tại các khu vực có con người sinh sống, hoạt động và làm việc.

Khả năng tiếng ồn tại khu vực thi công lan truyền tới các khu vực xung quanh được xác định như sau:

$$L_i = L_p - \Delta L_d - \Delta L_c \quad (dB_A)$$

Trong đó:

L_i: Mức ồn tại điểm tính toán cách nguồn gây ồn khoảng cách d (m);

L_p: Mức ồn tại điểm cách nguồn ồn 1,5m;

ΔL_d: Mức ồn giảm theo khoảng cách d ở tần số i.

$$\Delta L_d = 20 \times \lg[(r_2/r_1)^{1+a}] \quad (dB_A)$$

r_1: Khoảng cách tới nguồn gây ồn ứng với L_p (m), r_1=1,5 (m);

r_2: Khoảng cách tính toán độ giảm mức ồn theo khoảng cách ứng với L_i (m);

a: Hệ số kể đến ảnh hưởng hấp thụ tiếng ồn của địa hình mặt đất (a=0).

ΔL_c: Độ giảm mức ồn qua vật cản. Tại khu vực dự án ΔL_c=0.

Dựa vào công thức trên, tính toán được mức độ gây ồn của các loại thiết bị thi công tới môi trường xung quanh ở khoảng cách 50m, 100m và 200m như Bảng sau:

Bảng 3. 13: Mức ồn gây ra do các phương tiện thi công theo khoảng cách (dBA)

TT	Máy/thiết bị	Mức ồn cách nguồn 1,5m	Mức ồn cách nguồn 50m	Mức ồn cách nguồn 100m	Mức ồn cách nguồn 200m
1	Máy đào một gầu	77	72	67	62
2	Máy ủi	78	73	68	63
3	Máy đầm	76	71	66	61
4	Máy san 110V	81	76	71	66
5	Ô tô tự đổ 10T	78	73	68	63
6	Ô tô tưới nước	82	77	72	67
7	Máy lu	88	83	78	73
8	Máy bơm nước	82	77	72	67
9	Máy xúc đào	85	80	75	70
TCVN 3733-2002/BYT		**85**			
TCVN 3733-2002/BYT		**70**	**70**	**70**	**70**

Ghi chú:

- QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

Mức ồn tổng cộng do các phương tiện thi công được xác định như sau:

$$L_{\Sigma} = 10 \times lg \frac{1}{n} \sum_{1}^{i} 10^{0,1 \times L_i}, dBA$$

Trong đó:

L_{Σ}: Mức ồn tại điểm tính toán, dBA

L_i: Mức ồn tại điểm tính toán của nguồn ồn thứ i, dBA

Từ công thức trên, tính toán mức độ gây ồn tổng cộng của các loại thiết bị thi công tới môi trường xung quanh ở khoảng cách 50m, 100m và 200m như bảng sau:

Bảng 3. 14: Mức ồn tổng do các phương tiện thi công gây ra (dBA)

STT	Thiết bị	Mức ồn cách máy 1,5m	Mức ồn cách máy 50m	Mức ồn cách máy 100m	Mức ồn cách máy 200m
1	Máy đào một gầu	77	73,92	68,92	63,9
2	Máy ủi 110CV	78			
3	Máy đầm	76			
4	Máy san 110V	81			
5	Ô tô tự đổ 10T	78			
6	Ô tô tưới nước	82			
7	Máy lu	88			
8	Máy bơm nước	82			
9	Máy xúc đào	85			
TCVN 3733-2002/BYT		**85**			
QCVN 26:2010/BTNMT			**70**	**70**	**70**

Kết quả tính toán cho thấy, tiếng ồn sinh ra do các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu và máy móc thiết bị thi công trên công trường nằm trong giới hạn cho phép đối với khu dân cư ở khoảng cách 50m trở lên theo quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT (Áp dụng đối với khu vực thông thường từ 6÷21 giờ). Khu vực đến khu vực trường học và bệnh viện cách dự án khoảng trên 100 m. Do đó không bị ảnh hưởng bởi tiếng ồn.

2) Đánh giá tác động do độ rung

Nguồn gây rung động trong quá trình thi công xây dựng Dự án là từ các máy thi công, các phương tiện vận tải trên công trường. Mức rung của các phương tiện thi công được thống kê theo thực nghiệm như sau:

Bảng 3. 15: Mức rung gây ra do các thiết bị, máy thi công

Đơn vị: dBA

TT	Thiết bị thi công	Mức rung cách máy 10m	Mức rung cách máy 30m	Mức rung cách máy 60m
1	Máy ủi	79	69	59
2	Máy đào (xúc)	77	67	57
3	Xe vận tải	74	64	54
4	Máy lu	74	65	56
QCVN 27:2010/BTNMT (6h - 21h)		**75**		

(Nguồn: Hướng dẫn kỹ thuật báo cáo ĐTM, Viện khoa học và Kỹ thuật Môi trường, Đại học Xây dựng)

Theo Bảng 3.17 cho thấy mức rung từ các máy và phương tiện thi công tại khoảng cách ≤ 10m phần lớn vượt quy chuẩn cho phép theo QCVN 27:2010/BTNMT. Tuy nhiên tại khoảng cách ≥ 30m thì mức rung từ các máy thi công lại nằm trong quy chuẩn cho phép. Do vậy, đối tượng chịu tác động bởi mức rung từ máy và phương tiện thi công chỉ bao gồm: công nhân trực tiếp vận hành thiết bị đó, công nhân lao động tại dự án trong khoảng cách < 30m so với nguồn phát sinh độ rung.

3) Nước mưa chảy tràn

Nước mưa chảy tràn là một trong những nguồn gây ô nhiễm môi trường trong quá trình thi công. Vào những ngày mưa, nước mưa chảy tràn trên khu vực của dự án sẽ cuốn theo đất, cát, chất cặn bã, dầu mỡ, các tạp chất khác… lan ra khu vực xung quanh làm ô nhiễm tới nguồn nước trong khu vực. Mức độ ô nhiễm chủ yếu từ nước mưa đợt đầu (tính từ khi mưa bắt đầu hình thành dòng chảy trên bề mặt cho đến 15 - 20 phút sau đó) do trong nước mưa đợt đầu chứa nhiều hàm lượng các chất ô nhiễm, chúng chưa được pha loãng so với nước mưa đợt sau.

Theo TCVN 7957:2023 Thoát nước – mạng lưới và công trình bên ngoài yêu cầu thiết kế, lưu lượng nước mưa chảy tràn của mỗi trụ sở được xác định theo công thức:

$$Q = q.F.\beta.\psi$$

q- Cường độ mưa tính toán (L/s.ha);

F- Diện tích lưu vực dự án = 6,01(ha)

β- Hệ số phân bố mưa: 1 (theo Bảng 4 của TCVN 7957:2023)

ψ- Hệ số dòng chảy. Vì diện tích bề mặt của dự án có nhiều loại mặt phủ khác nhau nên lấy hệ số dòng chảy trung bình: 0,34 (theo Bảng 3 của TCVN 7957:2023)

Trong đó:

Cường độ lượng mưa được tính theo công thức:

$$q = \frac{A(1+ClgP)}{(t+b)^n} \times K$$

t- Thời gian dòng chảy mưa (phút); chọn trong khu vực dự án khoảng t = 30 phút.

P- Chu kỳ lặp lại trận mưa tính toán: 5 năm.

A = 5890, C = 0,65, b = 20, n = 0,84 - Tham số xác định theo điều kiện mưa của A.1 theo phụ lục A của TCVN 7957:2023).

K- Hệ số tính đến tác động của yếu tố biến đổi khí hậu đối với cường độ mưa, lấy K = 1.

Vậy cường độ mưa khu vực dự án:

q= 5.890*(1+0,65lg5)/(20+20)0,84 =265,70 (l/s.ha).

Lượng nước mưa chảy tràn tính toán trên diện tích của dự án là:

Q= 265,70*6,01*1*0,34 = 542,93 (l/s)= 0,542 (m^3/s)

Nhận xét:

- Đối tượng và phạm vi chịu tác động: Nước mưa chảy tràn qua bề mặt công trường diện tích 6,01 ha sau đó chảy vào hệ thống thoát nước xung quanh khu vực dự án.

- Nước mưa chảy tràn sẽ cuốn theo lớp đất và các vật chất rắn trên bề mặt mà nó đi qua. Qua đó, sẽ làm tăng hàm lượng chất rắn lơ lửng trong nước, nước sẽ có độ đục cao, làm giảm khả năng xuyên qua của ánh sáng, giảm khả năng quang hợp và hô hấp của hệ thủy sinh. Bên cạnh đó, trong thành phần của nước mưa chảy tràn còn có chứa nhiều tạp chất khác như itơ, Photpho, đây là các chất dinh dưỡng, nếu nồng độ cao sẽ gây nên hiện tượng phú dưỡng cho nguồn nước mặt.

- Nước mưa chảy tràn trong khu vực dự án có thể cuốn trôi vật liệu san nền, rác thải, dầu mỡ thải và các chất thải khác trên mặt đất nơi chúng chảy qua gây tắc nghẽn hệ thống thoát nước, gây ngập úng cục bộ và gây ô nhiễm môi trường xung quanh.

- Lượng chất bẩn tích tụ có thể gây tắc nghẽn hệ thống thoát nước, gây ngập úng cục bộ tại khu vực dự án.

- Ngoài ra do quá trình đào đắp, san ủi, các hạt đất bị mất liên kết và có kích thước nhỏ hơn, kết hợp với lớp bụi lắng đọng lại trên bề mặt tạo thành một lớp bở rời. Khi nước mưa chảy tràn qua sẽ làm nhào lớp đất bề mặt trên công trường, kết hợp với sự tác động của công nhân, các phương tiện đi lại sẽ gây ra hiện tượng lầy lội, ảnh hưởng đến công tác

thi công.

- Đối tượng bị tác động: Nguồn tiếp nhận nước mưa của dự án.

- Thời gian tác động: Trong suốt quá trình thi công xây dựng dự án..

4) Nước thải thi công phát sinh khi tiến hành san lấp các mương hiện có

- Nguồn phát sinh: Nước thải trong quá trình san lấp kênh mương

- Vị trí phát sinh: Tại 2 đoạn kênh nằm trong khu vực dự án gồm: Kênh ký hiệu T1 và kênh ký hiệu T2.

- Thành phần và tải lượng:

+ Mương hiện trạng cần san lấp, hoàn trả trong quá trình thi công xây dựng tại dự án là: Diện tích kênh mương cần san lấp khoảng 254,5 m^2, chiều sâu của các mương hiện trạng trung bình khoảng 1m, mực nước hiện tại các mương này khoảng 0,7m. Như vậy, tổng khối lượng nước trong mương cần thải bỏ khoảng 178,15 m^3 nước. Thời gian thi công tiến hành san lấp mương hiện có trong khoảng 05 ngày. Như vậy, lượng nước thải phát sinh từ hoạt động này khoảng 35,63 m^3/ngày.

+ Thành phần các chất ô nhiễm trong nước thải loại này chủ yếu là chất rắn lơ lửng (đất, bùn có trong nước mương).

- Mức độ tác động: Mức độ trung bình, không quá lớn nhưng có thể làm tăng hàm lượng chất rắn lơ lửng, gây ô nhiễm tới nguồn nước tại hệ thống kênh mương thoát nước chung của khu vực. Ngoài ra, việc bơm hút nước từ mương hiện trạng với lưu lượng lớn sẽ gây ảnh hưởng đến khả năng thoát nước của khu vực. Bơm hút với lưu lượng lớn và kéo dài vượt quá khả năng tiêu thoát nước của mương hiện có sẽ làm ngập úng cục bộ khu vực nguồn tiếp nhận.

- Khả năng phục hồi: Khả năng phục hồi nhanh. Phục hồi ngay sau khi dừng bơm nước.

3.1.1.3. Các tác động khác

a. Đánh giá tính phù hợp của vị trí dự án với điều kiện môi trường tự nhiên và kinh tế - xã hội khu vực thực hiện dự án

Theo khảo sát thực trạng thì việc lựa chọn vị trí thực hiện dự án là phù hợp vì nó đang mang lại những hiệu quả to lớn về nhiều mặt cho sự phát triển quỹ đất, quỹ nhà nhà của thành phố. Đồng thời phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Hà Nội nói chung và UBND xã Thường Tín nói riêng.

Mặt khác, diện tích đất thu hồi để phục vụ dự án chủ yếu là đất nông nghiệp không có các công trình di tích lịch sử được xếp hạng; không nằm trong khu dự trữ sinh quyển, vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, khu dự trữ thiên nhiên thế giới nên hạn chế được các tác động đến môi trường.

b. Đánh giá tác động của việc chiếm dụng đất đai

Theo số liệu Bảng 1.2 diện tích đất ruộng thu hồi là 6,01ha. Theo điều tra sơ bộ thì tổng số hộ gia đình bị mất đất canh tác là 68 hộ.

Việc thu hồi đất phục vụ dự án sẽ tác động tiêu cực tới đời sống của các gia đình bị mất đất do các nguyên nhân sau:

+ Không có việc làm dẫn đến thu nhập bấp bênh.

+ Phát sinh tệ nạn xã hội, mất trật tự an ninh ảnh hưởng xấu đến người dân xung quanh khu vực dự án.

+ Do mất một phần hoặc toàn bộ đất canh tác, mất kế sinh nhai và khó tìm được nơi có các điều kiện tương tự như nơi ở hiện hữu để duy trì nghề nghiệp.

+ Khó mua được một diện tích đất canh tác tương đương vì các khu vực xung quanh khu vực Dự án không còn quỹ đất canh tác có chất lượng tương đương như đất chiếm dụng vĩnh viễn để có thể cấp cho các hộ gia đình bị chiếm dụng đất.

+ Gặp khó khăn do phải chuyển đổi việc làm từ sản xuất nông nghiệp sang các loại hình công việc khác do một bộ phận lớn người dân chỉ quen với nghề nông; ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống của người dân.

Việc thu hồi đất để thực hiện Dự án làm thay đổi mục đích sử dụng đất của khu vực và phá vỡ cân bằng hệ sinh thái đồng ruộng.

Gây thiệt hại về kinh tế cho người dân nếu không có chính sách đền bù thỏa đáng (thiệt hại do chiếm dụng đất được tính bằng các yếu tố: diện tích đất bị chiếm dụng, năng suất, thời gian chiếm dụng và đơn giá nông sản được công bố).

Làm giảm nguồn thu nhập hàng năm, gây thiệt hại về kinh tế và ảnh hưởng đến đời sống của các hộ dân, ảnh hưởng đến kinh tế - xã hội của địa phương, giảm ngân sách do nông nghiệp.

Tuy nhiên, trong giai đoạn thiết kế dự án đã lựa chọn những giải pháp thiết kế tối ưu để tránh và giảm thiểu việc thu hồi đất với các hộ gia đình. Những hộ dân bị ảnh hưởng sẽ được bồi thường đầy đủ theo các quy định hiện hành của Nhà nước và xã Thường Tín.

c. Tác động của hoạt động giải phóng mặt bằng (GPMB)

Các vấn đề nảy sinh trong công tác này chưa tạo những áp lực rõ ràng lên môi trường. Tuy nhiên, khi công tác đền bù, hoạt động GPMB không được giải quyết thỏa đáng sẽ gây tranh chấp, bất đồng giữa người dân và Chủ đầu tư, có thể cản trở thi công, ảnh hưởng đến tiến độ công trình. Các tác động quá trình này bao gồm:

** Tác động do việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất canh tác*

Việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất sẽ tác động đến kinh tế của những hộ dân có diện tích bị ảnh hưởng và ảnh hưởng đến hệ sinh thái cũng như điều kiện vi khí hậu của khu vực

- Tác động đến kinh tế - xã hội:

Để thi công thì dự án sẽ phải chiếm dụng vĩnh viễn 6,01ha đất nông nghiệp và đất

giao thông, thuỷ lợi. Hoạt động này sẽ làm giảm diện tích đất nông nghiệp của địa phương và suy giảm tổng sản lượng lương thực. Theo khảo sát hiện nay, với khoảng 106 hộ bị ảnh hưởng do việc chuyển đổi sử dụng đất, đa phần các hộ dân ngoài trồng trọt còn chăn nuôi, kinh doanh hoặc là có diện tích nông nghiệp tại những khu vực khác nên sẽ không có hộ gia đình nào bị mất nguồn thu nhập chính khi mất đất vì diện tích đất sản xuất nông nghiệp các hộ dân vẫn còn. Việc chiếm dụng đất nông nghiệp còn tác động trực tiếp đến đời sống người dân. Đối với các hộ nông nghiệp, việc mất một phần hoặc toàn bộ diện tích đất nông nghiệp đồng nghĩa với việc giảm hoặc mất nguồn sống, không chỉ qua thời gian trước mắt mà còn kéo dài qua nhiều thế hệ, do đất là tư liệu sản xuất không thể tái tạo.

Việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp còn tác động đến cơ cấu nghề nghiệp tại địa phương, làm chuyển dịch cơ cấu lao động nông nghiệp sang phi nông nghiệp. Vì diện tích đất sản xuất không còn, các hộ dân mất đất sẽ phải chuyển đổi sang nghề khác. Nếu không được hỗ trợ, hướng dẫn kịp thời thì họ sẽ có một thời gian bị thất nghiệp, không có công ăn việc làm, gây ảnh hưởng đến thu nhập và gây khó khăn đến đời sống của người dân.

Tuy nhiên các hộ dân nơi đây không phụ thuộc chính vào sản xuất nông nghiệp, mà còn có kinh doanh, buôn bán nhỏ và làm công nhân trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp, nhân viên văn phòng trên địa bàn huyện.

Ngoài những tác động tiêu cực kể trên, thì việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất đem lại nguồn thu cho Ngân sách nhà nước, làm tăng thu nhập bình quân, tăng mức sống của người dân do việc quy hoạch làm cho cơ sở hạ tầng được cải thiện, các ngành thương mại dịch vụ có điều kiện phát triển, tạo công ăn việc làm cho người dân Kết nối hạ tầng kỹ thuật các công trình hiện trạng tạo nên mạng lưới giao thông đồng bộ, thông suốt cho khu vực Đặc biệt là đấu nối xây dựng hoàn thiện hệ thống thoát nước, chống ngập úng, đảm bảo vệ sinh môi trường.

Trước khi triển khai xây dựng Dự án Chủ đầu tư sẽ có phương án để đền bù thỏa đáng, hỗ trợ về nghệ nghiệp đối với các hộ dân bị ảnh hưởng Do đó, tác động do chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa sang xây dựng Dự án được đánh giá ở mức thấp.

Tác động đến môi trường:

- Tác động đến hệ sinh thái: Diện tích đất quy hoạch chủ yếu là đất lúa do vậy tính đa dạng hệ sinh thái thực vật khu vực đơn giản. Nhìn chung hệ sinh thái khu đất dự án không đa dạng, không có loài quý hiếm, không có loài động, thực vật đặc hữu hay có nguy cơ tuyệt chủng cần phải bảo vệ. Việc chặt phá cây cỏ làm mất đi thảm xanh hiện hữu của khu vực và môi trường sống của một số loài cây cỏ, côn trùng. Tuy nhiên, đây chỉ là những loài sống cộng sinh tự nhiên khi có đất trống và không mang giá giá trị kinh tế cũng như giá trị sinh học cao. Do vậy, công tác chuẩn bị mặt bằng thi công dự án tuy làm suy giảm số lượng cá thể động thực vật nhưng không gây ảnh hưởng nhiều đến tính đa dạng của hệ sinh thái động, thực vật tại khu vực.

** Tác động do nguy cơ tràn lở đất và bồi lắng, xói mòn trong thi công đào đắp san*

nền

Quá trình thi công đào đắp, san nền nếu không có biện pháp bảo vệ sẽ rất dễ bị sói lở, bồi lắng sản phẩm khi gặp thời tiết mưa trong quá trình thi công gây lãng phí nguyên vật liệu, ảnh hưởng tiến độ thi công dự án. Do đó, để giảm thiểu nguồn tác động này chủ đầu tư sẽ nghiêm túc áp dụng biện pháp đề ra tại mục biện pháp giảm thiểu.

** Tác động của việc san lấp kênh mương, hệ thống tiêu thoát nước khu vực và đường bê tông nội đồng.*

Trong quá trình thi công san nền, do nằm trong phạm vi quy hoạch, dự án tiến hành san lấp 02 đoạn kênh T1 B1000, chiều dài 155 và kênh T2 B500 với chiều dài là 199 phục vụ tưới tiêu nước cho các cánh đồng;

Theo khảo sát thực tế hiện trạng các tuyến kênh mương thoát nước nông nghiệp bị thu hồi cho thấy do đặc thù công năng là tuyến kênh tưới, tiêu nước nên tác động đến hệ thống tưới tiêu liên quan đến kênh mương.

Trong quá trình thi công dự án nếu các nguyên vật liệu thi công và chất thải không được tập kết không đúng quy định có thể bị đổ, rơi vãi xuống kênh, mương gây ô nhiễm nguồn nước mặt và gây tắc nghẽn dòng chảy, dẫn đến ngập úng cục bộ khi có mưa to hoặc mưa kéo dài sẽ gây ảnh hưởng tới đời sống và sinh hoạt của các hộ dân sống ven tuyến và ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất nông nghiệp của người dân.

Ngoài ra nếu không quản lý tốt nước thải, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại có thể làm ảnh hưởng đến chất lượng nước tưới tiêu và các sinh vật sống tại các kênh mương

Việc thu hồi đất thủy lợi phục vụ thi công sẽ ảnh hưởng đến tưới tiêu nông nghiệp. Đối với kênh tiêu thoát nước sẽ ảnh hưởng đến việc tiêu thoát nước do hoạt động đào đắp thi công, có thể gây ô nhiễm nguồn nước nếu không có biện pháp quản lý chất thải xây dựng.

Quá trình phá dỡ kênh mương sẽ gây ra một số tác động như sau:

- Gây ngập úng cục bộ: Khi hệ thống kênh mương nội đồng bị phá vỡ để san nền sẽ gây ngập úng cục bộ cho khu vực trên và hậu quả gián tiếp là gây hư hỏng tài sản, hoa màu của người dân. Ảnh hưởng đến hoạt động tưới tiêu cho khu vực trồng lúa còn lại.

- Làm thay đổi dòng chảy bề mặt: Khi mương nội đồng bị phá vỡ, dòng chảy bề mặt sẽ bị thay đổi và không tuân theo dòng chảy theo hiện trạng, việc này có thể gây ra ngập úng cục bộ đối với các khu vực đặc biệt là khu dân cư xung quanh.

d. Đánh giá tác động đến các khu dân cư xung quanh

Trong giai đoạn thi công, xây dựng; các nguồn phát sinh chất thải và không liên quan đến chất thải sẽ gây tác động đối với khu vực dân cư. Tuy nhiên, hiện trạng vị trí dự án đang có nhiều lợi thế vì không tiếp giáp trực tiếp với khu dân cư, khoảng cách tới khu dân cư thôn Văn Xá gần nhất là 125m, các tác động có thể bao gồm:

- Bụi và khí thải phát sinh trong quá trình xây dựng, hoạt động của các phương

tiện vận tải, hoạt động của máy thi công ảnh hưởng tới chất lượng không khí, từ đó ảnh hưởng gián tiếp tới sức khỏe của người dân xung quanh gần khu vực dự án.

- Nước mưa chảy tràn, nước thải sinh hoạt, nước thải thi công nếu không được thu gom, xử lý sẽ gây ngập úng cục bộ khu vực công trường và các khu vực xung quanh, đồng thời phát tán các chất ô nhiễm ảnh hưởng tới môi trường không khí, môi trường đất, môi trường nước trong khu vực;

- Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại không được thu gom xử lý sẽ là nơi phát sinh mùi hôi thối, thu hút ruồi/nhặng (rác thải sinh hoạt), bồi lấp các thủy vực tiếp nhận nước (chất thải rắn thông thường), gây ô nhiễm môi trường đất, nước....gây mất mỹ quan và ảnh hưởng tới đời sống của các hộ dân xung quanh;

- Tiếng ồn, độ rung từ quá trình vận hành máy thi công, hoạt động vận tải,...sẽ ảnh hưởng tới sinh hoạt của người dân sống gần khu vực công trường (thị trấn Thường Tín).

Để giảm thiểu và hạn chế tới mức thấp nhất các tác động đến khu vực dân cư xung quanh dự án, Đại diện chủ dự án sẽ phối hợp với các nhà thầu áp dụng các biện pháp quản lý và xử lý các chất thải phát sinh, cũng như các biện pháp giảm thiểu tác động đối với các nguồn không liên quan đến chất thải.

e. Đánh giá tác động đến hệ thống giao thông khu vực

Theo đánh giá phần trên cho thấy, trong giai đoạn thi công dự án có sử dụng xe tải loại 10 tấn. Ngoài ra còn có xe máy của công nhân ra vào công trường. Hoạt động của xe tải, xe máy ra vào dự án sẽ gây ra các tác động tiêu cực về giao thông khu vực đặc biệt là vào giờ cao điểm. Các tác động từ quá trình này gồm:

- Gây cản trở giao thông đường khu vực: Gây ùn tắc giao thông cục bộ tại cổng ra vào dự án và có khả năng gây ùn tắc kéo dài trên tuyến đường ra vào dự án. Việc ùn tắc giao thông sẽ gây sự khó chịu và ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động đi lại của người dân xung quanh.

- Gây tai nạn giao thông: Tai nạn giao thông phụ thuộc nhiều vào khả năng điều khiển của người lái xe, nếu không chấp hành tốt quy định về an toàn giao thông có thể gây ra tai nạn giao thông gây ảnh hưởng trực tiếp đến tính mạng người lái xe và có thể gây nguy hiểm cho người dân xung quanh tuyến đường vận chuyển, xung quanh dự án.

- Gây hư hỏng tuyến đường vận chuyển: Việc vận chuyển khối lượng lớn nguyên vật liệu (vật liệu thi công, máy móc thi công) phần nào ảnh hưởng đến hạ tầng của địa phương. Sự gia tăng số lượng và số lượt của các phương tiện vận chuyển làm tăng nguy cơ lún, nứt, xô dồn, hình thành ổ gà trên các mặt đường bê tông hiện hữu, làm sụp lún, nứt cống khu vực.

Như vậy, tác động từ quá trình này sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sinh hoạt và sức khỏe của cộng đồng dân cư gần các tuyến đường vận chuyển. Vì vậy, đại diện chủ dự án sẽ quan tâm bố trí kế hoạch thi công, điều động máy móc, xe cộ, thiết bị kỹ thuật một cách khoa học và quản lý an toàn giao thông nhằm hạn chế tối đa các tác động có hại tới môi trường và hệ thống giao thông trên khu vực.

f. Đánh giá tác động đến kinh tế - xã hội

Quá trình thi công dự án sẽ tạo ra công ăn việc làm gián tiếp hoặc trực tiếp cho lao động địa phương: cung cấp dịch vụ ăn uống, tạp hóa…

Giai đoạn thi công dự án sẽ thúc đẩy việc tiêu thụ các sản phẩm xây dựng, VLXD,… để phục vụ công tác xây dựng.

Tuy nhiên, quá trình thi công dự án sẽ tập trung 100 công nhân xây dựng sẽ tiềm ẩn khả năng xảy ra mất trật tự an ninh và an toàn xã hội. Tập trung nhiều người tại khu vực dự án cũng là nguyên nhân nảy sinh các ổ dịch bệnh, ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng.

3.1.1.4. Nhận dạng, đánh giá sự cố môi trường có thể xảy ra của dự án

a) Tai nạn lao động, tai nạn giao thông

Nhìn chung, tai nạn lao động, tai nạn giao thông có thể xảy ra bất ngờ trong nhiều tình huống của giai đoạn thi công, xây dựng dự án. Có thể được tóm tắt một số dạng tai nạn như sau:

- Tai nạn giao thông có thể xảy ra khi công nhân băng qua đường giao thông để đến công trường, rời công trường, dạng tai nạn này cũng có thể xảy ra ngay trên công trường do các phương tiện thi công và vận chuyển nguyên vật liệu gây ra đối với công nhân;

- Công việc lắp ráp, thi công và quá trình vận chuyển nguyên vật liệu với mật độ xe, tiếng ồn, độ rung cao có thể gây ra tai nạn lao động,...;

- Do tính bất cẩn trong lao động, thiếu trang bị bảo hộ lao động, hoặc do thiếu ý thức tuân thủ nghiêm chỉnh về nội quy an toàn lao động của công nhân thi công cũng có thể gây tai nạn đáng tiếc;

- Các điều kiện an toàn khi thi công trên cao nếu không quản lý tốt sẽ rất dễ xảy ra tai nạn cho công nhân thi công và những người ở khu vực xung quanh;

- Công việc lao động nặng, thời giam làm việc liên tục và lâu dài có thể ảnh hưởng đáng kể đến khoẻ của công nhân, gây tình trạng gây mệt mỏi, choáng váng hay ngất xỉu cho công nhân tại công trường;

- Công tác giám sát kỹ thuật không tốt sẽ rất dễ xảy ra các sự cố gây tai nạn cho người thi công và thiệt hại tài sản.

Như vậy, nếu các rủi ro về tai nạn lao động và tai nạn giao thông xảy ra sẽ gây ảnh hưởng rất lớn đến sức khỏe cũng như tính mạng của công nhân, gây tổn thất lớn về tinh thần cho các gia đình có người gặp nạn. Vì vậy vấn đề đảm bảo an toàn cho công nhân tham gia xây dựng được đại diện chủ dự án và các nhà thầu đặc biệt quan tâm.

- Đối tượng chịu tác động: công nhân lao động tại công trường;

- Mức độ tác động: mức lớn (tùy thuộc vào dạng tai nạn), ảnh hưởng tới sức khỏe người lao động.

b) Sự cố cháy nổ

Sự cố cháy nổ có thể xảy ra trong quá trình vận chuyển và lưu giữ nhiên liệu hoặc do sự thiếu an toàn về hệ thống cấp điện tạm thời, gây nên các thiệt hại về người và vật chất trong quá trình thi công. Có thể xác định các nguyên nhân cụ thể như sau:

- Các khu vực chứa nguyên nhiên liệu tạm thời phục vụ cho quá trình thi công (sơn, xăng, dầu, ...) là các nguồn gây cháy nổ. Khi sự cố xảy ra có thể gây ra thiệt hại nghiêm trọng về người, vật chất và môi trường;

- Hệ thống cấp điện tạm thời cho các máy, thiết bị thi công có thể gây ra sự cố giật, chập, cháy nổ..., gây thiệt hại về kinh tế hay tai nạn lao động cho công nhân;

- Việc sử dụng các thiết bị gia nhiệt trong thi công (hàn xì, đun, đốt nóng, ...) có thể gây ra cháy, bỏng hay tai nạn lao động nếu như không có các biện pháp phòng ngừa.

Nhìn chung, sự cố cháy nổ thường ít khi xảy ra trong quá trình thi công. Tuy nhiên nếu sự cố này xảy ra sẽ ảnh hưởng rất lớn đến con người, tài sản và môi trường khu vực.

- Đối tượng chịu tác động: công nhân thi công, xây dựng công trình;

- Mức độ tác động: mức lớn (nếu xảy ra), ảnh hưởng tới chất lượng công trình, gây thiệt hại về kinh tế, ảnh hưởng sức khỏe người lao động. Tuy nhiên, đại diện chủ dự án và các nhà thầu sẽ áp dụng các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng ngừa sự cố cháy nổ xảy ra do đó khả năng xảy ra sự cố được đánh giá ở mức thấp.

c) Sự cố ngập lụt

Vào những ngày mưa lớn, khi thi công san nền, nước mưa sẽ tích tụ tại các khu vực trũng gây úng ngập cục bộ trong khu vực công trường. Để giảm thiểu các tác động trên, đơn vị thi công sẽ tiến hành san nền trong mùa khô hoặc trước thời điểm mùa mưa, đồng thời bố trí hệ thống máy bơm nước trên công trường để bơm thoát nước mưa.

- Đối tượng chịu tác động: khu vực xây dựng công trình, hệ thống thoát nước chung khu vực;

- Mức độ tác động: mức trung bình.

3.1.2. Các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải và biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực khác đến môi trường

Trong quá trình giải phóng mặt bằng, thi công xây dựng, đại diện chủ dự án sẽ thuê các các nhà thầu thực hiện các hạng mục của dự án. Đại diện chủ dự án sẽ xây dựng quy định BVMT trong giai đoạn giải phóng mặt bằng, thi công xây dựng và đưa các điều khoản về BVMT trong hợp đồng ký kết với các nhà thầu. Theo đó các nhà thầu thi công phải thực hiện đầy đủ các quy định về an toàn lao động và bảo vệ môi trường. Các biện pháp sau đây sẽ được thực hiện để hạn chế các tác động tiêu cực tới môi trường xung quanh:

3.1.2.1. Đối với nước thải

a) Công trình và biện pháp xử lý nước thải sinh hoạt

- Tuyên truyền, giáo dục công nhân giữ vệ sinh, cấm các hành vi phóng uế bừa bãi, không đúng nơi quy định.

- Để hạn chế ô nhiễm do nước thải sinh hoạt của công nhân, biện pháp tận dụng nguồn nhân lực địa phương sẽ được áp dụng đối với lực lượng công nhân.

- Đại diện chủ dự án không bố trí ăn ở cho công nhân tại công trường. Do vậy, toàn bộ công nhân làm việc tại công trường đều phải tự túc ăn ở tại gia đình hoặc các khu nhà trọ trong khu vực. Hằng ngày công nhân chỉ tới làm việc, không có hoạt động sinh hoạt nấu ăn, tắm, ngủ nghỉ tại công trường, vì vậy nước thải sinh hoạt chủ yếu là nước xí tiểu phát sinh từ hoạt động vệ sinh của công nhân.

- Đại diện chủ dự án sẽ thuê lắp đặt 04 nhà vệ sinh lưu động sử dụng cho giai đoạn thi công của dự án, đặt gần khu vực lán trại, dưới hình thức thuê của đơn vị cung cấp. Sau khi kết thúc giai đoạn thi công xây dựng, các nhà vệ sinh công cộng này sẽ được đơn vị cung cấp dỡ bỏ và sử dụng trong công trình khác.

- Thông số nhà vệ sinh di động như sau:

+ Kích thước phủ bì: Rộng x dài x cao = 1.120 x 2.640 x 2.600mm

+ Kích thước lọt lòng (mỗi phòng): 1.060 x 850 x 1.980mm

+ Dung tích bồn nước sạch: 900L

+ Dung tích hầm phân tự hoại: 1.200L

- Vật liệu:

+ Toàn bộ nhà vệ sinh được làm bằng nhựa Composite nguyên khối.

+ Bể nước: Bằng nhựa Composite gắn liền vách lưng nhà;

+ Bệ xí xổm bằng bệ sứ.

- Đại diện chủ dự án sẽ thuê đơn vị có chức năng hút chất thải từ nhà vệ sinh di động tần suất: 1 tuần/1 lần hoặc theo tình hình thực tế phát sinh. Sau khi kết thúc xây dựng, nhà thầu thi công sẽ chịu trách nhiệm tháo dỡ nhà vệ sinh lưu động theo đúng quy định.

Ngoài ra, để giảm thiểu tác động do nước mưa chảy tràn, nhà thầu thi công sẽ kiểm tra thường xuyên toàn bộ máy, thiết bị phục vụ thi công để ngăn chặn việc rò rỉ dầu mỡ từ các máy thi công và không tiến hành sửa chữa xe, máy thi công tại khu vực công trường.

b) Đối với nước thải thi công

Nước thải thi công của dự án phát sinh từ quá trình rửa dụng cụ, quá trình rửa xe chở chất thải thi công và nguyên vật liệu ra vào dự án. Tất cả nước thải thi công phát sinh từ công trình sẽ được thu gom, xử lý như sau:

- Bố trí rãnh thu gom, thoát nước tạm thời, sử dụng ống HDPE D150 hoặc mương đào. Bố trí 02 cầu rửa xe với diện tích 24m^2, đặt tại cổng ra/vào dự án. Tại mỗi cầu rửa xe bố trí 01 bể lắng 02 ngăn, mỗi bể có thể tích 4m^3 trên phần diện tích khu đất xây dựng

để xử lý nước thải thi công xây dựng.

- Nước thải thi công (bao gồm nước thải rửa xe nước thải vệ sinh dụng cụ) → mương đào hoặc ống bằng HDPE với đường kính D150 → 01 bể lắng 02 ngăn (kích thước: dài x rộng x cao = 2m x 2m x 1m) có lót vải địa kỹ thuật để loại bỏ cặn lắng → bẫy dầu để tách dầu mỡ ra khỏi nước thải. Giữa ngăn 1 và ngăn 2 có bố trí vải lọc dầu chuyên dụng để loại bỏ dầu mỡ trong nước → Nước thải sau xử lý đạt QCTĐHN 02:2014/BTNMT (cột B) được sử dụng để tái sử dụng rửa xe (không thải ra ngoài môi trường)

- Vải lọc dầu: 100% PE (polyester), 100% PP (polypropylene), trọng lượng vải lọc cặn dầu từ 30-550g/m^2, độ dày 0,1-1mm, kích thước: 0,5m x100m/cuộn để lọc dầu mỡ phát sinh. Định kỳ khoảng 2 tuần/lần nhà thầu thi công có trách nhiệm sẽ thay thế loại vải lọc này. Vải lọc cặn dầu được quản lý, thu gom theo quy định quản lý CTNH.

Định kỳ 1 tuần/lần sẽ tiến hành nạo vét các hố ga, hố thu lắng nhằm đảm bảo lắng toàn bộ đất cát trước khi xả ra hệ thống thoát nước của khu vực. Toàn bộ bùn cặn nạo vét từ hệ thống đường ống, hố thu lắng xử lý... được đại diện chủ dự án thuê đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

Bên cạnh đấy, Chủ đầu tư thực hiện yêu cầu các Nhà thầu thi công không tiến hành sửa chữa xe, thiết bị thi công tại khu vực công trường, hạn chế tối đa việc phát sinh các chất thải liên quan đến dầu mỡ máy.

- Nhà thầu thi công không tập trung các loại nguyên vật liệu gần, cạnh các tuyến thoát nước để ngăn ngừa sự thất thoát rò rỉ vào đường thoát nước thải.

- Thường xuyên kiểm tra, nạo vét, khơi thông hố ga và tuyến thoát nước, không để phế thải xây dựng xâm nhập vào đường thoát nước gây tắc nghẽn.

- Sau khi dự án thi công xong, các bể lắng, bể tách dầu xử lý nước thải giai đoạn xây dựng sẽ được trám lấp để hoàn trả mặt bằng.

3.1.2.2. Đối với chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường (bao gồm chất thải xây dựng) và chất thải nguy hại

a) Công trình, biện pháp thu gom, quản lý chất thải rắn sinh hoạt

Một số biện pháp thu gom, quản lý chất thải rắn sinh hoạt trong giai đoạn giải phóng mặt bằng, thi công xây dựng như sau:

- Lập các nội quy về trật tự, vệ sinh và bảo vệ môi trường trong tập thể công nhân xây dựng.

- Phổ biến cho công nhân các quy định về bảo vệ môi trường.

- Xây dựng nội quy sinh hoạt, tuyên truyền nâng cao ý thức giữ gìn vệ sinh, bảo vệ môi trường cho công nhân làm việc trên công trường.

- Phương án lưu trữ, thu gom và xử lý:

+ Phân loại rác tại nguồn theo quy định tại điều 75 của Luật Bảo vệ môi trường,

không để chung rác thải sinh hoạt với vác loại rác thải khác.

+ Bố trí 02 thùng rác khoảng 60 lít/thùng, có nắp đậy tại kho chứa CTR sinh hoạt với diện tích 10m^2 bố trí gần khu vực lán trại. Cụ thể chất thải rắn sinh hoạt sẽ được phân loại như sau:

- Thùng rác số 01: Rác vô cơ lưu chứa trong thùng màu vàng.
- Thùng rác số 02: Rác hữu cơ chứa vào thùng màu xanh.

Chủ đầu tư dự án sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển xử lý chất thải sinh hoạt theo đúng quy định. Tần suất thu gom: 1 ngày/lần.

Đánh giá:

Ưu điểm: Các biện pháp giảm thiểu đơn giản, dễ thực hiện.

Nhược điểm: Cần thường xuyên giám sát, quản lý chặt chẽ.

Mức độ khả thi: Có tính khả thi cao.

Hiệu quả của biện pháp: Hạn chế được tối đa mức độ ảnh hưởng do rác thải sinh hoạt gây ra.

b) Chất thải rắn thông thường

** Công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải phát quang thực vật và phế thải xây dựng trong giai đoạn giải phóng mặt bằng, thi công xây dựng*

- Các chất thải phát quang bao gồm rễ, thân, cành lớn, cành nhỏ, lá cây và các loại cây, cỏ mọc dại. Các vật chất thân cây, cành lớn sẽ cho người dân địa phương tận dụng gần như không thải bỏ.

- Toàn bộ chất thải phá dỡ, chất thải xây dựng và đất bóc thải bỏ sẽ được thu gom về khu tập kết phế thải xây dựng với diện tích 500m^2 bố trí tại gần cổng công trường. Đại diện chủ dự án ký hợp đồng với đơn vị có chức năng đến vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định. Dự kiến là Khu đất 6,5ha nút giao cao tốc Pháp Vân - Cầu Giẽ, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội quãng đường vận chuyển rác thải xây dựng khoảng 18km.

Các giải pháp quản lý chất thải sẽ góp phần giảm thiểu tác động của các chất thải đến môi trường xung quanh, đây là các giải pháp phù hợp với địa điểm thực hiện Dự án.

** Công trình, biện pháp thu gom, quản lý và xử lý đất bóc trong giai đoạn giải phóng mặt bằng, thi công xây dựng*

Toàn bộ đất bóc sẽ được tận dụng để đắp vào phần diện tích trồng cây xanh và đắp tuyến đường giao thông của dự án. Khối lượng còn thừa khoảng 14.379,90 tấn sẽ được vận chuyển về Khu đất 6,5ha nút giao cao tốc Pháp Vân - Cầu Giẽ, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội quãng đường vận chuyển rác thải xây dựng khoảng.

** Biện pháp xử lý bùn cặn từ từ các hố ga, hố thu lắng... trên công trường thi công sau khi dự án thi công xong và bùn nạo vét ao, kênh mương thuỷ lợi hiện trạng.*

- Đối với bùn cặn nạo vét từ hệ thống thoát nước mưa, bùn từ hố ga, nhà thầu bố trí công nhân nạo vét thường xuyên. Tần suất nạo vét hố ga 1-2 tuần/lần. Toàn bộ lượng bùn cặn này sẽ được Đại diện chủ dự án ký hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý theo đúng quy định. Đối với hệ thống thoát nước, hố ga, bể lắng tại công trình sau sử dụng (khi thi công xong) sẽ được hút bùn, trám lấp, hoàn trả mặt bằng.

- Đối với bùn nạo vét ao, kênh mương thuỷ lợi hiện trạng: Trước khi nạo vét bùn từ kênh mương và ao thì nhà thầu thi công sẽ cho tháo nước bằng cách bơm toàn bộ nước ra hệ thống kênh mương thoát nước hiện trạng. Sau đó, sẽ thuê đơn vị có chức năng tới hút bùn và vận chuyển đi xử lý theo quy định, không lưu chứa tại dự án.

c) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý CTNH

Chủ đầu tư và nhà thầu thi công sẽ áp dụng các biện pháp giảm thiểu tác động trong giai đoạn giải phóng mặt bằng, thi công xây dựng như sau:

- Các hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, phương tiện thi công được thực hiện tại các gara, trạm sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện ở ngoài khu vực dự án để giảm thiểu phát sinh CTNH tại khu vực dự án.

- Trường hợp bất khả kháng phải thực hiện việc sửa chữa máy móc tại khu vực dự án thì giẻ lau, găng tay dính dầu và các loại CTNH khác sẽ được đơn vị thi công thu gom, lưu trữ như sau:

- Bố trí container dung tích 10 feet để làm kho chứa CTNH đặt tại gần lán trại.

- Để phân loại các loại chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công xây dựng được đại diện chủ dự án trang bị 02 thùng chứa có dung tích 120 lít có nắp đậy và dán mã CTNH theo quy định, đáp ứng các yêu cầu về an toàn kỹ thuật, bảo đảm không rò rỉ, rơi vãi hoặc phát tán ra môi trường. Thời gian lưu chứa chất thải 6 tháng.

→ Lưu giữ tại một góc quy định trong khu vực thi công và lưu giữ theo đúng quy định tai Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư 07/2025/BTNMT ngày 28/02/2025.

- Khi dự án bắt đầu đi vào triển khai thì sẽ tiến hành hợp đồng với đơn vị đủ chức năng để thu gom vận chuyển.

- Chủ đầu tư sẽ ký hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý CTNH với đơn vị có chức năng và chuyên ngành để thu gom, vận chuyển, xử lý CTNH theo quy định của pháp luật với tần suất 6 tháng/lần. Đơn vị cung cấp dịch vụ thu gom và xử lý CTNH sẽ có đầy đủ năng lực và đã được cơ quan quản lý nhà nước cấp phép hành nghề quản lý CTNH.

3.1.2.3. Đối với bụi, khí thải

a) Các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động từ hoạt động san nền

Các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động từ hoạt động san nền trong giai đoạn giải phóng mặt bằng, thi công xây dựng cụ thể như sau:

Đất bóc có khả năng tận dụng được tập kết tại bãi tập kết trong khu đất dự án (trước

khi đổ đất sẽ được rải bạt để tiện cho công tác vệ sinh). Khu tập kết có xây bờ ngăn xung quanh và có bạt che phủ để ngăn sự phát tán của bụi ra môi trường không khí.

Xây dựng hàng rào bằng tôn cao 2m để ngăn bụi phát tán từ công trường ra các khu dân cư lân cận, hàng rào được làm bằng tôn, hàng rào được bố trí xung quanh khu vực công trường thi công.

- Sử dụng các phương tiện, máy móc được đăng kiểm, đồng thời nhà thầu thi công sẽ tiến hành bảo dưỡng định kỳ theo đúng quy định để giảm thiểu tiêu hao nhiên liệu và phát thải ô nhiễm.

- Xe vận chuyển phế liệu thải bỏ phải được phủ kín bằng bạt, không chở liệu vượt quá khối lượng quy định.

- Tập kết phế liệu đúng nơi quy định, tổ chức khoa học

Thường xuyên phun nước tạo ẩm trên công trường vào những ngày nắng nóng, gió to. Tần suất 02 lần/ngày, có thể tăng hoặc giảm tùy theo tình hình thời tiết.

Ưu tiên chọn nguồn cung cấp vật liệu gần khu vực dự án để giảm quãng đường vận chuyển nhằm giảm thiểu bụi và các chất thải phát sinh.

b) Các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động của bụi và khí thải từ các phương tiện vận tải trong giai đoạn giải phóng mặt bằng, thi công xây dựng.

Để giảm thiểu bụi và khí thải từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu chủ đầu tư phối hợp với nhà thầu thi công thực hiện các biện pháp sau:

- Sử dụng các loại xe vận tải có động cơ đốt trong có hiệu suất cao, tải lượng khí thải nhỏ, độ ồn thấp. Thường xuyên bảo dưỡng máy móc thiết bị thi công đảm bảo hoạt động trạng thái tốt nhất, hạn chế tiếng ồn và khói thải ở mức thấp nhất.

- Tưới nước, trên tuyến đường vận chuyển chính để giảm bụi. Các vật liệu xây dựng được cung cấp chủ yếu vận chuyển trên tuyến đường xung quanh dự án.

- Biện pháp tưới nước giảm bụi tuy không thể xử lý hoàn toàn các loại bụi nhưng có thể hạn chế đến mức tối đa sự phát tán của bụi vào môi trường xung quanh.

+ Tần suất tưới: trung bình 2 lần/ngày vào ngày nắng nóng trên tuyến đường chính dẫn vào khu vực dự án.

+ Số lượng xe tưới nước: 1 xe, bồn chứa $5m^3$;

+ Nước cấp rửa đường: tiêu chuẩn cấp nước: 0,5 lít/m^2/lần.

- Đại diện chủ dự án tiến hành phun rửa gầm và bánh xe trước khi xe ra khỏi công trường thi công.

- Thực hiện nghiêm túc quy định hạn chế tốc độ di chuyển trong khu vực công trường vừa để đảm bảo an toàn giao thông trong khu vực và giảm được lượng bụi cuốn theo. Tốc độ lưu thông tối đa trong khu vực nội bộ không vượt quá 5 km/h. Đặt biển báo hiệu công trường đang thi công và cử người hướng dẫn các phương tiện tham gia giao thông đi qua khu vực công trường đang thi công đảm bảo an toàn.

- Việc vận chuyển nguyên vật liệu, tránh hoạt động vào giờ cao điểm, các xe phải giảm tốc độ khi qua các khu vực đông người, khu dân cư, đường giao cắt, phối hợp với các cơ quan quản lý giao thông đề xuất cắm biển chỉ dẫn hạn chế tốc độ, còi báo hiệu nếu thấy cần thiết.

- Yêu cầu nhà thầu thi công không chở nguyên vật liệu quá tải trọng xe để bảo vệ các tuyến đường trong khu vực vận chuyển.

- Xe vận chuyển đất đổ thải, nguyên vật liệu phải có thùng kín hoặc bạt che thùng kín để hạn chế phát tán bụi và vật chất rơi vãi. Bạt sử dụng che phủ sử dụng các loại bạt làm từ Polyethylene (PE) tarpaulin, Polypropylen (PP); Polyvinychloride (PVC) tarpaulin hoặc canvas tarpaulin. Bạt được phủ kín toàn bộ thùng xe và buộc chặt.

- Phân luồng xe ra vào khu vực Dự án, tập kết nguyên liệu vật liệu hợp lý để hạn chế sự tập trung quá đông các phương tiện vận chuyển tại công trường. Vị trí bãi tập kết nguyên liệu của dự án sẽ được bố trí phù hợp với tiến độ thi công, thường bố trí trong khuôn viên thi công từng hạng mục công trình để thuận tiện cho việc thi công xây dựng.

- Tiến hành quét dọn vệ sinh 02 lần/ ngày đối với ngày nắng để hạn chế bụi dọc các tuyến đường vận chuyển đất cát san nền, vật liệu xây dựng, các công nhân sẽ tiến hành quét dọn thu gom rác thải phát sinh từ công trường.

c) Các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động của bụi và khí thải từ các máy thi công trong giai đoạn giải phóng mặt bằng, thi công xây dựng.

Các biện pháp giảm thiểu tác động do khí thải của các máy thi công bao gồm:

Sử dụng các máy thi công có chất lượng tốt, tiết kiệm nhiên liệu và ít phát thải các khí thải độc hại. Các máy thi công phải còn thời hạn kiểm định. Dự án không sử dụng các máy cũ, nát; các máy đã hết hạn sử dụng;

Vận hành thiết bị theo đúng công suất và hướng dẫn của nhà sản xuất, vận hành theo đúng quy trình vận hành và thiết kế của nhà sản xuất sẽ góp phần giảm thiểu nguy cơ xảy ra tai nạn lao động, đồng thời đảm bảo cho thiết bị vận hành ổn định, phát sinh khí thải trong giới hạn cho phép.

Thường xuyên bảo dưỡng các máy thi công để thiết bị hoạt động ở chế độ tốt nhất;

Trang bị đầy đủ bảo hộ cần thiết cho người lao động vận hành thiết bị theo danh mục nghề ban hành theo Thông tư số 04/2014/TT-BLĐTBXH ngày 12/02/2014 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (về Hướng dẫn thực hiện chế độ trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân).

Các giải pháp đề xuất đều là những giải pháp phổ biến (đang được áp dụng phổ biến ở các công trình xây dựng), đây là những giải pháp có tính khả thi cao, đem lại hiệu quả giảm thiểu tác động. Đại diện chủ dự án và các nhà thầu có thể áp dụng được mà không cần sự hỗ trợ từ đơn vị khác.

d) Giảm thiểu bụi từ quá trình tập kết nguyên vật liệu, đất đào

- Trong quá trình tập kết nguyên vật liệu, chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu tập kết vật

liệu sẽ phải quây phủ bạt để tránh phát tán bụi.

- Phun nước tưới ẩm vật liệu xây dựng như cát, đá, đất đào nhằm hạn chế bụi khuếch tán vào môi trường. Tần suất 1 lần/ngày đối với ngày không mưa và 2 lần/ngày đối với ngày nắng nóng.

- Yêu cầu các đơn vị cung cấp đổ vật liệu đúng nơi đã được quy định.

- Yêu cầu nhà thầu thi công đến đâu tập kết vật liệu đến đó nhằm hạn chế tập kết cùng lúc nhiều vật liệu xây dựng trên công trường.

- Khi bốc xếp vật liệu xây dựng, công nhân sẽ được trang bị bảo hộ cá nhân để hạn chế ảnh hưởng của bụi đến sức khỏe (đeo khẩu trang, mặc đồ bảo hộ lao động, tay chân đeo găng, đeo kính...).

- Hạn chế bốc xếp trong thời điểm tốc độ gió cao

- Thực hiện vận chuyển vào thời gian quy định của thành phố 21 h đến 6h sáng.

e) Giảm thiểu ô nhiễm từ công đoạn hàn

Quá trình hàn sẽ phát sinh khí thải độc hại, đây là nguồn gây ô nhiễm khó thu gom xử lý. Tuy nhiên, dự án chỉ xây dựng hạ tầng kỹ thuật, công đoạn hàn cắt là nhỏ và thi công trong không gian rộng, thông thoáng nên không gây ô nhiễm nhiều đến môi trường và chỉ có khả năng tác động trực tiếp đến công nhân thực hiện. Vì vậy biện pháp giảm thiểu chính là trang bị đầy đủ dụng cụ bảo hộ cho công nhân xây dựng như: Mặt nạ hàn, kính hàn, găng tay, khẩu trang và bố trí luân phiên các công đoạn hàn cắt để tránh tập trung cùng một lúc gây ô nhiễm môi trường.

3.1.2.4. Đối với tiếng ồn, độ rung

Trong giai đoạn giải phóng mặt bằng, thi công xây dựng, xây dựng tác động tiếng ồn chủ yếu do các phương tiện vận tải và các máy thi công, một số biện pháp giảm thiểu tiếng ồn được áp dụng bao gồm:

Thường xuyên bảo dưỡng máy thi công, phương tiện vận tải để giảm thiểu phát sinh tiếng ồn;

Phân phối các phương tiện làm việc trên công trường một cách hợp lý, tránh để các thiết bị phát ra tiếng ồn hoạt động đồng thời nhằm giảm khả năng cộng hưởng tiếng ồn;

Xây dựng hàng rào ngăn cách khu vực công trường với khu dân cư để giảm thiểu phát tán bụi và giảm tác động của tiếng ồn;

Kiểm tra mức ồn, rung của phương tiện vận tải, thiết bị và máy thi công trong quá trình vận hành, nếu mức ồn lớn hơn giới hạn cho phép thì phải tiến hành sửa chữa, khắc phục độ ồn hoặc lắp đặt các thiết bị giảm thanh;

Trang bị đầy đủ bảo hộ cần thiết cho người lao động vận hành thiết bị/máy theo danh mục nghề ban hành theo Thông tư số 04/2014/TT-BLĐTBXH ngày 12/02/2014 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (về Hướng dẫn thực hiện chế độ trang bị phương

tiện bảo vệ cá nhân).

Các biện pháp quản lý và kỹ thuật áp dụng để giảm thiểu tiếng ồn là các giải pháp đơn giản, dễ thực hiện và cho hiệu quả giảm thiểu cao.

3.1.2.5. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

a) Nước mưa chảy tràn

- Các tuyến thoát nước mưa đảm bảo tiêu thoát triệt để, không gây úng ngập trong suốt quá trình xây dựng và không làm ảnh hưởng đến khả năng thoát thải của các khu vực bên ngoài dự án; rãnh thoát nước có kích thước 300 x 300mm hệ thống thoát nước mưa tạm thời được sử dụng cho giai đoạn thi công của dự án.

- Thường xuyên kiểm tra, nạo vét, khơi thông không để phế thải xây dựng xâm nhập vào đường thoát nước gây tắc nghẽn, tiến hành nạo vét định kỳ 02 tuần/1 lần để khơi thông dòng chảy; Định kỳ thuê đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Không tập trung các loại nguyên vật liệu gần, cạnh các tuyến thoát nước để ngăn ngừa thất thoát rò rỉ vào đường thoát nước thải;

- Các tuyến thoát nước mưa, nước thải thi công được thực hiện phù hợp với quy hoạch thoát nước của toàn khu vực dự án;

- Bố trí các hố ga trên dọc tuyến rãnh thu nước nước nhằm tách chất rắn lơ lửng ra khỏi nước mưa trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Tạo độ dốc mặt bằng 1-2% về phía rãnh thoát nước để đảm bảo thoát nước triệt để, tránh ứ đọng nước trên mặt bằng.

- Mô tả hệ thống thoát nước mưa: Các tuyến thoát nước gồm các rãnh hở kích thước 300 x 300mm, dẫn vào hệ thống thoát nước chung của khu vực là kênh mương T2. Trên tuyến thoát nước có bố trí các hố ga khoảng 30-40 m/hố (Theo tiêu chuẩn thoát nước TCVN 5784).

b) Giảm thiểu tác động do ngập úng

Trong quá trình thi công san nền có khả năng xảy ra ngập úng đặc biệt vào những ngày có mưa lớn. Để giảm thiểu tác động trên, các biện pháp sau sẽ được áp dụng:

-Thời điểm thi công đào đất sẽ được tiến hành trước/sau mùa mưa để hạn chế khả năng xảy ra ngập úng;

- Xây dựng hệ thống thoát nước tạm trên công trường;

- Lên kế hoạch thi công hợp lý, thi công nhanh gọn, khoa học, đảm bảo đúng tiến độ.

- Tuân thủ cos san nền theo quy hoạch đã được phê duyệt. Cao độ nền này đã được nghiên cứu phù hợp với các khu vực xung quanh trong tương lai trên cơ sở thoát nước dễ dàng cho toàn khu.

- Không thi công vào những ngày mưa, bão lớn, lũ.

- Thường xuyên liên hệ với chính quyền địa phương kịp thời giải quyết tình hình ngập úng (nếu có xảy ra) đặc biệt trong mùa mưa bão.

- Trong quá trình thi công cần phải bố trí các rãnh thoát nước tạm thời. Bên cạnh đó, xe vận chuyển đất để san nền phải có thùng kín và thường xuyên dọn dẹp, vệ sinh tuyến đường để tránh rơi vãi đất, đá xuống đường và nguồn nước mặt trong khu vực tránh tình trạng ngập úng kéo theo các hệ lụy như ảnh hưởng đến diện tích trồng lúa còn lại làm giảm năng suất cây trồng, ảnh hưởng đến đời sống người dân.

- Chủ đầu tư đưa ra phương án bơm thoát nước cưỡng bức trong trường hợp xảy ra ngập úng như sau:

+ Bố trí 02 máy bơm tại công trường để bơm thoát nước phòng chống ngập úng khu vực công trường (đồng thời sử dụng để tưới ẩm công trường vào ngày khô hanh)

+ Công suất bơm: Q ≥5,5kW

+ Phương án thoát nước: Nước sẽ được bơm vào hệ thống thoát nước tạm trên công trường rồi chảy vào hệ thống thoát nước chung của khu vực tại kênh T2.

+ Nguồn tiếp nhận: Hệ thống thoát nước chung của khu vực tại kênh T2.

c) Giảm thiểu tác động từ hoạt động phát quang trong giai đoạn giải phóng mặt bằng, thi công xây dựng.

Hoạt động phát quang tạo mặt bằng thi công được tiến hành theo phương pháp cuốn chiếu, công tác phát quang thảm thực vật được tiến hành nhanh, gọn, làm đến đâu sạch đến đó;

Đối với diện tích đất canh tác nông nghiệp: Sau khi chi trả tiền đền bù và hỗ trợ cho các hộ dân chịu ảnh hưởng, đại diện chủ dự án sẽ để cho các hộ dân tận thu nông sản. Phần vật chất còn lại (thân, cành, lá, rễ,...) không có khả năng sử dụng sẽ được công nhân của các nhà thầu thu gom và thuê đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý;

Ngoài ra, đại diện chủ dự án sẽ thông báo trên các phương tiện truyền thông để các hộ dân ngừng tiến hành gieo ấy, canh tác trên phần diện tích sử dụng cho Dự án.

d) Giảm thiểu tác động của bụi và khí thải tới môi trường do hoạt động vận chuyển đất đá đổ thải và từ quá trình vận chuyển bùn nạo vét trong giai đoạn giải phóng mặt bằng, thi công xây dựng.

- Sử dụng các loại xe vận tải có động cơ đốt trong có hiệu suất cao, tải lượng khí thải nhỏ, độ ồn thấp.

- Tưới nước trên tuyến đường vận chuyển chính để giảm bụi. Tần suất 2 lần/ngày vào ngày nắng nóng;

- Đại diện chủ dự án lập chốt phun rửa gầm xe tại cổng công trường (chỉ xây dựng tại cổng có xe tải vận chuyển VLXD ra vào ở phía Bắc của dự án).

Chốt rửa xe bố trí rãnh thu nước rửa xe: Bố trí 1 rãnh nước phía trước khu vực ra vào công trường để rửa bùn, đất bám dính trên các lốp xe khi di chuyển ra vào công

trường. Nước từ rãnh sẽ được chặn để ngăn dòng chảy, 1 ngày sẽ tháo nước 2 lần vào buổi trưa và buổi chiều cho nước chảy vào rãnh thu bên cạnh đến hố lắng để xử lý; sau lắng xong nước sẽ tận dụng để dập bụi và rửa lốp xe tại dự án.

- Thực hiện nghiêm túc quy định hạn chế tốc độ di chuyển trong khu vực công trường vừa để đảm bảo an toàn giao thông trong khu vực và giảm được lượng bụi cuốn theo. Tốc độ lưu thông tối đa trong khu vực nội bộ không vượt quá 5 km/h. Đặt biển báo hiệu công trường đang thi công và cử người hướng dẫn các phương tiện tham gia giao thông đi qua khu vực công trường đang thi công đảm bảo an toàn.

- Việc vận chuyển đất đá đổ thải tránh hoạt động vào giờ cao điểm, các xe máy phải giảm tốc độ khi qua các khu vực đông người.

- Xe chở đúng tải trọng theo quy định.

- Xe vận chuyển đất đổ thải phải có thùng kín hoặc bạt che thùng kín để hạn chế rơi đất đá rơi vãi xuống đường và nguồn nước mặt trong khu vực.

- Trang bị đầy đủ thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân.

e) Phổ biến thông tin Dự án đến cộng đồng

Trong giai đoạn thi công xây dựng, đại diện chủ dự án sẽ phổ biến thông tin đến cộng đồng và nêu rõ các vấn đề sau:

Căn cứ pháp lý thực hiện Dự án;

Mục tiêu và các thông tin chính của Dự án;

Tiến độ thực hiện xây dựng các hạng mục công trình của Dự án;

Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng Dự án.

Thông tin về Dự án được phổ biến công khai tại UBND xã Văn Phú; ngoài ra được phổ biến tại khu vực thực hiện Dự án. Hình thức phổ biến bao gồm:

Thông tin trên hệ thống loa truyền thanh của xã Văn Phú;

Ngoài ra, trong quá trình triển khai sẽ thông báo cho người dân có đất canh tác tận thu sản phẩm, đồng thời yêu cầu người dân ngừng các hoạt động gieo trồng trên diện tích đất thực hiện Dự án.

f) Các giải pháp giảm thiểu tác động do chiếm dụng đất

Chủ dự án sẽ phối hợp với UBND xã Thường Tín tiến hành kiểm kê, xác định thiệt hại và bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân chịu ảnh hưởng.

Toàn bộ chi phí cho công tác bồi thường, hỗ trợ GPMB do Chủ dự án chi trả. Sau khi quá trình bồi thường, hỗ trợ GPMB hoàn thành, Chủ dự án sẽ bàn giao mặt bằng cho đơn vị thi công để triển khai công tác san nền, xây dựng các hạng mục công trình.

h) Các biện pháp giảm thiểu tác động khi lấp kênh mương hiện trạng trong giai đoạn giải phóng mặt bằng, thi công xây dựng.

- Dự án sẽ san lấp một số mương tưới tiêu nội đồng trong khuôn viên dự án, việc

phá bỏ hệ thống kênh mương sẽ làm gây chặn dòng chảy, ngập úng, ách tắc tiêu thoát nước, đặc biệt trong mùa mưa. Do đó, để giảm thiểu tối đa đến hệ thống thoát nước của khu vực, đại diện chủ dự án sẽ tiến hành nạo vét hai kênh mương T1 và T2. Vì vậy, việc san lấp không ảnh hưởng tới hoạt động canh tác cũng như tiêu thoát nước của các khu vực xung quanh

- Dọn dẹp ngay phế thải xây dựng trong thi công vận chuyển đến đổ tại nơi qui định.

- Kiểm tra bơm trước khi bơm nước để tiến hành hút bùn;

- Kiểm soát toàn bộ các nước trong quá trình nạo vét để không phát sinh ra bên ngoài tránh trường hợp gây ngập úng.

* Đối với bùn nạo vét: được đơn vị thầu thi thuê đơn vị có chức năng đến hút bùn và vận chuyển đi xử lý theo quy định.

- Để hạn chế việc gián đoạn nguồn nước tưới, hoạt động cải mương sẽ được tiến hành vào thời kỳ ít mưa và hoàn thành trước thời kỳ mưa nhiều.

- Tiến hành thi công dứt điểm từng đoạn nền và đầm chặt tránh xói do mưa, đồng thời kiểm tra đoạn nền đắp trước mỗi cơn mưa, gia cố thêm nếu thấy có khả năng xói.

- Thu gom và vận chuyển ngay đất đá thải về vị trí bãi chứa tạm thời. Không bố trí bãi chứa gần khu vực dân cư và gần nguồn nước mặt.

g) Các biện pháp giảm thiểu tác động do tập trung công nhân

Ưu tiên tuyển dụng lao động tại xã Thường Tín và các địa phương lân cận để giảm số lượng CBCNV phải bố trí sinh hoạt tại công trường.

Khai báo tạm trú đối với những công nhân từ nơi khác tới để quản lý được lực lượng lao động và an ninh xã hội.

Đại diện chủ dự án, các nhà thầu phối hợp với chính quyền địa phương quản lý chặt chẽ lực lượng lao động. Phổ biến quán triệt công nhân xây dựng nghiêm túc thực hiện công tác đảm bảo an ninh trật tự, không gây mất đoàn kết với nhân dân địa phương.

Tuyên truyền, nâng cao ý thức của công nhân trong việc bảo vệ môi trường

Phối hợp với Trạm y tế xã gần khu vực trong phòng chống dịch bệnh và xử lý tai nạn lao động.

h) Các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông

Các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông được áp dụng như sau:

Lắp đặt các biển báo chỉ dẫn khu vực công trường;

Lập chốt bảo vệ ngăn không cho người dân (đặc biệt là trẻ em) vào khu vực thi công;

Hạn chế hoạt động vận tải trong khung giờ cao điểm (từ 6h00' đến 8h00' và từ 17h00' đến 19h00') để giảm thiểu nguy cơ ùn tắc giao thông tại tuyến đường vào khu vực

thi công;

Phối hợp với lực lượng CSGT/TTGT giám sát hoạt động của các phương tiện vận tải, đảm bảo các phương tiện chở đúng tải trọng và đúng tốc độ;

Trong trường hợp xảy ra hư hỏng hệ thống giao thông, đại diện chủ dự án chịu trách nhiệm bồi thường và khắc phục hậu quả.

i) Các biện pháp đảm bảo an toàn lao động

Huấn luyện về an toàn vệ sinh lao động cho tất cả CBCNV làm việc tại công trường;

Xây dựng nội quy lao động tại các khu vực thi công;

Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cần thiết cho người lao động theo danh mục nghề;

Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng để bảo đảm an toàn cho các máy, thiết bị làm việc trên công trường.

3.1.2.7. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường và phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường (nếu có).

a) Thực hiện công tác đảm bảo an toàn lao động và an toàn thực phẩm

Để giảm thiểu nguy cơ xảy ra tai nạn lao động và ngộ độc thực phẩm, đảm bảo sức khoẻ cho CBCNV làm việc tại công trường, đại diện chủ dự án sẽ phối hợp với các nhà thầu thực hiện các biện pháp sau:

Trước khi xây dựng công trình, đại diện chủ dự án tiến hành lập rào chắn tại các khu vực tiếp giáp khu dân cư thôn Văn Xá, cắm biển cảnh báo công trường, biển hạn chế tốc độ để hạn chế tối đa khả năng xảy ra tai nạn giao thông;

Lập Ban an toàn lao động tại công trường và bố trí lao động chuyên trách; xây dựng, ban hành và yêu cầu mọi lao động tại công trường phải thực hiện nghiêm túc các nội quy làm việc tại công trường bao gồm: nội quy ra vào làm việc tại công trường, nội quy về trang bị bảo hộ lao động, nội quy sử dụng thiết bị, nội quy về an toàn điện, nội quy an toàn cháy nổ,...

Tất cả các công nhân tham gia thi công tại các công đoạn, các hạng mục có nguy cơ xảy ra tai nạn lao động đều phải được huấn luyện về an toàn vệ sinh lao động trước khi tham gia thi công tại công trường;

Trang bị các thiết bị bảo hộ cần thiết cho công nhân tại công trường như khẩu trang chống bụi và khí, mũ bảo hộ, găng tay, kính và tấm chắn trong quá trình hàn xì, các thiết bị an toàn trong sử dụng điện ,...

Đại diện chủ dự án yêu cầu các nhà thầu mua bảo hiểm cho công nhân để đảm bảo quyền lợi cho người lao động khi có sự cố xảy ra;

Tổ chức theo dõi tai nạn lao động, phát hiện và có phương án ứng cứu, khắc phục kịp thời nhằm đảm bảo sức khoẻ cho công nhân tại công trường và tránh xảy ra tai nạn tương tự (khi phát hiện ra tai nạn có biện pháp sơ cứu ngay và có xe vận chuyển đến các

cơ sở y tế một cách kịp thời).

b) Phương án phòng chống cháy nổ

Tất cả vỏ thiết bị điện, trạm biến áp, thiết bị công nghệ, tủ, hộp điện vỏ cáp và các kết cấu kim loại khác dùng để lắp đặt thiết bị điện và hệ thống điện được nối đất phù hợp với chế độ của điện trung tính của máy biến thế nguồn, thông qua một mạng lưới tiếp địa bằng dây đồng trần. Lắp đặt mạng lưới và hệ thống điện vừa đảm bảo độ thẩm mỹ vừa mang tính tiện lợi và có tính an toàn cao.

c) Phương án chống ngập úng công trình

Trong quá trình thi công san nền có khả năng xảy ra ngập úng đặc biệt vào những ngày có mưa lớn. Để giảm thiểu tác động trên, các biện pháp sau sẽ được áp dụng:

Thời điểm thi công đào đất sẽ được tiến hành trước/sau mùa mưa để hạn chế khả năng xảy ra ngập úng;

Xây dựng hệ thống thoát nước tạm trên công trường;

Bố trí 01 máy bơm tại công trường để bơm thoát nước phòng chống ngập úng khu vực công trường (đồng thời sử dụng để tưới ẩm công trường vào ngày khô hanh).

- Chủ đầu tư đưa ra phương án bơm thoát nước cưỡng bức trong trường hợp xảy ra ngập úng như sau:

+ Bố trí 01 máy bơm tại công trường để bơm thoát nước phòng chống ngập úng khu vực công trường (đồng thời sử dụng để tưới ẩm công trường vào ngày khô hanh).

+ Công suất bơm: Q ≥5,5kW.

+ Phương án thoát nước: Nước sẽ được bơm vào hệ thống thoát nước tạm trên công trường rồi chảy vào hệ thống thoát nước chung của khu vực tại kênh T2.

+ Nguồn tiếp nhận: Hệ thống thoát nước chung của khu vực tại kênh T2.

3.2. Đánh giá, dự báo tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn vận hành

3.2.1. Đánh giá, dự báo các tác động trong giai đoạn vận hành

3.2.1.1. Đánh giá, dự báo tác động liên quan đến chất thải

(I) Đánh giá, dự báo tác động do nước thải

a. Nước thải sinh hoạt:

<u>* Nguồn phát sinh</u>

Trong giai đoạn hoạt động khu nhà ở liên kế, nhà ở xã hội, trường học..., nguồn phát sinh nước thải chủ yếu là từ các hoạt động sau:

- Hoạt động sinh hoạt của khu dân cư;

- Hoạt động sinh hoạt của khu công cộng.

<u>* Lưu lượng nước thải phát sinh</u>

- Căn cứ vào nhu cầu sử dụng nước đã tính toán chi tiết tại chương 1, ước tính lượng nước thải phát sinh bằng 100% lượng nước cấp (Nghị định 80/2014/NĐ-CP). Riêng đối với nước tưới cây, rửa đường, nước thất thoát do đặc tính bay hơi, ngấm vào vật chất và được thu gom vào hệ thống thoát nước mưa ngoài công trình nên không thể thu gom để xử lý. Lưu lượng nước thải sinh hoạt của dự án như sau:

Bảng 3. 16: Nhu cầu thoát nước của dự án trong giai đoạn vận hành

TT	Chức năng sử dụng đất	Kí hiệu	Qtt (m^3/ngđ)	Tỷ lệ thu gom (%)	Qnt=QcnxK max (m^3/ngđ)
1	**Đất ở mới**				
1.1	*Đất ở thấp tầng*	*LK-BT*			
	Đất nhà ở liền kề	LK			
		LK-01	5,6	100%	6,72
		LK-02	8	100%	9,6
		LK-03	13,6	100%	16,32
		LK-04	12,8	100%	15,36
C	Đất nhà ở biệt thự	BT			
		BT-01	3,2	100%	3,84
		BT-02	5,6	100%	6,72
		BT-03	17,6	100%	21,12
		BT-04	15,2	100%	18,24
1.2	*Đất nhà ở xã hội*	*OXH*	208	100%	249,6
2	**Đất trường mầm non**	**GD**	3,98	100%	4,78
3	**Đất cây xanh**	**CX**			
4	**Đất giao thông**				
I	**Tổng Qtt**		**320,98**		**352,3**
II	**Lượng nước dự phòng rò rỉ Qrr=15%Qtt**		**48,15**		
III	**Tổng lưu lượng cấp nước lớn nhất trong ngày Qngày max=1,2 (Qtt+Qrr)**		**442,95**		**422,76**
	Tổng nhu cầu thoát nước thải dự án				**422,76**

- Riêng đối với nước tưới cây, rửa đường do đặc tính bay hơi, ngấm vào đất do đó hoạt động này không phát sinh nước thải.

- Nước thải sinh hoạt chủ yếu chứa các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các chất hữu cơ và vi sinh gây bệnh,... nước thải sinh hoạt nếu không được xử lý sẽ tác động tiêu cực tới khu vực nhận nước, gây áp lực cho hệ thống xử lý nước thải. Đặc tính nước thải gồm 3 dòng thải chính như sau:

+ Nước thải từ khu vực bếp ăn: chứa nhiều dầu mỡ, các chất dinh dưỡng, các chất hữu cơ và hàm lượng cặn lơ lửng cao;

+ Nước rửa: chứa các thành phần lơ lửng, chất hoạt động bề mặt và các vi sinh vật...;

+ Nước thoát xí: có hàm lượng chất rắn lơ lửng cao, chất hữu cơ BOD5, COD), chất dinh dưỡng, vi sinh vật,.. Dựa vào tải lượng các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt đã trình bày có thể ước tính nồng độ các chất trong giai đoạn vận hành dự án như sau:

Đối chiếu với QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt, cho thấy nước thải sinh hoạt nếu không được xử lý có tải lượng các chất ô nhiễm cao hơn rất nhiều so với giới hạn cho phép.

* Thành phần và tính chất của nước thải

Nước thải sinh hoạt chủ yếu chứa các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các chất hữu cơ và vi sinh gây bệnh... nước thải sinh hoạt nếu không được xử lý sẽ tác động tiêu cực tới khu vực nhận nước, gây áp lực cho hệ thống xử lý nước thải.

Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt được đưa ra trong bảng sau:

Bảng 3. 17: Tải lượng ô nhiễm nước sinh hoạt thải ra trong một ngày

STT	Chất ô nhiễm	Hệ số (g/người.ngđ)	Tải lượng (g/ngày)
1	BOD_5	55 - 60	13.365 – 14.580
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	60 - 65	14.580 – 15.795
3	Amoni (tính theo N)	8 – 10,5	1.944 – 2.551,5
4	Photphat (PO_4^{3-}) (tính theo P)	1,1 – 2,2	267,3 – 534,6

(Nguồn: TCVN 7957:2023)

Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt của dân cư trong giai đoạn vận hành được tính theo công thức: **C = E / Q (mg/l)**

Trong đó:

+ C: Nồng độ chất ô nhiễm (g/m^3 hay mg/l).

+ E: Tải lượng chất ô nhiễm (g/ngày).

+ Q: Lưu lượng nước thải (m^3/ngày); Q = 422,76 m^3/ngày (~422.760 lít/ngày)

Dựa vào công thức trên, nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng được thể hiện ở bảng dưới đây:

Bảng 3. 18: Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt giai đoạn vận hành

STT	Chất ô nhiễm	Tải lượng (g/ngày)	Lưu lượng nước thải (lít/ngày)	Nồng độ (mg/l)	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1)
1	BOD_5	13.365 – 14.580	52.490	254 – 278	50
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	14.580 – 15.795	52.490	278 – 301	100

STT	Chất ô nhiễm	Tải lượng (g/ngày)	Lưu lượng nước thải (lít/ngày)	Nồng độ (mg/l)	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1)
3	Amoni (tính theo N)	1.944 – 2.551,5	52.490	1,37 – 48,6	10
4	Photphat (PO_4^{3-}) (tính theo P)	267,3 – 534,6	52.490	1,4 – 10,2	10

- Dựa trên bảng trên có thể thấy nồng độ các chất hữu cơ trong nước thải sinh hoạt khi chưa được xử lý vượt so với giới hạn cho phép theo QCVN 14:2008/BTNMT, cụ thể:

+ TSS: cao gấp khoảng từ 2,78 đến khoảng 3,01 lần

+ BOD_5 cao gấp khoảng 5,08 đến khoảng 5,56 lần

Nước thải của dự án cần được xử lý đạt chuẩn trước khi xả vào nguồn tiếp nhận.

* Đánh giá tác động

Tác động của một số chất gây ô nhiễm môi trường nước

+ Nếu không kiểm soát và xử lý tốt nguồn nước thải này sẽ làm lan truyền ô nhiễm trong nguồn nước như nước mặt, nước ngầm dẫn đến gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng khu vực, gây dịch bệnh cho vùng bị nhiễm khuẩn, ảnh hưởng đến hệ sinh thái và cuộc sống của dân cư xung quanh khu vực dự án. Một số tác động đến môi trường nước như sau:

+ Các chất hữu cơ: Hàm lượng chất hữu cơ cao sẽ làm nồng độ oxy hòa tan (DO) trong nước giảm đi nhanh chóng do vi sinh vật cần lấy oxy hòa tan trong nước để chuyển hóa các chất hữu cơ nói trên thành H_2O, CH_4, N_2... Nếu nồng độ DO dưới 3 mg/l sẽ kìm hãm sự phát triển của thủy sinh vật và ảnh hưởng đến sự phát triển của hệ sinh thái thủy vực. Loại nước thải này nếu bị ứ đọng ngoài môi trường sẽ gây mùi hôi thối khó chịu do các chất hữu cơ bị phân hủy tạo thành. Mặt khác, do quá trình phân hủy các hợp chất hữu cơ sẽ làm cho các hợp chất Nitơ và Phosphor khuyếch tán trở lại trong nước, sự gia tăng nồng độ các chất dinh dưỡng này trong nước có thể dẫn đến hiện tượng phú dưỡng hóa.

+ Các chất rắn lơ lửng: Các chất rắn lơ lửng khi thải ra môi trường nước sẽ nổi lên trên mặt nước tạo thành lớp dầy, lâu dần lớp đó ngả màu xám, không những làm mất vẻ mỹ quan mà quan trọng hơn chính lớp vật nổi này sẽ ngăn cản quá trình trao đổi oxy và truyền sáng, dẫn nước đến tình trạng kỵ khí. Mặt khác một phần cặn lắng xuống đáy sẽ bị phân hủy trong điều kiện kỵ khí, sẽ tạo ra mùi hôi cho khu vực xung quanh

+ Các chất dinh dưỡng (N, P): Sự dư thừa các chất dinh dưỡng dẫn đến sự bùng nổ của những loài tảo. Sự phân hủy của tảo hấp thụ rất nhiều oxy. Thiếu oxy, các thành phần trong nước sẽ lên men và bốc mùi hôi thối. Ngoài ra, quá trình nổi lên trên bề mặt nước của tảo tạo thành lớp màng khiến cho tầng nước phía dưới không có ánh sáng, thiếu oxy. Lúc này quá trình quang hợp của các thực vật tầng dưới bị suy giảm. Nồng độ Nitơ cao hơn 1 (mg/l) và Photpho cao hơn 0,01 (mg/l) tại các dòng chảy chậm là điều kiện gây nên sự bùng nổ của tảo gây hiện tượng phú dưỡng hóa.

+ Vi sinh vật: Làm lây lan dịch bệnh, gây nguy hiểm cho sức khỏe con người và động vật khi sử dụng nguồn nước bị nhiễm vi sinh vật gây bệnh. Nước có lẫn các loại bản, ly, tả. Tùy điều kiện mà vị khuẩn có sức chịu đựng mạnh hay yếu. Các nguồn nước thiên nhiên thường có một số loài vi khuẩn thường xuyên sống trong nước hoặc một số vi khuẩn từ đất nhiễm vào.

- Mức độ tác động: Mức nhỏ, ảnh hưởng tới chất lượng môi trường nước khu vực tiếp nhận. Do nước thải được xử lý sơ bộ qua hệ thống bể tự hoại ba ngăn, bể tách dầu mỡ của từng nhà dân sau đó dẫn về xử lý tại trạm XLNT sinh hoạt theo quy hoạch để nước thải đạt cột B, QCVN 14:2008/BTNMT nên tác động đến môi trường nước được giảm thiểu đáng kể.

b. Nước thải xây dựng phát sinh từ hoạt động thi công xây dựng nhà ở của người dân tại Dự án

Nước thải xây dựng phát sinh trong quá trình thi công xây dựng nhà ở của các hộ dân chủ yếu là nước thải phát sinh từ quá trình rửa các thiết bị, dụng cụ xây dựng. Theo kinh nghiệm thực tế của nhà thầu thi công xây dựng, lượng nước thải phát sinh từ quá trình thi công xây dựng nhà ở của mỗi hộ dân là rất nhỏ và thường được tận dụng để trộn vữa mà ít thải ra môi trường. Bên cạnh đó, các hộ dân thường thi công rải rác, vì vậy tác động do nước thải xây dựng phát sinh trong giai đoạn này là không đáng kể và ít gây ảnh hưởng tới môi trường.

(2) Tác động của khí thải

a. Khí thải từ hoạt động giao thông vận tải của khu dân cư.

Khí thải từ các phương tiện giao thông bao gồm bụi, CO_x, NO_x, SO_x, … Nguồn ô nhiễm này thuộc loại phân tán, nên khó kiểm soát được.

<u>* Tính toán lượng xe ra vào khu dự án</u>

- Lượt xe từ các hộ sinh sống tại khu đô thị: Dự án vào hoạt động có khoảng 1.188 người dân sinh sống.

+ Như vậy với số người quy hoạch tại khu đô thị là: 1.188/2 = 594 (xe)

+ Số xe máy chiếm 80%, tướng ứng: 80% x 594 = 475 (xe máy)

+ Số xe ô tô chiếm 20%, tương ứng: 594- 475 = 119 (xe ô tô)

- Lượt xe vãng lai từ ngoài vào:

+ Dự kiến số phương tiện từ khách vãng lai đến khu công cộng bằng khoảng 20% số phương tiện của các hộ dân sinh sống tại dự án:

+ Khi đó số phương tiện xe máy là: 475 x 20% = 95 (xe máy)

+ Khi đó số phương tiện xe ô tô là: 119 x 20% = 24 (xe ô tô)

- Vậy tổng lượt máy đi vào dự án trong 1 ngày là:

(475 + 95) x 2 = 1.140 (lượt xe máy/ngày)

- Tổng lượt xe ô tô đi vào dự án trong 1 ngày là:

(119 + 24) x 2 = 286 (lượt xe ô tô/ngày)

Như vậy trung bình tổng lượng xe ra vào dự án là 1.140 lượt xe máy/ngày và 286 lượt xe ô tô/ngày. Tuyến đường chịu tác động lớn nhất từ hoạt động của các phương tiện giao thông chủ yếu là tuyến đường nội bộ trong dự án (bán kính trung bình khoảng 2km).

Bảng 3. 19: Lượng nhiên liệu cần cung cấp cho các phương tiện giao thông trong một ngày giai đoạn vận hành

TT	Động cơ	Số lượt xe	Mức tiêu thụ (lít/km)	Tổng lượng xăng, dầu (lít)
1	Xe gắn máy trên 20cc	1.140	0,045	51,30
3	Xe hơi động cơ 1.400cc - 2.000cc	286	0,225	64,35

Tham khảo tài liệu đánh giá nhanh của Tổ chức Y tế Thế giới, hệ số ô nhiễm do khí thải giao thông và được trình bày trong bảng dưới đây:

Bảng 3. 20: Hệ số ô nhiễm do khí thải các phương tiện giao thông

TT	Động cơ	Hệ số ô nhiễm (kg/tấn nhiên liệu)				
		Bụi	SO_2	NO_2	CO	VOC
1	Xe gắn máy trên 20cc	-	20S	8	52,5	80
2	Xe hơi động cơ < 1.400cc	1,1	20S	23,75	248,3	35,25
3	Xe hơi động cơ 1.400cc-2.000cc	0,86	20S	22,02	194,7	27,65
4	Xe hơi động cơ >2.000cc	0,76	20S	27,11	169,7	24,09

Nguồn: Tài liệu đánh giá nhanh của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), năm 1993 S là hàm lượng lưu huỳnh trong xăng dầu (0,5%)

Dựa vào hệ số ô nhiễm và mức tiêu thụ nhiên liệu của các phương tiện, dự báo tải lượng ô nhiễm do các phương tiện giao thông phát thải ra môi trường như sau:

Bảng 3. 21: Dự báo tải lượng ô nhiễm không khí do các phương tiện giao thông trong một ngày

TT	Động cơ	Tải lượng ô nhiễm (kg/ngày)				
		Bụi	SO_2	NO_2	CO	VOC
1	Xe gắn máy trên 20cc	-	0,0002	0,1561	1,0241	1,5206
2	Xe hơi động cơ 1.400 - 2.000cc	0,0207	0,0002	0.5297	4,6835	0,6651
Tổng (Kg/ngày)		0,0207	0,0004	0,6846	5,7077	2,2257
Nồng độ (mg/m^3)		0,0046	0,1905	0,1905	1,4655	0,6183
QCVN 05:2023/BTNMT		**0,3**	**0,35**	**0,2**	**30**	-

Ghi chú:

+ S là hàm lượng lưu huỳnh trong xăng dầu (%)

+ (-): rất ít; 1 lít xăng dầu tương đương với 0,85 kg xăng dầu.

+ Tải lượng bụi, khí thải phát sinh do phương tiện giao thông cơ giới L (kg/ngày).

+ Diện tích bề mặt dự án bị ảnh hưởng là: S = 60.106,90 (m^2).

+ Nồng độ bụi, khí thải trung bình từ phương tiện giao thông (C):

$$C = Lx10^6/(24xV)\ (mg/m^3)$$

*+ Thể tích vùng bị ảnh hưởng (V): V = S*H (m^3).*

+ Chiều cao đo các thông số khí tượng (H): H = 10 (m).

Theo kết quả tính toán trên cho thấy, khi so sánh với QCVN 05:2023/BTNMT các chỉ tiêu bụi, SO_2, CO, NO_x đều nằm trong giới hạn quy chuẩn cho phép. Mặt khác, các phương tiện giao thông vận tải sẽ là nguồn thải di động, phát tán bụi, khí thải ra dọc đường vận chuyển. Với không gian chịu tác động rộng, thoáng, các phương tiện giao thông vận tải không hoạt động đồng thời và là nguồn phát di động nên khí thải sẽ nhanh chóng hòa loãng vào môi trường.

- Vị trí phát thải: khu vực các tuyến đường nội bộ của Khu đô thị, đường liên thôn;

- Đối tượng chịu tác động: môi trường tự nhiên, một số hộ dân sống gần các tuyến đường trục chính của Khu đô thị.

- Mức độ tác động: mức nhỏ, ảnh hưởng tới chất lượng môi trường không, ảnh hưởng tới sức khỏe người dân;

- Khả năng phục hồi của đối tượng chịu tác động: phục hồi nhanh sau khi nguồn tác động dừng và khu đô thị trồng nhiều cây xanh.

b. Mùi và khí thải từ hoạt động nấu nướng

Bụi và khí thải phát sinh do hoạt động đun nấu của người dân thường rất phân tán, không kiểm soát được và với lượng phát sinh không nhiều. Vì vậy, tác động của bụi, khí thải do hoạt động đun nấu của người dân là không đáng kể.

-Vị trí phát thải: Khu vực nhà ở liên kế, nhà ở xã hội;

- Đối tượng chịu tác động: Môi trường tự nhiên trong khuôn viên Dự án.

- Mức độ tác động: Mức nhỏ, ảnh hưởng tới chất lượng môi trường không, ảnh hưởng tới sức khỏe người dân;

- Khả năng phục hồi của đối tượng chịu tác động: Phục hồi nhanh sau khi nguồn tác động dừng.

c. Mùi hôi từ vị trí tập kết chất thải

Tại dự án không bố trí điểm tập kết rác thải tập trung cho toàn khu đô thị. Khi dự án đi vào vận hành, đại diện chủ dự án sẽ bố trí các thùng rác di động được đặt tại các vị trí, công trình công cộng như: khu vực công cộng, trong khu nhà ở liên kế, khu cây xanh, các trục đường giao nhau... để thu gom các rác thải.

Tại các thùng chứa rác này, trong điều kiện nhiệt độ và độ ẩm thích hợp, hoạt động của các vi sinh vật khi phân hủy kỵ khí các thành phần hữu cơ sẽ phát sinh mùi và tạo thành các chất khí như: NH_3, CH_4...và các khí ô nhiễm khác. Do tồn trữ trong thời gian ngắn và một phần oxy được giữ trong rác nên quá trình phân hủy kị khí chưa xảy ra mạnh mẽ nên nồng độ khí thải hầu như không đáng kể. Quá trình hình thành mùi hôi có thể xảy ra theo các phản ứng sau:

$$2CH_3CHOHCOOH + SO_4^{2-} \rightarrow 2CH_3COOH + S^{2-} + H_2O + CO_2$$

$$S^{2-} + 2\ H^+ \rightarrow H_2S$$

Các hợp chất hữu cơ chứa lưu huỳnh khi bị khử cũng sẽ tạo thành những hợp chất có mùi hôi như methyl mercaptan và aminobutyric acid

$$CH_3SCH_2CH_2CH(NH_2)COOH + 2H^+ \rightarrow CH_3SH(\text{methyl mercaptan}) + CH_3CH_2$$

$$CH_2COOH\ (\text{aminibutyric acid})$$

$$CH_3SH + H_2) \rightarrow CH_4OH + H_2S$$

Chất thải rắn nếu không được thu gom vận chuyển trong ngày sẽ phát tán mùi gây khó chịu. Tuy lượng khí này không lớn nhưng có mùi gây ảnh hưởng cho các hộ dân sống trong khu dân cư.

Tuy nhiên, nếu tại mỗi khu có phương án thực hiện việc thu gom chất thải hoàn toàn trong ngày và các thùng chứa có nắp đạy cẩn thận thì mùi hôi thỗi phát tán sẽ rất hạn chế.

d. Khí thải do hệ thống máy điều hòa không khí

Khi khu dân cư, khu công cộng đi vào hoạt động, sẽ lắp đặt hệ thống máy điều hòa không khí phục vụ nhu cầu của cuộc sống. Hệ thống điều hòa không khí sẽ là những nguồn khí thải gây tác động tiêu cực đến môi trường:

- Làm ảnh hưởng xấu tới cảnh quan môi trường chung khi mặt ngoài của công trình kiến trúc được lắp đặt các dàn nóng của máy điều hòa với nhiều dạng, kiểu khác nhau.

- Khí thải của dàn nóng máy điều hòa thải vào môi trường sẽ làm cho nhiệt độ môi trường không khí khu vực tăng cao gây ô nhiễm nhiệt.

- Các loại máy điều hòa có khả năng rò rỉ chất tải lạnh (khí gas) sẽ gây ô nhiễm khí quyển và tác động tới tầng ozone.

- Tuy nhiên, hiện nay đa số máy điều hoà không khí đều được lắp đặt, bảo dưỡng và vận hành đúng quy cách; hệ thống điều hòa chủ yếu sử dụng môi chất lạnh là nước nên không gây độc và hạn chế các tác hại do rò rỉ môi chất lạnh ra ngoài. Vì vậy tác động do khí thải phát sinh từ hệ thống máy điều hòa là không lớn và ít gây tác động đến môi trường và sức khỏe con người.

(3) Tác động do chất thải rắn

a. Chất thải rắn sinh hoạt

* Nguồn phát sinh

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt hằng ngày của các hộ dân trong khu vực dự án (nhà liền kề, nhà ở xã hội, khu công cộng, trường học).

- Thành phần bao gồm: rác thực phẩm (thức ăn thừa, các loại thực phẩm thải bỏ, rau củ quả thải bỏ, ...) giấy, nilon, vải, carton, gỗ, thủy tinh, kim loại…

Bảng 3. 22: Thành phần rác thải sinh hoạt tại các khu đô thị của Việt Nam

STT	Thành phần	Tỉ lệ %
1	Chất hữu cơ	20,2-68,9
2	Nhựa và ni lông	3,4-10,6
3	Giấy và bìa các tông	3,3-6,6
4	Kim loại	1,4-4,9
5	Thủy tinh	0,5-2
6	Chất trơ	14,9-28,2
7	Cao su và da	0-5
8	Xác động thực vật	1,5-2,5
9	Chất thải nguy hại	0-1

(Nguồn: Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia năm 2019, chuyên đề quản lý chất thải rắn sinh hoạt)

* Tính toán khối lượng chất thải phát sinh

- Chất thải phát sinh từ khu nhà ở:

+ Chất thải phát sinh từ các hộ dân tại khu nhà ở được tính theo tổng dân số và dựa vào định mức phát sinh rác thải 1,3 kg/người/ngày (bảng 2.23, QCVN 01:2021/TT-BXD).

+ Khối lượng rác thải khu vực cộng cộng khác được ước tính bằng 30% khối lượng rác thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà ở.

Như vậy, tổng khối lượng chất thải sinh hoạt phát sinh tại khu đô thị như sau:

Bảng 3. 23: Khối lượng chất thải sinh hoạt phát sinh tại dự án

TT	Khu vực phát sinh	Số dân	Định mức phát sinh chất thải	Khối lượng chất thải phát sinh
		Người	Kg/người/ngày	Kg/ngày
1	Rác thải sinh hoạt	1.188	1,3	1.544
2	Rác thải công cộng	30% sinh hoạt		463
Tổng				**2.000**

Căn cứ bảng trên thì khối lượng chất thải nguy hại chiếm 1% tổng lượng chất thải phát sinh từ hộ gia đình, như vậy chất thải sinh hoạt thông thường chiếm 99% tương đương 1986,93 kg/ngày.

* Đánh giá tác động

- Chất thải sinh hoạt có thành phần chất hữu cơ cao nên dễ phân hủy gây mùi hôi, khó chụ. Lượng nước rỉ rác có nồng độ chất ô nhiễm cao nên dễ gây ô nhiễm môi trường đất và mạch nước ngầm. Trong thành phần của chất thải rắn sinh hoạt có những thành phần khó phân hủy như nilon, nhựa khi thải ra đất, vào nguồn nước sẽ gây ô nhiễm lâu dài.

- Chất thải sinh hoạt còn là môi trường trung gian cho các vi sinh vật gây bệnh, côn trùng (ruỗi, muỗi,..) phát triển. Các tác động trên có thể gây ảnh hưởng tới sức khỏe của cư dân trong và xung quanh khu vực dự án, gây mất mỹ quan đô thị.

- Đối tượng bị tác động: kênh thoát nước, khu vực dự án và xung quanh

- Mức độ tác động: mức độ tác động nhỏ do khu vực dự án không bố trí điểm tập kết rác thải tập trung, toàn bộ rác thải phát sinh tại khu đô thị sẽ được thu gom, vận chuyển đưa đến bãi tập kết rác của thành phố trong ngày.

b. Chất thải rắn thông thường

- Bùn thải từ bể tự hoại của các hộ dân trong khu nhà ở liên kế:

Số lượng người ở tại khu nhà ở liên kế là 1.188 người. Căn cứ vào TCVN 7957:2023/BXD lượng bùn cặn lắng là 0,05 Lít/người/ngày tương đương 0,059 m^3/ngày. Lượng bùn hút tính bằng 80% lượng bùn phát sinh tương ứng 0,059 x 80% = 0,0475 m^3/ngày = 17,34 m^3/năm. Với 1m^3 bùn bể tự hoại = 1,6 tấn thì lượng bùn thải từ bể phốt cần xử xử lý trong 1 năm là: 17,34 x 1,6 = 27,74 tấn = 27.744 kg.

- Bùn thải từ trạm xử lý nước thải: Căn cứ vào tính toán của thiết kế thì lượng bùn thải phát sinh khoảng 67,50 tấn/năm.

c. Chất thải nguy hại

- Các chất thải nguy hại có thể phát sinh trong giai đoạn hoạt động của Dự án phát sinh tư khu dân cư, khu đất công cộng, bao gồm: Pin, ắc quy, bóng đèn huỳnh quang hỏng; dầu mỡ, giẻ lau dính dầu trong quá trình bảo dưỡng hạ tầng kỹ thuật và sinh hoạt của các hộ gia đình...

- Toàn bộ lượng chất thải này sẽ được các hộ gia đình, giáo viên, nhân viên khu công cộng tự thu gom và chuyển giao cho các đơn vị có chức năng để xử lý. Vì vậy tác động do chất thải nguy hại phát sinh từ Dự án là không lớn, tuy nhiên khó có thể kiểm soát được.

* Nguồn phát sinh

Các chất thải nguy hại có thể phát sinh trong Dự án bao gồm: pin, acquy; các bóng đèn huỳnh quang hỏng; hộp mực in từ máy in; giẻ lau dính dầu trong quá trình bảo dưỡng hạ tầng kỹ thuật. Khối lượng chất thải rất khó ước tính và sẽ được BQL thu gom và lưu giữ tại các khu vực đã quy hoạch. Toàn bộ CTNH phát sinh sẽ được BQL Dự án thuê đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý.

* Tính toán khối lượng phát sinh

- Theo Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia năm 2019, chuyên đề quản lý chất thải rắn sinh hoạt (bảng 2.6) thì tỉ lệ chất thải nguy hại phát sinh tại các khu đô thị của Việt Nam khoảng 0,1-1% tổng lượng chất thải phát sinh. Như vậy, trong dự án khối lượng chất thải nguy hại dự kiến phát sinh là 0,5%, cụ thể:

- Chất thải nguy hại từ chất thải rắn:

$$M_{CTNH\ từ\ CTR} = 0,5\% \times 2.000\ kg/ngày = 10\ (kg/ngày)$$

$$\sim 300(kg/tháng) \sim 3.600(kg/năm)$$

Bảng 3. 24: Thành phần chất thải nguy hại phát sinh tại khu dân cư

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã CTNH
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thuỷ tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06
2	Pin, ắc quy thải	Rắn	16 01 12
3	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải	Rắn	16 01 13
4	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 01
5	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 02
6	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 03
7	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01

* Đánh giá tác động

- Đặc điểm nguồn phát sinh CTNH tại các khu dân cư, khu công cộng của Dự án là phát sinh rải rác, khó nhận biết do nhận thức của dân cư về CTNH chưa cao. Vì vậy, biện pháp quản lý đối với CTNH khi thực hiện sẽ gặp khó khăn.

- Đối với CTNH nếu không được thu gom, lưu trữ và hợp đồng xử lý theo quy định sẽ gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường. Các thành phần ô nhiễm có trong CTNH sẽ tồn tại bền vững trong môi trường và dễ dàng chuyển hóa từ môi trường sang cơ thể con người và động vật gây nhiễm độc nên việc quản lý và xử lý phải bảo đảm đúng theo quy định. Chất thải nguy hại chứa các chất hoặc hợp chất có các đặc tính gây nguy hại trực tiếp (dễ cháy, dễ nổ, làm ngộ độc, dễ ăn mòn...) và có thể tương tác với các chất khác gây nguy hại tới môi trường và sức khỏe con người. Do đó, nếu không được thu gom và xử lý đúng theo quy định trước khi thải bỏ sẽ gây ảnh hưởng rất lớn đến môi trường.

- Đối tượng bị tác động:

+ Đối tượng bị tác động trực tiếp bởi nguồn thải này là môi trường đất khu vực dự án và xung quanh dự án.

+ Môi trường nước mặt và nước dưới đất.

+ Đối tượng bị tác động gián tiếp là hệ sinh thái, môi trường kinh tế xã hội, sức khoẻ chính người dân trong khu dân cư và khu vực xung quanh.

3.2.1.2. Đánh giá, dự báo các tác động không liên quan đến chất thải

a. Nguồn phát sinh và mức độ của tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn phát sinh tại khu đô thị chủ yếu từ các hoạt động sau:

- Tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của người dân trong khu nhà ở liên kế, công cộng tuy nhiên không đáng kể

- Tiếng ồn, độ rung gây ra chủ yếu do các phương tiện giao thông vận tải của người dân trong Dự án, ngoài ra còn có một số loại phương tiện vận tải qua lại khác, các loại xe khác nhau sẽ phát sinh mức độ ồn khác nhau, cụ thể: xe du lịch nhỏ có mức ồn 77 dBA, xe tải - xe khách: 84 – 95 dBA, xe mô tô: 74 dBA. Độ ồn gây ra do các loại phương tiện giao thông được mô tả trong Bảng sau:

Bảng 3. 25: Tiếng ồn phát sinh do một số phương tiện giao thông

Đơn vị: dBA

Loại xe	Tiếng ồn	QCVN 26: 2010/BTNMT (6h - 21h)	
		Khu vực đặc biệt	Khu vực thông thường
Xe du lịch	67	*55*	*70*
Xe mini bus	74		
Xe thể thao	81		
Xe vận tải	83		
Xe máy	74		

(Nguồn: Viện Khoa học công nghệ và Quản lý môi trường)

- Theo bảng trên có thể thấy xe thể thao và xe tải là những đối tượng phát sinh tiếng ồn vượt QCVN 26: 2010/BTNMT đối với khu vực dân cư (từ 6h -21h). Tác động của tiếng ồn chủ yếu ảnh hưởng tới người dân trong Khu đô thị (đặc biệt các hộ sống gần các trục đường giao thông chính).

- Riêng đối với các máy phát điện dự phòng, khi hoạt động có độ ồn tương đối cao dao động của máy phát điện dao động từ 85 - 90 dBA. Tuy nhiên hệ thống máy phát được đặt trong buồn kỹ thuật, có lớp vỏ cách âm và ít khi được sử dụng nên tác động ở mức nhỏ đến khu vực dân cư.

b. Đánh giá, dự báo các tác động do nước mưa chảy tràn

* Nguồn phát sinh

Khác với giai đoạn thi công xây dựng, khi dự án đi vào hoạt động hầu như cơ sở hạ tầng của các hạng mục công trình được hoàn tất, tất cả các tuyến đường nội bộ và các tuyến đường ngoài khu vực đều được nhựa, vỉa hè được lát gạch nên khi có mưa, nước mưa sẽ ít ngấm vào đất mà sẽ chảy tràn bề mặt cuốn theo các chất trên bề mặt như đất, cát, lá cây, rác thải... xuống hệ thống thu gom thoát nước mưa.

* Tính toán lưu lượng nước mưa phát sinh

Theo TCVN 7957:2023 Thoát nước – mạng lưới và công trình bên ngoài yêu cầu thiết kế, lưu lượng nước mưa chảy tràn của mỗi trụ sở được xác định theo công thức:

$$Q = q.F.\beta.\psi$$

q- Cường độ mưa tính toán (L/s.ha);

F- Diện tích giao thông, HTKT của dự án = 32.153,30 m^2= 3,22 (ha)

β- Hệ số phân bố mưa: 1 (theo Bảng 4 của TCVN 7957:2023)

ψ- Hệ số dòng chảy. Vì diện tích bề mặt của dự án có nhiều loại mặt phủ khác nhau nên lấy hệ số dòng chảy trung bình: 0,34 (theo Bảng 3 của TCVN 7957:2023)

Trong đó:

Cường độ lượng mưa được tính theo công thức:

$$q = \frac{A(1+C\lg P)}{(t+b)^n} \times K$$

t- Thời gian dòng chảy mưa (phút); chọn trong khu vực dự án khoảng t = 30 phút.

P- Chu kỳ lặp lại trận mưa tính toán: 5 năm.

A = 5890, C = 0,65, b = 20, n = 0,84 - Tham số xác định theo điều kiện mưa của A.1 theo phụ lục A của TCVN 7957:2023).

K- Hệ số tính đến tác động của yếu tố biến đổi khí hậu đối với cường độ mưa, lấy K = 1.

Vậy cường độ mưa khu vực dự án:

$$q = 5.890*(1+0,65\lg 5)/(20+20)0,84 = 265,70 \text{ (l/s.ha)}.$$

Lượng nước mưa chảy tràn tính toán trên diện tích của dự án là:

$$Q = 265,70*3,22*1*0,34 = 290,89 \text{ (l/s)} = 0,29 \text{ } (m^3/s)$$

<u>* Đánh giá tác động</u>

- Vị trí phát sinh: toàn bộ khu vự Dự án;

- Đối tượng chịu tác động: hệ thống thoát nước mưa của dự án và mương giáp khu vực dự án.

- Mức độ tác động: mức nhỏ, ảnh hưởng tới chất lượng môi trường nước khu vực tiếp nhận. Do hạ tầng khu vực đã được cứng hóa và công tác vệ sinh đường phố và lượng rác thải được thu gom hàng ngày;

- Khả năng phục hồi của đối tượng chịu tác động: phục hồi nhanh sau khi nguồn gây tác động dừng (sau khi kết thúc trận mưa).

c) Tác động đến kinh tế - xã hội

** Tác động tích cực đến khu dân cư xung quanh:*

- Góp phần giải quyết vấn đề nhà ở cho nhân dân tại địa phương, tạo không gian

mát mẻ và thân thiện với con người, môi trường.

- Làm thay đổi điều kiện sống tại khu vực theo hướng tăng cao thu nhập chung của người dân tại địa phương được hình thành nhờ kéo theo các dịch vụ khác phát triển theo (dịch vụ ăn uống, các dịch vụ phục vụ khác) đẩy nhanh tốc độ đô thị hoá tại địa phương.

** Tác động tiêu cực:*

- Gia tăng dân số cơ học trong khu vực, có khả năng gây ra các vấn đề phức tạp trong việc ổn định văn hóa và trật tự an ninh đối với khu dân cư xung quanh.

- Gia tăng các phương tiện giao thông từ đó có thể gia tăng các vụ tai nạn

- Việc thu gom chất thải rắn, nước thải nếu không có biện pháp quản lý, xử lý tốt sẽ gây ô nhiễm môi trường, làm phát sinh mùi, dịch bệnh và ảnh hưởng đến các khu dân cư xung quanh.

Nhìn chung quá trình hoạt động của của dự án chủ yếu mang lại lợi ích cho người dân, nếu được sự quản lý chặt chẽ của Chính quyền địa phương thì công trình sẽ phát triển lành mạnh và bền vững.

d) Tác động tới hoạt động giao thông khu vực dự án.

Khi dự án đi vào hoạt động sẽ làm tăng mật độ giao thông đi lại trên tuyến đường vào dự án. Trong quá trình thi công xây dựng có khả năng gây ùn tắc cục bộ vào giờ cao điểm, nguy cơ gây tai nạn gia thông, ảnh hưởng đến hoạt động đi lại của người dân xung quanh. Tuy nhiên, các tác động do hoạt động của dự án lên các tuyến đường giao thông được đánh giá là không lớn và có khả năng đáp ứng tốt khi các dự án hạ tầng khu vực được hoàn thiện.

Hoạt động của các phương tiện còn là nguyên nhân gây tai nạn giao thông trên địa bàn tăng lên. Tai nạn giao thông phụ thuộc nhiều vào khả năng điều khiển của người lái xe, nếu không chấp hành tốt quy định về an toàn giao thông có thể gây ra tai nạn giao thông gây ảnh hưởng trực tiếp đến tính mạng người lái xe và có thể gây nguy hiểm cho người dân xung quanh tuyến đường đi lại xung quanh dự án.

3.2.1.3. Nhận dạng, đánh giá sự cố môi trường có thể xảy ra của dự án trong giai đoạn vận hành

a) Sự cố cháy, nổ

Nguyên nhân xảy ra cháy rất đa dạng:

- Do sự cố nổ bình ga tại khu vực trường học…

- Do chập điện.

- Do sét đánh.

- Do sự thiếu ý thức của người dân tại các khu vực công cộng (vứt tàn thuốc vào các vật liệu dễ cháy).

- Nếu không có các biện pháp phòng ngừa và chữa cháy thì mức độ thiệt hại khi xảy ra sự cố cháy được dự báo là rất lớn.

- Tuy nhiên, Dự án sẽ thiết kế hệ thống phòng ngừa và chữa cháy phù hợp tại khu vực các công trình công cộng để kịp thời xử lý sự cố cháy.

b) Sự cố về quá tải điện

Do nhu cầu sử dụng điện của các thiết bị tại các căn hộ rất lớn (đặc biệt là vào giờ cao điểm) do đó sự cố về chập điện có thể xảy ra.

Thời gian dự án hoạt động là rất dài, chất lượng của đường dây, hệ thống phụ tải...giảm theo thời gian, do đó có thể dẫn đến các sự cố về quá tải điện. Đại diện chủ dự án, sau khi dự án đi vào hoạt động cần có các biện pháp phù hợp để hạn chế tối đa các sự cố có thể xảy ra.

c) Sự cố khi thu gom CTR của công trình

Khối lượng CTR này nếu không được thu gom kịp thời hàng ngày, gây tồn đọng sẽ xảy ra quá trình phân hủy chất hữu cơ, tạo ra các chất khí gây mùi hôi như H_2S, CH_4,.. tác động đến chất lượng không khí khu vực xung quanh; nước rác phát sinh nếu không được thu gom cũng sẽ gây ô nhiễm môi trường nước. Ngoài ra, trong quá trình thu gom, có thể xảy ra tình trạng rơi vãi, gây mất mĩ quan đô thị.

d) Sự cố liên quan đến cấp nước, hệ thống thu gom và thoát nước thải

Trong quá trình vận hành các đường ống cấp nước và thoát nước có thể xảy ra các dạng sự cố sau:

- Vỡ, rạn nứt đường ống cấp nước do vật liệu thi công không đảm bảo;

- Vỡ đường ống nước do ngoại lực tác động;

- Các sự cố trên khi xảy ra sẽ làm lãng phí nguồn nước (đối với nước cấp) và phát tán các chất gây ô nhiễm môi trường (nước thải). Tuy nhiên, các tác động trên dự báo có nguy cơ xảy ra thấp, do mạng lưới cấp nước được bố trí trong các hộp kỹ thuật, các khu vực cấp nước đều được lắp hệ thống van điều áp để phát hiện rò rỉ trong đường ống. Bên cạnh đó vật liệu sử dụng làm ống dẫn có tính chống cháy, chống ăn mòn và độ bền cao nên khả năng bị vỡ, rò rỉ rất thấp.

- Tắc nghẽn rãnh thoát nước do không các chất thải bị cuốn xuống hệ thống.

3.2.2. Các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải và biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực khác đến môi trường

3.2.2.1. Công trình biện pháp xử lý nước thải

a) Biện pháp thu gom và thoát nước thải sinh hoạt

Khi dự án đi vào vận hành, đối với các các hộ dân đã mua đất dự án để xây nhà phải tiến hành lắp đặt hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt từ các hộ dân đến hệ thống thu gom chung của khu dân cư. Đường ống thu gom nước thải sinh hoạt từ các nguồn:

- Nước đen: Nước thải từ khu vệ sinh của từng nhà sẽ được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại rồi dẫn ra ống thu gom nước thải.

- Nước xám: Bao gồm nước rửa tay, tắm giặt, nhà bếp... sẽ theo các đường ống thu gom riêng tại từng vị trí trong căn nhà rồi được dẫn chung vào đường ống thu gom

nước thải của khu nhà.

- Hệ thống thu gom nước thải của dự án: Là mạng lưới thoát nước riêng hoàn toàn. Xây dựng hệ thống thu gom nước thải và nước mưa riêng biệt.

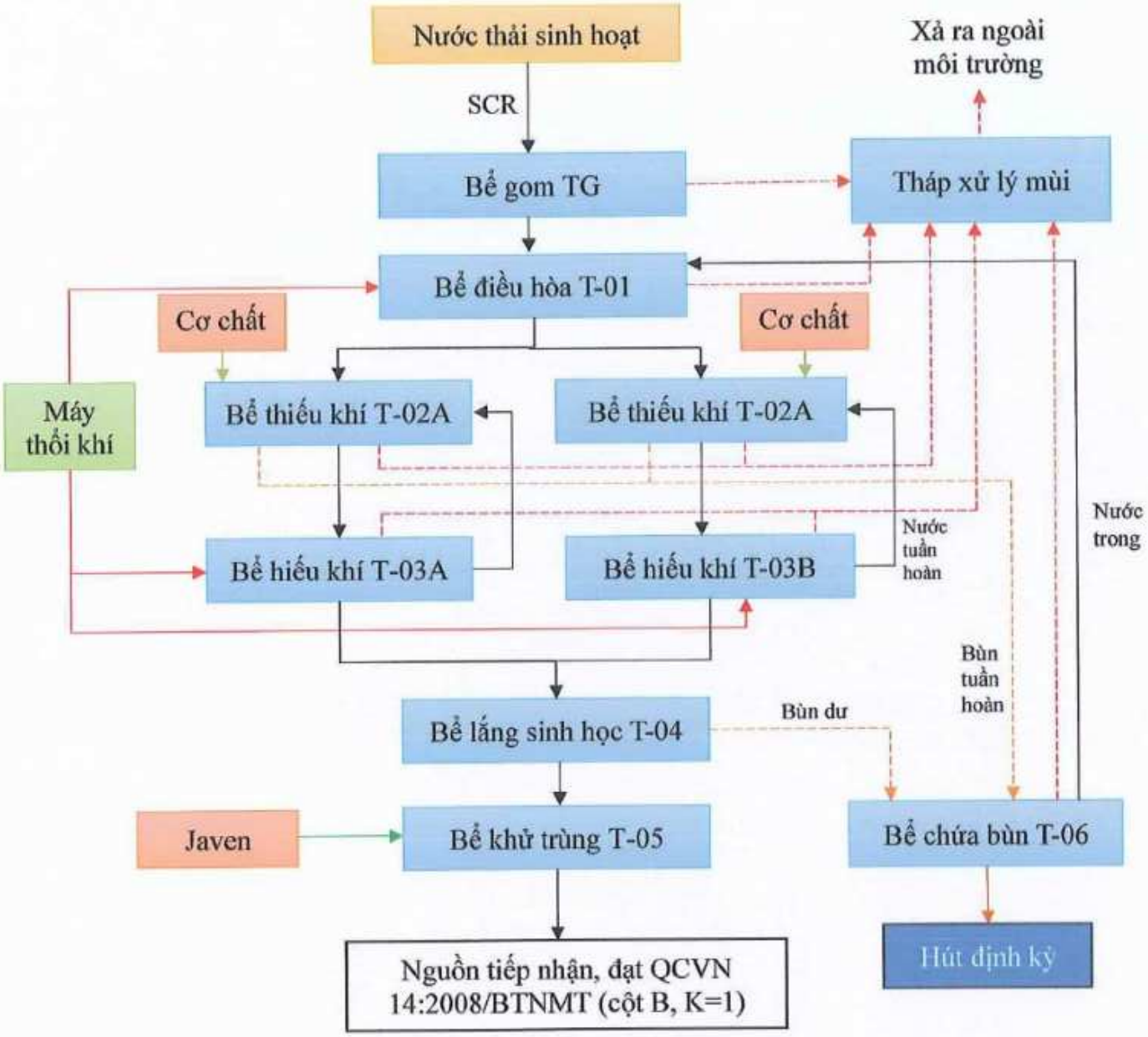
+ Giai đoạn trước mắt: Toàn bộ nước thải sẽ được thu gom bằng cống tròn BTCT D300 về trạm xử lý nước thải tập trung với công suất 450m^3/ngày đêm bố trí ngầm tại khu vực cây xanh. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B sẽ được bơm ra mương hiện trạng ký hiệu T2 phía Đông dự án. Tọa độ điểm xả nước thải *(hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105^o, múi chiếu 3^o)*: X= 2311403.35; Y= 588373.33).

+ Giải pháp lâu dài (sau khi hệ thống thoát nước thải của thành phố và trạm xử lý nước thải Đại Áng công suất 42.000m^3/ngày đêm được xây dựng hoàn chỉnh): Trạm xử lý nước thải tập trung với công suất 450m^3/ngày đêm sẽ xem xét thành trạm bơm chuyển bậc về trạm xử lý nước thải Đại Áng công suất 42.000m^3/ngày đêm theo quy hoạch phân khu S5 được phê duyệt.

**** Trạm xử lý nước thải công suất 450m^3/ngày đêm:***

Với lưu lượng nước thải phát sinh tại dự án là khoảng 422,79m^3/ngày đêm khi dự án hoạt động 100% thì giai đoạn trước mắt đại diện chủ dự án đề xuất xây dựng trạm xử lý nước thải công suất 450m^3/ngày đêm để xử lý toàn bộ nước thải phát sinh tại dự án.

Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải như sau:



Hình 3. 1: Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải công suất 450m^3/ngày đêm

GHI CHÚ:

- Đường dẫn nước
- Đường cấp khí
- Đường dẫn bùn
- Đường cấp hoá chất, dinh dưỡng
- Đường thoát khí thải

Thuyết minh công nghệ:

- Quá trình xử lý nước thải được chia làm 3 công đoạn chính là: Hệ tiền xử lý, hệ xử lý sinh học, khử trùng.

(1) Hệ tiền xử lý

Hệ tiền xử lý có những công trình đơn vị như sau:

- Bể gom nước thải: Làm nhiệm vụ trung chuyển nước thải, từ đây nước thải được bơm lên cụm xử lý chính. Và tách cặn cát có trong nước thải.

- Song chắn rác thô: Loại bỏ các loại rác, chất rắn có kích thước lớn để giảm tải cho hệ thống xử lý và đảm bảo khả năng vận hành của các thiết bị như bơm, máy khuấy v.v.

- Bể điều hòa: Bể này đóng vài trò trung chuyển cuối cùng trước khi vào hệ xử lý chính, đồng thời giúp điều hòa nước thải về lưu lượng cũng như chất lượng, tránh tình trạng tăng tải cục bộ vào các thời điểm khác nhau, nước trong tự chảy sang bể Anoxic

(2) Xử lý sinh học

Quá trình xử lý sinh học sẽ giúp loại bỏ các chất hữu cơ hòa tan và xử lý nitơ còn lại trong nước thải. Quá trình xử lý sinh học được thực hiện nhờ hệ vi sinh vật có trong bùn hoạt tính tại các công trình đơn vị sau đây:

- Bể sinh học thiếu khí (bể khử Nitơ) được chia làm 2 line.

- Bể sinh học hiếu khí (bể khử BOD và Nitrat hóa) được chia làm 2 line.

- Bể lắng sinh học

(3) Khử trùng và thải ra nguồn tiếp nhận

- Bể khử trùng: Sau xử lý sinh học, hàm lượng vi sinh trong nước thải thường vượt quá tiêu chuẩn cho phép, vì thể để đảm bảo không ảnh hưởng tới môi trường cũng như đạt quy chuẩn quy định, tại bể khử trùng sẽ diễn ra quá trình châm hoá chất khử trùng để giảm chỉ tiêu coliform.

(4) Xử lý bùn thải

Quá trình xử lý bùn thải nhằm mục đích giảm độ ẩm trong bùn để tiết kiệm chi phí thuê đơn vị có chức năng xử lý. Quá trình xử lý bùn thải được thực hiện tại các công trình đơn vị như sau:

- Bể chứa bùn: Nơi tạm chứa bùn từ các bể lắng và oxi hóa một phần bùn thải.

** Mô tả các hạng mục công trình xử lý:*

- Xử lý sơ bộ

a) Song chắn rác thô

Trong hầu hết các công trình xử lý nước thải bằng biện pháp xử lý cơ học đều có song chắn rác thô (bar-rack/screen). Song chắn rác là hạng mục công trình xử lý sơ bộ đầu tiên nhằm ngăn giữ rác bẩn thô có kích thước trên 10mm gồm giấy, bọc nylon, chất dẻo, cỏ cây, vỏ đồ hộp, gỗ. Các loại rác này có thể làm tắt nghẽn đường dẫn nước hoặc làm hư hỏng máy bơm. Song chắn rác là một hay nhiều lớp thanh đan xen kẽ với nhau (còn gọi là mắc song) đặt ngang đường dẫn nước thải. Rác sau khi lấy ra khỏi nước thải

được thu gom và xử lý bởi đơn vị có chức năng.

b) Bể thu gom nước thải

Bể thu gom có chức năng tập trung toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình sinh hoạt thường ngày của công nhân viên làm việc tại nhà máy cũng như nước thải phát sinh từ quá trình sản xuất, nước thải từ khu vực rửa thiết bị, làm sạch nhà xưởng,...

c) Bể điều hoà

Nước thải tập trung về trạm xử lý luôn có sự thay đổi khá lớn về lưu lượng cũng như chất lượng theo thời gian phụ thuộc vào chu kỳ xả nước các nguồn phát sinh. Những thay đổi này có thể anh hưởng lớn đến khả năng vận hành của hệ thống như quá tải thủy lực, gây sốc cho hệ vi sinh.

Bể điều hòa có nhiệm vụ điều hòa nước thải về lưu lượng và nồng độ, giúp làm giảm kích thước và tạo chế độ làm việc ổn định cho các công trình phía sau, tránh hiện tượng quá tải.

- Xử lý sinh học

a) Bể thiếu khí (chia thành 2 line)

Bể thiếu khí là nơi diễn ra quá trình anoxic hay còn gọi là quá trình denitrat giúp khử nitơ tổng.Tại đây NO_3 được chuyển hóa thành N_2 khi không có mặt Oxy hoặc có với mật độ thấp bởi các vi sinh vật thiếu khí. Đây là quá trình bắt buộc nhằm giảm được Nitơ trong Nước thải. Bể được lắp đặt máy khuấy chìm để khuấy trộn hoàn toàn dòng nước thải vào bể thiếu khí và đảm bảo khả năng tiếp xúc của vi sinh vật với các chất trong nước. Nước tuần hoàn và bùn hoạt tính sẽ được bơm về bể thiếu khí để bổ trợ tăng cường cho bể thiếu khí để xử lý nitơ và bổ sung lượng vi sinh cần thiết.

Tại bể thiếu khí diễn ra đồng thời phản ứng chuyển hóa nitrat, nitrit thành nito không khí và quá trình tổng hợp tế bào. Trong đó các vi sinh này cần nguồn cung là hợp chất hữu cơ để thực hiện 2 quá trình trên. Phản ứng tại bể anoxic có thể được biểu diễn như sau:

$$NO_3^- + 1{,}08CH_3OH + 0{,}24H_2CO_3 \rightarrow 0{,}06C_5H_7NO_2 + 0{,}47N_2 + 1{,}68H_2O + HCO_3^-$$

$$\frac{1}{70}C_{18}H_{19}O_9N + \frac{1}{5}NO_3^- + \frac{1}{5}H^+ \rightarrow \frac{1}{10}N_2 + \frac{17}{70}HCO_3 + \frac{1}{70}NH_4^+ + \frac{1}{5}H_2O$$

b) Bể hiếu khí MBBR (chia thành 2 line)

Bể hiếu khí sử dụng chủng vi sinh vật hiếu khí để phân hủy chất thải. Trong bể này, vi sinh vật (còn gọi là bùn hoạt tính) tồn tại ở dạng lơ lửng sẽ hấp thụ oxy và chất hữu cơ (chất ô nhiễm) và sử dụng chất dinh dưỡng là Nitơ & Photpho để tổng hợp tế bào mới, CO_2, H_2O và giải phóng năng lượng.

Ngoài quá trình tổng hợp tế bào mới, tồn tại phản ứng phân hủy nội sinh (tế bào vi sinh vật già sẽ tự phân hủy) làm giảm số lượng bùn hoạt tính. Tuy nhiên quá trình tổng hợp tế bào mới vẫn chiếm ưu thế do trong bể duy trì các điều kiện tối ưu vì vậy số lượng tế bào mới tạo thành nhiều hơn tế bào bị phân hủy và tạo thành bùn dư cần phải được thải

bỏ định kỳ.

Các phản ứng chính xảy ra trong bể xử lý sinh học hiếu khí gồm:

Quá trình Oxy hóa và phân hủy chất hữu cơ:

$$\text{Chất hữu cơ} + O_2 \rightarrow CO_2 + H_2O + \text{năng lượng}$$

Quá trình tổng hợp tế bào mới:

$$\text{Chất hữu cơ} + O_2 + NH_3 \rightarrow \text{Tế bào vi sinh vật} + CO_2 + H_2O + \text{năng lượng}$$

Quá trình phân hủy nội sinh:

$$C_5H_7O_2N + O_2 \rightarrow CO_2 + H_2O + NH_3 + \text{năng lượng.}$$

Bên cạnh quá trình khử BOD, phân hủy hợp chất hữu cơ, tại bể hiếu khí còn diễn ra quá trình nitrat hóa. Đây là phản ứng quan trọng chuyển hóa amoni, nito hữu có thành nitrat, được thực hiện bởi 02 chủng vi sinh chính là nitrobacter và nitrosonomas. Nitrat tạo thành sau phản ứng sẽ được tuần hoàn về bể thiếu khí để thực hiện quá trình khử thành nito không khí, khép kín quá trình AO xử lý nito. Phản ứng của quá trình được mô phỏng như sau

$$C_{18}H_{19}O_9N + 19{,}5O_2 \rightarrow 18CO_2 + 9H_2O + H^+ + NO_3^-$$

Do quá trình nitrat hóa có tạo hành ion H^+ nên đôi khi làm giảm đáng kể pH của nước thải, kím hãm khả năng sinh lý của vi sinh, vì vậy cần bổ sung một lượng NaOH nhất định để duy trì pH của bể hiếu khí.

c) Bể lắng

Nước thải từ bể hiếu khí tự chảy sang bể lắng bùn sinh học dưới dạng hỗn hợp nước bùn. Tại bể lắng phần bùn hoạt tính được thu hồi ở đáy, một phần bùn hoạt tính này được bơm tuần hoàn về bể anoxic duy trì mật độ vi sinh trong các công trính xử lý sinh học. Dòng tuần hoàn này thường đạt 40 – 100% lưu lượng trung bình của hệ thống. Phần bùn dư được bơm về bể chứa bùn sau đó nén ép và mang đi xử lý. Nước trong sẽ chảy qua máng tràn về bể khử trùng.

d) Bể khử trùng

Nước sau xử lý còn lại một dư lượng lớn vi sinh vật, gây ảnh hưởng lên chỉ số coliform. Vì vậy để nước thải sau xử lý đảm bảo an toàn, không phát tán vi sinh gây bệnh, các chất có tính diệt khuẩn mạnh được thêm vào bể khử trùng. Các chất này có thể là clo khí, clorine dạng bột, hoặc javel. Vói các hệ thống xử lý có quy mô vừa và nhỏ việc sử dụng javel là thích hợp hơn cả.

- Xử lý bùn

Bể chứa bùn

Quá trình xử lý nước thải sẽ sinh ra chất thải thứ cấp là bùn thải từ quá trình xử lý sơ bộ và quá trình xử lý sinh học.

Bùn thải từ quá trình xử lý sơ bộ chứa thành phần chủ yếu là các chất vô cơ và hữu

cơ không tan sẽ được đưa về bể làm đặc bùn. Tại bể này bùn sẽ tách thành 2 phần: Phần bùn đặc lắng xuống đáy đạt hàm lượng chất rắn khoảng 2 – 3% sẽ được đưa đến thiết bị tách nước. Phần nước trong bên trên sẽ được thu về Bể gom nước thải.

Bùn thải từ quá trình xử lý sinh học có thành phần chủ yếu là chất hữu cơ dễ phân hủy được đưa về bể phân hủy bùn sinh học lợi dụng quá trình phân hủy nội sinh của vi sinh vật trong điều kiện thiếu cạn kiệt nguồn thức ăn. Bùn sau quá trình phân hủy sinh học còn gọi là bùn trơ được đưa về bể nén bùn. Bùn tại bể chứa bùn sau đó sẽ thuê đơn vị có chức năng đến hút định kỳ và đem đi xử lý theo quy định.

- Xử lý khí thải

Tháp xử lý mùi

Mùi phát sinh tại hệ thống xử lý nước thải từ bể gom nước thải, bể điều hòa, bể thiếu khí, hiếu khí, bể chứa bùn được thu gom nhờ quạt hút về tháp xử lý mùi. Tại đây dòng khí đi theo chiều từ dưới lên trên và tiếp xúc với dung dịch hấp thụ NaOH loãng (nồng độ 5%) được phân phối trên giàn ống phân phối hình xương cá, tháp hấp thụ được bổ sung lớp vật liệu đệm dày 30cm nhằm tăng khả năng tách pha và thời gian tiếp xúc giữa pha nước và pha khí. Mùi sẽ được giữ lại, khí sạch đi ra ngoài.

**** Các thông số cơ bản của hạng mục trạm xử lý nước thải:***

STT	Nội dung	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng	Vị trí
1	Bể gom TG	Thể tích:9,4m^3 (BxLxH=1,2x1,3x6,0m) Vật liệu: BTCT	Bể	01	Đặt ngầm tại lô đất cây xanh CX-01
2	Bể điều hoà T-01	Thể tích:168m^3 (BxLxH=4,0x7,0x6,0m) Vật liệu: BTCT	Bể	01	
3	Bể thiếu khí T-02A	Thể tích: 50,4m^3 (BxLxH=2,1x4,0x6,0m) Vật liệu: BTCT	Bể	01	
4	Bể thiếu khí T-02B	Thể tích: 19,5m^3 (BxLxH=2,75x3,0x6,0m) Vật liệu: BTCT	Bể	01	
5	Bể hiếu khí T-03A	Thể tích: 121,28m^3 (BxLxH=2,75x7,35x6,0m) Vật liệu: BTCT	Bể	01	
6	Bể hiếu khí T-03B	Thể tích: 120m^3 (BxLxH=4,0x5,0x6,0m) Vật liệu: BTCT	Bể	01	
7	Bể lắng sinh học	Thể tích: 96m^3 (BxLxH=4,0x4,0x6,0m) Vật liệu: BTCT	Bể	01	
8	Bể chứa bùn	Thể tích:61,88m^3 (BxLxH= 2,75x3,75x6,0m)	Bể	01	

STT	Nội dung	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng	Vị trí
		Vật liệu: BTCT			
9	Bể khử trùng	Thể tích: 66m^3 (BxLxH= 2,75x4,0x6,0m) Vật liệu: BTCT	Bể	01	

b) Biện pháp thu gom thoát nước mưa

- Tuân thủ theo định hướng Quy hoạch đã được duyệt theo quyết định Số 2592/QĐ-UBND ngày 24/5/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Thường Tín về việc: Phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết một phần của ô quy hoạch C3-4 và C3-6 thuộc quy hoạch phân khu đô thị S5 tại xã Nhị Khê, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội (phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất) và hướng thoát chung của khu vực đã được phê duyệt theo Quy hoạch phân khu đô thị S5.

+ Giai đoạn trước mắt: Hệ thống thoát nước mưa phạm vi dự án được thiết kế bằng cống hộp BTCT khẩu độ D600-D800 rồi thoát về tuyến cống khẩu độ BxH= 1,5mx1,0m phía Nam của dự án rồi xả vào mương xây hở khẩu độ BxH=1x1m (mương hoàn trả của mương hiện trạng ký hiệu T2). Tọa độ điểm xả nước mưa *(hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°, múi chiếu 3°):* X= 2311178.53; Y= 588362.78).

+ Giai đoạn lâu dài (sau khi hệ thống thoát nước mưa được xây dựng hoàn thiện): Nước mưa sẽ được đấu nối theo quy hoạch phân khu S5 được phê duyệt.

3.2.2.2. Biện pháp công trình giảm thiểu tác động do bụi, khí thải

a) Biện pháp giảm thiểu bụi và khí thải từ các phương tiện giao thông

Để hạn chế đến mức thấp nhất khả năng ảnh hưởng của các phương tiện tiện ra vào dự án đến môi trường xung quanh nhất là những người sinh sống và làm việc tại khu vực này, các biện pháp được áp dụng như sau:

- Bê tông nhựa hóa đường giao thông nội bộ, đối với lề đường tiến hành lát gạch, trồng cây xanh dọc các tuyến đường nội bộ nhằm tạo cảnh quan khu vực đồng thời cải thiện môi trường không khí xung quanh.

- Bố trí đầy đủ biển báo, phân luồng gia thông theo đúng quy định của khu đô thị

- Thành lập tổ vệ sinh môi trường thường xuyên quét dọn đường nhằm giảm thiểu mức thấp nhất bụi từ đường giao thông có khả năng cuốn lên theo bánh xe.

- Vào những ngày nắng nóng thực hiện phun nước đường giao thông sân bãi để giảm bụi.

- Tuân thủ diện tích cây xanh đã được phê duyệt theo quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500. Cây xanh tại dự án được trồng hai bên đường giao thông, trồng tại các khu đất cây xanh,.. với các loại cây trồng dự kiến như sau: Cây Osaka hoa đỏ, cây Osaka hoa vàng, cây Móng bò tím, cây Lộc vừng, cây Liễu hoa đỏ, cây Liễu rủ, cây Tháp tùng, cây Ngâu, cây Ngũ sắc, cây Cau bụi vàng, cây Ngọc lan, kết hợp trồng cỏ…

b) Biện pháp giảm thiểu khí thải từ quá trình đun nấu

Hiện nay, hầu hết các khu đô thị đều sử dụng gas, điện để nấu ăn. Hoạt động nấu nướng trong khu nhà ở liền kề tải lượng thường không lớn, thời gian phát sinh ngắn, gián đoạn. Trên thực tế, lượng khí thải phát sinh từ các quá trình nấu nướng là không đáng kể và nguồn ô nhiễm được phân tán trên diện tích rộng, khu vực dự án bố trí trồng cây xanh xung quanh nên mùi phát sinh từ quá trình đun nấu không ảnh hưởng đến cuộc sống của người dân.

Đây cũng là khu dân cư mới, các hộ gia đình sẽ khuyến khích trang bị chụp hút ống thoát khí và quạt hút để hút mùi. Đây là giải pháp vừa giảm được nhiệt thừa, mùi thức ăn và đang được áp dụng nhiều tại các hộ gia đình hiện nay.

Biện pháp xử lý mùi phát sinh từ hoạt động thu gom lưu giữ rác thải

Để giảm thiểu mùi phát sinh từ quá trình thu gom lưu giữ rác thải, các biện pháp giảm thiểu như sau:

- Dự án không bố trí điểm tập kết rác thải tập trung. Toàn bộ rác thải được thu gom và hợp đồng với đơn vị vận chuyển đưa đi hàng ngày.

- Tại các hộ dân tự trang bị thùng chứa rác và lưu giữ rác thải tại chỗ, hàng ngày khi có xe thu gom rác đến thu gom theo giờ quy định.

3.2.2.3. Biện pháp thu gom, quản lý chất thải rắn

Toàn bộ chất thải rắn được thu gom, phân loại, lưu giữ và xử lý triệt để để đúng theo quy định của:

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Chính phủ - quy định chi tiết một số điều của luật bảo vệ môi trường.

- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ tài nguyên và môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

Cụ thể như sau:

* Biện pháp phân loại, thu gom chất thải sinh hoạt

+ Chất thải rắn sinh hoạt được yêu cầu phân loại tại nguồn tại các khu nhà ở liên kế. Hàng ngày, chất thải rắn sinh hoạt được thu gom trực tiếp bằng xe đẩy tay, xe cơ giới theo giờ cố định hoặc thu gom vào các thùng rác kín dung tích tối thiệu 100 lít và không lớn hơn 700 lít. Số lượng, vị trí các thùng được tính toán theo bán kín phục vụ khoảng 100 m/thùng.

+ Ở các nơi công cộng như cây xanh, đường trục chính dự án sẽ đặt các thùng rác nhỏ có nắp kín với khoảng cách 50-100m/thùng.

+ Tần xuất thu gom: 1 lần/ngày.

+ Xã Nhị Khê (nay là xã Thường Tín) là đơn vị chịu trách nhiệm quản lý, thu gom trực tiếp chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại dự án đến nơi xử lý rác thải theo quy định của Thành phố thông qua hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và vận chuyển đi

xử lý theo quy định.

+ Chi phí thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt sẽ do các hộ gia đình trực tiếp đóng cho đơn vị thu gom.

* Biện pháp thu gom chất thải rắn thông thường

Ngoài ra, dự án còn phát sinh lượng bùn, cặn từ bể tự hoại. Các hộ gia đình sẽ định kỳ thuê đơn vị có chức năng đến thu gom và đưa đi xử lý.

3.2.2.4. Biện pháp thu gom, quản lý chất thải nguy hại

- Chất thải nguy hại của các hộ dân trong khu nhà ở liên kề thì yêu cầu các hộ gia đình trong dự án phải có phương án thu gom, phân loại và lưu giữ chất thải nguy hại đúng quy định theo Nghị đinh 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Nghị định 05/2025/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT; Thông tư 07/2025/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Đồng thời, thu gom, phân loại với đơn vị có chức năng xử lý chất thải nguy hại theo quy định.

- Đơn vị chịu trách nhiệm quản lý CTNH tại khu vực dự án là xã Thường Tín.

3.3.2.5. Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn

Khi dự án đi vào hoạt động tiếng ồn phát sinh do các phương tiện giao thông qua lại trong khu vực dự án. Để giảm thiểu tiếng ồn trong khu vực dự án chủ đầu tư áp dụng các biện pháp sau:

- Khu vực đỗ xe bố trí thuận lợi cho xe ra vào để xe không phải tiến lùi nhiều, gây ồn cho khu vực dự án và các vùng lân cận.

- Trồng cây xanh trong khu vực dự án vừa có tác dụng giảm lượng bụi, vừa làm giảm tác động của tiếng ồn. Làm trong sạch môi trường sống, đảm bảo sự phát triển bền vững của con người và môi trường tự nhiên.

- Quy định thời gian hoạt động của khu công cộng.

- Quy định tốc độ lưu thông của các loại xe trong khuôn viên dự án

- Xây dựng các gờ chắn giảm tốc độ trên các tuyến đường nội bộ.

- Bố trí xây dựng khu nhà ở liền kề, nhà ở xã hội, trường học, khu công cộng theo đúng quy hoạch.

3.2.2.6. Biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực khác tới môi trường

** Tai nạn giao thông*

Các biện pháp cụ thể để giảm tránh các rủi ro tai nạn giao thông:

- Lắp đặt các biển báo giao thông và thiết kế các gờ giảm tốc trên tất cả các đoạn đường trong khu vực Dự án (tại các ngã ba, ngã tư,...)

- Phổ biến tuyên truyền luật an toàn giao thông cho các hộ gia đình thuộc khu vực dự án.

** Biện pháp giảm thiểu tác động tới hoạt động giao thông khu vực*

- Lắp đặt các biển báo giao thông và thiết kế các gờ giảm tốc trên tất cả các đoạn đường trong khu vực dự án (tại các ngã ba, ngã tư của khu dân cư)

- Thường xuyên nhắc nhở các hộ gia đình về chấp hành các quy định an toàn giao thông.

- Phối hợp với chính quyền địa phương hỗ trợ trong việc phân luồng giao thông tại tuyến đường lân cận

- Quy định tốc độ lưu thông trong khu vực dự án < 40km/h.

- Bố trí khu vực đỗ xe hợp lý, có biển hiệu nhằm tránh gây nguy hiểm cho dân cư.

- Cơ sở hạ tầng giao thông trong khu dân cư được kiểm tra bảo dưỡng định kỳ.

- Có bộ phận an ninh, bảo vệ phụ trách các vấn đề giao thông trong khu dân cư.

- Nâng cao ý thức chấp hành quy định khi tham gia giao thông, hạn chế vi phạm, thường xuyên vận động mọi người tham gia những buổi tuyên truyền văn hóa giao thông.

- Tổ chức phân luồng giao thông tại các khu vực công cộng bên trong khu dân cư và khu vực cổng ra vào.

** Biện pháp giảm thiểu tác động gây mất điện, mất nước, mất đường truyền thông tin*

Sau khi đi vào hoạt động và được bàn giao cho bên Ban quản lý dự án đầu tư – hạ tầng xã Thường Tín dự án sẽ được đem đấu giá. Các biện pháp này sau này sẽ được đơn vị trúng đấu giá đưa ra và áp dụng chi tiết đối với các hạng mục.

3.2.2.7. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố

a) Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố dịch bệnh

- Đảm bảo nguồn cấp nước sạch cho khu đô thị.

- Tuyên truyền các hộ dân tực hiện ăn chín uống xôi, thực hiện tốt chương trình vệ sinh an toàn thực phẩm tại các khu nhà ở, khu dịch vụ.

- Khi phát hiện dịch bệnh sơ tán ngay những người chưa bị ảnh hưởng và cách ly khu vực bị ảnh hưởng với khu vực xung quanh. Đồng thời thông báo cho cơ quan chức năng tại địa phương để có phương án xử lý kịp thời.

- Định kỳ tiến hành phun thuốc diệt muỗi, diệt côn trùng.

b) Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ

Các biện pháp thực hiện bao gồm:

- Theo quy hoạch, khu đô thị bố trí trụ cứu hỏa để cấp nước chữa cháy cho toàn khu đô thị.

- Mỗi hạng mục công trình trong khu dân cư (trường học, công trình công cộng, khu nhà hỗn hợp, khu nhà ở xã hội,..) sẽ được trang bị hệ thống PCCC riêng bao gồm: các thiết bị chữa cháy tức thời như bình bọt, bình CO_2,.. và hệ thống chữa cháy cố định như bể nước chữa cháy, trụ cấp nước chữa cháy, hệ thống đường dây dẫn, vòi phun…

- Các hộ dân tự trang bị thiết bị phòng và chữa cháy tại hộ gia đình mình để phòng hỏa hoạn.

- Đường nội bộ được thiết kế rộng, đảm bảo xe chữa cháy ra vào dễ dàng.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì các thiết bị điện nhằm tránh hiện tượng chấp cháy điện.

- Lắp đặt hệ thống chống sét cho nhà và công trình theo đúng quy định.

- Thành lập đội PCCC cho khu đô thị để thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc chấp hành các quy định về PCCC.

c) Biện pháp giảm thiểu tác động tới hoạt động giao thông khu vực

- Lắp đặt các biển báo giao thông và thiết kế các gờ giảm tốc trên tất cả các đoạn đường trong khu vực dự án (tại các ngã ba, ngã tư của khu dân cư)

- Thường xuyên nhắc nhở các hộ gia đình về chấp hành các quy định an toàn giao thông.

- Phối hợp với chính quyền địa phương hỗ trợ trong việc phân luồng giao thông tại tuyến đường lân cận

- Quy định tốc độ lưu thông trong khu vực dự án < 40km/h.

- Bố trí khu vực đỗ xe hợp lý, có biển hiệu nhằm tránh gây nguy hiểm cho dân cư.

- Cơ sở hạ tầng giao thông trong khu dân cư được kiểm tra bảo dưỡng định kỳ.

- Có bộ phận an ninh, bảo vệ phụ trách các vấn đề giao thông trong khu dân cư.

- Nâng cao ý thức chấp hành quy định khi tham gia giao thông, hạn chế vi phạm, thường xuyên vận động mọi người tham gia những buổi tuyên truyền văn hóa giao thông.

- Tổ chức phân luồng giao thông tại các khu vực công cộng bên trong khu dân cư và khu vực cổng ra vào.

* Các biện pháp cụ thể để giảm tránh các rủi ro tai nạn giao thông:

- Lắp đặt các biển báo giao thông và thiết kế các gờ giảm tốc trên tất cả các đoạn đường trong khu vực Dự án (tại các ngã ba, ngã tư,...)

- Phổ biến tuyên truyền luật an toàn giao thông cho các hộ gia đình thuộc khu vực dự án.

d) Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu sự cố liên quan đến hệ thống thu gom và thoát nước thải của dự án

- Thường xuyên kiểm tra, nạo vét hệ thống hệ thống thu gom và thoát nước thải tránh tắc nghẽn.

- Khi có sự cố xảy ra, phải gọi ngay cán bộ, nhân viên chuyên môn đến xử lý kịp thời.

- Tuyên truyền cho các hộ dân cư về bảo vệ môi trường, vệ sinh chung trong khu

vực.

- Tiến hành tu sửa các đường cống, rãnh hư hỏng.

- Thường xuyên nạo vét bùn thải tại hệ thống thu gom nước thải và nước mưa. Tần suất khoảng 03 tháng/lần đối với mùa mưa, 06 tháng/lần đối với mùa khô.

3.3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

3.3.1. Dự toán kinh phí, biện pháp bảo vệ môi trường

Trên cơ sở các công trình bảo vệ môi trường mà chủ đầu tư dự án đưa ra và đã trình bày trên, dự toán kinh phí để thực hiện các công trình bảo vệ môi trường cụ thể như sau:

Bảng 3. 26: Các hạng mục công trình đầu tư bảo vệ môi trường của Dự án

TT	Tên hạng mục công trình	Đơn vị	Số lượng	Thông số kỹ thuật	Thời gian xây lắp	Kinh phí dự kiến (đồng)
	Giai đoạn thi công					
1	Thuê nhà vệ sinh di động	Nhà	04	Kích thước phủ bì: Rộng×dài×cao = 1.120 × 2.640 × 2.600mm. Kích thước lọt lòng (mỗi phòng): 1.060 ×850×1.980m. Dung tích bồn nước sạch là 900 lít, dung tích hầm phân tự hoại khoảng 1.200 lít.	Trước khi dự án đi vào thi công dự án	40.000.000
2	Thùng chứa chất thải sinh hoạt	thùng	02	02 thùng 120L	Trước khi dự án đi vào thi công dự án	1.000.000
3	Thùng chứa chất thải nguy hại	Thùng	02	02 thùng 120L	Trước khi dự án đi vào thi công dự án	1.000.000
4	Kho lưu trữ chất thải nguy hại	Kho	01	10 feet	Trước khi dự án đi vào thi công dự án	5.000.000
5	Kho lưu trữ chất thải rắn sinh hoạt	Kho	01	10 feet	Trước khi dự án đi vào thi công dự án	5.000.000
6	Thuê đơn vị nạo vét bùn thải, bùn cặn	-	-	-	Trước khi dự án đi vào thi công dự án	15.000.000

TT	Tên hạng mục công trình	Đơn vị	Số lượng	Thông số kỹ thuật	Thời gian xây lắp	Kinh phí dự kiến (đồng)
7	Thuê đơn vị thu gom, xử lý chất thải xây dựng, chất thải nguy hại	-	-	-	Trước khi dự án đi vào thi công dự án	10.000.000
8	Hệ thống thoát nước mưa (rãnh hở, hố ga)	HT	01	-	Trước khi dự án đi vào thi công dự án	50.000.000
9	Bể lắng nước thải thi công	Bể	01	$4m^3$	Trước khi dự án đi vào thi công dự án	1.000.000
10	Bảo hộ lao động	Nhà thầu cung cấp				
	Tổng					**128.000.000**

(Giá ở bảng trên chỉ có ý nghĩa tham khảo và được ước tính dựa trên giá tại thời điểm lập báo cáo đánh giá tác động môi trường. Khi triển khai thực tế giá của công trình sẽ được xác lập cụ thể trên cơ cở giá vật liệu nhân công tại thời điểm xây dựng).

3.3.2. Tổ chức bộ máy, quản lý vận hành các công trình bảo vệ môi trường

Trong giai đoạn thi công, xây dựng các công trình của dự án, chủ đầu tư sẽ chịu trách nhiệm chính trong việc giám sát và thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực trong suốt quá trình thi công, sẽ đảm bảo các biện pháp giảm thiểu được thực hiện trên thực tế.

Trong giai đoạn vận hành: Chủ đầu tư sẽ không bố trí bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường. Sau khi hoàn thiện hạ tầng khu vực dự án, đại diện chủ dự án sẽ bàn giao lại cho UBND xã Thường Tín để phân cấp quản lý theo đúng quy định. Ngoài ra các hộ gia đình sẽ có trách nhiệm giữ gìn vệ sinh môi trường theo đúng các quy định của địa phương, không vất rác thải bừa bãi ảnh hưởng đến mỹ quan và các hộ dân bên cạnh.

a) Cơ cấu hệ thống quản lý môi trường giai đoạn xây dựng:

Chủ đầu tư thành lập Ban an toàn lao động 5 người, trong đó bố trí cán bộ chuyên trách về môi trường phụ trách các vấn đề môi trường trong xây dựng như:

- Quản lý công tác thi công xây dựng
- Kế hoạch an toàn trong công tác thi công
- Quản lý an toàn giao thông trên tuyến
- Quản lý các khu vực bãi đổ thải, tập kết vật liệu xây dựng
- Quản lý vật tư, thiết bị thi công
- Quản lý phế thải từ xây dựng và các chất thải nguy hại

- Kế hoạch và tiến độ thi công các hạng mục công trìn

- Kế hoạch và tiến độ lắp đặt máy móc, thiết bị

- Quản lý các phương tiện thi công cơ giới

- Quản lý việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu, kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Quản lý an toàn lao động trong thi công xây dựng

- Quản lý vệ sinh chung.

b) Cơ cấu hệ thống quản lý môi trường giai đoạn vận hành:

- UBND xã Thường Tín là đơn vị quản lý chung và sẽ bố trí ban quản lý để vận hành dự án và phối hợp với UBND thị trấn Thường Tín để đảm bảo công tác vệ sinh môi trường, an ninh trật tự trong khu vực.

- Đồng thời, UBND xã Thường Tín cũng chịu trách nhiệm về vận hành và quản lý trạm xử lý nước thải số 01 công suất 450m^3/ngày đêm.

3.4. Nhận xét về mức độ tin cậy của các đánh giá

Mục tiêu của báo cáo đánh giá tác động môi trường là xác định các ảnh hưởng tiềm tàng về môi trường, xã hội và sức khỏe bởi sự hoạt động của dự án gây ra, nhằm đưa ra những quyết định khoa học và hợp lý để có biện pháp giảm thiểu tác động bất lợi tới môi trường có hiệu quả.

** Đánh giá sự tin cậy của các phương pháp áp dụng:*

Để hoàn thiện Báo cáo ĐTM của dự án, đơn vị tư vấn và chủ đầu tư sử dụng các phương: Phương pháp thống kê, Phương pháp lấy mẫu phân tích kiểm tra, Phương pháp đánh giá nhanh, Phương pháp so sánh, Phương pháp phân tích tổng hợp. Các phương pháp áp dụng rất phổ biến trong công tác lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Việt Nam

* Các số liệu về điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội, tài liệu đánh giá chất thải phát sinh, hiệu quả giảm thiểu là đầy đủ, có cơ sở và đảm bảo độ tin cậy.

* Những người tham gia lập Báo cáo đều có chuyên môn phù hợp, có kinh nghiệm thực tiễn và được đào tạo bài bản.

Các đánh giá đối với tác động môi trường của dự án, đã cho thấy:

** Trong đánh giá môi trường tự nhiên:*

Báo cáo đã xác định được phạm vi và những khả năng ảnh hưởng của dự án đối với môi trường tự nhiên. Các đánh giá có độ tin cậy cao thông qua việc phân tích cụ thể các nguồn gây tác động (liên quan đến chất thải và không chất thải), các số liệu tính toán định lượng và cụ thể hoá cả về không gian, thời gian, đồng thời, chỉ ra những rủi ro của sự cố môi trường có thể xảy ra khi Dự án đi vào hoạt động.

Công tác thực địa đo đạc, lấy mẫu phân tích cho phép đánh giá một cách định lượng về mức độ tác động ô nhiễm của bụi, ồn và các nguồn chất thải khác.

Các đối tượng và mục tiêu đánh giá được phân tích cụ thể, đầy đủ và chi tiết phù hợp với đặc thù của Dự án. Khi Dự án được triển khai, sẽ có những tác động nhất định tới tình hình dân cư, điều kiện kinh tế - xã hội của khu vực cho nên việc đi sâu phân tích và đánh giá cụ thể cho từng đối tượng xã hội là hợp lý và cần thiết.

Các phương pháp đánh giá được sử dụng trong báo cáo này đều là những phương pháp phổ biến hiện nay tại Việt Nam cũng như trên thế giới do đó kết quả đánh giá là đủ độ tin cậy.

CHƯƠNG IV. CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG

4.1. Chương trình quản lý môi trường của Dự án

Để công tác bảo vệ môi trường được thực hiện tốt và có hiệu quả cao, chương trình quản lý môi trường được thực hiện ngay từ giai đoạn giải phóng mặt bằng, thi công xây dựng của dự án. Do loại hình dự án khá đơn giản là xây dựng hạ tầng khu đô thị, nhưng trong giai đoạn này chưa thực hiện xây dựng các công trình nên không đánh giá giai đoạn vận hành dự án. Chương trình quản lý môi trường cụ thể được trình bày trong bảng sau:

Bảng 4. 1: Chương trình quản lý môi trường của dự án trong giai đoạn giải phóng mặt bằng, thi công xây dựng

Các hoạt động của dự án	Các tác động Môi trường	Các công trình, biện pháp BVMT
Giai đoạn thi công xây dựng		
Giải phóng mặt bằng	Tác động đến kinh tế xã hội	- Công bố công khai thông tin dự án, thành lập hội đồng GPMB và đền bù theo đúng quy định của nhà nước.
	Ảnh hưởng tới hộ dân bị thu hồi đất phục vụ dự án	- Đền bù thỏa đáng theo các quy định hiện hành của Nhà nước và của thành phố Hà Nội
Phát quang	- Chất thải rắn phá dỡ - Đa dạng sinh học	- Xe vận tải, máy móc thi công phải đảm bảo tiêu chuẩn về khí thải, tiếng ồn, độ rung; - Sử dụng ô tô tưới nước dung tích 5m^3 phun nước tạo độ ẩm với tần suất 2 lần/ngày; - Bố trí tuyến đường vận chuyển đổ chất thải; - Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển chất thải; - Quản lý tốt nguồn phát sinh chất thải rắn chủ yếu là nước thải, chất thải để không ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nước;
Thi công san nền (và thi công hạ tầng kỹ thuật	- Bụi, khí thải - Nước thải xây dựng - Chất thải rắn sinh hoạt - Chất thải rắn thông thường	- Tưới nước, trên tuyến đường vận chuyển chính để giảm bụi, tần suất 2 lần/ngày vào ngày nắng nóng; - Xe vận chuyển nguyên vật liệu, đất đồ thải phải có thùng kín để tránh rơi nguyên vật liệu, bùn đất xuống đường và nguồn nước mặt trong khu vực. - Bố trí 01 bể lắng có thể tích 4m^3 trên gần cầu rửa xe để xử lý nước thải xây dựng.

Các hoạt động của dự án	Các tác động Môi trường	Các công trình, biện pháp BVMT
	- Chất thải nguy hại - Tai nạn lao động - Nước mưa chảy tràn - Tiếng ồn, độ rung	- Nước thải xây dựng (bao gồm nước thải rửa xe nước thải vệ sinh dụng cụ) → mương đào hoặc ống cống bằng HDPE với đường kính D150 → bể lắng có lót vải địa kỹ thuật để loại bỏ cặn lắng → bẫy dầu để tách dầu mỡ ra khỏi nước thải → sau đó sử dụng nước trong để tái sử dụng rửa xe, dập bụi. Không thải ra môi trường bên ngoài; - Đối với chất thải từ hoạt động đất đào, chất thải xây dựng được thu gom về bãi tập kết phế thải xây dựng diện tích 500m^2, nhà thầu thi công ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định. - Bố trí kho để lưu giữ CTR sinh hoạt sử dụng container 10 feet bố trí gần khu vực lán trại để thu gom và sau đó Nhà thầu thi công sẽ ký hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý CTR sinh hoạt với đơn vị có chức năng và chuyên ngành để thu gom, vận chuyển, xử lý CTNH theo quy định của pháp luật. - Bố trí kho để lưu giữ CTNH sử dụng container 10 feet bố trí gần khu vực lán trại để thu gom và sau đó Nhà thầu thi công sẽ ký hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý CTNH với đơn vị có chức năng và chuyên ngành để thu gom, vận chuyển, xử lý CTNH theo quy định của pháp luật. - Các thiết bị, máy móc phải được bảo dưỡng, kiểm tra định kỳ. - Tổ chức buổi tập huấn cho cán bộ, công nhân viên về an toàn lao động, nội quy lao động, vệ sinh môi trường, an toàn phòng cháy chữa cháy... - Lắp đặt các biển báo, khẩu hiệu trên công trường về đảm bảo an toàn lao động - Lắp đặt rào chắn, biển cảnh báo nguy hiểm tại những khu vực nhạy cảm, có khả năng rơi, ngã hoặc điện giật. - Xây dựng các rãnh thoát nước tạm thời để xử lý nước mưa chảy tràn.
- Vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ quá trình xây dựng của dự án	- Tác động tới môi trường không khí, môi trường nước, đất gồm: khí thải, nước thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại - Tiếng ồn, độ rung	- Hệ thống lắng thoát nước mưa, nước thi công tạm thời. - Bố trí nhân viên quét dọn nguyên vật liệu rơi vãi từ công trường dự án. - Thùng chứa chất thải.
	- Chất thải rắn sinh hoạt	- Thu gom tập trung, hợp đồng vận chuyển xử lý theo quy định.

Các hoạt động của dự án	Các tác động Môi trường	Các công trình, biện pháp BVMT
Hoạt động sinh hoạt của công nhân xây dựng		- Hợp đồng với các đơn vị chức năng để vận chuyển, đi xử lý theo quy định.
	- Nước thải sinh hoạt	- Sử dụng 04 nhà vệ sinh di động sau đó thuê đơn vị có chức năng thu gom xử lý không xả thải ra ngoài môi trường.
Giai đoạn vận hành		
Hoạt động của các phương tiện giao thông của dân cư	Khí thải giao thông	- Tuân thủ diện tích cây xanh đã được phê duyệt theo quy hoạch. Cây xanh tại dự án được trồng hai bên đường giao thông, khu đất cây xanh. - Vệ sinh hàng ngày đường xá - Hạn chế tốc độ xe vào khu dân cư < 40 km/h.
	Tiếng ồn, độ rung	- Quy định thời gian hoạt động của khu công cộng. - Quy định tốc độ lưu thông của các loại xe trong khuôn viên khu đô thị - Xây dựng các gờ chắn giảm tốc độ trên các tuyến đường nội bộ. - Bố trí xây dựng khu nhà ở, khu công cộng... theo đúng quy hoạch.
	Tai nạn giao thông	- Lắp đặt các biển báo giao thông và thiết kế các gờ giảm tốc trên tất cả các đoạn đường trong khu vực Dự án (tại các ngã ba, ngã tư,...) - Phổ biến tuyên truyền luật an toàn giao thông cho các hộ gia đình thuộc khu vực dự án.
Hoạt động sinh hoạt của các hộ dân trong khu dân cư mới Hoạt động công cộng	Nước thải sinh hoạt	- Hệ thống thu gom nước thải của dự án: Là mạng lưới thoát nước riêng hoàn toàn. Xây dựng hệ thống thu gom nước thải và nước mưa riêng biệt. + Giai đoạn trước mắt: Toàn bộ nước thải sẽ được thu gom bằng cống tròn BTCT D300 về trạm xử lý nước thải tập trung với công suất 450m^3/ngày đêm bố trí ngầm tại khu vực cây xanh. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B sẽ được bơm ra mương hiện trạng ký hiệu T2 phía Đông dự án. Tọa độ điểm xả nước thải *(hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°, múi chiếu 3°)*: X= 2311403.35; Y= 588373.33). + Giải pháp lâu dài (sau khi hệ thống thoát nước thải của thành phố và trạm xử lý nước thải Đại Áng công suất 42.000m^3/ngày đêm được xây dựng hoàn chỉnh); Trạm xử lý nước thải tập trung với công suất 450m^3/ngày đêm sẽ xem xét thành trạm bơm chuyển bậc về trạm xử lý nước thải Đại Áng công suất 42.000m^3/ngày đêm theo quy hoạch phân khu S5 được phê duyệt.

Các hoạt động của dự án	Các tác động Môi trường	Các công trình, biện pháp BVMT
	Chất thải sinh hoạt	- Hướng dẫn người dân phân loại chất thải rắn ngay tại nguồn - Trang bị các thùng rác công cộng (phân chia luôn loại đựng rác hữu cơ, loại đựng rác tái chế) - Bố trí trạm trung chuyển không cố định để tập kết chất thải và vận chuyển đi trong ngày. - Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom vận chuyển rác thải trong ngày.
	Chất thải nguy hại	- Yêu cầu các hộ dân trong dự án phải có phương án thu gom, phân loại, lưu giữ và chuyển giao chất thải nguy hại đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/02/2025 của Chính Phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và Thông tư 07/2025/TT-BTNBMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Thu gom, phân loại với đơn vị có chức năng xử lý chất thải nguy hại theo quy định.
	Sự cố cháy nổ	- Theo quy hoạch, khu đô thị bố trí 2 trụ cứu hỏa để cấp nước chữa cháy cho toàn khu đô thị. - Mỗi hạng mục công trình trong khu dân sẽ được trang bị hệ thống PCCC riêng - Thành lập đội PCCC cho khu đô thị để thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc chấp hành các quy định về PCCC.
	Nước mưa	- Giai đoạn trước mắt: Hệ thống thoát nước mưa phạm vi dự án được thiết kế bằng cống hộp BTCT khẩu độ D600-D800 rồi thoát về tuyến cống khẩu độ BxH= 1,5mx1,0m phía Nam của dự án rồi xả vào mương xây hở khẩu độ BxH=1x1m (mương hoàn trả của mương hiện trạng ký hiệu T2). Tọa độ điểm xả nước mưa *(hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°, múi chiếu 3°)*: X= 2311178.53; Y= 588362.78). - Giai đoạn lâu dài (sau khi hệ thống thoát nước mưa được xây dựng hoàn thiện): Nước mưa sẽ được đấu nối theo quy hoạch phân khu S5 được phê duyệt.

5.2. Chương trình quan trắc, giám sát môi trường của Dự án

a. Giai đoạn xây dựng

** Giám sát nước thải*

Sau khi kết thúc thi công sẽ tiến hành thuê đơn vị hút bùn tại bể lắng, sau đó xả lượng nước còn lại. Trước khi xả sẽ tiến hành giám sát nước thải thi công.

+ Vị trí giám sát: 01 vị trí nước thải từ hố lắng.

+ Tần suất: 01 lần khi tiến hành hoàn trả mặt bằng.

+ Các chỉ tiêu giám sát: Nhiệt độ, màu, pH, BOD_5 (20°C), COD, chất rắn lơ lửng, Chì, Kẽm, Sắt, tổng dầu mỡ khoáng, Amoni (tính theo N), Tổng Nitơ, Tổng Phốt pho (tính theo P), Coliform.

+ Quy chuẩn so sánh: QCĐTHN 02:2014/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn thủ đô Hà Nội

** Giám sát không khí và tiếng ồn, độ rung*

- Vị trí giám sát:

+ 01 mẫu không khí xung quanh tại khu vực thực hiện dự án

+ 01 mẫu không khí xung quanh tại cổng ra vào dự án

- Thông số giám sát: Bụi, tiếng ồn, độ rung, CO, SO_2, NO_x

- Tần suất quan trắc: 6 tháng/lần

- Quy chuẩn so sánh: Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung

** Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:*

- Vị trí giám sát: Tại công trường thi công.

- Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan.

- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

b. Chương trình giám sát trong giai đoạn vận hành thử nghiệm

Dự án thuộc đối tượng phải cấp Giấy phép môi trường và vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Do vậy nội dung giám sát môi trường chi tiết thực hiện theo quy định tại Giấy phép môi trường do cơ quan có thẩm quyền cấp và thực hiện theo quy định tại Điều 21 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi

tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

c. Giai đoạn vận hành:

** Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại*

- Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan.

- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

** Giám sát khác*

- Giám sát thường xuyên hiện tượng sụt lún, hư hại các hạng mục công trình trong thời gian bảo hành công trình khoảng 12 tháng.

- Giám sát công tác phòng cháy, chữa cháy: Thực hiện thường xuyên, báo cáo định kỳ gửi cơ quan có thẩm quyền

KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ, CAM KẾT

1. Kết luận

Quá trình thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án, cũng như khi dự án đi vào hoạt động sẽ có một số tác động tiêu cực, tích cực đến môi trường, kinh tế và xã hội. Trên cơ sở nhận dạng, phân tích đánh giá tác động môi trường Dự án, chúng tôi rút ra những kết luận sau:

- Dự án được thực hiện ở vị trí thuận lợi, phù hợp với quy hoạch của thành phố.

- Trong giai đoạn Dự án đi vào hoạt động sẽ thải ra các chất thải là khí thải, nước thải và chất thải rắn, CTNH... và gia tăng nguy cơ sự cố môi trường (cháy, nổ, sự cố an toàn giao thông, bệnh dịch, ...).

- Nhằm giảm thiểu các tiêu cực, Dự án thực hiện các biện pháp cụ thể đối với từng hạng mục và từng giai đoạn của dự án. Các biện pháp giảm thiểu và khống chế ô nhiễm nêu trong báo cáo ĐTM là những biện pháp khả thi về mặt môi trường, đảm bảo các quy định và quy chuẩn hiện hành.

- Nhìn chung, dự án "Xây dựng hạ tầng kỹ thuật để đấu giá QSD đất khu Nhị Khê 6, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội" là một dự án hoàn toàn khả thi về các mặt kinh tế, môi trường, kỹ thuật. Dự án mang lại những lợi ích về quy hoạch, nâng cao giá trị khu đất và quỹ nhà ở địa phương, phát triển cơ sở hạ tầng đồng bộ và văn minh góp phần làm đẹp khu vực.

2. Kiến nghị

Để tạo điều kiện triển khai thực hiện Dự án theo đúng kế hoạch và tiến độ đã đề ra, Ban Quản lý dự án đầu tư – hạ tầng xã Thường Tín đại diện chủ dự án kính đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội xem xét, thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường cho dự án, tạo điều kiện để Ban có thể sớm triển khai dự án. Đồng thời, đề nghị địa phương và các đơn vị liên quan phối hợp chỉ đạo trong quá trình xây dựng và hoạt động Dự án.

Ban Quản lý dự án đầu tư – hạ tầng xã Thường Tín sẽ triển khai thực hiện dự án và cam kết tuân thủ triệt để các yêu cầu tại Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM và thực hiện các biện pháp giảm thiểu như đã đề xuất trong báo cáo.

3. Cam kết

Trong quá trình triển khai xây dựng và vận hành dự án, đơn vị Chủ đầu tư là Ban Quản lý dự án đầu tư – hạ tầng xã Thường Tín xin cam kết thực hiện:

- Thực hiện những biện pháp giảm thiểu tác động xấu, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường, xây dựng công trình xử lý môi trường trong chương 3 của báo cáo sau khi báo cáo ĐTM của dự án được Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội phê duyệt. Đại diện chủ dự án cam kết cung cấp toàn bộ kinh phí cho hoạt động này;

- Thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường như đã nêu ở chương 5 báo cáo.

- Thực hiện các biện pháp BVMT trong quá trình chuẩn bị, thi công và vận hành dự án.

- Cam kết bồi thường thiệt hại do hoạt động chuẩn bị, thi công xây dựng và vận hành dự án gây ra.

- Trong quá trình chuẩn bị, thi công xây dựng đảm bảo tuân thủ các Tiêu chuẩn, Quy chuẩn Việt Nam về môi trường, bảo đảm chất lượng môi trường không khí, nước mặt, nước thải, nước ngầm và trầm tích đạt các Quy chuẩn về môi trường, bao gồm:

+ QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí;

+ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

+ QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung;

+ QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

+ QCĐTHN 02:2014/BTNTM (Cột B) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

- Chủ dự án cam kết đền bù hư hỏng cho công trình dọc theo tuyết đường bị ảnh hưởng do quá trình thi công xây dựng dự án.

- Chủ dự án cam kết đổ phế thải xây dựng đúng quy định.

- Chủ dự án cam kết giám sát về sự cố, rủi ro gây ra với dân cư khu vực dự án.

- Cam kết thi công đúng với tiến độ theo phương án đã được phê duyệt.

- Cam kết thực hiện theo các góp ý của nhân dân địa phương về công tác bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai dự án.

- Chấp hành sự kiểm tra, giám sát của Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội và các cơ quan chức năng trong quá trình xây dựng dự án.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam nếu vi phạm các tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam hoặc để xảy ra sự cố về môi trường, gây ô nhiễm môi trường.

- Đại diện chủ dự án cam kết về việc hoàn thành các công trình, biện pháp BVMT trước khi dự án đi vào vận hành chính thức.

- Cam kết thực hiện các biện pháp phòng ngừa sự cố và dừng hoạt động dự án khi xảy ra sự cố về môi trường, gây ô nhiễm môi trường để khắc phục, bồi thường thiệt hại theo quy định hiện hành.

- Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường được duyệt, Chủ dự án sẽ có văn bản báo cáo và chỉ thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản có chấp thuận của cấp có thẩm quyền.

CÁC TÀI LIỆU, DỮ LIỆU THAM KHẢO

Các tài liệu/dữ liệu tham khảo bằng tiếng Việt

1. Phạm Ngọc Đăng, Môi trường không khí, Nhà xuất bản KHKT xuất bản năm 2003;

2. Phạm Ngọc Đăng, Quản lý môi trường Đô thị, Nhà xuất bản Xây dựng xuất bản năm 2000;

3. Trần Hiếu Nhuệ, Cấp Thoát nước, Nhà xuất bản KHKT xuất bản năm 1996;

4. Trần Đông Phong, Giáo trình giảng dạy nâng cao năng lực quản lý môi trường, tài liệu giảng dạy cho Dự án Danida, 2002;

5. Trịnh Xuân Lai, Tính toán thiết kế các công trình xử lý nước thải, NXB Xây Dựng, Hà Nội, 2000;

6. Nguyễn Đức Lương và Nguyễn Thị Thuỷ Dương, Xử lý chất thải hữu cơ, NXB Đại học Quốc Gia, Tp. Hồ Chí Minh, 2003;

7. Trần Văn Nhân và Ngô Thị Nga, Giáo trình công nghệ xử lý nước thải, NXB Khoa Học & Kỹ Thuật, 2002;

8. Lê Trình, Đánh giá tác động môi trường: Phương pháp & ứng dụng, NXB Khoa Học & Kỹ Thuật, 2000;

9. Phạm Ngọc Đăng, Môi trường không khí, NXB Khoa Học & Kỹ Thuật, 2003.

10. Trần Đức Hạ, Xử Lý Nước Thải Sinh Hoạt Quy Mô Nhỏ Và Vừa, NXB Khoa học và Kỹ thuật, 2002;

11. Nguyễn Thị Hồng, Hướng dẫn thiết kế đồ án môn học: Mạng Lưới Cấp Nước, NXB Xây Dựng, 2001.

Các tài liệu tham khảo bằng tiếng nước ngoài:

1. World Health Organization (WHO), Assessment of sources of Air, Water, and Land Pollution - A Guide to Rapid Source Inventory Techniques and Their Use in Formulating Environmental Control Strategies (Part one: Rapid Inventory techniques in Environmental Pollution) - WHO/PEP/GETNET/93.1-A, 1993;

2. United States Enviromental Protection Agency (US-EPA), National Air Pollutant Emission Trends, Procedures Document, 1900-1996 - EPA-454/R-98-008, 2/1998;

3. Enviroment Australia, Emisson Estimation Technique Manual for Combustion Engines, Version 2.2, 2/1999;

4. Western Regional Air Partnership's (WRAP), Fugitive Dust Hanbook, 9/2006

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC I: VĂN BẢN PHÁP LÝ CỦA DỰ ÁN

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG TÍN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 10/NQ-HĐND	*Thường Tín, ngày 11 tháng 7 năm 2023*

NGHỊ QUYẾT
Về việc phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án trên địa bàn huyện Thường Tín

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG TÍN KHOÁ XX, KỲ HỌP THỨ MƯỜI BỐN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xây dựng;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Xét Tờ trình số 165/TTr-UBND ngày 30/6/2023 của UBND huyện về việc đề nghị phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án trên địa bàn huyện; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện và ý kiến của các đại biểu HĐND huyện.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt chủ trương đầu tư đối với 34 dự án, cụ thể như sau:

- Lĩnh vực văn hóa, thể thao, di tích: 16 dự án
- Lĩnh vực hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước: 02 dự án
- Lĩnh vực giáo dục: 01 dự án
- Lĩnh vực giao thông: 07 dự án
- Lĩnh vực môi trường: 01 dự án
- Lĩnh vực HTKT đấu giá QSD đất: 07 dự án

(Chi tiết tại phụ lục kèm theo)

Điều 2. Phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư đối với 22 dự án, cụ thể như sau:

- Lĩnh vực giao thông: 04 dự án
- Lĩnh vực giáo dục: 06 dự án
- Lĩnh vực văn hoá, thể thao, di tích: 03 dự án
- Lĩnh vực y tế: 01 dự án
- Lĩnh vực trụ sở: 04 dự án

- Lĩnh vực HTKT khác: 03 dự án
- Lĩnh vực HTKT đấu giá QSD đất: 01 dự án

(Chi tiết tại phụ lục kèm theo)

Điều 3. Giao UBND huyện chỉ đạo, tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Điều 4. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ và đại biểu HĐND huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện Nghị quyết của HĐND, giao UBND huyện thống nhất với Thường trực HĐND huyện xử lý và báo cáo với HĐND huyện tại kỳ họp gần nhất.

Nghị quyết này được HĐND huyện Thường Tín khoá XX, Kỳ họp thứ mười bốn thông qua ngày 11 tháng 7 năm 2023./.

Nơi nhận:
- HĐND Thành phố;
- UBND Thành phố;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND TP; *để báo cáo*
- Văn phòng UBND Thành phố;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện khóa XX;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- CVP, PCVP, BPTH, CNTT;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH

Tạ Hữu Thọ

Phụ lục 32
Chủ trương đầu tư dự án
Xây dựng hạ tầng kỹ thuật để đấu giá QSD đất khu Nhị Khê 6, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội
(Kèm theo Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2023 của HĐND huyện Thường Tín)

1. Mục tiêu đầu tư: Từng bước hiện thực hóa quy hoạch chung huyện Thường Tín đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Tạo quỹ đất sạch với hạ tầng kỹ thuật đầy đủ để đấu giá quyền sử dụng đất theo quy hoạch nhằm tạo nguồn thu cho ngân sách nhà nước.

2. Quy mô đầu tư: GPMB khu đất có diện tích khoảng 5,9ha, xây dựng hạ tầng kỹ thuật: san nền, kè, giao thông, cấp điện, cấp nước, chiếu sáng, di chuyển ngầm nổi (nếu có),...

3. Dự án nhóm B

4. Tổng mức đầu tư dự kiến: 203.221 triệu đồng

5. Nguồn vốn: Ngân sách huyện

6. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Nhị Khê, huyện Thường Tín

7. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2023-2026

8. Chủ đầu tư: Trung tâm phát triển quỹ đất huyện

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG TÍN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1056/QĐ - UBND	*Thường Tín, ngày 17 tháng 3 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật để đấu giá quyền sử dụng đất khu Nhị Khê 6, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG TÍN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Thủ đô ngày 28/6/2024;

Căn cứ Luật Kiến trúc ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024;

Căn cứ Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 sửa đổi, bổ sung sửa đổi một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009 và Văn bản hợp nhất số 49/VBHN-VPQH ngày 10/12/2018 của Văn phòng Quốc hội về việc hợp nhất Luật Quy hoạch đô thị với Luật số 35/2018/QH14;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 7/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 6/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 39/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về quản lý không Gian xây dựng ngầm đô thị;

Căn cứ Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc;

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Nghị định số 50/2024/NĐ-CP ngày 10/5/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020;

Căn cứ Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung thiết kế đô thị; Thông tư 16/2013/TT-BXD ngày 16/10/2013 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng

quy định về hồ sơ nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/05/2021 của Bộ Xây dựng ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01:2021/BXD về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1668/QĐ-TTG ngày 27/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045 và tầm nhìn đến năm 2065;

Căn cứ Quyết định số 38/2023/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND thành phố Hà Nội ban hành quy định một số nội dung về quản lý quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng và kiến trúc trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 73/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND thành phố Hà Nội ban hành Quy chế quản lý kiến trúc chung thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 5516/QĐ-UBND ngày 20/10/2015 của UBND Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt quy hoạch chung xây dựng huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội đến năm 2030, tỷ lệ 1:10.000;

Căn cứ Quy hoạch phân khu đô thị S5 tỷ lệ 1/5.000 đã được UBND Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 3765/QĐ-UBND ngày 22/8/2012;

Căn cứ Nghị quyết 10/NQ-HĐND ngày 11/7/2023 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án trên địa bàn huyện Thường Tín;

Căn cứ Quyết định số 3753/QĐ-UBND ngày 19/9/2024 của UBND huyện Thường Tín phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật đấu giá quyền sử dụng đất khu Nhị Khê 6, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội;

Căn cứ văn bản số 3258/QHKT-(KHTH+HTKT) ngày 24/7/2024 của Sở Quy hoạch – Kiến trúc thành phố Hà Nội về việc tham gia ý kiến nhiệm vụ, đồ án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 trên địa bàn huyện Thường Tín;

Căn cứ Quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn thiết kế hiện hành;

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tại Tờ trình số 102/TTr-KTHT&ĐT ngày 14/3/2025 và Tờ trình số 18/TTr-PTQĐ ngày 27/02/2025 của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Thường Tín về việc đề nghị phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Xây dựng hạ tầng kỹ thuật để đấu giá quyền sử dụng đất khu Nhị Khê 6, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Xây dựng hạ tầng kỹ thuật để đấu giá quyền sử dụng đất khu Nhị Khê 6, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội với nội dung sau:

1. Tên Quy hoạch: Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Xây dựng hạ tầng kỹ thuật để đấu giá quyền sử dụng đất khu Nhị Khê 6, huyện Thường Tín, thành phố

Hà Nội.

2. Địa điểm, ranh giới, quy mô quy hoạch

2.1. Địa điểm quy hoạch: Xã Nhị Khê, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội.

2.2. Ranh giới quy hoạch:

+ Phía Bắc: giáp đất đất phát triển đô thị theo Quy hoạch phân khu S5;

+ Phía Tây và Nam: giáp khu công viên cây xanh theo Quy hoạch phân khu S5;

+ Phía Đông: giáp đất cây xanh đô thị theo Quy hoạch phân khu S5;

2.3. Quy mô quy hoạch:

- Quy mô diện tích lập quy hoạch: Khoảng 6,01ha.

- Quy mô dân số: khoảng 1.188 người.

3. Tính chất, mục tiêu khu vực lập quy hoạch:

3.1. Tính chất:

Là nhóm nhà ở xây dựng mới được đầu tư hoàn chỉnh, đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, tạo lập hình ảnh đô thị hiện đại chất lượng cao phù hợp với định hướng quy hoạch phân khu S5 được duyệt.

3.2. Mục tiêu quy hoạch:

- Cụ thể hoá định hướng các quy hoạch cấp trên đã được phê duyệt (Quy hoạch phân khu S5)

- Tạo quỹ đất để đấu giá quyền sử dụng đất, tạo nguồn thu cho ngân sách phục vụ phát triển kinh tế xã hội; nâng cao giá trị sử dụng đất, đem lại hiệu quả kinh tế cao, góp phần nâng cao đời sống của người dân bằng việc xây dựng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội.

- Nhằm xây dựng đồng bộ cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới từng bước hoàn thiện kết cấu hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch, tăng cường hiệu quả trong công tác quản lý đất đai, chống lấn chiếm. Đóng góp thiết thực vào công cuộc phát triển kinh tế xã hội.

4. Định hướng quy hoạch

Bố cục không gian chính gồm:

Khu ở mới bố trí với trung tâm là khu công viên cây xanh, sân chơi. Xung quanh khu công viên bố trí các dạng nhà ở liền kề, biệt thự, nhà ở xã hội, công trình công cộng.

Hệ thống cây xanh hè phố, cây xanh trong các khu công viên sử dụng những cây đã trưởng thành thân thẳng, đối với cây xanh trên hè phố sử dụng các loại cây rễ cọc tránh làm ảnh hưởng đến kết cấu vỉa hè.

5. Quy hoạch sử dụng đất

5.1 Phân khu chức năng sử dụng đất:

Khu quy hoạch bao gồm các khu chức năng chính như sau:

+ Đất ở mới bao gồm: Đất nhà ở liền kề, đất nhà ở biệt thự, đất nhà ở xã hội.

(Nhà ở xã hội bố trí tuân thủ theo quy định tại Khoản 4 Điều 1 Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ.)

+ Đất công trình giáo dục: Trường mầm non.

+ Đất cây xanh sử dụng công cộng (công viên cây xanh, sân chơi, vườn hoa...).

+ Đất bãi đỗ xe.

+ Đường giao thông: Đường giao thông khu vực và nội khu.

5.2 Cơ cấu sử dụng đất

Trên cơ sở đánh giá hiện trạng đất đai, cảnh quan thiên nhiên, quỹ đất xây dựng còn lại sau khi xác định chỉ giới mở các tuyến đường theo quy hoạch và cơ cấu đất đai trong phạm vi lập quy hoạch chi tiết đề xuất giải pháp quy hoạch sử dụng đất khu vực sau khi lập quy hoạch theo bảng sau:

Bảng cơ cấu sử dụng đất

STT	Hạng mục	Diện tích (m2)	Tỷ lệ (%)	Dân số (người)
	Diện tích trong ranh giới lập quy hoạch	**60.106,9**	**100,0**	**1.188**
1	**Đất ở**	**26.294,1**	**43,7**	**1.188**
1.1	*Đất nhà ở liền kề*	*5.853,8*	*9,7*	*200*
1.2	*Đất nhà ở biệt thự*	*15.139,1*	*25,2*	*208*
1.3	*Đất nhà ở xã hội*	*5.301,2*	*8,8*	*780*
2	**Đất trường mầm non**	**1.659,5**	**2,8**	
3	**Đất cây xanh**	**4.527,9**	**7,5**	
4	**Đất giao thông**	**27.625,4**	**46,0**	

5.3. Giải pháp quy hoạch các ô chức năng

Khu quy hoạch bao gồm các chức năng sử dụng đất chính như sau: Đất ở, đất cây xanh, đất trường mầm non, đất giao thông, ..., cụ thể:

- ***Đất ở:*** Bao gồm các ô đất ký hiệu LK, BT, OXH xây dựng công trình nhà ở liền kề, nhà ở biệt thự, nhà ở xã hội với tổng diện tích 26.294,1 m², trong đó:

+ Đất nhà ở liền kề gồm các ô ký hiệu LK với tổng diện tích 5.853,8m², tầng cao tối đa 05 tầng, mật độ xây dựng theo quy định, quy chuẩn hiện hành.

+ Đất nhà ở biệt thự gồm các ô ký hiệu BT với tổng diện tích 15.139,1m², tầng cao tối đa 04 tầng, mật độ xây dựng theo quy định, quy chuẩn hiện hành.

+ Đất nhà ở xã hội gồm ô đất ký hiệu OXH với tổng diện tích 5.301,2 m², mật độ xây dựng theo quy định, quy chuẩn hiện hành.

- ***Đất trường mầm non***: Bao gồm ô đất ký hiệu GD xây dựng trường mầm non với diện tích 1.659,5m², mật độ xây dựng tối đa 40%, tầng cao 03 tầng.

- ***Đất cây xanh***: Bao gồm các ô đất ký hiệu CX xây dựng công viên, vườn hoa... Tổng diện tích 4.527,9m², mật độ xây dựng tối đa 5%, tầng cao 01 tầng.

- ***Đất hạ tầng, đường giao thông:*** Diện tích khoảng 27.625,4 m².

5.4. Chỉ giới xây dựng

- Chỉ giới đường đỏ theo định hướng quy hoạch phân khu được duyệt.

- Chỉ giới xây dựng, khoảng lùi xây dựng được xác định nhằm đảm bảo các yêu cầu về giao thông, và kiến trúc cảnh quan, được xác định tuân theo cấp đường và tuân theo quy chuẩn.

- Chỉ được xây dựng được xác định cụ thể trong ranh giới lô đất.

5.5. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan và thiết kế đô thị

5.5.1 Bố cục tổ chức không gian:

Bản đồ tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan chỉ gợi ý cho giải pháp thiết kế quy hoạch kiến trúc về không gian cảnh quan. Bố cục mặt bằng, hình dáng các công trình xây dựng sẽ được thực hiện cụ thể ở giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng và cấp phép xây dựng, khi thiết kế công trình cụ thể cần đảm bảo các chỉ tiêu sử dụng đất (diện tích đất, diện tích xây dựng mật độ xây dựng, tầng cao...) và các yêu cầu đã khống chế tại bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất, quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch được duyệt và các yêu cầu của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Tiêu chuẩn thiết kế chuyên ngành và các quy định hiện hành liên quan.

Giải pháp tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan trong các ô quy hoạch phải nghiên cứu hài hòa với không gian cảnh quan chung, phù hợp với khí hậu, chức năng sử dụng của công trình, khuyến khích theo hướng kiến trúc xanh, tiết kiệm năng lượng, đảm bảo các yêu cầu về PCCC, thoát người..., diện tích đỗ xe phục vụ cho bản thân công trình và diện tích sân chơi, cây xanh theo quy định. Tuân thủ các quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng Việt Nam và các quy định hiện hành của Nhà nước, Thành phố đối với các công trình có liên quan.

Công trình nhà ở thấp tầng có hình thức đa dạng nhưng thống nhất theo một số kiểu mẫu, có tầng cao, mái và màu sắc thống nhất trong một dãy nhà. Hình thức kiến trúc chủ đạo, ánh sáng, vật liệu hoàn thiện, màu sắc công trình phải phù hợp với không gian chung và tính chất sử dụng của công trình. Thống nhất hình thức hàng rào, có kiến trúc thoáng nhẹ, không bịt kín, cao độ và chiều cao các tầng nhà đảm bảo đồng đều trên mặt đứng các dãy nhà, tuyến phố. Độ vươn ra của các chi tiết kiến trúc như mái đón, bậc thềm, ban công và các chi tiết kiến trúc (gờ, chỉ, phào...) phải đảm bảo tính thống nhất và mối tương quan với các công trình lân cận cho từng khu chức năng và khu vực.

Việc bố trí cây xanh trong khuôn viên các lô đất cần thống nhất chủng loại cây, đảm bảo khoảng cách cây trồng, chiều cao và đường kính thân cây đáp ứng yêu cầu quản lý, sử dụng, không cản trở tầm nhìn giao thông và ảnh hưởng tới công trình hạ tầng đô thị. Sử dụng các nghệ thuật như điêu khắc, hội họa... vào tổ chức các không gian cảnh quan của công trình cũng như không gian cây xanh vườn hoa.

Cổng ra vào, biển hiệu, biển quảng cáo trong các dãy nhà phải đảm bảo hài hòa, thống nhất mối tương quan về kích thước (chiều cao, chiều rộng), hình

thức kiến trúc với các công trình lân cận cho từng khu chức năng, đảm bảo các yêu cầu PCCC đối với công trình xây dựng, mỹ quan đô thị, không ảnh hưởng tới an toàn giao thông, an toàn cho người và công trình khác.

5.5.2 Chiều cao xây dựng công trình

Chiều cao tầng của các công trình được quy định cụ thể đồng nhất cho toàn khu quy hoạch.

5.5.3 Khoảng lùi công trình:

- Khoảng lùi xây dựng là khoảng cách từ chỉ giới đường đỏ đến chỉ giới xây dựng công trình trên từng tuyến phố, nút giao thông và khoảng cách từ chỉ giới xây dựng đến ranh giới lô đất (thửa đất).

- Quy định chỉ giới xây dựng các công trình để tạo ra được khoảng không gian trống và không gian xanh, đồng thời là diện tích để xe, tập trung đông người đối với những công trình công cộng góp phần tạo ra được một không gian kiến trúc cảnh quan đẹp cho đô thị.

- Khoảng lùi tối thiểu so với lộ giới của từng tuyến đường quy hoạch đối với từng công trình kiến trúc trên từng tuyến phố, nút giao thông được quy định tuân thủ theo đúng các tiêu chuẩn và quy chuẩn hiện hành và theo quy hoạch.

- Khoảng lùi đảm bảo nội dung theo quy chuẩn QCVN 01:2021/BXD và Quy chế quản lý kiến trúc thành phố Hà Nội đã được UBND thành phố Hà Nội ban hành tại Quyết định số 73/2024/QĐ-UBND ngày 31/12/2024.

5.5.4 Mật độ xây dựng

Mật độ xây dựng được quy định cụ thể ở các khu chức năng:

- Đối với đất cây xanh mật độ xây dựng không quá 5%.
- Công trình trường mầm non mật độ xây dựng không quá 40%.

Mật độ xây dựng đối với từng chức năng sử dụng đất xác định tại bản vẽ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất và tuân thủ theo quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.

5.4. Chỉ giới xây dựng

- Chỉ giới đường đỏ theo định hướng quy hoạch phân khu được duyệt.
- Chỉ giới xây dựng, khoảng lùi xây dựng được xác định nhằm đảm bảo các yêu cầu về giao thông, và kiến trúc cảnh quan, được xác định tuân theo cấp đường và tuân theo quy chuẩn.
- Chỉ được xây dựng được xác định cụ thể trong ranh giới lô đất.

5.5. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan và thiết kế đô thị

5.5.1 Bố cục tổ chức không gian:

Bản đồ tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan chỉ gợi ý cho giải pháp thiết kế quy hoạch kiến trúc về không gian cảnh quan. Bố cục mặt bằng, hình dáng các công trình xây dựng sẽ được thực hiện cụ thể ở giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng và cấp phép xây dựng, khi thiết kế công trình cụ thể cần đảm bảo các chỉ tiêu sử dụng đất (diện tích đất, diện tích xây dựng mật độ xây dựng, tầng cao...) và các yêu cầu đã khống chế tại bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng

đất, quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch được duyệt và các yêu cầu của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Tiêu chuẩn thiết kế chuyên ngành và các quy định hiện hành liên quan.

Giải pháp tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan trong các ô quy hoạch phải nghiên cứu hài hòa với không gian cảnh quan chung, phù hợp với khí hậu, chức năng sử dụng của công trình, khuyến khích theo hướng kiến trúc xanh, tiết kiệm năng lượng, đảm bảo các yêu cầu về PCCC, thoát người..., diện tích đỗ xe phục vụ cho bản thân công trình và diện tích sân chơi, cây xanh theo quy định. Tuân thủ các quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng Việt Nam và các quy định hiện hành của Nhà nước, Thành phố đối với các công trình có liên quan.

Công trình nhà ở thấp tầng có hình thức đa dạng nhưng thống nhất theo một số kiểu mẫu, có tầng cao, mái và màu sắc thống nhất trong một dãy nhà. Hình thức kiến trúc chủ đạo, ánh sáng, vật liệu hoàn thiện, màu sắc công trình phải phù hợp với không gian chung và tính chất sử dụng của công trình. Thống nhất hình thức hàng rào, có kiến trúc thoáng nhẹ, không bịt kín, cao độ và chiều cao các tầng nhà đảm bảo đồng đều trên mặt đứng các dãy nhà, tuyến phố. Độ vươn ra của các chi tiết kiến trúc như mái đón, bậc thềm, ban công và các chi tiết kiến trúc (gờ, chỉ, phào...) phải đảm bảo tính thống nhất và mối tương quan với các công trình lân cận cho từng khu chức năng và khu vực.

Việc bố trí cây xanh trong khuôn viên các lô đất cần thống nhất chủng loại cây, đảm bảo khoảng cách cây trồng, chiều cao và đường kính thân cây đáp ứng yêu cầu quản lý, sử dụng, không cản trở tầm nhìn giao thông và ảnh hưởng tới công trình hạ tầng đô thị. Sử dụng các nghệ thuật như điêu khắc, hội họa... vào tổ chức các không gian cảnh quan của công trình cũng như không gian cây xanh vườn hoa.

Cổng ra vào, biển hiệu, biển quảng cáo trong các dãy nhà phải đảm bảo hài hòa, thống nhất mối tương quan về kích thước (chiều cao, chiều rộng), hình thức kiến trúc với các công trình lân cận cho từng khu chức năng, đảm bảo các yêu cầu PCCC đối với công trình xây dựng, mỹ quan đô thị, không ảnh hưởng tới an toàn giao thông, an toàn cho người và công trình khác.

5.5.2 Chiều cao xây dựng công trình

Chiều cao tầng của các công trình được quy định cụ thể đồng nhất cho toàn khu quy hoạch.

5.5.3 Khoảng lùi công trình:

- Khoảng lùi xây dựng là khoảng cách từ chỉ giới đường đỏ đến chỉ giới xây dựng công trình trên từng tuyến phố, nút giao thông và khoảng cách từ chỉ giới xây dựng đến ranh giới lô đất (thửa đất).

- Quy định chỉ giới xây dựng các công trình để tạo ra được khoảng không gian trống và không gian xanh, đồng thời là diện tích để xe, tập trung đông người đối với những công trình công cộng góp phần tạo ra được một không gian

kiến trúc cảnh quan đẹp cho đô thị.

- Khoảng lùi tối thiểu so với lộ giới của từng tuyến đường quy hoạch đối với từng công trình kiến trúc trên từng tuyến phố, nút giao thông được quy định tuân thủ theo đúng các tiêu chuẩn và quy chuẩn hiện hành và theo quy hoạch.

- Khoảng lùi đảm bảo nội dung theo quy chuẩn QCVN 01:2021/BXD và Quy chế quản lý kiến trúc thành phố Hà Nội đã được UBND thành phố Hà Nội ban hành tại Quyết định số 73/2024/QĐ-UBND ngày 31/12/2024.

5.5.4 Mật độ xây dựng

Mật độ xây dựng được quy định cụ thể ở các khu chức năng:

- Đối với đất cây xanh mật độ xây dựng không quá 5%.
- Công trình trường mầm non mật độ xây dựng không quá 40%.
- Mật độ xây dựng đối với từng chức năng sử dụng đất xác định tại bản vẽ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất và tuân thủ theo quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.

5.6. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

5.6.1. Giao thông:

- Giao thông trong khu vực nghiên cứu gồm: Đường chính khu vực, đường phân khu vực, đường nội bộ. Bề rộng, mắt cắt đường, chỉ giới đường đỏ chi tiết tại bản vẽ kèm theo đồ án.

- Nhu cầu bãi đỗ xe công cộng cho khu vực nghiên cứu được xác định trên nguyên tắc đảm bảo đủ chỗ đỗ xe cho nhu cầu bản thân cho của từng loại công trình như công cộng, nhà ở biệt thự... và nhu cầu vãng lai từ nơi khác đến với thời gian ngắn.

- Bãi đỗ xe công trình: Các công trình công cộng, nhà ở cao tầng, biệt thự... phải đảm bảo nhu cầu đỗ xe của bản thân công trình theo quy định tại Quy chuẩn xây dựng Việt Nam, hướng dẫn của Bộ Xây Dựng tại công văn số 1245/BXD-KHCN ngày 24/6/2013.

- Sử dụng kết hợp nhiều hình thức bãi đỗ xe (Bãi đỗ xe cao tầng, bãi đỗ xe ngầm, bãi đỗ xe thông minh...) để đáp ứng nhu cầu đỗ xe cho khu vực nghiên cứu và đảm bảo chỉ tiêu nhu cầu đỗ xe tối thiểu.

5.6.2. San nền:

- Cao độ khống chế san nền của khu vực bám theo cốt của quy hoạch phân khu S5 tỷ lệ 1/5000 đã duyệt, đảm bảo khớp nối đồng bộ giữa khu vực quy hoạch xây dựng mới và khu dân cư hiện có, cao độ của các dự án lân cận.

- Cao độ thiết kế cao nhất: 5,15m; cao độ thiết kế thấp nhất: 5,00m. Độ dốc nền thiết kế từ 0,0%-1,00%. Cao độ nền các lô đất xây dựng cao hơn cao độ các tuyến đường giao thông xung quanh từ 0,1-0,3m.

- Cao độ thiết kế đường đồng mức từng khu đất sau khi san nền, các khu vực đào đắp được thể hiện chi tiết trên bản đồ chuẩn bị kỹ thuật.

- Với những đoạn chênh cao độ lớn cần phải có biện pháp gia cố như kè, taluy, tường chắn,...được thể hiện chi tiết trên bình đồ.

5.6.3. Thoát nước mưa:

- Lựa chọn phương án thoát nước mưa tách riêng hoàn toàn với thoát nước thải.

- Lưu vực thoát nước toàn bộ ô đất của dự án từ Bắc xuống Nam, từ Tây sang Đông, đấu nối vào hệ thống cống thoát nước theo quy hoạch phân khu S5.

- Các tuyến cống thoát nước mưa là cống tự chảy, được bố trí trên cơ sở tận dụng tối đa độ dốc của địa hình.

- Độ dốc tính theo độ dốc thuỷ lực, và đối với các tuyến đường có độ dốc lớn lấy độ dốc cống tương đương độ dốc đường đảm bảo độ sâu chôn cống.

5.6.4. Cấp nước:

- Nguồn nước: Từ hệ thống cấp nước tập trung cấp vào hệ thống đường ống cấp nước phân phối D150 theo quy hoạch phân khu đô thị S5.

- Mạng lưới đường ống cấp nước được thiết kế là mạng vòng khép kín kết hợp mạng nhánh.

- Trên các tuyến ống cấp nước bố trí trụ cứu hoả để lấy nước chữa cháy. Khoảng cách các trụ chữa cháy là từ 100-150m.

5.6.5. Hệ thống thoát nước thải, quản lý CTR:

*Thoát nước thải sinh hoạt:

Hệ thống thoát nước thải cho khu quy hoạch là hệ thống thoát nước riêng, nước thải phải được xử lý đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh môi trường và được cơ quan quản lý môi trường cho phép mới được xả vào hệ thống thoát nước chung.

Thiết kế đường cống theo nguyên tắc tự chảy, đảm bảo thoát nước triệt để cho từng ô đất, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch thoát nước mưa - san nền.

- Giai đoạn trước mắt nước thải tập chung chảy về trạm xử lý nước thải công suất dự kiến 450m3/ngđêm tại khu đất công trình hạ tầng kỹ thuật của dự án sau khi đạt tiêu chuẩn chảy ra hệ thống thoát nước chung.

- Đối với các lô đất dự kiến xây dựng nhà thấp tầng, dự kiến bố trí các cống thu gom nước thải đảm bảo khoảng cách đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật khác. Trên hệ thống thu gom bố trí các giếng thăm chờ để đấu nối với hệ thống thoát nước từ bên trong công trình.

- Nước thải sinh hoạt từ các công trình được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại cho từng công trình sau đó được thoát ra mạng lưới thu gom nước thải bên ngoài công trình tập trung về các tuyến cống chính.

- Công suất trạm xử lý nước thải được tính với công suất trung bình do trong trạm đã bố trí bể điều hòa nước thải.

5.6.6. Cấp điện:

- Nguồn điện: Dự kiến đấu nối với lưới điện hiện trạng tại vị trí cột số 34 lộ 474 E1.32 thuộc trạm 110kV Thường Tín.

** Lưới điện trung thế*

- Để đảm bảo kỹ thuật và mỹ quan đô thị, hạ ngầm tuyến đường dây trung thế 22KV đi trong hệ thống hào kỹ thuật cấp đến các trạm biến áp.

+ Trạm biến áp

- Trạm biến áp 22/0,4kV: Để cấp điện cho nhu cầu phụ tải khu vực nghiên cứu cần đầu tư 02 trạm trong đó: 01 trạm công suất 1x630kvA và 01 trạm công suất 2x560kvA.

+ Lưới điện hạ thế

- Lưới 0,4 KV cấp điện đến các khu dân cư được tổ chức theo hình tia. Sử dụng cáp lõi đồng bọc PVC đi ngầm trong hào cáp cấp điện từ trạm biến áp khu vực đến từng tủ điện phân phối đặt trên vỉa hè đường. Mỗi tủ điện phân phối cấp điện cho 6,9,12 hộ dân.

5.6.7. Thông tin liên lạc:

- Nguồn cấp: dự kiến khu vực nghiên cứu được đấu nối từ trục cáp quang theo quy hoạch phân khu S5.

- Toàn bộ chi tiết thiết bị hệ thống thông tin liên lạc sẽ do nhà thầu cung cấp vì trên thực tế tại Việt Nam mỗi nhà thầu có các quy mô và vùng quy hoạch riêng về hệ thống thông tin liên lạc.

- Phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động ứng dụng các công nghệ mới, đồng bộ, hiện đại, đảm bảo mỹ quan đô thị, đảm bảo các tiêu chuẩn về an toàn chất lượng, đáp ứng nhu cầu phát triển trong tương lai.

5.6.8. Đánh giá tác động môi trường:

Khi triển khai lập dự án đầu tư, chủ đầu tư phải thực hiện việc đánh giá tác động môi trường theo Quy định của Luật bảo vệ môi trường năm 2020 và Nghị định 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường, Nghị định 05/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 06/01/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 08/2022/NĐ-CP và các thông tư hướng dẫn về môi trường. Các phương án bảo vệ môi trường đối với Dự án sẽ được chi tiết trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

6. Hồ sơ sản phẩm quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500:

Tuân thủ theo Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn; Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung Thiết kế đô thị; Thông tư 16/2013/TT-BXD ngày 16/10/2013 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013.

7. Quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch.

Ban hành kèm theo Quyết định này.

Chủ tịch UBND xã Nhị Khê chịu trách nhiệm kiểm tra, quản lý, giám sát

việc xây dựng đồng bộ về quy hoạch kiến trúc, hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch được phê duyệt và xử lý các trường hợp xây dựng sai quy hoạch theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

8. Tổ chức thực hiện

Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tổ chức kiểm tra, xác nhận hồ sơ bản vẽ và Quy định quản lý theo đồ án phù hợp với nội dung quyết định phê duyệt này.

UBND xã Nhị Khê chủ trì, phối hợp với Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Thường Tín tổ chức công bố công khai nội dung Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Xây dựng hạ tầng kỹ thuật để đấu giá quyền sử dụng đất khu Nhị Khê 6, huyện Thường Tín, TP Hà Nội cho các tổ chức, cơ quan có liên quan và nhân dân biết, thực hiện. Chịu trách nhiệm về công tác Quản lý và thực hiện quy hoạch xây dựng theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

Các phòng chuyên môn theo chức năng nhiệm vụ được giao, Đội quản lý trật tự xây dựng và đô thị, Chủ tịch UBND xã Nhị Khê chịu trách nhiệm kiểm tra, quản lý, giám sát xây dựng theo quy hoạch được phê duyệt, xử lý các trường hợp xây dựng sai quy hoạch theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Thủ trưởng các cơ quan: Tài chính -Kế hoạch; Nông nghiệp và Môi trường; Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị; Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Thường Tín; Chủ tịch UBND xã Nhị Khê và các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Các Sở: QH-KT; NN&MT; XD;...
- TT Huyện Uỷ- HĐND huyện Thường Tín;
- Lãnh đạo UBND huyện Thường Tín;
- Các phòng, ban của huyện Thường Tín;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT,QLĐT(U.V.Hưng -Ptp. Huy) .

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Xuân Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NHỊ KHÊ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập- Tự do- Hạnh phúc
Số: 51/UBND	*Thường Tín, ngày 06 tháng 5 năm 2025*

V/v Thỏa thuận đấu nối thoát nước, khớp nối hệ thống HTKT dự án: Xây dựng HTKT để đấu giá QSD đất khu Nhị Khê 6, huyện Thường Tín, Tp. Hà Nội.

Kính gửi: Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Thường Tín.

Ủy ban nhân dân xã Nhị Khê nhận được Công văn số 199/TTPTQĐ ngày 17/4/2025 của Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Thường Tín về việc thoả thuận vị trí đấu nối thoát nước vào kênh thủy lợi của dự án: Xây dựng HTKT để đấu giá QSD đất khu Nhị Khê 6, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội. Sau khi nghiên cứu văn bản, hồ sơ thiết kế gửi kèm, Ủy ban nhân dân xã Nhị Khê có ý kiến như sau:

1. Về vị trí đấu nối thoát nước mưa, thoát nước thải và hoàn trả công trình thủy lợi:

- Nhất trí với phương án thoát nước mưa theo đề nghị của đơn vị tại Công văn số 199/TTPTQĐ ngày 17/4/2025 của Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Thường Tín:

+ Hệ thống thoát nước mưa: Nước mưa nội bộ dự án được thu gom vào hệ thống cống BTCT khẩu độ D600-D800 rồi thoát về tuyến cống khẩu độ BxH= 1,5mx1m phía Nam dự án rồi xả vào mương hoàn trả mương T2 (tọa độ điểm xả X=2311178.53 – Y=588362.78). Giai đoạn 2 khi hệ thống thoát nước theo quy hoạch phân khu S5 được phê duyệt đấu nối theo quy hoạch.

+ Hệ thống thoát nước thải: Giai đoạn đầu nước thải của dự án được thu gom về trạm xử lý tập chung công suất 450m3/ngđêm. Nước thải sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường sẽ được bơm thoát ra mương hiện trạng ký hiệu T2 phía Đông dự án (tọa độ điểm xả X=2311403.35 – Y=588373.33) . Giai đoạn 2 đấu nối vào cống thoát nước D300 phía Đông dự án để thoát về trạm xử lý nước thải Đại Áng theo quy hoạch phân khu S5 đã duyệt.

+ Hoàn trả tuyến mương ký hiệu T1 bằng hệ thống cống BxH=0,6x0,6m. Trên hệ thống bố trí các vị trí ga thăm đảm bảo việc thực hiện duy tu kiểm tra công trình.

+ Hoàn trả tuyến mương ký hiệu T2 bằng hệ thống kè kết hợp mương xây hở khẩu độ BxH=1,0x1,0m.

2. Đề nghị Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Thường Tín:

- Theo nội dung Công văn số 199/TTPTQĐ ngày 17/4/2025 của Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Thường Tín và hồ sơ tài liệu gửi kèm theo đề xuất

giải pháp thoát nước mưa, đề xuất giải pháp thoát nước thải phù hợp với thực tế và đảm bảo các quy định hiện hành.

Ủy ban nhân dân xã Nhị Khê phúc đáp Công văn số 199/TTPTQĐ ngày 17/4/2025 của Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Thường Tín với các nội dung trên./.

Nơi nhận:
- Như đề gửi;
- Lưu: VT;

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lê Văn Tạo

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
CÔNG TY NƯỚC SẠCH HÀ NỘI

Số: 845 /NSHN-KT
Về việc thỏa thuận đấu nối cấp nước cho dự án "Xây dựng HTKT để đấu giá QSD đất khu Nhị Khê 6, huyện Thường Tín, TP Hà Nội".

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 14 tháng 5 năm 2025

Kính gửi: Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Thường Tín.

Phúc đáp công văn số 234/TTPTQĐ ngày 25/4/2025 của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Thường Tín về việc thỏa thuận đấu nối cấp nước cho dự án "Xây dựng HTKT để đấu giá QSD đất khu Nhị Khê 6, huyện Thường Tín, TP Hà Nội". Sau khi kiểm tra hồ sơ và hiện trường dự án, Công ty nước sạch Hà Nội có ý kiến trả lời như sau:

1. Đồng ý thỏa thuận về nguyên tắc cấp nước cho Dự án "Xây dựng HTKT để đấu giá QSD đất khu Nhị Khê 6, huyện Thường Tín, TP Hà Nội" với tổng nhu cầu sử dụng nước dự kiến khoảng 604,95 m^3/ngđ theo đăng ký của Quý Cơ quan.

2. Vị trí nguồn cấp nước cho Dự án được kết nối với tuyến ống truyền dẫn DN355 dọc đường Nhị Khê, cách khu đất của Dự án khoảng 180m về phía Đông Bắc. Vị trí đặt đồng hồ tổng ở phía ngoài hàng rào ranh giới của dự án và nằm sau điểm đấu nguồn cho Dự án tại đường Nhị Khê. Kinh phí đấu nối nguồn, lắp đặt đồng hồ tổng và đường ống DN150 *(theo Quy hoạch phân khu đô thị S5)* phía sau đồng hồ tổng sẽ do Chủ đầu tư chi trả.

3. Đề nghị Quý Cơ quan chỉ đạo đơn vị khảo sát thiết kế, đơn vị thi công phối hợp với Công ty nước sạch Hà Nội thống nhất thiết kế bản vẽ thi công, chỉ dẫn, giám sát trước khi phê duyệt.

4. Thỏa thuận này có hiệu lực trong thời gian 24 tháng. Nếu quá thời gian trên hoặc thay đổi chủ trương đầu tư, đề nghị Quý Cơ quan liên hệ với Công ty nước sạch Hà Nội để được rà soát, thỏa thuận lại phù hợp với tiến độ và nhu cầu sử dụng nước của Dự án.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc xin liên hệ với Phòng Kỹ thuật - Công ty Nước sạch Hà Nội, địa chỉ 44 đường Yên Phụ - Ba Đình - Hà Nội; Điện thoại: 024.38294786.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- XN Hoàng Mai (để p/h);
- Lưu KT, HC.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Đặng Ngọc Hải

UỶ BAN NHÂN DÂN **XÃ NHỊ KHÊ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 56 /BC-UBND	*Thường Tín, ngày 5 tháng 6 năm 2025*

BÁO CÁO

V/v Xác nhận diện tích đất trồng lúa 2 vụ tại dự án: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật để đấu giá quyền sử dụng đất khu Nhị Khê 6, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.

Căn cứ văn bản 334/TTPTQĐ ngày 03/6/2025 của Ttrung tâm phát triển quỹ đất huyện Thường Tín về việc xác định diện tích đất trồng lúa 2 vụ và các loại đất khác tại 02 dự án: xây dựng hạ tầng kỹ thuật để đấu giá quyền sử dụng đất khu Nhị Khê 5 và Nhị Khê 6, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.

Uỷ ban nhân dân xã Nhị Khê báo cáo về dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật để đấu giá quyền sử dụng đất khu Nhị Khê 6, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội như sau:

Tổng diện tích đất dự kiến thu hồi để thực hiện dự án khoảng 6,01ha, trong đó diện tích đất trồng lúa 2 vụ khoảng 5,14ha (số hộ liên quan khoảng 68 hộ), diện tích đất còn lại khoảng 0,87ha là đất công ích (đất giao thông nội đồng, đất kênh mương nội đồng) do UBND xã Nhị Khê quản lý.

Trên đây là báo cáo của Uỷ ban nhân dân xã Nhị Khê về việc xác định diện tích đất trồng lúa 2 vụ và các loại đất khác trong ranh giới dự án để Trung tâm phát triển quỹ đất triển khai các công việc tiếp theo theo quy đinh./.

***Nơi nhận*:**
- UBND huyện(để b/c);
- Trung tâm PTQĐ huyện;
- Lưu: VT.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH

Lê Văn Tạo

TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY
ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI

Số: 5620 /BB-EVNHANOI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 19 tháng 6 năm 2025

BIÊN BẢN

Về việc thoả thuận phương án đầu tư cấp nguồn điện cho 04 dự án Khu đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn huyện Thường Tín

Hôm nay, vào hồi 09h30 ngày 20 tháng 05 năm 2025 tại Văn phòng Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội. Chúng tôi gồm:

A. THÀNH PHẦN:

I. ĐẠI DIỆN TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI (EVNHANOI):

1. Ông: Nguyễn Anh Tuấn — Chức vụ: Tổng Giám đốc
2. Ông: Trương Thành Long — Chức vụ: Trưởng Ban Kế hoạch
3. Ông: Phạm Duy Huấn — Chức vụ: Trưởng Ban Kỹ thuật

II. ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT HUYỆN THƯỜNG TÍN:

1. Ông: Trần Văn Hải — Chức vụ: Phó Giám đốc

(Căn cứ Giấy ủy quyền ngày 30/12/2021 về việc ủy quyền một số nội dung công việc thuộc lĩnh vực đấu giá quyền sử dụng đất, đầu tư xây dựng)

B. NỘI DUNG:

Căn cứ Luật Điện lực số 61/2024/QH15 ngày 30/11/2024;

Căn cứ văn bản số 159/TTPTQĐ ngày 03/4/2025 của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Thường Tín về việc thỏa thuận cấp điện cho một số dự án trên địa bàn huyện Thường Tín;

Hai bên đã trao đổi, bàn bạc và cùng thống nhất ký Biên bản thoả thuận với các nội dung như sau:

I. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI:

- Về nguyên tắc, EVNHANOI sẽ đảm bảo cấp điện cho 04 dự án Khu đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn huyện Thường Tín từ hệ thống điện hiện có trong khu vực với công suất dự kiến như sau:

+ Dự án Khu đấu giá quyền sử dụng đất khu phía Bắc thôn Lam Sơn: 1000kVA;

+ Dự án Khu đấu giá quyền sử dụng đất khu Nhị Khê 5: 1260kVA;

+ Dự án Khu đấu giá quyền sử dụng đất khu Nhị Kê 6: 630kVA;

+ Dự án Khu dân cư mới xã Khánh Hà: 400kVA.

- Khi triển khai dự án, đề nghị Chủ Đầu tư liên hệ với EVNHANOI/ Công ty Điện lực Thường Tín để thực hiện thỏa thuận đấu nối cho theo đúng trình tự, thủ tục được quy định tại các Thông tư quy định hệ thống điện phân phối của Bộ Công Thương.

II. TRÁCH NHIỆM CỦA TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT HUYỆN THƯỜNG TÍN:

- Để đảm bảo tiến độ đồng bộ với dự án, Chủ đầu tư chủ động bố trí vốn thực hiện đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật điện từ điểm đấu nối trung thế hiện có trong khu vực về đến trạm biến áp của dự án và hệ thống điện của dự án.

- Bố trí vị trí đất thuộc phạm vi của dự án để xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật điện và xác định vị trí đặt trạm biến áp đảm bảo thuận tiện cho công tác quản lý vận hành, sửa chữa và công tác phòng chống cháy nổ, môi trường theo quy định.

- Sau khi hoàn thành và đưa vào sử dụng, chủ đầu tư cam kết sẽ bàn giao tài sản công trình điện cho EVNHANOI thực hiện theo quy định tại Nghị định số 02/2024/NĐ-CP ngày 10/01/2024 của Chính phủ về việc chuyển giao công trình điện là tài sản công sang Tập đoàn Điện lực Việt Nam để EVNHANOI tiếp nhận tài sản và bán điện đến các khách hàng sử dụng điện.

- Chủ đầu tư thống nhất phối hợp cùng EVNHANOI trong công tác điều chỉnh nhu cầu phụ tải khi cần thiết đảm bảo an toàn, ổn định cung ứng điện của hệ thống trong các trường hợp có yêu cầu từ đơn vị vận hành hệ thống điện.

III. KHUYẾN NGHỊ:

- EVNHANOI đề nghị Chủ đầu tư có kế hoạch đầu tư lắp đặt nguồn máy phát dự phòng cung cấp điện tự dùng trong trường hợp bất khả kháng không thể cấp điện từ hệ thống lưới điện Quốc gia.

- Đề nghị Chủ đầu tư liên hệ với EVNHANOI/ Công ty Điện lực Thường Tín để thống nhất phương án thiết kế trước khi phê duyệt và thực hiện dự án, đảm bảo đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật vận hành của công trình.

- Thông báo cho các khách hàng trong các dự án ký hợp đồng mua bán điện với EVNHANOI khi các khách hàng có nhu cầu sử dụng điện.

- Các đơn vị trực thuộc EVNHANOI có năng lực kinh nghiệm, chức năng thực hiện các công tác như:

+ Công ty Thí nghiệm điện Điện lực Hà Nội: thực hiện công tác thí nghiệm, kiểm định thiết bị điện, kiểm định phương tiện đo.

+ Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Phát triển Điện lực Hà Nội: thực hiện công tác thiết kế, thi công xây lắp, giám sát…

+ Công ty Dịch vụ Điện lực Hà Nội: thực hiện công tác tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát, gia công cơ khí, thi công xây lắp hệ thống điện, dịch vụ quản lý vận hành hệ thống điện; Cung cấp dịch vụ cho thuê Trạm biến áp hợp bộ di động trong quá trình Chủ đầu tư triển khai thi công xây dựng dự án.

+ Ban quản lý dự án lưới điện; Ban quản lý dự án phát triển điện lực: thực hiện công tác quản lý dự án, tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát.

EVNHANOI đề nghị Chủ đầu tư xem xét ký hợp đồng hợp tác với các đơn vị trên khi triển khai dự án.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc hai bên cùng phối hợp thoả thuận để giải quyết.

Biên bản được nhất trí thông qua hồi 11h00 phút cùng ngày; được lập thành 04 bản, Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội giữ 02 bản, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Thường Tín giữ 02 bản./.

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT	**TỔNG CÔNG TY**
HUYỆN THƯỜNG TÍN	**ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI**
KT. GIÁM ĐỐC	**TỔNG GIÁM ĐỐC**
PHÓ GIÁM ĐỐC	
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT HUYỆN THƯỜNG TÍN	TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Trần Văn Hải	**Nguyễn Anh Tuấn**

Nơi nhận:
- Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Thường Tín (02 bản giấy);
- KT, PC (để phối hợp);
- Công ty Điện lực Thường Tín (để phối hợp);
- KH (01 bản giấy);
- EVNHANOIETC; EVNHANOIESC;
- Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Phát triển Điện lực Hà Nội;
- Lưu: VT, KH.

SAO Y; VAN PHONG UY BAN NHAN DAN; 27/06/2025 11:06:50 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc
Số: 3339 /QĐ-UBND	*Hà Nội, ngày 27 tháng 6 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chuyển chủ đầu tư và đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư các dự án đầu tư công, các nhiệm vụ khác khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị quyết số 1656/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Hà Nội năm 2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính; số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 25/02/2025 của HĐND Thành phố về việc thành lập, tổ chức lại các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội;

Căn cứ Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 25/02/2025 của HĐND Thành phố về việc bổ sung kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 với mục tiêu tăng trưởng đạt 8% trở lên;

Căn cứ Quyết định số 15/2022/QĐ-UBND ngày 30/3/2022 của UBND Thành phố Hà Nội quy định một số nội dung về quản lý đầu tư các chương trình, dự án đầu tư công của thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 6399/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 của thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1849/QĐ-UBND ngày 31/3/2025 của UBND Thành phố về việc kéo dài thời hạn thực hiện và giải ngân Kế hoạch đầu tư công năm 2024 sang năm 2025 của các dự án sử dụng ngân sách cấp Thành phố và ngân sách Thành phố hỗ trợ cấp huyện;

Căn cứ các Văn bản của Bộ Tài chính: số 4205/BTC-NSNN ngày 02/4/2025 về việc hướng dẫn nguyên tắc xử lý tài chính, NSNN khi tổ chức lại ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình tổ chức CQĐP 02 cấp; số 4738/BTC-TH ngày 14/4/2025 về việc hướng dẫn chuyển tiếp quản lý các chương trình, nhiệm vụ, dự án, kế hoạch đầu tư công trong quá trình sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy chính quyền địa phương 02 cấp; số 8770/BTC-TH ngày 20/6/2025 về việc hướng dẫn bổ sung về việc chuyển tiếp dự án trụ sở chịu tác động của sắp xếp bộ máy tổ chức 02 cấp;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại các Tờ trình số 7130/TTr-STC ngày 17/6/2025, Tờ trình bổ sung số 7663/TTr-STC ngày 26/6/2025 về việc chuyển chủ đầu tư và đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư các dự án đầu tư công khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chuyển chủ đầu tư, đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư và các nhiệm vụ khác

Chuyển chủ đầu tư, đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư và các nhiệm vụ khác của 26.990 dự án/nhiệm vụ. Chi tiết tại Phụ lục 01, 02 kèm theo.

Điều 2. Giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

- Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, thẩm quyền của cấp quyết định đầu tư đối với chương trình, dự án đầu tư công được giao nhiệm vụ tại Điều 1 Quyết định này mà đã được Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đầu tư theo quy định tại khoản 4 Điều 38 Luật Đầu tư công trước ngày Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ có hiệu lực thi hành.

- Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, thẩm quyền của cấp phê duyệt đối với dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch được giao tại Điều 1 Quyết định này mà đã được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt theo quy định tại khoản 2 Điều 44 Luật Đầu tư công trước ngày Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Trách nhiệm của các đơn vị liên quan

1. Trách nhiệm của đơn vị bàn giao (các chủ đầu tư, Ban Quản lý dự án thuộc cấp huyện trước đây):

a) Tổ chức bàn giao toàn bộ, nguyên trạng hồ sơ, tài liệu, số liệu liên quan đến các dự án tại Điều 1 cho đơn vị tiếp nhận theo đúng nguyên tắc, yêu cầu tại Kế hoạch số 122/KH-UBND ngày 29/4/2025 của UBND Thành phố; chịu trách nhiệm tiếp tục xử lý đối với các hồ sơ, thủ tục đang dở dang (như thẩm định, giải phóng mặt bằng, xác nhận khối lượng hoàn thành...) cho đến khi hoàn tất việc bàn giao.

b) Thủ trưởng, các cá nhân có liên quan của các đơn vị bàn giao chịu trách nhiệm cá nhân trong việc phối hợp bàn giao đầy đủ, trung thực toàn bộ hồ sơ, tài liệu liên quan đến dự án; tiếp tục thực hiện trách nhiệm giải trình về các nội dung, công việc thuộc phạm vi và thời gian quản lý của mình cho đến khi dự án được quyết toán hoàn thành, kể cả sau khi tổ chức bộ máy cũ đã giải thể.

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận bàn giao (chủ đầu tư mới):

a) Chủ động rà soát, tiếp nhận đầy đủ hồ sơ, tài liệu theo biên bản bàn giao; kế thừa toàn bộ các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật để tiếp tục triển khai dự án, đảm bảo không gián đoạn. Kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền và Tổ công tác liên ngành về các khó khăn, vướng mắc (nếu có).

b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật và UBND Thành phố về việc quản lý, triển khai dự án theo quy định kể từ thời điểm tiếp nhận bàn giao.

c) Các xã, phường mới được giao làm chủ đầu tư có trách nhiệm rà soát tính cấp thiết, hiệu quả của các dự án đã tiếp nhận; căn cứ vào năng lực thực hiện và khả năng cân đối vốn, chủ động báo cáo cấp có thẩm quyền đề xuất phương án xử lý đối với các dự án chưa thực sự cấp thiết, đảm bảo không để phát sinh dự án dở dang, gây lãng phí nguồn lực theo đúng quy định của pháp luật và UBND Thành phố.

3. Trách nhiệm của Sở Tài chính:

a) Chịu trách nhiệm toàn diện trước UBND Thành phố, Chủ tịch UBND Thành phố về tính chính xác, đầy đủ, phù hợp của số liệu rà soát, danh mục dự án và phương án đề xuất chuyển chủ đầu tư tại các Tờ trình theo quy định và nguyên tắc đã báo cáo.

b) Là cơ quan đầu mối, chủ trì, đôn đốc công tác bàn giao và tiếp nhận bàn giao. Chủ trì hướng dẫn, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc về tài chính, vốn, thủ tục đầu tư; kịp thời báo cáo, tham mưu UBND Thành phố các vấn đề vượt thẩm quyền.

c) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tiếp tục rà soát, tổng hợp, báo cáo bổ sung về việc chuyển chủ đầu tư các dự án còn lại (nếu có).

d) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình bàn giao, tiếp nhận và triển khai dự án của các chủ đầu tư mới theo Kế hoạch số 122/KH-UBND ngày 29/4/2025 của UBND Thành phố.

e) Trách nhiệm của Tổ công tác liên ngành (thành lập theo Quyết định số 5480/QĐ-STC ngày 14/5/2025 của Sở Tài chính):

- Thực hiện nhiệm vụ theo dõi, kiểm tra, giám sát, đôn đốc toàn diện công tác bàn giao, tiếp nhận và triển khai dự án của các đơn vị theo Quyết định này và Kế hoạch số 122/KH-UBND ngày 29/4/2025 của UBND Thành phố.

- Kịp thời phát hiện và báo cáo UBND Thành phố để chỉ đạo xử lý nghiêm các hành vi vi phạm, chậm trễ, gây thất thoát, lãng phí trong quá trình chuyển giao.

- Định kỳ hoặc đột xuất đánh giá năng lực và hiệu quả triển khai của các chủ đầu tư mới (đặc biệt là cấp xã), trên cơ sở đó tham mưu, đề xuất UBND Thành phố các giải pháp điều phối, hỗ trợ hoặc điều chuyển dự án nếu cần thiết để đảm bảo việc quản lý và triển khai các chương trình, nhiệm vụ, dự án, kế hoạch đầu tư công trên địa bàn liên tục, nhất quán, không bị đình trệ hay gián đoạn do ảnh hưởng của việc sắp xếp, sáp nhập, chia tách đơn vị hành chính.

- Tập trung rà soát, tham mưu UBND Thành phố xử lý dứt điểm các dự án UBND cấp huyện đề nghị dừng thực hiện, đề xuất lựa chọn phương án khác hoặc chờ sắp xếp; không để phát sinh dự án dở dang, công trình "treo", bảo đảm không gây thất thoát, lãng phí nguồn vốn đầu tư và tạo dư luận tiêu cực trong xã hội.

4. Các Sở, ngành và các đơn vị có liên quan có trách nhiệm phối hợp, hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi và giải quyết kịp thời các thủ tục hành chính cho các chủ đầu tư theo đúng chức năng, nhiệm vụ, đảm bảo không làm gián đoạn quá trình triển khai và giải ngân kế hoạch vốn của các dự án.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc các Sở: Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực I; Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã; Chủ tịch UBND các xã, phường; Giám đốc các Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng của Thành phố và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Đảng ủy UBND Thành phố;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các PCT UBND Thành phố;
- VPUB: CVP, các PCVP, Các phòng chuyên môn;
- Lưu: VT, KT.

CHỦ TỊCH

Trần Sỹ Thanh

Phụ lục 2

DANH MỤC DỰ ÁN DO HUYỆN THƯỜNG TÍN THỰC HIỆN TRƯỚC SẮP XẾP CHUYỂN CHỦ ĐẦU TƯ/ĐƠN VỊ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ/NHIỆM VỤ KHÁC UBND XÃ THƯỜNG TÍN

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025 của UBND Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm xây dựng		Chủ trương/ Quyết định dự án đầu tư được duyệt/ QĐ phê duyệt dự toán/ QĐ phê duyệt quyết toán		Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư/Nhiệm vụ khác đã được giao	Chủ đầu tư/ Đơn vị thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư/Nhiệm vụ khác mới sau sắp xếp	Ghi chú
			Trước sắp xếp	Sau sắp xếp	Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
	TỔNG CỘNG	**464**				**16.209.045**			
A	**DỰ ÁN CẤP THÀNH PHỐ**	**272**				**15.572.891**			
1	**DA ĐẦU TƯ CÔNG CẤP THÀNH PHỐ ĐO CẤP HUYỆN THỰC HIỆN TRƯỚC SẮP XẾP**	**16**				**7.419.033**			
1	Xây dựng trụ sở làm việc kết hợp kho tạm giữ phương tiện, tang vật vi phạm đội Thanh tra giao thông huyện Thường Tín	1	Thị trấn Thường Tín	Thường Tín	02/NQ-HĐND ngày 08/4/2022 415/QĐ-SXD ngày 04/7/2023	14.945	UBND huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
2	Cầu vượt nút giao đường tỉnh lộ 427 với đường sắt Bắc - Nam và quốc lộ 1A (cầu vượt Dương Trực Nguyên)	1	Hà Hồi, Thị trấn	Thường Tín	3293/QĐ-UBND ngày 21/6/2023	282.913	UBND huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
3	Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 1A đoạn Km191+700 đến Km193+300 qua địa bàn thị trấn Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Thị trấn	Thường Tín	6565/QĐ-UBND ngày 26/12/2023	499.703	UBND huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
4	Xây dựng trụ sở Huyện ủy - HĐND - UBND huyện Thường Tín	1	Thị trấn Thường Tín	Thường Tín	1206/QĐ-UBND ngày 08/4/2022 57/NQ-HĐND ngày 10/12/2024	497.014	UBND huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
5	Đường Ngọc Hồi - Phú Xuyên đoạn qua địa phận huyện Thường Tín - đoạn từ nút giao đường Vành đai 4 đến đường tỉnh 429 huyện Thường Tín	1	Khánh Hà, Hòa Bình	Thường Tín	14/NQ-HĐND 04/7/2023	416.517	UBND huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
6	Nâng cấp đường tỉnh lộ 427 theo quy hoạch trên địa bàn huyện Thường Tín đoạn từ cầu Chiếc (km8+500) đến cầu Vượt Dương Trực Nguyên (km11+566) - ngã ba Ga-cầu Dừa	1	Hiền Giang, Hòa Bình, Văn Phú, Thị trấn	Thường Tín	28/NQ-HĐND ngày 22/9/2023	653.486	UBND huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
7	Nâng cấp, cải tạo đường tỉnh 427 đoạn từ dốc Vân La - Cầu Dừa đến đường Dương Trực Nguyên kéo dài, kết hợp cải tạo tuyến kênh tiêu 71, huyện Thường Tín	1	Văn Bình, Hà Hồi, Liên Phương, Văn Tảo, Tự Nhiên	Hồng Vân, Thường Tín	42/NQ-HĐND ngày 04/10/2024	1.166.000	UBND huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
8	Cải tạo Nâng cấp trạm Y tế xã Tiền Phong huyện Thường Tín thành phố Hà Nội.	1	Tiền Phong	Thường Tín	9064/QĐ-STC ngày 27/12/2018	9.377	UBND huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
9	Xây dựng Trường THPT Thường Tín, huyện Thường Tín ở vị trí mới	1	Thị trấn Thường Tín	Xã Thường Tín	5976/QĐ-UBND 31/10/2018; 1023/QĐ-UBND 2/3/2021	105.900	UBND huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
10	Cải tạo, nâng cấp mặt đê sông Nhuệ các đoạn từ Tân Minh đến Hiền Giang, từ UBND xã Hiền Giang đến cầu Đen xã Khánh Hà, từ lối rẽ chùa Đậu đến cầu Đông Quan, huyện Thường Tín	1	Khánh Hà, Hòa Bình, Nhị Khê, Hiền Giang, Tân Minh	Thường Tín, Thượng Phúc	5940/QĐ-UBND 31/10/2018; 2146/QĐ-UBND 14/5/2021	62.166	UBND huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm xây dựng		Chủ trương/ Quyết định dự án đầu tư được duyệt/ QĐ phê duyệt dự toán/ QĐ phê duyệt quyết toán		Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư/Nhiệm vụ khác đã được giao	Chủ đầu tư/ Đơn vị thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư/Nhiệm vụ khác mới sau sắp xếp	Ghi chú
			Trước sắp xếp	Sau sắp xếp	Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
11	Mở rộng Quốc lộ 1A đoạn Km189 đến Km194 qua địa bàn huyện Thường Tín	1	Duyên Thái, Nhị Khê, Hòa Bình, Thị Trấn, Hà Hồi	Thường Tín	1503/QĐ-UBND 29/3/2019; 1369/QĐ-UBND 22/3/2021; 728/QĐ-UBND 02/02/2023	247.268	UBND huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
12	Cải tạo, chỉnh trang đường tỉnh lộ 427 đoạn từ QL21 B đến nút giao Khê Hồi (đường cao tốc Pháp Vân - Cầu Giẽ) trên địa bàn huyện Thường Tín	1	Hà Hồi, Văn Bình, Thị trấn	Thường Tín, Hồng Vân	5951/QĐ-UBND 31/10/2018; 4082/QĐ-UBND 06/9/2021; 1755/QĐ-UBND 27/3/2023; 6551/QĐ-UBND 25/12/2023	200.610	UBND huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
13	Công trình trọng điểm 2021-2025. Đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 - Vùng Thủ đô Hà Nội	1	Khánh Hà, Hiền Giang, Nhị Khê, Văn Bình, Duyên Thái, Văn Tảo, Hồng Vân	Thường Tín, Hồng Vân	1012/QĐ-UBND ngày 16/02/2023	2.500.000	UBND huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
14	Cải tạo, nâng cấp đê sông Nhuệ trên địa bàn các xã: Khánh Hà, Hòa Bình, Hiền Giang, Tân Minh và Nghiêm Xuyên, huyện Thường Tín	1	Khánh Hà, Hòa Bình, Hiền Giang, Tân Minh và Nghiêm Xuyên	Thường Tín, Thương Phúc	23/NQ-HĐND 23/9/2021 2348/QĐ-UBND ngày 06/5/2022	197.782	UBND huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
15	Nạo vét, gia cố bờ sông Tô Lịch huyện Thường Tín (khơi thông dòng chảy, kè, nâng cấp mặt đê tạo cảnh quan, bộ hành 2 bờ sông Tô Lịch dài 7Km trên địa bàn huyện Thường Tín)	1	Hòa Bình, Nhị Khê, Duyên Thái	Thường Tín, Hồng Vân	14/NQ-HĐND 06/7/2022	223.273	UBND huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
16	Xây dựng 05 hạ tầng khu tái định cư phục vụ GPMB Dự án mở rộng đường quốc lộ 1A đoạn từ Km189-Km193+300 theo quy hoạch	1	Nhị Khê, Văn Bình, Thị trấn, Hà Hồi, Quất Động	Thường Tín, Hồng Vân, Thương Phúc	41/NQ-HĐND 08/12/2023	431.079	UBND huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
II	**DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI THỰC HIỆN TRƯỚC SẮP XẾP**	**2**				**197.366**			
1	Xây dựng trung tâm giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Thường Tín ở vị trí mới	1	Văn Phú	Thường Tín	4577/QĐ-UBND ngày 13/11/2020 01/NQ-HĐND ngày 12/4/2023	136.712	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
2	Cải tạo, nâng cấp hệ thống đường trục xã Tiền Phong, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Tiền Phong	Thường Tín	5668/QĐ-UBND ngày 05/10/2023	60.654	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
III	**DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN ĐỒNG BÀO DÂN TỘC MIỀN NÚI THỰC HIỆN SẮP XẾP**								
IV	**DỰ ÁN SỬ DỤNG NSTP MỤC TIÊU THỰC HIỆN TRƯỚC SẮP XẾP**	**21**				**645.826**			
IV.1	**THPT**	1				**44.208**			

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm xây dựng		Chủ trương/ Quyết định dự án đầu tư được duyệt/ QĐ phê duyệt dự toán/ QĐ phê duyệt quyết toán		Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư/Nhiệm vụ khác đã được giao	Chủ đầu tư/ Đơn vị thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư/Nhiệm vụ khác mới sau sắp xếp	Ghi chú
			Trước sắp xếp	Sau sắp xếp	Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Xây dựng trường THPT Nguyễn Trãi, xã Nhị Khê, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Nhị Khê	Thường Tín	01/NQ-HĐND ngày 12/4/2023 3963/QĐ-UBND ngày 29/6/2023	44.208	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
IV.2	**Mầm non, Tiểu học, THCS**	**6**				**152.371**			
1	Trường mầm non Hòa Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Hòa Bình	Thường Tín	4542/QĐ-UBND ngày 25/11/2021	31.853	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
2	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Hòa Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Hòa Bình	Thường Tín	4409/QĐ-UBND ngày 19/11/2021	14.063	UBND huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
3	Xây dựng trường tiểu học Văn Phú, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội, Hạng mục: Nhà lớp học, khu hiệu bộ, phòng chức năng và các hạng mục phụ trợ khác	1	Văn Phú	Thường Tín	3144/QĐ-UBND ngày 12/8/2021	28.559	UBND huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
4	Cải tạo, nâng cấp trường THCS Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Văn Bình	Thường Tín	4490 ngày 10/11/2020 26/NQ-HĐND ngày 05/10/2022	27.777	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
5	Cải tạo, nâng cấp trường THCS Nhị Khê, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Nhị Khê	Thường Tín	4191 ngày 30/10/2019	12.325	UBND huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
6	Trường tiểu học Tiền Phong, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội; Hạng mục: Nhà lớp học, nhà hiệu bộ, nhà đa năng và các công trình phụ trợ	1	Tiền Phong	Thường Tín	3912/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 10/NQ-HĐND ngày 11/7/2023	37.794	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
IV.3	**Di tích**	**3**				**224.917**			
1	Tu bổ, tôn tạo di tích đền Văn Trai, xã Văn Phú, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Văn Phú	Thường Tín	09/NQ-HĐND ngày 12/5/2022 4201/QĐ-UBND ngày 12/7/2023	9.983	UBND huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
2	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Thụy Ứng, xã Hoà Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Hoà Bình	Thường Tín	09/NQ-HĐND ngày 12/5/2022 26/NQ-HĐND ngày 05/10/2022 23/NQ-HĐND ngày 18/10/2024	13.610	UBND huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
3	Xây dựng khu lưu niệm anh hùng dân tộc, danh nhân văn hóa Nguyễn Trãi tại xã Nhị Khê, huyện Thường Tín, TP Hà Nội	1	Nhị Khê	Thường Tín	01/NQ-HĐND ngày 18/5/2020 28/NQ-HĐND ngày 21/11/2022 05/NQ-HĐND ngày 09/4/2024	201.324	UBND huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
IV.4	**Y tế**	**3**				**21.963**			
1	Xây trạm y tế xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Văn Bình	Thường Tín	7815/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	7.395	UBND huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
2	Cải tạo, nâng cấp trạm y tế xã Văn Phú, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Văn Phú	Thường Tín	2970/QĐ-UBND ngày 15/6/2022	7.958	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
3	Cải tạo, nâng cấp trạm y tế xã Hiền Giang, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Hiền Giang	Thường Tín	5439/QĐ-UBND ngày 24/12/2021	6.610	UBND huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm xây dựng		Chủ trương/ Quyết định dự án đầu tư được duyệt/ QĐ phê duyệt dự toán/ QĐ phê duyệt quyết toán		Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư/Nhiệm vụ khác đã được giao	Chủ đầu tư/ Đơn vị thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư/Nhiệm vụ khác mới sau sắp xếp	Ghi chú
			Trước sắp xếp	Sau sắp xếp	Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
IV.5	**HTKT**	**8**				**202.367**			
1	Xây dựng tuyến đường Danh Hương (đoạn từ đường 427 đến đường Dương Chính) huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Thị trấn Thường Tín	Thường Tín	4176/QĐ-UBND 28/10/2019	61.188	UBND huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
2	Đường trục chính xã Tiền Phong (đoạn từ Cầu Xèm đi Định Quán), huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Tiền Phong	Thường Tín	4314/QĐ-UBND ngày 22/10/2020	22.067	UBND huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
3	Đường Lê Tông Quang, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Thị trấn - Văn Bình	Thường Tín	4818/QĐ-UBND ngày 30/11/2020	41.329	UBND huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
4	Đường trục xã Văn Bình (đoạn từ vành đai 4 đến trung tâm văn hóa xã) huyện Thường Tín, TP Hà Nội	1	Văn Bình	Thường Tín	3911/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	38.517	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
5	Đường trục xã Hòa Bình (đoạn từ đường liên xã Hòa Bình - Nhị Khê đi TL 427), huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Hòa Bình	Thường Tín	4541/QĐ-UBND ngày 25/11/2021	35.000	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
6	Nhà văn hoá thôn Thượng Cung, xã Tiền Phong, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Tiền Phong	Thường Tín	211/QĐ-UBND ngày 20/5/2021	4.071	UBND xã Tiền Phong (huyện Thường Tín)	UBND xã Thường Tín	
7	Nhà văn hoá thôn Định Quán, xã Tiền Phong, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Tiền Phong	Thường Tín	212/QĐ-UBND ngày 20/5/2021	4.851	UBND xã Tiền Phong (huyện Thường Tín)	UBND xã Thường Tín	
8	Cải tạo, nâng cấp nhà văn hoá thôn Hoàng Xá, xã Khánh Hà, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Khánh Hà	Thường Tín	218/QĐ-UBND ngày 09/12/2020	2.344	UBND xã Khánh Hà (huyện Thường Tín)	UBND xã Thường Tín	
IV.6	**Ban chỉ huy quân sự xã**								
IV.7	**CHI ĐẦU TƯ TRỞ LẠI CHO CÁC QUẬN, HUYỆN, THỊ XÃ TỪ TIỀN THUÊ ĐẤT TRẢ TIỀN MỘT LẦN**								
V	**DỰ ÁN SỬ DỤNG 100% NGÂN SÁCH HUYỆN TRƯỚC SẮP XẾP**	**232**				**7.304.929**			
1	Cải tạo, chỉnh trang hệ thống giao thông đường trục xã; HM: Tường rào, rãnh thoát nước qua CCN Liên Phương vào khu đấu giá đất và tường ngăn các CCN Tiền Phong	1	Xã Liên Phương, xã Tiền Phong	Xã Hồng Vân, xã Thường Tín	7799/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	3.488	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
2	Đường Nguyễn Vĩnh Tiếh, thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Thị trấn Thường Tín	Thường Tín	6307/QĐ-UBND ngày 1/11/2023	14.827	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
3	Nâng cấp cải tạo cứng hoá kênh B7 kết hợp làm đường liên xã Nhị Khê Hoà Bình, huyện Thường Tín, Hà Nội	1	Xã Nhị Khê, Hoà Bình	Thường Tín	288/QĐ-UBND ngày 03/3/2016	23.710	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm xây dựng		Chủ trương/ Quyết định dự án đầu tư được duyệt/ QĐ phê duyệt dự toán/ QĐ phê duyệt quyết toán		Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư/Nhiệm vụ khác đã được giao	Chủ đầu tư/ Đơn vị thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư/Nhiệm vụ khác mới sau sắp xếp	Ghi chú
			Trước sắp xếp	Sau sắp xếp	Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
4	Trường tiểu học Nguyễn Du,huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Thị Trấn	Xã Thường Tín	5088/QĐ-UBND ngày 17/12/2020	26.965	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
5	Trường THCS Khánh Hà	1	xã Khánh Hà	xã Thường Tín	5634/QĐ-UBND ngayf/12/2020	12.029	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
6	Trường mầm non Hiền Giang GĐ2, huyện Thường Tín, TP Hà Nội	1	Xã hiền Giang	Xã Thường Tín	3515/QĐ-UBND ngày 10/10/2018 Đ/c: 4454/QĐ-UBND ngày 06/11/2020	13.209	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
7	Trường MN Văn Phú, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Văn Phú	Thường Tín	4794 /QĐ-UBND ngày 11/12/2019	39.169	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
8	Trường THCS Tiền Phong, huyện Thường Tín, Hà Nội	1	Tiền Phong	Thường Tín	1894/QĐ-UBND ngày 7/6/2019	14.998	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
9	Trường THCS Tiền Phong (Giai đoạn 2), huyện Thường Tín, Hà Nội. HM: Nhà hiệu bộ, nhà lớp học bộ môn, nhà đa năng và các công trình phụ trợ	1	Tiền Phong	Thường Tín	2090/QĐ-UBND ngày 15/6/2020	24.402	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
10	Trường mầm non chất lượng cao, huyện Thường Tín, Hà Nội	1	Thị trấn Thường Tín	Thường Tín	1828/QĐ-UBND ngày 30/5/2019	44.595	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
11	Trường THCS Hoà Bình, huyện Thường Tín, Hà Nội	1	Hòa Bình	Thường Tín	QĐ 3152/QĐ-UBND ngày 9/8/2019	17.470	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
12	Khu trung tâm Trường mầm non Hòa Bình, huyện Thường Tín, Hà Nội	1	Hòa Bình	Thường Tín	1253/QĐ-UBND ngày 16/4/2021	25.000	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
13	Trường Tiểu học Nhị Khê, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội,	1	xã Nhị Khê	Thường Tín	3392/QĐ-UBND ngày 31/10/17	13.470	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
14	Trạm y tế xã Hòa Bình	1	xã Hòa Bình	xã Thường Tín	1843/QĐ-UBND ngày 09/6/2021	6.043	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm xây dựng		Chủ trương/ Quyết định dự án đầu tư được duyệt/ QĐ phê duyệt dự toán/ QĐ phê duyệt quyết toán		Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư/Nhiệm vụ khác đã được giao	Chủ đầu tư/ Đơn vị thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư/Nhiệm vụ khác mới sau sắp xếp	Ghi chú
			Trước sắp xếp	Sau sắp xếp	Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
15	Trạm y tế xã Khánh Hà, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội. HM: Nhà khám bệnh và điều trị 2 tầng, nhà ăn và các hạng mục phụ trợ	1	Khánh Hà	xã Thường Tín	3332/QĐ-UBND ngày 4/9/2019	6.667	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
16	Đường Nguyễn Đạt, thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín, Hà Nội	1	Thị trấn Thường Tín	Thường Tín	3320/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	5.668	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
17	Đường giao thông liên xã Hòa Bình - Nhị Khê (đoạn từ đường tỉnh lộ 427 qua thôn Thụy Ứng), xã Hòa Bình, huyện Thường Tín, HN. HM: Nền, mặt đường, kè và hệ thống thoát nước	1	Hòa Bình	Thường Tín	5064/QĐ-UBND ngày 29/8/2016	14.993	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
18	Điểm đỗ xe buýt trung tâm Thường Tín, huyện Thường Tín, HN	1	Thị trấn Thường Tín	Thường Tín	1198/QĐ-UBND ngày 28/3/2019	5.612	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
19	Cầu qua thôn Trát Cầu xã Tiền Phong (cầu Tiền Phong 2)	1	Tiền Phong	Thường Tín	3333/QĐ-UBND ngày 4/9/2019	14.979	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
20	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thu gom nước thải thôn Thụy Ứng, xã Hòa Bình, huyện Thường Tín, Hà Nội	1	Hòa Bình	Thường Tín	4703/QĐ-UBND ngày 26/11/2020	1.625	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
21	CT, NC đường Nhị Khê Khánh Hà (đoạn Cầu Vân -Cầu Đen)	1	Xã Nhị Khê Khánh Hà	Xã Thường Tín	5169/QĐ-UBND ngày 28/12/18	24.553	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
22	Đường trục thôn Liễu Nội xã Khánh Hà HM: Nền mặt đường hệ thống thoát nước mương thủy lợi, kè xây và ATGT.	1	xã Khánh Hà	Xã Thường Tín	6004/QĐ-UBND ngày 28/10/16	11.958	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
23	Đường trục LX Nhị Khê	1	Nhị Khê	Thường Tín	616/QĐ-UBND ngày 28/3/2013	49.987	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
24	Xây dựng trung tâm văn hóa thể thao huyện Thường Tín; HM: San nền phục vụ xây dựng sân vận động; Tuyến đường số 6	1	Thị trấn Thường Tín	Thường Tín	3574/QĐ-UBND ngày 24/9/2019	14.441	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
25	Cải tạo, nâng cấp trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Khánh Hà; Hạng mục: Nhà làm việc 02 tầng và các công trình phụ trợ	1	xã Khánh Hà	Xã Thường Tín	3724/QĐ-UBND ngày 24/10/18	5.730	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm xây dựng		Chủ trương/ Quyết định dự án đầu tư được duyệt/ QĐ phê duyệt dự toán/ QĐ phê duyệt quyết toán		Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư/Nhiệm vụ khác đã được giao	Chủ đầu tư/ Đơn vị thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư/Nhiệm vụ khác mới sau sắp xếp	Ghi chú
			Trước sắp xếp	Sau sắp xếp	Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
26	Xây dựng trường mầm non tại ô quy hoạch C3-4 và C3-6, xã Nhị Khê, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Nhị Khê	Thượng Phúc	12/NQ-HĐND ngày 14/7/2022	54.948	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
27	Xây dựng Trường THCS Khánh Hà, huyện Thường Tín, TP Hà Nội	1	Khánh Hà	Thường Tín	05/NQ-HĐND ngày 09/4/2024	156.814	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
28	Đường từ kênh Y1-12b trục chính xã Tiền Phong đi huyện Thanh Oai, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Tiền Phong	Thường Tín	25/NQ-HĐND ngày 29/9/2021	65.000	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
29	Đường từ UBND xã Tiền Phong đi xã Tân Ước-huyện Thanh Oai, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Tiền Phong	Thường Tín	25/NQ-HĐND ngày 29/9/2021	52.000	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
30	Xây dựng nâng cấp mở rộng đường giao thông bờ tả đê sông Xém, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Văn Phú	Thường Tín	26/NQ-HĐND ngày 05/10/2022	65.158	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
31	Cải tạo, nâng cấp hệ thống giao thông trung tâm xã Hiền Giang, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Hiền Giang	Thường Tín	10/NQ-HĐND ngày 11/7/2023	54.197	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
32	Đường từ Quốc lộ 1A đi xã Hòa Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Hòa Bình	Thường Tín	19/NQ-HĐND ngày 24/10/2023	28.105	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
33	Xây dựng tuyến đường từ trạm bơm thôn Nhuệ Giang đi thôn Từ Am, trên địa bàn xã Hiền Giang, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Hiền Giang	Thường Tín	05/NQ-HĐND ngày 09/4/2024	41.991	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
34	Cải tạo, sửa chữa, đảm bảo an toàn giao thông phục vụ các xã Nông thôn mới nâng cao, Nông thôn mới kiểu mẫu năm 2024, trên địa bàn huyện Thường Tín, TP. Hà Nội	1	Huyện Thường Tín	Thường Tín, Phú Xuyên, Hồng Vân, Chương Dương, Thượng Phúc	12/NQ-HĐND ngày 10/7/2024	14.980	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
35	Xây dựng trung tâm văn hóa, thể thao thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Thị trấn	Thường Tín	25/NQ-HĐND ngày 29/9/2021	26.295	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm xây dựng		Chủ trương/ Quyết định dự án đầu tư được duyệt/ QĐ phê duyệt dự toán/ QĐ phê duyệt quyết toán		Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư/Nhiệm vụ khác đã được giao	Chủ đầu tư/ Đơn vị thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư/Nhiệm vụ khác mới sau sắp xếp	Ghi chú
			Trước sắp xếp	Sau sắp xếp	Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
36	Xây dựng trung tâm văn hoá - thể thao xã Văn Phú, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Văn Phú	Thường Tín	01/NQ-HĐND ngày 12/4/2023	79.965	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
37	Xây dựng trung tâm văn hoá xã Hoà Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Hoà Bình	Thường Tín	01/NQ-HĐND ngày 12/4/2023	60.187	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
38	Xây dựng trung tâm văn hoá xã Hiền Giang, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Hiền Giang	Thường Tín	01/NQ-HĐND ngày 12/4/2023	78.389	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
39	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Ngọc Động, xã Tiền Phong, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Tiền Phong	Thường Tín	10/NQ-HĐND ngày 11/7/2023	14.968	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
40	Tu bổ, tôn tạo cụm di tích đình - miếu Hoàng Xá, xã Khánh Hà, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội	1	Khánh Hà	Thường Tín	10/NQ-HĐND ngày 11/7/2023	14.955	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
41	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Liễu Nội, xã Khánh Hà, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội	1	Khánh Hà	Thường Tín	10/NQ-HĐND ngày 11/7/2023	5.121	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
42	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Liễu Ngoại, xã Khánh Hà, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Khánh Hà	Thường Tín	05/NQ-HĐND ngày 09/4/2024	14.989	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
43	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Đỗ Hà, xã Khánh Hà, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Khánh Hà	Thường Tín	05/NQ-HĐND ngày 09/4/2024	14.963	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
44	Tu bổ, tôn tạo di tích đền Văn Hội, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội	1	Văn Bình	Thường Tín	05/NQ-HĐND ngày 09/4/2024	9.321	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
45	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Dương Hiền, xã Hòa Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Hoà Bình	Thường Tín	05/NQ-HĐND ngày 09/4/2024	12.973	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
46	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Vân Trai, xã Văn Phú, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Văn Phú	Thường Tín	05/NQ-HĐND ngày 09/4/2024	14.921	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm xây dựng		Chủ trương/ Quyết định dự án đầu tư được duyệt/ QĐ phê duyệt dự toán/ QĐ phê duyệt quyết toán		Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư/Nhiệm vụ khác đã được giao	Chủ đầu tư/ Đơn vị thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư/Nhiệm vụ khác mới sau sắp xếp	Ghi chú
			Trước sắp xếp	Sau sắp xếp	Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
47	Tu bổ, tôn tạo di tích đền Trát Cầu, xã Tiền Phong, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Tiền Phong	Thường Tín	05/NQ-HĐND ngày 09/4/2024	14.964	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
48	Trung tâm Văn hóa - Thông tin và thể thao kết hợp khu trưng bày các sản phẩm làng nghề OCOP huyện Thường Tín	1	Thị trấn	Thường Tín	12/NQ-HĐND ngày 10/7/2024	160.000	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
49	Mua sắm, lắp đặt trang thiết bị phục vụ hoạt động của nhà truyền thống, thư viện huyện Thường Tín	1	Thị trấn	Thường Tín	12/NQ-HĐND ngày 10/7/2024	4.172	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
50	Sân vận động Phú Thường, hạng mục: Mái che khán đài	1	Thị trấn	Thường Tín	1888b/QĐ-UBND ngày 18/4/2025	17.099	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
51	Nâng cấp, cải tạo, nạo vét hệ thống công trình thuỷ lợi trên địa bàn các xã: Khánh Hà, Hoà Bình, Hà Hồi, Quất Động, Văn Tảo, Thư Phú, Tự Nhiên, Chương Dương, Ninh Sở, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Khánh hà, Hòa Bình, Hà Hồi, Quất Động, Văn Tảo, Thư Phú, Tự Nhiên, Chương Dương,	Thường Tín, Thượng Phúc, Hồng Vân, Chương Dương	25/NQ-HĐND ngày 29/9/2021	3.771	UBND huyện Thường Tín/Phòng NN&MT	UBND xã Thường Tín	
52	Nâng cấp, cải tạo, nạo vét hệ thống công trình thuỷ lợi trên địa bàn các xã: Hoà Bình, Khánh Hà, Ninh Sở, Tự Nhiên, Chương Dương, Thư Phú, Văn Tảo, Hà Hồi, Quất Động, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Hòa Bình, Khánh Hà, Ninh Sở, Tự Nhiên, Chương Dương, Thư Phú, Văn Tảo, Hà Hồi, Quất Động	Thường Tín, Hồng Vân, Thượng Phúc, Chương DƯơng	25/NQ-HĐND ngày 29/9/2021	3.763	UBND huyện Thường Tín/Phòng NN&MT	UBND xã Thường Tín	
53	Nâng cấp, cải tạo, nạo vét hệ thống công trình thuỷ lợi trên địa bàn các xã: Hiền Giang, Tiền Phong, Tân Minh, Nguyễn Trãi, Văn Phú, Văn Bình, Liên Phương, Duyên Thái, Nhị Khê, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Hiền Giang, Tiền Phong, Tân Minh, Nguyễn Trãi, Văn Phú, Văn Bình, Liên Phương, Duyên Thái, Nhị Khê	Thường Tín, Hồng Vân, Thượng Phúc,	25/NQ-HĐND ngày 29/9/2021	3.741	UBND huyện Thường Tín/Phòng NN&MT	UBND xã Thường Tín	
54	Cải tạo hệ thống kênh thoát nước kết hợp chỉnh trang vỉa hè đoạn qua trước cửa UBND xã Nhị Khê, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Nhị Khê	Thường Tín	35/NQ-HĐND ngày 14/12/2022	9.850	UBND huyện Thường Tín/Phòng NN&MT	UBND xã Thường Tín	
55	Cải tạo, nâng cấp tuyến kênh B9 xã Khánh Hà, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Khánh Hà	Thường Tín	27/NQ-HĐND ngày 15/12/2023	11.769	UBND huyện Thường Tín/Phòng NN&MT	UBND xã Thường Tín	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm xây dựng		Chủ trương/ Quyết định dự án đầu tư được duyệt/ QĐ phê duyệt dự toán/ QĐ phê duyệt quyết toán		Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư/Nhiệm vụ khác đã được giao	Chủ đầu tư/ Đơn vị thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư/Nhiệm vụ khác mới sau sắp xếp	Ghi chú
			Trước sắp xếp	Sau sắp xếp	Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
56	Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa các trạm bơm Cống Xuyên, Xóm Mới, Bãi Cà, Trẻ Vực, Quán Hiền, Chi Nhiệm, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội	1	Nghiêm Xuyên, Tiền Phong, Hà Hồi, Thư Phú	Thường Tín, Thượng Phúc, Hồng Vân	27/NQ-HĐND ngày 15/12/2023	9.024	UBND huyện Thường Tín/Phòng NN&MT	UBND xã Thường Tín	
57	Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa các trạm bơm An Định, An Lãng, Nguyên Hanh 1, Chương Dương, Quang Hiển, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Tô Hiệu, Văn Tự, Chương Dương, Hiền Giang	Phú Xuyên, Chương Dương, Thường Tín	27/NQ-HĐND ngày 15/12/2023	10.168	UBND huyện Thường Tín/Phòng NN&MT	UBND xã Thường Tín	
58	Nâng cấp, cải tạo hệ thống các công trình thủy lợi xã Tiền Phong, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Tiền Phong	Thường Tín	05/NQ-HĐND ngày 09/4/2024	14.986	UBND huyện Thường Tín/Phòng NN&MT	UBND xã Thường Tín	
59	Xây dựng hệ thống nước thải làng nghề xã Hòa Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Hòa Bình	Thường Tín	25/NQ-HĐND ngày 29/9/2021	60.000	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
60	Cải tạo các hồ trên địa bàn xã Hoà Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Hòa Bình	Thường Tín	01/NQ-HĐND ngày 12/4/2023	33.080	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
61	Cải tạo, chỉnh trang nghĩa trang nhân dân xã Hoà Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Hòa Bình	Thường Tín	01/NQ-HĐND ngày 12/4/2023	17.161	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
62	Giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch để đấu giá quyền sử dụng đất một phần của ô quy hoạch ký hiệu C3-4 và C3-6 thuộc quy hoạch phân khu đô thị S5 tại xã Nhị Khê, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Nhị Khê	Thường Tín	25/NQ-HĐND ngày 29/9/2021	189.349	Trung tâm PTQĐ huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
63	Giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch để đấu giá quyền sử dụng đất khu đô thị 3A tại xã Nhị Khê, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Nhị Khê	Thường Tín	25/NQ-HĐND ngày 29/9/2021	98.394	Trung tâm PTQĐ huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
64	Giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch để đấu giá quyền sử dụng đất khu đô thị 3B tại xã Nhị Khê, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Nhị Khê	Thường Tín	25/NQ-HĐND ngày 29/9/2021	122.685	Trung tâm PTQĐ huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
65	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất khu Đồ Kiển, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Văn Bình	Thường Tín	25/NQ-HĐND ngày 29/9/2021	60.627	Trung tâm PTQĐ huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
66	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất ở xã Khánh Hà, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Khánh Hà	Thường Tín	25/NQ-HĐND ngày 29/9/2021	70.725	Trung tâm PTQĐ huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm xây dựng		Chủ trương/ Quyết định dự án đầu tư được duyệt/ QĐ phê duyệt dự toán/ QĐ phê duyệt quyết toán		Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư/Nhiệm vụ khác đã được giao	Chủ đầu tư/ Đơn vị thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư/Nhiệm vụ khác mới sau sắp xếp	Ghi chú
			Trước sắp xếp	Sau sắp xếp	Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
67	Giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch để đấu giá quyền sử dụng đất khu đô thị 1A tại xã Nhị Khê, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Nhị Khê	Thượng Phúc	25/NQ-HĐND ngày 29/9/2021	149.270	Trung tâm PTQĐ huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
68	Giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch để đấu giá quyền sử dụng đất một phần của ô quy hoạch ký hiệu C3-6 thuộc quy hoạch phân khu đô thị S5 tại xã Nhị Khê, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.	1	Nhị Khê	Thượng Phúc	25/NQ-HĐND ngày 29/9/2021	95.883	Trung tâm PTQĐ huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
69	Giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch để đấu giá quyền sử dụng đất khu đất dịch vụ - thương mại Bách Nghệ Vinh tại thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Thị trấn	Thường Tín	25/NQ-HĐND ngày 29/9/2021	4.984	Trung tâm PTQĐ huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
70	Hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất ở vị trí Dọc Quan, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Văn Bình	Thường Tín	09/NQ-HĐND ngày 12/5/2022	657	Trung tâm PTQĐ huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
71	Giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch để đấu giá QSD đất khu đất quy hoạch trung tâm thương mại Sơn Nam tại thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Thị trấn	Thường Tín	26/NQ-HĐND ngày 05/10/2022	7.591	Trung tâm PTQĐ huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
72	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật để đấu giá QSD đất ở tại khu Khánh Hà 1, xã Khánh Hà, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Khánh Hà	Thường Tín	10/NQ-HĐND ngày 11/7/2023	304.005	Trung tâm PTQĐ huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
73	Xây dựng HTKT để đấu giá QSD đất ở tại vị trí 2 tại xã Văn Phú, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Văn Phú	Thường Tín	05/NQ-HĐND ngày 09/4/2024	45.574	Trung tâm PTQĐ huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
74	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật để đấu giá QSD đất khu Nhị Khê 3, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Nhị Khê	Thường Tín	05/NQ-HĐND ngày 09/4/2024	103.471	Trung tâm PTQĐ huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
75	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật để đấu giá QSD đất khu Nhị Khê 4, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Nhị Khê	Thường Tín	05/NQ-HĐND ngày 09/4/2024	80.990	Trung tâm PTQĐ huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
76	Xây dựng HTKT điểm dân cư nông thôn tại thôn Quất Hiến, xã Hòa Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Hòa Bình	Thường Tín	23/NQ-HĐND ngày 18/10/2024	72.368	Trung tâm PTQĐ huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
77	Xây dựng hệ thống chiếu sáng đường liên xã Hòa Bình -Nhị Khê, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Hòa Bình	Thường Tín	25/NQ-HĐND ngày 29/9/2021	1.963	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm xây dựng		Chủ trương/ Quyết định dự án đầu tư được duyệt/ QĐ phê duyệt dự toán/ QĐ phê duyệt quyết toán		Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư/Nhiệm vụ khác đã được giao	Chủ đầu tư/ Đơn vị thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư/Nhiệm vụ khác mới sau sắp xếp	Ghi chú
			Trước sắp xếp	Sau sắp xếp	Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
78	Xây dựng hệ thống chiếu sáng đường liên xã Hiền Giang - Tân Minh (Bên hữu sông Nhuệ), huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Hiền Giang Tân Minh	Thường Tín	25/NQ-HĐND ngày 29/9/2021	2.398	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
79	Xây dựng hệ thống chiếu sáng đường liên xã Khánh Hà - Hiền Giang, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Khánh Hà, Hiền Giang	Thường Tín	25/NQ-HĐND ngày 29/9/2021	3.245	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
80	Hạ tầng chiếu sáng công cộng tại các xã Văn Phú, Hiền Giang, Tân Minh, Tiền Phong, Nguyễn Trãi, Dũng Tiến, Nghiêm Xuyên, Văn Tự, Minh Cường, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Văn Phú, Hiền Giang, Tân Minh, Tiền Phong, Nguyễn Trãi, Dũng Tiến, Nghiêm Xuyên, Văn Tự, Minh Cường	Thường Tín, Thượng Phúc, Phú Xuyên	27/NQ-HĐND ngày 15/12/2023	155.515	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
81	Hạ tầng chiếu sáng công cộng các tuyến đường liên xã trên địa bàn huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Huyện Thường Tín	Thường Tín, Thượng Phúc,Hồng Vân, Chương Dương Phú Xuyên	27/NQ-HĐND ngày 15/12/2023	54.548	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
82	Hồ Nhị Kiều, thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Thị trấn	Thường Tín	12/NQ-HĐND ngày 10/7/2024	6.593	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
83	Trường THCS Hiền Giang, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Hiền Giang	Thường Tín	3263/QĐ-UBND ngày 27/8/2021	5.370	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
84	Trường THCS Văn Phú, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Văn Phú	Thường Tín	5658/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	12.219	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
85	Trường THCS thị trấn Thường Tín	1	Thị trấn Thường Tín	Thường Tín	4954/QĐ-UBND ngày 10/12/2020	6.853	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
86	Trường THCS Hoà Bình (giai đoạn 2)	1	Hòa Bình	Thường Tín	5318/QĐ-UBND ngày28/10/2022	10.632	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm xây dựng		Chủ trương/ Quyết định dự án đầu tư được duyệt/ QĐ phê duyệt dự toán/ QĐ phê duyệt quyết toán		Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư/Nhiệm vụ khác đã được giao	Chủ đầu tư/ Đơn vị thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư/Nhiệm vụ khác mới sau sắp xếp	Ghi chú
			Trước sắp xếp	Sau sắp xếp	Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
87	Trường mầm non trung tâm xã Văn Bình (giai đoạn 2), huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Văn bình	Thường Tín	5673/QĐ-UBND ngày 05/10/2023	14.247	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
88	Trường tiểu học Tiền Phong, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Tiền Phong	Thường Tín	3127/QĐ-UBND ngày 02/8/2024	8.445	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
89	Xây dựng trung tâm văn hóa thể thao huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội, Hạng mục đường vào khu tái định cư và san nền tái định cư phục vụ GPMB	1	Thị trấn	Thường Tín	3274/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	5.151	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
90	Trung tâm văn hóa thể thao huyện giai đoạn 1 (hạng mục: sân vận động)	1	Thị trấn	Thường Tín	3210 ngày 24/10/2012 4221 ngày 31/10/2019 3804 ngày 24/9/2024	36.638	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
91	Nâng cấp, cải tạo, nạo vét hệ thống công trình thủy lợi trên địa bàn các xã: Chương Dương, Thống Nhất, Hà Hồi, Lê Lợi, Quất Động, Tự Nhiên, Hiền Giang, Hoà Bình, Khánh Hà, Văn Phú, Văn Bình, Nhị Khê	1	Thường Tín	Chương Dương, Phú Xuyên, Thường Tín, Thượng Phúc, Hồng Vân	02/NQ-HĐND ngày 13/3/2021 2548/QĐ-UBND ngày 06/7/2021 5091/QĐ-UBND ngày 29/11/2024	4.000	UBND huyện Thường Tín/Phòng NN&MT	UBND xã Thường Tín	
92	Nâng cấp, cải tạo, nạo vét hệ thống công trình thủy lợi trên địa bàn các xã: Tân Minh, Nguyễn Trãi, Dũng Tiến, Nghiêm Xuyên, Tiền Phong, Ninh Sở, Duyên Thái, Thư Phú, Liên Phương, Vân Tảo, Minh Cường, Vạn Điểm, Văn Tự, Tô Hiệu, Thắng Lợi.	1	Thường Tín	Thường Tín, Hồng Vân, Chương Dương, Thượng Phúc, Phú Xuyên	2547/QĐ-UBND ngày 06/7/2021 4352/QĐ-UBND ngày 21/10/2024	5.758	UBND huyện Thường Tín/Phòng NN&MT	UBND xã Thường Tín	
93	Đường trục xã Hiền Giang, huyện Thường Tín. Hạng mục: Nền, mặt đường, hệ thống thoát nước, tổ chức giao thông	1	Hiền Giang	Thường Tín	3272/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	14.714	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
94	Đường liên xã Quán Giai - chùa Đậu (đoạn Quán Giai đi cầu Xém), huyện Thường Tín	1	Văn Phú - Nguyễn Trãi	Thường Tín	4955/QĐ-UBND ngày 10/12/2020	14.036	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
95	Đường từ tỉnh lộ 427 đến đường trục xã Văn Bình đi Quốc lộ 1A	1	Văn Bình	Thường Tín	3405/QĐ-UBND ngày 05/6/2023	14.415	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
96	Đường Nguyễn Toản, thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Thị trấn	Thường Tín	4692/QĐ-UBND ngày 11/8/2023	9.460	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
97	Sửa chữa cầu Xém, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Tiền Phong	Thường Tín	5943/QĐ-UBND ngày 19/10/2023	4.803	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
98	Trang cấp thiết bị phục vụ triển khai dịch vụ công mức độ 3, mức độ 4 thuộc đề án 06 trên địa bàn huyện Thường Tín	1	Huyện Thường Tín	Thường Tín, Thượng Phúc, Hồng Vân, Chương Dương	882/QĐ-UBND ngày 18/3/2024 5082/QĐ-UBND ngày 28/11/2024	13.912	UBND huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
99	Xây dựng hội trường UBND xã Hiền Giang, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Hiền Giang	Thường Tín	2777/QĐ-UBND ngày 17/5/2023	4.051	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	

STT	Tên dự án	Số ĐA	Địa điểm xây dựng		Chủ trương/ Quyết định dự án đầu tư được duyệt/ QĐ phê duyệt dự toán/ QĐ phê duyệt quyết toán		Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư/Nhiệm vụ khác đã được giao	Chủ đầu tư/ Đơn vị thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư/Nhiệm vụ khác mới sau sắp xếp	Ghi chú
			Trước sắp xếp	Sau sắp xếp	Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
100	Xây dựng HTKT khu đất đấu giá QSD đất ở tại vị trí 02 thôn Văn Trai, xã Văn Phú, huyện Thường Tín	1	Văn Phú	Thường Tín	4900/QĐ-UBND ngày 14/10/2022	4.022	Trung tâm PTQĐ huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
101	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật dự án đấu giá QSD đất ở tại vị trí X1, thôn Nhân Hiền, xã Hiền Giang, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Hiền Giang	Thường Tín	883/QĐ-UBND ngày 18/3/2024 4479b ngày 29/10/2024	6.491	Trung tâm PTQĐ huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
102	Trường mầm non Văn Phú (giai đoạn 2), huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Văn Phú	Thường Tín	4173/QĐ-UBND ngày 28/10/2018	9.596	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
103	Trường mầm non Tiền Phong, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Tiền Phong	Thường Tín	3725/QĐ-UBND ngày 24/10/2018 678/QĐ-UBND ngày 11/3/2019	44.951	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
104	Trường mầm non Khánh Hà, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Khánh Hà	Thường Tín	4130/QĐ-UBND ngày 15/10/2024	12.858	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
105	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Văn Bình	Thường Tín	725/QĐ-UBND ngày 04/3/2021 3852/QĐ-UBND ngày 05/8/2022	37.398	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
106	Trường tiểu học Hiền Giang, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Hiền Giang	Thường Tín	724/QĐ-UBND ngày 04/3/2021	28.879	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
107	Trường tiểu học Nhị Khê, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội; Hạng mục: Nhà đa năng và phụ trợ	1	Nhị Khê	Thường Tín	2928 ngày 19/7/2021	8.369	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
108	Cải tạo, nâng cấp trường THCS Khánh Hà, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Khánh Hà	Thường Tín	7816/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	6.479	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
109	Trường THCS Hiền Giang, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Hiền Giang	Thường Tín	3311/QĐ-UBND ngày 01/7/2022	10.175	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
110	Cải tạo, sửa chữa khu vệ sinh trường mầm non, tiểu học và THCS trên địa bàn Thị trấn Thường Tín	1	Thị trấn	Thường Tín	4700/QĐ-UBND ngày 25/11/2020	2.220	UBND huyện Thường Tín/KT,HT&ĐT	UBND xã Thường Tín	
111	Cải tạo, sửa chữa khu vệ sinh trường mầm non trên địa bàn xã Tiền Phong	1	Tiền Phong	Thường Tín	4694/QĐ-UBND ngày 25/11/2020	848	UBND huyện Thường Tín/KT,HT&ĐT	UBND xã Thường Tín	
112	Mua sắm trang thiết bị các trường xây dựng chuẩn quốc gia năm 2022 huyện Thường Tín	1	Huyện Thường Tín	Thường Tín, Phú Xuyên, Chương Dương, Hồng Vân, Thường Phúc	6042/QĐ-UBND ngày 29/11/2022 4438b/QĐ-UBND ngày 15/9/2022	11.500	Ban QLDA mua sắm trang thiết bị trường học huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
113	Mua sắm trang thiết bị các trường xây dựng chuẩn Quốc gia năm 2023 huyện Thường Tín	1	Huyện Thường Tín	Thường Tín, Phú Xuyên, Chương Dương, Hồng Vân, Thường Phúc	10/NQ-HĐND ngày 11/7/2023 5811/QĐ-UBND ngày 06/10/2023	23.650	Ban QLDA mua sắm trang thiết bị trường học huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
114	Mua sắm trang thiết bị các trường xây dựng chuẩn quốc gia năm 2024 huyện Thường Tín	1	Huyện Thường Tín	Thường Tín, Phú Xuyên, Chương Dương, Hồng Vân, Thường Phúc	4897/QĐ-UBND ngày 22/11/2024	30.740	Ban QLDA mua sắm trang thiết bị trường học huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm xây dựng		Chủ trương/ Quyết định dự án đầu tư được duyệt/ QĐ phê duyệt dự toán/ QĐ phê duyệt quyết toán		Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư/Nhiệm vụ khác đã được giao	Chủ đầu tư/ Đơn vị thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư/Nhiệm vụ khác mới sau sắp xếp	Ghi chú
			Trước sắp xếp	Sau sắp xếp	Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
115	Mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu các trường xây dựng chuẩn quốc gia năm 2024 huyện Thường Tín	1	Huyện Thường Tín	Thường Tín, Phú Xuyên, Chương Dương, Hồng Vân, Thượng Phúc	4896/QĐ-UBND ngày 22/11/2024	24.250	Ban QLDA mua sắm trang thiết bị trường học huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
116	Trạm y tế thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Thị trấn	Thường Tín	2974/QĐ-UBND ngày 15/6/2022	9.109	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
117	GPMB trung tâm VHTT huyện	1	Thị trấn	Thường Tín	3210/QĐ-UBND ngày 24/12/2012	72.000	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
118	Nhà truyền thống thư viện thuộc trung tâm văn hóa thể thao huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Thị trấn	Thường Tín	1132/QĐ-UBND ngày 22/02/2022 01/NQ-HĐND ngày 12/4/2023	48.161	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
119	Xây dựng trung tâm văn hoá thể thao huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội; Hạng mục: Nhà điều hành, quản lý, dịch vụ	1	Thị trấn	Thường Tín	4615/QĐ-UBND ngày 22/11/2019 4908/QĐ-UBND ngày 10/12/2020	14.169	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
120	Mua sắm, lắp đặt các thiết bị luyện tập thể dục thể thao ngoài trời theo Nghị quyết 18 của HĐND huyện về việc triển khai lắp đặt các thiết bị luyện tập thể dục thể thao ngoài trời phục vụ nhân dân trên địa bàn huyện	1	Huyện Thường Tín	Thường Tín, Phú Xuyên, Hồng Vân, Chương Dương, Thượng Phúc	10/NQ-HĐND ngày 11/7/2023 5831/QĐ-UBND ngày 17/10/2023	10.971	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
121	Nâng cấp, cải tạo, nạo vét hệ thống công trình thủy lợi trên địa bàn các xã: Quất Động, Chương Dương, Hà Hồi, Tự Nhiên, Văn Tảo, Thư Phú, Khánh Hà, Hòa Bình, Ninh Sở, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Thường Tín	Chương Dương, Hồng Vân, Thượng Phúc	3173/QĐ-UBND ngày 23/6/2022	3.804	UBND huyện Thường Tín/Phòng NN&MT	UBND xã Thường Tín	
122	Nâng cấp, cải tạo, nạo vét hệ thống công trình thủy lợi trên địa bàn các xã: Hiền Giang, Tiền Phong, Tân Minh, Nguyễn Trãi, Văn Phú, Liên Phương, Nhị Khê, Duyên Thái, huyện Thường Tín, TP Hà Nội	1	Thường Tín	Thường Tín, Hồng Vân, Thượng Phúc	3172/QĐ-UBND ngày 22/6/2022	3.746	UBND huyện Thường Tín/Phòng NN&MT	UBND xã Thường Tín	
123	Đường Nguyễn Thị Tuyết, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Thị trấn	Thường Tín	2377/QĐ-UBND ngày 17/6/2019	11.638	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
124	Đường Lê Công Hành, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Thị trấn	Thường Tín	3514/QĐ-UBND ngày 10/10/2018	14.915	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
125	Đường Nguyễn Du kéo dài (đoạn từ Nguyễn Toàn đến đường Nguyễn Phi Khanh), thị trấn Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Thị trấn	Thường Tín	4193/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	10.703	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
126	Xây dựng trung tâm văn hóa thể thao huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội - Giai đoạn 1; Hạng mục: Giao thông (Tuyến số 1 + Đường gom)	1	Thị trấn	Thường Tín	2072/QĐ-UBND ngày 03/8/2018	17.917	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
127	Sửa chữa Cầu Xóm xã Tiền Phong, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Tiền Phong	Thường Tín	4404/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	5.200	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
128	Cải tạo, sửa chữa hệ thống các đường giao thông trên địa bàn huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Thường Tín	Phú Xuyên, Chương Dương, Hồng Vân	2138 ngày 25/6/2021	4.967	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
129	Đường Nguyễn Vĩnh Tích kéo dài nối sang xã Văn Phú, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Thị trấn Văn Phú	Thường Tín	3083 ngày 31/7/2021	6.796	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm xây dựng		Chủ trương/ Quyết định dự án đầu tư được duyệt/ QĐ phê duyệt dự toán/ QĐ phê duyệt quyết toán		Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư/Nhiệm vụ khác đã được giao	Chủ đầu tư/ Đơn vị thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư/Nhiệm vụ khác mới sau sắp xếp	Ghi chú
			Trước sắp xếp	Sau sắp xếp	Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
130	Đường Nguyễn Trãi (đoạn từ đường tỉnh lộ 427 đến đường ngang trạm điện 500KV), huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Thị trấn, Văn Phú, Văn Bình	Thường Tín	3080/QĐ-UBND ngày 30/7/2021 49/NQ-HĐND ngày 16/12/2020	176.506	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
131	Đường Nguyễn Trãi (đoạn từ đường Trung Thành đến đường Dương Chính), huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Văn Phú, Nguyễn Trãi	Thường Tín	2927/QĐ-UBND ngày 9/7/2021 49/NQ-HĐND ngày 16/12/2020	126.758	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
132	Cải tạo, sửa chữa hệ thống các đường giao thông trên địa bàn huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội; Hạng mục: Sửa chữa cầu Vân và các tuyến đường trên địa bàn các xã Thắng Lợi và xã Quất Động	1	Huyện Thường Tín	Chương Dương, Thường Phúc	4414/QĐ-UBND ngày 19/11/2021	7.522	UBND huyện Thường Tín/Phòng KT, HT&ĐT	UBND xã Thường Tín	
133	Xây dựng cải tạo hệ thống PCCC cụm công nghiệp Tiền Phong, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Tiền Phong	Thường Tín	4910/QĐ-UBND ngày 10/12/2020	1.081	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
134	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước thải xã Văn Phú, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Văn Phú	Thường Tín	3779/QĐ-UBND ngày 25/9/2020	14.990	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
135	Vườn hoa Cao Bá Quát, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Thị trấn	Thường Tín	3726/QĐ-UBND ngày 24/10/2018	27.568	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
136	Xây dựng HTKT và dải cây xanh cách ly giữa trường THPT Thường Tín với hệ thống đường giao thông, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Văn Phú	Thường Tín	4958/QĐ-UBND ngày 11/12/2020	6.756	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
137	Chỉnh trang cửa ngõ phía tây tỉnh lộ 427, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Hiền Giang	Thường Tín	698/QĐ-UBND ngày 01/3/2021	5.964	UBND huyện Thường Tín/Phòng KT, HT&ĐT	UBND xã Thường Tín	
138	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật và dải cây xanh cách ly giữa khu đô thị số 3 (Khu L27), khu đô thị số 7, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Văn Phú	Thường Tín	5976/QĐ-UBND ngày 31/12/2019	5.441	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
139	Chỉnh trang đường dạo phía bắc kênh T4 (đoạn từ đường Nguyễn Toàn đến đường Nguyễn Vĩnh Tích) huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Văn Phú, Văn Bình	Thường Tín	5977/QĐ-UBND ngày 21/12/2019	6.968	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
140	Xây dựng vườn hoa Văn Tiến tại ô đất CX 01 tại khu K2 thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Thị trấn - Văn Bình	Thường Tín	4853/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	9.880	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
141	Lập quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, kế hoạch sử dụng đất năm 2021, huyện Thường Tín, thành phố Hà nội	1	Thường Tín	Thường Tín, Thương Phúc, Hồng Vân, Chương Dương, Phú Xuyên	2164/QĐ-UBND ngày 19/6/2020	3.943	UBND huyện Thường Tín/Phòng NN&MT	UBND xã Thường Tín	
142	Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Thị trấn	Thường Tín	3799/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	39.761	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
143	Trụ sở phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Thường Tín, thị trấn Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Thị trấn	Thường Tín	3800/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	20.430	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
144	Cải tạo, nâng cấp trụ sở ĐU- HĐND- UBND xã Hòa Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Hòa Bình	Thường Tín	719/QĐ-UBND ngày 04/3/2021	13.301	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
145	Mua sắm trang thiết bị trụ sở phục vụ hoạt động công vụ và sự nghiệp trên địa bàn huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Huyện Thường Tín	Thường Tín, Thương Phúc, Hồng Vân, Chương Dương, Phú Xuyên	720/QĐ-UBND ngày 04/3/2021	14.395	UBND huyện Thường Tín/Phòng KT,HT&ĐT	UBND xã Thường Tín	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm xây dựng		Chủ trương/ Quyết định dự án đầu tư được duyệt/ QĐ phê duyệt dự toán/ QĐ phê duyệt quyết toán		Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư/Nhiệm vụ khác đã được giao	Chủ đầu tư/ Đơn vị thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư/Nhiệm vụ khác mới sau sắp xếp	Ghi chú
			Trước sắp xếp	Sau sắp xếp	Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
146	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá QSD đất ở vị trí X6 khu đồng mau dưới, thôn Thụy Ứng, xã Hòa Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Hòa Bình	Thường Tín	5531/QĐ-UBND ngày 27/12/2019	14.994	Trung tâm PTQĐ huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
147	Đấu giá QSD đất ở tại vị trí Ba Đa thôn Bình Vọng, xã Văn Bình	1	Văn Bình	Thường Tín	462/QĐ-UBND ngày 28/01/2021	8.621	Trung tâm PTQĐ huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
148	Giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch để đấu giá quyền sử dụng đất ca lô khu L27 thị trấn Thường Tín	1	Thị trấn	Thường Tín	5501/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 1694b/QĐ-UBND ngày 31/5/2021	37.252	Trung tâm PTQĐ huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
149	Giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch để đấu giá QSD đất khu đô thị số 02: OM01, OM02, OM03, OM11, OM15, CX08, CCDDT07 tại khu K2 thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Thị trấn	Thường Tín	4414/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	20.555	Trung tâm PTQĐ huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
150	Xây dựng trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Tiền Phong, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội	1	Tiền Phong	Thường Tín	6434/QĐ-UBND ngày 07/11/2023	9.062	UBND xã Tiền Phong (huyện Thường Tín)	UBND xã Thường Tín	
151	Cải tạo, nâng cấp trường mầm non trung tâm xã Nhị Khê, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Nhị Khê	Thường Tín	1060/QĐ-UBND ngày 23/3/2023	11.335	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
152	Cải tạo, sửa chữa các trường mầm non phục vụ xây dựng chuẩn quốc gia năm 2024 trên địa bàn huyện Thường Tín	1	Tô Hiệu, Văn Tự, Hiền Giang, Vân Tảo	Phú Xuyên, Thường Tín, Chương Dương, Hồng Vân	01/NQ-HĐND ngày 12/4/2023 3942/QĐ-UBND ngày 28/6/2023	41.797	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
153	Cải tạo, sửa chữa các trường mầm non xây dựng chuẩn quốc gia năm 2025 trên địa bàn huyện Thường Tín	1	Thị trấn, Văn Bình, Dũng Tiến	Thường Tín, Thượng Phúc	5090/QĐ-UBND ngày 29/11/2024	13.366	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
154	Xây dựng trường mầm non Hoa Sen tại ô đất TH03 quy hoạch chi tiết khu K1, K3, K4 thị trấn Thường Tín	1	Thị trấn	Thường Tín	2142/QĐ-UBND ngày 20/6/2024	86.375	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
155	Cải tạo, sửa chữa các trường tiểu học xây dựng chuẩn quốc gia năm 2024 trên địa bàn huyện	1	Thị trấn, Hòa Bình, Nhị Khê, Duyên Thái, Vạn Điểm	Thường Tín, Hồng Vân, Phú Xuyên	01/NQ-HĐND ngày 12/4/2023 3937/QĐ-UBND ngày 28/6/2023 05/NQ-HĐND ngày 09/4/2024	12.805	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
156	Cải tạo, sửa chữa các trường tiểu học xây dựng chuẩn quốc gia năm 2025 trên địa bàn huyện Thường Tín	1	Nhị Khê, Liên Phương	Thường Tín, Hồng Vân	5045/QĐ-UBND ngày 27/11/2024	7.011	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
157	Cải tạo, sửa chữa các trường THCS phục vụ xây dựng trường chuẩn quốc gia năm 2024 trên địa bàn huyện Thường Tín	1	Chương Dương, Hòa Bình, Hồng Vân, Liên Phương, Ninh Sở, Nguyễn Trãi, Tự Nhiên, Thị trấn, Vạn Điểm, Văn Tảo	Chương Dương, Thường Tín, Hồng Vân, Phú Xuyên, Thượng Phúc	01/NQ-HĐND ngày 12/4/2023 3938/QĐ-UBND ngày 28/6/2023	14.993	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
158	Cải tạo, sửa chữa trường THCS Nhị Khê, huyện Thường Tín đạt trường chuẩn quốc gia mức độ 2	1	Nhị Khê	Thường Tín	1016/QĐ-UBND ngày 29/3/2024	13.827	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
159	Cải tạo, sửa chữa trường THCS Tiền Phong, huyện Thường Tín đạt trường chuẩn quốc gia mức độ 2	1	Tiền Phong	Thường Tín	1025/QĐ-UBND ngày 29/3/2024	13.902	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
160	Cải tạo, sửa chữa trường THCS Thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín đạt trường chuẩn quốc gia mức độ 1	1	Thị trấn Thường Tín	Thường Tín	1024/QĐ-UBND ngày 29/3/2024	14.746	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
161	Trường THCS Văn Phú, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Văn Phú	Thường Tín	3933/QĐ-UBND ngày 07/10/2024	30.506	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	

STT	Tên dự án	Số ĐA	Địa điểm xây dựng		Chủ trương/ Quyết định dự án đầu tư được duyệt/ QĐ phê duyệt dự toán/ QĐ phê duyệt quyết toán		Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư/Nhiệm vụ khác đã được giao	Chủ đầu tư/ Đơn vị thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư/Nhiệm vụ khác mới sau sắp xếp	Ghi chú
			Trước sắp xếp	Sau sắp xếp	Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
162	Cải tạo, sửa chữa các trường THCS xây dựng chuẩn quốc gia năm 2025 trên địa bàn huyện Thường Tín	1	Văn Tự, Hòa Bình, Vân Tảo, Nghiêm Xuyên	Thường Tín, Thương Phúc, Phú Xuyên, Hồng Vân	4217/QĐ-UBND ngày 16/10/2024	13.773	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
163	Cải tạo, chỉnh trang khuôn viên các nhà văn hóa và khu thể thao trên địa bàn xã Nhị Khê, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Nhị Khê	Thường Tín	35/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 1179/QĐ-UBND ngày 07/4/2023	13.329	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
164	Xây dựng trung tâm văn hóa xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Văn Bình	Thường Tín	01/NQ-HĐND ngày 2/4/2023 3954/QĐ-UBND ngày 29/6/2023	119.919	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
165	Xây dựng trung tâm văn hoá - thể thao xã Tiền Phong, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Tiền Phong	Thường Tín	01/NQ-HĐND ngày 2/4/2023 3956/QĐ-UBND ngày [illegible]	97.302	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
166	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Quang Hiển, xã Hiền Giang, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Hiền Giang	Thường Tín	35/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 4929/QĐ-UBND ngày 31/8/2023	15.448	Ban QLDA xây dựng các công trình văn hóa huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
167	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Đan Nhiễm, xã Khánh Hà, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Khánh Hà	Thường Tín	23/NQ-HĐND ngày 29/9/2021 5279/QĐ-UBND ngày [illegible]	4.945	Ban QLDA xây dựng các công trình văn hóa huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
168	Tu bổ, tôn tạo chùa Yên Phú, xã Văn Phú huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Văn Phú	Thường Tín	9335/QĐ-UBND ngày 30/12/2023; 2469/QĐ-UBND ngày 13/5/2025	17.160	Ban QLDA xây dựng các công trình văn hóa huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
169	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Quán Hiền, xã Hòa Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Hòa Bình	Thường Tín	1683/QĐ-UBND ngày 21/5/2024	9.989	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
170	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Nhuệ Giang, xã Hiền Giang, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Hiền Giang	Thường Tín	5150/QĐ-UBND ngày 04/12/2024	15.306	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
171	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố Trần Phú và hạ tầng xung quanh, thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Thị trấn	Thường Tín	5043/QĐ-UBND ngày 27/11/2024	14.590	UBND thị trấn Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
172	Khu thể thao bể bơi hồng hà, sân tennis, bãi đỗ xe thuộc quy hoạch trung tâm văn hoá thể thao huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	thị trấn	Thường Tín	257/QĐ-UBND ngày 12/01/2023 27/NQ-HĐND ngày 15/12/2023	63.883	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
173	Cải tạo, nâng cấp các khu thể thao, khuôn viên zo, vỉa hè, đường hoa trên địa bàn xã Hiền Giang, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Hiền Giang	Thường Tín	3962/QĐ-UBND ngày 29/6/2023	11.992	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
174	Xây dựng trạm xử lý nước thải số 01, thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Thị trấn	Thường Tín	10/NQ-HĐND ngày 1/7/2023 7824/QĐ-UBND ngày 01/12/2023	50.072	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
175	Cải tạo, chỉnh trang nghĩa trang nhân dân xã Tân Minh, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Tân Minh	Thường Tín	4663/QĐ-UBND ngày 0/8/2023	33.781	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
176	Nâng cấp, cải tạo, nạo vét hệ thống công trình thủy lợi trên địa bàn các xã: Thắng Lợi, Thống Nhất, Dũng Tiến, Vạn Điểm, Văn Tự, Tô Hiệu, Minh Cường, Lê Lợi, Nghiêm Xuyên, huyện Thường Tín, TP Hà Nội	1	Thường Tín	Phú Xuyên, Chương Dương, Thương Phúc	25/NQ-HĐND ngày 29/9/2021 3779/QĐ-UBND ngày 22/6/2023	3.784	UBND huyện Thường Tín/Phòng NN&MT	UBND xã Thường Tín	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm xây dựng		Chủ trương/ Quyết định dự án đầu tư được duyệt/ QĐ phê duyệt dự toán/ QĐ phê duyệt quyết toán		Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư/Nhiệm vụ khác đã được giao	Chủ đầu tư/ Đơn vị thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư/Nhiệm vụ khác mới sau sắp xếp	Ghi chú
			Trước sắp xếp	Sau sắp xếp	Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
177	Nâng cấp, cải tạo, nạo vét hệ thống công trình thủy lợi trên địa bàn các xã: Nhị Khê, Duyên Thái, Liên Phương, Văn Bình, Văn Phú, Hiền Giang, Tiền Phong, Tân Minh, Nguyễn Trãi, huyện Thường Tín, TP Hà Nội	1	Thường Tín	Thường Tín, Hồng Vân	25/NQ-HĐND ngày 29/9/2021 3778/QĐ-UBND ngày 22/6/2023	3.807	UBND huyện Thường Tín/Phòng NN&MT	UBND xã Thường Tín	
178	Nâng cấp, cải tạo hệ thống các công trình thủy lợi, giao thông nội đồng trên địa bàn xã Hiền Giang, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Thường Tín	Thường Tín	3782/QĐ-UBND ngày 22/6/2023	14.996	UBND huyện Thường Tín/Phòng NN&MT	UBND xã Thường Tín	
179	Xây dựng tuyến đường Danh Hương (giai đoạn 3) huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Thị trấn	Thường Tín	4895/QĐ-UBND ngày 12/12/2021	15.885	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
180	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ đường 427 đến cụm công nghiệp Tiền Phong, xã Tiền Phong, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Tiền Phong	Thường Tín	01/NQ-HĐND ngày 12/4/2023 5824/QĐ-UBND ngày 17/10/2023	14.952	UBND huyện Thường Tín/Phòng KT, HT&ĐT	UBND xã Thường Tín	
181	Cải tạo, chỉnh trang đường giao thông nội bộ khu dân cư đoạn từ Tỉnh lộ 427 đến chùa Pháp Vân, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Thị trấn	Thường Tín	1022/QĐ-UBND ngày 20/3/2023 10/NQ-HĐND ngày 11/7/2023	13.574	UBND huyện Thường Tín/Phòng NN&MT	UBND xã Thường Tín	
182	Sửa chữa, lắp đặt hệ thống đảm bảo ATGT, vuốt nối giao thông phục vụ xây dựng NTM nâng cao, kiểu mẫu trên địa bàn huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội năm 2023	1	Huyện Thường Tín	Hồng Vân, Thường Tín, Chương Dương	10/NQ-HĐND ngày 11/7/2023 5813b/QĐ-UBND ngày 16/10/2023	3.606	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
183	Xây dựng các tuyến đường giao thông trục chính nội đồng xã Hiền Giang, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Hiền Giang	Thường Tín	35/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 1021/QĐ-UBND ngày 18/3/2023	18.431	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
184	Cải tạo, nâng cấp đường Miếu Trúc, xã Nhị Khê, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Nhị Khê	Thường Tín	856 ngày 13/3/2024	14.683	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
185	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Hiền Giang, đoạn từ đường TL427 đi xã Tiền Phong, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Hiền Giang	Thường Tín	888/QĐ-UBND ngày 18/3/2024	14.892	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
186	Đường Từ Giấy, thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Thị trấn	Thường Tín	3518/QĐ-UBND ngày 10/10/2018 2230/QĐ-UBND ngày 09/8/2018	4.715	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
187	Đường trục xã Khánh Hà (hướng tuyến mới), huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Khánh Hà	Thường Tín	2800/QĐ-UBND ngày 19/5/2023	48.880	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
188	Đường trục tỉnh lộ 427 đến đường Đình Tổ đi Chùa Đậu, xã Nguyễn Trãi, huyện Thường Tín, TP Hà Nội	1	Văn Phú-Nguyễn Trãi	Thường Tín, Thượng Phúc	4203/QĐ-UBND ngày 12/7/2023	79.000	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
189	Xây dựng vườn hoa Quý Nương, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Thị trấn	Thường Tín	1844/QĐ-UBND ngày 09/6/2021 4580/QĐ-UBND ngày 07/11/2024	51.878	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
190	Cải tạo, chỉnh trang nghĩa trang tại xã Văn Bình phục vụ bồi thường hỗ trợ GPMB dự án xây dựng đường Vành đai 4-Vùng thủ đô Hà Nội	1	Văn Bình	Thường Tín	6022/QĐ-UBND ngày 26/11/2022 777/QĐ-UBND ngày 06/3/2024	74.499	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm xây dựng		Chủ trương/ Quyết định dự án đầu tư được duyệt/ QĐ phê duyệt dự toán/ QĐ phê duyệt quyết toán		Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư/Nhiệm vụ khác đã được giao	Chủ đầu tư/ Đơn vị thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư/Nhiệm vụ khác mới sau sắp xếp	Ghi chú
			Trước sắp xếp	Sau sắp xếp	Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
191	Vườn hoa Nguyễn Du (giai đoạn 2), thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Thị trấn	Thường Tín	25/NQ-HĐND ngày 29/9/2021 1058b/QĐ-UBND ngày 23/3/2023 3985/QĐ-UBND ngày 30/6/2023	14.997	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
192	Lắp đặt hệ thống camera quan sát nâng cao hiệu quả trong công tác trật tự an toàn giao thông và trật tự đô thị	1	Huyện Thường Tín	Thường Tín, Thượng Phúc, Hồng Vân, Chương Dương, Phú Xuyên	785/QĐ-UBND ngày 07/3/2024	17.532	UBND huyện Thường Tín/Phòng KT, HT&ĐT	UBND xã Thường Tín	
193	Dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, khắc phục tồn tại về phòng cháy của một số cơ sở giáo dục trên địa bàn huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Huyện Thường Tín	Thường Tín, Thượng Phúc, Hồng Vân, Chương Dương, Phú Xuyên	4131/QĐ-UBND ngày 15/10/2024	109.737	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
194	Xây dựng vườn hoa Liên Hòa và các hạ tầng kỹ thuật phụ trợ liên quan khác tổ dân phố Trần Phú, thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Thị trấn	Thường Tín	5223/QĐ-UBND ngày 05/12/2024	79.687	Trung tâm PTQĐ huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
195	Cải tạo vườn hoa Ngọc Phú, thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín	1	Thị trấn	Thường Tín	5046/QĐ-UBND ngày 27/11/2024	14.294	UBND thị trấn Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
196	Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thường Tín đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 tỷ lệ 1/25000	1	Thường Tín	Thường Tín, Thượng Phúc, Hồng Vân, Chương Dương, Phú Xuyên	831/QĐ-UBND ngày 11/3/2021 4131/QĐ-UBND ngày 11/7/2023 1158/QĐ-UBND ngày 11/4/2024	2.075	UBND huyện Thường Tín/Phòng KT,HT&ĐT	UBND xã Thường Tín	
197	Hạ tầng chiếu sáng công cộng tại xã Liên Phương, Hà Hồi, Thư Phú, Văn Tảo và thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Huyện Thường Tín	Hồng Vân, Chương Dương, Thường Tín	3934/QĐ-UBND ngày 27/6/2023	98.483	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
198	Hạ tầng chiếu sáng công cộng tại các xã Nhị Khê, Hoà Bình, Khánh Hà, Duyên Thái, Ninh Sở, Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Huyện Thường Tín	Thường Tín, Hồng Vân	3987/QĐ-UBND ngày 30/6/2023	104.637	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
199	Cải tạo, chỉnh trang khuôn viên các cơ quan, đơn vị phía Bắc phố Thượng Phúc, thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Thị trấn	Thường Tín	10/NQ-HĐND ngày 11/7/2023 7777/QĐ-UBND ngày 30/11/2023	14.806	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
200	Trụ sở Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Văn Phú	Thường Tín	3944/QĐ-UBND ngày 28/6/2023 01/NQ-HĐND ngày 12/4/2023	29.500	Trung tâm PTQĐ huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
201	Cải tạo, nâng cấp trang cấp thiết bị bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính hiện đại trên địa bàn huyện Thường Tín	1	Huyện Thường Tín	Thường Tín, Thượng Phúc, Hồng Vân, Chương Dương, Phú Xuyên	985/QĐ-UBND ngày 27/3/2024	30.412	UBND huyện Thường Tín/Văn phòng	UBND xã Thường Tín	
202	Cải tạo, nâng cấp trụ sở UBND xã Khánh Hà, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội; Hạng mục: Nhà làm việc kết hợp hội trường và các công trình phụ trợ	1	Khánh Hà	Thường Tín	7579/QĐ-UBND ngày 27/11/2023	27.335	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
203	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm chính trị huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Thị trấn Thường Tín	Thường Tín	1488/QĐ-UBND ngày 13/5/2024	9.412	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
204	Cải tạo trụ sở phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Thị trấn Thường Tín	Thường Tín	1925/QĐ-UBND ngày 07/6/2024	9.528	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm xây dựng		Chủ trương/ Quyết định dự án đầu tư được duyệt/ QĐ phê duyệt dự toán/ QĐ phê duyệt quyết toán		Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư/Nhiệm vụ khác đã được giao	Chủ đầu tư/ Đơn vị thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư/Nhiệm vụ khác mới sau sắp xếp	Ghi chú
			Trước sắp xếp	Sau sắp xếp	Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
205	Cải tạo trụ sở Trung tâm dịch vụ nông nghiệp huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Văn Bình	Thường Tín	5119/QĐ-UBND ngày 02/12/2024	9.043	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
206	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất ở tại khu Ngân hàng, thôn Bình Vọng, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Văn Bình	Thường Tín	57/QĐ-UBND ngày 09/01/2019 05/NQ-HĐND ngày 09/4/2024	14.590	Trung tâm PTQĐ huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
207	Hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá QSD đất ở vị trí Ngã Kéo, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Văn Bình	Thường Tín	4676/QĐ-UBND ngày 24/11/2020	13.348	Trung tâm PTQĐ huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
208	Xây dựng HTKT để đấu giá QSD đất khu đô thị số 7: OM19, OM21, OM22, OM23, OM31 tại khu K3 thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín, TP. Hà Nội	1	Thị trấn	Thường Tín	2834/QĐ-UBND ngày 25/7/2024	28.278	Trung tâm PTQĐ huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
209	Xây dựng HTKT để đấu giá QSD đất khu Đô thị số 3: OM04, OM05, OM06 và OM16 đến OM20, CX06 tại khu K2 thị trấn Thường Tín , huyện Thường Tín, TP. Hà Nội	1	Thị trấn Thường Tín	Thường Tín	494/QĐ-UBND ngày 14/01/2022 6779/QĐ-UBND ngày 22/12/2022 3933/QĐ-UBND ngày27/6/2023	56.568	Trung tâm PTQĐ huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
210	Đấu giá quyền sử dụng đất để đầu tư xây dựng chợ Trát Cầu, xã Tiền Phong, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Tiền Phong	Thường Tín	02/NQ-HĐND ngày 13/3/2021 3573/QĐ-UBND ngày 12/5/2023 01/NQ-HĐND ngày 12/4/2023	3.573	Trung tâm PTQĐ huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
211	Xây dựng HTKT để đấu giá QSD đất khu Đô thị số 5 tại thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Thị trấn Thường Tín	Thường Tín	361/QĐ-UBND ngày 19/01/2023 3587/QĐ-UBND ngày 13/6/2023 12/QĐ-PTQĐ ngày 15/01/2024	57.537	Trung tâm PTQĐ huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
212	Xây dựng HTKT để đấu giá QSD đất khu đô thị số 6: OM09 đến OM18, CX06 đến CX11 tại khu K1 thị trấn Thường Tín , huyện Thường Tín, TP. Hà Nội	1	Thị trấn Thường Tín	Thường Tín	360/QĐ ngày 19/01/2023 3588/QĐ-UBND ngày 13/6/2023	59.066	Trung tâm PTQĐ huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
213	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật để đấu giá QSD đất khu Nhị Khê 1, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Nhị Khê	Thường Tín	1020/QĐ-UBND ngày 29/3/2024 988/QĐ-UBND ngày 28/3/2024	292.001	Trung tâm PTQĐ huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
214	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất ở xã Tiền Phong, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Tiền Phong	Thường Tín	8533/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 1366/QĐ-UBND ngày 07/5/2024	69.757	Trung tâm PTQĐ huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
215	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá QSD đất ở tại thôn Đan Nhiễm, xã Khánh Hà, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Khánh Hà	Thường Tín	10/NQ-HĐND ngày 11/7/2023	31.872	Trung tâm PTQĐ huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
216	Xây dựng HTKT để đấu giá QSD đất ở khu cửa chùa thôn Vân Trai, xã Vân Phú, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Vân Phú	Thường Tín	5226/QĐ-UBND ngày 05/12/2024	62.974	Trung tâm PTQĐ huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
217	Xây dựng HTKT để đấu giá QSD đất khu Nam Bình, Thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Thị trấn	Thường Tín	5224/QĐ-UBND ngày 05/12/2024	60.235	Trung tâm PTQĐ huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm xây dựng		Chủ trương/ Quyết định dự án đầu tư được duyệt/ QĐ phê duyệt dự toán/ QĐ phê duyệt quyết toán		Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư/Nhiệm vụ khác đã được giao	Chủ đầu tư/ Đơn vị thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư/Nhiệm vụ khác mới sau sắp xếp	Ghi chú
			Trước sắp xếp	Sau sắp xếp	Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
218	Xây dựng HTKT khu TĐC phục vụ các dự án tại khu Nam Bình thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Thị trấn Thường Tín	Thường Tín	5225/QĐ-UBND ngày 05/12/2024	43.212	Trung tâm PTQĐ huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
219	Trường tiểu học Khánh Hà, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Khánh Hà	Thường Tín	25/NQ-HĐND ngày 29/9/2021 05/NQ-HĐND ngày 09/4/2024	77.464	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
220	Cải tạo trường THCS Nguyễn Trãi A, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Thị trấn	Thường Tín	28/NQ-HĐND ngày 17/12/2024	11.691	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
221	Mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu theo chương trình GDPT năm 2018 cho các trường Tiểu học, THCS, TTGDNN-GDTX huyện Thường Tín	1	Huyện Thường Tín	Thường Tín, Phú Xuyên, Chương Dương, Hồng Vân, Thường Phúc	12/NQ-HĐND ngày 10/7/2024	53.500	Ban QLDA mua sắm trang thiết bị trường học huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
222	Nâng cấp, chuyển đổi công nghệ đài truyền thanh sang ứng dụng công nghệ thông tin viễn thông đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số	1	Huyện Thường Tín	Thường Tín	28/NQ-HĐND ngày 17/12/2024	47.780	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
223	Xây dựng trạm tập kết, trung chuyển rác và hạ tầng phụ trợ tại các xã Tiền Phong, xã Minh Cường, xã Thắng Lợi, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Tiền Phong, Minh Cường, Thắng Lợi	Thường Tín, Phú Xuyên, Chương Dương	12/NQ-HĐND ngày 14/7/2022	11.338	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
224	Xây dựng hệ thống PCCC xã Tiền Phong, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Tiền Phong	Thường Tín	01/NQ-HĐND ngày 12/4/2023	14.938	Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
225	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất ở tại thôn Đỗ Hà, xã Khánh Hà, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Khánh Hà	Thường Tín	12/NQ-HĐND ngày 14/7/2022	14.921	Trung tâm PTQĐ huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
226	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá QSD đất ở tại thôn Khánh Vân, xã Khánh Hà, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Khánh Hà	Thường Tín	01/NQ-HĐND ngày 12/4/2023 348/QĐ-TTPTQĐ ngày 25/9/2023	1.710	Trung tâm PTQĐ huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
227	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật để đấu giá QSD đất khu Nhị Khê 5, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Nhị Khê	Thường Tín	10/NQ-HĐND ngày 11/7/2023 242/QĐ-TTPTQĐ ngày 16/8/2023	2.141	Trung tâm PTQĐ huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
228	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật để đấu giá QSD đất khu Nhị Khê 6, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Nhị Khê	Thường Tín	10/NQ-HĐND ngày 11/7/2023 251/QĐ-TTPTQĐ ngày 17/8/2023	2.071	Trung tâm PTQĐ huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
229	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất ở Văn Phú 8 tại thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín	1	Văn Phú	Thường Tín	05/NQ-HĐND ngày 09/4/2024 271/QĐ-TTPTQĐ ngày 03/12/2024	2.118	Trung tâm PTQĐ huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
230	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất ở Văn Phú 9 tại thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín	1	Văn Phú	Thường Tín	05/NQ-HĐND ngày 09/4/2024 272/QĐ-TTPTQĐ ngày 03/12/2024	1.734	Trung tâm PTQĐ huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
231	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất ở Văn Phú 10, xã Văn Phú, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Văn Phú	Thường Tín	05/NQ-HĐND ngày 09/4/2024 273/QĐ-TTPTQĐ ngày 03/12/2024	1.241	Trung tâm PTQĐ huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
232	Xây dựng HTKT để đấu giá QSD đất ở vị trí ô đất ký hiệu OM.30 tại Thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Thị trấn	Thường Tín	05/NQ-HĐND ngày 09/4/2024 274/QĐ-TTPTQĐ ngày 03/12/2024	1.070	Trung tâm PTQĐ huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm xây dựng		Chủ trương/ Quyết định dự án đầu tư được duyệt/ QĐ phê duyệt dự toán/ QĐ phê duyệt quyết toán		Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư/Nhiệm vụ khác đã được giao	Chủ đầu tư/ Đơn vị thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư/Nhiệm vụ khác mới sau sắp xếp	Ghi chú
			Trước sắp xếp	Sau sắp xếp	Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
VI	**DỰ ÁN NGÂN SÁCH QUẬN HỖ TRỢ HUYỆN TRƯỚC SẮP XẾP**	1				5.736			
1	Nhà văn hóa đội 3, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Văn Bình	Thường Tín	118/QĐ-UBND ngày 10/5/2021 173/QĐ-UBND ngày 24/11/2022	5.736	UBND xã Văn Bình (huyện Thường Tín)	UBND xã Thường Tín	
B	**DỰ ÁN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ HỖ TRỢ XÃ (DỰ ÁN CẤP XÃ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN HỖ TRỢ MỤC TIÊU TRƯỚC SẮP XẾP)**	190				594.573			
1	Cải tạo, nâng cấp sân bóng thôn Hoàng Xá, xã Khánh Hà, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Khánh Hà	Thường Tín	523/QĐ-UBND ngày 05/4/2022	1.481	UBND xã Khánh Hà	UBND xã Thường Tín	
2	Cải tạo sân bóng các thôn Xuân Nẻ, Đan Nhiễm, Liễu Nội, Liễu Ngoại và Đỗ Hà, xã Khánh Hà, huyện Thường Tín, TP Hà Nội	1	Khánh Hà	Thường Tín	34/QĐ-UBDN ngày 01/3/2023;86/QĐ-UBND ngày 22/5/2023	9.645	UBND xã Khánh Hà	UBND xã Thường Tín	
3	Công trình đường giao thông nông nông thôn theo Đề án số 04/ĐA-UBND đợt I năm 2022 xã Hiền Giang	1	Hiền Giang	Thường Tín	220/QĐ-UBND ngày 12/9/2022	796	UBND xã Hiền Giang	UBND xã Thường Tín	
4	Công trình đường giao thông nông thôn theo Đề án 04/ĐA-UBND đợt I năm 2021 xã Hiền Giang	1	Hiền Giang	Thường Tín	Số 270/QĐ-UBND ngày 15/09/2021	699	UBND xã Hiền Giang	UBND xã Thường Tín	
5	Công trình đường giao thông nông thôn xã Hiền Giang theo Đề án 04/ĐA-UBND ngày 12/07/2017 của UBND huyện Thường Tín năm 2023	1	Hiền Giang	Thường Tín	174/QĐ-UBND ngày 03/11/2023	612	UBND xã Hiền Giang	UBND xã Thường Tín	
6	Cải tạo, nâng cấp đường vành đai liên thôn Quán Hiền đi Dưỡng Hiền (đoạn từ đường trục xã đi bờ đê sông Nhuệ), xã Hoà Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Hòa Bình	Thường Tín	437/QĐ-UBND ngày 06/9/2021	9.145	UBND xã Hòa Bình	UBND xã Thường Tín	
7	Công trình đường giao thông nông nông thôn theo Đề án số 04/ĐA-UBND đợt I năm 2022 xã Hòa Bình	1	Hòa Bình	Thường Tín	181/QĐ-UBND ngày 09/09/2022	688	UBND xã Hòa Bình	UBND xã Thường Tín	
8	Công trình đường giao thông nông thôn theo Đề án 04/ĐA-UBND đợt I năm 2021 xã Hòa Bình	1	Hòa Bình	Thường Tín	Số 450/QĐ-UBND ngày 21/9/2021	564	UBND xã Hòa Bình	UBND xã Thường Tín	
9	Công trình đường giao thông nông thôn xã Hòa Bình theo Đề án 04/ĐA-UBND ngày 12/07/2017 của UBND huyện Thường Tín năm 2023	1	Hòa Bình	Thường Tín	160/QĐ-UBND ngày 26/10/2023	420	UBND xã Hòa Bình	UBND xã Thường Tín	
10	Công trình đường giao thông nông nông thôn theo Đề án số 04/ĐA-UBND đợt I năm 2022 xã Khánh Hà	1	Khánh Hà	Thường Tín	659/QĐ-UBND ngày 05/09/2022	711	UBND xã Khánh Hà	UBND xã Thường Tín	
11	Công trình đường giao thông nông thôn theo Đề án 04/ĐA-UBND đợt I năm 2021 xã Khánh Hà	1	Khánh Hà	Thường Tín	Số 644/QĐ-UBND ngày 17/09/2021	386	UBND xã Khánh Hà	UBND xã Thường Tín	
12	Công trình đường giao thông nông thôn xã Khánh Hà theo Đề án 04/ĐA-UBND ngày 12/07/2017 của UBND huyện Thường Tín năm 2023	1	Khánh Hà	Thường Tín	Số 207/QĐ-UBND ngày 20/10/2023	631	UBND xã Khánh Hà	UBND xã Thường Tín	
13	Công trình đường giao thông nông nông thôn theo Đề án số 04/ĐA-UBND đợt I năm 2022 xã Nhị Khê	1	Nhị Khê	Thường Tín	282/QĐ-UBND ngày 22/08/2022	470	UBND xã Nhị Khê	UBND xã Thường Tín	
14	Công trình đường giao thông nông thôn theo Đề án 04 năm 2021 xã Nhị Khê	1	Nhị Khê	Thường Tín	Số 232/QĐ-UBND ngày 08/09/2021	493	UBND xã Nhị Khê	UBND xã Thường Tín	
15	Công trình đường giao thông nông thôn xã Nhị Khê theo Đề án 04/ĐA-UBND ngày 12/07/2017 của UBND huyện Thường Tín năm 2023	1	Nhị Khê	Thường Tín	Số 132/QĐ-UBND ngày 02/11/2023	704	UBND xã Nhị Khê	UBND xã Thường Tín	
16	Công trình đường giao thông nông nông thôn theo Đề án số 04/ĐA-UBND đợt I năm 2022 xã Tiền Phong	1	Tiền Phong	Thường Tín	936/QĐ-UBND ngày 17/9/2022	936	UBND xã Tiền Phong	UBND xã Thường Tín	
17	Công trình đường giao thông nông thôn theo 04/ĐA-UBND đợt I năm 2021	1	Tiền Phong	Thường Tín	Số 377/QĐ-UBND ngày 31/09/2021	447	UBND xã Tiền Phong	UBND xã Thường Tín	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm xây dựng		Chủ trương/ Quyết định dự án đầu tư được duyệt/ QĐ phê duyệt dự toán/ QĐ phê duyệt quyết toán		Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư/Nhiệm vụ khác đã được giao	Chủ đầu tư/ Đơn vị thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư/Nhiệm vụ khác mới sau sắp xếp	Ghi chú
			Trước sắp xếp	Sau sắp xếp	Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
18	Công trình đường giao thông nông thôn xã Tiền Phong theo Đề án 04/ĐA-UBND ngày 12/07/2017 của UBND huyện Thường Tín năm 2023	1	Tiền Phong	Thường Tín	210/QĐ-UBND ngày 31/10/2023	624	UBND xã Tiền Phong	UBND xã Thường Tín	
19	Đường từ nghĩa trang bãi Cá đến cống Thiên Bồng, xã Tiền Phong, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Tiền Phong	Thường Tín	3396/QĐ-UBND 02/6/2023	3.018	UBND xã Tiền Phong	UBND xã Thường Tín	
20	Cải tạo, nâng cấp đường khu Tái Ha, Tổ dân phố Trần Phú, Thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội	1	Thị trấn Thường Tín	Thường Tín	5602/QĐ-UBND ngày 31/12/2020; 683/QĐ-UBND ngày 24/02/2021	2.119	UBND Thị trấn Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
21	Đường nội bộ khu dân cư tổ dân phố Trần Phú khu nhà máy nước Thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội	1	Thị trấn Thường Tín	Thường Tín	5580/QĐ-UBND ngày 28/12/2020;	1.620	UBND Thị trấn Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
22	Công trình đường giao thông nông nông thôn theo Đề án số 04/ĐA-UBND đợt 1 năm 2022 xã Văn Bình	1	Văn Bình	Thường Tín	105/QĐ-UBND ngày 03/09/2022	1.012	UBND xã Văn Bình	UBND xã Thường Tín	
23	Công trình đường giao thông nông thôn theo Đề án 04/ĐA-UBND đợt 1 năm 2021	1	Văn Bình	Thường Tín	Số 272/QĐ-UBND ngày 09/09/2021	496	UBND xã Văn Bình	UBND xã Thường Tín	
24	Công trình đường giao thông nông thôn xã Văn Bình theo Đề án 04/ĐA-UBND ngày 12/07/2017 của UBND huyện Thường Tín năm 2023	1	Văn Bình	Thường Tín	Số 138/QĐ-UBND ngày 09/10/2023	646	UBND xã Văn Bình	UBND xã Thường Tín	
25	Công trình đường giao thông nông nông thôn theo Đề án số 04/ĐA-UBND đợt 1 năm 2022 xã Văn Phú	1	Văn Phú	Thường Tín	455/QĐ-UBND ngày 14/09/2022	653	UBND xã Văn Phú	UBND xã Thường Tín	
26	Công trình đường giao thông nông thôn theo Đề án 04/ĐA-UBND đợt 1 năm 2021	1	Văn Phú	Thường Tín	Số 744/QĐ-UBND ngày 22/9/2021	492	UBND xã Văn Phú	UBND xã Thường Tín	
27	Tu bổ, tôn tạo di tích miếu Hoàng Xá, xã Khánh Hà, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Khánh Hà	Thường Tín	3170/QĐ-UBND ngày 23/6/2022	2.908	UBND xã Khánh Hà	UBND xã Thường Tín	
28	Cải tạo nhà văn hóa thôn Thương Đình, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội	1	Nhị Khê	Thường Tín	117/QĐ-UBND ngày 08/7/2020; 178a/QĐ-UBND ngày 9/9/2020	623	UBND xã Nhị Khê	UBND xã Thường Tín	
29	Cải tạo nhà văn hóa thôn Văn Hội, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội. Hạng mục: Nhà văn hóa, phòng họp, nhà vệ sinh, lát sân	1	Văn Bình	Thường Tín	63/QĐ-UBND ngày 15/4/20	1.229	UBND xã Văn Bình	UBND xã Thường Tín	
30	Cải tạo, nâng cấp nhà văn hoá đội 7, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Văn Bình	Thường Tín	119/QĐ-UBND ngày 10/5/2021	4.000	UBND xã Văn Bình	UBND xã Thường Tín	
31	Nhà văn hóa khu dất dịch vụ Cầu Dừa, thôn Bình Vọng, Văn Bình, huyện Thường Tín, TP Hà Nội. Hạn mục: Nhà văn hoá và các hạng mục phụ trợ	1	Văn Bình	Thường Tín	2776/QĐ-UBND 17/5/2023	1.836	UBND xã Văn Bình	UBND xã Thường Tín	
32	Nhà văn hóa thôn Nhuế Giang, xã Hiền Giang, huyện Thường Tín	1	Hiền Giang	Thường Tín	2547/QĐ-UBND ngày 02/7/2024	2.180	UBND xã Hiền Giang	UBND xã Thường Tín	
33	Rãnh thoát nước thôn Bình vọng, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Văn Bình	Thường Tín	80/QĐ-UBND 15/5/2023	193	UBND xã Văn Bình	UBND xã Thường Tín	
34	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ mương 33, thôn Quán Hiền đến đầm thôn Dưỡng Hiền, xã Hòa Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Hòa Bình	Thường Tín	56/QĐ-UBND ngày 10/4/2023	5.565	UBND xã Hòa Bình	UBND xã Thường Tín	
35	Đường Giao thông thôn Thuỵ Ứng (từ đường trục liên xã Hòa Bình- Nhị Khê đi Hải Quả Phụng Công), xã Hòa Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Hòa Bình	Thường Tín	57/QĐ-UBND ngày 10/4/2023	3.825	UBND xã Hòa Bình	UBND xã Thường Tín	
36	Cải tạo, sửa chữa đường, nghĩa trang liệt sỹ xã Khánh Hà, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Khánh Hà	Thường Tín	682/QĐ-UBND ngày 19/10/2021 122/QĐ-UBND ngày 24/5/2020	3.073	UBND xã Khánh Hà	UBND xã Thường Tín	
37	Đường trục xã Tiền Phong đoạn từ cây Đa đội 5 đi Sông Nhuế, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Tiền Phong	Thường Tín	3418/QĐ-UBND ngày 26/8/2024	4.894	UBND xã Tiền Phong	UBND xã Thường Tín	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm xây dựng		Chủ trương/ Quyết định dự án đầu tư được duyệt/ QĐ phê duyệt dự toán/ QĐ phê duyệt quyết toán		Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư/Nhiệm vụ khác đã được giao	Chủ đầu tư/ Đơn vị thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư/Nhiệm vụ khác mới sau sắp xếp	Ghi chú
			Trước sắp xếp	Sau sắp xếp	Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
38	Cải tạo, mở rộng các đoạn đường ngõ (đường trục phía Tây toà án, đường D6, D8, D12, D14), tổ dân phố Nguyễn Du, thị trấn Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Thị trấn Thường Tín	Thường Tín	3780/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	1.873	UBND Thị trấn Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
39	Đường trục xã đoạn từ Cầu Vô đến đường gom Cao tốc Pháp Vân - Cầu Giẽ xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Văn Bình	Thường Tín	3483/QĐ-UBND ngày 12/9/19	7.437	UBND xã Văn Bình	UBND xã Thường Tín	
40	Đường từ bờ mương B5 đoạn ngõ ông Cần đến nghĩa trang nhân dân thôn Văn Hội, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Văn Bình	Thường Tín	188/QĐ-UBND ngày 04/11/19	1.379	UBND xã Văn Bình	UBND xã Thường Tín	
41	Đường từ Quốc lộ (Cống Nụ) nối vào đường trục xã, thôn Văn Hội, xã Văn Bình, huyện Thường Tín	1	Văn Bình	Thường Tín	50/QĐ-UBND ngày 5/3/21; 151/QĐ-UBND ngày 6/8/2020; 219/QĐ-UBND ngày 12/11/2020	11.134	UBND xã Văn Bình	UBND xã Thường Tín	
42	Đường vùng 3 xóm 1 (đoạn từ Văn Hòa lên Nhì Khê), xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Văn Bình	Thường Tín	187/QĐ-UBND ngày 04/11/19 99/QĐ-UBND ngày 7/5/21	2.924	UBND xã Văn Bình	UBND xã Thường Tín	
43	Cải tạo, chỉnh trang các tuyến đường: Đường từ nghĩa trang liệt sỹ xã đến trạm y tế xã, đường từ nhà ông Cường đến Đồng Mô, đường cửa Nam, đường từ ngã tư thôn Bình Vọng đến nghĩa trang liệt sỹ xã Văn Bình, huyện Thường Tín	1	Văn Bình	Thường Tín	25/QĐ-UBND ngày 21/02/2022	3.531	UBND xã Văn Bình	UBND xã Thường Tín	
44	Cải tạo, chỉnh trang tuyến đường từ trạm y tế xã đến đường sang Giếng Vũ thôn Vân Giáp, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Văn Bình	Thường Tín	28a/QĐ-UBND ngày 02/3/2022	1.232	UBND xã Văn Bình	UBND xã Thường Tín	
45	Đường từ đồng điền đến cầu dừa xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Văn Bình	Thường Tín	5309/QĐ-UBND 15/9/23	1.967	UBND xã Văn Bình	UBND xã Thường Tín	
46	Cải tạo nâng cấp đường cống đồng thôn Bình vọng, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Văn Bình	Thường Tín	81/QĐ-UBND 15/6/2023	322	UBND xã Văn Bình	UBND xã Thường Tín	
47	Thi công lắp đặt hệ thống chiếu sáng khu dân cư thôn Văn Trai, Yên Phú xã Văn Phú huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Văn Phú	Thường Tín	1172a/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 168/QĐ-UBND ngày 18/5/2021	5.140	UBND xã Văn Phú	UBND xã Thường Tín	
48	Cải tạo nhà làm việc UBND xã Khánh Hà, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội	1	Khánh Hà	Thường Tín	212/QĐ-UBND ngày 26/7/2021	998	UBND xã Khánh Hà	UBND xã Thường Tín	
49	Nhà làm việc và hội trường UBND xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Văn Bình	Thường Tín	3843/QĐ-UBND ngày 31/10/18	10.174	UBND xã Văn Bình	UBND xã Thường Tín	
50	Cải tạo, nâng cấp phòng làm việc trụ sở UBND xã Văn Phú	1	Văn Phú	Thường Tín	124/QĐ-UBND ngày 3/11/2017	830	UBND xã Văn Phú	UBND xã Thường Tín	
51	Mua sắm lắp đặt hệ thống thiết bị hội trường UBND xã Văn Bình	1	Văn Bình	Thường Tín	168 24/12/24	703	UBND xã Văn Bình	UBND xã Thường Tín	
52	Mua sắm, lắp đặt hệ thống thiết bị hội trường UBND xã Hòa Bình	1	Hòa Bình	Thường Tín	304 24/12/2024	662	UBND xã Hòa Bình	UBND xã Thường Tín	
53	Cải tạo lắp đặt thiết bị trụ sở ủy ban và nhà 1 cửa xã Nhị Khê, huyện Thường Tín, TP Hà Nội	1	Nhị Khê	Thường Tín	132 20/12/2024	1.652	UBND xã Nhị Khê	UBND xã Thường Tín	
54	Xây dựng khu thể thao thôn Khánh Vân, xã Khánh Hà, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Khánh Hà	Thường Tín	176/QĐ-UBND ngày 28/8/2023	3.889	UBND xã Khánh Hà	UBND xã Thường Tín	
55	Cải tạo nâng cấp sân bóng, xây dựng chỉnh trang vỉa hè thôn Yên Phú, xã Văn Phú, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Văn Phú	Thường Tín	191/QĐ-UBND ngày 02/3/2022	2.062	UBND xã Văn Phú	UBND xã Thường Tín	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm xây dựng		Chủ trương/ Quyết định dự án đầu tư được duyệt/ QĐ phê duyệt dự toán/ QĐ phê duyệt quyết toán		Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư/Nhiệm vụ khác đã được giao	Chủ đầu tư/ Đơn vị thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư/Nhiệm vụ khác mới sau sắp xếp	Ghi chú
			Trước sắp xếp	Sau sắp xếp	Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
56	Cải tạo nâng cấp sân bóng, xây dựng chỉnh trang vỉa hè thôn Văn Trai, xã Văn Phú, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Văn Phú	Thường Tín	190/QĐ-UBND ngày 02/3/2022	2.164	UBND xã Văn Phú	UBND xã Thường Tín	
57	Nhà văn hóa thôn Hưng Hiền, xã Hiền Giang, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội; Hạng mục: Nhà văn hóa và các hạng mục phụ trợ	1	Hiền Giang	Thường Tín	1674/QĐ-UBND ngày 22/6/2018 2477 ngày 20/9/18	2.232	UBND xã Hiền Giang	UBND xã Thường Tín	
58	Nhà văn hóa thôn Nhân Hiền, xã Hiền Giang, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội; Hạng mục: Nhà văn hóa và các hạng mục phụ trợ	1	Hiền Giang	Thường Tín	1676/QĐ-UBND ngày 22/6/2018	2.580	UBND xã Hiền Giang	UBND xã Thường Tín	
59	Nhà văn hóa thôn Hưng Hiền (giai đoạn 2), xã Hiền Giang, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội; Hạng mục: các hạng mục phụ trợ	1	Hiền Giang	Thường Tín	130 ngày 03/6/2021	1.299	UBND xã Hiền Giang	UBND xã Thường Tín	
60	Nhà văn hóa thôn Nhuệ Giang (giai đoạn 2), huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội; Hạng mục: các hạng mục phụ trợ	1	Hiền Giang	Thường Tín	131 ngày 03/6/2021	933	UBND xã Hiền Giang	UBND xã Thường Tín	
61	Nhà văn hóa thôn Nhân Hiền (giai đoạn 2), xã Hiền Giang, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội; Hạng mục: các hạng mục phụ trợ	1	Hiền Giang	Thường Tín	128 ngày 03/6/2021	864	UBND xã Hiền Giang	UBND xã Thường Tín	
62	Nhà văn hóa thôn Quang Hiền (giai đoạn 2), xã Hiền Giang, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội; Hạng mục: các hạng mục phụ trợ	1	Hiền Giang	Thường Tín	129 ngày 03/6/2021	836	UBND xã Hiền Giang	UBND xã Thường Tín	
63	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Nhân Hiền, xã Hiền Giang, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Hiền Giang	Thường Tín	3169/QĐ-UBND ngày 23/6/2022	5.053	UBND xã Hiền Giang	UBND xã Thường Tín	
64	Nhà văn hóa thôn Đỗ Hà, xã Khánh Hà, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Khánh Hà	Thường Tín	5520 ngày 29/12/2020	3.390	UBND xã Khánh Hà	UBND xã Thường Tín	
65	Chỉnh trang khuôn viên lắp đặt thiết bị các nhà văn hoá trên địa bàn xã Khánh Hà, huyện Thường tín, thành phố Hà Nội	1	Khánh Hà	Thường Tín	729/QĐ-UBND ngày 22/11/2022	628	UBND xã Khánh Hà	UBND xã Thường Tín	
66	Nhà văn hóa thôn Liễu Nội, xã Khánh Hà, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Khánh Hà	Thường Tín	174/QĐ-UBND ngày 24/8/2023	5.447	UBND xã Khánh Hà	UBND xã Thường Tín	
67	Nhà văn hóa Đội 1,xã Tiền Phong, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Tiền Phong	Thường Tín	290 11/11/2020	4.666	UBND xã Tiền Phong	UBND xã Thường Tín	
68	Nhà văn hóa Đội 5, thôn Trát Cầu, xã Tiền Phong, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Tiền Phong	Thường Tín	291 ngày 11/11/2020	4.343	UBND xã Tiền Phong	UBND xã Thường Tín	
69	Nhà văn hóa Đội 6, xã Tiền Phong, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Tiền Phong	Thường Tín	248/QĐ-UBND ngày 22/6/2021	4.000	UBND xã Tiền Phong	UBND xã Thường Tín	
70	Nhà văn hóa Đội 8, xã Tiền Phong, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Tiền Phong	Thường Tín	429/QĐ-UBND ngày 11/11/2021	4.908	UBND xã Tiền Phong	UBND xã Thường Tín	
71	Công trình cải tạo các hạng mục phụ trợ Nhà văn hóa Phố Vối, Thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội	1	Thị trấn Thường Tín	Thường Tín	30 ngày 21/3/2023	986	UBND Thị trấn Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
72	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa và phụ trợ phố Gia, Phố Vối và Nguyễn Du, thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín, thành phố Nội	1	Thị trấn Thường Tín	Thường Tín	165/QĐ-UBND ngày 19/10/2023	993	UBND Thị trấn Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
73	Cải tạo sửa chữa Nhà văn hoá TDP Nguyễn Du vị trí trạm y tế cũ và cải tạo sửa chữa các hạng mục thiết bị phụ trợ khác trên địa bàn thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Thị trấn Thường Tín	Thường Tín	156/QĐ-UBND ngày 21/11/2024	999	UBND Thị trấn Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
74	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa thôn Bình Vọng, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Văn Bình	Thường Tín	91/QĐ-UBND ngày 03/6/20	1.182	UBND xã Văn Bình	UBND xã Thường Tín	
75	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Pháp Vân, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Văn Bình	Thường Tín	225/QĐ-UBND ngày 31/12/19 132/QĐ-UBND ngày 6/5/21	7.867	UBND xã Văn Bình	UBND xã Thường Tín	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm xây dựng		Chủ trương/ Quyết định dự án đầu tư được duyệt/ QĐ phê duyệt dự toán/ QĐ phê duyệt quyết toán		Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư/Nhiệm vụ khác đã được giao	Chủ đầu tư/ Đơn vị thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư/Nhiệm vụ khác mới sau sắp xếp	Ghi chú
			Trước sắp xếp	Sau sắp xếp	Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
76	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Bình Vọng, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Văn Bình	Thường Tín	1873/QĐ-UBND ngày 6/6/19 134/QĐ-UBND ngày 6/5/21	7.881	UBND xã Văn Bình	UBND xã Thường Tín	
77	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Văn Hội, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội. Hạng mục: Đại Đình	1	Văn Bình	Thường Tín	4426/QĐ-UBND ngày 15/9/2022	7.123	UBND xã Văn Bình	UBND xã Thường Tín	
78	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Bình Vọng, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội	1	Văn Bình	Thường Tín	1243/QĐ-UBND ngày 15/4/2021	4.403	UBND xã Văn Bình	UBND xã Thường Tín	
79	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa thôn thôn Văn Trai - xã Văn Phú, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Văn Phú	Thường Tín	246/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 210/QĐ-UBND ngày 10/12/20	888	UBND xã Văn Phú	UBND xã Thường Tín	
80	Tu bổ tôn tạo di tích đình Văn Trai, xã Văn Phú, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Văn Phú	Thường Tín	4611/QĐ-UBND ngày 16/11/20	9.461	UBND xã Văn Phú	UBND xã Thường Tín	
81	Tu bổ tôn tạo di tích đình Yên Phú, xã Văn Phú, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Văn Phú	Thường Tín	4610/QĐ-UBND ngày 16/11/2020	9.026	UBND xã Văn Phú	UBND xã Thường Tín	
82	Cải tạo bãi tập kết và trung chuyển rác xã Văn Phú, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Văn Phú	Thường Tín	427/QĐ-UBND ngày 18/8/21	1.958	UBND xã Văn Phú	UBND xã Thường Tín	
83	Cải tạo, chỉnh trang giếng đôi 4 thôn Thụy Ứng	1	Hòa Bình	Thường Tín	7/QĐ-UBND ngày 10/6/2023	742	UBND xã Hòa Bình	UBND xã Thường Tín	
84	Cải tạo, chỉnh trang giếng đầu làng thôn Quất Động, xã Nhị Khê, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Hòa Bình	Thường Tín	113/QĐ-UBND ngày 18/7/2023	643	UBND xã Hòa Bình	UBND xã Thường Tín	
85	Cứng hóa tuyến mương kết hợp rãnh thoát nước sinh hoạt trước cửa thôn Trung Thôn, xã Nhị Khê, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội	1	Nhị Khê	Thường Tín	83/QĐ-UBND ngày 04/6/2020; 226/QĐ-UBND ngày 07/12/2020	2.002	UBND xã Nhị Khê	UBND xã Thường Tín	
86	Cải tạo, nâng cấp mương tiêu thoát nước trên địa bàn xã Nhị Khê, huyện Thường Tín, TP. Hà Nội	1	Nhị Khê	Thường Tín	97/QĐ-UBND ngày 25/9/2023	1.648	UBND xã Nhị Khê	UBND xã Thường Tín	
87	Công trình cải tạo, chỉnh trang dãy C1, D4 rãnh khu đo đạc bản đồ, khu tập thể công an, thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Thị trấn Thường Tín	Thường Tín	31 ngày 21/3/2023	979	UBND Thị trấn Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
88	Cải tạo, nâng cấp khuôn viên giếng thôn Bình Vọng, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Văn Bình	Thường Tín	233/QĐ-UBND ngày 30/11/20	967	UBND xã Văn Bình	UBND xã Thường Tín	
89	Cải tạo chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật khuôn viên Giếng Vũ, thôn Văn Giáp, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội	1	Văn Bình	Thường Tín	167/QĐ-UBND ngày 22/6/2021 322 ngày 27/10/2021	1.199	UBND xã Văn Bình	UBND xã Thường Tín	
90	Đường từ trường mầm non đến xóm Mai Thượng xã Hiền Giang, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Hiền Giang	Thường Tín	87A/QĐ-UBND ngày 16/8/2018	1.485	UBND xã Hiền Giang	UBND xã Thường Tín	
91	Đường từ đê Sông Nhuệ thôn Nhuệ Giang, xã Hiền Giang, huyện Thường Tín đi xã Thanh Thủy, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội	1	Hiền Giang	Thường Tín	3774/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 1767/QĐ-UBND ngày 07/6/21	1.904	UBND xã Hiền Giang	UBND xã Thường Tín	
92	Đường GTNĐ từ Cổng Sắt đi Tất Cả thôn Nhân Hiền, xã Hiền Giang, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội; Hạng mục: Nền, mặt đường, kè và cống thoát nước	1	Hiền Giang	Thường Tín	3846/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 1840/QĐ-UBND ngày 09/6/21	2.797	UBND xã Hiền Giang	UBND xã Thường Tín	
93	Đường giao thông nội đồng Cửa Vườn - Đường La, thôn Nhân Hiền, xã Hiền Giang, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Hiền Giang	Thường Tín	3483/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 1853 ngày 10/6/21	3.232	UBND xã Hiền Giang	UBND xã Thường Tín	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm xây dựng		Chủ trương/ Quyết định dự án đầu tư được duyệt/ QĐ phê duyệt dự toán/ QĐ phê duyệt quyết toán		Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư/Nhiệm vụ khác đã được giao	Chủ đầu tư/ Đơn vị thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư/Nhiệm vụ khác mới sau sắp xếp	Ghi chú
			Trước sắp xếp	Sau sắp xếp	Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
94	Đường GTNĐ từ sau đình đi Bờ Ao Lươn, thôn Quang Hiển, xã Hiền Giang, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Hiền Giang	Thường Tín	3767/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 1868/QĐ-UBND ngày 11/6/21	2.188	UBND xã Hiền Giang	UBND xã Thường Tín	
95	Đường GTNĐ từ ao cá đi Dộc dưới thôn Nhuệ Giang, xã Hiền Giang, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Hiền Giang	Thường Tín	3765/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 3169/QĐ-UBND ngày 17/8/21	2.517	UBND xã Hiền Giang	UBND xã Thường Tín	
96	Đường Ao bờ Liềm đi máng nổi thôn Hưng Hiền, xã Hiền Giang, huyện Thường Tín, TP. Hà Nội (Tuyến T4 theo bản đồ quy hoạch giao thông nông thôn)	1	Hiền Giang	Thường Tín	57B/QĐ-UBND ngày 08/02/2022	2.621	UBND xã Hiền Giang	UBND xã Thường Tín	
97	Chỉnh trang vỉa hè đường từ UBND xã đi trường mầm non trung tâm thôn Quang Hiền, xã Hiền Giang, huyện Thường Tín, TP. Hà Nội	1	Hiền Giang	Thường Tín	57A/QĐ-UBND ngày 08/02/2022	2.160	UBND xã Hiền Giang	UBND xã Thường Tín	
98	Công trình Nâng cấp, cải tạo hệ thống rãnh thoát nước và đường đi khu Ao Đậu - Phục vụ tái định cư Cầu Chiếc thôn Nhân Hiền, xã Hiền Giang, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội	1	Hiền Giang	Thường Tín	270/QĐ-UBND ngày 15/112022	895	UBND xã Hiền Giang	UBND xã Thường Tín	
99	Đường giao thông nội đồng tuyến Cột Mốc khu Trên Đồng thôn Nhân Hiền, xã Hiền Giang, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội (Tuyến D31 theo bản đồ quy hoạch giao thông nông thôn)	1	Hiền Giang	Thường Tín	37/QĐ-UBND ngày 10/3/2023	1.979	UBND xã Hiền Giang	UBND xã Thường Tín	
100	Đường giao thông thôn Hưng Hiền, xã Hiền Giang, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội (đoạn nối từ đường trục xã lên đê Sông Nhuệ)	1	Hiền Giang	Thường Tín	271a/QĐ-UBND ngày 16/11/2022	4.809	UBND xã Hiền Giang	UBND xã Thường Tín	
101	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn thôn Phụng Công, thôn Thuỵ Ứng, xã Hòa Bình, huyện Thường Tín	1	Hòa Bình	Thường Tín	497b ngày 28/10/2021	3.204	UBND xã Hòa Bình	UBND xã Thường Tín	
102	Cải tạo, nâng cấp đường từ trạm bơm Cổng Vàng đi đường liên xã Hoà Bình Nhị Khê, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Hòa Bình	Thường Tín	137/QĐ-UBND ngày 28/6/2022	4.372	UBND xã Hòa Bình	UBND xã Thường Tín	
103	Xây dựng đường giao thông và hệ thống rãnh thoát nước liên xóm, từ xóm 4 đến xóm 6, thôn Thuỵ Ứng, xã Hòa Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Hòa Bình	Thường Tín	99a/QĐ-UBND ngày 5/7/2023	9.677	UBND xã Hòa Bình	UBND xã Thường Tín	
104	Đường từ Trạm bơm đến bờ Đầm thôn Dưỡng Hiền, xã Hòa Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Hòa Bình	Thường Tín	66a/QĐ-UBND ngày 05/5/2023	5.859	UBND xã Hòa Bình	UBND xã Thường Tín	
105	Đường trục xã Hòa Bình (Đoạn từ đường liên xã Hòa Bình - Khánh Hà đi viện pháp y Trung Ương), xã Hòa Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Hòa Bình	Thường Tín	236a/QĐ-UBND ngày 29/11/2022	8.097	UBND xã Hòa Bình	UBND xã Thường Tín	
106	Đường giao thông nội đồng (đoạn từ đường vành đai liên thôn Quần Hiền đi Dưỡng Hiền đến đường Thanh Niên), xã Hoà Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Hòa Bình	Thường Tín	47/QĐ-UBND ngày 29/02/2024	3.263	UBND xã Hòa Bình	UBND xã Thường Tín	
107	Đường trục liên thôn Hoàng Xá đi Đỗ Hà, xã Khánh Hà, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Khánh Hà	Thường Tín	232/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	2.768	UBND xã Khánh Hà	UBND xã Thường Tín	
108	Đường trục liên thôn Đỗ Hà đi Hoàng Xá, xã Khánh Hà, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Khánh Hà	Thường Tín	726/QĐ-UBND ngày 17/11/2022	2.238	UBND xã Khánh Hà	UBND xã Thường Tín	
109	Cải tạo, nâng cấp đường trục thôn Xuân Nẻ, xã Khánh Hà, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Khánh Hà	Thường Tín	159/QĐ-UBND ngày 28/5/2021	1.885	UBND xã Khánh Hà	UBND xã Thường Tín	
110	Đường từ cầu Hồ đi ngã tư thôn Đan Nhiễm xã Khánh Hà, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Khánh Hà	Thường Tín	168/QĐ-UBND ngày 01/6/2021	2.927	UBND xã Khánh Hà	UBND xã Thường Tín	
111	Đường đồng Hoát Ngoài, thôn Liễu Nội, xã Khánh Hà, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Khánh Hà	Thường Tín	166/QĐ-UBND ngày 01/6/2021	2.421	UBND xã Khánh Hà	UBND xã Thường Tín	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm xây dựng		Chủ trương/ Quyết định dự án đầu tư được duyệt/ QĐ phê duyệt dự toán/ QĐ phê duyệt quyết toán		Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư/Nhiệm vụ khác đã được giao	Chủ đầu tư/ Đơn vị thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư/Nhiệm vụ khác mới sau sắp xếp	Ghi chú
			Trước sắp xếp	Sau sắp xếp	Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
112	Đường GTNĐ Nối Trũ đi Mạ Hồ, thôn Dỗ Hà, xã Khánh Hà, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Khánh Hà	Thường Tín	160/QĐ-UBND ngày 28/5/2021	2.006	UBND xã Khánh Hà	UBND xã Thường Tín	
113	Công trình Cải tạo, nâng cấp Đường trục liên thôn Đan Nhiễm đi Liễu Ngoại(đoạn từ trạm bơm đi Cầu Đen), huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội	1	Khánh Hà	Thường Tín	727/QĐ-UBND ngày 17/11/2022	5.399	UBND xã Khánh Hà	UBND xã Thường Tín	
114	Đường đồng Hoét Giữa, thôn Liễu Nội, xã Khánh Hà, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Khánh Hà	Thường Tín	167/QĐ-UBND ngày 01/06/2021	2.415	UBND xã Khánh Hà	UBND xã Thường Tín	
115	Đường từ cầu ông Loát đi nghĩa trang đội 3, xã Tiền Phong, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Tiền Phong	Thường Tín	3851/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	2.912	UBND xã Tiền Phong	UBND xã Thường Tín	
116	Cải tạo, nâng cấp đường nội bộ tổ dân phố Trần Phú, Thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội	1	Thị trấn Thường Tín	Thường Tín	209/QĐ-UBND ngày 03/12/2020; 81/QĐ-UBND ngày 07/05/2021	1.512	UBND Thị trấn Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
117	Đường bao phía nam thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội. Hạng mục: Nền, mặt đường, hè, hệ thống thoát nước và ATGT	1	Thị trấn Thường Tín	Thường Tín	4877/QĐ-UBND ngày 21/12/2018	7.382	UBND Thị trấn Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
118	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường từ TL 427 vào kho lương thực, thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín, TP. Hà Nội	1	Thị trấn Thường Tín	Thường Tín	51/QđĐ-UBND ngày 20/5/2023	998	UBND Thị trấn Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
119	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường từ TL 427 đi NVH Trần Phú, thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Thị trấn Thường Tín	Thường Tín	52/QĐ-UBND ngày 20/5/2023	994	UBND Thị trấn Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
120	Nâng cấp, sửa chữa đường khu tập thể hướng nghiệp, thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Thị trấn Thường Tín	Thường Tín	53a/QĐ-UBND ngày 20/5/2023	998	UBND Thị trấn Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
121	Cải tạo, mở rộng các đoạn đường ngõ (đường trục phía Đông tào ấn, đường C3, C7, C9), tổ dân phố Nguyễn Du, thị trấn Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Thị trấn Thường Tín	Thường Tín	3857 ngày 31/10/2018	1.721	UBND Thị trấn Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
122	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông tổ dân phố ga (ngõ vào bảo hiểm) và hạng mục phụ trợ UBND thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Thị trấn Thường Tín	Thường Tín	163/QĐ-UBND ngày 19/10/2023	995	UBND Thị trấn Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
123	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông tổ dân phố Phố Ga, thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Thị trấn Thường Tín	Thường Tín	164/QĐ-UBND ngày 19/10/2023	993	UBND Thị trấn Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
124	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông tổ dân phố Phố Nguyễn Du ngõ E3, E4, D5, ngõ Vũ Đức Chinh kéo dài, thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Thị trấn Thường Tín	Thường Tín	162/QĐ-UBND ngày 19/10/2023	975	UBND Thị trấn Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
125	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông tổ dân phố Nguyễn Du ngõ E1, E2, thiết bị phụ trợ nhà văn hóa Phố Ga, Phố Vôi, Nguyễn Du, Trần Phú, thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Thị trấn Thường Tín	Thường Tín	201/QĐ-UBND ngày 27/11/2023	995	UBND Thị trấn Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
126	Cải tạo, nâng cấp đường từ cửa Nam đến đường rặng nhãn xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Văn Bình	Thường Tín	181/QĐ-UBND ngày 26/9/20	968	UBND xã Văn Bình	UBND xã Thường Tín	
127	Đường từ mương B5 đến mương chùm, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội, Hạng mục: Nền, mặt đường, kè và hệ thống thoát nước	1	Văn Bình	Thường Tín	178/QĐ-UBND ngày 21/10/19	1.723	UBND xã Văn Bình	UBND xã Thường Tín	
128	Đường từ khu Dinh sang bãi đỗ Bình Vọng, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Văn Bình	Thường Tín	198/QĐ-UBND ngày 28/11/19	1.097	UBND xã Văn Bình	UBND xã Thường Tín	
129	Cổng đường Nam Quán Giếng thôn Bình Vọng, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Văn Bình	Thường Tín	126/QĐ-UBND ngày 22/8/19	929	UBND xã Văn Bình	UBND xã Thường Tín	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm xây dựng		Chủ trương/ Quyết định dự án đầu tư được duyệt/ QĐ phê duyệt dự toán/ QĐ phê duyệt quyết toán		Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư/Nhiệm vụ khác đã được giao	Chủ đầu tư/ Đơn vị thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư/Nhiệm vụ khác mới sau sắp xếp	Ghi chú
			Trước sắp xếp	Sau sắp xếp	Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
130	Đường từ mương B5 đến đường gom Cao tốc thôn Văn Hội, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.	1	Văn Bình	Thường Tín	175/QĐ-UBND ngày 13/9/20	203	UBND xã Văn Bình	UBND xã Thường Tín	
131	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông nội đồng thôn Văn Giáp xã Văn Bình (đoạn từ Cổng Nụ đến xã Hòa Bình), huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.	1	Văn Bình	Thường Tín	215/QĐ-UBND ngày 29/9/2021; Số 200/QĐ-UBND ngày 29/9/2021	7.944	UBND xã Văn Bình	UBND xã Thường Tín	
132	Đường GTNĐ khoảnh 9 thôn Văn Giáp, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Văn Bình	Thường Tín	216/QĐ-UBND ngày 09/11/20	3.601	UBND xã Văn Bình	UBND xã Thường Tín	
133	Đường từ Quán Đồng đến Bãi Ba, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Văn Bình	Thường Tín	188/QĐ-UBND ngày 31/10/19	3.272	UBND xã Văn Bình	UBND xã Thường Tín	
134	Cải tạo, nâng cấp đường từ nhà văn hóa đi Lũy Văn thôn Văn Hội, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Văn Bình	Thường Tín	80/QĐ-UBND ngày 07/4/21	990	UBND xã Văn Bình	UBND xã Thường Tín	
135	Đường sau trường THCS Văn Bình (đoạn từ ngã 4 trạm y tế đến nhà tiếp linh thôn Văn Hội)	1	Văn Bình	Thường Tín	141/QĐ-UBND ngày 25/5/21	1.446	UBND xã Văn Bình	UBND xã Thường Tín	
136	Đường GTNT cánh cua ra mương chim xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Văn Bình	Thường Tín	142/QĐ-UBND ngày 25/5/21	585	UBND xã Văn Bình	UBND xã Thường Tín	
137	Cải tạo, chỉnh trang tuyến đường trước cửa nhà văn hoá Văn Giáp, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Văn Bình	Thường Tín	26/QĐ-UBND ngày 21/02/2022	578	UBND xã Văn Bình	UBND xã Thường Tín	
138	Cải tạo, nâng cấp đường trước Cửa Đình thôn Bình Vọng, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội	1	Văn Bình	Thường Tín	459/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	852	UBND xã Văn Bình	UBND xã Thường Tín	
139	Đường GTNĐ ngõ cà đội 1, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, TP. Hà Nội	1	Văn Bình	Thường Tín	33/QĐ-UBND ngày 9/3/2022; 197/QĐ-UBND ngày 31/12/2023, 88/QĐ-UBND ngày 07/08/2024	2.087	UBND xã Văn Bình	UBND xã Thường Tín	
140	Đường GTNĐ Bờ Đối tuyến 20 Đội 2, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Văn Bình	Thường Tín	34/QĐ-UBND ngày 9/3/2022;196/QĐ-UBND ngày 31/12/2023;87/QĐ-UBND ngày 7/8/2024	2.161	UBND xã Văn Bình	UBND xã Thường Tín	
141	Đường giao thông thôn Yên Phú (đoạn từ đường liên xã đến khu đấu giá X7) xã Văn Phú, Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Văn Phú	Thường Tín	249/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 209/QĐ-UBND ngày 31/10/2020	4.655	UBND xã Văn Phú	UBND xã Thường Tín	
142	Đường giao thông phía Tây làng Yên Phú, xã Văn Phú, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Văn Phú	Thường Tín	248/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 86a/QĐ-UBND ngày 16/3/2021	3.427	UBND xã Văn Phú	UBND xã Thường Tín	
143	Đường giao thông nội đồng thôn Yên Phú (đoạn từ ông Đào đến kênh ông Sụng) xã Văn Phú, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Văn Phú	Thường Tín	4836/QĐ-UBND ngày 01/12/20	1.827	UBND xã Văn Phú	UBND xã Thường Tín	
144	Đường GTNT thôn Yên Phú (đoạn từ Con Cá - Cổ Pháp), xã Văn Phú, huyện Thường Tín, TP Hà Nội	1	Văn Phú	Thường Tín	779/QĐ-UBND ngày 25/10/21	3.856	UBND xã Văn Phú	UBND xã Thường Tín	
145	Đường GTNT thôn Văn Trai (đoạn Bờ Lơ đến Đường Giai), xã Văn Phú, huyện Thường Tín, TP Hà Nội	1	Văn Phú	Thường Tín	778/QĐ-UBND ngày 25/10/21	4.011	UBND xã Văn Phú	UBND xã Thường Tín	
146	Đường giao thông nội đồng đoạn từ Dâu đến sông Hoà Bình	1	Văn Phú	Thường Tín	3311/QĐ-UBND ngày 30/10/2017, 3356/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	4.486	UBND xã Văn Phú	UBND xã Thường Tín	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm xây dựng		Chủ trương/ Quyết định dự án đầu tư được duyệt/ QĐ phê duyệt dự toán/ QĐ phê duyệt quyết toán		Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư/Nhiệm vụ khác đã được giao	Chủ đầu tư/ Đơn vị thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư/Nhiệm vụ khác mới sau sắp xếp	Ghi chú
			Trước sắp xếp	Sau sắp xếp	Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
147	Đường giao thông nội đồng thôn Yên Phú, xã Văn Phú,huyện Thường Tín. Đoạn từ tỉnh lộ 427 đến Máng nổi, xã Văn Phú, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội	1	Văn Phú	Thường Tín	3755/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	3.004	UBND xã Văn Phú	UBND xã Thường Tín	
148	Cải tạo, nâng cấp đường từ nhà văn hoá đến Ao điếm thôn Yên Phú, Văn Phú, Thường Tín, TP Hà Nội	1	Văn Phú	Thường Tín	261QĐ-UBND ngày18/6/2021	977	UBND xã Văn Phú	UBND xã Thường Tín	
149	Cải tạo, chỉnh trang nâng cấp đường GTNĐ thôn Văn Trai (Toàn bộ trục chính), xã Văn Phú, huyện Thường Tín, TP. Hà Nội	1	Văn Phú	Thường Tín	134/QĐ-UBND ngày 21/6/2023	6.277	UBND xã Văn Phú	UBND xã Thường Tín	
150	Cải tạo, chỉnh trang nâng cấp đường GTNT thôn Yên Phú (Toàn bộ trục chính), xã Văn Phú, huyện Thường Tín, TP. Hà Nội	1	Văn Phú	Thường Tín	135/QĐ-UBND ngày 21/6/2023	6.849	UBND xã Văn Phú	UBND xã Thường Tín	
151	Cải tạo, nâng cấp đường GTNĐ thôn Văn Trai (đoạn từ Bờ Lơ đến đầu Mái Bằng), xã Văn Phú, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Văn Phú	Thường Tín	137/QĐ-UBND ngày 21/6/2023	6.651	UBND xã Văn Phú	UBND xã Thường Tín	
152	Cải tạo, nâng cấp đường GTNĐ thôn Yên Phú (đoạn đường trong vùng rau an toàn), xã Vă Phú, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Văn Phú	Thường Tín	139/QĐ-BBND ngày 21/6/2023	7.163	UBND xã Văn Phú	UBND xã Thường Tín	
153	Cải tạo, nâng cấp chỉnh trang đường trục thôn Văn Trai (đoạn từ tỉnh lộ 427 đến đường Nguyễn Vĩnh Tích kéo dài), xã Văn Phú, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Văn Phú	Thường Tín	138/QĐ-UBND ngày 21/6/2023	4.682	UBND xã Văn Phú	UBND xã Thường Tín	
154	Cải tạo, sửa chữa trụ sở UBND xã Hiền Giang, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Hiền Giang	Thường Tín	81/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	895	UBND xã Hiền Giang	UBND xã Thường Tín	
155	Cải tạo khuôn viên UBND xã Hiền Giang, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Hiền Giang	Thường Tín	94/QĐ-UBND ngày 25/5/2020	876	UBND xã Hiền Giang	UBND xã Thường Tín	
156	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Nhị Khê, huyện Thường Tín	1	Nhị Khê	Thường Tín	92/QĐ-UBND ngày 15/8/2023	5.748	UBND xã Nhị Khê	UBND xã Thường Tín	
157	Cải tạo trụ sở UBND xã Tiền Phong, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội	1	Tiền Phong	Thường Tín	4175/QĐ-UBND ngày 07/10/2020	5.329	UBND xã Tiền Phong	UBND xã Thường Tín	
158	Cải tạo sửa chữa trụ sở UBND xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Văn Bình	Thường Tín	92/QĐ-UBND ngày 04/6/20	1.805	UBND xã Văn Bình	UBND xã Thường Tín	
159	Cải tạo trụ sở UBND xã Văn Phú, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Văn Phú	Thường Tín	247/QĐ-UBND ngày 31/10/19 197/QĐ-UBND ngày 27/11/20 276/QĐ - UBND ngày 23/6/2021	5.530	UBND xã Văn Phú	UBND xã Thường Tín	
160	Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ xã Hiền Giang, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Hiền Giang	Thường Tín	97c/QĐ-UBND ngày 28/9/2019	751	UBND xã Hiền Giang	UBND xã Thường Tín	
161	Cải tạo nghĩa trang nhân dân thôn Nhân Hiền xã Hiền Giang, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội	1	Hiền Giang	Thường Tín	165/QĐ-UBND ngày 24/9/2020	852	UBND xã Hiền Giang	UBND xã Thường Tín	
162	Cải tạo, chỉnh trang nghĩa trang nhân dân thôn Đỗ Hà, xã Khánh Hà	1	Khánh Hà	Thường Tín	51/QĐ-UBDN ngày 31/3/2023	961	UBND xã Khánh Hà	UBND xã Thường Tín	
163	Cải tạo, chỉnh trang nghĩa trang nhân dân thôn Hoàng Xá, xã Khánh Hà	1	Khánh Hà	Thường Tín	139/QĐ-UBND ngày 1/8/2023	739	UBND xã Khánh Hà	UBND xã Thường Tín	
164	Cải tạo, chỉnh trang tường bao nghĩa trang nhân dân và cải tạo hệ thống rãnh thoát nước xã Nhị Khê, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội	1	Nhị Khê	Thường Tín	85/QĐ-UBND ngày 08/6/2020; 234a/QĐ-UBND ngày 11/12/2020	1.091	UBND xã Nhị Khê	UBND xã Thường Tín	
165	Cải tạo chỉnh trang nghĩa trang nhân dân xã Văn Phú, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội	1	Văn Phú	Thường Tín	3149/QĐ-UBND ngày 09/08/2019	2.278	UBND xã Văn Phú	UBND xã Thường Tín	
166	Cải tạo nghĩa trang nhân dân thôn Hoàng Xá, xã Khánh Hà	1	Khánh Hà	Thường Tín	476/QĐ-UBND ngày 06/10/2021	795	UBND xã Khánh Hà	UBND xã Thường Tín	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm xây dựng		Chủ trương/ Quyết định dự án đầu tư được duyệt/ QĐ phê duyệt dự toán/ QĐ phê duyệt quyết toán		Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư/Nhiệm vụ khác đã được giao	Chủ đầu tư/ Đơn vị thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư/Nhiệm vụ khác mới sau sắp xếp	Ghi chú
			Trước sắp xếp	Sau sắp xếp	Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
167	Khu thể thao xóm 4 thôn Thuỵ Ứng, xã Hoà Bình, huyện Thường Tín, TP Hà Nội	1	Hòa Bình	Thường Tín	192a/QĐ-UBND ngày 30/11/2023	6.681	UBND xã Hòa Bình	UBND xã Thường Tín	
168	Cải tạo, nâng cấp sân bóng thôn Dưỡng Hiền, xã Hoà Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Hòa Bình	Thường Tín	46/QĐ-UBND ngày 29/02/2024	4.498	UBND xã Hòa Bình	UBND xã Thường Tín	
169	Cải tạo, sửa chữa các nhà văn hóa trên địa bàn xã Văn Phú; Hạng mục: Nhà văn hóa thôn Văn Trai, Nhà văn hóa thôn Yên phú và các hạng mục phụ trợ	1	Văn Phú	Thường Tín	136/QĐ-UBND ngày 21/6/2023	0.978	UBND xã Văn Phú	UBND xã Thường Tín	
170	Nhà văn hoá thôn Quán Hiền, xã Hoà Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Hòa Bình	Thường Tín	45/QĐ-UBND ngày 29/2/2024	6.340	UBND xã Hòa Bình	UBND xã Thường Tín	
171	Các hạng mục phụ trợ Nhà văn hoá thôn Dưỡng Hiền	1	Hòa Bình	Thường Tín	213/QĐ-UBND ngày 30/7/2024	1.235	UBND xã Hòa Bình	UBND xã Thường Tín	
172	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông liên thôn Văn Giáp đến giếng vào Văn Từ thôn Văn Hội, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Văn Bình	Thường Tín	200/QĐ-UBND ngày 16/11/2023	6.392	UBND xã Văn Bình	UBND xã Thường Tín	
173	Đường từ máng Bệ Điền đi Bãi Đường, thôn Nhuệ Giang, xã Hiền Giang, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội	1	Hiền Giang	Thường Tín	105/QĐ-UBND ngày 06/9/2024	1.875	UBND xã Hiền Giang	UBND xã Thường Tín	
174	Đường trạm bơm (đoạn từ trạm bơm trại giống đến bờ đê Sông Nhuệ), xã Hòa Bình, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội	1	Hòa Bình	Thường Tín	182/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	9.269	UBND xã Hòa Bình	UBND xã Thường Tín	
175	Đường liên thôn Dưỡng Hiền - Phụng Công đi đường Hoà Bình - Nhị Khê, xã Hoà Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Hòa Bình	Thường Tín	76a/QĐ-UBND ngày 28/02/2022	5.603	UBND xã Hòa Bình	UBND xã Thường Tín	
176	Cải tạo, nâng cấp đường trục liên xóm thôn Thuỵ Ứng, xã Hoà Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Hòa Bình	Thường Tín	38/QĐ-UBND ngày 29/2/2024	9.917	UBND xã Hòa Bình	UBND xã Thường Tín	
177	Di chuyển giếng làng Trần Phú phục vụ GPMB đường TL427, Thực hiện cải tạo, chỉnh trang một số hạng mục hạ tầng kinh tế kỹ thuật trên địa bàn thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Thị trấn Thường Tín	Thường Tín	37/QĐ-UBND ngày 11/4/2024	5.254	UBND Thị trấn Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
178	Cải tạo, chỉnh trang nghĩa trang liệt sỹ và đường vào nghĩa trang liệt sỹ thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín, TP Hà Nội	1	Thị trấn Thường Tín	Thường Tín	118/QĐ-UBND ngày 20/9/2024	8.366	UBND Thị trấn Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
179	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Đại Bi (chùa Ói), xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Văn Bình	Thường Tín	4776/QĐ-UBND ngày 18/11/2024	12.376	UBND xã Văn Bình	UBND xã Thường Tín	
180	Nhà văn hoá thôn Xuân Nẻ, xã Khánh Hà, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Khánh Hà	Thường Tín	27/QĐ-UBND ngày 27/02/2024	7.406	UBND xã Khánh Hà	UBND xã Thường Tín	
181	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Đỗ Hà, xã Khánh Hà, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Khánh Hà	Thường Tín	3655/QĐ-UBND ngày 09/9/2024	14.963	UBND xã Khánh Hà	UBND xã Thường Tín	
182	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Liễu Ngoại, xã Khánh Hà, huyện Thường tín, thành phố Hà Nội	1	Khánh Hà	Thường Tín	3654/QĐ-UBND ngày 09/9/2024	14.989	UBND xã Khánh Hà	UBND xã Thường Tín	
183	Cải tạo mương Ngõ cá xóm 1 xuống kênh Cống Nụ, thôn Văn Giáp, xã Văn Bình	1	Văn Bình	Thường Tín	QĐ 170/QĐ-UBND ngày 26/9/2021; 83/QĐ-UBND ngày 30/7/2024	2.367	UBND xã Văn Bình	UBND xã Thường Tín	
184	Cải tạo rãnh thoát nước đoạn từ NVH thôn đến Cầu Xi Măng, thôn Xuân Nẻ, xã Khánh Hà, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Khánh Hà	Thường Tín	166/QĐ-UBDN ngày 22/8/2023	992	UBND xã Khánh Hà	UBND xã Thường Tín	
185	Đường từ cửa Quán đến sông Hoà Bình, xã Hoà Bình, huyện Thường Tín, tp hà Nội	1	Hòa Bình	Thường Tín	283/QĐ-UBND ngày 03/12/2024	5.211	UBND xã Hòa Bình	UBND xã Thường Tín	
186	Cải tạo, sửa chữa đường và hệ thống rãnh thoát nước giáp sân bóng thôn Hoàng Xá, xã Khánh Hà, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Khánh Hà	Thường Tín	28/QĐ-UBND ngày 27/02/2024	742	UBND xã Khánh Hà	UBND xã Thường Tín	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm xây dựng		Chủ trương/ Quyết định dự án đầu tư được duyệt/ QĐ phê duyệt dự toán/ QĐ phê duyệt quyết toán		Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư/Nhiệm vụ khác đã được giao	Chủ đầu tư/ Đơn vị thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư/Nhiệm vụ khác mới sau sắp xếp	Ghi chú
			Trước sắp xếp	Sau sắp xếp	Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
187	Cải tạo, nâng cấp đường trục liên thôn Liễu Nội đi Hiền Giang, xã Khánh Hà, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Khánh Hà	Thường Tín	167/QĐ-UBND ngày 22/8/2023	2.526	UBND xã Khánh Hà	UBND xã Thường Tín	
188	Đường giao thông nội đồng từ Quán Đồng đến mương tiêu Cống Nụ, thôn Văn Giáp, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Văn Bình	Thường Tín	82/QĐ-UBND ngày 30/7/2024	1.952	UBND xã Văn Bình	UBND xã Thường Tín	
189	Cải tạo, nâng cấp đường GTNĐ từ Mương Tiêu đi đường Văn Hoà, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Văn Bình	Thường Tín	80/QĐ-UBND ngày 10/7/2024	2.224	UBND xã Văn Bình	UBND xã Thường Tín	
190	Cải tạo, sửa chữa nghĩa trang liệt sỹ xã Khánh Hà, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Khánh Hà	Thường Tín	253/QĐ-UBND ngày 16/7/2024	843	UBND xã Khánh Hà	UBND xã Thường Tín	
C	**CHUYỂN CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN ỨNG VỐN QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ**	**2**				**41.581**			
1	Xây dựng HTKT, tổ chức bán đấu giá khu O2.5 và O2.6 thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín, TP Hà Nội	1	Thị trấn Thường Tín	Thường Tín	3740/QĐ-UBND 22/6/2017; 4210/QĐ-UBND 12/12/2017; 3532/QĐ-UBND 20/9/2019	38.336	UBND huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	
2	Xây dựng khu TĐC tại khu đất L.27 thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín	1	Thường Tín	Thường Tín	3764/QĐ-UBND 22/8/2012	3.245	UBND huyện Thường Tín	UBND xã Thường Tín	

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3536 /QĐ-UBND	*Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng trực thuộc UBND xã, phường sau sắp xếp trên cơ sở tổ chức lại các Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng cấp huyện và Trung tâm Phát triển quỹ đất cấp huyện

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 1656/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Hà Nội năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ các Kết luận của Ban Thường vụ Thành ủy về một số nội dung liên quan đến việc sắp xếp tổ chức bộ máy khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp;

Theo đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 3624/TTr-SNV ngày 27/6/2025 về thành lập Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng thuộc UBND xã, phường sau sắp xếp trên cơ sở tổ chức lại các Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng cấp huyện và Trung tâm Phát triển quỹ đất cấp huyện hiện nay.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng thuộc UBND xã, phường sau sắp xếp trên cơ sở tổ chức lại các Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng cấp huyện và Trung tâm Phát triển quỹ đất cấp huyện hiện nay, cụ thể như sau:

1. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng phường Hoàn Kiếm, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng quận Hoàn Kiếm.

2. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng phường Cửa Nam, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng quận Hoàn Kiếm.

3. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng phường Ba Đình, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng quận Ba Đình.

4. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng phường Ngọc Hà, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng quận Ba Đình.

5. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng phường Giảng Võ, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng quận Ba Đình.

6. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng phường Hai Bà Trưng, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng quận Hai Bà Trưng.

7. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng phường Vĩnh Tuy, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng quận Hai Bà Trưng.

8. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng phường Bạch Mai, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng quận Hai Bà Trưng.

9. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng phường Đống Đa, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng quận Đống Đa.

10. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng phường Kim Liên, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng quận Đống Đa.

11. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng quận Đống Đa.

12. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng phường Láng, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng quận Đống Đa.

13. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng phường Ô Chợ Dừa, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng quận Đống Đa.

14. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng phường Hồng Hà, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng các quận: Tây Hồ, Ba Đình, Hoàn Kiếm, Hai Bà Trưng.

15. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng phường Lĩnh Nam, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng quận Hoàng Mai, Trung tâm Phát triển quỹ đất quận Hoàng Mai.

16. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng phường Hoàng Mai, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng quận Hoàng Mai, Trung tâm Phát triển quỹ đất quận Hoàng Mai.

17. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng phường Vĩnh Hưng, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng quận Hoàng Mai, Trung tâm Phát triển quỹ đất quận Hoàng Mai.

18. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng phường Tương Mai, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng quận Hoàng Mai, Trung tâm Phát triển quỹ đất quận Hoàng Mai.

19. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng phường Định Công, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng quận Hoàng Mai, Trung tâm Phát triển quỹ đất quận Hoàng Mai.

20. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng phường Hoàng Liệt, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng quận Hoàng Mai, Trung tâm Phát triển quỹ đất quận Hoàng Mai.

21. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng phường Yên Sở, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng quận Hoàng Mai, Trung tâm Phát triển quỹ đất quận Hoàng Mai.

22. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng phường Thanh Xuân, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng quận Thanh Xuân.

23. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng phường Khương Đình, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng quận Thanh Xuân.

24. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng phường Phương Liệt, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng quận Thanh Xuân.

25. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng phường Cầu Giấy, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng quận Cầu Giấy.

26. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng phường Nghĩa Đô, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng quận Cầu Giấy.

27. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng phường Yên Hòa, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng quận Cầu Giấy.

28. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng phường Tây Hồ, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng quận Tây Hồ.

29. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng phường Phú Thượng, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng quận Tây Hồ.

30. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng phường Tây Tựu, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng quận Bắc Từ Liêm, Trung tâm Phát triển quỹ đất quận Bắc Từ Liêm.

31. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng phường Phú Diễn, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng quận Bắc Từ Liêm, Trung tâm Phát triển quỹ đất quận Bắc Từ Liêm.

32. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng phường Xuân Đỉnh, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng quận Bắc Từ Liêm, Trung tâm Phát triển quỹ đất quận Bắc Từ Liêm.

33. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng phường Đông Ngạc, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng quận Bắc Từ Liêm, Trung tâm Phát triển quỹ đất quận Bắc Từ Liêm.

34. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng phường Thượng Cát, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng quận Bắc Từ Liêm, Trung tâm Phát triển quỹ đất quận Bắc Từ Liêm.

35. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng phường Từ Liêm, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng quận Nam Từ Liêm, Trung tâm Phát triển quỹ đất quận Nam Từ Liêm.

36. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng phường Xuân Phương, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng quận Nam Từ Liêm, Trung tâm Phát triển quỹ đất quận Nam Từ Liêm.

37. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng phường Tây Mỗ, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng quận Nam Từ Liêm, Trung tâm Phát triển quỹ đất quận Nam Từ Liêm.

38. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng phường Đại Mỗ, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng quận Nam Từ Liêm, Trung tâm Phát triển quỹ đất quận Nam Từ Liêm.

39. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng phường Long Biên, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng quận Long Biên, Trung tâm Phát triển quỹ đất quận Long Biên.

40. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng phường Bồ Đề, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng quận Long Biên, Trung tâm Phát triển quỹ đất quận Long Biên.

41. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng phường Việt Hưng, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng quận Long Biên, Trung tâm Phát triển quỹ đất quận Long Biên.

42. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng phường Phúc Lợi, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng quận Long Biên, Trung tâm Phát triển quỹ đất quận Long Biên.

43. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng phường Hà Đông, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng quận Hà Đông.

44. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng phường Dương Nội, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng quận Hà Đông.

45. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng phường Yên Nghĩa, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng quận Hà Đông.

46. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng phường Phú Lương, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng quận Hà Đông.

47. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng phường Kiến Hưng, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng quận Hà Đông.

48. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng phường Thanh Liệt, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Thanh Trì, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Thanh Trì.

49. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng phường Chương Mỹ, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Chương Mỹ, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Chương Mỹ.

50. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng phường Sơn Tây, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng thị xã Sơn Tây.

51. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng phường Tùng Thiện, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng thị xã Sơn Tây.

52. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng xã Thanh Trì, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Thanh Trì, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Thanh Trì.

53. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng xã Đại Thanh, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Thanh Trì, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Thanh Trì.

54. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng xã Nam Phù, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Thanh Trì, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Thanh Trì.

55. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng xã Ngọc Hồi, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyệnThanh Trì, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Thanh Trì.

56. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng xã Thượng Phúc, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Thường Tín, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Thường Tín.

57. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng xã Thường Tín, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Thường Tín, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Thường Tín.

58. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng xã Chương Dương, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Thường Tín, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Thường Tín.

59. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng xã Hồng Vân, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Thường Tín, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Thường Tín.

60. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng xã Phú Xuyên, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Phú Xuyên, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Phú Xuyên, Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Thường Tín, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Thường Tín.

61. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng xã Phượng Dực, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Phú Xuyên, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Phú Xuyên.

62. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng xã Chuyên Mỹ, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Phú Xuyên, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Phú Xuyên.

63. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng xã Đại Xuyên, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Phú Xuyên, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Phú Xuyên.

64. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng xã Thanh Oai, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Thanh Oai, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Thanh Oai.

65. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng xã Bình Minh, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Thanh Oai, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Thanh Oai.

66. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng xã Tam Hưng, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Thanh Oai, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Thanh Oai.

67. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng xã Dân Hòa, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Thanh Oai, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Thanh Oai.

68. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng xã Vân Đình, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Ứng Hòa, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Ứng Hòa.

69. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng xã Ứng Thiên, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Ứng Hòa, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Ứng Hòa.

70. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng xã Hòa Xá, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Ứng Hòa, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Ứng Hòa.

71. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng xã Ứng Hòa, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Ứng Hòa, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Ứng Hòa.

72. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng xã Mỹ Đức, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Mỹ Đức, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Mỹ Đức.

73. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng xã Hồng Sơn, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Mỹ Đức, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Mỹ Đức.

74. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng xã Phúc Sơn, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Mỹ Đức, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Mỹ Đức.

75. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng xã Hương Sơn, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Mỹ Đức, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Mỹ Đức.

76. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng xã Phú Nghĩa, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Chương Mỹ, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Chương Mỹ.

77. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng xã Xuân Mai, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Chương Mỹ, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Chương Mỹ.

78. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng xã Trần Phú, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Chương Mỹ, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Chương Mỹ.

79. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng xã Hòa Phú, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Chương Mỹ, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Chương Mỹ.

80. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng xã Quảng Bị, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Chương Mỹ, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Chương Mỹ.

81. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng xã Minh Châu, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Ba Vì, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Ba Vì.

82. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng xã Quảng Oai, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Ba Vì, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Ba Vì.

83. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng xã Vật Lại, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Ba Vì, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Ba Vì.

84. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng xã Cổ Đô, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Ba Vì, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Ba Vì.

85. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng xã Bất Bạt, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Ba Vì, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Ba Vì.

86. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng xã Suối Hai, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Ba Vì, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Ba Vì.

87. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng xã Ba Vì, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Ba Vì, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Ba Vì.

88. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng xã Yên Bài, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Ba Vì, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Ba Vì.

89. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng xã Đoài Phương, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng thị xã Sơn Tây.

90. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng xã Phúc Thọ, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Phúc Thọ, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Phúc Thọ.

91. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng xã Phúc Lộc, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Phúc Thọ, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Phúc Thọ.

92. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng xã Hát Môn, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Phúc Thọ, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Phúc Thọ.

93. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng xã Thạch Thất, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Thạch Thất, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Thạch Thất.

94. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng xã Hạ Bằng, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Thạch Thất, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Thạch Thất.

95. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng xã Tây Phương, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Thạch Thất, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Thạch Thất.

96. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng xã Hòa Lạc, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Thạch Thất, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Thạch Thất.

97. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng xã Yên Xuân, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Thạch Thất, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Thạch Thất.

98. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng xã Quốc Oai, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Quốc Oai, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Quốc Oai.

99. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng xã Hưng Đạo, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Quốc Oai, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Quốc Oai.

100. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng xã Kiều Phú, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Quốc Oai, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Quốc Oai.

101. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng xã Phú Cát, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Quốc Oai, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Quốc Oai.

102. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng xã Hoài Đức, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Hoài Đức, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Hoài Đức.

103. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng xã Dương Hòa, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Hoài Đức, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Hoài Đức.

104. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng xã Sơn Đồng, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Hoài Đức, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Hoài Đức.

105. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng xã An Khánh, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Hoài Đức, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Hoài Đức.

106. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng xã Đan Phượng, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Đan Phượng, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Đan Phượng.

107. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng xã Ô Diên, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Đan Phượng, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Đan Phượng.

108. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng xã Liên Minh, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Đan Phượng, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Đan Phượng.

109. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng xã Gia Lâm, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Gia Lâm, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Gia Lâm.

110. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng xã Thuận An, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Gia Lâm, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Gia Lâm.

111. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng xã Bát Tràng, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Gia Lâm, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Gia Lâm.

112. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng xã Phù Đổng, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Gia Lâm, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Gia Lâm.

113. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng xã Thư Lâm, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Đông Anh, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Đông Anh.

114. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng xã Đông Anh, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Đông Anh, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Đông Anh.

115. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng xã Phúc Thịnh, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Đông Anh, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Đông Anh.

116. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng xã Thiên Lộc, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Đông Anh, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Đông Anh.

117. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng xã Vĩnh Thanh, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Đông Anh, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Đông Anh.

118. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng xã Mê Linh, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Mê Linh, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Mê Linh.

119. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng xã Yên Lãng, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Mê Linh, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Mê Linh.

120. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng xã Tiến Thắng, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Mê Linh, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Mê Linh.

121. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng xã Quang Minh, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Mê Linh, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Mê Linh.

122. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng xã Sóc Sơn, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Sóc Sơn, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Sóc Sơn.

123. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng xã Đa Phúc, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Sóc Sơn, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Sóc Sơn.

124. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng xã Nội Bài, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Sóc Sơn, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Sóc Sơn.

125. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng xã Trung Giã, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Sóc Sơn, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Sóc Sơn.

126. Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng xã Kim Anh, trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Sóc Sơn, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Sóc Sơn.

Điều 2. Về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức

1. Vị trí: Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND các xã, phường; có tư cách pháp nhân và con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và Ngân hàng theo quy định của pháp luật hiện hành.

Trụ sở của Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng do UBND xã, phường chịu trách nhiệm bố trí.

2. Chức năng, nhiệm vụ:

2.1. Chức năng

a) Làm chủ đầu tư, ủy quyền chủ đầu tư một số dự án sử dụng vốn ngân sách, vốn ngoài ngân sách do người quyết định đầu tư giao và ủy quyền;

b) Nhận ủy thác quản lý dự án của các chủ đầu tư khác theo hợp đồng ủy thác quản lý dự án được ký kết;

c) Tổ chức quản lý các dự án do đơn vị làm chủ đầu tư và nhận ủy thác quản lý dự án theo hợp đồng ủy thác quản lý dự án cho các chủ đầu tư khác khi được yêu cầu và có đủ điều kiện năng lực để thực hiện theo quy định của pháp luật;

d) Tổ chức thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

đ) Tạo lập, phát triển, quản lý, khai thác quỹ đất; Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân; tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất và thực hiện các dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.

2.2. Nhiệm vụ

a) Trong công tác quản lý dự án:

- Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của chủ đầu tư;

- Thực hiện các nhiệm vụ quản lý dự án;

- Nhận ủy thác quản lý dự án theo hợp đồng ký kết với các chủ đầu tư khác khi được yêu cầu, phù hợp với năng lực hoạt động của mình;

- Giám sát thi công xây dựng công trình khi đủ điều kiện năng lực hoạt động theo quy định của pháp luật.

b) Thực hiện nhiệm vụ quyền hạn trong lĩnh vực phát triển quỹ đất, cụ thể:

- Lập kế hoạch tổ chức thực hiện việc thu hồi đất theo kế hoạch sử dụng đất hằng năm của xã, phường để bồi thường, hỗ trợ, tái định cư;

- Lập, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư và tổ chức xây dựng kết cấu hạ tầng trên đất để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất khi được cơ quan có thẩm quyền giao;

- Thực hiện tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật;

- Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân theo quy định của pháp luật;

- Quản lý quỹ đất đã được giải phóng mặt bằng, quỹ đất đã nhận chuyển nhượng nhưng chưa có dự án đầu tư hoặc chưa đấu giá quyền sử dụng đất; đất đã thu hồi và thuộc trách nhiệm quản lý theo quy định của Luật đất đai; lập phương án sử dụng, khai thác quỹ đất được giao quản lý nhưng chưa có quyết định giao đất, cho thuê đất;

- Cung ứng các dịch vụ trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng: lập, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định;

- Được cung cấp hồ sơ, bản đồ, thông tin, số liệu đất đai, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật;

c) Thực hiện các nhiệm vụ dịch vụ công ích, hạ tầng kỹ thuật (duy tu hè, đường, phố, ngõ, ngách; quản lý công viên, vườn hoa, cây xanh, khu vui chơi công cộng; quản lý vận hành hệ thống chiếu sáng công cộng, vệ sinh môi trường, ...); quản lý chợ (đối với những xã, phường không có Ban quản lý chợ) trên địa bàn theo phân cấp;

d) Được ký hợp đồng thuê các tổ chức, cá nhân làm tư vấn hoặc thực hiện các nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật;

đ) Quản lý viên chức, người lao động, tài chính và tài sản thuộc đơn vị theo quy định của pháp luật;

e) Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định hiện hành về các lĩnh vực công tác được giao;

g) Thực hiện các nhiệm vụ khác do UBND xã, phường giao theo quy định của pháp luật.

3. Cơ cấu tổ chức

- Lãnh đạo Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng gồm: Giám đốc và các Phó Giám đốc.

Số lượng Phó Giám đốc theo quy định của Chính phủ.

- Các phòng chuyên môn được thành lập trên cơ sở Đề án tự chủ của đơn vị. Việc thành lập các phòng phải đáp ứng tiêu chí: công việc hoặc lĩnh vực do phòng thực hiện phải có từ 02 mảng công tác trở lên và có quy trình quản lý riêng theo yêu cầu của đối tượng quản lý; khối lượng công việc của phòng yêu cầu phải bố trí từ 07 người làm việc là viên chức trở lên.

4. Cơ chế tài chính

Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng là đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên theo quy định của Chính phủ về cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

5. Số lượng người làm việc

- Căn cứ hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực, sau khi thành lập, UBND xã, phường chỉ đạo việc xây dựng Đề án vị trí việc làm của Ban quản lý

Dự án đầu tư - hạ tầng và tổ chức tuyển dụng (nếu thiếu) theo Đề án vị trí việc làm được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Việc giao số lượng viên chức làm việc tại Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng thực hiện theo từng giai đoạn tương ứng với giai đoạn tự chủ tài chính theo quy định của Chính phủ.

- Căn cứ mức độ, tính chất công việc, Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng có thể ký các hợp đồng thuê, khoán công việc để hoàn thành nhiệm vụ được giao trong từng thời điểm cụ thể theo quy định của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Các Sở: Nội vụ, Xây dựng, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường

Đôn đốc, kiểm tra quá trình thực hiện Quyết định, bảo đảm theo quy định của pháp luật.

2. UBND quận, huyện, thị xã

- Chỉ đạo rà soát, thống kê hồ sơ, tài liệu, thông tin, dữ liệu; tài chính, tài sản; tiến độ thực hiện nhiệm vụ; chuẩn bị đầy đủ các điều kiện để bàn giao nhiệm vụ cho các Tổ tiếp nhận theo Quyết định của UBND Thành phố khi kết thúc hoạt động của đơn vị hành chính cấp huyện và tổ chức mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

- Dự kiến đề xuất bố trí trụ sở cho Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng trực thuộc UBND xã, phường mới để đảm bảo hoạt động ổn định ngay sau sắp xếp.

3. UBND xã, phường sau sắp xếp

- Chỉ đạo tổ chức thực hiện Quyết định này;

- Kiện toàn lãnh đạo Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng trực thuộc theo quy định để thực hiện nhiệm vụ được giao;

- Chỉ đạo tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng theo quy định của pháp luật.

3. Giám đốc Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng, Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất cấp huyện trực thuộc UBND quận, huyện, thị xã

- Thống kê số lượng người làm việc, kinh phí hoạt động, trang thiết bị, hồ sơ, sổ sách, chứng từ, tài liệu, công nợ, các quyền lợi, nghĩa vụ khác có liên quan đến tổ chức và hoạt động của đơn vị để bàn giao về Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng;

- Làm việc với cơ quan chức năng để tiến hành thủ tục thu hồi con dấu theo quy định;

- Chịu trách nhiệm, tiếp tục thực hiện nhiệm vụ liên quan của Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng, Trung tâm Phát triển quỹ đất cấp huyện trước khi Quyết định này có hiệu lực.

4. Giám đốc Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện việc tiếp nhận, bố trí, sắp xếp, ổn định tổ chức bộ máy, nhân sự, tài chính, tài sản, trụ

sở làm việc, hồ sơ, sổ sách, chứng từ, tài liệu, công nợ và các quyền lợi nghĩa vụ khác có liên quan theo quy định;

- Kiện toàn các chức danh lãnh đạo, quản lý các phòng (nếu có) theo phân cấp quản lý cán bộ;

- Xây dựng quy chế hoạt động, quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, số lượng người làm việc của các phòng chuyên môn trực thuộc.

Điều 4. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2025.

Chánh Văn phòng UBND Thành phố, Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch UBND xã, phường sau sắp xếp, Giám đốc các Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng trực thuộc UBND xã, phường có tên tại Điều 1, Thủ trưởng đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Các Bộ: Nội vụ, Xây dựng, Tài chính;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các Phó Chủ tịch UBND Thành phố;
- VPUBTP: CVP, các PCVP.
- Các phòng chuyên môn;
- Lưu: VT, NC Dương.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Hồng Sơn

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ THƯỜNG TÍN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 779/QĐ-UBND	*Thường Tín, ngày 01 tháng 8 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ủy quyền, giao thực hiện một số nhiệm vụ của chủ đầu tư đối với các dự án do Uỷ ban nhân dân xã Thường Tín làm Chủ đầu tư cho Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng xã Thường Tín

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ THƯỜNG TÍN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 3536/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc thành lập Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng trực thuộc UBND xã, phường sau sắp xếp trên cơ sở tổ chức lại các Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng cấp huyện và Trung tâm Phát triển quỹ đất cấp huyện;

Căn cứ văn bản số 8796/STC-QLNS ngày 23/7/2025 của Sở Tài chính về việc triển khai thực hiện các dự án đầu tư công khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp;

Căn cứ văn bản số 4243/UBND-KT ngày 24/7/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc triển khai thực hiện các dự án đầu tư công khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp;

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế tại tờ trình 11/TTr-KT ngày 01/8/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ủy quyền, giao nhiệm vụ cho Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng xã Thường Tín thực hiện các nhiệm vụ của Chủ đầu tư đối với các dự án do Uỷ ban nhân dân xã Thường Tín làm Chủ đầu tư; Không thực hiện ủy quyền, giao thực hiện một số nhiệm vụ sau của Chủ đầu tư:

- Phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở; phê duyệt điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở;

- Phê duyệt dự toán xây dựng, dự toán các gói thầu xây dựng giai đoạn thực hiện dự án; phê duyệt điều chỉnh dự toán xây dựng, dự toán các gói thầu xây dựng giai đoạn thực hiện dự án;

- Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn thực hiện dự án; phê duyệt điều chỉnh/bổ sung kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn thực hiện dự án.

Điều 2. Thời hạn ủy quyền, giao nhiệm vụ: kể từ ngày Quyết định có hiệu lực đến khi các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng; tất toán, đóng mã dự án theo quy định hoặc có văn bản hướng dẫn mới của cấp trên.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng xã Thường Tín.

- Chủ động rà soát, tiếp nhận đầy đủ hồ sơ, tài liệu các dự án; tiếp tục triển khai các dự án, đảm bảo không gián đoạn. Kịp thời báo cáo Uỷ ban nhân dân xã về các khó khăn, vướng mắc (*nếu có*);

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật, Uỷ ban nhân dân xã Thường Tín, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã Thường Tín về kết quả thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được ủy quyền trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện các dự án đảm bảo tuân thủ pháp luật hiện hành về đấu thầu, xây dựng và các văn bản hướng dẫn liên quan;

- Hoàn thiện việc xây dựng Đề án vị trí việc làm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; Xây dựng quy chế hoạt động, quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, số lượng người làm việc của các phòng chuyên môn trực thuộc đảm bảo việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được ủy quyền tuân thủ quy định của pháp luật;

- Sử dụng hình thức văn bản, con dấu của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được ủy quyền.

- Phối hợp với phòng Kinh tế xã rà soát các dự án chưa được giao tại quyết định số 3339/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 và quyết định số 3380/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của UBND thành phố Hà Nội, tổng hợp, tham mưu Uỷ ban nhân dân xã đề xuất thành phố cập nhật, giao bổ sung theo quy định.

2. Giao phòng Kinh tế theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng xã Thường Tín.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã, Trưởng phòng Kinh tế, Giám đốc Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng xã Thường Tín và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

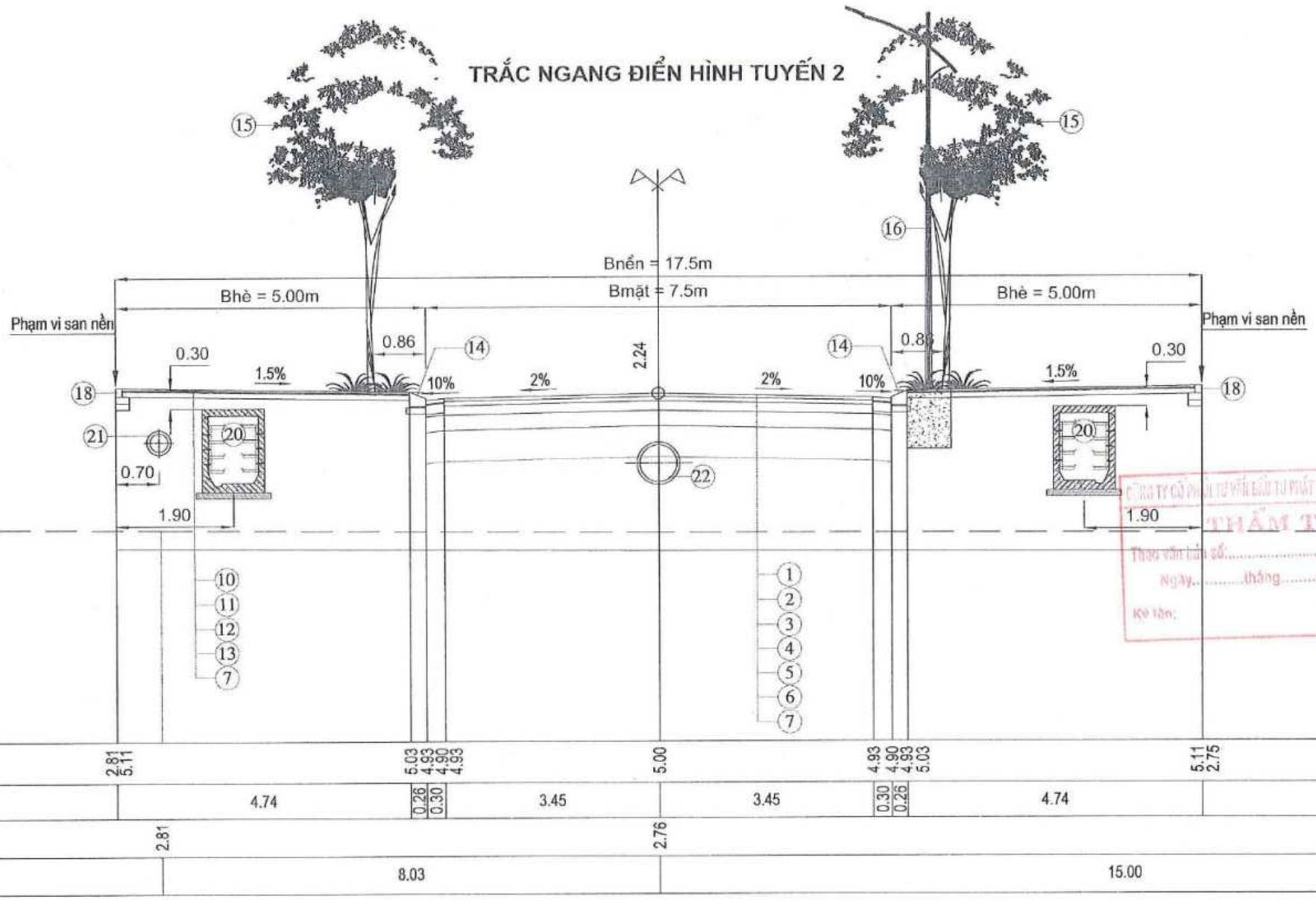
Nơi nhận:
- Thường trực Đảng uỷ xã;
- Thường trực HĐND - UBND xã;
- Như Điều 4;
- Lưu. VT, P.KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Phan Thanh Tùng

PHỤ LỤC II: BẢN VẼ CỦA DỰ ÁN

TRẮC NGANG ĐIỂN HÌNH TUYẾN 2



GHI CHÚ :

Kết cấu mặt đường :

1 - Mặt đường bê tông nhựa chặt (BTNC 12.5) lớp trên dải nóng dày 5cm .
(Tưới dính bám bằng nhựa lỏng, lượng nhựa T/C 0.5Kg/m2) .
2 - Mặt đường bê tông nhựa chặt (BTNC 19.0) lớp dưới dải nóng dày 7cm .
(Tưới thấm bám bằng nhựa, lượng nhựa T/C 1.0Kg/m2) .
3 - Lớp móng cấp phối đá dăm loại I (kích cỡ 0/25) dày 15cm.
4 - Lớp móng cấp phối đá dăm loại II (kích cỡ 0/37.5) dày 25cm.
5 - Lớp vải địa kỹ thuật không dệt cường độ 12KN/m.
6 - Đắp K98 bằng cát dày 50cm .
7 - Đào hữu cơ dày 30cm.
10 - Lát hè gạch giả đá dày 4.5cm .
11 - Lớp vữa xi măng mác 100# dày 2cm .
12 - Lớp móng hè bê tông xi măng mác 150# đá 1x2 dày 8cm.
13 - Đắp hè bằng cát.
14 - Viên Block vỉa BTXM mác 300# (có bản vẽ chi tiết riêng) .
15 - Trồng cây xanh.
16 - Hệ thống chiếu sáng (có bản vẽ chi tiết riêng) .
18 - Bó hè xây gạch (có bản vẽ chi tiết riêng) .
20 - Hào kỹ thuật (có bản vẽ chi tiết riêng) .
21 - Cống thoát nước thải D300 .
22 - Cống tròn thoát nước mưa D600 .

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY	XÁC NHẬN
1		
2		
3		
4		
5		

CHỦ ĐẦU TƯ:
TRUNG PHẨM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT HUYỆN THƯỜNG TÍN
ĐỊA CHỈ: TRẦN PHÚ, TT. THƯỜNG TÍN, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

TÊN DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐỂ ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT KHU NHỊ KHÊ 6, HUYỆN THƯỜNG TÍN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ NHỊ KHÊ., HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:
HỘI KIẾN TRÚC SƯ HÀ NỘI
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TƯ VẤN XÂY DỰNG
ĐC: TÒA NHÀ CT1A, KHU ĐÔ THỊ VĂN QUÁN, YÊN PHỤC, HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI
ĐT: 02433.540.176 - FAX: 02433.540.176
EMAIL: HKTSHANOI@GMAIL.COM
GIÁM ĐỐC
HÀN HỮU HUẤN

CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN:
KS. HOÀNG VĂN VŨ
CHỦ TRÌ:
KS. HOÀNG VĂN VŨ
THIẾT KẾ:
KS. LÊ ANH TUẤN
QUẢN LÝ KỸ THUẬT:
KS. VŨ XUÂN QUYẾT

HẠNG MỤC:
GIAO THÔNG

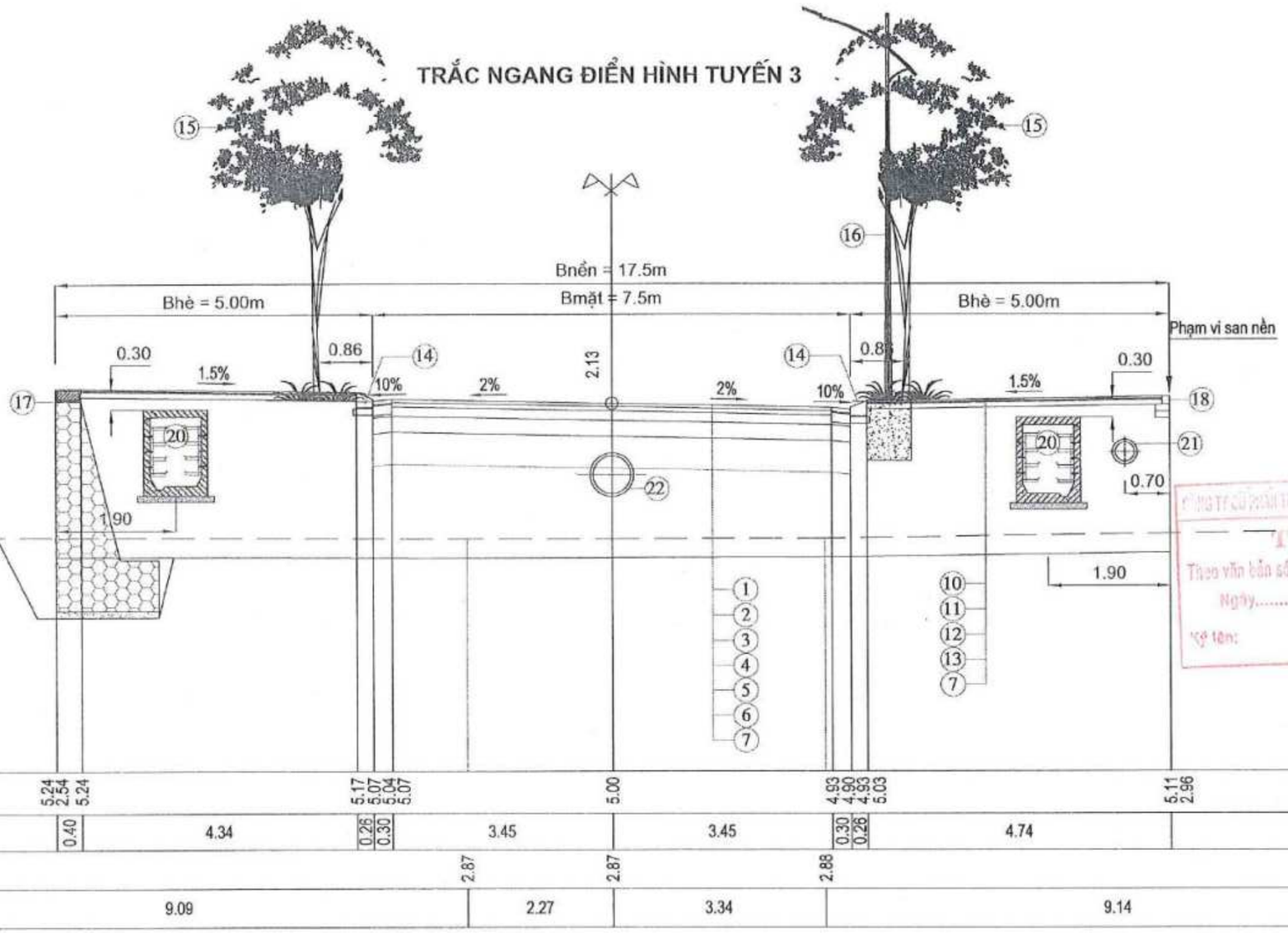
TÊN BẢN VẼ:
TRẮC NGANG ĐIỂN HÌNH TUYẾN 2

GIAI ĐOẠN: LẬP BÁO CÁO KTKT		KÝ HIỆU BẢN VẼ:
HOÀN THÀNH: 2025	KHỔ IN / TỶ LỆ	GT-TNBH-T2-01

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG ĐẠI [illegible]
THẨM TRA
Theo văn bản số:.....
Ngày.....tháng.....năm 202.....
Ký tên:

M.S.D.N: 0500437111 - C.T.N.H.H
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN TƯ VẤN XÂY DỰNG HỘI KIẾN TRÚC SƯ HÀ NỘI
Q. HÀ ĐÔNG - TP. HÀ NỘI

TRẮC NGANG ĐIỂN HÌNH TUYẾN 3



GHI CHÚ :

Kết cấu mặt đường :

1 - Mặt đường bê tông nhựa chặt (BTNC 12.5) lớp trên dải nóng dày 5cm .
(Tưới dính bám bằng nhựa lỏng, lượng nhựa T/C 0.5Kg/m2) .
2 - Mặt đường bê tông nhựa chặt (BTNC 19.0) lớp dưới dải nóng dày 7cm .
(Tưới thấm bám bằng nhựa, lượng nhựa T/C 1.0Kg/m2) .
3 - Lớp móng cấp phối đá dăm loại I (kích cỡ 0/25) dày 15cm.
4 - Lớp móng cấp phối đá dăm loại II (kích cỡ 0/37.5) dày 25cm.
5 - Lớp vải địa kỹ thuật không dệt cường độ 12KN/m.
6 - Đắp K98 bằng cát dày 50cm .
7 - Đào hữu cơ dày 30cm.

10 - Lát hè gạch giả đá dày 4.5cm .
11 - Lớp vữa xi măng mác 100# dày 2cm .
12 - Lớp móng hè bê tông xi măng mác 150# đá 1x2 dày 8cm.
13 - Đắp hè bằng cát.
14 - Viên Block vỉa BTXM mác 300# (có bản vẽ chi tiết riêng) .
15 - Trồng cây xanh.
16 - Hệ thống chiếu sáng (có bản vẽ chi tiết riêng) .
17 - Kè đá hộc (có bản vẽ chi tiết riêng) .
18 - Bó hè xây gạch (có bản vẽ chi tiết riêng) .
20 - Hào kỹ thuật (có bản vẽ chi tiết riêng) .
21 - Cống thoát nước thải D300 .
22 - Cống tròn thoát nước mưa D600, D800 .

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY	XÁC NHẬN
1		
2		
3		
4		
5		

CHỦ ĐẦU TƯ:
TRUNG PHẨM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT HUYỆN THƯỜNG TÍN
ĐỊA CHỈ: TRẦN PHÚ, TT. THƯỜNG TÍN, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

TÊN DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐỂ ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT KHU NHỊ KHÊ 6, HUYỆN THƯỜNG TÍN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ NHỊ KHÊ, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

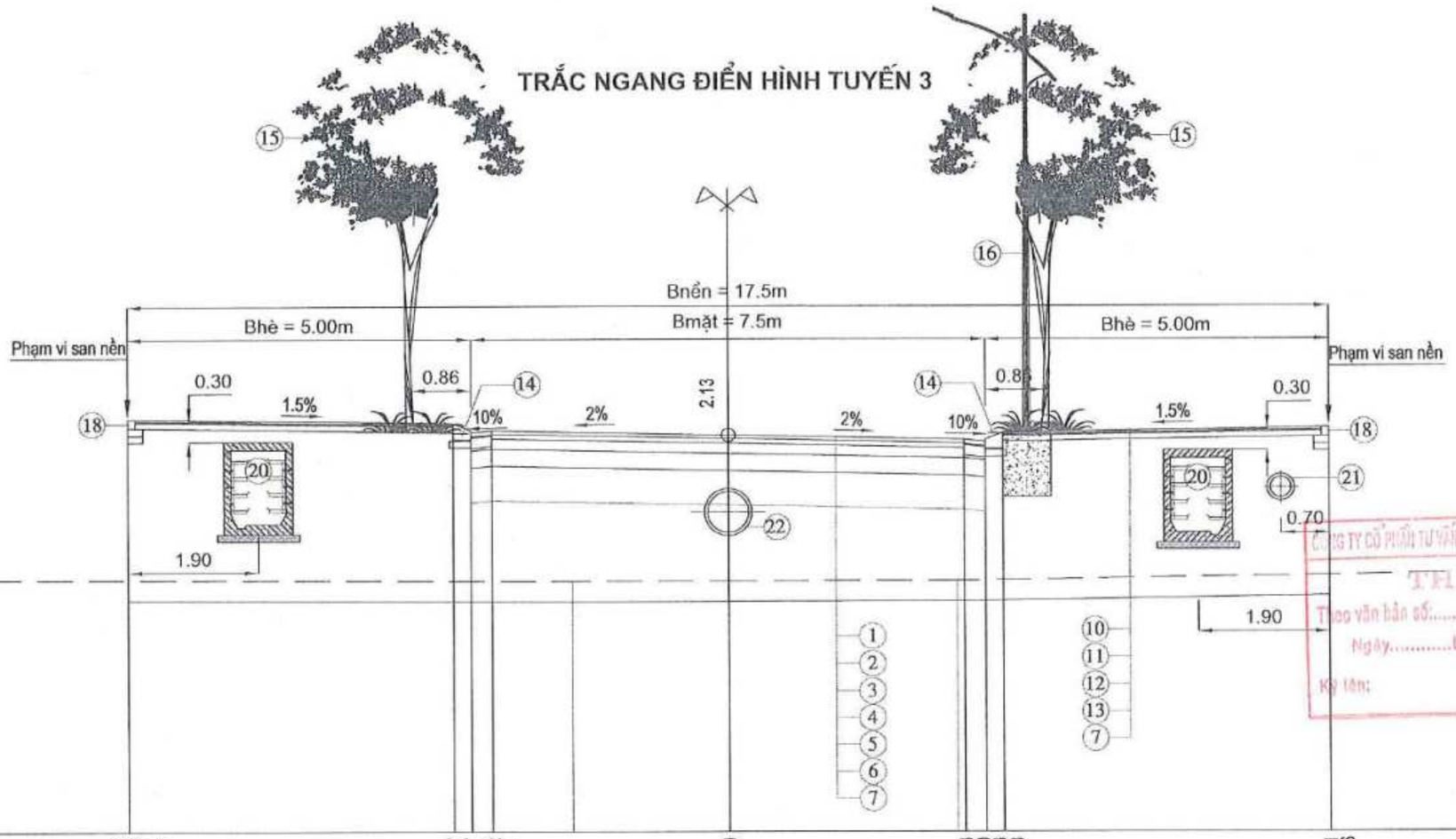
ĐƠN VỊ TƯ VẤN:
HỘI KIẾN TRÚC SƯ HÀ NỘI
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TƯ VẤN XÂY DỰNG
ĐC: TÒA NHÀ CT1A, KHU ĐÔ THỊ VĂN QUÁN, YÊN PHỤC, HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI
ĐT: 02433.540.178 - FAX: 02433.540.176
EMAIL: HKTSHANOI@GMAIL.COM
GIÁM ĐỐC
NGUYỄN HỮU HUẤN
KS. HOÀNG VĂN VŨ
CHỦ TRÌ: KS. HOÀNG VĂN VŨ
THIẾT KẾ: KS. LÊ ANH TUẤN
QUẢN LÝ KỸ THUẬT: KS. VŨ XUÂN QUYẾT

HẠNG MỤC: GIAO THÔNG
TÊN BẢN VẼ: TRẮC NGANG ĐIỂN HÌNH TUYẾN 3

GIAI ĐOẠN: LẬP BÁO CÁO NCKT		KÝ HIỆU BẢN VẼ:
HOÀN THÀNH: 2025	KHỔ IN / TỶ LỆ	GT-TNDH-T3-01

THẨM TRA
Theo văn bản số:.....
Ngày.....tháng.....năm 2025
Ký tên:

TRẮC NGANG ĐIỂN HÌNH TUYẾN 3



GHI CHÚ :

Kết cấu mặt đường :

1 - Mặt đường bê tông nhựa chặt (BTNC 12.5) lớp trên dải nóng dày 5cm .
(Tưới dính bám bằng nhựa lỏng, lượng nhựa T/C 0.5Kg/m2) .
2 - Mặt đường bê tông nhựa chặt (BTNC 19.0) lớp dưới dải nóng dày 7cm .
(Tưới thấm bám bằng nhựa, lượng nhựa T/C 1.0Kg/m2) .
3 - Lớp móng cấp phối đá dăm loại I (kích cỡ 0/25) dày 15cm.
4 - Lớp móng cấp phối đá dăm loại II (kích cỡ 0/37.5) dày 25cm.
5 - Lớp vải địa kỹ thuật không dệt cường độ 12KN/m.
6 - Đắp K98 bằng cát dày 50cm .
7 - Đào hữu cơ dày 30cm.
10 - Lát hè gạch giả đá dày 4.5cm .
11 - Lớp vữa xi măng mác 100# dày 2cm .
12 - Lớp móng hè bê tông xi măng mác 150# đá 1x2 dày 8cm.
13 - Đắp hè bằng cát.
14 - Viên Block vỉa BTXM mác 300# (có bản vẽ chi tiết riêng) .
15 - Trồng cây xanh.
16 - Hệ thống chiếu sáng (có bản vẽ chi tiết riêng) .
18 - Bó hè xây gạch (có bản vẽ chi tiết riêng) .
20 - Hào kỹ thuật (có bản vẽ chi tiết riêng) .
21 - Cống thoát nước thải D300 .
22 - Cống tròn thoát nước mưa D600, D800 .

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY	XÁC NHẬN
1		
2		
3		
4		
5		

CHỦ ĐẦU TƯ:
TRUNG PHÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT HUYỆN THƯỜNG TÍN

ĐỊA CHỈ: TRẦN PHÚ, TT. THƯỜNG TÍN, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

TÊN DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐỂ ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT KHU NHỊ KHÊ 6, HUYỆN THƯỜNG TÍN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

ĐỊA ĐIỂM: XÃ NHỊ KHÊ, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:
HỘI KIẾN TRÚC SƯ HÀ NỘI

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TƯ VẤN XÂY DỰNG
ĐC: TÒA NHÀ CT1A, KHU ĐÔ THỊ VĂN QUÁN, YÊN PHỤC, HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI
ĐT: 02433.540.175 - FAX: 02433.540.176
EMAIL: HKTSHANOI@GMAIL.COM

GIÁM ĐỐC
MAI HỮU HUÂN

KS. HOÀNG VĂN VŨ
CHỦ TRÌ
KS. HOÀNG VĂN VŨ
THIẾT KẾ
KS. LÊ ANH TUẤN
QUẢN LÝ KỸ THUẬT
KS. VŨ XUÂN QUYẾT

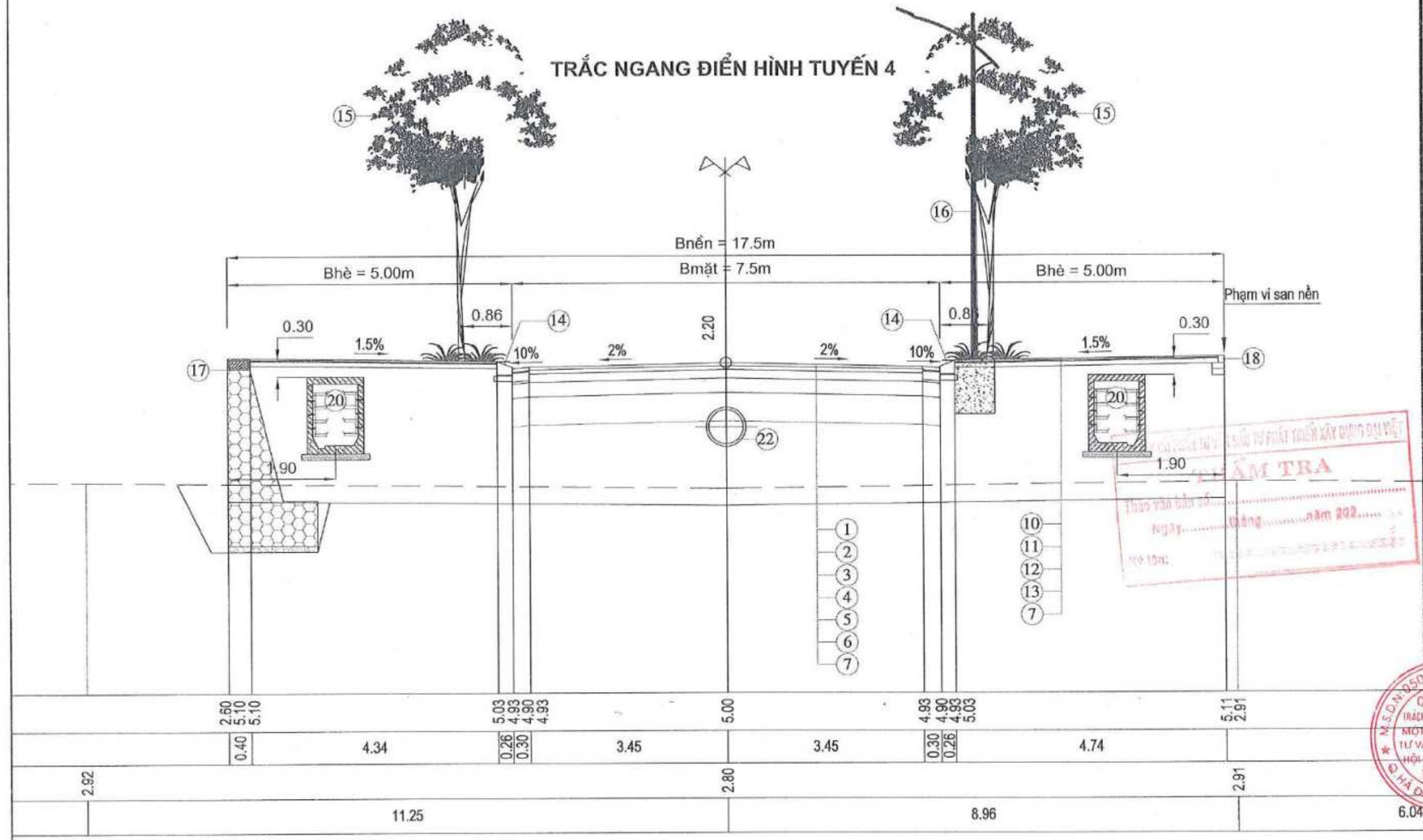
HẠNG MỤC:
GIAO THÔNG

TÊN BẢN VẼ:
TRẮC NGANG ĐIỂN HÌNH TUYẾN 3

GIAI ĐOẠN: LẬP BÁO CÁO NCKT		KÝ HIỆU BẢN VẼ
HOÀN THÀNH: 2025	KHỔ IN / TỶ LỆ	GT-TNDH-T3-02

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG HÀ NỘI
THẨM TRA
Theo văn bản số:.....
Ngày.....tháng.....năm 202.....
Ký tên:

TRẮC NGANG ĐIỂN HÌNH TUYẾN 4



GHI CHÚ :

Kết cấu mặt đường :

1 - Mặt đường bê tông nhựa chặt (BTNC 12.5) lớp trên dải nóng dày 5cm .
(Tưới dính bám bằng nhựa lỏng, lượng nhựa T/C 0.5Kg/m2) .
2 - Mặt đường bê tông nhựa chặt (BTNC 19.0) lớp dưới dải nóng dày 7cm .
(Tưới thấm bám bằng nhựa, lượng nhựa T/C 1.0Kg/m2) .
3 - Lớp móng cấp phối đá dăm loại I (kích cỡ 0/25) dày 15cm.
4 - Lớp móng cấp phối đá dăm loại II (kích cỡ 0/37.5) dày 25cm.
5 - Lớp vải địa kỹ thuật không dệt cường độ 12KN/m.
6 - Đắp K98 bằng cát dày 50cm .
7 - Đào hữu cơ dày 30cm.
10 - Lát hè gạch giả đá dày 4.5cm .
11 - Lớp vữa xi măng mác 100# dày 2cm .
12 - Lớp móng hè bê tông xi măng mác 150# đá 1x2 dày 8cm.
13 - Đắp hè bằng cát.
14 - Viên Block vỉa BTXM mác 300# (có bản vẽ chi tiết riêng) .
15 - Trồng cây xanh.
16 - Hệ thống chiếu sáng (có bản vẽ chi tiết riêng) .
17 - Kè đá hộc (có bản vẽ chi tiết riêng) .
18 - Bó hè xây gạch (có bản vẽ chi tiết riêng) .
20 - Hào kỹ thuật (có bản vẽ chi tiết riêng) .
22 - Cống tròn thoát nước mưa D600 .

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY	XÁC NHẬN
1		
2		
3		
4		
5		

CHỦ ĐẦU TƯ:
TRUNG PHẤM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT HUYỆN THƯỜNG TÍN

ĐỊA CHỈ: TRẦN PHÚ, TT. THƯỜNG TÍN, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

TÊN DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐỂ ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT KHU NHỊ KHÊ 6, HUYỆN THƯỜNG TÍN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

ĐỊA ĐIỂM: XÃ NHỊ KHÊ, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:
HỘI KIẾN TRÚC SƯ HÀ NỘI

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TƯ VẤN XÂY DỰNG

ĐC: TÒA NHÀ CT1A, KHU ĐÔ THỊ VĂN QUÁN, YÊN PHÚC, HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI
ĐT: 02433.548.178 - FAX: 02433.540.178
EMAIL: HKTSHANOI@GMAIL.COM

GIÁM ĐỐC
HÀN HỮU HUÂN

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
KS. HOÀNG VĂN VŨ

CHỦ TRÌ:
KS. HOÀNG VĂN VŨ

THIẾT KẾ:
KS. LÊ ANH TUẤN

QUẢN LÝ KỸ THUẬT:
KS. VŨ XUÂN QUYẾT

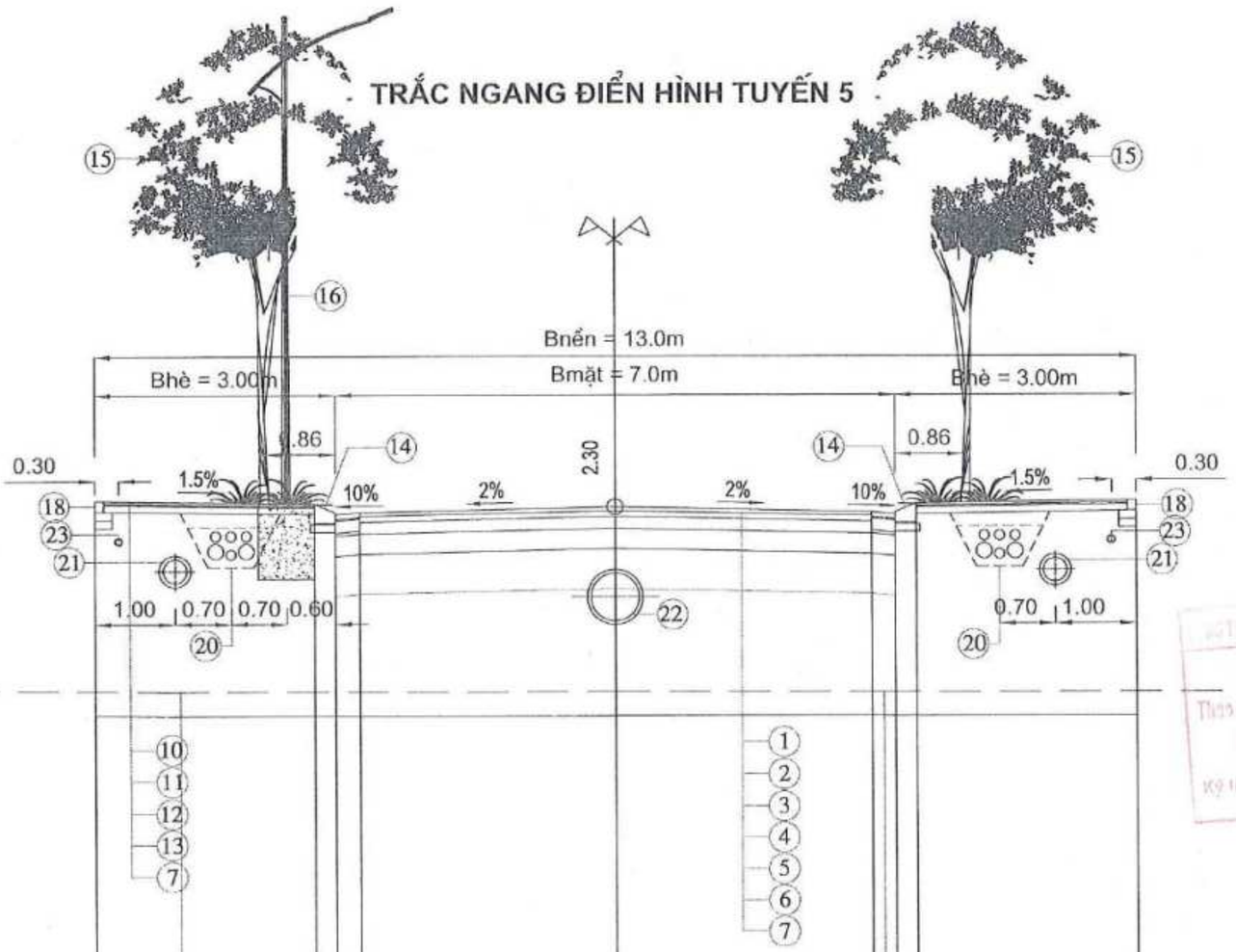
HẠNG MỤC:
GIAO THÔNG

TÊN BẢN VẼ:
TRẮC NGANG ĐIỂN HÌNH TUYẾN 4

GIAI ĐOẠN: LẬP BÁO CÁO NCKT		KÝ HIỆU BẢN VẼ:
HOÀN THÀNH: 2025	KHỔ IN / TỶ LỆ	GT-TNDH-T4-01

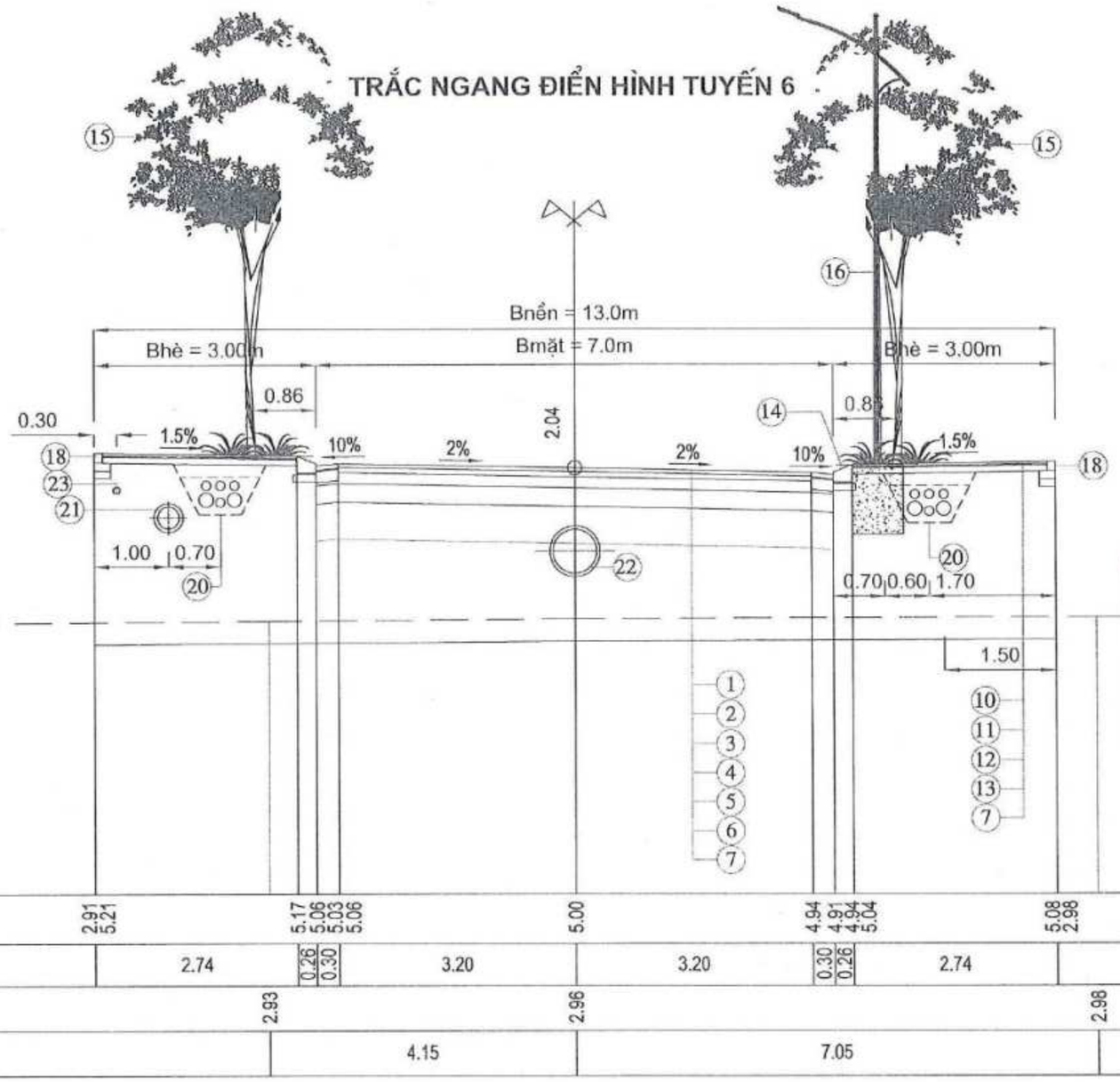
KIỂM TRA
Theo văn bản số...
Ngày...tháng...năm 202...
Nội dung:

TRẮC NGANG ĐIỂN HÌNH TUYẾN 5



| | | |

TRẮC NGANG ĐIỂN HÌNH TUYẾN 6



GHI CHÚ :

Kết cấu mặt đường :

1 - Mặt đường bê tông nhựa chặt (BTNC 12.5) lớp trên dải nóng dày 5cm .
(Tưới dính bám bằng nhựa lỏng, lượng nhựa T/C 0.5Kg/m2) .
2 - Mặt đường bê tông nhựa chặt (BTNC 19.0) lớp dưới dải nóng dày 7cm .
(Tưới thấm bám bằng nhựa, lượng nhựa T/C 1.0Kg/m2) .
3 - Lớp móng cấp phối đá dăm loại I (kích cỡ 0/25) dày 15cm.
4 - Lớp móng cấp phối đá dăm loại II (kích cỡ 0/37.5) dày 25cm.
5 - Lớp vải địa kỹ thuật không dệt cường độ 12KN/m.
6 - Đắp K98 bằng cát dày 50cm .
7 - Đào hữu cơ dày 30cm.
10 - Lát hè gạch giả đá dày 4.5cm .
11 - Lớp vữa xi măng mác 100# dày 2cm .
12 - Lớp móng hè bê tông xi măng mác 150# đá 1x2 dày 8cm.
13 - Đắp hè bằng cát.
14 - Viên Block vỉa BTXM mác 300# (có bản vẽ chi tiết riêng) .
15 - Trồng cây xanh.
16 - Hệ thống chiếu sáng (có bản vẽ chi tiết riêng) .
18 - Bó hè xây gạch (có bản vẽ chi tiết riêng) .
20 - Bó ống kỹ thuật (có bản vẽ chi tiết riêng) .
21 - Cống thoát nước thải D300 .
22 - Cống tròn thoát nước mưa D600 .
23 - ống cấp nước dịch vụ D50

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY	XÁC NHẬN
1		
2		
3		
4		
5		

CHỦ ĐẦU TƯ:
TRUNG PHÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT HUYỆN THƯỜNG TÍN
ĐỊA CHỈ: TRẦN PHÚ, TT. THƯỜNG TÍN, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

TÊN DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐỂ ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT KHU NHỊ KHÊ 6, HUYỆN THƯỜNG TÍN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ NHỊ KHÊ, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:
HỘI KIẾN TRÚC SƯ HÀ NỘI
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TƯ VẤN XÂY DỰNG
ĐC: TÒA NHÀ CT1A, KHU ĐÔ THỊ VĂN QUÁN, YÊN PHỤC, HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI
ĐT: 02433.540.178 - FAX: 02433.540.378
EMAIL: HKTSHANOI@GMAIL.COM
GIÁM ĐỐC
HÀN HỮU HUẤN
CHỦ TRÌ DỰ ÁN:
KS. HOÀNG VĂN VŨ
CHỦ TRÌ:
KS. HOÀNG VĂN VŨ
THIẾT KẾ:
KS. LÊ ANH TUẤN
QUẢN LÝ KỸ THUẬT:
KS. VŨ XUÂN QUYẾT

HẠNG MỤC:
GIAO THÔNG
TÊN BẢN VẼ:
TRẮC NGANG ĐIỂN HÌNH TUYẾN 6

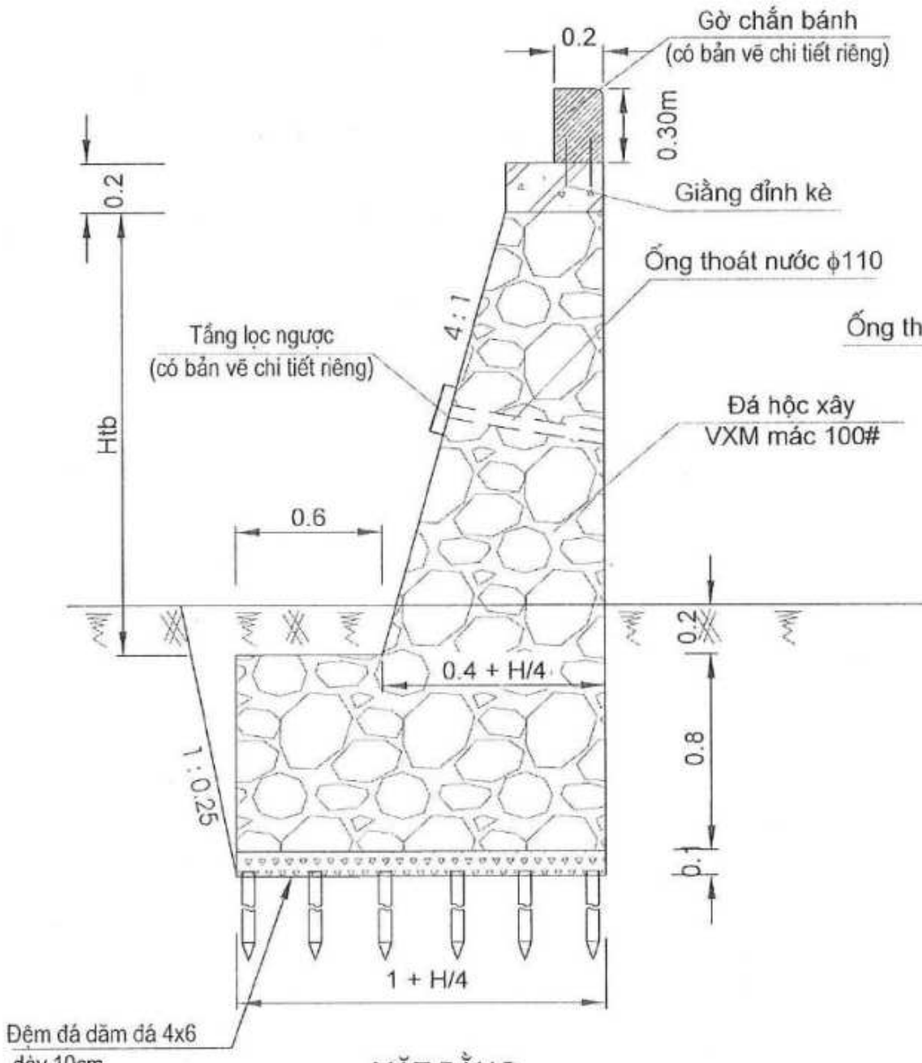
GIAI ĐOẠN: LẬP BÁO CÁO KTKT		KÝ HIỆU BẢN VẼ:
HOÀN THÀNH: 2025	KHỔ IN / TỶ LỆ	GT-TNDH-TB-01

THẨM TRA
Theo văn bản số:.....
Ngày.....tháng.....năm 202.....
Ký tên:

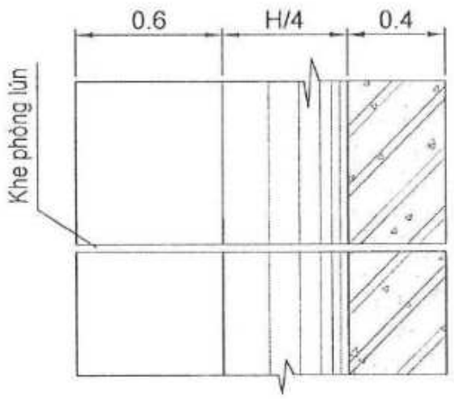
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG ĐÔ THỊ

M.S.D.N: 0500471111-C.T.N.H.H
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN TƯ VẤN XÂY DỰNG HỘI KIẾN TRÚC SƯ HÀ NỘI
Q. HÀ ĐÔNG - TP. HÀ NỘI

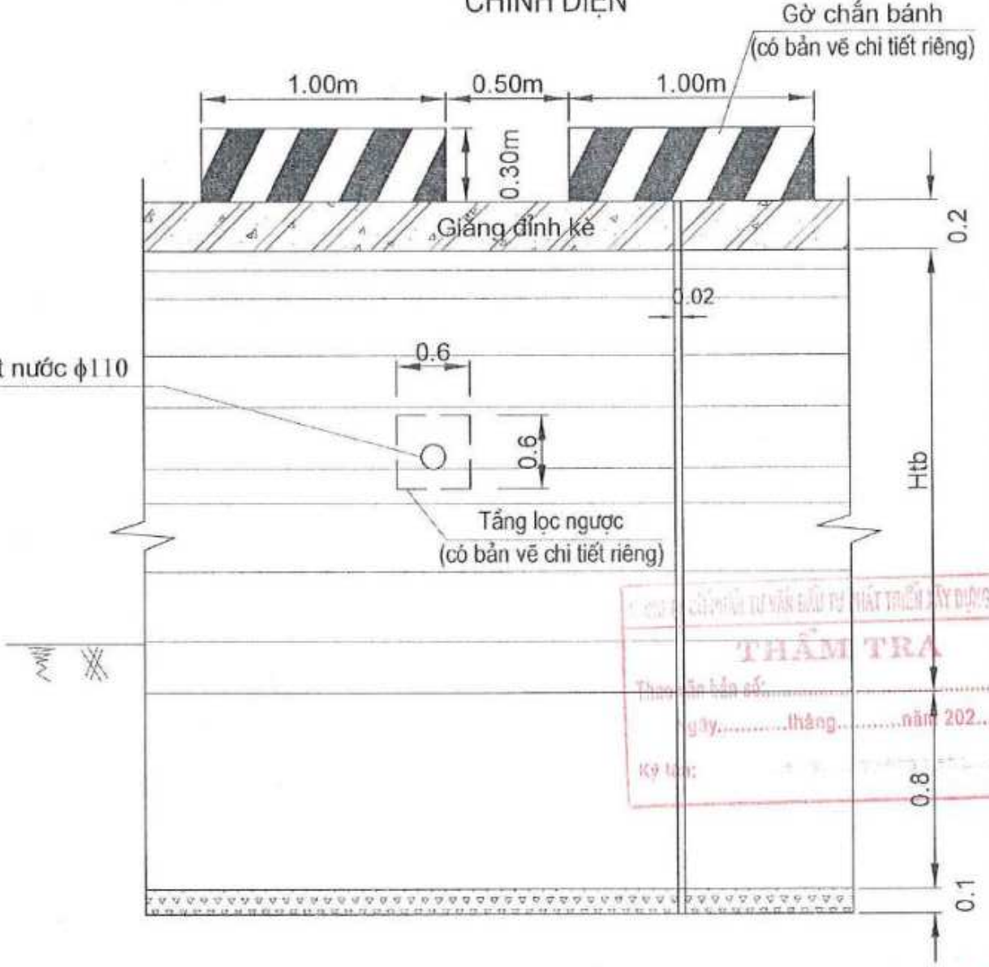
CẮT NGANG KÈ
(TL 1 : 25)



MẶT BẰNG



CHI TIẾT KHE PHÒNG LÚN (TL 1 : 50)
CHÍNH DIỆN



GHI CHÚ : Kích thước ghi trên bản vẽ là m ; Khi tính KL đơn vị của H là (m).

+ Khối lượng mặt cắt kè tính theo công thức :
+ DT Xây móng kè = (1.0+H/4)*0.8 (m2)
+ DT Xây thân kè = (0.6+0.4+H/4)*0.5*H (m2)
+ Khối lượng đệm đá dăm dày 10cm đá 4x6 : (1.0+H/4) * 0.10 (m2)
+ ống thoát nước thân kè nhựa PVC ϕ110mm khoảng cách 10m/ống
+ Khe phòng lún đặt cách nhau 10m, chèn bằng bao tải tẩm nhựa: Số khe x DT kè trung bình
+ Gia cố móng kè bằng cọc tre dài 2,0m/cọc, tiêu chuẩn 20cọc/m2

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY	XÁC NHẬN
1		
2		
3		
4		
5		

CHỦ ĐẦU TƯ:
TRUNG PHẨM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT HUYỆN THƯỜNG TÍN
ĐỊA CHỈ: TRẦN PHÚ, TT. THƯỜNG TÍN, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

TÊN DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐỂ ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT KHU NHỊ KHÊ 6, HUYỆN THƯỜNG TÍN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ NHỊ KHÊ, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:
HỘI KIẾN TRÚC SƯ HÀ NỘI
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TƯ VẤN XÂY DỰNG
ĐC: TÒA NHÀ CT1A, KHU ĐÔ THỊ VĂN QUÁN, YÊN PHỤC, HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI
ĐT: 02433.540.176 - FAX: 02433.540.176
EMAIL: HKTSHANOI@GMAIL.COM
GIÁM ĐỐC
TRẦN HỮU HUẤN

KS. HOÀNG VĂN VŨ
THIẾT KẾ:
KS. HOÀNG VĂN VŨ
THIẾT KẾ:
KS. LÊ ANH TUẤN
QUẢN LÝ KỸ THUẬT:
KS. VŨ XUÂN QUYẾT

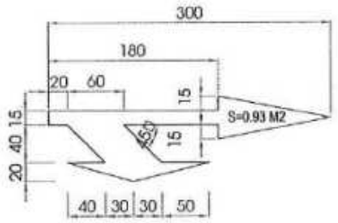
HẠNG MỤC:
GIAO THÔNG

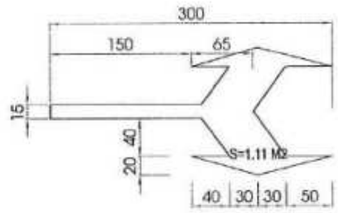
TÊN BẢN VẼ:
ĐIỂN HÌNH KÈ ĐÁ HỘC

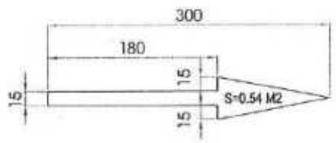
GIAI ĐOẠN: LẬP BÁO CÁO NCKT		KÝ HIỆU BẢN VẼ:
HOÀN THÀNH: 2025	KHỔ IN / TỶ LỆ	GT-ĐHK-01

THẨM TRA
Ký tên:

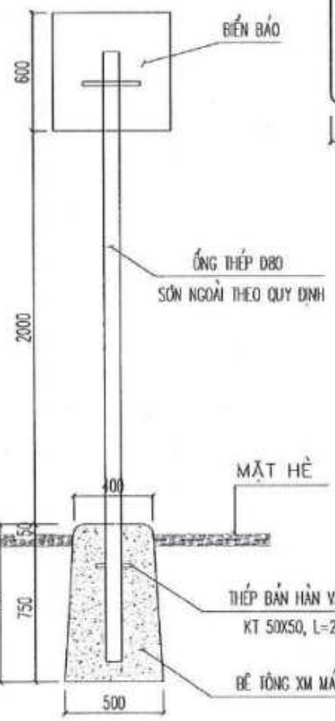
MŨI TÊN CHỈ HƯỚNG



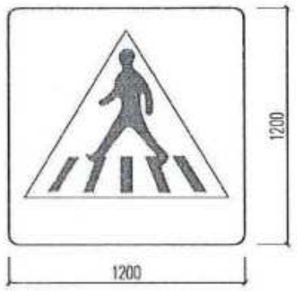




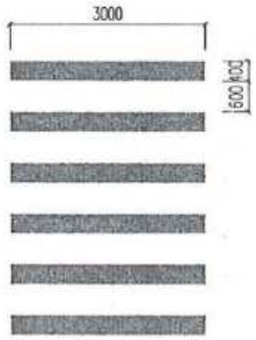
CHI TIẾT CỘT BIỂN BÁO



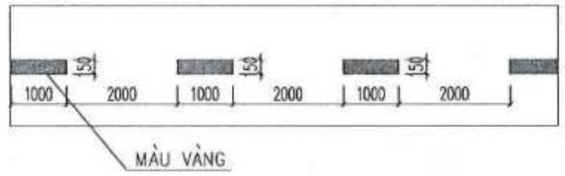
BIỂN 423A



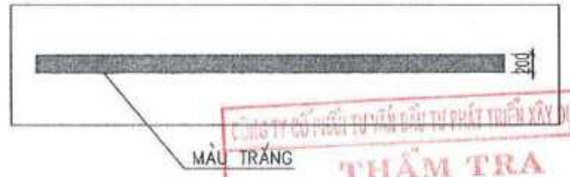
VẠCH SỐ 7.3



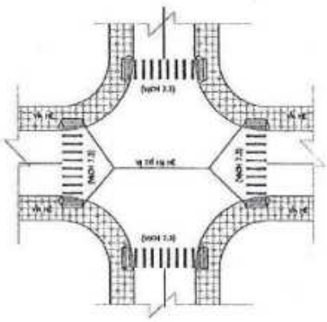
VẠCH SỐ 1.1



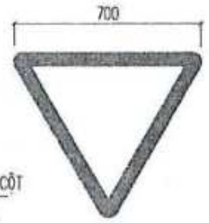
VẠCH SỐ 3.1A



BỐ TRÍ VÀ CẤU TẠO CHI TIẾT HẠ HÈ VÀ VẠCH SƠN

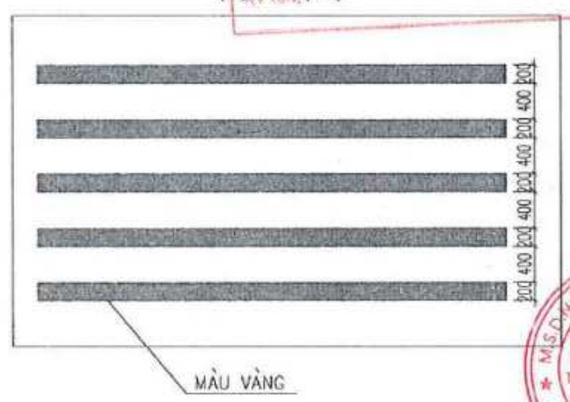


BIỂN W.208

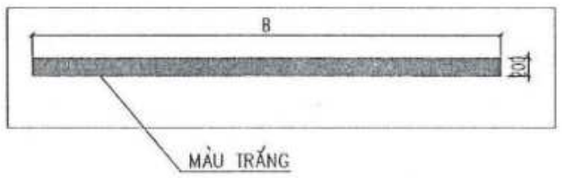


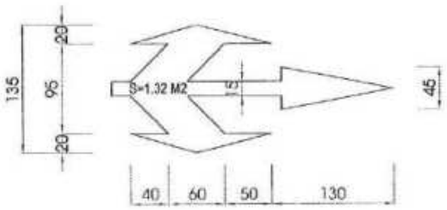
SƠN GỜ GIẢM TỐC

(CỤM 5 VẠCH)

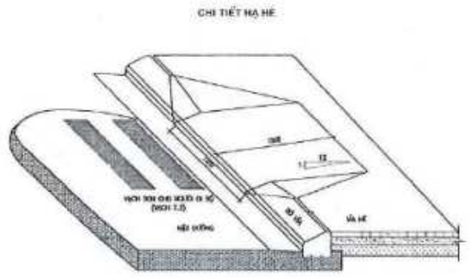


VẠCH SỐ 7.1A





CHI TIẾT HẠ HÈ



GHI CHÚ:

- THIẾT KẾ THEO QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ BÁO HIỆU ĐƯỜNG BỘ: QCVN 41:2024/BGTVT
+ VẠCH 1.1: VẠCH PHÂN CHIA HAI CHIỀU XE CHẠY (VẠCH TIM ĐƯỜNG), DẠNG VẠCH ĐƠN, ĐỨT NÉT
+ VẠCH 3.1A: VẠCH GIỚI HẠN MÉP PHẦN XE CHẠY, DẠNG VẠCH ĐƠN, LIỀN NÉT
+ VẠCH 7.1: VẠCH DỪNG XE
+ VẠCH 7.3: QUY ĐỊNH NƠI NGƯỜI ĐI BỘ SANG ĐƯỜNG
+ VẠCH SƠN GỜ GIẢM TỐC: CẢNH BÁO NGƯỜI THAM GIA GIAO THÔNG GIẢM TỐC ĐỘ
+ BIỂN 423A: VỊ TRÍ NGƯỜI ĐI BỘ SANG NGANG
+ BIỂN W.208: GIAO NHAU VỚI ĐƯỜNG ƯU TIÊN
+ VẠCH 1.1, VẠCH 3.1A, VẠCH 7.1, VẠCH 7.3, VẠCH CHỈ HƯỚNG CÓ CHIỀU DÀY SƠN 2MM.
+ VẠCH SƠN GỜ GIẢM TỐC CÓ CHIỀU DÀY SƠN 6MM.

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY	XÁC NHẬN
1		
2		
3		
4		
5		

CHỦ ĐẦU TƯ:
TRUNG PHẨM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT HUYỆN THƯỜNG TÍN

ĐỊA CHỈ: TRẤN PHỐ, TT. THƯỜNG TÍN, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

TÊN DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐỂ ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT KHU NHỊ KHÊ 6, HUYỆN THƯỜNG TÍN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

ĐỊA ĐIỂM: XÃ NHỊ KHÊ, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:
HỘI KIẾN TRÚC SƯ HÀ NỘI

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TƯ VẤN XÂY DỰNG

ĐC: TÒA NHÀ CT1A, KHU ĐÔ THỊ VĂN QUÁN, YÊN PHỤC, HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI
ĐT: 02433.543.171 - FAX: 02433.510.175
EMAIL: HKTSHANOI@GMAIL.COM

GIÁM ĐỐC

HÀN HỮU HUẤN

CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN:
KS. HOÀNG VĂN VŨ

CHỦ TRÌ:
KS. HOÀNG VĂN VŨ

THIẾT KẾ:
KS. LÊ ANH TUẤN

QUẢN LÝ KỸ THUẬT:
KS. VŨ XUÂN QUYẾT

HẠNG MỤC:
GIAO THÔNG

TÊN BẢN VẼ:
CẤU TẠO CHI TIẾT VẠCH SƠN, BIỂN BÁO

GIAI ĐOẠN: LẬP BÁO CÁO NCKT		KÝ HIỆU BẢN VẼ:
HOÀN THÀNH: 2025	KHỔ IN / TỶ LỆ	GT-ĐHVS, BB

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG ĐẠI VIỆT
THẨM TRA
Theo văn bản số:.....
Hà Nội, tháng.....năm 202.....

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN TƯ VẤN XÂY DỰNG HỘI KIẾN TRÚC SƯ HÀ NỘI

BÌNH ĐỒ THOÁT NƯỚC MƯA TỔNG THỂ

BẢNG THỐNG KÊ KHỐI LƯỢNG THOÁT NƯỚC MƯA

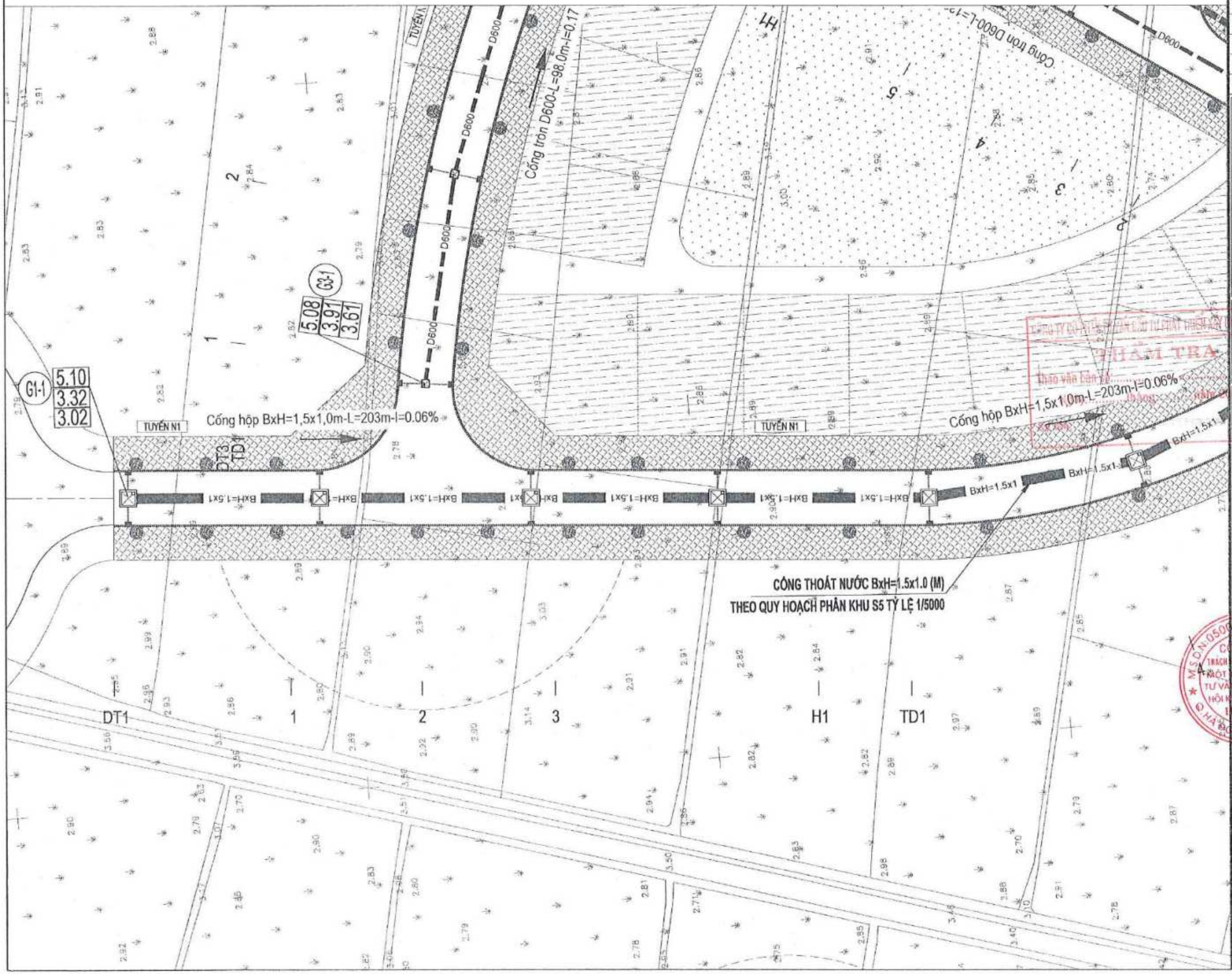
TT	HẠNG MỤC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG
1	CỐNG ĐẬM ĐÀO (LOẠI ĐẤT 2-3M)	ĐỘT	110.00
2	HỐ THU THƯỢC TIẾP	HỐ	100.00
3	SỐ LƯỢNG HỐ GA LOẠI 1	HỐ	25.00
4	SỐ LƯỢNG HỐ GA LOẠI 2	HỐ	3.00
5	SỐ LƯỢNG HỐ GA LOẠI 3	HỐ	30.00
6	SỐ LƯỢNG HỐ GA LOẠI 4	HỐ	30.00
7	CỐNG TRÒN D600	M	355.00
8	CỐNG TRÒN D800	M	70.50
9	CỐNG HỘP 800H-1.5X1.0M	M	346.00
10	CỐNG HỘP 800H-1.0X1.0M HOÀN TRẢ MƯƠNG	M	202.50
11	KẾT HỢP MƯƠNG D900	M	210.00
12	MƯƠNG ĐẤY BÁN ĐÁO	M	12.00

GHI CHÚ:

1		ĐỈA THẢU
2		CỬA THU NƯỚC
3		ĐƯỜNG PHÂN CHIA LƯU VỰC THOÁT NƯỚC
4		HƯỚNG THOÁT NƯỚC
5		CỐNG THOÁT NƯỚC MƯA D600
6		CỐNG THOÁT NƯỚC MƯA D800
7		CỐNG THOÁT NƯỚC MƯA 800H-1.5X1.0M
8		MƯƠNG HOÀN TRẢ 800H-1.0X1.0M
9		KẾT HỢP MƯƠNG D900
10	CAO ĐỘ ĐỈNH HỐ GA CAO ĐỘ ĐÁY CỐNG CAO ĐỘ ĐÁY HỐ GA	ĐỈNH HỐ GA

CÔNG TY TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG ĐẠI VIỆT
Theo văn bản số: ... ngày 202...
M.S.D.N: 0500477...
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN TƯ VẤN XÂY DỰNG HỘI KIẾN TRÚC SƯ HÀ NỘI

BÌNH ĐỒ THOÁT NƯỚC MƯA TUYẾN 1



SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY	XÁC NHẬN
1		
2		
3		
4		
5		

CHỦ ĐẦU TƯ:

TRUNG PHÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT HUYỆN THƯỜNG TÍN

ĐỊA CHỈ: TRẦN PHÚ, TT. THƯỜNG TÍN, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

TÊN DỰ ÁN:

XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐỂ ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT KHU NHỊ KHÊ 6, HUYỆN THƯỜNG TÍN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

ĐỊA ĐIỂM: XÃ NHỊ KHÊ, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:

HỘI KIẾN TRÚC SƯ HÀ NỘI

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TƯ VẤN XÂY DỰNG

ĐC: TÒA NHÀ CT1A, KHU ĐÔ THỊ VĂN QUÁN, YÊN PHỤC, HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI
ĐT: 02433.540.178 - FAX: 02433.540.178
EMAIL: HKTSHANOI@GMAIL.COM

GIÁM ĐỐC

HÀN HỮU HUẤN

CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN:

HOÀNG VĂN VŨ

KTS. VŨ XUÂN QUYẾT

THIẾT KẾ:

KS. NGUYỄN THU HÀ

QUẢN LÝ KỸ THUẬT:

KS. VŨ XUÂN QUYẾT

HẠNG MỤC:

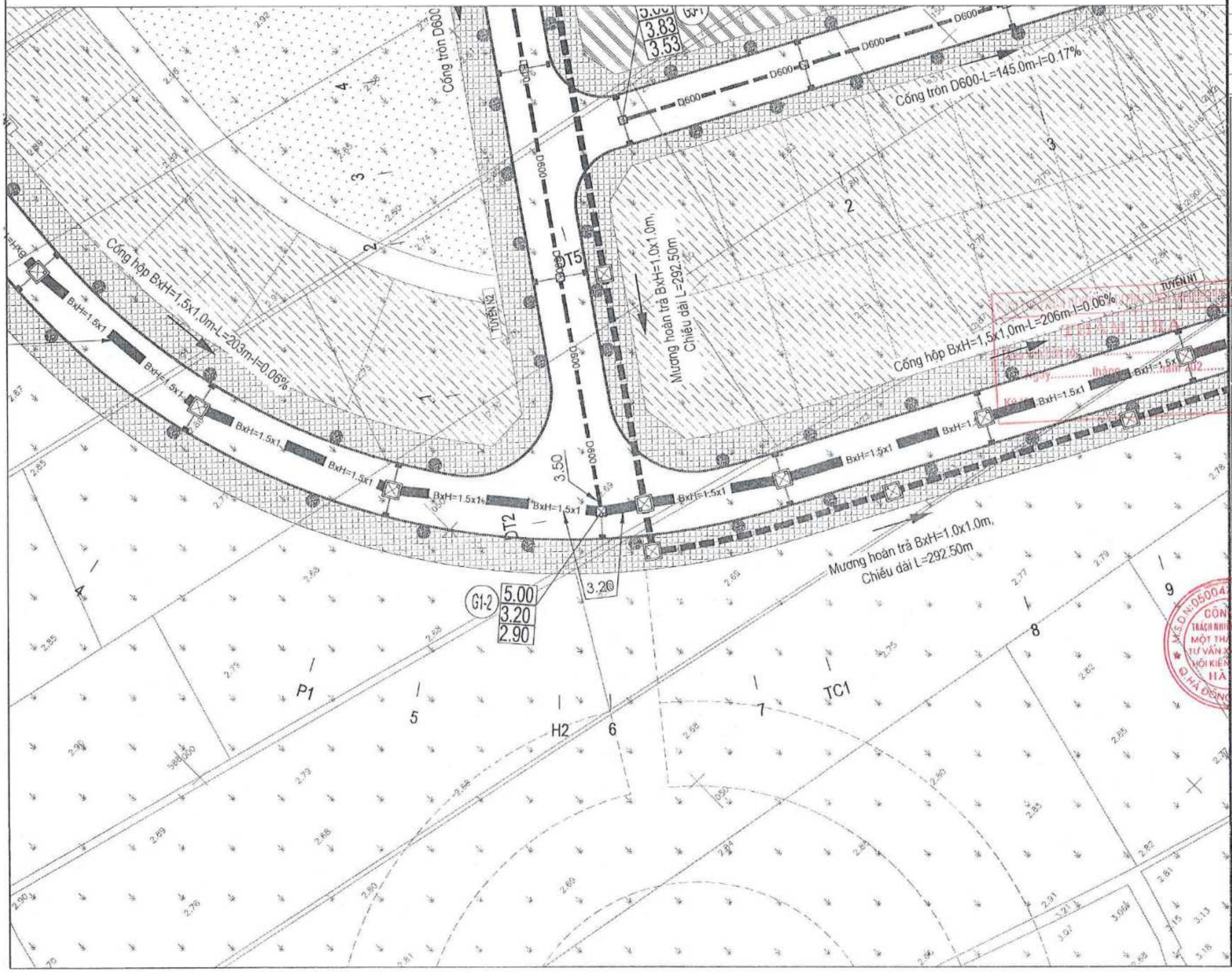
THOÁT NƯỚC MƯA

TÊN BẢN VẼ:

BÌNH ĐỒ THOÁT NƯỚC MƯA TUYẾN 1

GIAI ĐOẠN LẬP BÁO CÁO NCKT		KÝ HIỆU BẢN VẼ:
HOÀN THÀNH 2025	KHỔ IN / TỶ LỆ	TNM-BĐTK-T1-01

BÌNH ĐỒ THOÁT NƯỚC MƯA TUYẾN 1



SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY	XÁC NHẬN
1		
2		
3		
4		
5		

CHỦ ĐẦU TƯ:
TRUNG PHÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT HUYỆN THƯỜNG TÍN

ĐỊA CHỈ: TRẦN PHÚ, TT. THƯỜNG TÍN, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

TÊN DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐỂ ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT KHU NHỊ KHÊ 6, HUYỆN THƯỜNG TÍN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

ĐỊA ĐIỂM: XÃ NHỊ KHÊ, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:
HỘI KIẾN TRÚC SƯ HÀ NỘI

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TƯ VẤN XÂY DỰNG

ĐC: TÒA NHÀ GT1A, KHU ĐÔ THỊ VĂN QUÁN, YÊN PHỤC, HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI
ĐT: 02433.540.176 - FAX: 02433.540.176
EMAIL: HKTSHANOI@GMAIL.COM

GIÁM ĐỐC
KTS. TRẦN HỮU HUÂN

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
KS. HOÀNG VĂN VŨ

CHỦ TRÌ:
KS. VŨ XUÂN QUYẾT

THIẾT KẾ:
KS. NGUYỄN THU HÀ

QUẢN LÝ KỸ THUẬT:
KS. VŨ XUÂN QUYẾT

HẠNG MỤC:
THOÁT NƯỚC MƯA

TÊN BẢN VẼ:
BÌNH ĐỒ THOÁT NƯỚC MƯA TUYẾN 1

GIAI ĐOẠN: LẬP BÁO CÁO NCKT		KÝ HIỆU BẢN VẼ:
HOÀN THÀNH: 2025	KHỔ IN / TỶ LỆ:	TNM-BDTK-T1-02

BÌNH ĐỒ THOÁT NƯỚC MƯA TUYẾN 1

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY	XÁC NHẬN
1		
2		
3		
4		
5		

CHỦ ĐẦU TƯ
TRUNG PHẨM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT HUYỆN THƯỜNG TÍN
ĐỊA CHỈ: TRẦN PHÚ, TT. THƯỜNG TÍN, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

TÊN DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐỂ ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT KHU NHỊ KHÊ 6, HUYỆN THƯỜNG TÍN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ NHỊ KHÊ, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:
HỘI KIẾN TRÚC SƯ HÀ NỘI
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TƯ VẤN XÂY DỰNG
ĐC: TÒA NHÀ CT1A, KHU ĐÔ THỊ VĂN QUÁN, YÊN PHỤC, HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI
ĐT: 02433.540.178 - FAX: 02433.540.178
EMAIL: HKTSHANOI@GMAIL.COM
GIÁM ĐỐC
HOÀN HỮU HUÂN

CHỦ TRÌ:
KS. HOÀNG VĂN VŨ

CHỦ TRÌ:
KS. VŨ XUÂN QUYẾT

THIẾT KẾ:
KS. NGUYỄN THU HÀ

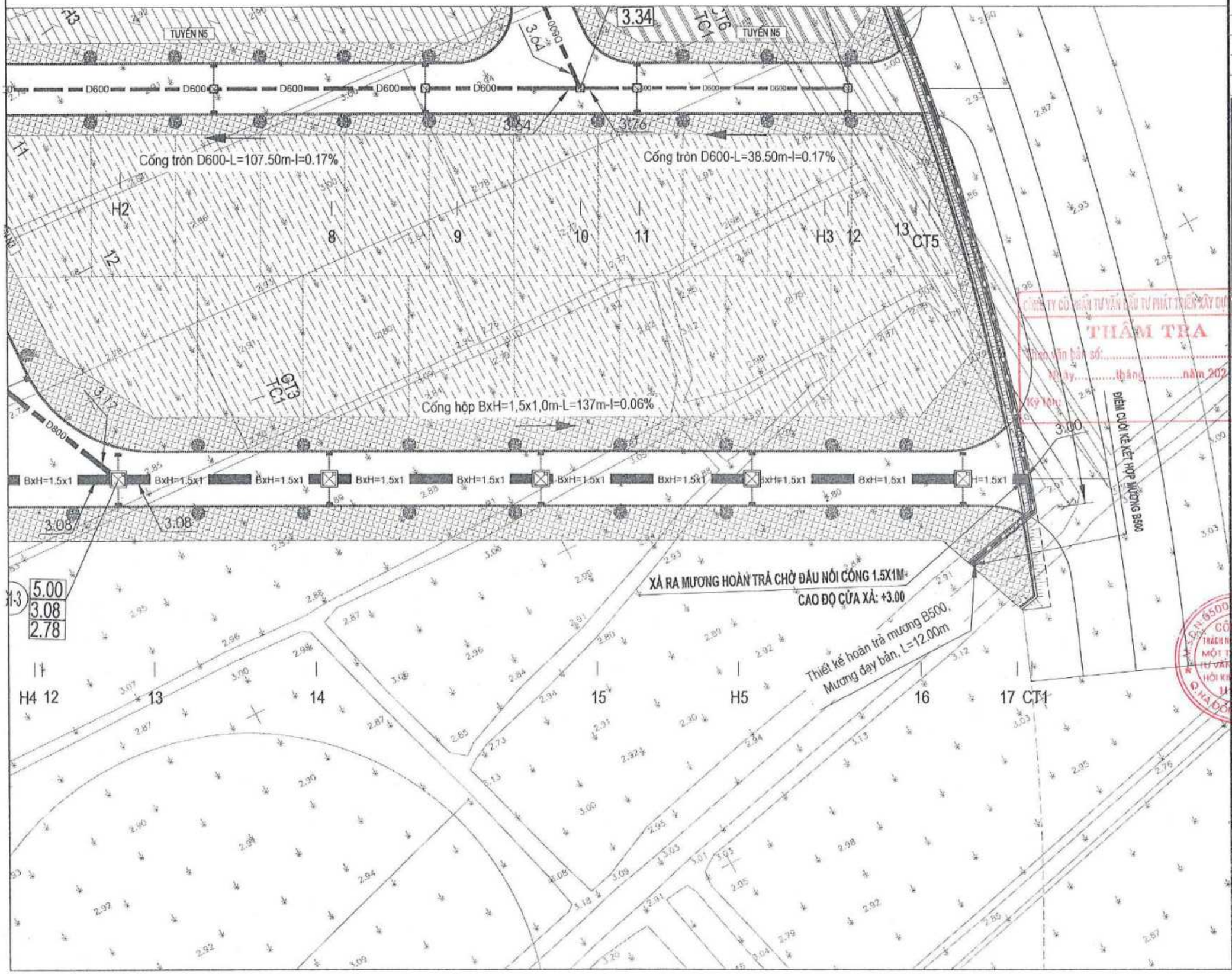
QUẢN LÝ KỸ THUẬT:
KS. VŨ XUÂN QUYẾT

HẠNG MỤC:
THOÁT NƯỚC MƯA

TÊN BẢN VẼ:
BÌNH ĐỒ THOÁT NƯỚC MƯA TUYẾN 1

GIAI ĐOẠN: LẬP BÁO CÁO KTKT		KÝ HIỆU BẢN VẼ:
HOÀN THÀNH: 2025	KHỔ IN / TỶ LỆ	TNM-BDTK-T1-03

BÌNH ĐỒ THOÁT NƯỚC MƯA TUYẾN 1



SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY	XÁC NHẬN
1		
2		
3		
4		
5		

CHỦ ĐẦU TƯ:
TRUNG PHẨM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT HUYỆN THƯỜNG TÍN

ĐỊA CHỈ: TRẤN PHÒ, TT. THƯỜNG TÍN, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰ...
THẨM TRA
Theo văn bản số:...
Ngày...tháng...năm 202...
Ký tên:

TÊN DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT
ĐỂ ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT KHU NHỊ KHÊ 8,
HUYỆN THƯỜNG TÍN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

ĐỊA ĐIỂM: XÃ NHỊ KHÊ, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:
HỘI KIẾN TRÚC SƯ HÀ NỘI

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TƯ VẤN XÂY DỰNG
ĐC: TÒA NHÀ CT1A, KHU ĐÔ THỊ VĂN QUÁN, YÊN PHỤC, HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI
ĐT: 02433.540.176 - FAX: 02433.540.176
EMAIL: HKTSHANOI@GMAIL.COM

GIÁM ĐỐC: MAI HỮU HUẤN

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN: KS. HOÀNG VĂN VŨ

CHỦ TRÌ: KS. VŨ XUÂN QUYẾT

THIẾT KẾ: KS. NGUYỄN THU HÀ

QUẢN LÝ KỸ THUẬT: KS. VŨ XUÂN QUYẾT

HẠNG MỤC: THOÁT NƯỚC MƯA

TÊN BẢN VẼ: BÌNH ĐỒ THOÁT NƯỚC MƯA TUYẾN 1

GIAI ĐOẠN: LẬP BÁO CÁO NCKT		KÝ HIỆU BẢN VẼ:
HOÀN THÀNH: 2025	KHỔ IN / TỶ LỆ	TNM-BĐTK-T1-04

BÌNH ĐỒ THOÁT NƯỚC MƯA TUYẾN 2

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY	XÁC NHẬN
1		
2		
3		
4		
5		

CHỦ ĐẦU TƯ:
TRUNG PHÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT HUYỆN THƯỜNG TÍN

ĐỊA ĐIỂM: THÂN PHỐ, TT. THƯỜNG TÍN, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

TÊN DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐỂ ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT KHU NHỊ KHÊ 6, HUYỆN THƯỜNG TÍN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

ĐỊA ĐIỂM: XÃ NHỊ KHÊ, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:
HỘI KIẾN TRÚC SƯ HÀ NỘI

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TƯ VẤN XÂY DỰNG

ĐC: TÒA NHÀ CT1A, KHU ĐÔ THỊ VĂN QUÁN, YÊN PHỤC, HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI
ĐT: 02433.540.178 - FAX: 02433.540.178
EMAIL: HKTSHANOI@GMAIL.COM

GIÁM ĐỐC

KS. HOÀNG VĂN VŨ

CHỦ TRÌ:
KS. VŨ XUÂN QUYẾT

THIẾT KẾ:
KS. NGUYỄN THU HÀ

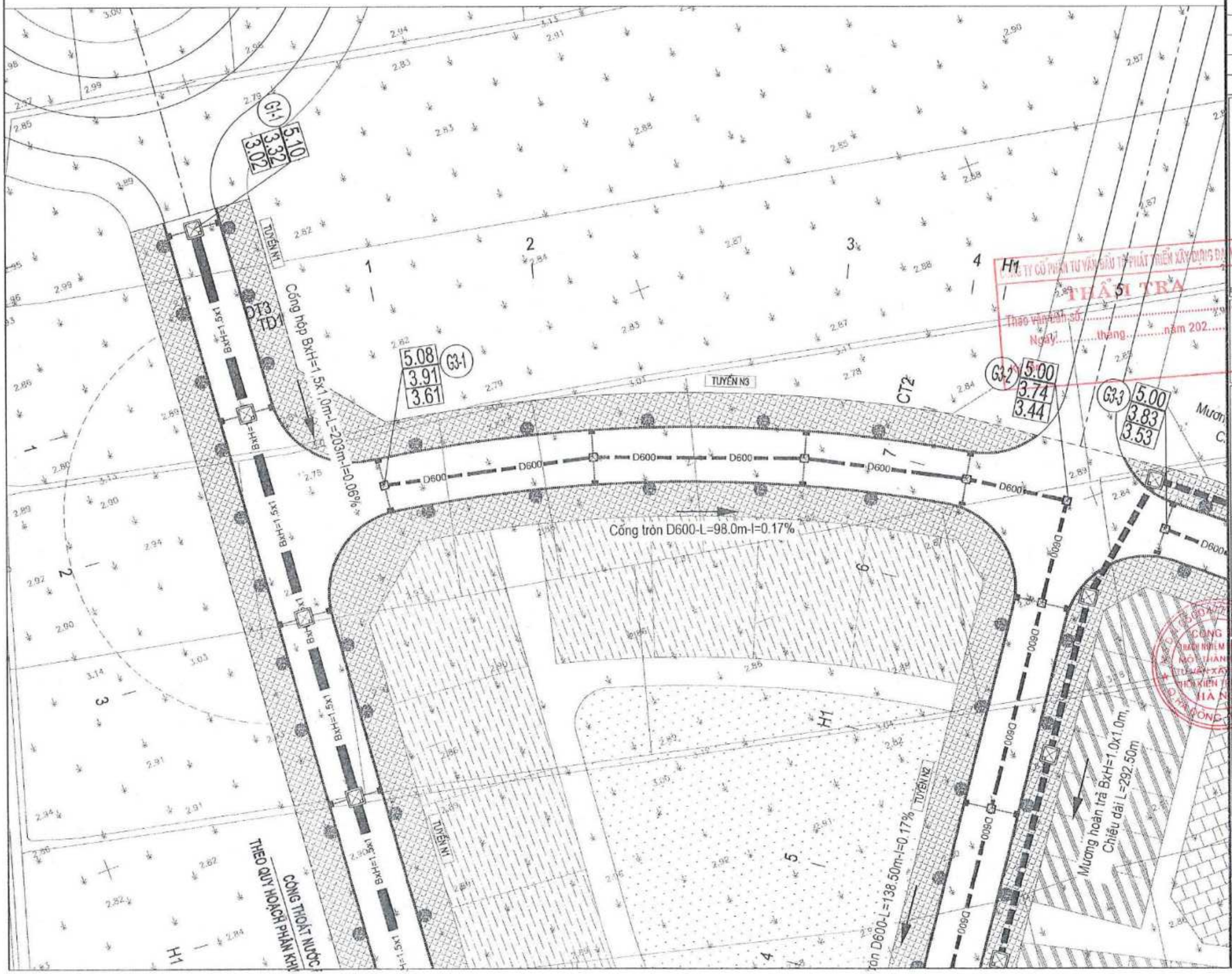
QUẢN LÝ KỸ THUẬT:
KS. VŨ XUÂN QUYẾT

HẠNG MỤC:
THOÁT NƯỚC MƯA

TÊN BẢN VẼ:
BÌNH ĐỒ THOÁT NƯỚC MƯA TUYẾN 2

GIAI ĐOẠN LẬP BÁO CÁO NCKT		KÝ HIỆU BẢN VẼ:
HOÀN THÀNH: 2025	KHỔ IN / TỶ LỆ	TNM-BĐTK-T2-01

BÌNH ĐỒ THOÁT NƯỚC MƯA TUYẾN 3



SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY	XÁC NHẬN
1		
2		
3		
4		
5		

CHỦ ĐẦU TƯ:
TRUNG PHẨM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT HUYỆN THƯỜNG TÍN

ĐỊA CHỈ: TRẦN PHÚ, TT. THƯỜNG TÍN, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

TÊN DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐỂ ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT KHU NHỊ KHÊ 6, HUYỆN THƯỜNG TÍN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

ĐỊA ĐIỂM: XÃ NHỊ KHÊ, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:
HỘI KIẾN TRÚC SƯ HÀ NỘI

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TƯ VẤN XÂY DỰNG

ĐC: TÒA NHÀ C11A, KHU ĐÔ THỊ VĂN QUÁN, YÊN PHỤC, HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI
ĐT: 02433.540.176 - FAX: 02433.540.176
EMAIL: HKTSHANOI@GMAIL.COM

GIÁM ĐỐC

HÀN HỮU HUÂN

CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN:
KS. HOÀNG VĂN VŨ

CHỦ TRÌ:
KS. VŨ XUÂN QUYẾT

THIẾT KẾ:
KS. NGUYỄN THU HÀ

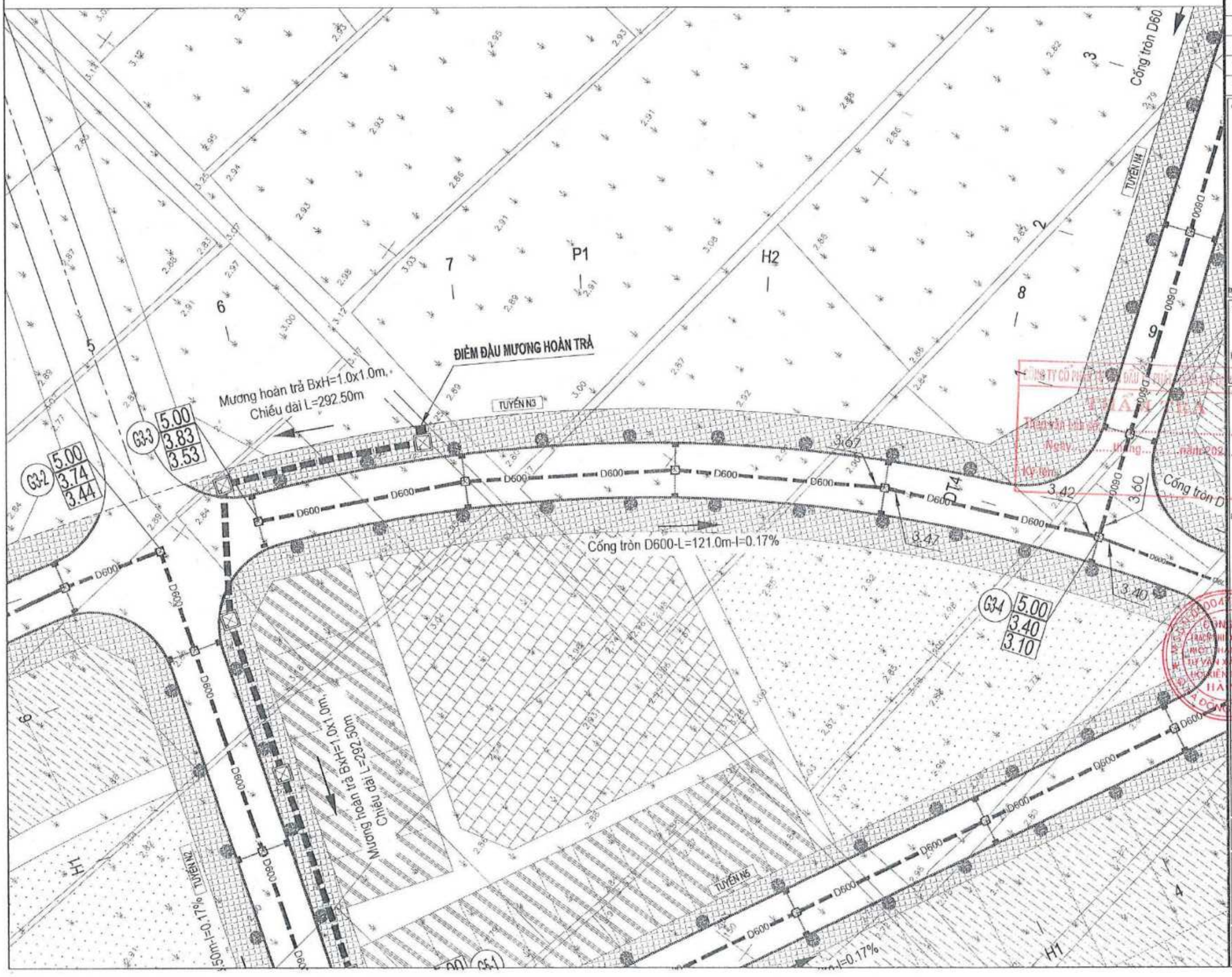
QUẢN LÝ KỸ THUẬT:
KS. VŨ XUÂN QUYẾT

HẠNG MỤC:
THOÁT NƯỚC MƯA

TÊN BẢN VẼ:
BÌNH ĐỒ THOÁT NƯỚC MƯA TUYẾN 3

GIAI ĐOẠN LẬP BÁO CÁO NCKT		KÝ HIỆU BẢN VẼ
HOÀN THÀNH: 2025	KHỔ IN / TỶ LỆ	TNM-BĐTK-T3-01

BÌNH ĐỒ THOÁT NƯỚC MƯA TUYẾN 3



SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY	XÁC NHẬN
1		
2		
3		
4		
5		

CHỦ ĐẦU TƯ:
TRUNG PHẨM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT HUYỆN THƯỜNG TÍN
ĐỊA CHỈ: TRẦN PHÚ, TT. THƯỜNG TÍN, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

TÊN DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐỂ ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT KHU NHỊ KHÊ 6, HUYỆN THƯỜNG TÍN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ NHỊ KHÊ, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:
HỘI KIẾN TRÚC SƯ HÀ NỘI
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TƯ VẤN XÂY DỰNG
ĐC: TÒA NHÀ CT1A, KHU HỒ THỊ VĂN QUÁN, YÊN PHỤC, HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI
ĐT: 02433.540.178 - FAX: 02433.540.178
EMAIL: HKTSHANOI@GMAIL.COM
GIÁM ĐỐC
HÀN HỮU HUẤN

KS. HOÀNG VĂN VŨ
CHỦ TRÌ:
KS. VŨ XUÂN QUYẾT
THIẾT KẾ:
KS. NGUYỄN THU HÀ
QUẢN LÝ KỸ THUẬT:
KS. VŨ XUÂN QUYẾT

HẠNG MỤC:
THOÁT NƯỚC MƯA

TÊN BẢN VẼ:
BÌNH ĐỒ THOÁT NƯỚC MƯA TUYẾN 3

GIAI ĐOẠN: LẬP BÁO CÁO KTKT		KÝ HIỆU BẢN VẼ:
HOÀN THÀNH: 2025	KHỔ IN / TỶ LỆ	TNM-BĐTK-T3-02

BÌNH ĐỒ THOÁT NƯỚC MƯA TUYẾN 3



SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY	XÁC NHẬN
1		
2		
3		
4		
5		

CHỦ ĐẦU TƯ:
TRUNG PHẨM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT HUYỆN THƯỜNG TÍN

ĐỊA CHỈ: THÂN PHÚ, TT. THƯỜNG TÍN, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

TÊN DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐỂ ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT KHU NHỊ KHÊ 6, HUYỆN THƯỜNG TÍN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

ĐỊA ĐIỂM: XÃ NHỊ KHÊ, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:
HỘI KIẾN TRÚC SƯ HÀ NỘI

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TƯ VẤN XÂY DỰNG

ĐC: TÒA NHÀ C11A, KHU ĐÔ THỊ VẠN QUÁN, YÊN PHỤC, HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI
ĐT: 02433.540.178 - FAX: 02433.540.178
EMAIL: HKTSHANOI@GMAIL.COM

GIÁM ĐỐC

HÀN HỮU HUẤN

CHỦ NHIỆM: KS. HOÀNG VĂN VŨ

KS. VŨ XUÂN QUYẾT

THIẾT KẾ:
KS. NGUYỄN THU HÀ

QUẢN LÝ KỸ THUẬT:
KS. VŨ XUÂN QUYẾT

HẠNG MỤC:
THOÁT NƯỚC MƯA

TÊN BẢN VẼ:
BÌNH ĐỒ THOÁT NƯỚC MƯA TUYẾN 3

GIAI ĐOẠN: LẬP BÁO CÁO NCKT		KÝ HIỆU BẢN VẼ:
HOÀN THÀNH: 2025	KHỔ IN / TỶ LỆ:	TNM-BDTK-T3-03

BÌNH ĐỒ THOÁT NƯỚC MƯA TUYẾN 4



SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY	XÁC NHẬN
1		
2		
3		
4		
5		

CHỦ ĐẦU TƯ:
TRUNG PHẨM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT HUYỆN THƯỜNG TÍN

ĐỊA CHỈ: TRẦN PHÚ, TT. THƯỜNG TÍN, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

TÊN DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐỂ ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT KHU NHỊ KHÊ 6, HUYỆN THƯỜNG TÍN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
XÃ GIÁO, XÃ NHỊ KHÊ, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:
HỘI KIẾN TRÚC SƯ HÀ NỘI

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TƯ VẤN XÂY DỰNG
ĐC: TÒA NHÀ CT1A, KHU ĐÔ THỊ VĂN QUÁN, YÊN PHỤC, HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI
ĐT: 02433.560.178 - FAX: 02433.560.178
EMAIL: HKTSHANOI@GMAIL.COM

GIÁM ĐỐC
HÀN HỮU HUÂN

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
KS. HOÀNG VĂN VÕ

CHỦ TRÌ:
KS. VŨ XUÂN QUYẾT

THIẾT KẾ:
KS. NGUYỄN THU HÀ

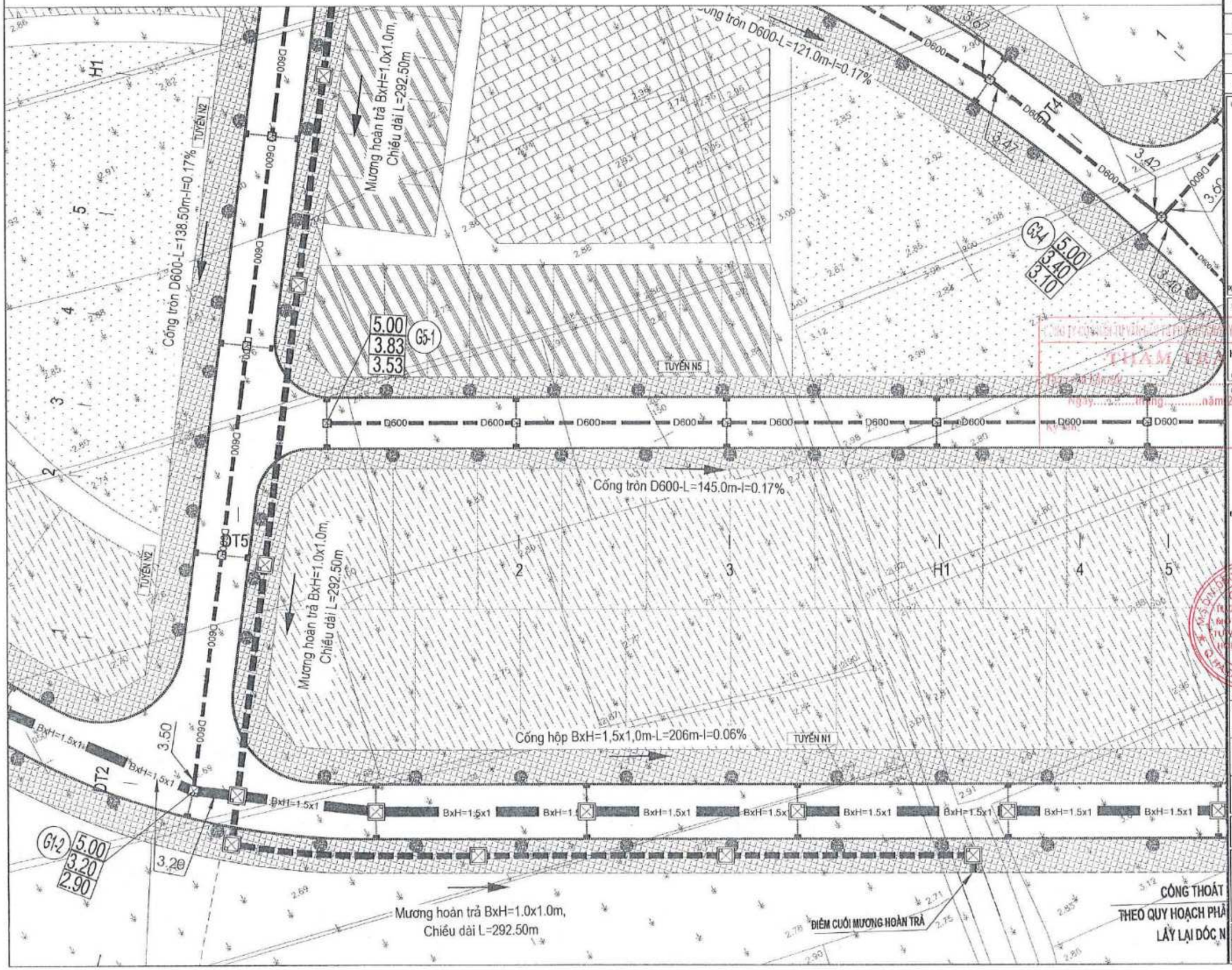
QUẢN LÝ KỸ THUẬT:
KS. VŨ XUÂN QUYẾT

HẠNG MỤC:
THOÁT NƯỚC MƯA

TÊN BẢN VẼ:
BÌNH ĐỒ THOÁT NƯỚC MƯA TUYẾN 4

GIAI ĐOẠN LẬP BÁO CÁO NCKT		KÝ HIỆU BẢN VẼ:
HOÀN THÀNH: 2025	KHỔ IN / TỶ LỆ	TNM-BDTK-T4-01

BÌNH ĐỒ THOÁT NƯỚC MƯA TUYẾN 5



SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY	XÁC NHẬN
1		
2		
3		
4		
5		

CHỦ ĐẦU TƯ

TRUNG PHẨM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT HUYỆN THƯỜNG TÍN

ĐỊA CHỈ: TRẦN PHÚ, TT. THƯỜNG TÍN, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

TÊN DỰ ÁN

XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐỂ ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT KHU NHỊ KHÊ 6, HUYỆN THƯỜNG TÍN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

ĐỊA ĐIỂM: XÃ NHỊ KHÊ, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:

HỘI KIẾN TRÚC SƯ HÀ NỘI

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TƯ VẤN XÂY DỰNG

ĐC: TÒA NHÀ CT1A, KHU ĐÔ THỊ VĂN QUÁN, YÊN PHỤC, HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI
ĐT: 0243.540.176 - FAX: 0243.540.176
EMAIL: HKTSHANOI@GMAIL.COM

GIÁM ĐỐC

HÀN HỮU HUÂN

KS. HOÀNG VĂN VŨ

CHỦ TRÌ: KS. VŨ XUÂN QUYẾT

THIẾT KẾ: KS. NGUYỄN THU HÀ

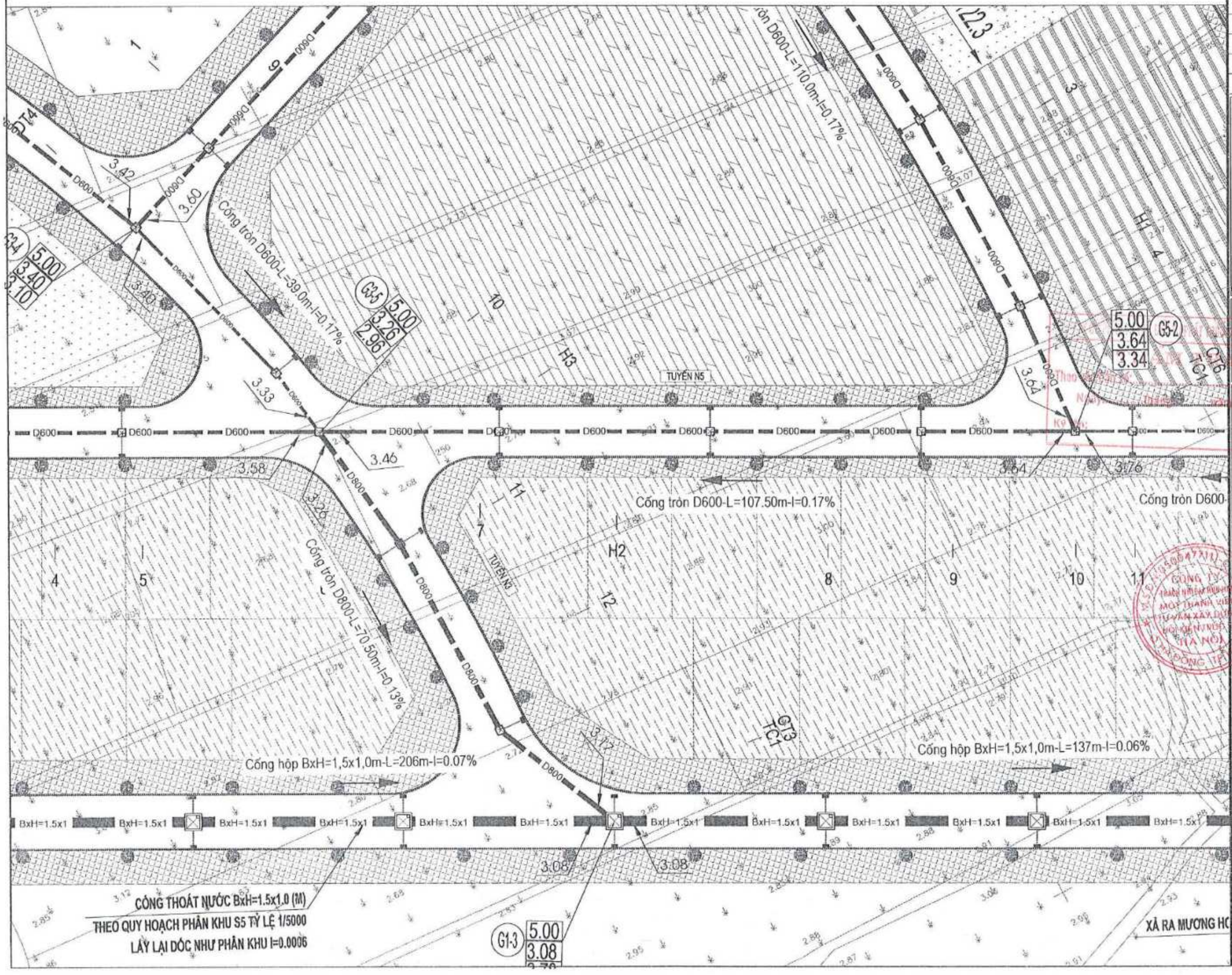
QUẢN LÝ KỸ THUẬT: KS. VŨ XUÂN QUYẾT

HẠNG MỤC: THOÁT NƯỚC MƯA

TÊN BẢN VẼ: **BÌNH ĐỒ THOÁT NƯỚC MƯA TUYẾN 5**

GIAI ĐOẠN: LẬP BÁO CÁO KTKT		KÝ HIỆU BẢN VẼ:
HOÀN THÀNH: 2025	KHỔ IN / TỶ LỆ:	TNM-BDTK-TS-01

BÌNH ĐỒ THOÁT NƯỚC MƯA TUYẾN 5



SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY	XÁC NHẬN
1		
2		
3		
4		
5		

CHỦ ĐẦU TƯ:
TRUNG PHÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT HUYỆN THƯỜNG TÍN

ĐỊA CHỈ: TRẦN PHÚ, TT. THƯỜNG TÍN, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

TÊN DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐỂ ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT KHU NHỊ KHÊ 5, HUYỆN THƯỜNG TÍN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

ĐỊA ĐIỂM: XÃ NHỊ KHÊ, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:
HỘI KIẾN TRÚC SƯ HÀ NỘI

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TƯ VẤN XÂY DỰNG

ĐC: TÒA NHÀ CT1A, KHU ĐÔ THỊ VĂN QUÁN, YÊN PHỤC, HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI
ĐT: 02433.540.176 - FAX: 02433.540.176
EMAIL: HKTSHANOI@GMAIL.COM

GIÁM ĐỐC

HÀN HỮU HUÂN

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
KS. HOÀNG VĂN VŨ

CHỦ TRÌ:
KS. VŨ XUÂN QUYẾT

THIẾT KẾ:
KS. NGUYỄN THU HÀ

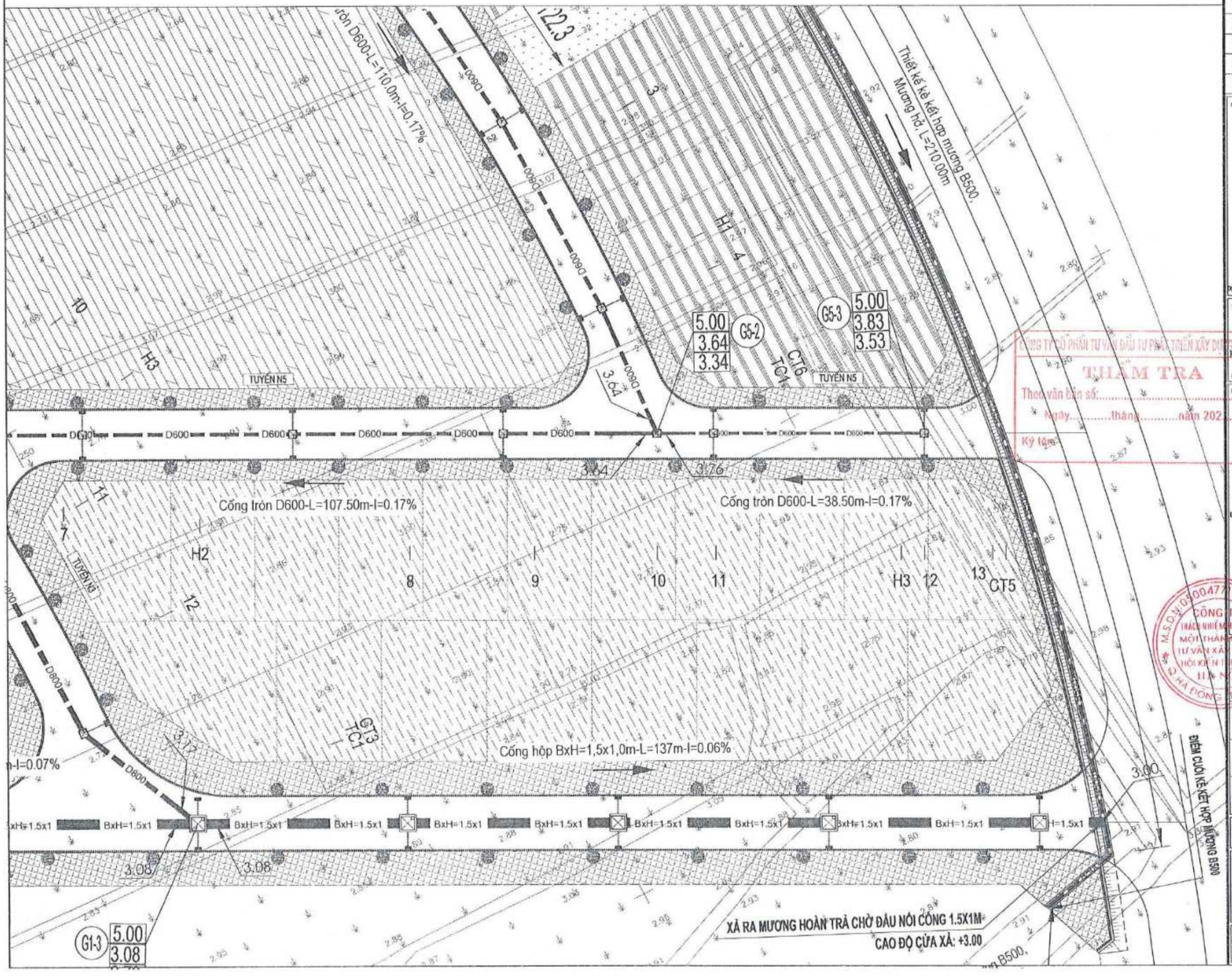
QUẢN LÝ KỸ THUẬT:
KS. VŨ XUÂN QUYẾT

HẠNG MỤC:
THOÁT NƯỚC MƯA

TÊN BẢN VẼ:
BÌNH ĐỒ THOÁT NƯỚC MƯA TUYẾN 5

GIAI ĐOẠN: LẬP BÁO CÁO NCKT		KÝ HIỆU BẢN VẼ:
HOÀN THÀNH: 2025	KHỔ IN / TỶ LỆ:	TNM-BDTK-T5-02

BÌNH ĐỒ THOÁT NƯỚC MƯA TUYẾN 5



SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY	XÁC NHẬN
1		
2		
3		
4		
5		

CHỦ ĐẦU TƯ:
TRUNG PHẨM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT HUYỆN THƯỜNG TÍN

ĐỊA CHỈ: TRẤN PHỐ, TT. THƯỜNG TÍN, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

TÊN DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐỂ ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT KHU NHỊ KHÊ 6, HUYỆN THƯỜNG TÍN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

ĐỊA ĐIỂM: XÃ NHỊ KHÊ, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG
THẨM TRA
Theo văn bản số:.....
Ngày.....tháng.....năm 202.....
Ký tên:

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:
HỘI KIẾN TRÚC SƯ HÀ NỘI

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TƯ VẤN XÂY DỰNG

ĐC: TÒA NHÀ C17A, KHU ĐÔ THỊ VĂN QUÁN, YÊN PHỤC, HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI
ĐT: 02433.540.178 - FAX: 02433.540.178
EMAIL: HKTSHANOI@GMAIL.COM

GIÁM ĐỐC
HÀN HỮU HUÂN

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
KS. HOÀNG VĂN VŨ

CHỦ TRÌ:
KS. VŨ XUÂN QUYẾT

THIẾT KẾ:
KS. NGUYỄN THU HÀ

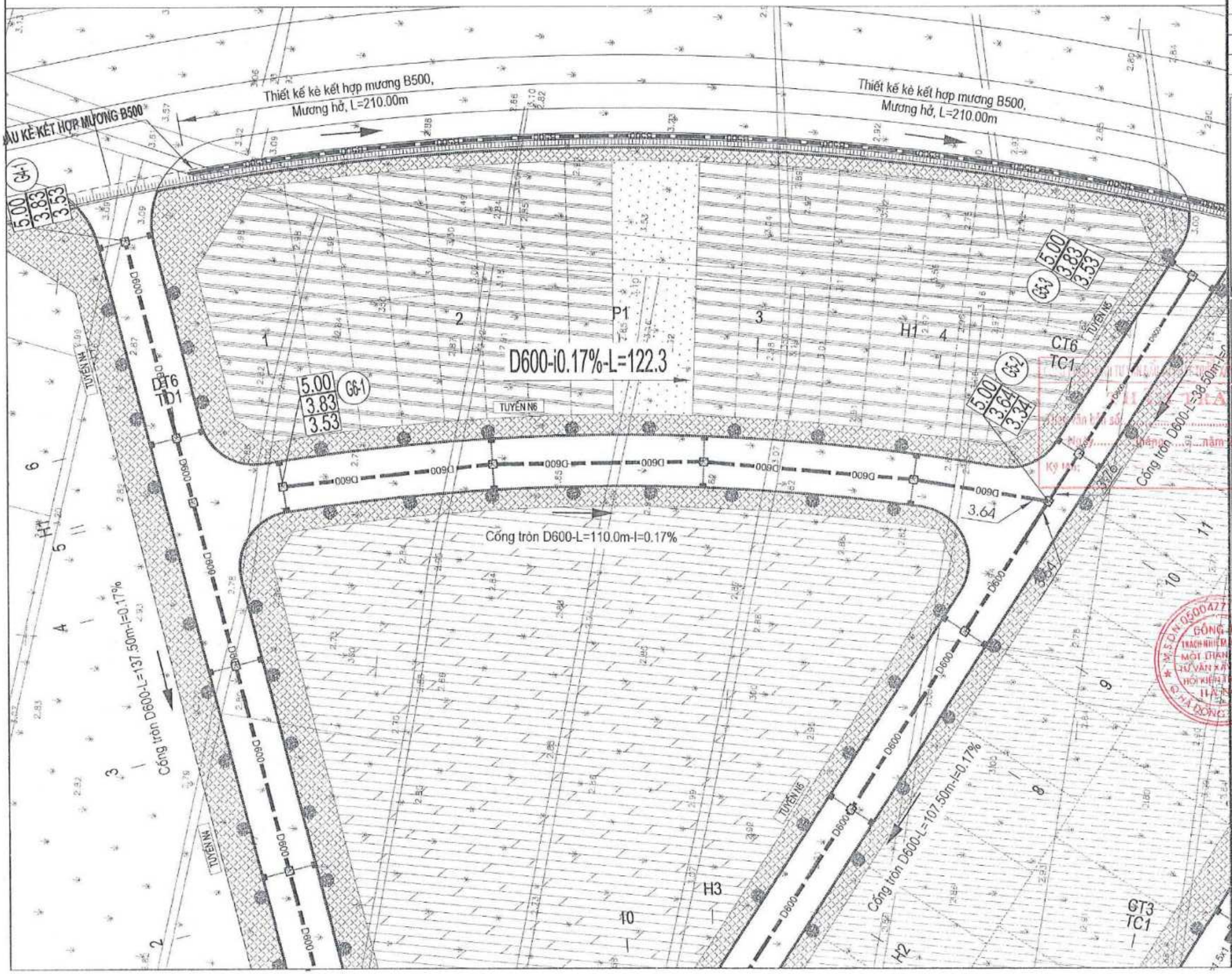
QUẢN LÝ KỸ THUẬT:
KS. VŨ XUÂN QUYẾT

HẠNG MỤC:
THOÁT NƯỚC MƯA

TÊN BẢN VẼ:
BÌNH ĐỒ THOÁT NƯỚC MƯA TUYẾN 5

GIAI ĐOẠN LẬP: BÁO CÁO KTKT		KÝ HIỆU BẢN VẼ:
HOÀN THÀNH: 2025	KHỔ IN / TỶ LỆ:	TNM-BBTK-T5-03

BÌNH ĐỒ THOÁT NƯỚC MƯA TUYẾN 6



SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY	XÁC NHẬN
1		
2		
3		
4		
5		

CHỦ ĐẦU TƯ
TRUNG PHẨM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT HUYỆN THƯỜNG TÍN

ĐỊA CHỈ: TRẦN PHÚ, TT. THƯỜNG TÍN, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

TÊN DỰ ÁN
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐỂ ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT KHU NHỊ KHÊ 6, HUYỆN THƯỜNG TÍN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ NHỊ KHÊ, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:
HỘI KIẾN TRÚC SƯ HÀ NỘI

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TƯ VẤN XÂY DỰNG
ĐC: TÒA NHÀ CT1A, KHU ĐÔ THỊ VĂN QUÁN, YÊN PHỤC, HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI
ĐT: 02433.540.176 - FAX: 02433.540.176
EMAIL: HKTSHANOI@GMAIL.COM

GIÁM ĐỐC
HÀN HỮU HUẤN

CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN
KS. HOÀNG VĂN VŨ

THIẾT KẾ:
KS. VŨ XUÂN QUYẾT

THIẾT KẾ:
KS. NGUYỄN THU HÀ

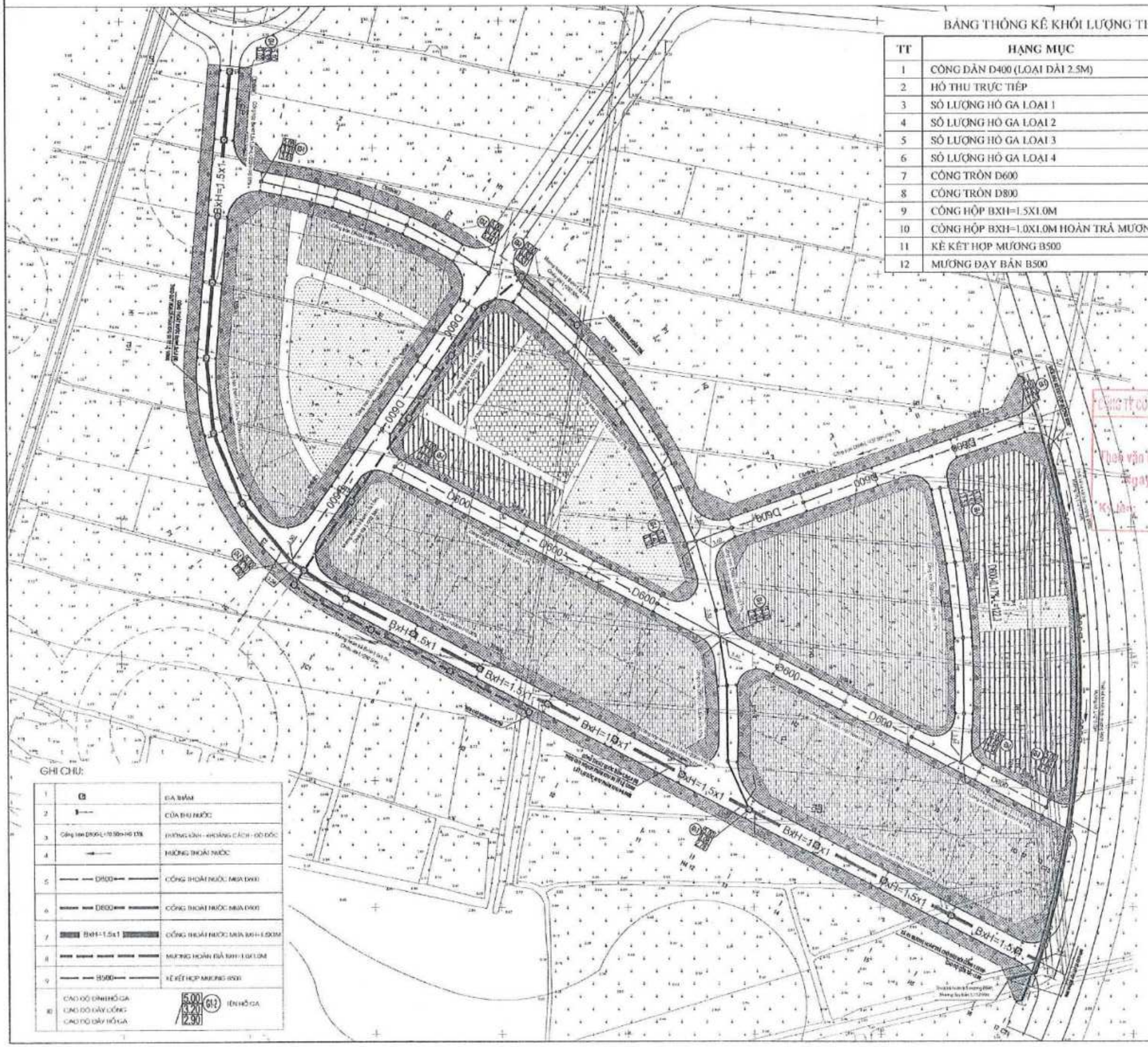
QUẢN LÝ KỸ THUẬT
KS. VŨ XUÂN QUYẾT

HẠNG MỤC
THOÁT NƯỚC MƯA

TÊN BẢN VẼ:
BÌNH ĐỒ THOÁT NƯỚC MƯA TUYẾN 6

GIAI ĐOẠN: LẬP BÁO CÁO NCKT		KÝ HIỆU BẢN VẼ:
HOÀN THÀNH: 2025	KHỔ IN / TỶ LỆ	TNM-BĐTK-T6-01

BÌNH ĐỒ THOÁT NƯỚC MƯA TỔNG THỂ



BẢNG THỐNG KÊ KHỐI LƯỢNG THOÁT NƯỚC MƯA

TT	HẠNG MỤC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG
1	CỐNG DÂN D400 (LOẠI DÀI 2.5M)	ĐỐT	116.00
2	HỐ THU TRỰC TIẾP	HỐ	103.00
3	SỐ LƯỢNG HỐ GA LOẠI 1	HỐ	35.00
4	SỐ LƯỢNG HỐ GA LOẠI 2	HỐ	3.00
5	SỐ LƯỢNG HỐ GA LOẠI 3	HỐ	20.00
6	SỐ LƯỢNG HỐ GA LOẠI 4	HỐ	10.00
7	CỐNG TRÒN D600	M	935.00
8	CỐNG TRÒN D800	M	70.50
9	CỐNG HỘP BXH=1.5X1.0M	M	546.00
10	CỐNG HỘP BXH=1.0X1.0M HOÀN TRẢ MƯƠNG	M	292.50
11	KẾ KẾT HỢP MƯƠNG B500	M	210.00
12	MƯƠNG ĐAY BẢN B500	M	12.00

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY	XÁC NHẬN
1		
2		
3		
4		
5		

CHỦ ĐẦU TƯ:
TRUNG PHẤM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT HUYỆN THƯỜNG TÍN

ĐỊA CHỈ: TRẦN PHÚ, TT. THƯỜNG TÍN, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

TÊN DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐỂ ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT KHU NHỊ KHÊ 6, HUYỆN THƯỜNG TÍN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

ĐỊA ĐIỂM: XÃ NHỊ KHÊ, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG

THẨM TRA
Theo văn bản số:.....
ngày.....tháng.....năm 202.....
Ký tên:

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:
HỘI KIẾN TRÚC SƯ HÀ NỘI

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TƯ VẤN XÂY DỰNG

ĐC: TÒA NHÀ CT1A, KHU ĐÔ THỊ VĂN QUÁN, YÊN PHỤC, HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI
ĐT: 02433.540.178 - FAX: 02433.540.178
EMAIL: HKTSHANOI@GMAIL.COM

GIÁM ĐỐC
HÁN HỮU HUÂN

CHỦ TRÌ DỰ ÁN
KS. HOÀNG VĂN VŨ

CHỦ TRÌ
KS. VŨ XUÂN QUYẾT

THIẾT KẾ:
KS. NGUYỄN THU HÀ

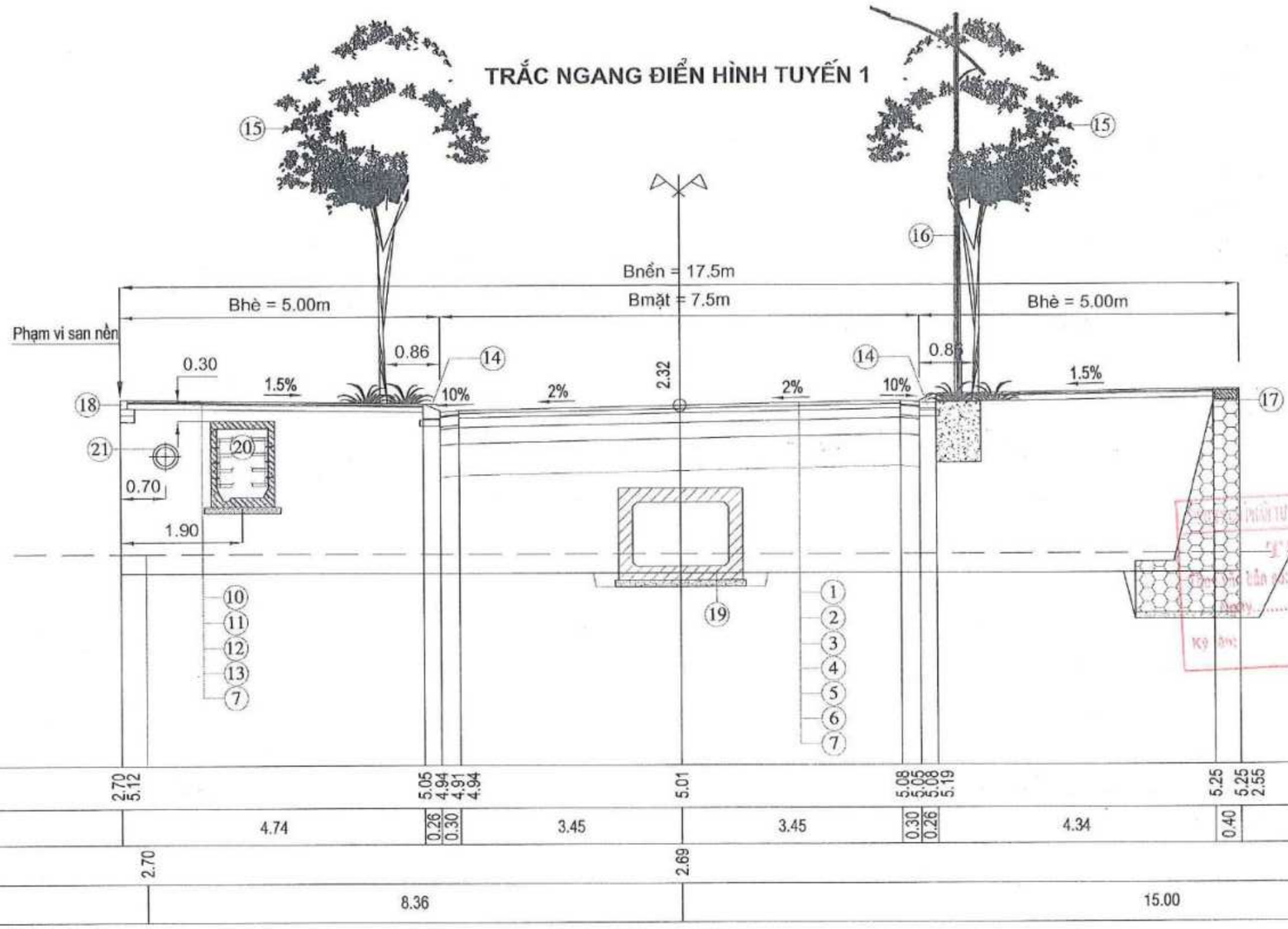
QUẢN LÝ KỸ THUẬT:
KS. VŨ XUÂN QUYẾT

HẠNG MỤC:
THOÁT NƯỚC MƯA

TÊN BẢN VẼ:
BÌNH ĐỒ THOÁT NƯỚC MƯA TỔNG THỂ

GIAI ĐOẠN: LẬP BÁO CÁO KTKT		KÝ HIỆU BẢN VẼ:
HOÀN THÀNH: 2025	KHỔ IN / TỶ LỆ:	TNM-BBTT-A3

TRẮC NGANG ĐIỂN HÌNH TUYẾN 1



GHI CHÚ :

Kết cấu mặt đường :

1 - Mặt đường bê tông nhựa chặt (BTNC 12.5) lớp trên dải nóng dày 5cm .
(Tưới dính bám bằng nhựa lỏng, lượng nhựa T/C 0.5Kg/m2) .
2 - Mặt đường bê tông nhựa chặt (BTNC 19.0) lớp dưới dải nóng dày 7cm .
(Tưới thấm bám bằng nhựa, lượng nhựa T/C 1.0Kg/m2) .
3 - Lớp móng cấp phối đá dăm loại I (kích cỡ 0/25) dày 15cm.
4 - Lớp móng cấp phối đá dăm loại II (kích cỡ 0/37.5) dày 25cm.
5 - Lớp vải địa kỹ thuật không dệt cường độ 12KN/m.
6 - Đắp K98 bằng cát dày 50cm .
7 - Đào hữu cơ dày 30cm.
10 - Lát hè gạch giả đá dày 4.5cm .
11 - Lớp vữa xi măng mác 100# dày 2cm .
12 - Lớp móng hè bê tông xi măng mác 150# đá 1x2 dày 8cm.
13 - Đắp hè bằng cát.
14 - Viên Block vỉa BTXM mác 300# (có bản vẽ chi tiết riêng) .
15 - Trồng cây xanh.
16 - Hệ thống chiếu sáng (có bản vẽ chi tiết riêng) .
17 - Kè đá hộc (có bản vẽ chi tiết riêng) .
18 - Bó hè xây gạch (có bản vẽ chi tiết riêng) .
19 - Cống hộp thoát nước mưa BxH=1.5x1.0m .
20 - Hào kỹ thuật (có bản vẽ chi tiết riêng) .
21 - Cống thoát nước thải D300 .

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY	XÁC NHẬN
1		
2		
3		
4		
5		

CHỦ ĐẦU TƯ
TRUNG PHÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT HUYỆN THƯỜNG TÍN
ĐỊA CHỈ: TRẦN PHÚ, TT. THƯỜNG TÍN, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

TÊN DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐỂ ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT KHU NHỊ KHÊ 6, HUYỆN THƯỜNG TÍN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ NHỊ KHÊ, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:
HỘI KIẾN TRÚC SƯ HÀ NỘI
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TƯ VẤN XÂY DỰNG
ĐC: TÒA NHÀ CT1A, KHU ĐÔ THỊ VĂN QUÁN, YÊN PHÚC, HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI
ĐT: 02433.540.176 - FAX: 02433.540.176
EMAIL: HKTSHANOI@GMAIL.COM
GIÁM ĐỐC
HÀN HỮU HUẤN
CHỦ TRÌ:
KS. HOÀNG VĂN VŨ
THIẾT KẾ:
KS. LÊ ANH TUẤN
QUẢN LÝ KỸ THUẬT:
KS. VŨ XUÂN QUYẾT

HẠNG MỤC:
GIAO THÔNG

TÊN BẢN VẼ:
TRẮC NGANG ĐIỂN HÌNH TUYẾN 1

GIAI ĐOẠN LẬP BÁO CÁO NCKT		KÝ HIỆU BẢN VẼ:
HOÀN THÀNH: 2025	KHỔ IN / TỶ LỆ	GT-TNĐH-T1-01

THẨM TRA
Ngày ... tháng ... năm 202...

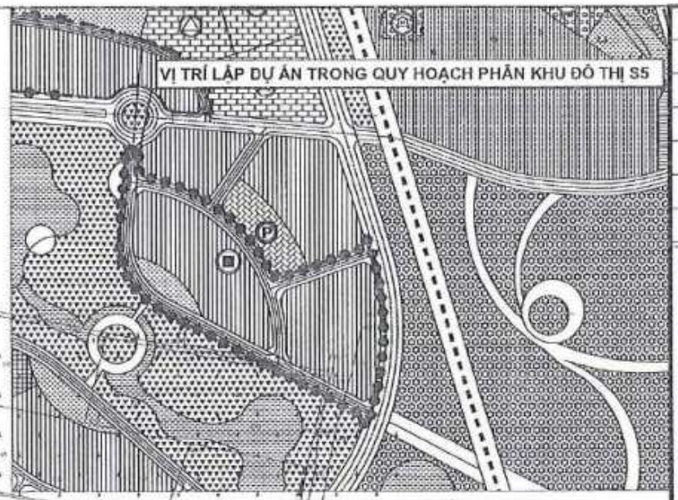
BẢNG TỔNG HỢP HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT

TT	CHỨC NĂNG SỬ DỤNG ĐẤT	DIỆN TÍCH	TỶ LỆ
	TỔNG	60.106,9	100,00
1	Đất nông nghiệp	58.405,5	97,17
2	Đất giao thông nội đồng	1.701,4	2,83

BẢNG THỐNG KÊ TỌA ĐỘ MỐC RANH GIỚI

STT	TỌA ĐỘ X	TỌA ĐỘ Y
M1	2311533.2069	588035.1816
M2	2311531.7183	588052.6181
M3	2311506.6398	588050.4771
M4	2311496.2250	588059.5207
M5	2311446.5691	588166.1426
M6	2311364.9102	588228.7438
M7	2311359.0830	588242.0902
M8	2311397.3170	588348.9817
M9	2311410.2537	588355.4925
M10	2311411.2859	588358.8925
M11	2311285.9700	588380.2464
M12	2311160.9533	588357.2056
M13	2311152.3541	588353.4588
M14	2311176.4061	588347.9706
M15	2311314.8512	588083.4785
M16	2311358.9000	588038.5630
M17	2311420.4507	588025.6553

VỊ TRÍ LẬP DỰ ÁN TRONG QUY HOẠCH PHÂN KHU ĐÔ THỊ S5



GHI CHÚ:
KHU VỰC LẬP QUY HOẠCH GIỚI HẠN BỞI CÁC MỐC M1, M2, ..., M16, M17 VỀ M1, TRONG ĐÓ:
- CÁC MỐC: M2, M3,...M9 GIÁP ĐẤT NHÓM NHÀ Ở VÀ GÀI ĐỖ XE THEO QUY HOẠCH PHÂN KHU;
- CÁC MỐC M13, M14,...M17, M1 GIÁP VỚI ĐẤT CÔNG VIÊN CÂY XANH KHU Ở Ở THEO QUY HOẠCH PHÂN KHU;
- CÁC MỐC M10, M11, M12 CÁCH CHỈ GIỚI ĐƯỜNG ĐỎ TUYẾN ĐƯỜNG PHÍA ĐÔNG 4M.

PHẠM TRÀ
Theo Giấy chứng nhận số.....
Ngày.....tháng.....năm 202.....
Ký tên:

KÝ HIỆU

- RANH GIỚI QUY HOẠCH
- RANH GIỚI NGHIÊN CỨU
- ĐẤT SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

GHI CHÚ

- ĐẤT XÂY DỰNG THUẬN LỢI
  KHÔNG NGẬP ĐỘ DỐC NỀN I <(10-20) %
- ĐẤT XÂY DỰNG ÍT THUẬN LỢI
- ĐẤT XÂY DỰNG ÍT THUẬN LỢI :
  NGẬP ĐỘ DỐC NỀN 12%<I<(20-25) %
- ĐẤT XÂY DỰNG KHÔNG THUẬN LỢI
  DO LẦY, NÚI CAO

ĐẶC ĐIỂM HIỆN TRẠNG

1. HIỆN TRẠNG DÂN CƯ VÀ LAO ĐỘNG

TRONG KHU VỰC NGHIÊN CỨU KHÔNG CÓ DÂN CƯ SINH SỐNG.

2. HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT

KHU VỰC TOÀN BỘ LÀ ĐẤT CANH TÁC NÔNG NGHIỆP CHỦ YẾU TRỒNG LÚA.

3. ĐÁNH GIÁ ĐẤT XÂY DỰNG

CĂN CỨ VÀO CÁC CƠ SỞ CÁC TIÊU CHÍ VỀ ĐỊA HÌNH, ĐIỀU KIỆN HIỆN TRẠNG, ĐỊA CHẤT THỦY VĂN, SỬ DỤNG ĐẤT, ĐÁNH GIÁ VÀ PHÂN LOẠI ĐẤT XÂY DỰNG NHƯ SAU:

- ĐỊA HÌNH TƯƠNG ĐỐI BẰNG PHẲNG, CỐT CAO ĐỘ TRUNG BÌNH TỪ 2.8-3.0M.
- KHU VỰC LẬP QUY HOẠCH CÓ ĐỊA HÌNH LÀ NÊN RUỘNG, CAO ĐỘ THẤP NÊN NÊN ĐỊA CHẤT KHÔNG ĐỒNG ĐỀU, DỄ ĐỘ TRONG QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG CẦN TIẾN HÀNH KHẢO SÁT ĐỂ ĐƯA RA PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ NỀN MÓNG ĐẠT HIỆU QUẢ, AN TOÀN VÀ KINH TẾ.

Mương T1 B1000
Mương T2 B500
Mương đất hiện hữu

SỬA ĐỔI		
	NGÀY	XÁC NHẬN

CHỦ ĐẦU TƯ
TRUNG PHẨM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT HUYỆN THƯỜNG TÍN

ĐỊA CHỈ: TRẦN PHÚ, TT. THƯỜNG TÍN, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

TÊN DỰ ÁN
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐỂ ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT KHU NHỊ KHÊ 6, HUYỆN THƯỜNG TÍN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

ĐỊA ĐIỂM: XÃ NHỊ KHÊ, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
HỘI KIẾN TRÚC SƯ HÀ NỘI

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TƯ VẤN XÂY DỰNG

ĐC: TÒA NHÀ C11A, KHU ĐÔ THỊ VĂN QUÁN, YÊN PHỤC, HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI
ĐT: 02433.540.176 - FAX: 02433.540.176
EMAIL: HKTSHANOI@GMAIL.COM

GIÁM ĐỐC
HÀN HỮU HUẤN

KS. HOÀNG VĂN VŨ

CHỦ TRÌ:
KS. VŨ XUÂN QUYẾT

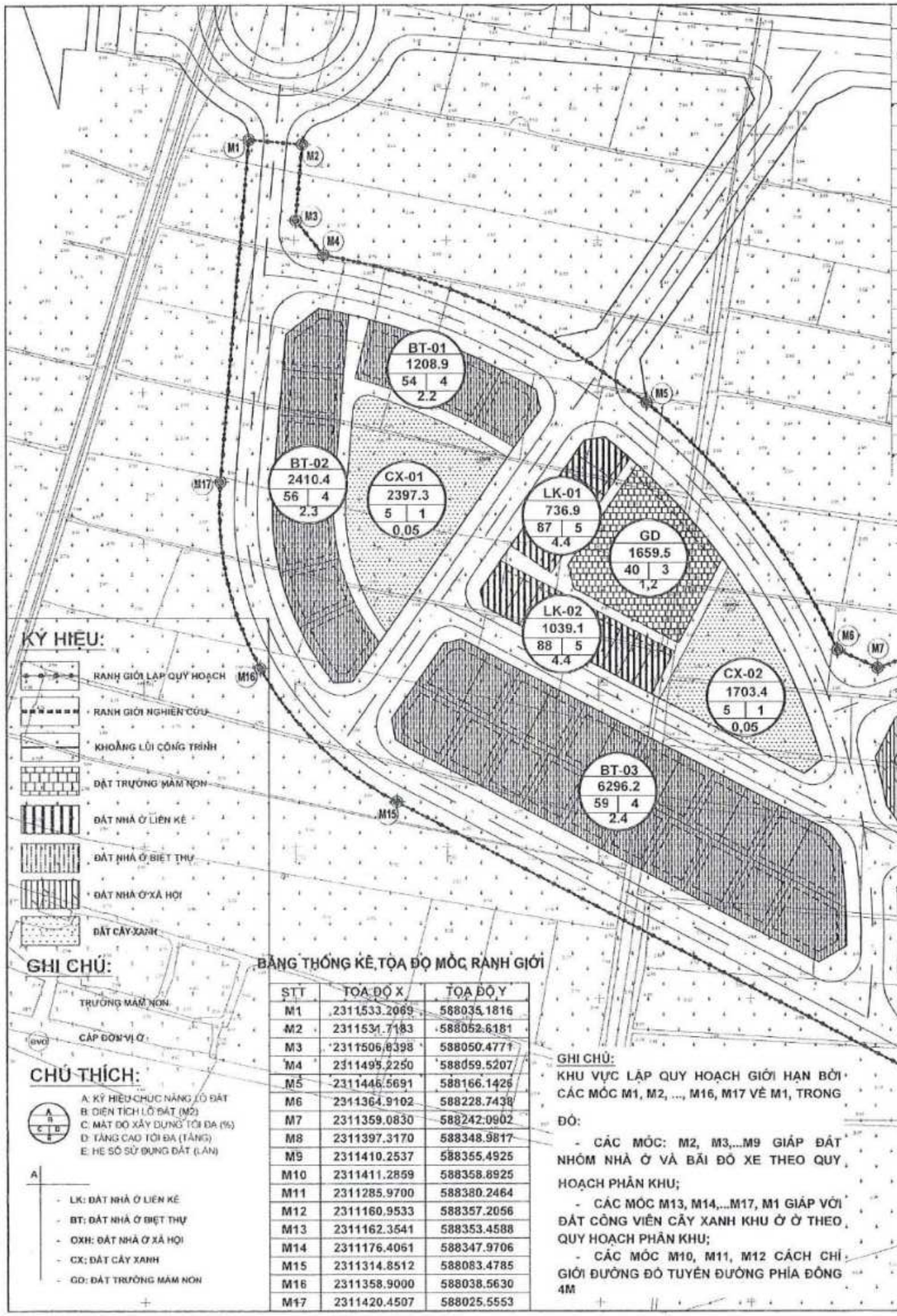
THIẾT KẾ:
KS. LÊ ANH TUẤN

QUẢN LÝ KỸ THUẬT
KS. VŨ XUÂN QUYẾT

HẠNG MỤC
TỔNG MẶT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT

TÊN BẢN VẼ
MẶT BẰNG HIỆN TRẠNG KHU ĐẤT

GIAI ĐOẠN: LẬP BÁO CÁO NCKT		KÝ HIỆU BẢN VẼ
HOÀN THÀNH: 2025	KHỔ IN / TỶ LỆ	TT-01



KÝ HIỆU:

- RANH GIỚI LẬP QUY HOẠCH
- RANH GIỚI NGHIÊN CỨU
- KHOẢNG LÙI CÔNG TRÌNH
- ĐẤT TRƯỜNG MẦM NON
- ĐẤT NHÀ Ở LIÊN KẾ
- ĐẤT NHÀ Ở BIỆT THỰ
- ĐẤT NHÀ Ở XÃ HỘI
- ĐẤT CÂY XANH

GHI CHÚ:

- TRƯỜNG MẦM NON
- CẤP ĐƠN VỊ Ở

CHÚ THÍCH:

A: KÝ HIỆU CHỨC NĂNG LÔ ĐẤT
B: DIỆN TÍCH LÔ ĐẤT (M2)
C: MẬT ĐỘ XÂY DỰNG TỐI ĐA (%)
D: TẦNG CAO TỐI ĐA (TẦNG)
E: HỆ SỐ SỬ DỤNG ĐẤT (LẦN)

A
- LK: ĐẤT NHÀ Ở LIÊN KẾ
- BT: ĐẤT NHÀ Ở BIỆT THỰ
- OXH: ĐẤT NHÀ Ở XÃ HỘI
- CX: ĐẤT CÂY XANH
- GD: ĐẤT TRƯỜNG MẦM NON

BẢNG THỐNG KÊ TỌA ĐỘ MỐC RANH GIỚI

STT	TOẠ ĐỘ X	TOẠ ĐỘ Y
M1	2311533.2069	588035.1816
M2	2311531.7183	588052.6181
M3	2311506.8398	588050.4771
M4	2311495.2250	588059.5207
M5	2311446.5691	588166.1426
M6	2311364.9102	588228.7438
M7	2311359.0830	588242.0902
M8	2311397.3170	588348.9817
M9	2311410.2537	588355.4925
M10	2311411.2859	588358.8925
M11	2311285.9700	588380.2464
M12	2311160.9533	588357.2056
M13	2311162.3541	588353.4588
M14	2311176.4061	588347.9706
M15	2311314.8512	588083.4785
M16	2311358.9000	588038.5630
M17	2311420.4507	588025.5553

GHI CHÚ:

KHU VỰC LẬP QUY HOẠCH GIỚI HẠN BỞI CÁC MỐC M1, M2, ..., M16, M17 VỀ M1, TRONG ĐÓ:

- CÁC MỐC: M2, M3,...M9 GIÁP ĐẤT NHÓM NHÀ Ở VÀ BÃI ĐỖ XE THEO QUY HOẠCH PHÂN KHU;
- CÁC MỐC M13, M14,...M17, M1 GIÁP VỚI ĐẤT CÔNG VIÊN CÂY XANH KHU Ở Ở THEO QUY HOẠCH PHÂN KHU;
- CÁC MỐC M10, M11, M12 CÁCH CHỈ GIỚI ĐƯỜNG ĐỎ TUYẾN ĐƯỜNG PHÍA ĐÔNG 4M

BẢNG THỐNG KÊ CHI TIẾT SỐ LIỆU SỬ DỤNG ĐẤT

STT	HẠNG MỤC	KÝ HIỆU	DIỆN TÍCH (M2)	MẬT ĐỘ XD TỐI ĐA (%)	TẦNG CAO TỐI ĐA (TẦNG)	HỆ SỐ SỬ DỤNG ĐẤT TỐI ĐA (LẦN)	TỶ LỆ (%)	SỐ LÔ, CĂN HỘ	DÂN SỐ (NGƯỜI)
	DIỆN TÍCH TRONG RANH GIỚI LẬP QUY HOẠCH		60.106,9				100,0	362	1.188
1	ĐẤT Ở		26.294,1				43,7	362	1.188
1.1	*ĐẤT NHÀ Ở LIÊN KẾ*	*LK*	*5.853,8*	*88*	*5*	*4,4*	*9,7*	*59*	*200*
		LK-01	736,9	87	5	4,4		7	
		LK-02	1.039,1	88	5	4,4		10	
		LK-03	2.067,5	89	5	4,4		17	
		LK-04	2.010,3	89	5	4,4		16	
1.2	*ĐẤT NHÀ Ở BIỆT THỰ*	*BT*	*15.139,1*	*58*	*4*	*2,3*	*25,2*	*52*	*208*
		BT-01	1.208,9	54	4	2,2		4	
		BT-02	2.410,4	56	4	2,3		7	
		BT-03	6.296,2	59	4	2,4		22	
		BT-04	5.223,6	58	4	2,3		19	
1.3	*ĐẤT NHÀ Ở XÃ HỘI*	*OXH*	*5.301,2*	*30*	*15*	*5,5*	*8,8*	*260*	*780*
2	ĐẤT TRƯỜNG MẦM NON	GD	1.659,5	40	3	1,2	2,8		
3	ĐẤT CÂY XANH	CX	4.527,9	5	1	0,05	7,5		
	ĐẤT CÂY XANH ĐƠN VỊ Ở	CX-01	2.397,3	5	1	0,05			
	ĐẤT CÂY XANH ĐƠN VỊ Ở VÀ NHÓM NHÀ Ở	CX-02	1.703,4	5	1	0,05			
	ĐẤT CÂY XANH NHÓM NHÀ Ở	CX-03	427,2	-	-	-			
4	ĐẤT GIAO THÔNG		27.625,4				46,0		

THẨM TRA
Theo văn bản số:.....
Ngày.....tháng.....năm 202.....
Ký tên:

SỬA ĐỔI		
	NGÀY	XÁC NHẬN

CHỦ ĐẦU TƯ
TRUNG PHẨM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT HUYỆN THƯỜNG TÍN
ĐỊA CHỈ: TRẤN PHỐ, TT. THƯỜNG TÍN, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

TÊN DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐỂ ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT KHU NHỊ KHÊ 6, HUYỆN THƯỜNG TÍN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ NHỊ KHÊ, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:
HỘI KIẾN TRÚC SƯ HÀ NỘI

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TƯ VẤN XÂY DỰNG
ĐC: TÒA NHÀ CT1A, KHU ĐÔ THỊ VĂN QUÁN, YÊN PHỤC, HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI
ĐT: 02433.540.176 - FAX: 02433.540.176
EMAIL: HKTSHANOI@GMAIL.COM

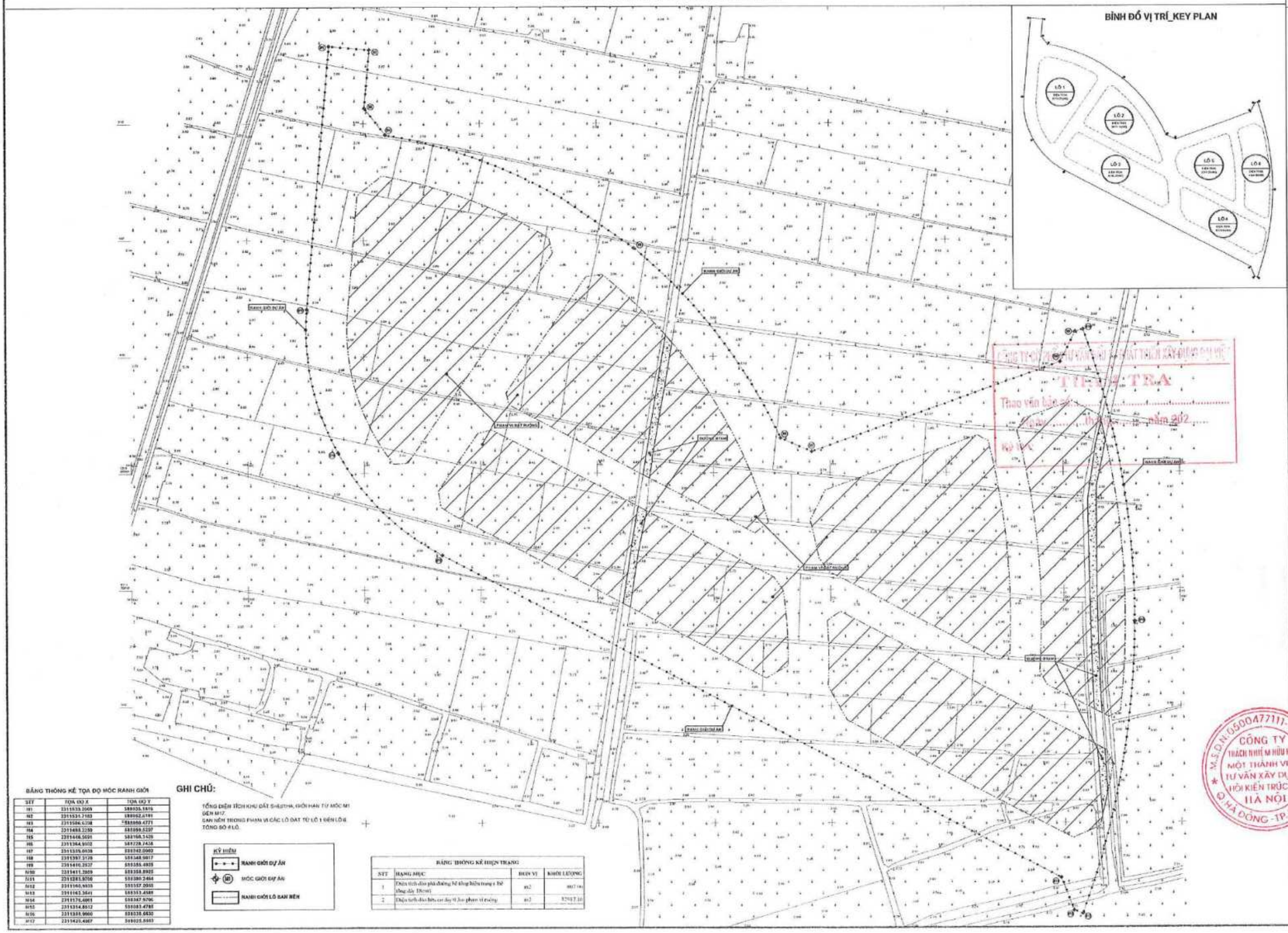
GIÁM ĐỐC
M.S.D.N: 0500477111 C.T.T.N.H.H.M.T.V. CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN TƯ VẤN XÂY DỰNG HỘI KIẾN TRÚC SƯ HÀ NỘI Q. HÀ ĐÔNG - T.P. HÀ NỘI
HÀN HỮU HUẤN

KS. HOÀNG VĂN VŨ
CHỦ TRÌ:
KS. VŨ XUÂN QUYẾT
THIẾT KẾ:
KS. LÊ ANH TUẤN
QUẢN LÝ KỸ THUẬT:
KS. VŨ XUÂN QUYẾT

HẠNG MỤC:
TỔNG MẶT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT
TÊN BẢN VẼ:
TỔNG MẶT BẰNG QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

GIAI ĐOẠN: LẬP BÁO CÁO NCKT		KÝ HIỆU BẢN VẼ
HOÀN THÀNH: 2025	KHỔ IN / TỶ LỆ	TT-02

MẶT BẰNG HIỆN TRẠNG PHẠM VI SAN NỀN



BẢNG THỐNG KÊ TỌA ĐỘ MỐC RANH GIỚI

STT	TỌA ĐỘ X	TỌA ĐỘ Y
M1	2311533.2069	580035.1816
M2	2311531.7103	580062.6191
M3	2311506.6398	580060.4771
M4	2311488.2250	580059.5207
M5	2311448.5691	580168.1426
M6	2311364.9102	580229.7458
M7	2311339.0038	580242.0002
M8	2311397.3178	580348.9817
M9	2311410.2527	580355.4935
M10	2311411.2809	580358.8925
M11	2311283.9708	580380.2464
M12	2311160.9833	580357.2055
M13	2311163.3641	580353.4589
M14	2311176.4001	580347.9706
M15	2311314.8512	580083.4785
M16	2311338.9900	580038.6830
M17	2311420.4307	580025.8663

GHI CHÚ:

TỔNG DIỆN TÍCH KHU ĐẤT SHĐTHA, GIỚI HẠN TỪ MỐC M1 ĐẾN M17.
SAN NỀN TRONG PHẠM VI CÁC LÔ ĐẤT TỪ LÔ 1 ĐẾN LÔ 6
TỔNG SỐ 6 LÔ.

KÝ HIỆU
- RANH GIỚI DỰ ÁN
- M1 MỐC GIỚI DỰ ÁN
- RANH GIỚI LÔ SAN NỀN

BẢNG THỐNG KÊ HIỆN TRẠNG

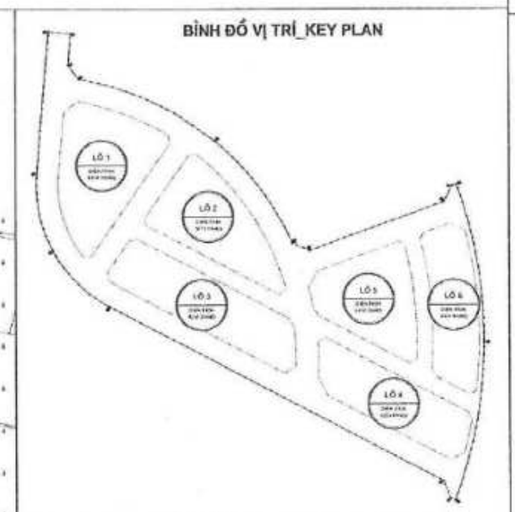
STT	HẠNG MỤC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG
1	Diện tích đào phá đường bê tông hiện trạng (Bề dày 18cm)	m2	9817.91
2	Diện tích đào hữu cơ dày 0.3m phạm vi ruộng	m2	57917.10

TRÌNH KIỂM TRA
Theo văn bản số ..... ngày ..... năm 202...

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN TƯ VẤN XÂY DỰNG HỘI KIẾN TRÚC SƯ HÀ NỘI
M.S.D.N: 0500477111 - Q. HÀ ĐÔNG - TP. HÀ NỘI

MẶT BẰNG THIẾT KẾ SAN NỀN

BÌNH ĐỒ VỊ TRÍ_KEY PLAN



LÔ 1
718.20 2.31
16522.00

LÔ 2
607.10 2.23
12653.73

LÔ 3
506.20 2.20
14699.08

LÔ 5
310.20 2.32
2300.01

LÔ 6
1804.80 2.16
9454.20

LÔ 4
225.60 2.26
11384.06

RANH GIỚI DỰ ÁN

GHI CHÚ:

TỔNG DIỆN TÍCH KHU ĐẤT S=8,0HA, GIỚI HẠN TỪ MỐC M1 ĐẾN M17.
SAN NỀN TRONG PHẠM VI CÁC LÔ ĐẤT TỪ LÔ 1 ĐẾN LÔ 6 TỔNG SỐ 6 LÔ.

BẢNG THỐNG KÊ TỌA ĐỘ MỐC RANH GIỚI

STT	TỌA ĐỘ X	TỌA ĐỘ Y
M1	2311533.3669	588926.1816
M2	2311525.7182	588952.6181
M3	2311509.6208	588950.4771
M4	2311498.2269	588959.5257
M5	2311468.5695	588985.3426
M6	2311364.9102	589228.7428
M7	2311319.0859	589342.0992
M8	2311382.3178	589349.9817
M9	2311410.2537	589355.4825
M10	2311481.2838	589256.8925
M11	2311299.5706	589389.2464
M12	2311160.3533	589357.2056
M13	2311162.3549	589353.4588
M14	2311170.4061	589347.9706
M15	2311394.8512	589083.4788
M16	2311388.5070	589039.3630
M17	2311420.4507	588935.8551

KÝ HIỆU

- RANH GIỚI DỰ ÁN
- (M1) MỐC GIỚI DỰ ÁN
- RANH GIỚI LÔ SAN NỀN
- DƯỜNG ĐỒNG MỨC SAN NỀN
- 5.15 CAO ĐỘ DƯỜNG ĐỒNG MỨC
- 0.4% ĐỘ DỐC SAN NỀN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ
KIỂM TRA
Thiết kế kiểm tra
Ngày ... tháng ... năm 202...
Ký kiểm tra

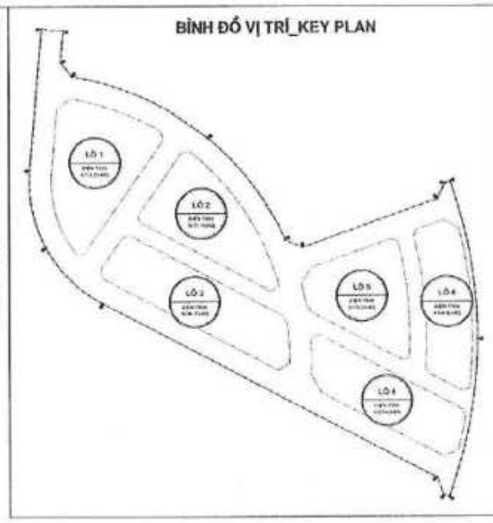
M.S.D.N: 0500477111
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN TƯ VẤN XÂY DỰNG HỘI KIẾN TRÚC SƯ HÀ NỘI
Q. HÀ ĐÔNG - TP. HÀ NỘI

MẶT BẰNG CHI TIẾT CÁC LÔ SAN NỀN

Bảng tổng hợp khối lượng san nền

Stt	Tên lô	Diện tích đào m2	Diện tích đắp m2	Khối lượng đào m3	Khối lượng đắp m3
1	Lô 1	0.00	6 718.20	0.00	15 522.02
2	Lô 2	0.00	5 671.10	0.00	12 653.73
3	Lô 3	0.00	6 296.20	0.00	14 698.08
4	Lô 4	0.00	5 223.60	0.00	11 784.08
5	Lô 5	0.00	5 210.20	0.00	12 300.01
6	Lô 6	0.00	4 504.80	0.00	9 434.20
7	Tổng	0.00	33 724.10	0.00	76 412.12
8	Diện tích vét hữu cơ dày 0_3m (*phạm vi các lô san nền*) (m2)				32 917.10
9	Khối lượng vét hữu cơ (m3)				9 875.13
10	Khối lượng đắp hoàn trả vét hữu cơ (m3)				9 875.13
11	**Tổng khối lượng đào các lô san nền (m3)**				**9 875.13**
12	**Tổng khối lượng đắp các lô san nền (m3)**				**86 287.25**

BÌNH ĐỒ VỊ TRÍ_KEY PLAN



BẢNG THỐNG KÊ TỌA ĐỘ MỐC RANH GIỚI

STT	TỌA ĐỘ X	TỌA ĐỘ Y
M1	2311533.2060	580335.1819
M2	2311521.7187	580092.6181
M3	2311560.4398	580090.4771
M4	2311455.2253	580039.5307
M5	2311440.5691	580169.3426
M6	2311364.9102	580231.7428
M7	2311359.0830	580242.0992
M8	2311392.3970	580343.9937
M9	2311410.2537	580358.4935
M10	2311411.3889	580358.8920
M11	2311285.9700	580380.2464
M12	2311160.5533	580357.3556
M13	2311162.3541	580351.4188
M14	2311176.4081	580347.9706
M15	2311314.6512	580082.4788
M16	2311358.9008	580039.5530
M17	2311420.4507	580035.5115

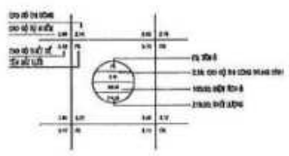
GHI CHÚ:

TỔNG DIỆN TÍCH KHU ĐẤT SHL/PHÁ, GIỚI HẠN TỪ MỐC M1 ĐẾN M17.
SAN NỀN TRONG PHẠM VI CÁC LÔ ĐẤT TỪ LÔ 1 ĐẾN LÔ 6
TỔNG SỐ 6 LÔ.

KÝ HIỆU

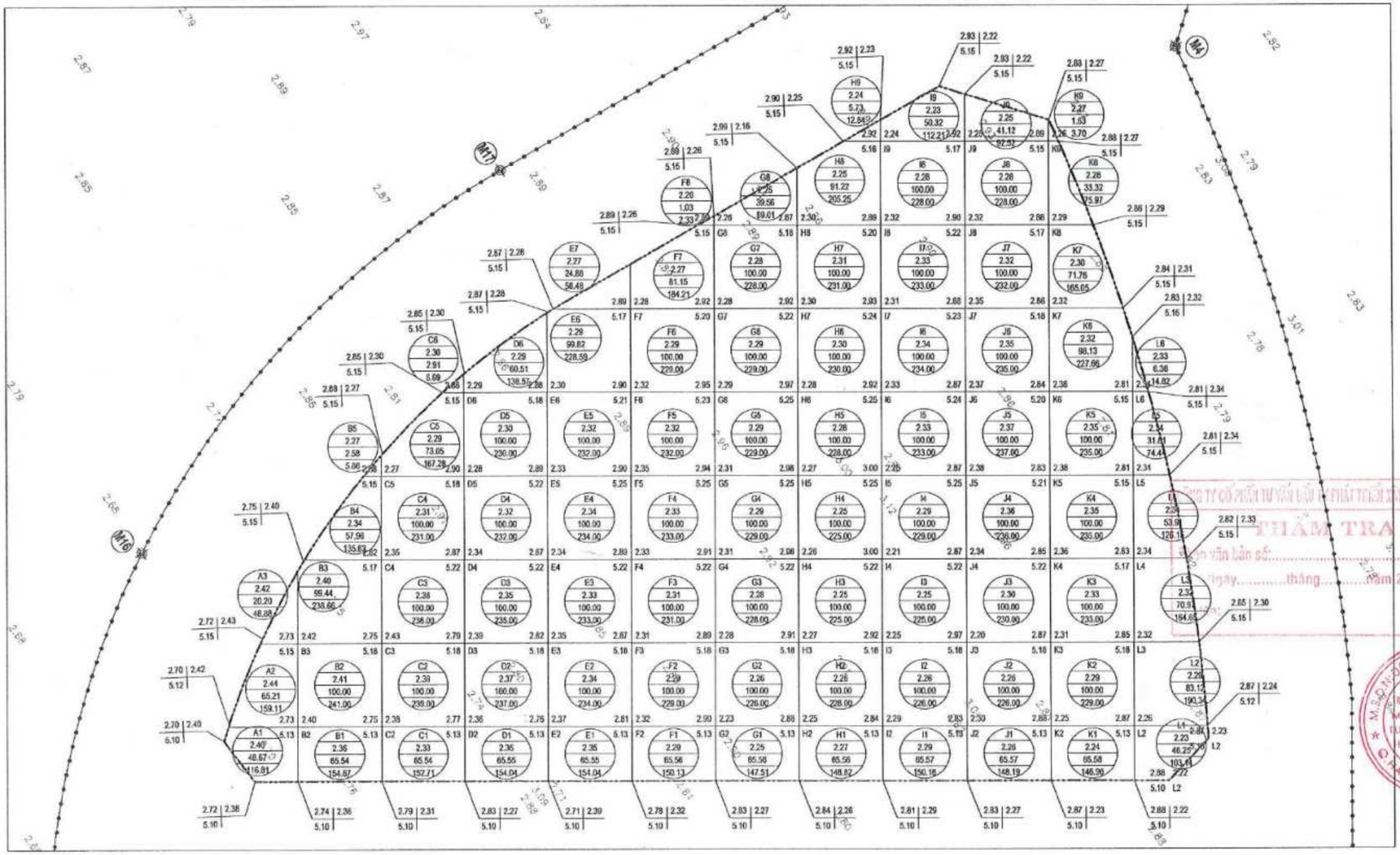
- RANH GIỚI DỰ ÁN
- M1 MỐC GIỚI DỰ ÁN
- RANH GIỚI LÔ SAN NỀN

GHI CHÚ:



CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN TƯ VẤN XÂY DỰNG HỘI KIẾN TRÚC SƯ HÀ NỘI
M.S.D.N: 0500477111 - C.T.N.H
Q. HÀ ĐÔNG - TP. HÀ NỘI

KHỐI LƯỢNG CHI TIẾT LÔ SAN NỀN 1



GHI CHÚ :

1.TÍNH TOÁN KHỐI LƯỢNG SAN NỀN:

-TÍNH TOÁN KHỐI LƯỢNG SAN NỀN THEO PHƯƠNG PHÁP LƯỚI

-Ô VUÔNG VỚI KÍCH THƯỚC Ô LƯỚI 10X10M.

-CÔNG THỨC TÍNH TOÁN KHỐI LƯỢNG NHƯ SAU:

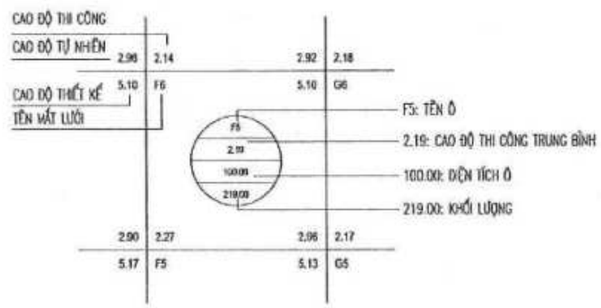
$V=H_{tb}F$

TRONG ĐÓ:

V : KHỐI LƯỢNG Ô LƯỚI(M3)

H_{tb} : CAO ĐỘ THI CÔNG TRUNG BÌNH(M)

F : DIỆN TÍCH Ô LƯỚI(M2)



SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY	XÁC NHẬN
1		
2		
3		
4		
5		

CHỦ ĐẦU TƯ

TRUNG PHẨM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT HUYỆN THƯỜNG TÍN

ĐỊA CHỈ: TRẦN PHÚ, TT. THƯỜNG TÍN, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

TÊN DỰ ÁN

XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐỂ ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT KHU NHỊ KHÊ 6, HUYỆN THƯỜNG TÍN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

ĐỊA ĐIỂM: XÃ NHỊ KHÊ, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

ĐƠN VỊ TƯ VẤN :

HỘI KIẾN TRÚC SƯ HÀ NỘI

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TƯ VẤN XÂY DỰNG

ĐC: TÒA NHÀ CT1A, KHU ĐÔ THỊ VĂN QUÁN, YÊN PHỤC, HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI

ĐT: 02433.540.178 - FAX: 02433.540.178

EMAIL: HKTSHANOI@GMAIL.COM

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN HỮU HUÂN

CHỦ TRÌ :

KS. HOÀNG VĂN VŨ

THIẾT KẾ :

KS. LÊ ANH TUẤN

QUẢN LÝ KỸ THUẬT :

KS. VŨ XUÂN QUYẾT

HẠNG MỤC

SAN NỀN

TÊN BẢN VẼ

KHỐI LƯỢNG CHI TIẾT SAN NỀN LÔ 1

GIAI ĐOẠN: LẬP BÁO CÁO KTKT		KÝ HIỆU BẢN VẼ
HOÀN THÀNH : 2025	KHỔ 1m / TỶ LỆ	SN-04

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG ĐÔ THỊ

THẨM TRA

Số văn bản số:

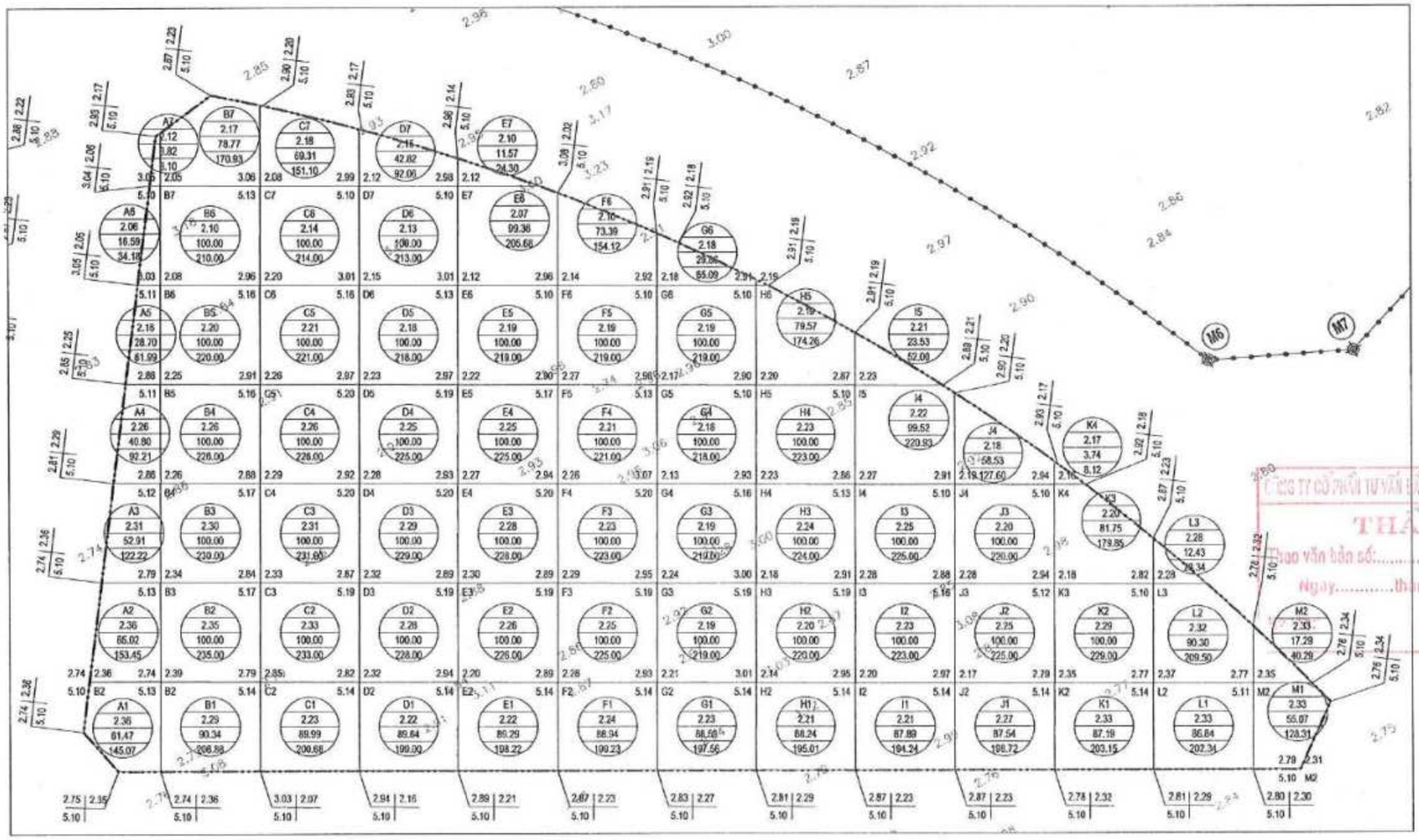
ngày ... tháng ... năm 202...

M.S.D.N: 0500477111-C.T.N.H.H

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN TƯ VẤN XÂY DỰNG HỘI KIẾN TRÚC SƯ HÀ NỘI

Q. HÀ ĐÔNG - T.P. HÀ NỘI

KHỐI LƯỢNG CHI TIẾT LÔ SAN NỀN 2



GHI CHÚ :

1.TÍNH TOÁN KHỐI LƯỢNG SAN NỀN:

- TÍNH TOÁN KHỐI LƯỢNG SAN NỀN THEO PHƯƠNG PHÁP LƯỚI
- Ô VUÔNG VỚI KÍCH THƯỚC Ô LƯỚI 10X10M.
- CÔNG THỨC TÍNH TOÁN KHỐI LƯỢNG NHƯ SAU:

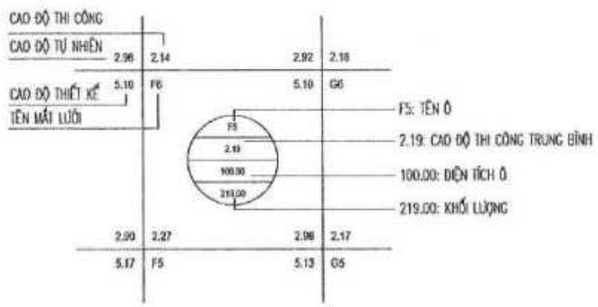
$V=H_{tb}F$

TRONG ĐÓ:

V : KHỐI LƯỢNG Ô LƯỚI(M3)

H_{tb} : CAO ĐỘ THI CÔNG TRUNG BÌNH(M)

F : DIỆN TÍCH Ô LƯỚI(M2)



SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY	XÁC NHẬN
1		
2		
3		
4		
5		

CHỦ ĐẦU TƯ

TRUNG PHẨM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT HUYỆN THƯỜNG TÍN

ĐỊA CHỈ: TRẦN PHÚ, TT. THƯỜNG TÍN, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

TÊN DỰ ÁN:

XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐỂ ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT KHU NHỊ KHÊ 6, HUYỆN THƯỜNG TÍN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

ĐỊA ĐIỂM: XÃ NHỊ KHÊ, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:

HỘI KIẾN TRÚC SƯ HÀ NỘI

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TƯ VẤN XÂY DỰNG

ĐC: TÒA NHÀ CT1A, KHU ĐÔ THỊ VĂN QUÁN, YÊN PHÚC, HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI

ĐT: 02433.540.176 - FAX: 02433.540.176

EMAIL: HKTSHANOI@GMAIL.COM

GIÁM ĐỐC

HÀN HỮU HUẤN

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:

KS. HOÀNG VĂN VŨ

CHỦ TRÌ:

KS. HOÀNG VĂN VŨ

THIẾT KẾ:

KS. LÊ ANH TUẤN

QUẢN LÝ KỸ THUẬT:

KS. VŨ XUÂN QUYẾT

HẠNG MỤC:

SAN NỀN

TÊN BẢN VẼ:

KHỐI LƯỢNG CHI TIẾT SAN NỀN LÔ 2

GIAI ĐOẠN: LẬP BÁO CÁO NCKT		KÝ HIỆU BẢN VẼ
HOÀN THÀNH: 2025	KHỔ IN / TỶ LỆ	SN-05

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG

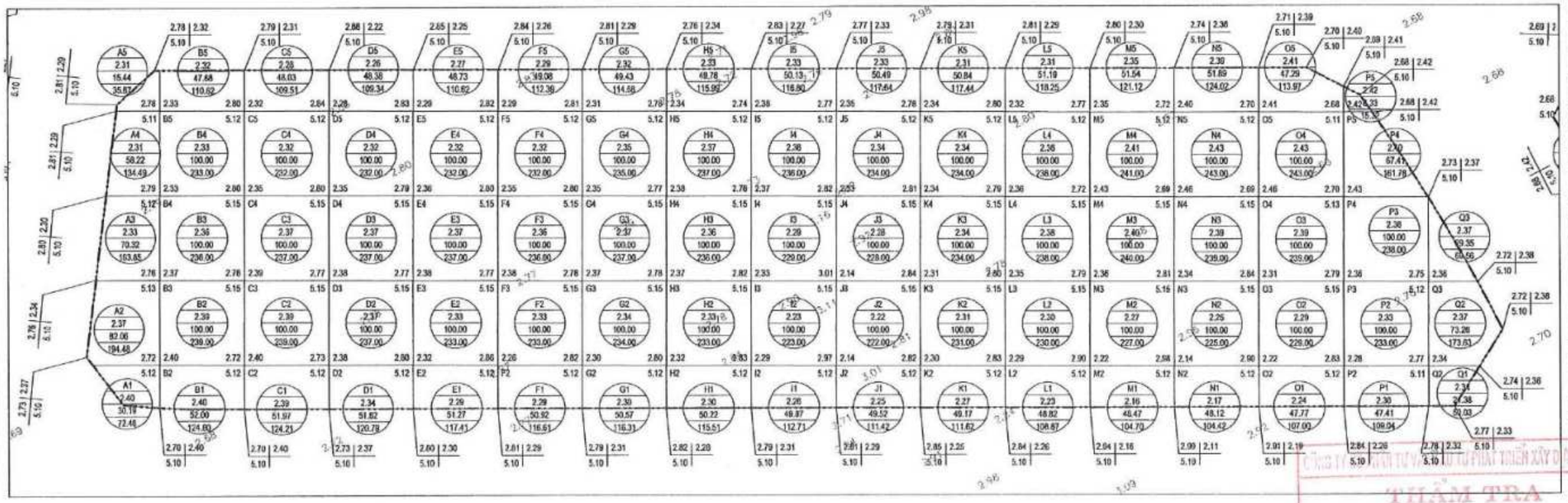
THẨM TRA

Theo văn bản số:.....

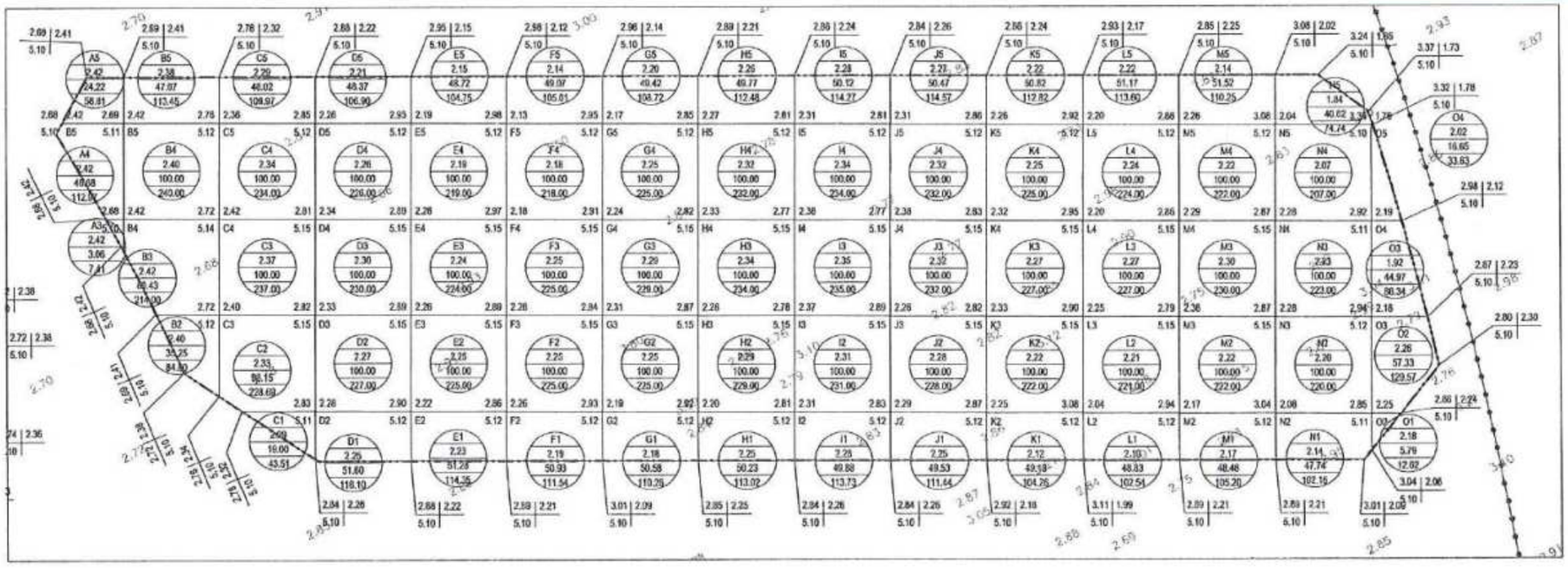
Ngày.....tháng.....năm 202.....

M.S.D.N: 0500472111-C.T.N.H.H. CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN TƯ VẤN XÂY DỰNG HỘI KIẾN TRÚC SƯ HÀ NỘI Q. HÀ ĐÔNG - TP. HÀ NỘI

KHỐI LƯỢNG CHI TIẾT LÔ SAN NỀN 3



KHỐI LƯỢNG CHI TIẾT LÔ SAN NỀN 4



SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY	XÁC NHẬN
1		
2		
3		
4		
5		

CHỦ ĐẦU TƯ:

TRUNG PHẨM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT HUYỆN THƯỜNG TÍN

ĐỊA CHỈ: TRẦN PHÚ, TT. THƯỜNG TÍN, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

TÊN DỰ ÁN:

XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐỂ ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT KHU NHỊ KHÊ 6, HUYỆN THƯỜNG TÍN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

ĐỊA ĐIỂM: XÃ NHỊ KHÊ, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:

HỘI KIẾN TRÚC SƯ HÀ NỘI

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TƯ VẤN XÂY DỰNG

ĐC: TÒA NHÀ CT1A, KHU ĐÔ THỊ VĂN QUÁN, YÊN PHỤC, HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI

ĐT: 02433.540.176 - FAX: 02433.540.176

EMAIL: HKTSHANOI@GMAIL.COM

GIÁM ĐỐC

PHẠM HỮU HUẤN

CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN:

KS. HOÀNG VĂN VŨ

CHỦ TRÌ:

KS. HOÀNG VĂN VŨ

THIẾT KẾ:

KS. LÊ ANH TUẤN

QUẢN LÝ KỸ THUẬT:

KS. VŨ XUÂN QUYẾT

HẠNG MỤC:

SAN NỀN

TÊN BẢN VẼ:

KHỐI LƯỢNG CHI TIẾT SAN NỀN LÔ 3, LÔ 4

GIAI ĐOẠN: LẬP BÁO CÁO NCKT		KÝ HIỆU BẢN VẼ:
HOÀN THÀNH: 2025	KHỔ IN / TỶ LỆ	SN-06

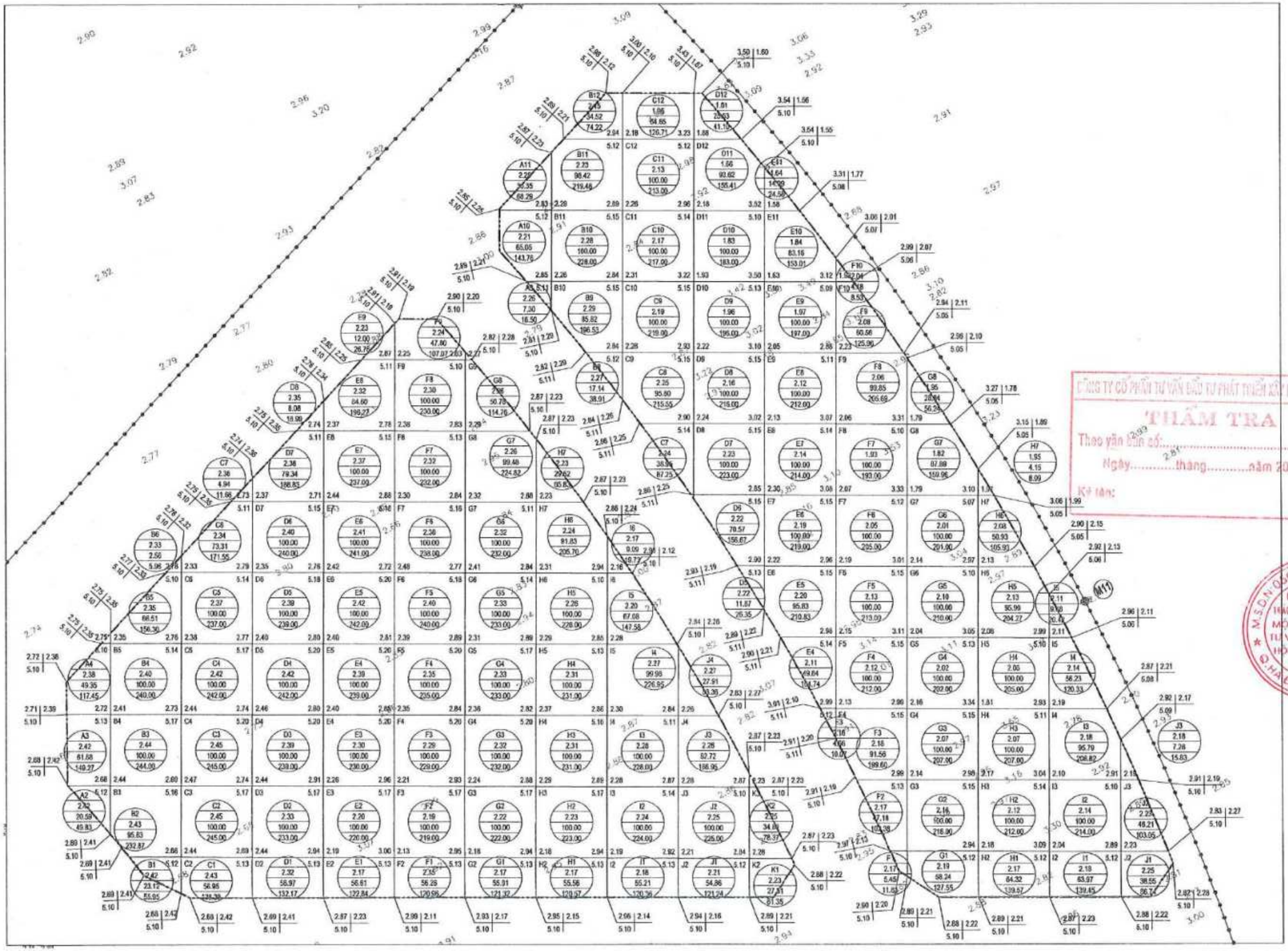
THẨM TRA

Theo văn bản số:.....

Ngày.....tháng.....năm 202.....

Ký tên:

KHỐI LƯỢNG CHI TIẾT LÔ SAN NỀN 5 VÀ LÔ SAN NỀN 6



SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY	XÁC NHẬN
1		
2		
3		
4		
5		

CHỦ ĐẦU TƯ

TRUNG PHẤM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT HUYỆN THƯỜNG TÍN

ĐỊA CHỈ: TRẦN PHÚ, TT. THƯỜNG TÍN, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

TÊN DỰ ÁN:

XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐỂ ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT KHU NHỊ KHÊ 6, HUYỆN THƯỜNG TÍN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

ĐỊA ĐIỂM: XÃ NHỊ KHÊ, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:

HỘI KIẾN TRÚC SƯ HÀ NỘI

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TƯ VẤN XÂY DỰNG

ĐC: TÒA NHÀ CT1A, KHU ĐÔ THỊ VĂN QUÁN, YÊN PHỐC, HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI
ĐT: 02433.540.178 - FAX: 02433.540.178
EMAIL: HKTSHANOI@GMAIL.COM

GIÁM ĐỐC

HÀN HỮU HUẤN

CHỦ TRÌ: KS. HOÀNG VĂN VŨ

THIẾT KẾ: KS. LÊ ANH TUẤN

QUẢN LÝ KỸ THUẬT: KS. VŨ XUÂN QUYẾT

HẠNG MỤC: SAN NỀN

TÊN BẢN VẼ: **KHỐI LƯỢNG CHI TIẾT SAN NỀN LÔ 5, LÔ 6**

GIAI ĐOẠN: LẬP BÁO CÁO NCKT		KÝ HIỆU BẢN VẼ:
HOÀN THÀNH: 2025	KHỔ IN / TỶ LỆ	SN-07

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG ĐẤT NỀN

THẨM TRA

Theo văn bản số:.....

Ngày.....tháng.....năm 202...

Ký tên:

BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ TỔNG THỂ



SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY	XÁC NHẬN
1		
2		
3		
4		
5		

CHỦ ĐẦU TƯ

TRUNG PHẨM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT HUYỆN THƯỜNG TÍN

ĐỊA CHỈ: THỊ TRẤN PHÚ, TT. THƯỜNG TÍN, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

TÊN DỰ ÁN

XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐỂ ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT KHU NHỊ KHÊ 6, HUYỆN THƯỜNG TÍN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

ĐỊA ĐIỂM: XÃ NHỊ KHÊ, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

THẨM TRA
Theo văn bản số:.....
Ngày.....tháng.....năm 202.....
Ký tên:

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:

HỘI KIẾN TRÚC SƯ HÀ NỘI

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TƯ VẤN XÂY DỰNG

ĐC: TÒA NHÀ CT1A, KHU ĐÔ THỊ VĂN QUÁN, YÊN PHÚC, HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI
ĐT: 02433.540.176 - FAX: 02433.540.176
EMAIL: HKTSHANOI@GMAIL.COM

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0500477111 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN TƯ VẤN XÂY DỰNG HỘI KIẾN TRÚC SƯ HÀ NỘI - Q. HÀ ĐÔNG - T.P HÀ NỘI

NGUYỄN HỮU HUẤN

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN
KS. HOÀNG VĂN VŨ

CHỦ TRÌ:
KS. HOÀNG VĂN VŨ

THIẾT KẾ:
KS. LÊ ANH TUẤN

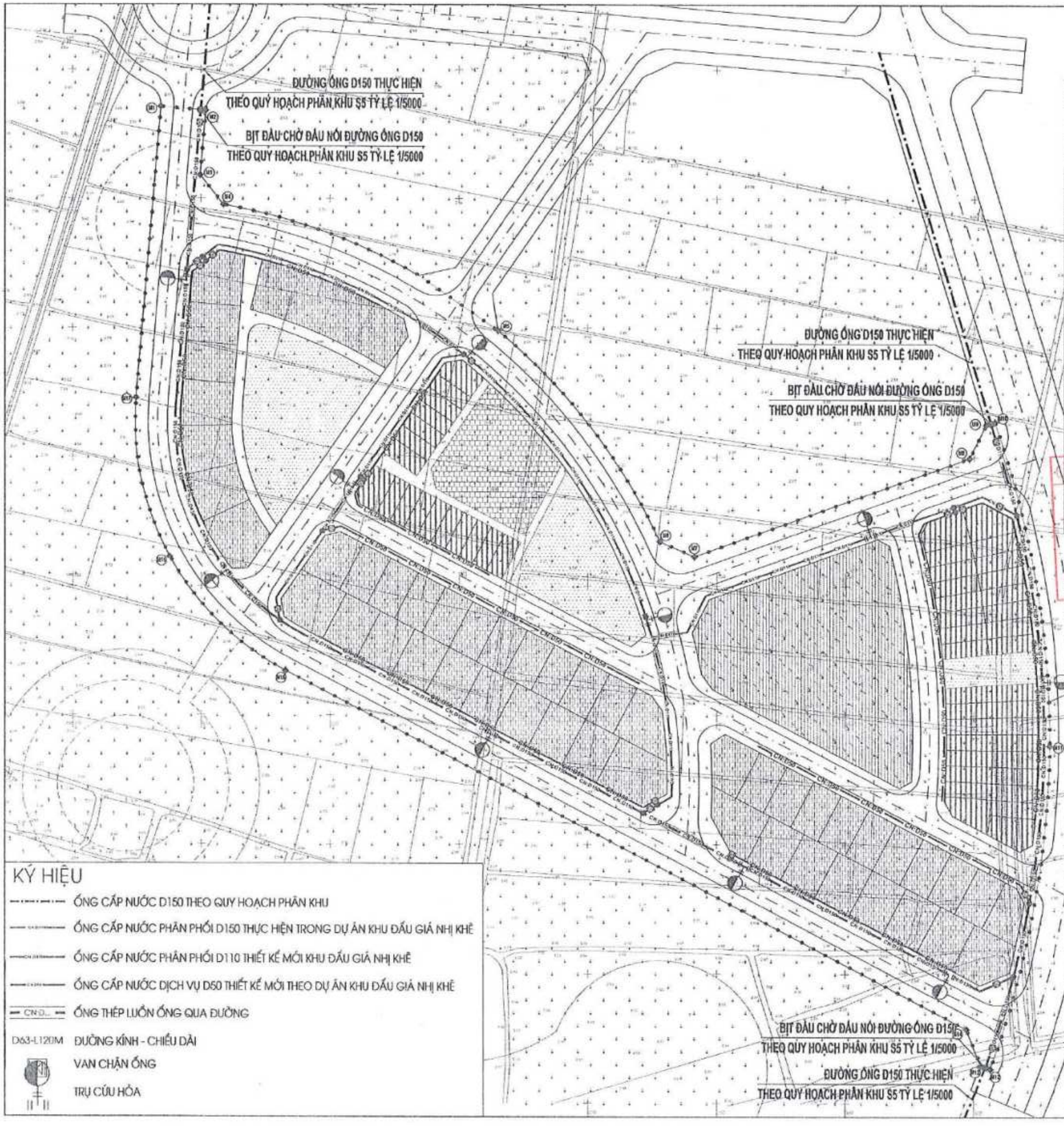
QUẢN LÝ KỸ THUẬT:
KS. VŨ XUÂN QUYẾT

HẠNG MỤC
GIAO THÔNG

TÊN BẢN VẼ:

BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ TỔNG THỂ

GIAI ĐOẠN: LẬP BÁO CÁO NCKT		KÝ HIỆU BẢN VẼ:
HOÀN THÀNH: 2025	KHỔ IN / TỶ LỆ	GT-BDTT-A3



KÝ HIỆU

- ỐNG CẤP NƯỚC D150 THEO QUY HOẠCH PHÂN KHU
- ỐNG CẤP NƯỚC PHÂN PHỐI D150 THỰC HIỆN TRONG DỰ ÁN KHU ĐẤU GIÁ NHỊ KHÊ
- ỐNG CẤP NƯỚC PHÂN PHỐI D110 THIẾT KẾ MỚI KHU ĐẤU GIÁ NHỊ KHÊ
- ỐNG CẤP NƯỚC DỊCH VỤ D50 THIẾT KẾ MỚI THEO DỰ ÁN KHU ĐẤU GIÁ NHỊ KHÊ
- CN D... ỐNG THÉP LUỒN ỐNG QUA ĐƯỜNG
- D63-L120M ĐƯỜNG KÍNH - CHIỀU DÀI
- VAN CHẶN ỐNG
- TRỤ CỨU HỎA

Bảng thống kê khối lượng cấp nước

Stt	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
I	Mạng phân phối		
1	Ống cấp nước phân phối D150	m	787,4
	Đi trên hè		255,1
	Qua đường		99,0
	Trong hào kỹ thuật		433,3
2	Ống cấp nước phân phối D110	m	619,3
	Đi trên hè		38,9
	Qua đường		71,0
	Trong hào kỹ thuật		509,4
3	Ống thép D150 luồn ống D110 qua đường		71
4	Ống thép D200 luồn ống D150 qua đường		99
5	Van chặn ống D150	cái	4
6	Van chặn ống D110	cái	5
7	Khởi thủy D150/110	Vị trí	4
8	Khởi thủy D150/50	Vị trí	2
9	Khởi thủy D110/50	Vị trí	5
10	Chếch 135 HDPE D150	cái	1
11	Chếch 135 HDPE D110	cái	5
12	Ba chạc Y D150	cái	1
13	Ba chạc Y D110	cái	1
14	Tê đều D110	cái	1
15	Bịt đầu D150	cái	3
16	Trụ cứu hỏa	Trụ	10
II	Mạng dịch vụ		
1	Ống cấp nước dịch vụ D50	m	1085,5
	Đi trên hè		556,3
	Trong hào kỹ thuật		529,2
2	Van chặn ống D50	cái	10
3	Tê đều D50	cái	3
4	Cút vuông D50	cái	2
5	Bít đầu D50	cái	10

ĐÃ KIỂM TRA
Ngày.....tháng.....năm 202.....
Ký tên:

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY	XÁC NHẬN
1		
2		
3		
4		
5		

CHỦ ĐẦU TƯ:
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT HUYỆN THƯỜNG TÍN

ĐỊA CHỈ: TRẤN PHỐ, TT. THƯỜNG TÍN, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

TÊN DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐẾ ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT KHU NHỊ KHÊ 6, HUYỆN THƯỜNG TÍN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

ĐỊA ĐIỂM: XÃ NHỊ KHÊ, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:
HỘI KIẾN TRÚC SƯ HÀ NỘI

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TƯ VẤN XÂY DỰNG

ĐC: TÒA NHÀ CT1A, KHU ĐÔ THỊ VĂN QUÁN, YÊN PHỤC, HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI
ĐT: 02433.540.176 - FAX: 02433.540.176
EMAIL: HKTSHANOI@GMAIL.COM

GIÁM ĐỐC

HÀN HỮU HUẤN

CHỦ TRÌ:
KS. HOÀNG VĂN VŨ

KS. VŨ XUÂN QUYẾT

THIẾT KẾ:
KS. NGUYỄN THU HÀ

QUẢN LÝ KỸ THUẬT:
KS. VŨ XUÂN QUYẾT

HẠNG MỤC:
CẤP NƯỚC

TÊN BẢN VẼ:
MẶT BẰNG CẤP NƯỚC

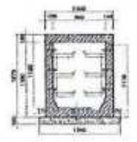
GIAI ĐOẠN LẬP BÁO CÁO NCKT		KÝ HIỆU BẢN VẼ
HOÀN THÀNH: 2025	KHỔ IN / TỶ LỆ: A3 - 1/1500	CN.MB

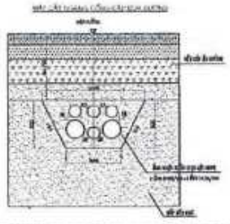
BÌNH ĐỒ HÀO KỸ THUẬT TỔNG THỂ

BẢNG THỐNG KÊ KHỐI LƯỢNG HÀO KỸ THUẬT

TT	HẠNG MỤC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG
1	CHIỀU DÀI HÀO	M	1463,36
2	CHIỀU DÀI HỐ GA	M	1056,66
3	SỐ LƯỢNG HỐ GA LOẠI 1	HỐ	4
4	SỐ LƯỢNG HỐ GA LOẠI 2	HỐ	9
5	SỐ LƯỢNG HỐ GA LOẠI 3	HỐ	18
6	SỐ LƯỢNG HỐ GA LOẠI 4	HỐ	2
7	SỐ LƯỢNG HỐ GA LOẠI 5	HỐ	11
8	SỐ LƯỢNG HỐ GA LOẠI 6	HỐ	12
9	SỐ LƯỢNG HỐ GA LOẠI 7	HỐ	3
10	SỐ LƯỢNG HỐ GA LOẠI 8	HỐ	7
11	SỐ LƯỢNG CỤM ĐẤU NỐI	CỤM	12

KÝ HIỆU:

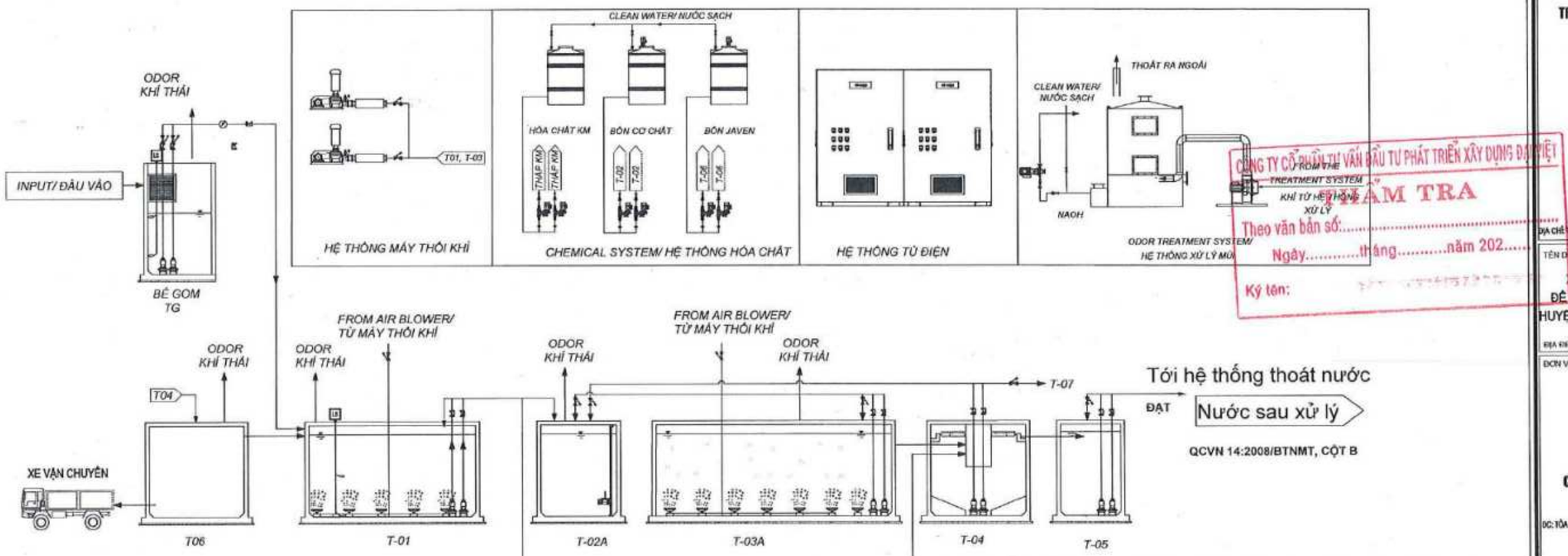




THẨM TRA
Theo văn bản số ... ngày 202...

M.S.D.N: 0500477111 - C.T.N.H.H
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN TƯ VẤN XÂY DỰNG HỘI KIẾN TRÚC SƯ HÀ NỘI
Q. HÀ ĐÔNG - TP. HÀ NỘI

SƠ ĐỒ DÂY CHUYỀN CÔNG NGHỆ - CÔNG SUẤT 450 M3/NGÀY ĐÊM



SYMBOL/ Ký hiệu	TANK/ Bể	SYMBOL/ Ký hiệu	TANK/ Bể
TG	Bể gom	T03B	AEROBIC TANK/ Bể hiếu khí line 2
T01	AIR CONDITIONING TANK/ Bể điều hòa	T04	SEWAGE TANK/ Bể lắng sinh học
T02A	ANOXIC TANK/ Bể thiếu khí line 1	T05	DISINFECTION TANK/ Bể khử trùng
T02B	ANOXIC TANK/ Bể thiếu khí line 2	T06	SLUDGE TANK/ Bể chứa bùn
T03A	AEROBIC TANK/ Bể hiếu khí line 1		

SYMBOL/ Ký hiệu	NOTE/ Chú thích		
	WASTEWATER LINE/ Đường nước thải		SLUDGE LINE/ Đường bùn
	AIR LINE/ Đường khí		CLEAN WATER/ Nước sạch
			CHEMICAL LINE/ Đường hóa chất

SYMBOL/ Ký hiệu	NOTE/ Chú thích	SYMBOL/ Ký hiệu	NOTE/ Chú thích
	BUTTERFLY VALVE/ Van bướm		SUBMERSIBLE SEWAGE PUMP/ Bơm nước thải đặt chìm
	CHECK VALVE/ VAN 1 CHIỀU		CHEMICAL DUCT DEPLETION PUMP/ Bơm cạn tuần hoàn hóa chất
	PP UNION/ Rắc co nhựa		AIR BLOWER/ Máy thổi khí
	PVC VALVE/ Van PVC		STAINLESS STEEL BARRICADES/ Rọ chắn rác
	FLEXIBLE JOINT/ Khớp nối mềm		CHEMICAL STIRRING MOTOR/ Động cơ khuấy hóa chất
	MICROBIAL SUBSTRATES/ Giá thể vi sinh		WIPER MOTOR/ Động cơ gạt bùn
	SUBMERGED AGITATOR/ Máy khuấy chìm		ODOR-SUCKING FAN/ Quạt hút mùi
	DISC DIFFUSER/ Đĩa phân phối khí tinh		DOSING PUMP/ Bơm định lượng
LS	FLOAT CONTROL/ Phao điều khiển		
	ELECTRONIC FLOW METER/ Đồng hồ đo lưu lượng điện tử		

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY	XÁC NHẬN
1		
2		
3		
4		
5		

CHỦ ĐẦU TƯ
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT HUYỆN THƯỜNG TÍN
ĐỊA CHỈ: TRẦN PHÚ, TT. THƯỜNG TÍN, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG ĐẠI VIỆT
KIỂM TRA
Theo văn bản số:.....
Ngày.....tháng.....năm 202...
Ký tên:

TÊN DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐỂ ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT KHU NHỊ KHÊ 6, HUYỆN THƯỜNG TÍN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ NHỊ KHÊ, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:
HỘI KIẾN TRÚC SƯ HÀ NỘI
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TƯ VẤN XÂY DỰNG
ĐC: TÒA NHÀ CT1A, KHU ĐÔ THỊ VĂN QUÁN, YÊN PHỤC, HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI
ĐT: 02433.540.176 - FAX: 02433.540.176
EMAIL: HKTSHANOI@GMAIL.COM
GIÁM ĐỐC
HÀN HỮU HUẤN

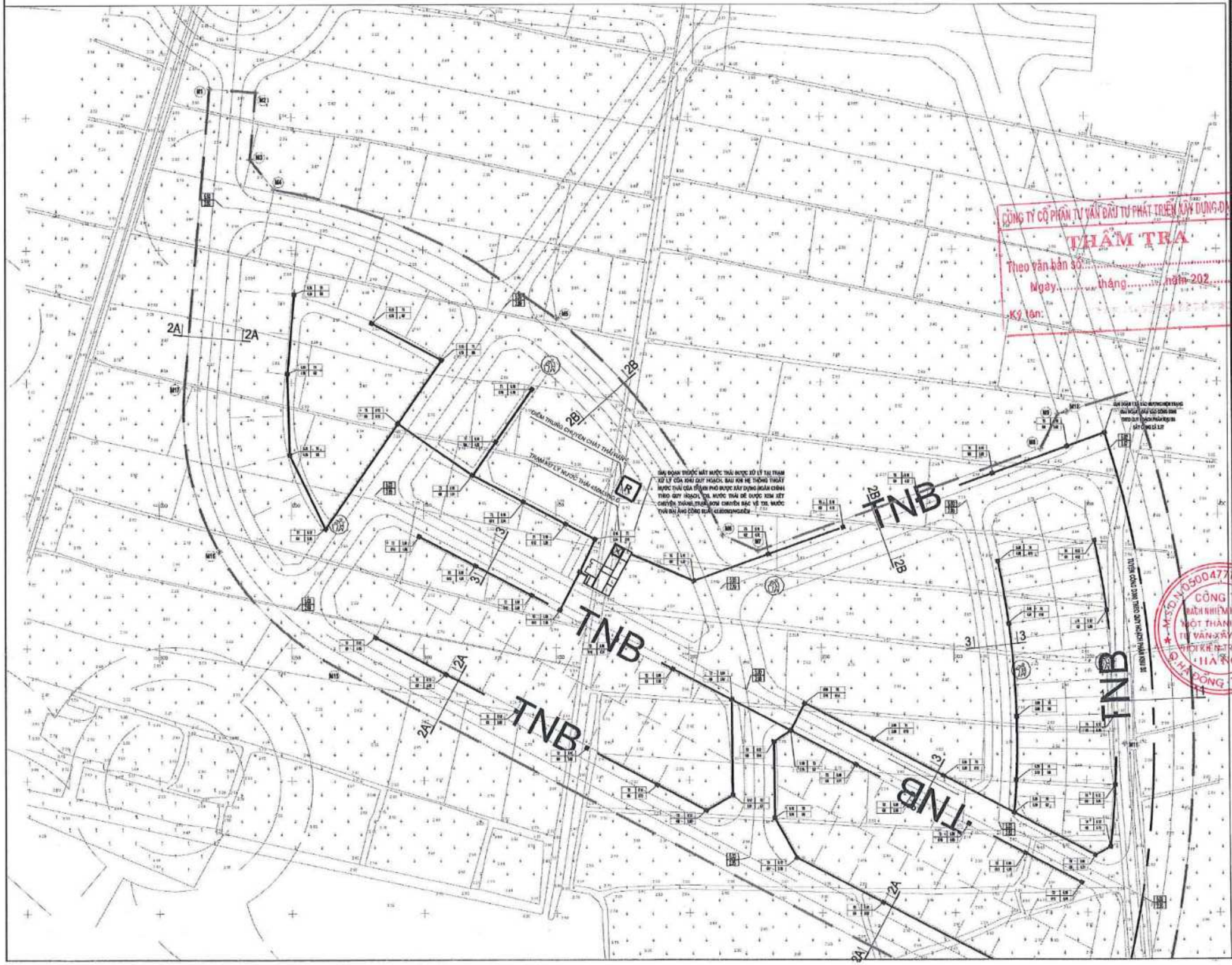
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN: KS. HOÀNG VĂN VŨ
CHỦ TRÌ: KS. VŨ XUÂN QUYẾT
THIẾT KẾ: KS. NGUYỄN THU HÀ
QUẢN LÝ KỸ THUẬT: KS. VŨ XUÂN QUYẾT

HẠNG MỤC:
THOÁT NƯỚC THẢI

TÊN BẢN VẼ:
SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 450 M3/NGÀY ĐÊM

GIAI ĐOẠN: LẬP BÁO CÁO NCKT		KÝ HIỆU BẢN VẼ:
HOÀN THÀNH: 2025	KHỔ IN / TỶ LỆ	SĐCN

MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI



SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY	XÁC NHẬN
1		
2		
3		
4		
5		

CHỦ ĐẦU TƯ:
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT HUYỆN THƯỜNG TÍN

ĐỊA CHỈ: TRẦN PHÚ, TT. THƯỜNG TÍN, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG ĐỊA VIỆT
THẨM TRA
Theo văn bản số:.....
Ngày.....tháng.....năm 202.....
Ký tên:

TÊN DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐỂ ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT KHU NHỊ KHÊ 6, HUYỆN THƯỜNG TÍN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

ĐỊA ĐIỂM: XÃ NHỊ KHÊ, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:
HỘI KIẾN TRÚC SƯ HÀ NỘI

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TƯ VẤN XÂY DỰNG

ĐC: TÒA NHÀ CT1A, KHU ĐÔ THỊ VĂN QUÁN, YÊN PHỤC, HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI
ĐT: 02433.540.176 - FAX: 02433.540.176
EMAIL: HKTSHANOI@GMAIL.COM

GIÁM ĐỐC
HÁN HỮU HUẤN

CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN:
KS. HOÀNG VĂN VŨ

CHỦ TRÌ:
KS. VŨ XUÂN QUYẾT

THIẾT KẾ:
KS. NGUYỄN THU HÀ

QUẢN LÝ KỸ THUẬT:
KS. VŨ XUÂN QUYẾT

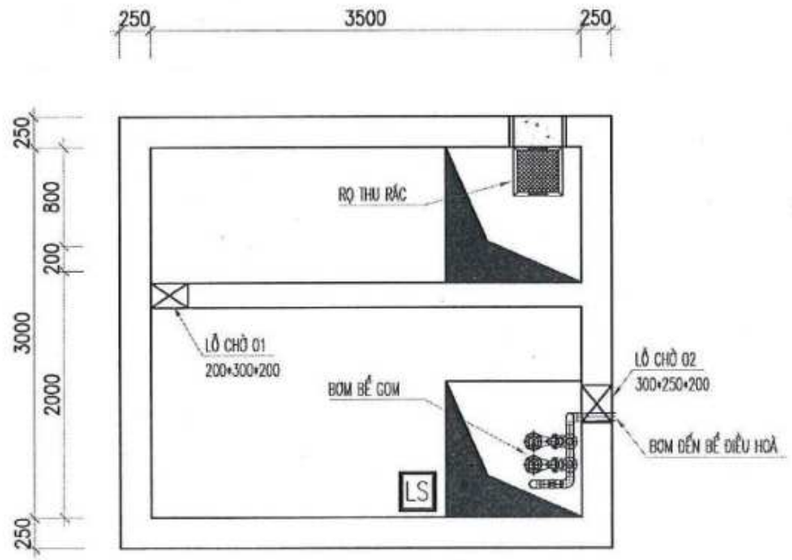
HẠNG MỤC:
THOÁT NƯỚC THẢI

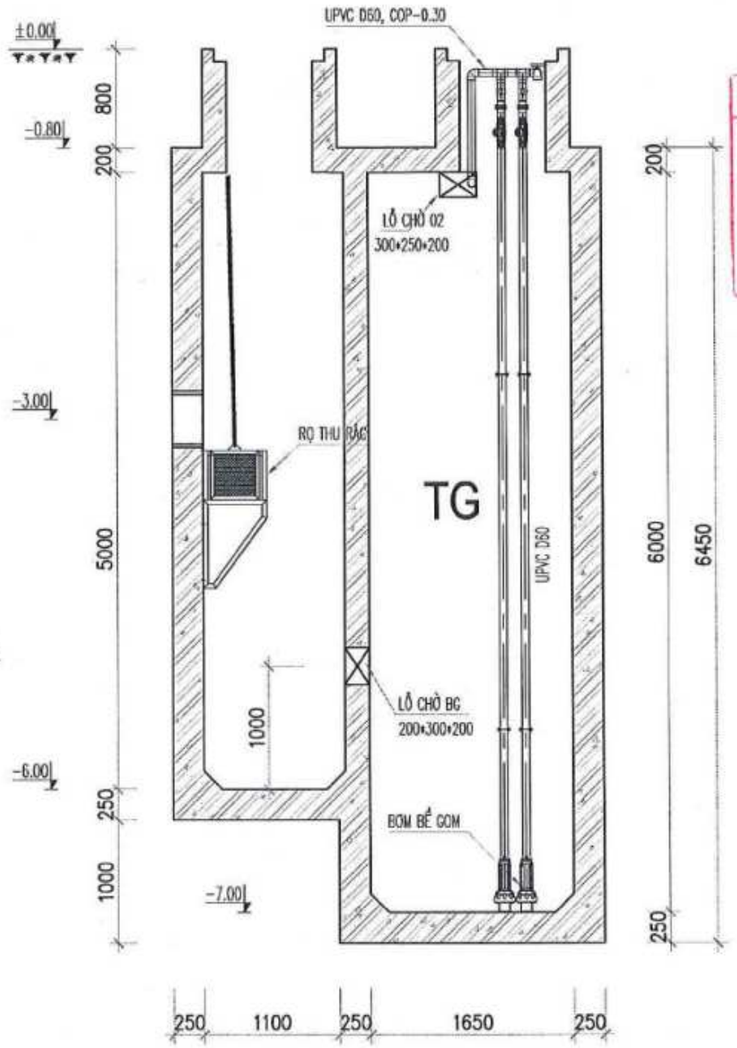
TÊN BẢN VẼ:
MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

GIAI ĐOẠN: LẬP BÁO CÁO NCKT		KÝ HIỆU BẢN VẼ:
HOÀN THÀNH: 2025	KHỔ IN / TỶ LỆ	MBĐV-01

CHI TIẾT BỂ THU GOM

GHI CHÚ: CỐT ±0.00 BẰNG CỐT HOÀN THIỆN CỦA DỰ ÁN





SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY	XÁC NHẬN
1		
2		
3		
4		
5		

CHỦ ĐẦU TƯ:
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT HUYỆN THƯỜNG TÍN

ĐỊA CHỈ: THÂN THỊ, TT. THƯỜNG TÍN, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

TÊN DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐỂ ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT KHU NHỊ KHÊ 6, HUYỆN THƯỜNG TÍN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

ĐỊA ĐIỂM: XÓM NHỊ KHÊ, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG ĐẠI VIỆT
THẨM TRA
Theo văn bản số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20
Ký tên:

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:
HỘI KIẾN TRÚC SƯ HÀ NỘI

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TƯ VẤN XÂY DỰNG

ĐC: TÒA NHÀ CT1A, KHU ĐÔ THỊ VĂN QUÁN, YÊN PHÚC, HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI
ĐT: 02433.540.178 - FAX: 02433.540.178
EMAIL: HKTSHANOI@GMAIL.COM

GIÁM ĐỐC
HÀN HỮU HUÂN

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
KS. HOÀNG VĂN VŨ

CHỦ TRÌ:
KS. VŨ XUÂN QUYẾT

THIẾT KẾ:
KS. NGUYỄN THU HÀ

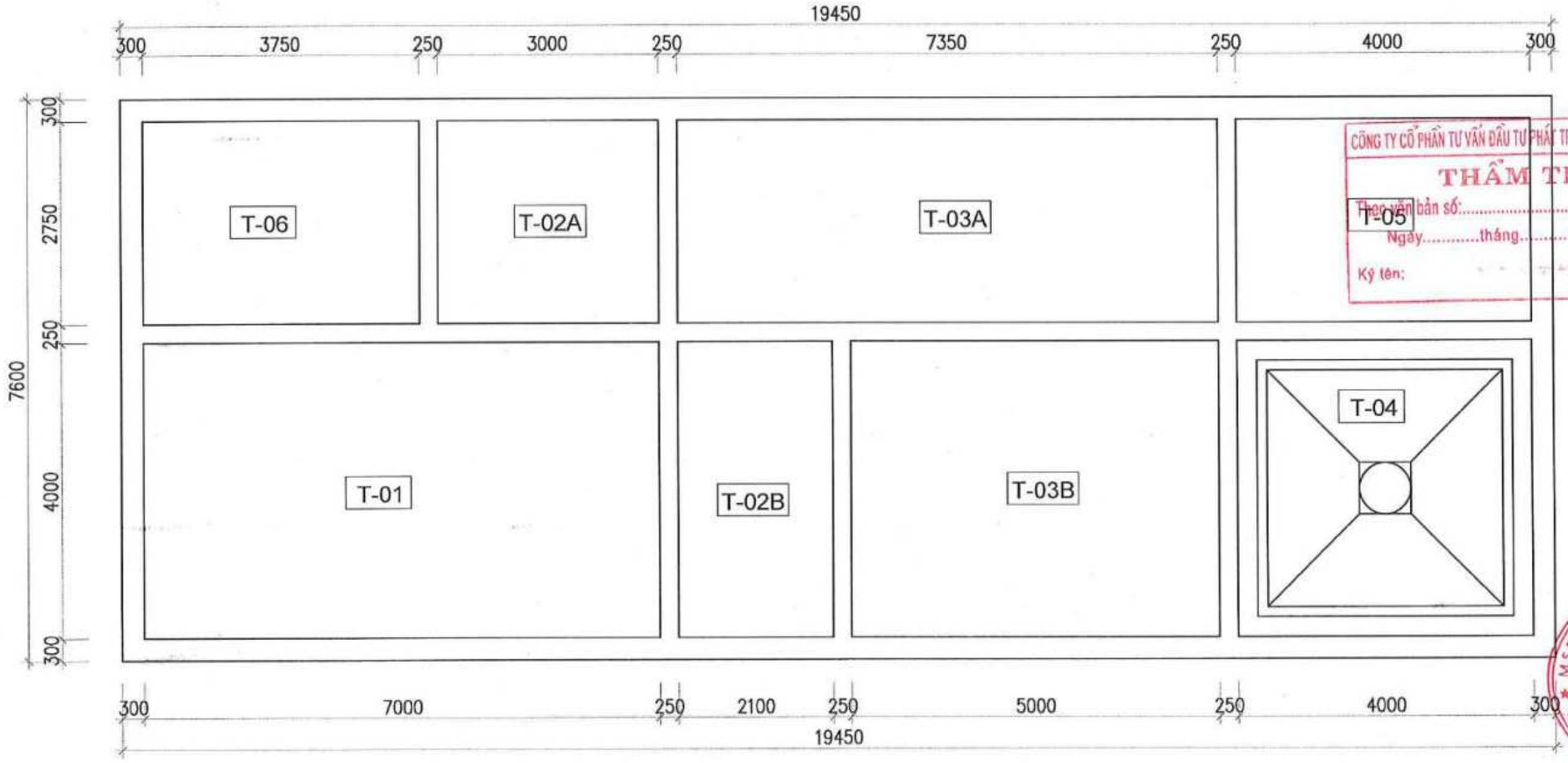
QUẢN LÝ KỸ THUẬT:
KS. VŨ XUÂN QUYẾT

HẠNG MỤC:
THOÁT NƯỚC THẢI

TÊN BẢN VẼ:
CHI TIẾT BỂ THU GOM

GIAI ĐOẠN: LẬP BÁO CÁO NCKT		KÝ HIỆU BẢN VẼ:
HOÀN THÀNH: 2025	KHỔ IN / TỶ LỆ	CN-00

MẶT BẰNG HẠNG MỤC HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI



GHI CHÚ:							
TG	BỂ GOM	T-02	BỂ THIẾU KHÍ	T-04	BỂ LẮNG	T-06	BỂ CHỨA BÙN
T-01	BỂ ĐIỀU HÒA	T-03	BỂ HIẾU KHÍ	T-05	BỂ KHỬ TRÙNG	NDH	NHÀ ĐIỀU HÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG ĐẠI VIỆT
THẨM TRA
Theo văn bản số:.....
Ngày.....tháng.....năm 202.....
Ký tên:

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY	XÁC NHẬN
1		
2		
3		
4		
5		

CHỦ ĐẦU TƯ:
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT HUYỆN THƯỜNG TÍN

ĐỊA CHỈ: TRẦN PHÚ, TT. THƯỜNG TÍN, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

TÊN DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐỂ ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT KHU NHỊ KHÊ 6, HUYỆN THƯỜNG TÍN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

ĐỊA ĐIỂM: XÃ NHỊ KHÊ, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:
HỘI KIẾN TRÚC SƯ HÀ NỘI

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TƯ VẤN XÂY DỰNG

ĐC: TÒA NHÀ CT1A, KHU ĐÔ THỊ VĂN QUÁN, YÊN PHỤC, HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI
ĐT: 02433.540.176 - FAX: 02433.540.176
EMAIL: HKTSHANOI@GMAIL.COM

GIÁM ĐỐC

HÀN HỮU HUẤN

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
KS. HOÀNG VĂN VŨ

THIẾT KẾ:
KS. VŨ XUÂN QUYẾT

THIẾT KẾ:
KS. NGUYỄN THU HÀ

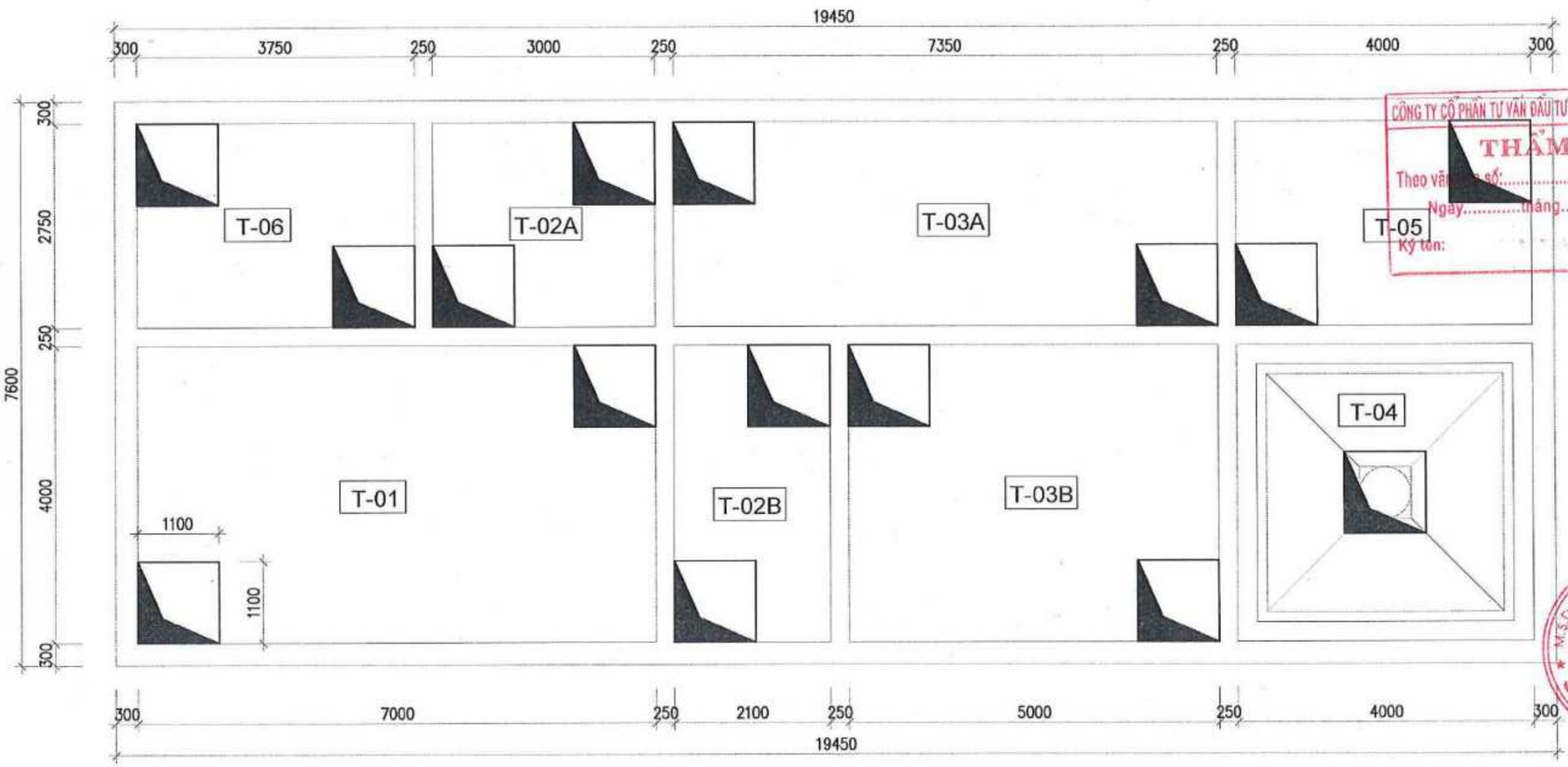
QUẢN LÝ KỸ THUẬT:
KS. VŨ XUÂN QUYẾT

HẠNG MỤC:
THOÁT NƯỚC THẢI

TÊN BẢN VẼ:
MẶT BẰNG HẠNG MỤC HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

GIAI ĐOẠN: LẬP BÁO CÁO NCKT		KÝ HIỆU BẢN VẼ:
HOÀN THÀNH: 2025	KHỔ IN / TỶ LỆ	CN-01

MẶT BẰNG NẮP THĂM HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI



GHI CHÚ:							
TC	BỂ GOM	T-02	BỂ THIẾU KHÍ	T-04	BỂ LẮNG	T-06	BỂ CHỨA BÙN
T-01	BỂ ĐIỀU HÒA	T-03	BỂ HIẾU KHÍ	T-05	BỂ KHỬ TRÙNG	NDH	NHÀ ĐIỀU HÀNH

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY	XÁC NHẬN
1		
2		
3		
4		
5		

CHỦ ĐẦU TƯ:
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT HUYỆN THƯỜNG TÍN

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG ĐẠI VIỆT
THẨM TRA
Theo văn bản số:.....
Ngày.....tháng.....năm 202...
Ký tên:
ĐỊA CHỈ: TRẤN PHỐ, TT. THƯỜNG TÍN, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

TÊN DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐỂ ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT KHU NHỊ KHÊ 6, HUYỆN THƯỜNG TÍN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ NHỊ KHÊ, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:
HỘI KIẾN TRÚC SƯ HÀ NỘI
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TƯ VẤN XÂY DỰNG
ĐC: TÒA NHÀ CT1A, KHU ĐÔ THỊ VĂN QUÁN, YÊN PHỤC, HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI
ĐT: 02433.540.176 - FAX: 02433.540.176
EMAIL: HKTSHANOI@GMAIL.COM
GIÁM ĐỐC
HÀN HỮU HUẤN

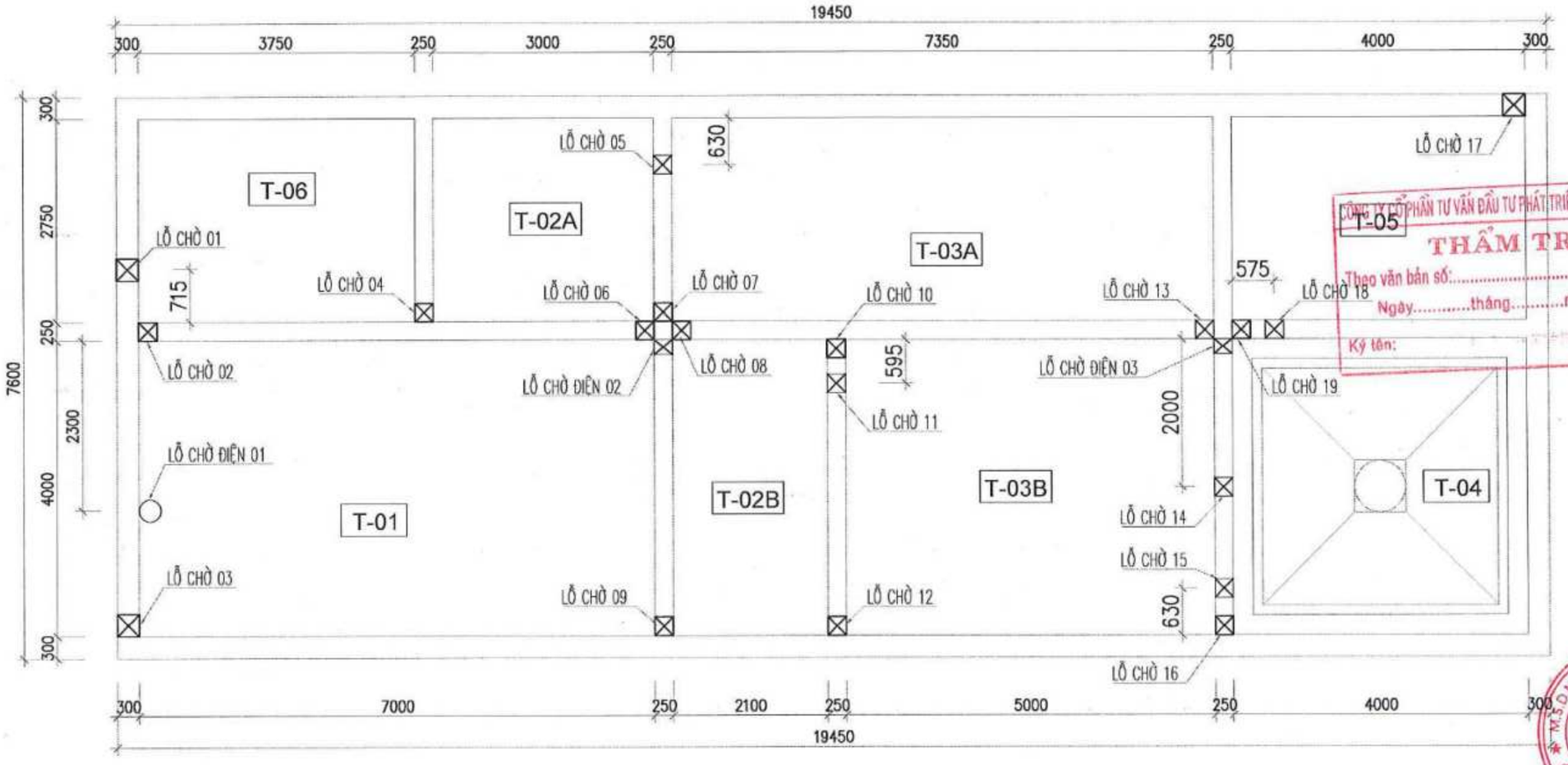
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
KS. HOÀNG VĂN VŨ
CHỦ TRÌ:
KS. VŨ XUÂN QUYẾT
THIẾT KẾ:
KS. NGUYỄN THU HÀ
QUẢN LÝ KỸ THUẬT:
KS. VŨ XUÂN QUYẾT

HẠNG MỤC:
THOÁT NƯỚC THẢI

TÊN BẢN VẼ:
MẶT BẰNG NẮP THĂM HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

GIAI ĐOẠN: LẬP BÁO CÁO NCKT		KÝ HIỆU BẢN VẼ:
HOÀN THÀNH: 2025	KHỔ IN / TỶ LỆ	CN-02

MẶT BẰNG LỖ CHỜ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI



LỖ CHỜ	KÍCH THƯỚC	ĐỊNH VỊ
01	300*300*300	ĐỈNH LỖ SÁT TRẦN BỂ
02	250*250*250	ĐỈNH LỖ SÁT TRẦN BỂ
03	300*300*300	ĐỈNH LỖ SÁT TRẦN BỂ
04	250*250*250	ĐỈNH LỖ SÁT TRẦN BỂ
05	250*250*250	ĐỈNH LỖ CÁCH TRẦN BỂ 475MM
06	250*250*250	ĐỈNH LỖ SÁT TRẦN BỂ
07	250*250*250	ĐỈNH LỖ SÁT TRẦN BỂ
08	250*250*250	ĐỈNH LỖ SÁT TRẦN BỂ

LỖ CHỜ	KÍCH THƯỚC	ĐỊNH VỊ
09	250*250*250	ĐỈNH LỖ SÁT TRẦN BỂ
10	250*250*250	ĐỈNH LỖ SÁT TRẦN BỂ
11	250*250*250	ĐỈNH LỖ CÁCH TRẦN BỂ 475MM
12	250*250*250	ĐỈNH LỖ SÁT TRẦN BỂ
13	250*250*250	ĐỈNH LỖ CÁCH TRẦN BỂ 525MM
14	250*250*250	ĐỈNH LỖ CÁCH TRẦN BỂ 525MM
15	250*250*250	ĐỈNH LỖ CÁCH TRẦN BỂ 525MM

LỖ CHỜ	KÍCH THƯỚC	ĐỊNH VỊ
16	250*250*250	ĐỈNH LỖ SÁT TRẦN BỂ
17	300*300*300	ĐỈNH LỖ SÁT TRẦN BỂ
18	250*250*250	ĐỈNH LỖ CÁCH TRẦN BỂ 200MM
19	250*250*250	ĐỈNH LỖ SÁT TRẦN BỂ
ĐIỆN 01	D300	XUYÊN TRẦN BỂ
ĐIỆN 02	250*100*100	ĐỈNH LỖ SÁT TRẦN BỂ
ĐIỆN 03	250*100*100	ĐỈNH LỖ SÁT TRẦN BỂ

GHI CHÚ:	
TG	BỂ GOM
T-01	BỂ ĐIỀU HÒA
T-02	BỂ THIẾU KHÍ
T-03	BỂ HIẾU KHÍ
T-04	BỂ LẮNG
T-05	BỂ KHỬ TRÙNG
T-06	BỂ CHỨA BÙN
NDH	NHÀ ĐIỀU HÀNH

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY	XÁC NHẬN
1		
2		
3		
4		
5		

CHỦ ĐẦU TƯ:
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT HUYỆN THƯỜNG TÍN

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG ĐẠI VIỆT
THẨM TRA
Theo văn bản số:.....
Ngày.....tháng.....năm 202...
Ký tên:

ĐỊA CHỈ: TRẦN PHÚ, TT. THƯỜNG TÍN, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

TÊN DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐỂ ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT KHU NHỊ KHÊ 6, HUYỆN THƯỜNG TÍN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

ĐỊA ĐIỂM: XÃ NHỊ KHÊ, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:
HỘI KIẾN TRÚC SƯ HÀ NỘI

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TƯ VẤN XÂY DỰNG

ĐC: TÒA NHÀ CT1A, KHU ĐÔ THỊ VĂN QUÁN, YÊN PHỤC, HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI
ĐT: 02433.540.176 - FAX: 02433.540.176
EMAIL: HKTSHANOI@GMAIL.COM

GIÁM ĐỐC
HÀN HỮU HUÂN

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
KS. HOÀNG VĂN VŨ

CHỦ TRÌ:
KS. VŨ XUÂN QUYẾT

THIẾT KẾ:
KS. NGUYỄN THU HÀ

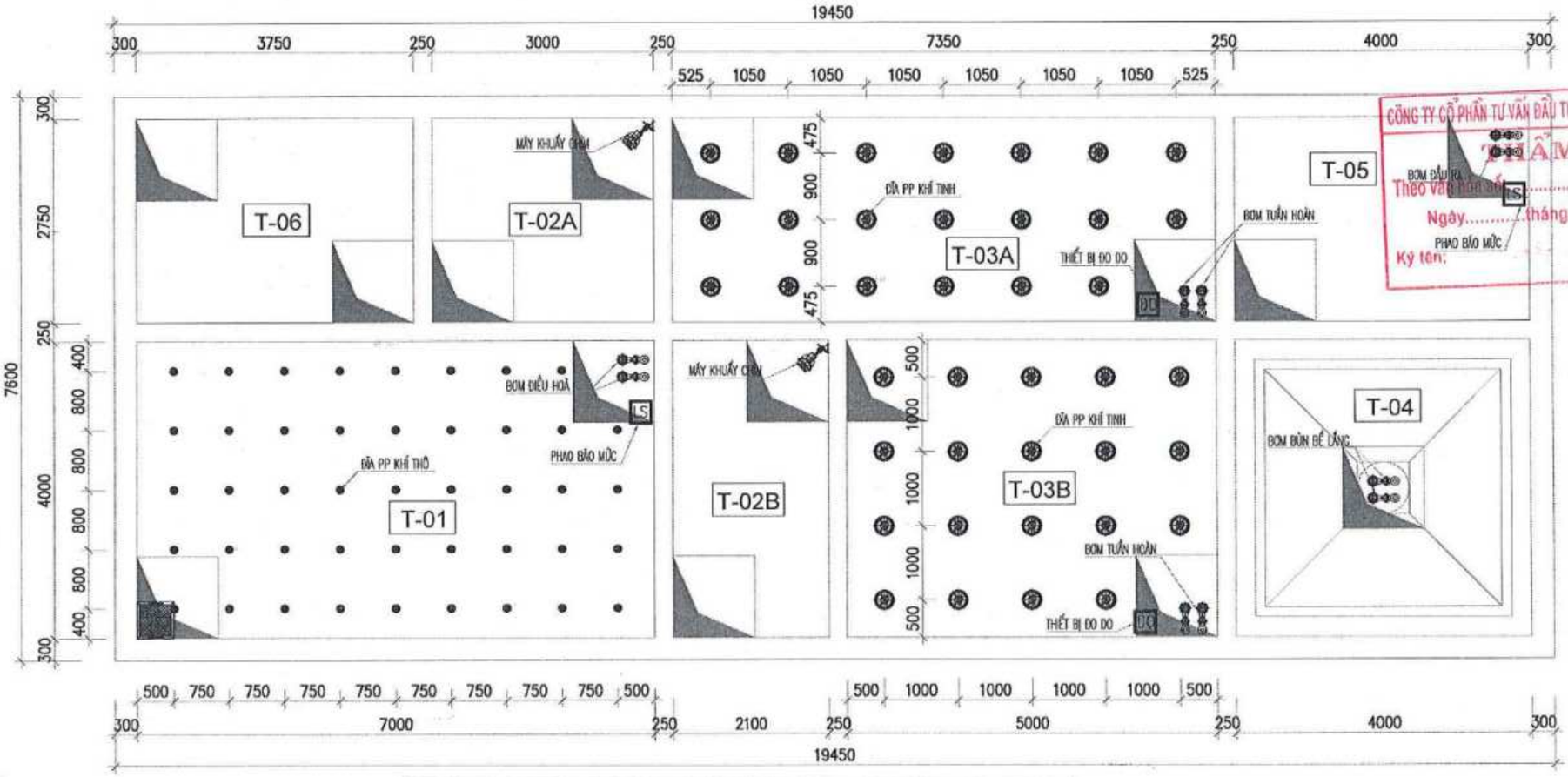
QUẢN LÝ KỸ THUẬT:
KS. VŨ XUÂN QUYẾT

HẠNG MỤC:
THOÁT NƯỚC THẢI

TÊN BẢN VẼ:
MẶT BẰNG LỖ CHỜ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

GIAI ĐOẠN: LẬP BÁO CÁO NCKT		KÝ HIỆU BẢN VẼ:
HOÀN THÀNH: 2025	KHỔ IN / TỶ LỆ	CN-02B

MẶT BẰNG THIẾT BỊ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI



GHI CHÚ:							
TG	BỂ GOM	T-02	BỂ THIẾU KHÍ	T-04	BỂ LẮNG	T-06	BỂ CHỨA BÙN
T-01	BỂ ĐIỀU HÒA	T-03	BỂ HIẾU KHÍ	T-05	BỂ KHỬ TRÙNG	NDH	NHÀ ĐIỀU HÀNH

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY	XÁC NHẬN
1		
2		
3		
4		
5		

CHỦ ĐẦU TƯ:
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT HUYỆN THƯỜNG TÍN

ĐỊA CHỈ: TRẦN PHÚ, TT. THƯỜNG TÍN, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

TÊN DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐỂ ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT KHU NHỊ KHÊ 6, HUYỆN THƯỜNG TÍN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

ĐỊA ĐIỂM: XÓM NHỊ KHÊ, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:
HỘI KIẾN TRÚC SƯ HÀ NỘI

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TƯ VẤN XÂY DỰNG

ĐC: TÒA NHÀ CT1A, KHU ĐÔ THỊ VĂN QUÁN, YÊN PHỤC, HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI
ĐT: 02433.540.176 - FAX: 02433.540.175
EMAIL: HKTSHANOI@GMAIL.COM

GIÁM ĐỐC

CHẤN HỮU HUẤN

CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN:
KS. HOÀNG VĂN VŨ

CHỦ TRÌ:
KS. VŨ XUÂN QUYẾT

THIẾT KẾ:
KS. NGUYỄN THU HÀ

QUẢN LÝ KỸ THUẬT:
KS. VŨ XUÂN QUYẾT

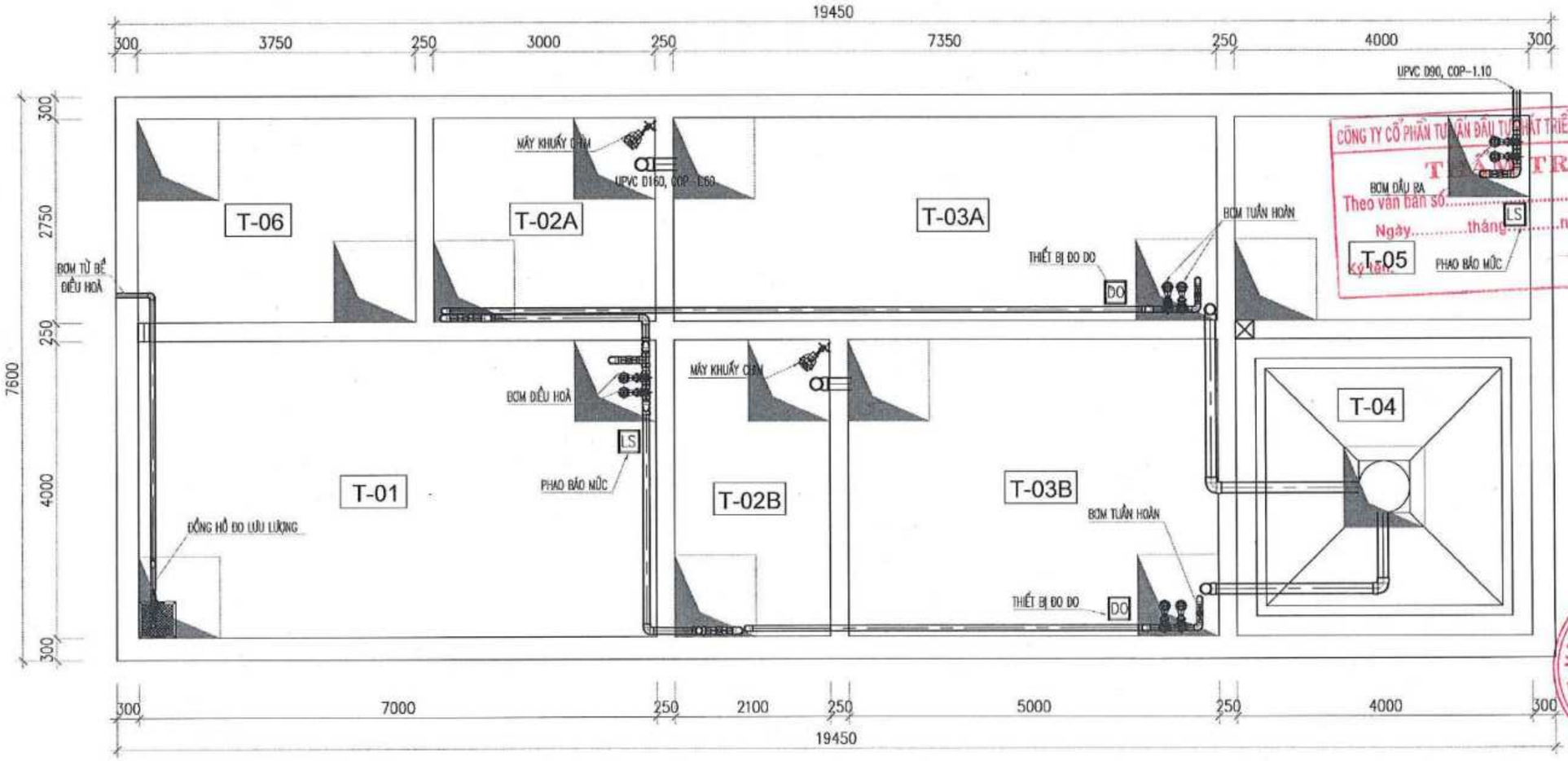
HẠNG MỤC:
THOÁT NƯỚC THẢI

TÊN BẢN VẼ:
MẶT BẰNG THIẾT BỊ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

GIAI ĐOẠN: LẬP BÁO CÁO NCKT		KÝ HIỆU BẢN VẼ:
HOÀN THÀNH: 2025	KHỔ IN / TỶ LỆ	CN-03

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG ĐẠI VIỆT
THẨM TRA
Theo văn bản số ...
Ngày ... tháng ... năm 202...
Ký tên:

MẶT BẰNG ĐƯỜNG NƯỚC HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI



GHI CHÚ:							
TG	BỂ GOM	T-02	BỂ THIẾU KHÍ	T-04	BỂ LẮNG	T-06	BỂ CHỨA BÙN
T-01	BỂ ĐIỀU HÒA	T-03	BỂ HIẾU KHÍ	T-05	BỂ KHỬ TRÙNG	NDH	NHÀ ĐIỀU HÀNH

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY	XÁC NHẬN
1		
2		
3		
4		
5		

CHỦ ĐẦU TƯ:
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT HUYỆN THƯỜNG TÍN

ĐỊA CHỈ: TRẦN PHÚ, TT. THƯỜNG TÍN, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

TÊN DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐỂ ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT KHU NHỊ KHÊ 6, HUYỆN THƯỜNG TÍN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

ĐỊA ĐIỂM: XÃ NHỊ KHÊ, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:
HỘI KIẾN TRÚC SƯ HÀ NỘI

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TƯ VẤN XÂY DỰNG

ĐC: TÒA NHÀ CT1A, KHU ĐÔ THỊ VĂN QUÁN, YÊN PHÚC, HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI
ĐT: 02433.540.170 - FAX: 02433.540.178
EMAIL: HKTSHANOI@GMAIL.COM

GIÁM ĐỐC

HÀN HỮU HUẤN

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
KS. HOÀNG VĂN VŨ

CHỦ TRÌ:
KS. VŨ XUÂN QUYẾT

THIẾT KẾ:
KS. NGUYỄN THU HÀ

QUẢN LÝ KỸ THUẬT:
KS. VŨ XUÂN QUYẾT

HẠNG MỤC:
THOÁT NƯỚC THẢI

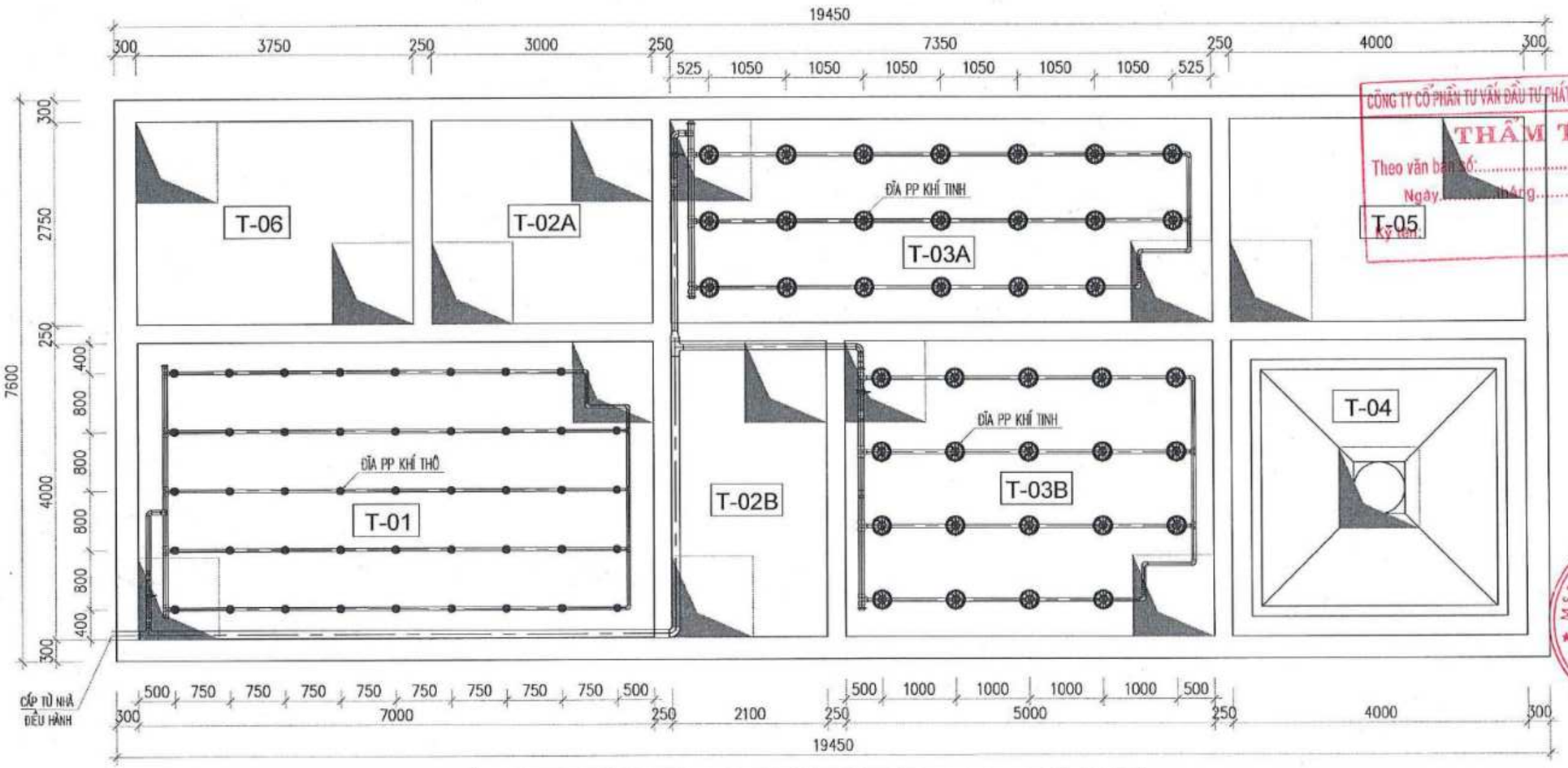
TÊN BẢN VẼ:
MẶT BẰNG ĐƯỜNG NƯỚC HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

GIAI ĐOẠN: LẬP BÁO CÁO NCKT		KÝ HIỆU BẢN VẼ:
HOÀN THÀNH: 2025	KHỔ IN / TỶ LỆ	CN-04

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG EVI VIỆT
KIỂM TRA
Theo văn bản số.....
Ngày.....tháng.....năm 202.....
Ký tên:

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN TƯ VẤN XÂY DỰNG HỘI KIẾN TRÚC SƯ HÀ NỘI
M.S.D.N: 0500477111-C.T.T.N.H.H
Q. HÀ ĐÔNG - TP. HÀ NỘI

MẶT BẰNG ĐƯỜNG KHÍ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI



GHI CHÚ:							
TG	BỂ GOM	T-02	BỂ THIẾU KHÍ	T-04	BỂ LẮNG	T-06	BỂ CHỨA BÙN
T-01	BỂ ĐIỀU HÒA	T-03	BỂ HIẾU KHÍ	T-05	BỂ KHỬ TRÙNG	NĐH	NHÀ ĐIỀU HÀNH

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY	XÁC NHẬN
1		
2		
3		
4		
5		

CHỦ ĐẦU TƯ:
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT HUYỆN THƯỜNG TÍN

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG ĐẠI VIỆT
THẨM TRA
Theo văn bản số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

ĐỊA CHỈ: TRẤN PHỐ, TT. THƯỜNG TÍN, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

TÊN DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐỂ ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT KHU NHỊ KHÊ 6, HUYỆN THƯỜNG TÍN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

ĐỊA ĐIỂM: XÃ NHỊ KHÊ, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:
HỘI KIẾN TRÚC SƯ HÀ NỘI

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TƯ VẤN XÂY DỰNG
ĐC: TÒA NHÀ CT1A, KHU ĐÔ THỊ VĂN QUÁN, YÊN PHỤC, HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI
ĐT: 02433.540.176 - FAX: 02433.540.176
EMAIL: HKTSHANOI@GMAIL.COM
GIÁM ĐỐC
HÀN HỮU HUẤN

CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN:
KS. HOÀNG VĂN VŨ

CHỦ TRÌ:
KS. VŨ XUÂN QUYẾT

THIẾT KẾ:
KS. NGUYỄN THU HÀ

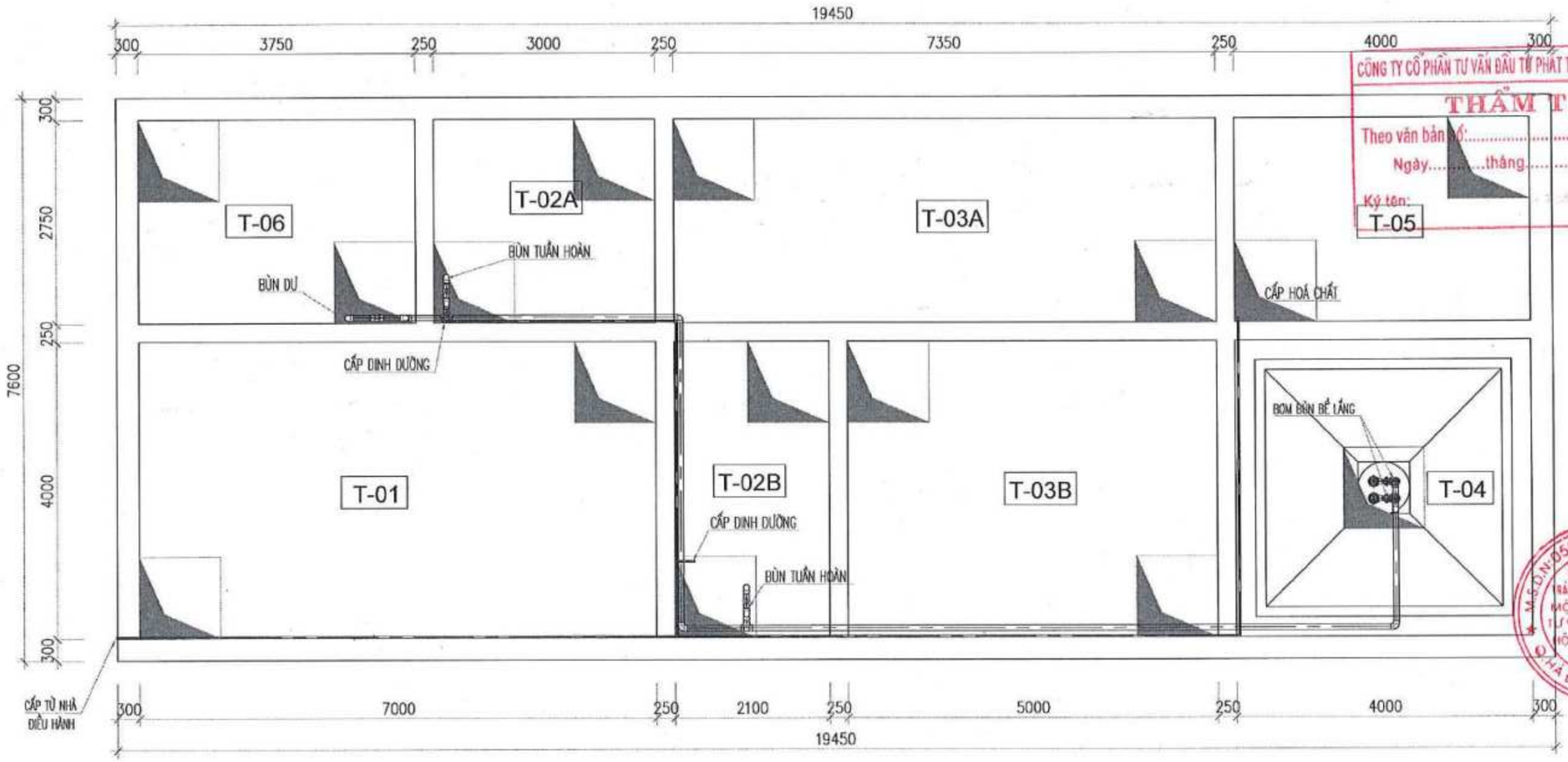
QUẢN LÝ KỸ THUẬT:
KS. VŨ XUÂN QUYẾT

HẠNG MỤC:
THOÁT NƯỚC THẢI

TÊN BẢN VẼ:
MẶT BẰNG ĐƯỜNG KHÍ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

GIAI ĐOẠN: LẬP BÁO CÁO NCKT		KÝ HIỆU BẢN VẼ:
HOÀN THÀNH: 2025	KHỔ IN / TỶ LỆ	CN-05

MẶT BẰNG ĐƯỜNG BÙN, HOÁ CHẤT HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI



GHI CHÚ:							
TC	BỂ GOM	T-02	BỂ THIẾU KHÍ	T-04	BỂ LẮNG	T-06	BỂ CHỨA BÙN
T-01	BỂ ĐIỀU HÒA	T-03	BỂ HIẾU KHÍ	T-05	BỂ KHỬ TRÙNG	NĐH	NHÀ ĐIỀU HÀNH

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY	XÁC NHẬN
1		
2		
3		
4		
5		

CHỦ ĐẦU TƯ:
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT HUYỆN THƯỜNG TÍN

ĐỊA CHỈ: TRẦN PHÚ, TT. THƯỜNG TÍN, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

TÊN DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐỂ ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT KHU NHỊ KHÊ 6, HUYỆN THƯỜNG TÍN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

ĐỊA ĐIỂM: XÃ NHỊ KHÊ, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:
HỘI KIẾN TRÚC SƯ HÀ NỘI

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TƯ VẤN XÂY DỰNG

ĐC: TÒA NHÀ CT1A, KHU ĐÔ THỊ VĂN QUÁN, YÊN PHỐC, HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI
ĐT: 02433.540.170 - FAX: 02433.540.176
EMAIL: HKTSHANOI@GMAIL.COM

GIÁM ĐỐC

HÀN HỮU HUẤN

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
KS. HOÀNG VĂN VŨ

CHỦ TRÌ:
KS. VŨ XUÂN QUYẾT

THIẾT KẾ:
KS. NGUYỄN THU HÀ

QUẢN LÝ KỸ THUẬT:
KS. VŨ XUÂN QUYẾT

HẠNG MỤC:
THOÁT NƯỚC THẢI

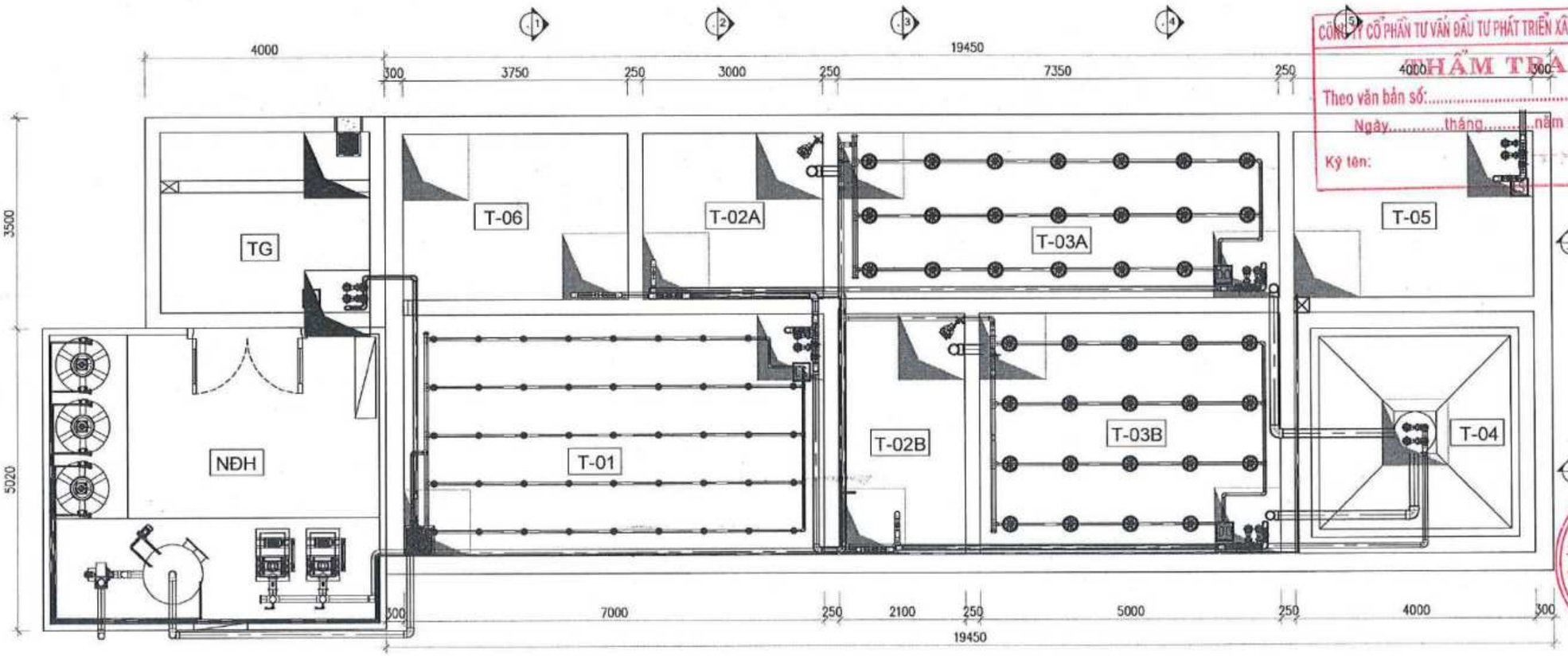
TÊN BẢN VẼ:
MẶT BẰNG ĐƯỜNG BÙN, HOÁ CHẤT HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

GIAI ĐOẠN: LẬP BÁO CÁO NCKT		KÝ HIỆU BẢN VẼ:
HOÀN THÀNH: 2025	KHỔ IN / TỶ LỆ	CN-06

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG ĐẠI VIỆT
THẨM TRA
Theo văn bản số:.....
Ngày.....tháng.....năm 202.....
Ký tên:

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN TƯ VẤN XÂY DỰNG HỘI KIẾN TRÚC SƯ HÀ NỘI

MẶT BẰNG TỔNG THỂ ĐƯỜNG ỐNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI



GHI CHÚ:							
TG	BỂ GOM	T-02	BỂ THIẾU KHÍ	T-04	BỂ LẮNG	T-06	BỂ CHỨA BÙN
T-01	BỂ ĐIỀU HÒA	T-03	BỂ HIẾU KHÍ	T-05	BỂ KHỬ TRÙNG	NĐH	NHÀ ĐIỀU HÀNH

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY	XÁC NHẬN
1		
2		
3		
4		
5		

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG ĐẠI VIỆT
ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản số:.....
Ngày.....tháng.....năm 202.....
Ký tên:

CHỦ ĐẦU TƯ:
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT HUYỆN THƯỜNG TÍN

ĐỊA CHỈ: THÂN PHỐ, TT. THƯỜNG TÍN, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

TÊN DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐỂ ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT KHU NHỊ KHÊ 6, HUYỆN THƯỜNG TÍN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

ĐỊA ĐIỂM: XÓM NHỊ KHÊ, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:
HỘI KIẾN TRÚC SƯ HÀ NỘI

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TƯ VẤN XÂY DỰNG

ĐC: TÒA NHÀ CT1A, KHU ĐÔ THỊ VĂN QUÁN, YÊN PHÚC, HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI
ĐT: 02433.540.176 - FAX: 02433.540.178
EMAIL: HKTSHANOI@GMAIL.COM

GIÁM ĐỐC
BÙI HỮU HUẤN

CHỦ TRÌ:
KS. HOÀNG VĂN VŨ

CHỦ TRÌ:
KS. VŨ XUÂN QUYẾT

THIẾT KẾ:
KS. NGUYỄN THU HÀ

QUẢN LÝ KỸ THUẬT:
KS. VŨ XUÂN QUYẾT

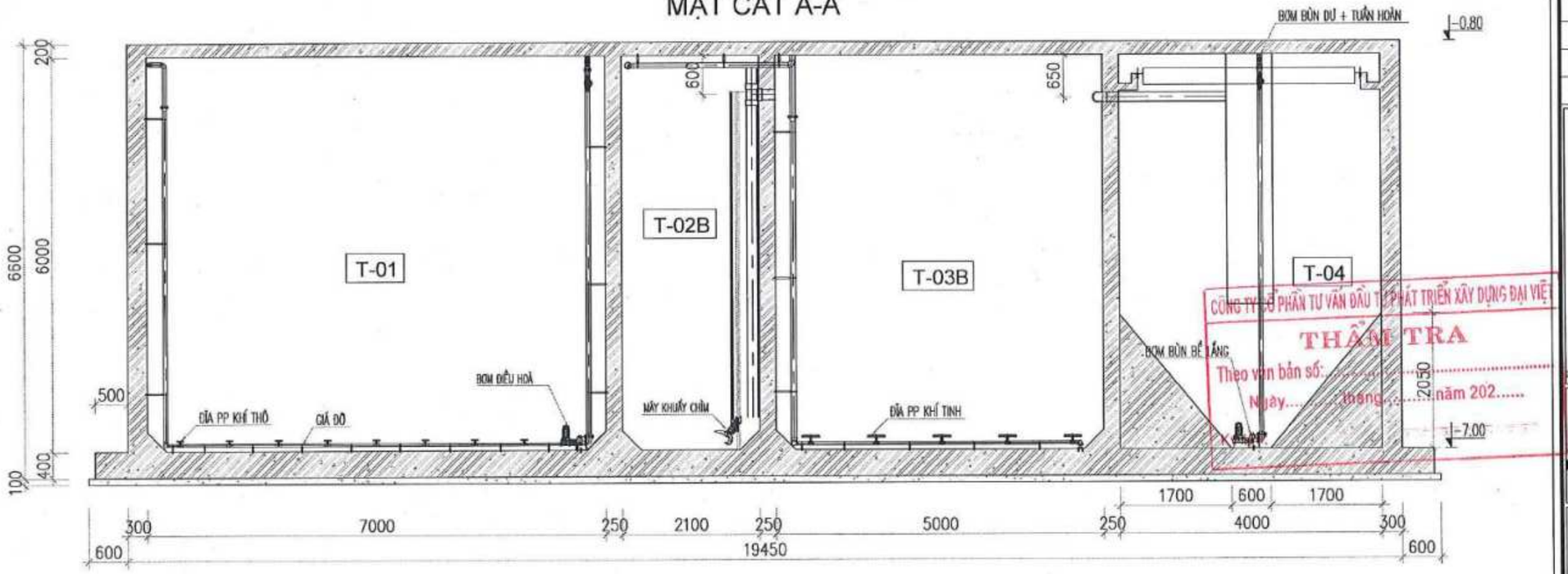
HẠNG MỤC:
THOÁT NƯỚC THẢI

TÊN BẢN VẼ:
MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

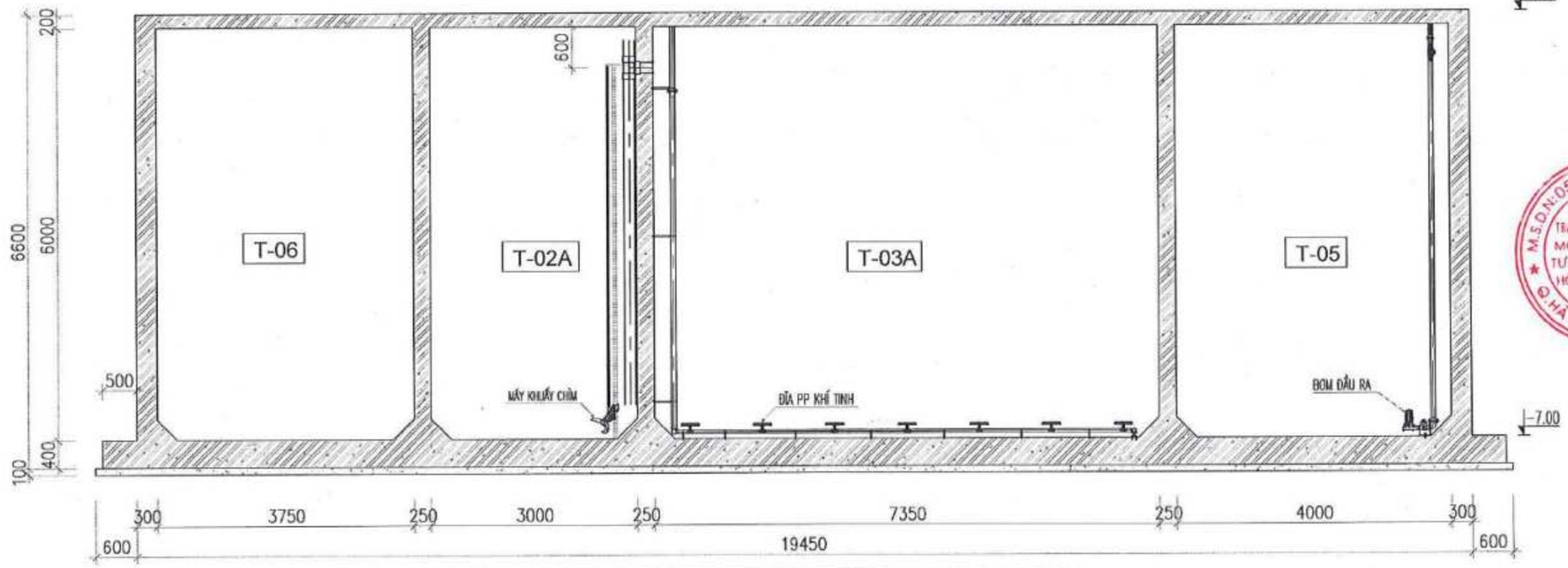
GIAI ĐOẠN: LẬP BÁO CÁO NCKT		KÝ HIỆU BẢN VẼ:
HOÀN THÀNH: 2025	KHỔ IN / TỶ LỆ	CN-07

MẶT CẮT NGANG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

MẶT CẮT A-A



MẶT CẮT B-B



GHI CHÚ:							
TG	BỂ GOM	T-02	BỂ THIẾU KHÍ	T-04	BỂ LẮNG	T-06	BỂ CHỨA BÙN
T-01	BỂ ĐIỀU HÒA	T-03	BỂ HIẾU KHÍ	T-05	BỂ KHỬ TRÙNG	NDH	NHÀ ĐIỀU HÀNH

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY	XÁC NHẬN
1		
2		
3		
4		
5		

CHỦ ĐẦU TƯ
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT HUYỆN THƯỜNG TÍN

ĐỊA CHỈ: TRẤN PHỐ, TT. THƯỜNG TÍN, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG ĐẠI VIỆT
THẨM TRA
Theo văn bản số:.....
Ngày..... tháng..... năm 202.....

TÊN DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐỂ ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT KHU NHỊ KHÊ 6, HUYỆN THƯỜNG TÍN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

ĐỊA ĐIỂM: XÃ NHỊ KHÊ, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:
HỘI KIẾN TRÚC SƯ HÀ NỘI

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TƯ VẤN XÂY DỰNG

ĐC: TÒA NHÀ CT1A, KHU ĐÔ THỊ VĂN QUÁN, YÊN PHỤC, HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI
ĐT: 02433.540.178 - FAX: 02433.540.178
EMAIL: HKTSHANOI@GMAIL.COM

GIÁM ĐỐC

HÀN HỮU HUẤN

CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN:
KS. HOÀNG VĂN VŨ

CHỦ TRÌ:
KS. VŨ XUÂN QUYẾT

THIẾT KẾ:
KS. NGUYỄN THU HÀ

QUẢN LÝ KỸ THUẬT:
KS. VŨ XUÂN QUYẾT

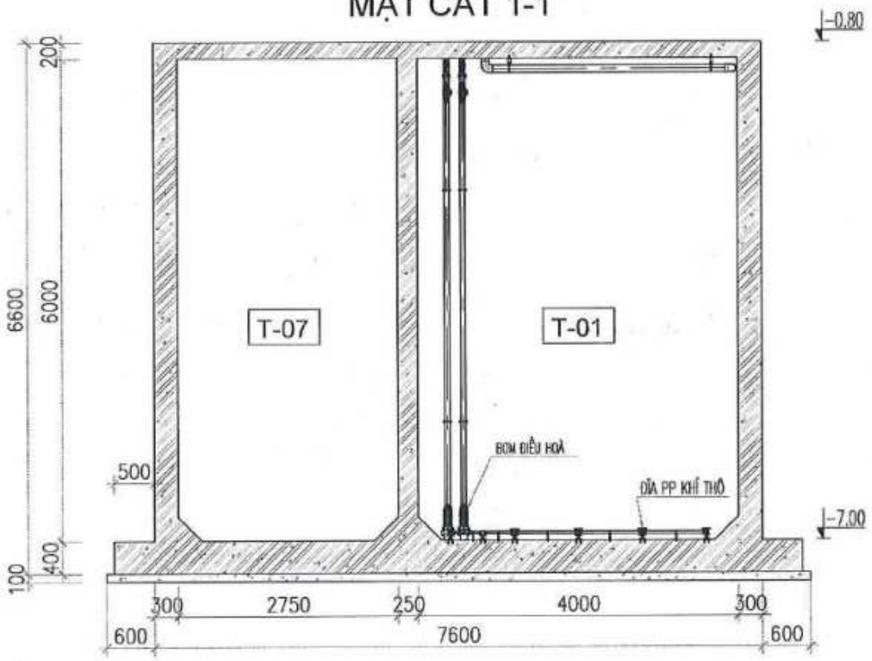
HẠNG MỤC:
THOÁT NƯỚC THẢI

TÊN BẢN VẼ:
MẶT CẮT NGANG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

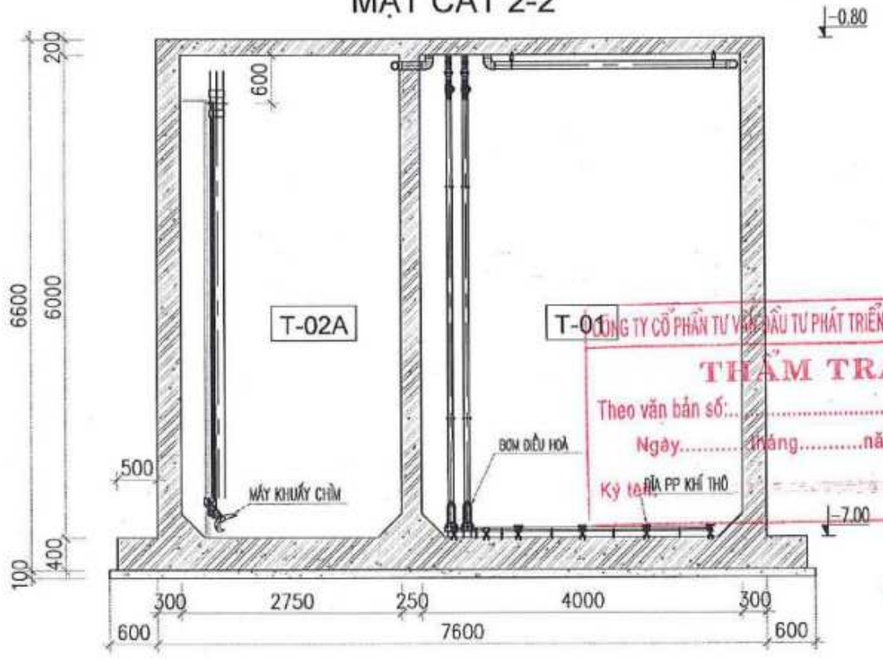
GIAI ĐOẠN: LẬP BÁO CÁO NCKT		KÝ HIỆU BẢN VẼ:
HOÀN THÀNH: 2025	KHỔ IN / TỶ LỆ	CN-08

MẶT CẮT DỌC HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

MẶT CẮT 1-1



MẶT CẮT 2-2



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG ĐẠI VIỆT

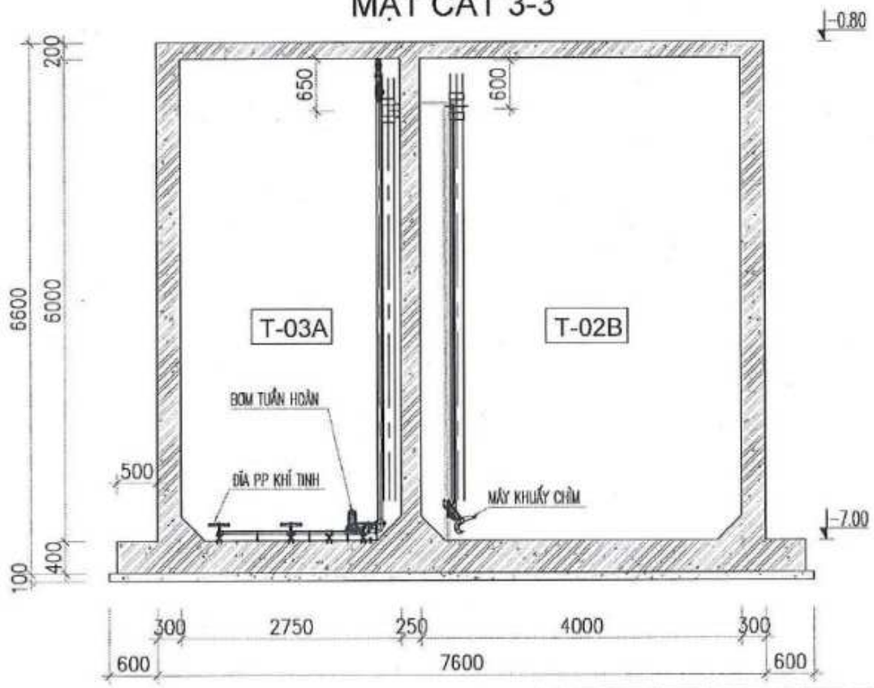
THẨM TRA

Theo văn bản số:.....

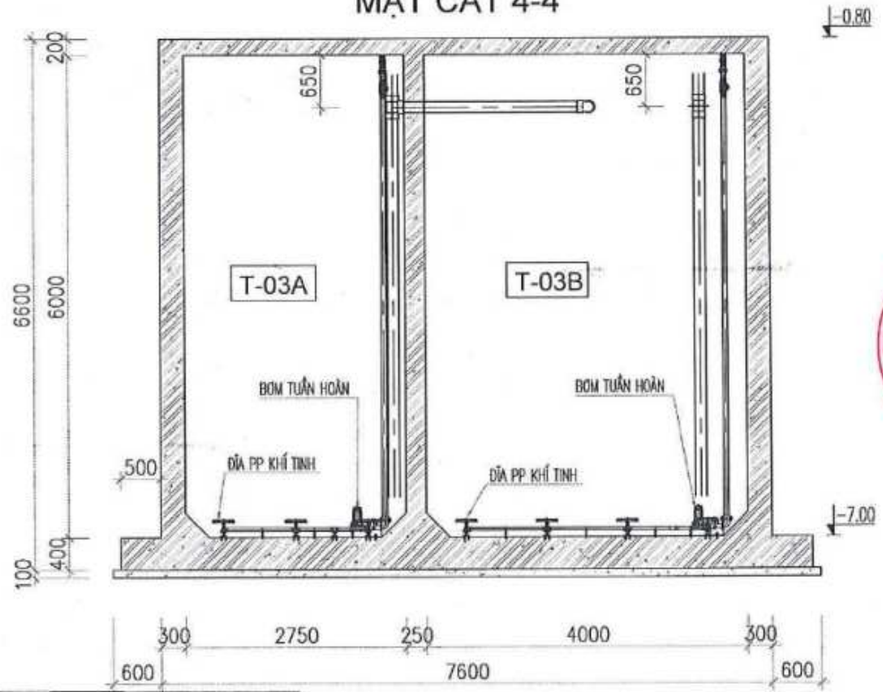
Ngày.....tháng.....năm 202...

Ký tên:

MẶT CẮT 3-3



MẶT CẮT 4-4



GHI CHÚ:							
TG	BỂ GOM	T-02	BỂ THIẾU KHÍ	T-04	BỂ LẮNG	T-06	BỂ CHỨA BÙN
T-01	BỂ ĐIỀU HÒA	T-03	BỂ HIẾU KHÍ	T-05	BỂ KHỬ TRÙNG	NDH	NHÀ ĐIỀU HÀNH

GHI CHÚ: CỐT ±0.00 BẰNG CỐT HOÀN THIỆN CỦA DỰ ÁN

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY	XÁC NHẬN
1		
2		
3		
4		
5		

CHỦ ĐẦU TƯ:
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT HUYỆN THƯỜNG TÍN

ĐỊA CHỈ: THỊ TRẤN PHỐ, TT. THƯỜNG TÍN, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

TÊN DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐỂ ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT KHU NHỊ KHÊ 6, HUYỆN THƯỜNG TÍN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

ĐỊA ĐIỂM: XÃ NHỊ KHÊ, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:
HỘI KIẾN TRÚC SƯ HÀ NỘI

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TƯ VẤN XÂY DỰNG

ĐC: TÒA NHÀ CT1A, KHU ĐÔ THỊ VĂN QUÁN, YÊN PHÚC, HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI
ĐT: 02433.540.178 - FAX: 02433.540.178
EMAIL: HKTSHANOI@GMAIL.COM

GIÁM ĐỐC

HÀN HỮU HUẤN

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
KS. HOÀNG VĂN VŨ

CHỦ TRÌ:
KS. VŨ XUÂN QUYẾT

THIẾT KẾ:
KS. NGUYỄN THU HÀ

QUẢN LÝ KỸ THUẬT:
KS. VŨ XUÂN QUYẾT

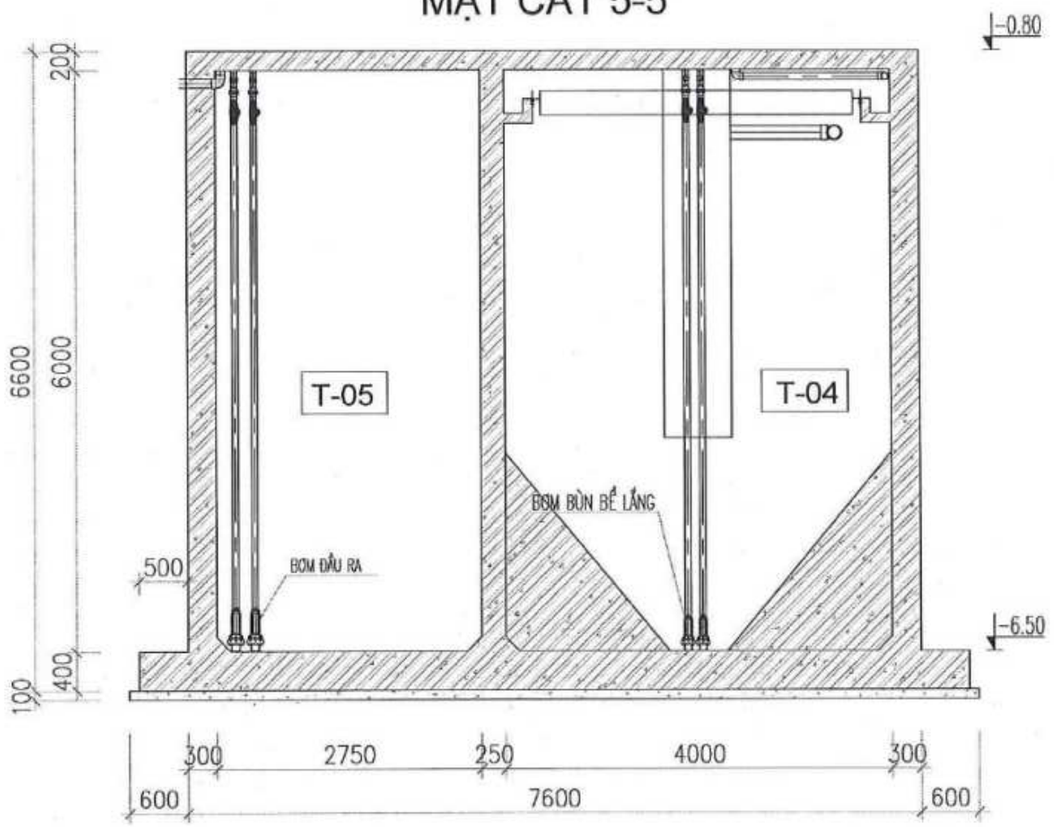
HẠNG MỤC:
THOÁT NƯỚC THẢI

TÊN BẢN VẼ:
MẶT CẮT DỌC HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

GIAI ĐOẠN: LẬP BÁO CÁO NCKT		KÝ HIỆU BẢN VẼ:
HOÀN THÀNH: 2025	KHỔ IN / TỶ LỆ	CN-09

MẶT CẮT DỌC HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

MẶT CẮT 5-5



GHI CHÚ:							
TG	BỂ GOM	T-02	BỂ THIẾU KHÍ	T-04	BỂ LẮNG	T-06	BỂ CHỨA BÙN
T-01	BỂ ĐIỀU HÒA	T-03	BỂ HIẾU KHÍ	T-05	BỂ KHỬ TRÙNG	NDH	NHÀ ĐIỀU HÀNH

GHI CHÚ: CỐT ±0.00 BẰNG CỐT HOÀN THIỆN CỦA DỰ ÁN

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY	XÁC NHẬN
1		
2		
3		
4		
5		

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG ĐẠI VIỆT
THẨM TRA
Theo văn bản số:.....
Ngày.....tháng.....năm 202
Ký tên:

CHỦ ĐẦU TƯ:
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT HUYỆN THƯỜNG TÍN
ĐỊA CHỈ: TRẦN PHÚ, TT. THƯỜNG TÍN, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

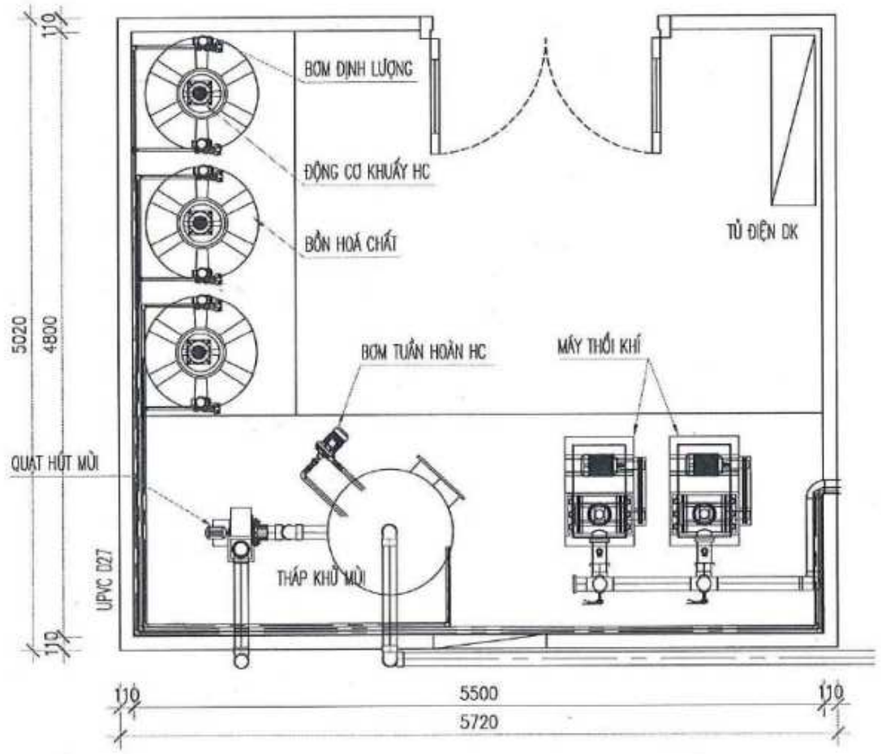
TÊN DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐỂ ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT KHU NHỊ KHÊ 6, HUYỆN THƯỜNG TÍN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
ĐỊA ĐIỂM: XÓM NHỊ KHÊ, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

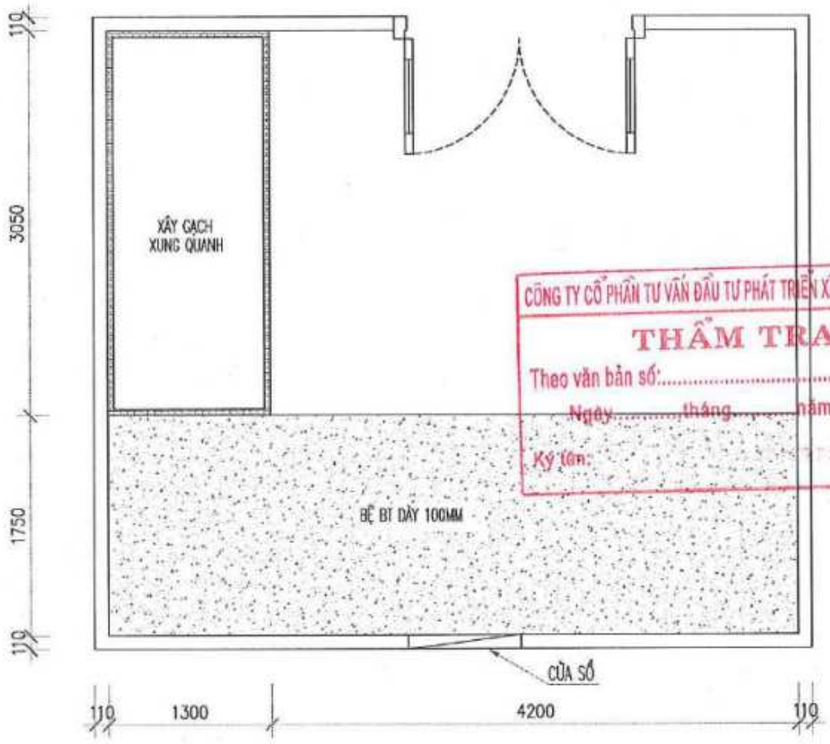
ĐƠN VỊ TƯ VẤN:
HỘI KIẾN TRÚC SƯ HÀ NỘI
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TƯ VẤN XÂY DỰNG
ĐC: TÒA NHÀ CT1A, KHU ĐÔ THỊ VĂN QUÁN, YÊN PHÚC, HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI
ĐT: 02433.540.178 - FAX: 02433.540.178
EMAIL: HKTSHANOI@GMAIL.COM
GIÁM ĐỐC
TRẦN HỮU HUẤN
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
KS. HOÀNG VĂN VŨ
CHỦ TRÌ:
KS. VŨ XUÂN QUYẾT
THIẾT KẾ:
KS. NGUYỄN THU HÀ
QUẢN LÝ KỸ THUẬT:
KS. VŨ XUÂN QUYẾT

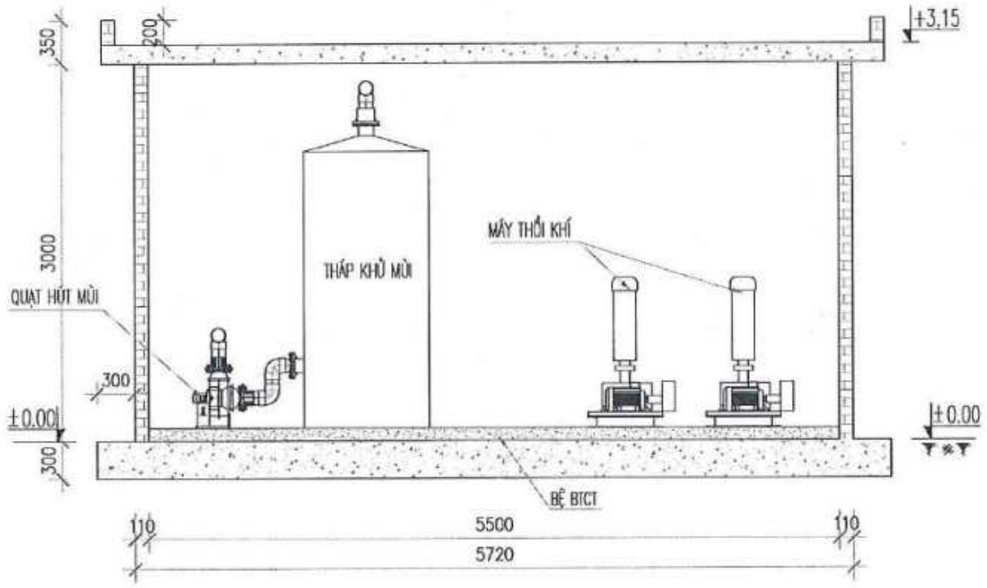
HẠNG MỤC:
THOÁT NƯỚC THẢI

TÊN BẢN VẼ:
MẶT CẮT DỌC HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

GIAI ĐOẠN: LẬP BÁO CÁO NCKT		KÝ HIỆU BẢN VẼ:
HOÀN THÀNH: 2025	KHỔ IN / TỶ LỆ	CN-10







CHI TIẾT NHÀ ĐIỀU HÀNH

GHI CHÚ: NHÀ ĐIỀU HÀNH XÂY DỰNG NỔI SO VỚI CỐT HOÀN THIỆN CỦA DỰ ÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG ĐẠI VIỆT
THẨM TRA
Theo văn bản số:.....
Ngày.....tháng.....năm 202...
Ký tên:

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY	XÁC NHẬN
1		
2		
3		
4		
5		

CHỦ ĐẦU TƯ:
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT HUYỆN THƯỜNG TÍN
ĐỊA CHỈ: TRẤN PHỐ, TT. THƯỜNG TÍN, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

TÊN DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐỂ ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT KHU NHỊ KHÊ 6, HUYỆN THƯỜNG TÍN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ NHỊ KHÊ, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:
HỘI KIẾN TRÚC SƯ HÀ NỘI
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TƯ VẤN XÂY DỰNG
ĐC: TÒA NHÀ CT1A, KHU ĐÔ THỊ VĂN QUÁN, YÊN PHỐC, HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI
ĐT: 02433.540.170 - FAX: 02433.540.170
EMAIL: HKTSHANOI@GMAIL.COM
GIÁM ĐỐC
HÀN HỮU HUÂN

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
KS. HOÀNG VĂN VŨ
CHỦ TRÌ:
KS. VŨ XUÂN QUYẾT
THIẾT KẾ:
KS. NGUYỄN THU HÀ
QUẢN LÝ KỸ THUẬT:
KS. VŨ XUÂN QUYẾT

HẠNG MỤC:
THOÁT NƯỚC THẢI

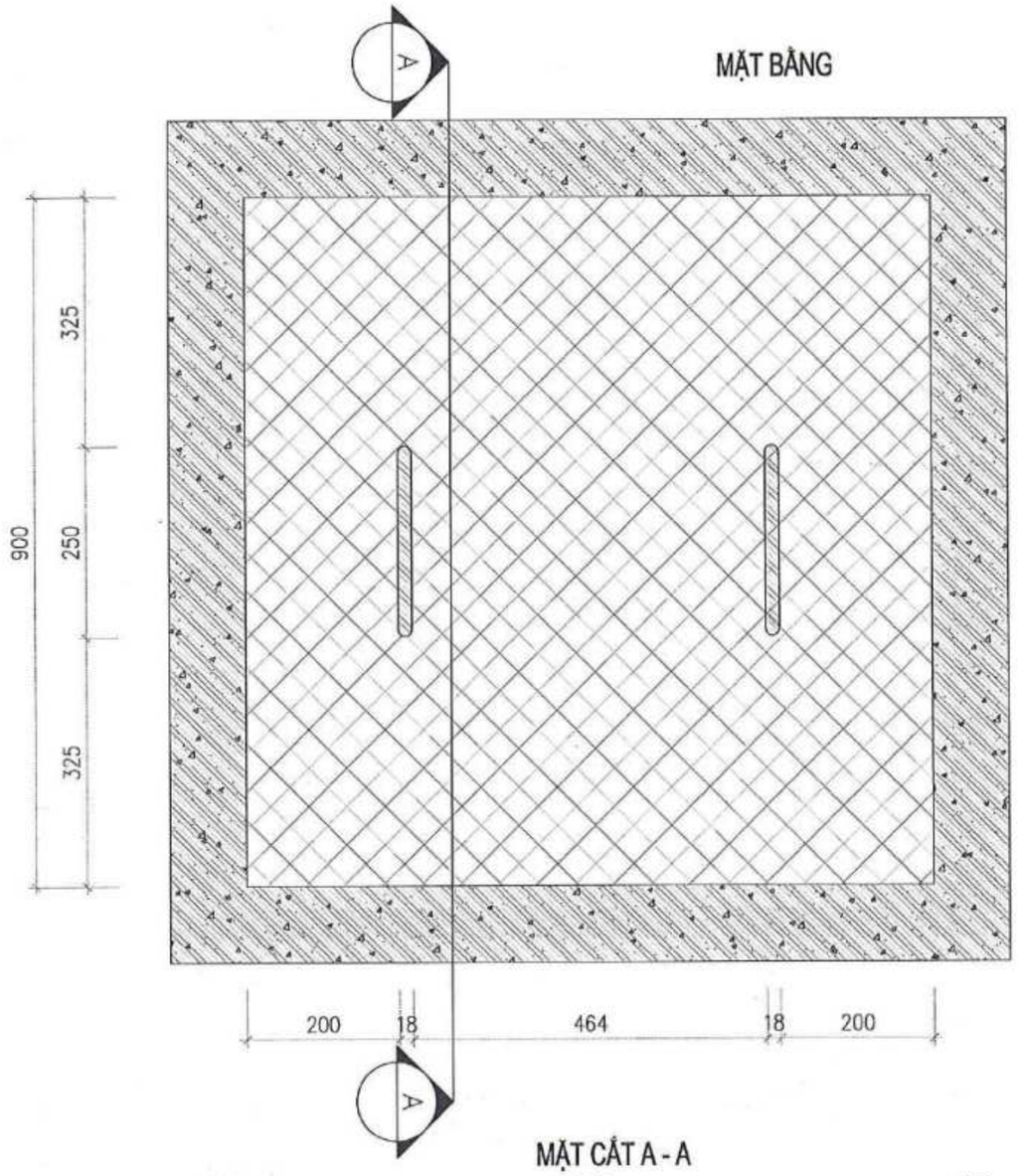
TÊN BẢN VẼ:
CHI TIẾT NHÀ ĐIỀU HÀNH

GIAI ĐOẠN: LẬP BÁO CÁO NCKT		KÝ HIỆU BẢN VẼ:
HOÀN THÀNH: 2025	KHỔ IN / TỶ LỆ	CN-11

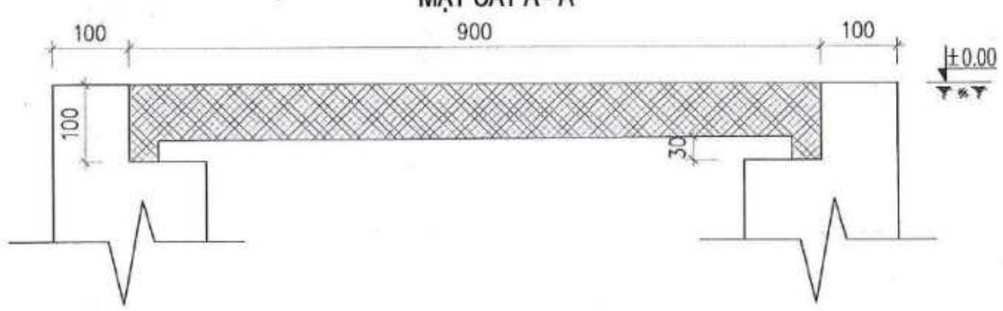
CHI TIẾT NẮP THĂM

- VẬT LIỆU: SẮT
- SỐ LƯỢNG: 17 BỘ

MẶT BẰNG



MẶT CẮT A - A



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG ĐẠI VIỆT
THẨM TRA
Ngày.....tháng.....năm 202.....
Ký tên:

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY	XÁC NHẬN
1		
2		
3		
4		
5		

CHỦ ĐẦU TƯ:
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT HUYỆN THƯỜNG TÍN

ĐỊA CHỈ: TRẦN PHÚ, TT. THƯỜNG TÍN, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

TÊN DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐỂ ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT KHU NHỊ KHÊ 6, HUYỆN THƯỜNG TÍN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

ĐỊA ĐIỂM: XÃ NHỊ KHÊ, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:
HỘI KIẾN TRÚC SƯ HÀ NỘI

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TƯ VẤN XÂY DỰNG

ĐC: TÒA NHÀ CT1A, KHU ĐÔ THỊ VĂN QUÁN, YÊN PHÚC, HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI
ĐT: 02433.540.178 - FAX: 02433.540.175
EMAIL: HKTSHANOI@GMAIL.COM

GIÁM ĐỐC

HÀN HỮU HUẤN

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
KS. HOÀNG VĂN VŨ

CHỦ TRÌ:
KS. VŨ XUÂN QUYẾT

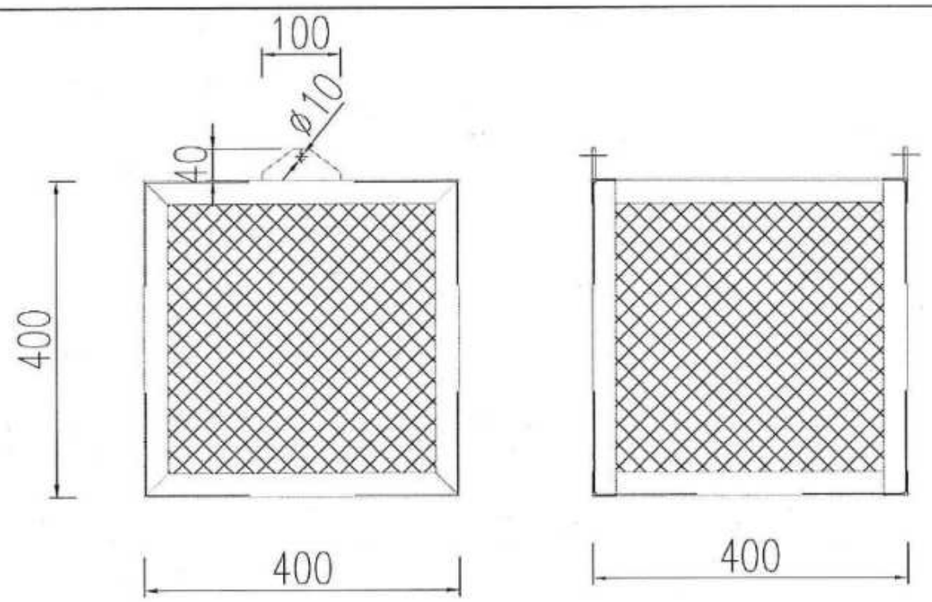
THIẾT KẾ:
KS. NGUYỄN THU HÀ

QUẢN LÝ KỸ THUẬT:
KS. VŨ XUÂN QUYẾT

HẠNG MỤC:
THOÁT NƯỚC THẢI

TÊN BẢN VẼ:
CHI TIẾT NẮP THĂM KHỐI BÊ

GIAI ĐOẠN: LẬP BÁO CÁO NCKT		KÝ HIỆU BẢN VẼ:
HOÀN THÀNH: 2025	KHỔ IN / TỶ LỆ	CN-12



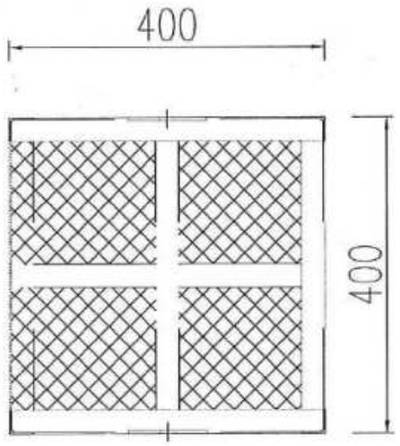
RỌ CHẮN RÁC THÔ BỂ THU GOM

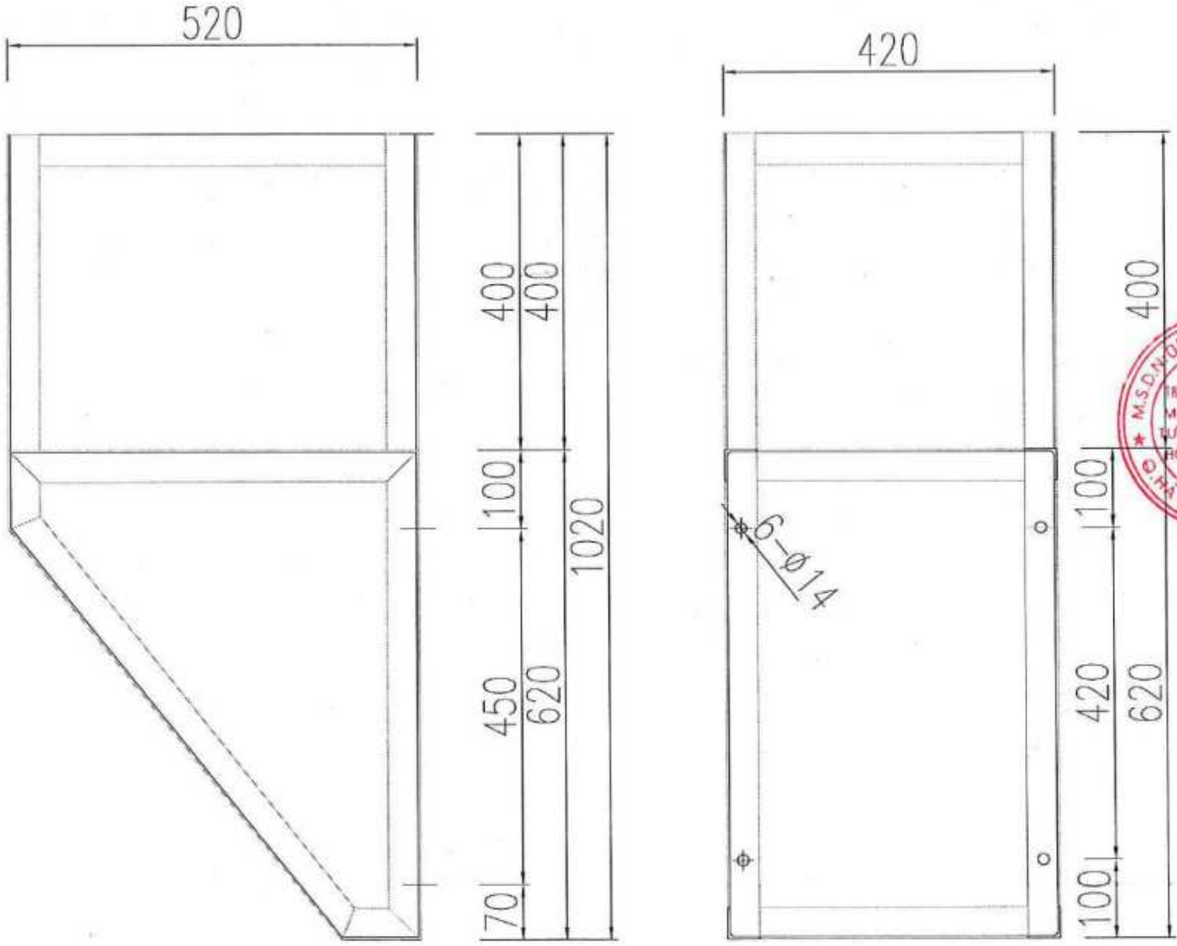
- VẬT LIỆU: INOX304, V30XT2MM, LƯỚI A10XD1.2MM
- SỐ LƯỢNG: 01 BỘ

KHUNG ĐỠ – RỌ CHẮN RÁC BỂ THU GOM

- VẬT LIỆU: INOX304, V40XT3MM
- SỐ LƯỢNG: 01 BỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG ĐẠI VIỆT
THẨM TRA
Theo văn bản số:.....
Ngày.....tháng.....năm 202.....
Ký tên:





SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY	XÁC NHẬN
1		
2		
3		
4		
5		

CHỦ ĐẦU TƯ:
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT HUYỆN THƯỜNG TÍN

ĐỊA CHỈ: TRẦN PHÚ, TT. THƯỜNG TÍN, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

TÊN DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐỂ ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT KHU NHỊ KHÊ 6, HUYỆN THƯỜNG TÍN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

ĐỊA ĐIỂM: XÓM NHỊ KHÊ, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:
HỘI KIẾN TRÚC SƯ HÀ NỘI

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TƯ VẤN XÂY DỰNG

ĐC: TÒA NHÀ CT1A, KHU ĐÔ THỊ VĂN QUÁN, YÊN PHÚC, HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI
ĐT: 02433.540.176 - FAX: 02433.540.176
EMAIL: HKTSHANOI@GMAIL.COM

GIÁM ĐỐC

HÀN HỮU HUÂN

CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN:
KS. HOÀNG VĂN VŨ

CHỦ TRÌ:
KS. VŨ XUÂN QUYẾT

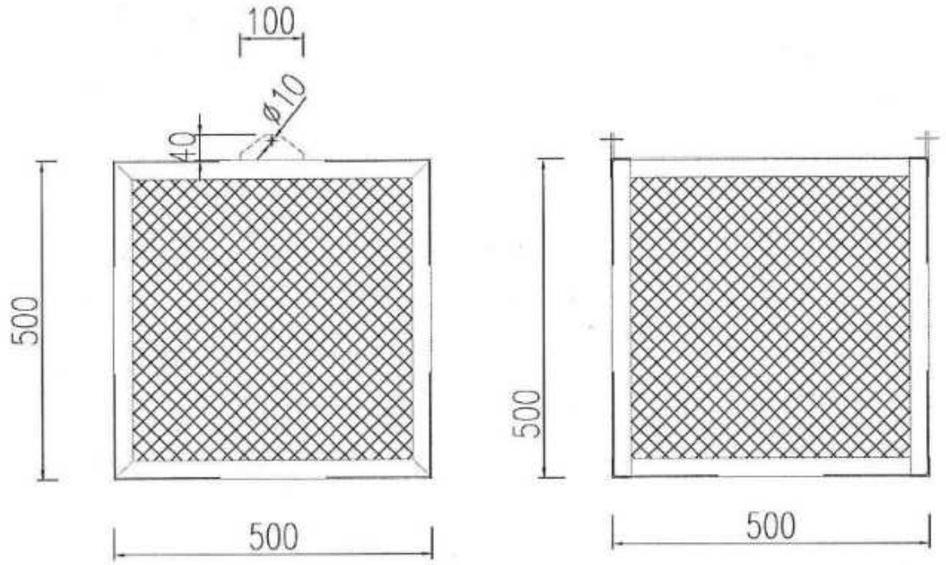
THIẾT KẾ:
KS. NGUYỄN THU HÀ

QUẢN LÝ KỸ THUẬT:
KS. VŨ XUÂN QUYẾT

HẠNG MỤC:
THOÁT NƯỚC THẢI

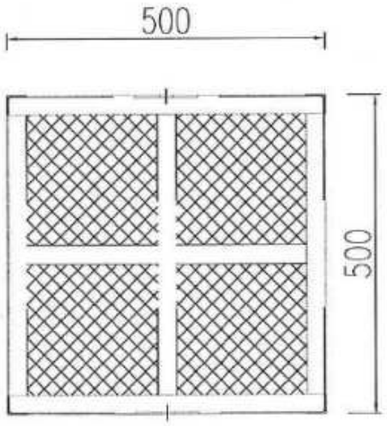
TÊN BẢN VẼ:
RỌ THU RÁC BỂ THU GOM

GIAI ĐOẠN: LẬP BÁO CÁO NCKT		KÝ HIỆU BẢN VẼ:
HOÀN THÀNH: 2025	KHỔ IN / TỶ LỆ	CN-13



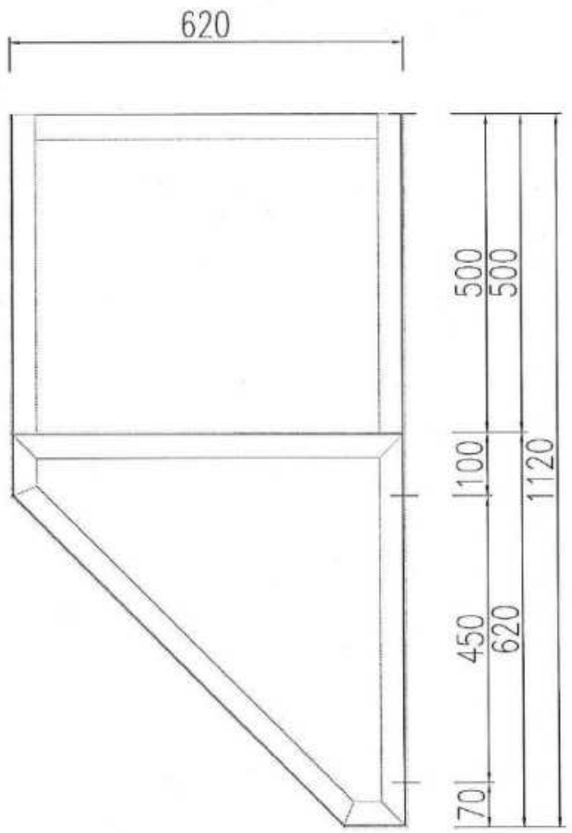
RỌ CHẮN RÁC THÔ BỂ ĐIỀU HOÀ

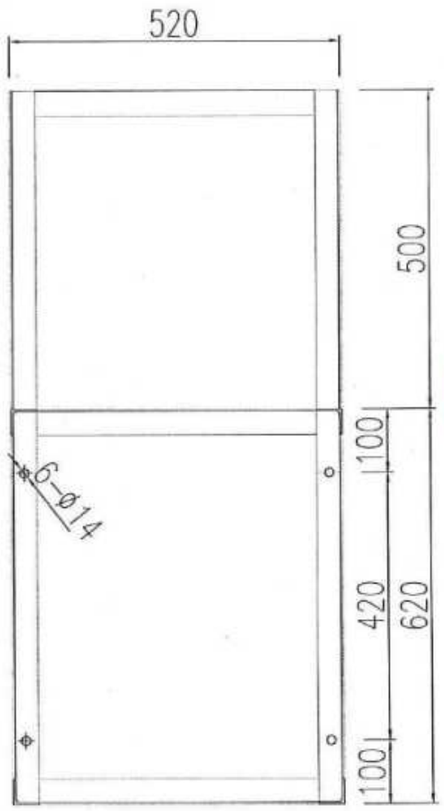
- VẬT LIỆU: INOX304, V30XT2MM, LƯỚI A10XD1.2MM
- SỐ LƯỢNG: 01 BỘ



KHUNG ĐỠ – RỌ CHẮN RÁC THÔ BỂ ĐIỀU HOÀ

- VẬT LIỆU: INOX304, V40XT3MM
- SỐ LƯỢNG: 01 BỘ





CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG ĐẠI VIỆT
THẨM TRA
Theo văn bản số:.....
Ngày.....tháng.....năm 202....
Ký tên:

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY	XÁC NHẬN
1		
2		
3		
4		
5		

CHỦ ĐẦU TƯ:
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT HUYỆN THƯỜNG TÍN

ĐỊA CHỈ: TRẦN PHÚ, TT. THƯỜNG TÍN, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

TÊN DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐỂ ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT KHU NHỊ KHÊ 6, HUYỆN THƯỜNG TÍN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

ĐỊA ĐIỂM: XÓM NHỊ KHÊ, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:
HỘI KIẾN TRÚC SƯ HÀ NỘI

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TƯ VẤN XÂY DỰNG

ĐC: TÒA NHÀ CT1A, KHU ĐÔ THỊ VĂN QUÁN, YÊN PHỤC, HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI
ĐT: 02433.540.170 - FAX: 02433.540.170
EMAIL: HKTSHANOI@GMAIL.COM

GIÁM ĐỐC: HÀN HỮU HUÂN

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN TƯ VẤN XÂY DỰNG HỘI KIẾN TRÚC SƯ HÀ NỘI M.S.D.N: 0500427911-C.T.T.N.H.H Q.HÀ ĐÔNG T.P HÀ NỘI

CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN: KS. HOÀNG VĂN VŨ

CHỦ TRÌ: KS. VŨ XUÂN QUYẾT

THIẾT KẾ: KS. NGUYỄN THU HÀ

QUẢN LÝ KỸ THUẬT: KS. VŨ XUÂN QUYẾT

HẠNG MỤC: THOÁT NƯỚC THẢI

TÊN BẢN VẼ: RỌ THU RÁC BỂ ĐIỀU HOÀ

GIAI ĐOẠN: LẬP BÁO CÁO NCKT		KÝ HIỆU BẢN VẼ:
HOÀN THÀNH: 2025	KHỔ IN / TỶ LỆ	CN-15

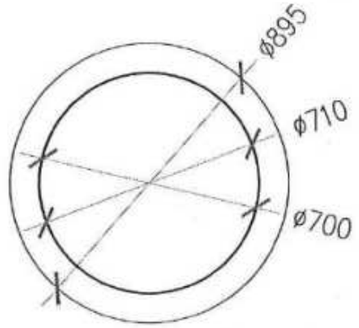
CHI TIẾT ỐNG LẮNG TRUNG TÂM , TẤM RĂNG CƯA, MÁNG THU NƯỚC



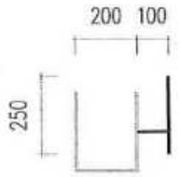
ỐNG LẮNG TRUNG TÂM

GHI CHÚ:

1. VẬT LIỆU CHẾ TẠO: SUS304 DÀY 3-5MM
3. SỐ LƯỢNG:1 CÁI
2. KÍCH THƯỚC: DxH = 700*3300MM (MIÊNGJ LOE Ở ĐÁY D = 895MM)
4. LIÊN KẾT VỚI GIÁ ĐỠ BẰNG ECUBULONG INOX M6-M8 MM

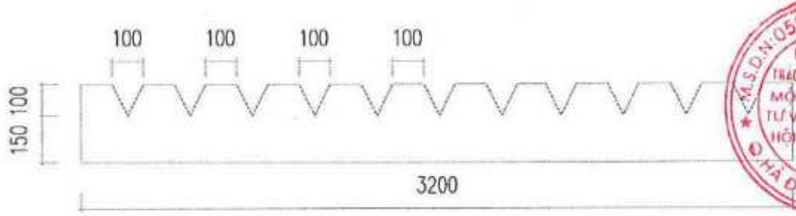


TẤM CHẮN BỌT



1. VẬT LIỆU CHẾ TẠO: SUS304 DÀY 3-5MM
2. KÍCH THƯỚC: LxWxH =3000X200X250MM
3. SỐ LƯỢNG:4 CÁI
4. LIÊN KẾT VỚI MÁNG THU NƯỚC BẰNG ECUBULONG INOX HOẶC TI REN TREO

MÁNG THU NƯỚC RĂNG CƯA



1. VẬT LIỆU CHẾ TẠO: SUS304 DÀY 3-5MM
2. KÍCH THƯỚC: LxWxH =3200X200X250MM
3. SỐ LƯỢNG:4 CÁI
4. LIÊN KẾT VỚI GIÁ ĐỠ BẰNG ECUBULONG INOX HOẶC TI REN TREO

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG ĐẠI VIỆT
THẨM TRA
Theo văn bản số:.....
Ngày.....tháng.....năm 202
Ký tên:

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY	XÁC NHẬN
1		
2		
3		
4		
5		

CHỦ ĐẦU TƯ:
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT HUYỆN THƯỜNG TÍN
ĐỊA CHỈ: TRẦN PHÚ, TT. THƯỜNG TÍN, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

TÊN DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐỂ ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT KHU NHỊ KHÊ 6, HUYỆN THƯỜNG TÍN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ NHỊ KHÊ, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:
HỘI KIẾN TRÚC SƯ HÀ NỘI
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TƯ VẤN XÂY DỰNG
ĐC: TÒA NHÀ CT1A, KHU ĐÔ THỊ VĂN QUÁN, YÊN PHÚC, HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI
ĐT: 0243.540.175 - FAX: 0243.540.176
EMAIL: HKTSHANOI@GMAIL.COM
GIÁM ĐỐC
HÀN HỮU HUẤN
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
KS. HOÀNG VĂN VŨ
CHỦ TRÌ:
KS. VŨ XUÂN QUYẾT
THIẾT KẾ:
KS. NGUYỄN THU HÀ
QUẢN LÝ KỸ THUẬT:
KS. VŨ XUÂN QUYẾT

HẠNG MỤC:
THOÁT NƯỚC THẢI

TÊN BẢN VẼ:
ỐNG TRUNG TÂM, TẤM CHẮN BỌT VÀ MÁNG THU NƯỚC

GIAI ĐOẠN: LẬP BÁO CÁO NCKT		KÝ HIỆU BẢN VẼ:
HOÀN THÀNH: 2026	KHỔ IN / TỶ LỆ	CN-15

THÁP XỬ LÝ MÙI

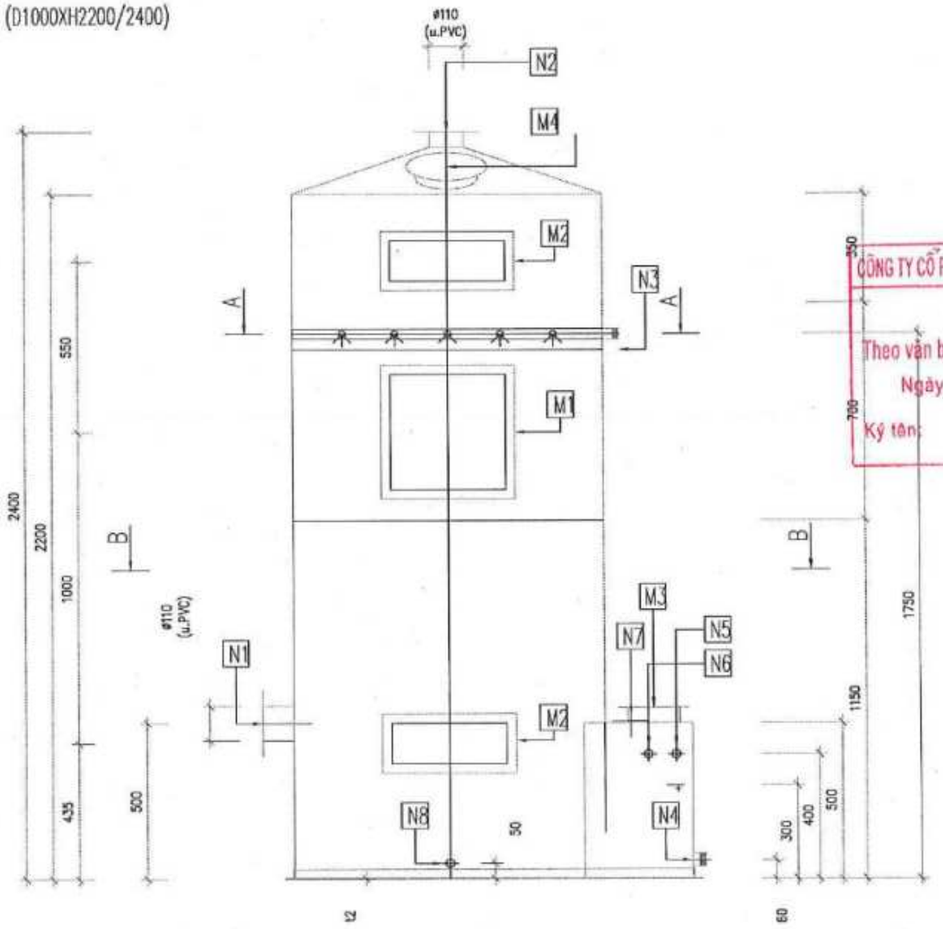
(D1000XH2200/2400)

Ghi chú

- N1 – ĐƯỜNG KHÍ VÀO THÁP: ø110 (U.PVC)
- N2 – ĐƯỜNG KHÍ RA KHỎI THÁP: ø110 (U.PVC)
- N3 – ĐƯỜNG VÀO TUẦN HOÀN HÓA CHẤT: DN25
- N4 – ĐƯỜNG RA TUẦN HOÀN HÓA CHẤT: DN32
- N5 – ĐƯỜNG BỔ SUNG NƯỚC SẠCH: DN20
- N6 – ĐƯỜNG CẤP HÓA CHẤT: DN20
- N7 – ĐƯỜNG LẤP ĐẦU ĐO: DN50
- N8 – ĐƯỜNG XẢ ĐÁY: DN20

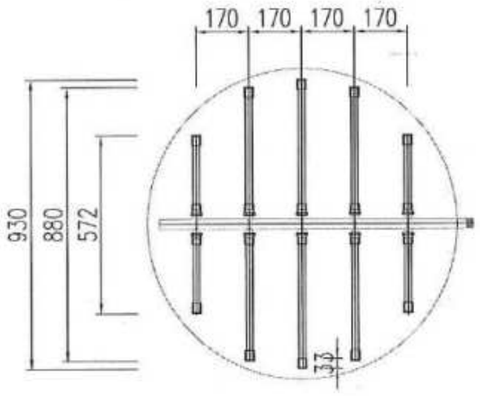
- M1 – CỬA THĂM: 370X370
- M2 – CỬA THĂM: 370X130
- M3 – CỬA THĂM: 240X150

* VẬT LIỆU: INOX304



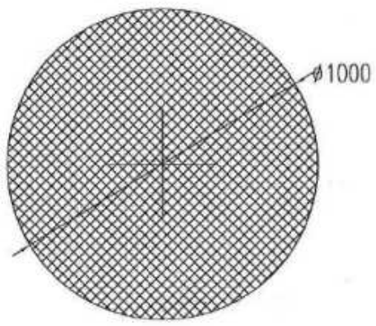
A–A

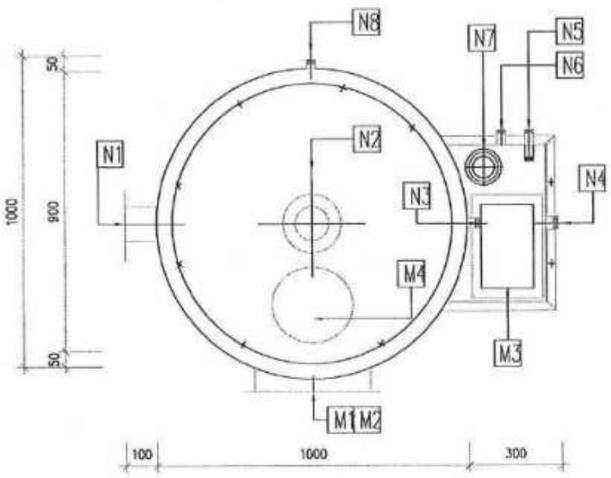
ỐNG ø21 U.PVC ĐỤC LỖ ø2



B–B

LƯỚI A20XD1.5





SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY	XÁC NHẬN
1		
2		
3		
4		
5		

CHỦ ĐẦU TƯ:
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT HUYỆN THƯỜNG TÍN

ĐỊA CHỈ: TRẦN PHÚ, TT. THƯỜNG TÍN, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

TÊN DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐỂ ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT KHU NHỊ KHÊ 6, HUYỆN THƯỜNG TÍN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

ĐỊA ĐIỂM: XÃ NHỊ KHÊ, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:
HỘI KIẾN TRÚC SƯ HÀ NỘI

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TƯ VẤN XÂY DỰNG

ĐC: TÒA NHÀ CT1A, KHU ĐÔ THỊ VĂN QUÁN, YÊN PHÚC, HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI
ĐT: 02433.540.178 – FAX: 02433.540.175
EMAIL: HKTSHANOI@GMAIL.COM

GIÁM ĐỐC

HÀN HỮU HUÂN

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
KS. HOÀNG VĂN VŨ

CHỦ TRÌ:
KS. VŨ XUÂN QUYẾT

THIẾT KẾ:
KS. NGUYỄN THU HÀ

QUẢN LÝ KỸ THUẬT:
KS. VŨ XUÂN QUYẾT

HẠNG MỤC:
THOÁT NƯỚC THẢI

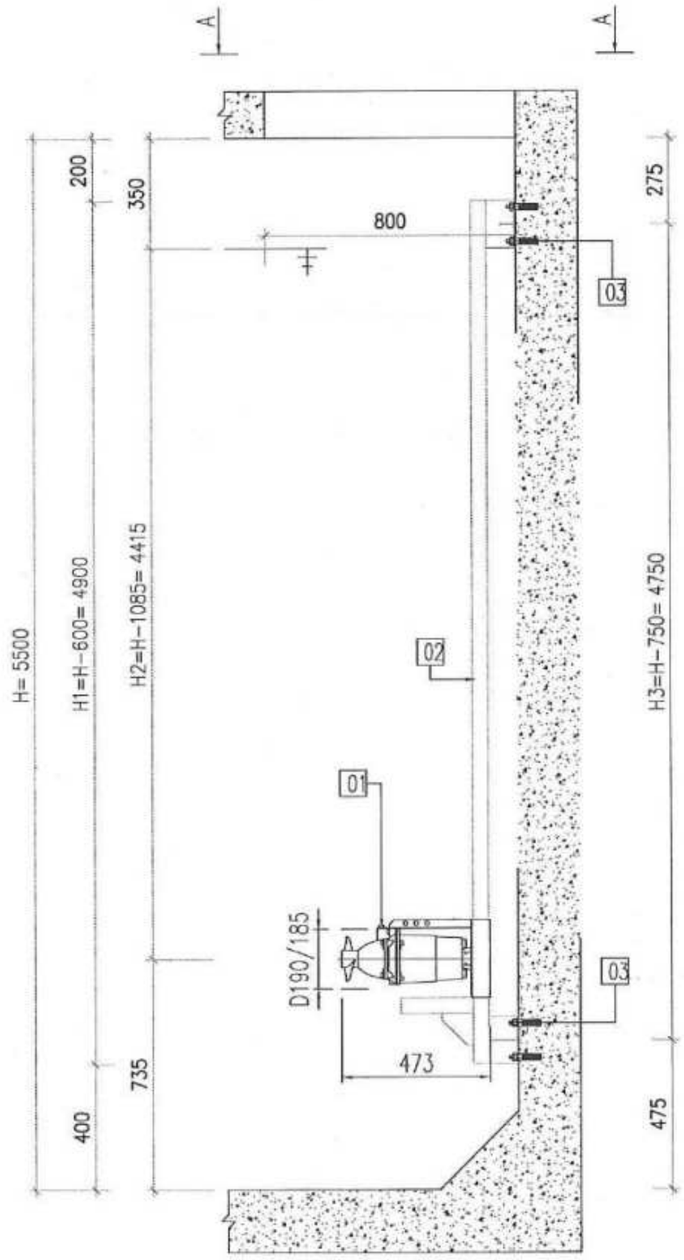
TÊN BẢN VẼ:
CHI TIẾT THÁP XỬ LÝ MÙI

GIAI ĐOẠN: LẬP BÁO CÁO NCKT		KÝ HIỆU BẢN VẼ:
HOÀN THÀNH: 2025	KHỔ IN / TỶ LỆ	CN-16

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG ĐẠI VIỆT
THẨM TRA
Theo văn bản số:.....
Ngày.....tháng.....năm 202...
Ký tên:

M.S.D.N: 0500477111-C.T.N.H.H. CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN TƯ VẤN XÂY DỰNG HỘI KIẾN TRÚC SƯ HÀ NỘI Q. HÀ ĐÔNG - T.P HÀ NỘI

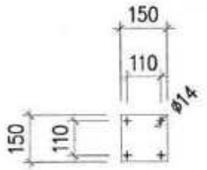
CHI TIẾT LẮP ĐẶT MÁY KHUẤY CHÌM



GHI CHÚ

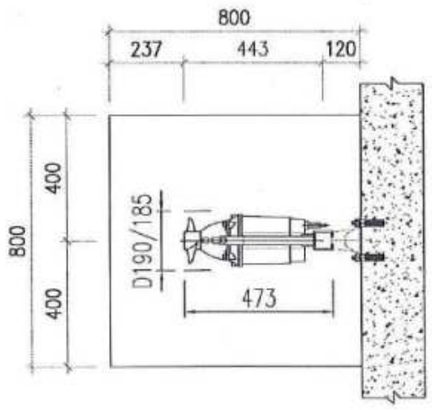
01 – MÁY KHUẤY CHÌM
02 – GIÁ ĐỠ MÁY KHUẤY CHÌM (RAY DẪN – HỘP 50 XT2MM)
03 – NỞ BÊTÔNG M12

CHI TIẾT
BÍCH BẮT LÊN THÀNH BỂ



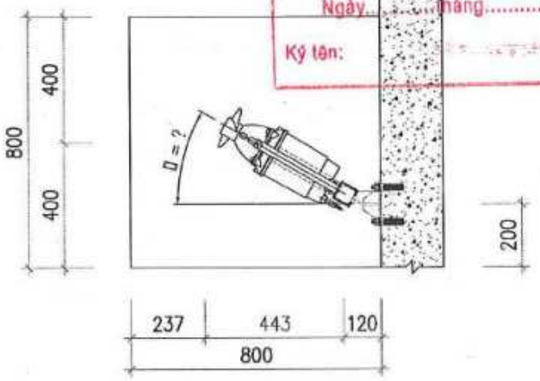
A–A

Loại thẳng, góc nghiêng Đ=0°



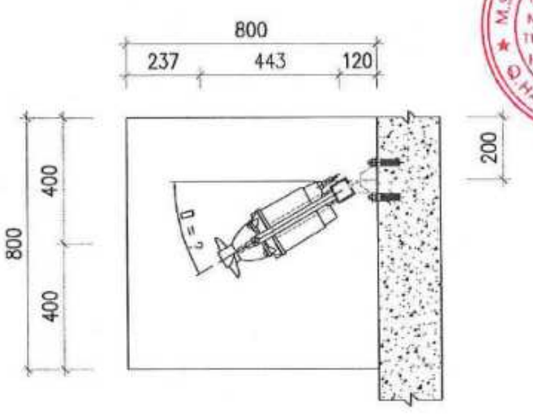
A–A

Loại nghiêng trái, góc nghiêng Đ=?°



A–A

Loại nghiêng trái, góc nghiêng Đ=?°



SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY	XÁC NHẬN
1		
2		
3		
4		
5		

CHỦ ĐẦU TƯ:
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT HUYỆN THƯỜNG TÍN

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG ĐẠI VIỆT
THẨM TRA
Theo văn bản số:.....
Ngày.....tháng.....năm 202.....
Ký tên:

ĐỊA CHỈ: TRẦN PHÚ, TT. THƯỜNG TÍN, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

TÊN DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐỂ ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT KHU NHỊ KHÊ 6, HUYỆN THƯỜNG TÍN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

ĐỊA ĐIỂM: XÃ NHỊ KHÊ, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:
HỘI KIẾN TRÚC SƯ HÀ NỘI

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TƯ VẤN XÂY DỰNG

ĐC: TÒA NHÀ CT1A, KHU ĐÔ THỊ VĂN QUÁN, YÊN PHỤC, HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI
ĐT: 02433.540.170 - FAX: 02433.540.170
EMAIL: HKTSHANOI@GMAIL.COM

GIÁM ĐỐC
PHAN HỮU HUÂN

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
KS. HOÀNG VĂN VŨ

CHỦ TRÌ:
KS. VŨ XUÂN QUYẾT

THIẾT KẾ:
KS. NGUYỄN THU HÀ

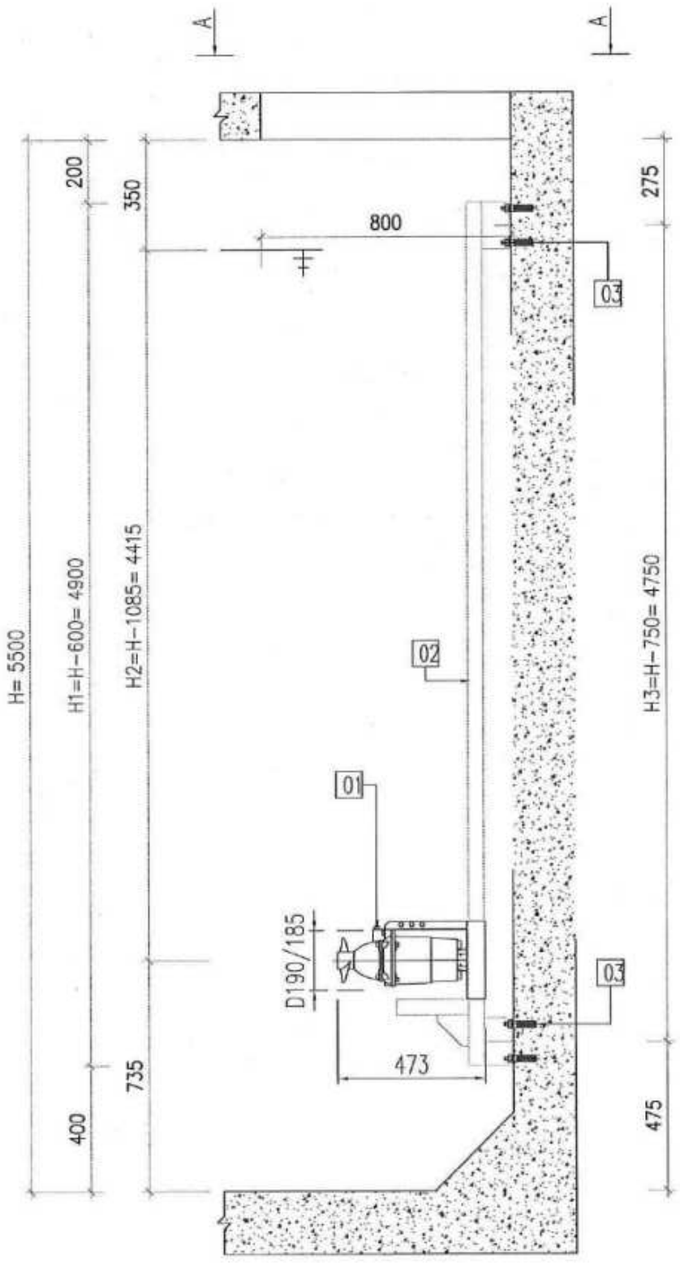
QUẢN LÝ KỸ THUẬT:
KS. VŨ XUÂN QUYẾT

HẠNG MỤC:
THOÁT NƯỚC THẢI

TÊN BẢN VẼ:
CHI TIẾT LẮP ĐẶT MÁY KHUẤY CHÌM

GIAI ĐOẠN: LẬP BÁO CÁO NCKT		KÝ HIỆU BẢN VẼ:
HOÀN THÀNH: 2025	KHỔ IN / TỶ LỆ	CN-17

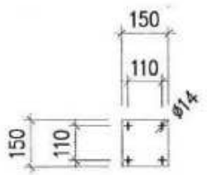
CHI TIẾT LẮP ĐẶT MÁY KHUẤY CHÌM



GHI CHÚ

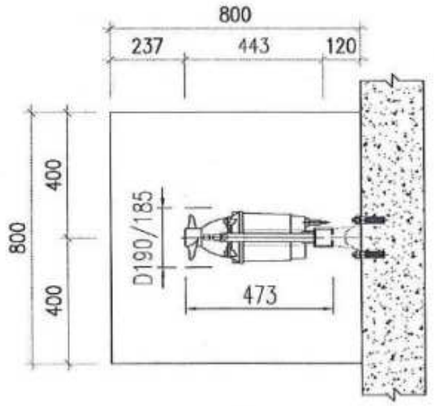
01 – MÁY KHUẤY CHÌM
02 – GIÁ ĐỠ MÁY KHUẤY CHÌM (RAY DẪN – HỘP 50 XT2MM)
03 – NỞ BÊTÔNG M12

CHI TIẾT
BÍCH BẮT LÊN THÀNH BỂ



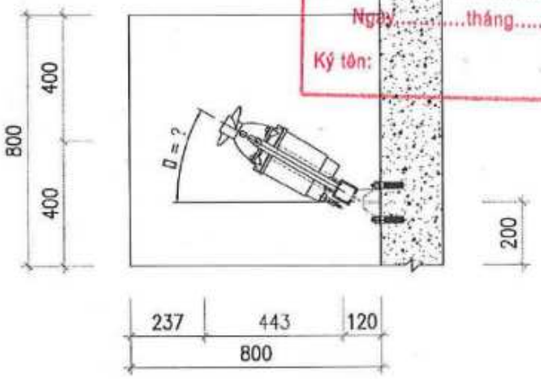
A–A

Loại thẳng, góc nghiêng Đ=0°



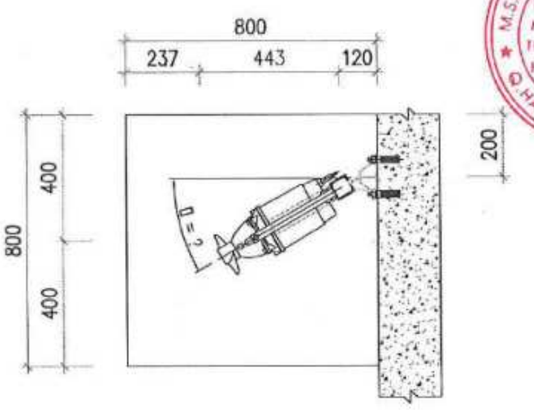
A–A

Loại nghiêng trái, góc nghiêng Đ=?°



A–A

Loại nghiêng trái, góc nghiêng Đ=?°



SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY	XÁC NHẬN
1		
2		
3		
4		
5		

CHỦ ĐẦU TƯ:
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT HUYỆN THƯỜNG TÍN

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG ĐẠI VIỆT
THẨM TRA
Theo văn bản số:
Ngày ..... tháng ..... năm 2025
Ký tên:

TÊN DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐỂ ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT KHU NHỊ KHÊ 6, HUYỆN THƯỜNG TÍN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ NHỊ KHÊ, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:
HỘI KIẾN TRÚC SƯ HÀ NỘI
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TƯ VẤN XÂY DỰNG
ĐC: TÒA NHÀ CT1A, KHU ĐÔ THỊ VĂN QUÁN, YÊN PHỤC, HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI
ĐT: 0243.540.178 - FAX: 0243.540.178
EMAIL: HKTSHANOI@GMAIL.COM
GIÁM ĐỐC
HÁN HỮU HUÂN

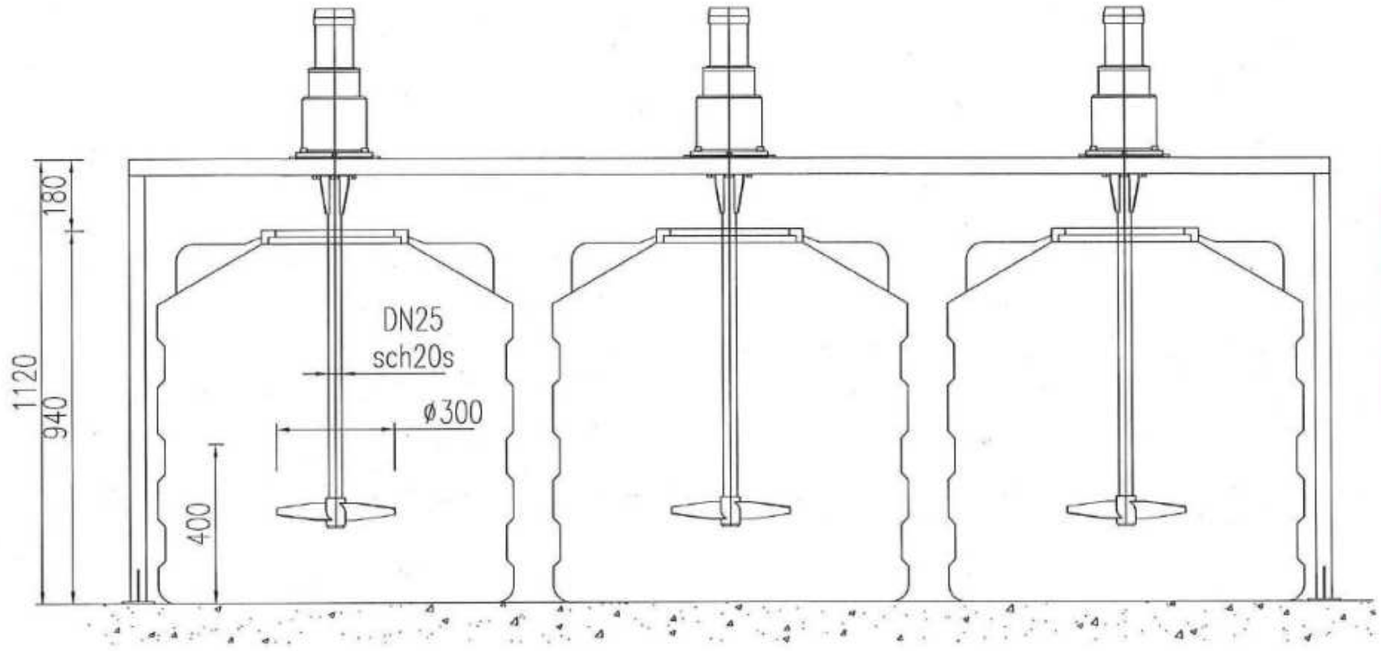
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
KS. HOÀNG VĂN VŨ
CHỦ TRÌ:
KS. VŨ XUÂN QUYẾT
THIẾT KẾ:
KS. NGUYỄN THU HÀ
QUẢN LÝ KỸ THUẬT:
KS. VŨ XUÂN QUYẾT

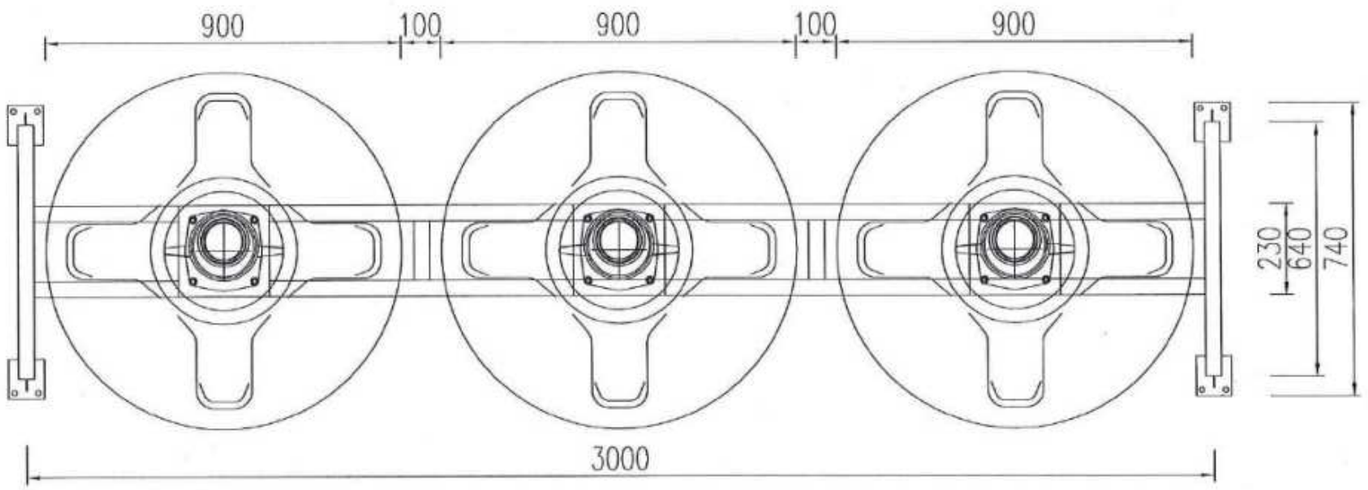
HẠNG MỤC:
THOÁT NƯỚC THẢI

TÊN BẢN VẼ:
CHI TIẾT LẮP ĐẶT MÁY KHUẤY CHÌM

GIAI ĐOẠN: LẬP BÁO CÁO NCKT		KÝ HIỆU BẢN VẼ:
HOÀN THÀNH: 2025	KHỔ IN / TỶ LỆ	CN-17

HỆ HÓA CHẤT – 3 BỒN





CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG ĐẠI VIỆT
THẨM TRA
Theo văn bản số:.....
Ngày.....tháng.....năm 202.....
Ký tên:

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY	XÁC NHẬN
1		
2		
3		
4		
5		

CHỦ ĐẦU TƯ:
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT HUYỆN THƯỜNG TÍN
ĐỊA CHỈ: TRẦN PHÚ, TT. THƯỜNG TÍN, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

TÊN DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐỂ ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT KHU NHỊ KHÊ 6, HUYỆN THƯỜNG TÍN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ NHỊ KHÊ, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:
HỘI KIẾN TRÚC SƯ HÀ NỘI
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TƯ VẤN XÂY DỰNG
ĐC: TÒA NHÀ CT1A, KHU ĐÔ THỊ VĂN QUÁN, YÊN PHỤC, HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI
ĐT: 02433.540.176 - FAX: 02433.540.176
EMAIL: HKTSHANOI@GMAIL.COM
GIÁM ĐỐC
PHAN HỮU HUẤN

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN TƯ VẤN XÂY DỰNG HỘI KIẾN TRÚC SƯ HÀ NỘI – M.S.D.N: 0500477111 – C.T.T.N.H.H – Q. HÀ ĐÔNG - TP. HÀ NỘI

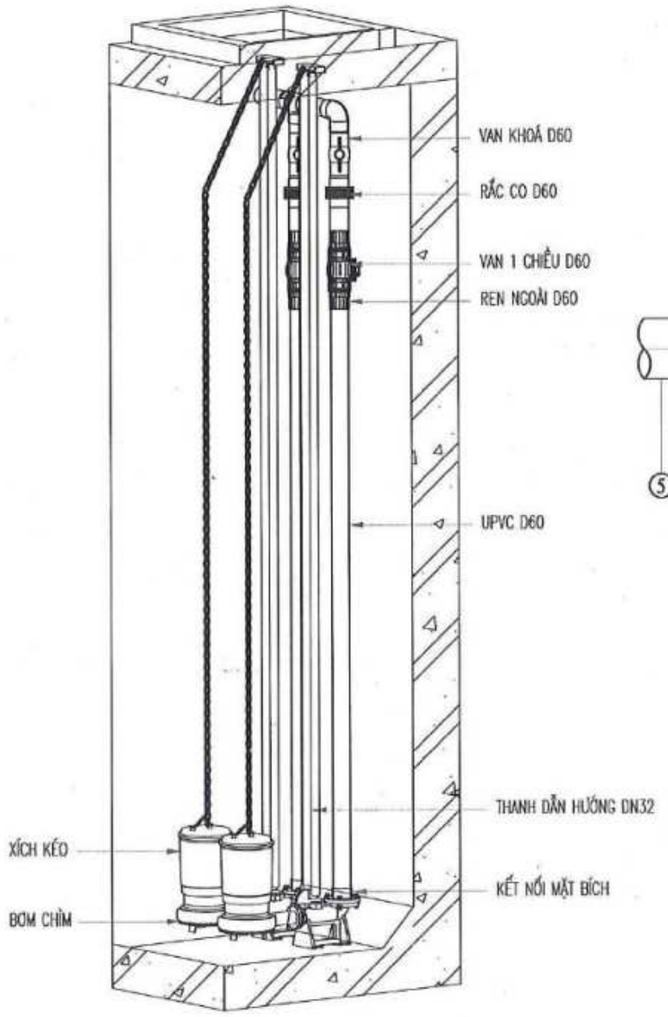
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
KS. HOÀNG VĂN VŨ
CHỦ TRÌ:
KS. VŨ XUÂN QUYẾT
THIẾT KẾ:
KS. NGUYỄN THU HÀ
QUẢN LÝ KỸ THUẬT:
KS. VŨ XUÂN QUYẾT

HẠNG MỤC:
THOÁT NƯỚC THẢI

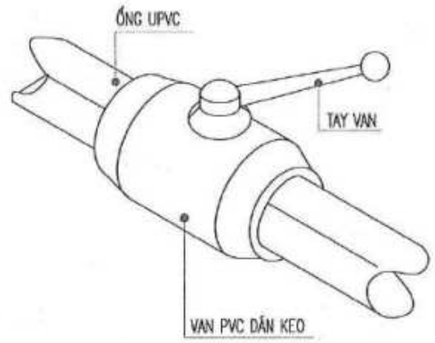
TÊN BẢN VẼ:
CHI TIẾT HỆ 3 BỒN HOÁ CHẤT

GIAI ĐOẠN: LẬP BÁO CÁO NCKT		KÝ HIỆU BẢN VẼ:
HOÀN THÀNH: 2025	KHỔ IN / TỶ LỆ	CN-18

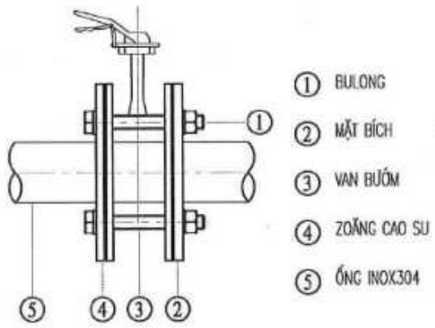
CHI TIẾT LẮP ĐẶT BƠM

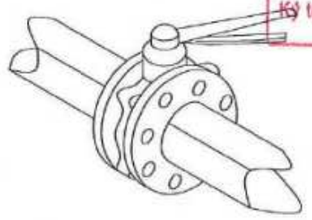


CHI TIẾT LẮP ĐẶT BƠM CHÌM

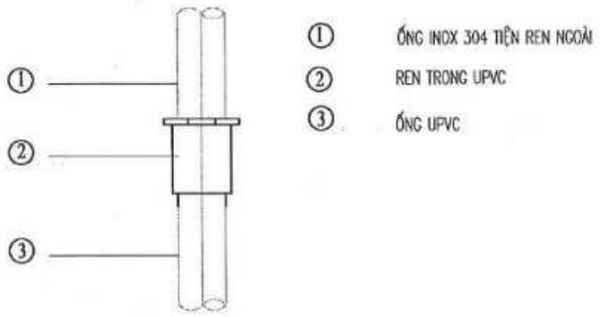


CHI TIẾT LẮP ĐẶT VAN PVC





CHI TIẾT LẮP VAN BƯỚM ĐIỂN HÌNH



CHI TIẾT KẾT NỐI ỐNG UPVC-INOX 304 BẰNG REN

ĐỐI VỚI ỐNG CÓ F75 TRỞ XUỐNG

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY	XÁC NHẬN
1		
2		
3		
4		
5		

CHỦ ĐẦU TƯ:
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT HUYỆN THƯỜNG TÍN

ĐỊA CHỈ: TRẦN PHÚ, TT. THƯỜNG TÍN, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG ĐẠI VIỆT
THẨM TRA
Theo văn bản số:.....
Ngày.....tháng.....năm 202.....
Ký tên:

TÊN DỰ ÁN:
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐỂ ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT KHU NHỊ KHÊ 6, HUYỆN THƯỜNG TÍN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

ĐỊA ĐIỂM: XÃ NHỊ KHÊ, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP. HÀ NỘI

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:
HỘI KIẾN TRÚC SƯ HÀ NỘI

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TƯ VẤN XÂY DỰNG

ĐC: TÒA NHÀ CTIA, KHU ĐÔ THỊ VĂN QUÁN, YÊN PHÚC, HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI
ĐT: 02433.540.176 - FAX: 02433.540.176
EMAIL: HKTSHANOI@GMAIL.COM

GIÁM ĐỐC
HÀN HỮU HUẤN

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:
KS. HOÀNG VĂN VŨ

CHỦ TRÌ:
KS. VŨ XUÂN QUYẾT

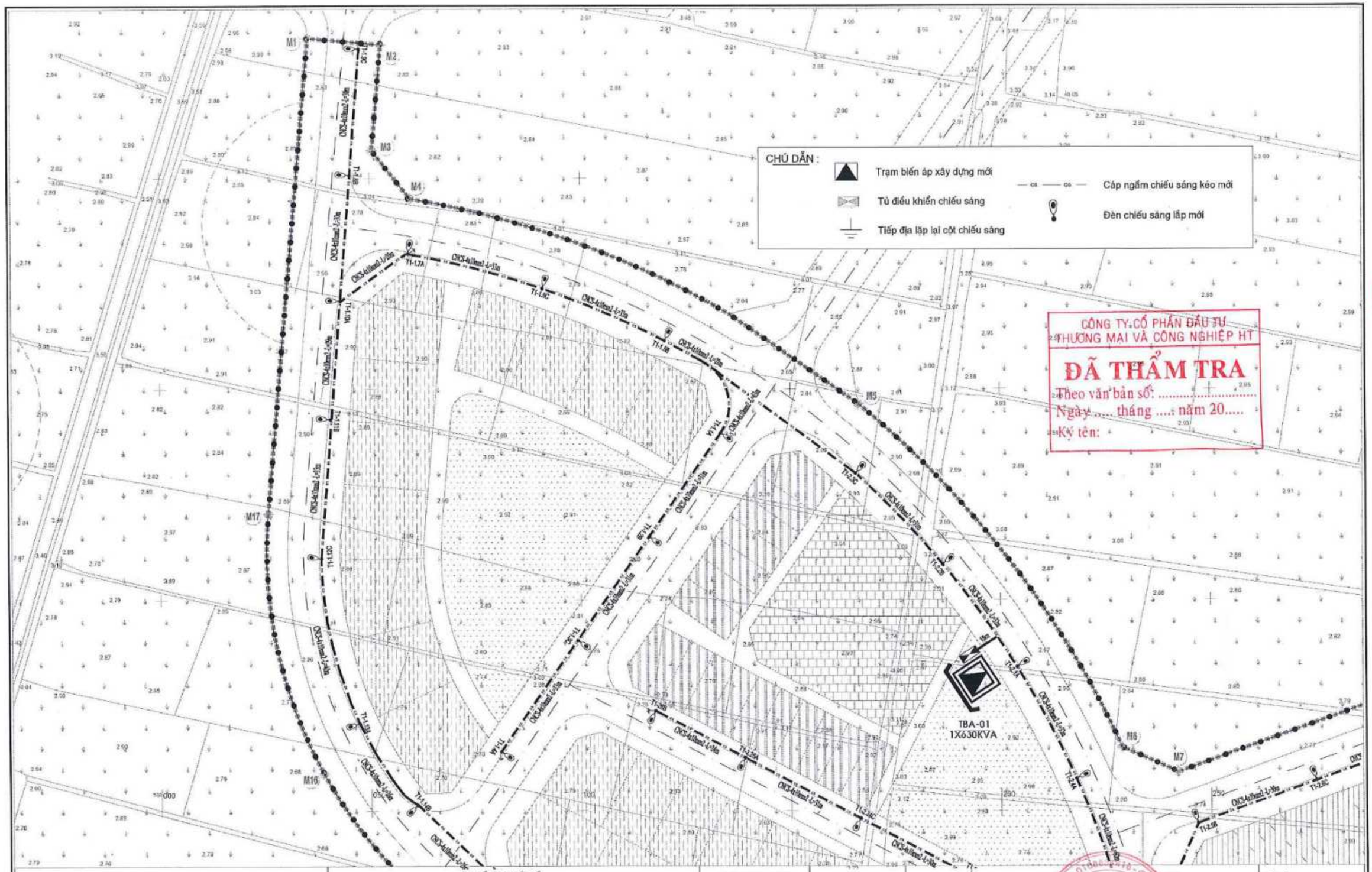
THIẾT KẾ:
KS. NGUYỄN THU HÀ

QUẢN LÝ KỸ THUẬT:
KS. VŨ XUÂN QUYẾT

HẠNG MỤC:
THOÁT NƯỚC THẢI

TÊN BẢN VẼ:
CHI TIẾT LẮP ĐẶT BƠM CHÌM, VAN VÀ KẾT NỐI ỐNG

GIAI ĐOẠN: LẬP BÁO CÁO NCKT		KÝ HIỆU BẢN VẼ:
HOÀN THÀNH: 2025	KHỔ IN / TỶ LỆ	CN-19



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP HT

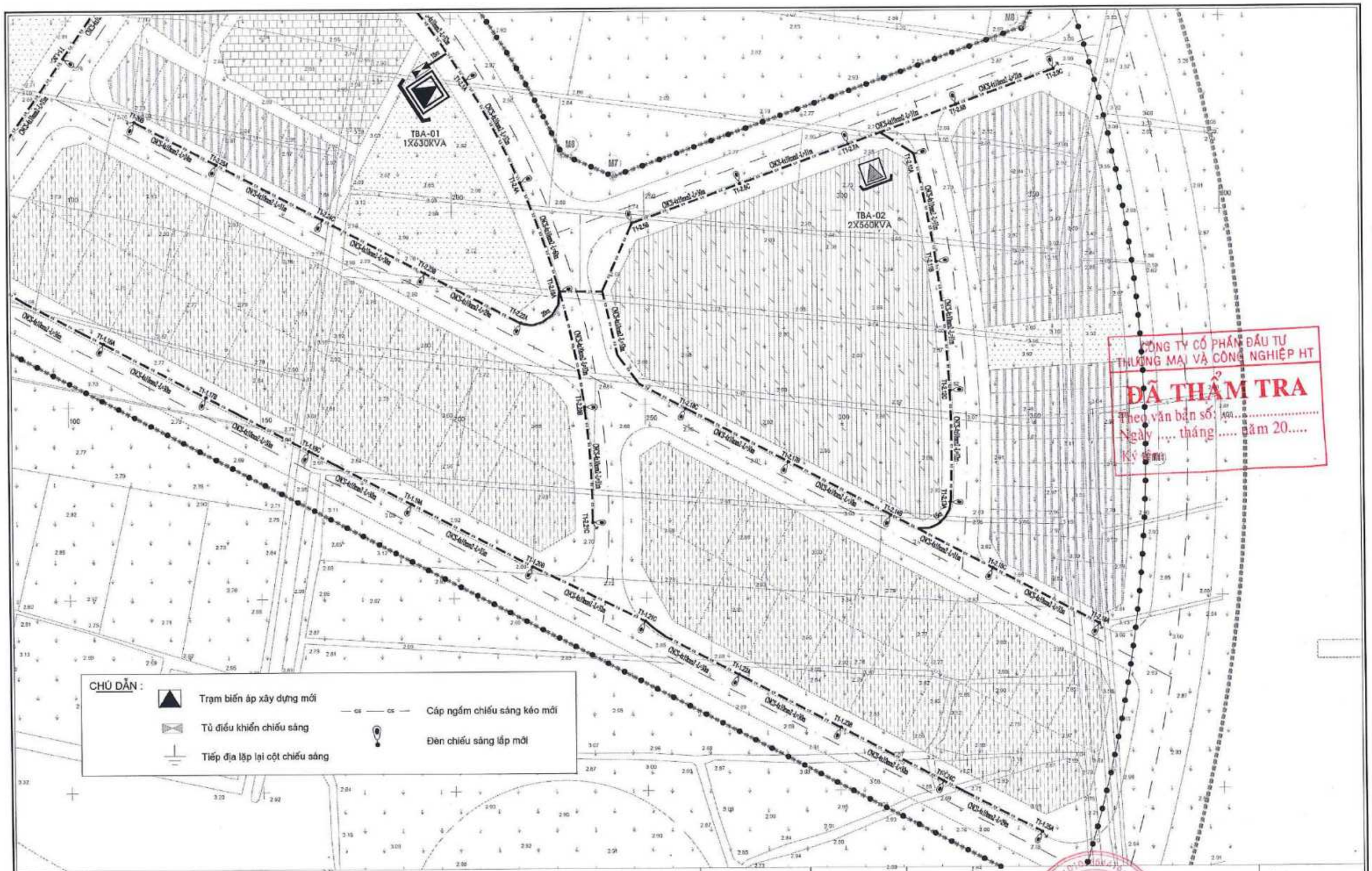
ĐÃ THẨM TRA

Theo văn bản số: .....

Ngày ..... tháng .....: năm 20.....

Ký tên:

CHỦ ĐẦU TƯ : UỶ BAN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG TÍN ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ : TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT HUYỆN THƯỜNG TÍN	HỒ SƠ THIẾT KẾ CÔNG TRÌNH: CẤP ĐIỆN VÀ CHIẾU SÁNG DỰ ÁN: XÂY DỰNG HTKT KHU ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT KHU NHỊ KHÊ 6, H. THƯỜNG TÍN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI	CHỦ NHIỆM ĐỀ ÁN	ĐÀO VĂN DUY		CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI TÂN THỊNH PHÁT GĐ:NGUYỄN TUẤN THANH	TỶ LỆ:
		KIỂM TRA	ĐÀO VĂN DUY			HOÀN THÀNH: 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI TÂN THỊNH PHÁT Địa chỉ: Số 15 - Ngõ 139 Phạm Văn Đồng - Mai Dịch - Cầu Giấy - Hà Nội	MẶT BẰNG CẤP ĐIỆN ĐƯỜNG DÂY CHIẾU SÁNG	THIẾT KẾ	VŨ VĂN HIỂN			KÝ HIỆU: MBCS
		VẼ	VŨ VĂN HIỂN			BẢN VẼ SỐ : 01



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP HT

ĐÃ THẨM TRA

Theo văn bản số: 499.....

Ngày ..... tháng ..... năm 20.....

Ký tên:

CHỦ ĐẦU TƯ : UỶ BAN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG TÍN ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ : TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT HUYỆN THƯỜNG TÍN	HỒ SƠ THIẾT KẾ CÔNG TRÌNH: CẤP ĐIỆN VÀ CHIẾU SÁNG DỰ ÁN: XÂY DỰNG HTKT KHU ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT KHU NHỊ KHÊ 6, H. THƯỜNG TÍN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI	CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN	ĐÀO VĂN DUY		TỶ LỆ:
		KIỂM TRA	ĐÀO VĂN DUY		HOÀN THÀNH: 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI TÂN THỊNH PHÁT Địa chỉ: Số 35 - Ngõ 139 Phạm Văn Đồng - Mai Dịch - Cầu Giấy - Hà Nội	MẶT BẰNG CẤP ĐIỆN ĐƯỜNG DÂY CHIẾU SÁNG	THIẾT KẾ	VŨ VĂN HIỂN		KÝ HIỆU: MBCS
		VẼ	VŨ VĂN HIỂN		BẢN VẼ SỐ : 02

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI TÂN THỊNH PHÁT

GĐ NGUYỄN TUẤN THÀNH

PHỤ LỤC IV: KẾT QUẢ PHÂN TÍCH VÀ SƠ ĐỒ VỊ TRÍ LẤY MẪU MÔI TRƯỜNG NỀN CỦA DỰ ÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN NEXTECH ECOLIFE
VIMCERTS 301 – VLAT-1.1492
Địa chỉ: LK 17-16, KĐT mới Văn Khê, P. La Khê, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội
Điện thoại: 0984.334.561 Email: nextech.ecolife@gmail.com

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 02248/2025/PKQ (25.854)

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Xây dựng và Môi trường 4 Tech
Địa chỉ : Số 5 ngõ 196 phố Bạch Mai, tổ 22, phường Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
Địa điểm quan trắc : Dự án: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật để Đấu Giá QSD đất khu Nhị Khê 6, huyện Thường Tín, Thành Phố Hà Nội
Loại mẫu : Nước mặt
Mã mẫu : NM.250422.002, NM.250422.003, NM.250422.004
Ngày lấy mẫu/nhận mẫu : 22/04/2025
Ngày thử nghiệm : 22/04/2025 Ngày hoàn thành: 05/05/2025

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả			QCVN 08:2023/BTNMT
				25.854. NM1	25.854. NM2	25.854. NM3	Bảng 1
1	pH(1)	-	TCVN 6492:2011	6,9	6,7	6,3	6 ÷ 8,5[a]
2	DO(1)	mg/L	TCVN 7325:2016	5,1	6,8	7,0	≥ 5[a]
3	Nhu cầu ôxy hóa học (COD)(1)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	16	12	14	≤ 15[a]
4	Nhu cầu ôxy sinh hóa (BOD_5 ở 20°C)(1)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	7	6	6	≤ 6[a]
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)(1)	mg/L	TCVN 6625:2000	15	18	14	≤ 100[a]
6	Fe(1)	mg/L	TCVN 6177:1996	<0,05	<0,05	<0,05	0,5
7	Pb(*)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH	KPH	KPH	0,02
8	Cr(*)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH	KPH	KPH	-
9	As(1)	mg/L	SMEWW 3114B:2023	<0,001	<0,001	<0,001	0,01
10	Amoni (NH_4^+ N)(1)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	1,70	1,39	1,11	0,3
11	Nitrit (NO_2^- N)(1)	mg/L	SMEWW 4500-NO_2^-.B:2017	<0,015	<0,015	<0,015	0,05
12	Nitrat (NO_3^- N)(1)	mg/L	SMEWW 4500-NO_3^-.E:2017	<0,20	<0,20	<0,20	-
13	Phosphat (PO_4^{3-} P)(1)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,21	0,27	0,18	-
14	Tổng dầu mỡ(1)	mg/L	SMEWW 5520B:2023	<1,5	<1,5	<1,5	5
15	Chất hoạt động bề mặt anion(1)	mg/L	TCVN 6622-1:2009	<0,03	<0,03	<0,03	0,1
16	*Tổng Coliform*(1)	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B:2017	1.700	1.500	1.200	≤ 5000[a]

Ghi chú:
- Vị trí lấy mẫu/tên mẫu:
+ **25.854.NM1**: Mẫu nước mặt tại mương ký hiệu T1 phía Bắc dự án. Tọa độ: X=2311432, Y=588180.
+ **25.854.NM2**: Mẫu nước mặt tại mương ký hiệu T1 phía Nam dự án. Tọa độ: X=2311290, Y=588158.
+ **25.854.NM3**: Mẫu nước mặt tại mương ký hiệu T1 trung tâm dự án. Tọa độ: X=2311379, Y=588171.
- Quy chuẩn so sánh:
+ **QCVN 08:2023/BTNMT**: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt;
Bảng 1: Giá trị giới hạn tối đa các thông số ảnh hưởng tới sức khỏe con người;
(a)Bảng 2: Giá trị giới hạn các thông số trong nước mặt phục vụ cho việc phân loại chất lượng nước sông, suối, kênh, mương, khe, rạch và bảo vệ môi trường sống dưới nước; Mức B;
- (1): Phép thử đã được chứng nhận Vimcerts;
- (*): Chỉ tiêu được thực hiện bởi Công ty Cổ phần Công nghệ và kỹ thuật Hatico Việt Nam, Vimcerts 269.

Hà Nội, ngày 05 tháng 05 năm 2025

P. PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG	P. KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG	TỔNG GIÁM ĐỐC
NGUYỄN THỊ THÙY LINH	LÂM THỊ THANH	NGUYỄN HOÀNG ANH

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Quá thời gian lưu mẫu Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
- Không được sao chép một phần kết quả thử nghiệm nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty.
- (-): Không quy định.
- KPH: Không phát hiện.
- KPT: Không phân tích.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM
PHÒNG THỬ NGHIỆM – VIMCERTS 269 - VILAS 1349
Đ/c: Số 45 ngách 14/20 ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội
Đ/c PTN : Liền kề 16.31 khu đô thị Hinode Royal Park Kim Chung Di Trạch, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội
Tel: 0936.175.507 Email: haticovietnam2016@gmail.com

HATICO VIỆT NAM

Số: 04476/2025/PKQ/25.2344

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN NEXTECH ECOLIFE
Địa chỉ : LK 17-16, Khu đô thị mới Văn Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
Tên mẫu : - NM.230425-001- NM.250422.002, (NM.250422.002)
Tên mẫu/ Loại mẫu : Nước mặt Số lượng mẫu: 01
Ngày nhận mẫu : 23/04/2025 Ngày hoàn thành thử nghiệm: 29/04/2025

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
				NM.250422.002
1	Chì (Plumbum) (Pb)(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,001)
2	Tổng Chromi (Cr)(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,0005)

Ghi chú: KPH: Không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện MDL của phương pháp)
+ Mẫu do khách hàng gửi đến, tên mẫu và thông tin mẫu do khách hàng cung cấp

Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2025

TM. PHÒNG THỬ NGHIỆM	CÁN BỘ QA/QC	GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Duyên	Hoàng Thị Kim Anh	ThS. Đỗ Thị Duyên

1. (-) Không quy định
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vimcerts
4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội
5. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ
6. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm
7. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.
8. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM
PHÒNG THỬ NGHIỆM – VIMCERTS 269 - VILAS 1349
Đ/c: Số 45 ngách 14/20 ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội
Đ/c PTN : Liền kề 16.31 khu đô thị Hinode Royal Park Kim Chung Di Trạch, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội
HATICO VIỆT NAM
Tel: 0936.175.507 Email: haticovietnam2016@gmail.com

Số: 04477/2025/PKQ/25.2344

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN NEXTECH ECOLIFE
Địa chỉ : LK 17-16, Khu đô thị mới Văn Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
Tên mẫu : - NM.230425-002- NM.250422.003, (NM.250422.003)
Tên mẫu/ Loại mẫu : Nước mặt Số lượng mẫu: 01
Ngày nhận mẫu : 23/04/2025 Ngày hoàn thành thử nghiệm: 29/04/2025

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
				NM.250422.003
1	Chì (Plumbum) (Pb)(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,001)
2	Tổng Chromi (Cr)(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,0005)

Ghi chú: KPH: Không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện MDL của phương pháp)
+ Mẫu do khách hàng gửi đến, tên mẫu và thông tin mẫu do khách hàng cung cấp

Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2025

TM. PHÒNG THỬ NGHIỆM	CÁN BỘ QA/QC	GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Duyên	Hoàng Thị Kim Anh	ThS. Đỗ Thị Duyên

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO
M.S.D.N: 0107621... C.T.C.P. Q. THANH XUÂN - TP HÀ NỘI

1. (-) Không quy định
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vimcerts
4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội
5. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ
6. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm
7. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.
8. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM
PHÒNG THỬ NGHIỆM – VIMCERTS 269 - VILAS 1349
Đ/c: Số 45 ngách 14/20 ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội
Đ/c PTN : Liền kề 16.31 khu đô thị Hinode Royal Park Kim Chung Di Trạch, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội
HATICO VIỆT NAM
Tel: 0936.175.507 Email: haticovietnam2016@gmail.com

Số: 04478/2025/PKQ/25.2344

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN NEXTECH ECOLIFE
Địa chỉ : LK 17-16, Khu đô thị mới Văn Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
Tên mẫu : - NM.230425-003- NM.250422.004, (NM.250422.004)
Tên mẫu/ Loại mẫu : Nước mặt Số lượng mẫu: 01
Ngày nhận mẫu : 23/04/2025 Ngày hoàn thành thử nghiệm: 29/04/2025

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
				NM.250422.004
1	Chì (Plumbum) (Pb)[b]	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,001)
2	Tổng Chromi (Cr)[b]	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,0005)

Ghi chú: KPH: Không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện MDL của phương pháp)
+ Mẫu do khách hàng gửi đến, tên mẫu và thông tin mẫu do khách hàng cung cấp

Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2025

TM. PHÒNG THỬ NGHIỆM	CÁN BỘ QA/QC	GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Duyên	Hoàng Thị Kim Anh	ThS. Đỗ Thị Duyên

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM

1. (-) Không quy định
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vimcerts
4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội
5. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ
6. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm
7. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.
8. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

CÔNG TY CỔ PHẦN NEXTECH ECOLIFE
VIMCERTS 301 – VLAT-1.1492
Địa chỉ: LK 17-16, KĐT mới Văn Khê, P. La Khê, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội
Điện thoại: 0984.334.561 Email: nextech.ecolife@gmail.com

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 02249/2025/PKQ (25.854)

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Xây dựng và Môi trường 4 Tech
Địa chỉ : Số 5 ngõ 196 phố Bạch Mai, tổ 22, phường Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
Địa điểm quan trắc : Dự án: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật để Đấu Giá QSD đất khu Nhị Khê 6, huyện Thường Tín, Thành Phố Hà Nội
Loại mẫu : Nước mặt
Mã mẫu : NM.250422.005, NM.250422.006, NM.250422.007
Ngày lấy mẫu/nhận mẫu : 22/04/2025
Ngày thử nghiệm : 22/04/2025 Ngày hoàn thành: 05/05/2025

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả			QCVN 08:2023/ BTNMT
				25.854. NM4	25.854. NM5	25.854. NM6	Bảng 1
1	pH(1)	-	TCVN 6492:2011	7,1	7,4	7,0	6 ÷ 8,5[a]
2	DO(1)	mg/L	TCVN 7325:2016	9,1	10,8	5,6	≥ 5[a]
3	Nhu cầu ôxy hóa học (COD)(1)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	47	48	44	≤ 15[a]
4	Nhu cầu ôxy sinh hóa (BOD_5 ở 20°C)(1)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	21	22	20	≤ 6[a]
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)(1)	mg/L	TCVN 6625:2000	17	15	12	≤ 100[a]
6	Fe(1)	mg/L	TCVN 6177:1996	<0,05	<0,05	<0,05	0,5
7	Pb(*)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH	KPH	KPH	0,02
8	Cr(*)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH	KPH	KPH	-
9	As(1)	mg/L	SMEWW 3114B:2023	<0,001	<0,001	<0,001	0,01
10	Amoni (NH_4^+ N)(1)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,32	0,47	0,38	0,3
11	Nitrit (NO_2^- N)(1)	mg/L	SMEWW 4500-NO_2^-.B:2017	0,94	0,70	0,83	0,05
12	Nitrat (NO_3^- N)(1)	mg/L	SMEWW 4500-NO_3^-.E:2017	<0,20	<0,20	<0,20	-
13	Phosphat (PO_4^{3-} P)(1)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,11	0,15	0,17	-
14	Tổng dầu mỡ(1)	mg/L	SMEWW 5520B:2023	<1,5	<1,5	<1,5	5
15	Chất hoạt động bề mặt anion(1)	mg/L	TCVN 6622-1:2009	<0,03	<0,03	<0,03	0,1
16	*Tổng Coliform*(1)	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B:2017	2.400	2.200	1.700	≤ 5000[a]

Ghi chú:
- Vị trí lấy mẫu/tên mẫu:
+ **25.854.NM4**: Mẫu nước mặt tại mương ký hiệu T2 phía Đông Bắc dự án. Tọa độ: X=2311387, Y=588368.
+ **25.854.NM5**: Mẫu nước mặt tại mương ký hiệu T2 phía Đông dự án. Tọa độ: X=2311167, Y=588355.
+ **25.854.NM6**: Mẫu nước mặt tại mương ký hiệu T2 phía Đông Nam dự án. Tọa độ: X=2311317, Y=588359.
- Quy chuẩn so sánh:
+ **QCVN 08:2023/BTNMT**: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt;
Bảng 1: Giá trị giới hạn tối đa các thông số ảnh hưởng tới sức khỏe con người;
(a)Bảng 2: Giá trị giới hạn các thông số trong nước mặt phục vụ cho việc phân loại chất lượng nước sông, suối, kênh, mương, khe, rạch và bảo vệ môi trường sống dưới nước; Mức B;
- (1): Phép thử đã được chứng nhận Vimcerts;
- (*): Chỉ tiêu được thực hiện bởi Công ty Cổ phần Công nghệ và kỹ thuật Hatico Việt Nam, Vimcerts 269.

Hà Nội, ngày 05 tháng 05 năm 2025

P. PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG	P. KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG	TỔNG GIÁM ĐỐC
NGUYỄN THỊ THÙY LINH	LÂM THỊ THANH	NGUYỄN HOÀNG ANH

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Quá thời gian lưu mẫu Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
- Không được sao chép một phần kết quả thử nghiệm nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty.
- (-): Không quy định.
- KPH: Không phát hiện.
- KPT: Không phân tích.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM
PHÒNG THỬ NGHIỆM – VIMCERTS 269 - VILAS 1349
Đ/c: Số 45 ngách 14/20 ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội
Đ/c PTN : Liền kề 16.31 khu đô thị Hinode Royal Park Kim Chung Di Trạch, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội
Tel: 0936.175.507 Email: haticovietnam2016@gmail.com

HATICO VIỆT NAM

Số: 04479/2025/PKQ/25.2344

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN NEXTECH ECOLIFE
Địa chỉ : LK 17-16, Khu đô thị mới Văn Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
Tên mẫu : - NM.230425-004- NM.250422.005, (NM.250422.005)
Tên mẫu/ Loại mẫu : Nước mặt Số lượng mẫu: 01
Ngày nhận mẫu : 23/04/2025 Ngày hoàn thành thử nghiệm: 29/04/2025

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
				NM.250422.005
1	Chì (Plumbum) (Pb)(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,001)
2	Tổng Chromi (Cr)(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,0005)

Ghi chú: KPH: Không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện MDL của phương pháp)
+ Mẫu do khách hàng gửi đến, tên mẫu và thông tin mẫu do khách hàng cung cấp

Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2025

TM. PHÒNG THỬ NGHIỆM	CÁN BỘ QA/QC	GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Duyên	Hoàng Thị Kim Anh	ThS. Đỗ Thị Duyên

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM

1. (-) Không quy định
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vimcerts
4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội
5. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ
6. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm
7. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.
8. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thí nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM
PHÒNG THỬ NGHIỆM – VIMCERTS 269 - VILAS 1349
Đ/c: Số 45 ngách 14/20 ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội
Đ/c PTN : Liền kề 16.31 khu đô thị Hinode Royal Park Kim Chung Di Trạch, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội
Tel: 0936.175.507 Email: haticovietnam2016@gmail.com

HATICO VIỆT NAM

Số: 04480/2025/PKQ/25.2344

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN NEXTECH ECOLIFE
Địa chỉ : LK 17-16, Khu đô thị mới Văn Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
Tên mẫu : - NM.230425-005- NM.250422.006, (NM.250422.006)
Tên mẫu/ Loại mẫu : Nước mặt Số lượng mẫu: 01
Ngày nhận mẫu : 23/04/2025 Ngày hoàn thành thử nghiệm: 29/04/2025

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
				NM.250422.006
1	Chì (Plumbum) (Pb)(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,001)
2	Tổng Chromi (Cr)(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,0005)

Ghi chú: KPH: Không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện MDL của phương pháp)
+ Mẫu do khách hàng gửi đến, tên mẫu và thông tin mẫu do khách hàng cung cấp

Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2025

TM. PHÒNG THỬ NGHIỆM	CÁN BỘ QA/QC	GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Duyên	Hoàng Thị Kim Anh	ThS. Đỗ Thị Duyên

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM

1. (-) Không quy định
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vimcerts
4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội
5. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ
6. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm
7. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.
8. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM
PHÒNG THỬ NGHIỆM – VIMCERTS 269 - VILAS 1349
Đ/c: Số 45 ngách 14/20 ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội
Đ/c PTN : Liền kề 16.31 khu đô thị Hinode Royal Park Kim Chung Di Trạch, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội
HATICO VIỆT NAM
Tel: 0936.175.507 Email: haticovietnam2016@gmail.com

Số: 04481/2025/PKQ/25.2344

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN NEXTECH ECOLIFE
Địa chỉ : LK 17-16, Khu đô thị mới Văn Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
Tên mẫu : - NM.230425-006- NM.250422.007, (NM.250422.007)
Tên mẫu/ Loại mẫu : Nước mặt Số lượng mẫu: 01
Ngày nhận mẫu : 23/04/2025 Ngày hoàn thành thử nghiệm: 29/04/2025

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
				NM.250422.007
1	Chì (Plumbum) (Pb)[(b)]	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,001)
2	Tổng Chromi (Cr)[(b)]	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,0005)

Ghi chú: KPH: Không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện MDL của phương pháp)
+ Mẫu do khách hàng gửi đến, tên mẫu và thông tin mẫu do khách hàng cung cấp

Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2025

TM. PHÒNG THỬ NGHIỆM	CÁN BỘ QA/QC	GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Duyên	Hoàng Thị Kim Anh	ThS. Đỗ Thị Duyên

1. (-) Không quy định
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vimcerts
4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội
5. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ
6. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm
7. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.
8. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

CÔNG TY CỔ PHẦN NEXTECH ECOLIFE
VIMCERTS 301 – VLAT-1.1492
Địa chỉ: LK 17-16, KĐT mới Văn Khê, P. La Khê, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội
Điện thoại: 0984.334.561 Email: nextech.ecolife@gmail.com

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 02250/2025/PKQ (25.854)

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Xây dựng và Môi trường 4 Tech
Địa chỉ : Số 5 ngõ 196 phố Bạch Mai, tổ 22, phường Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
Địa điểm quan trắc : Dự án: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật để Đấu Giá QSD đất khu Nhị Khê 6, huyện Thường Tín, Thành Phố Hà Nội
Loại mẫu : Nước mặt
Mã mẫu : NM.250422.008
Ngày lấy mẫu/nhận mẫu : 22/04/2025
Ngày thử nghiệm : 22/04/2025

Ngày hoàn thành: 05/05/2025

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả	QCVN 08:2023/BTNMT
				25.854.NM7	Bảng 1
1	pH(1)	-	TCVN 6492:2011	6,8	6 ÷ 8,5[a]
2	DO(1)	mg/L	TCVN 7325:2016	7,3	≥ 5[a]
3	Nhu cầu ôxy hóa học (COD)(1)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	43	≤ 15[a]
4	Nhu cầu ôxy sinh hóa (BOD_5 ở 20°C)(1)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	19	≤ 6[a]
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)(1)	mg/L	TCVN 6625:2000	10	≤ 100[a]
6	Fe(1)	mg/L	TCVN 6177:1996	<0,05	0,5
7	Pb(*)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH	0,02
8	Cr(*)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH	-
9	As(1)	mg/L	SMEWW 3114B:2023	<0,001	0,01
10	Amoni (NH_4^+ N)(1)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,59	0,3
11	Nitrit (NO_2^- N)(1)	mg/L	SMEWW 4500-NO_2^-.B:2017	0,75	0,05
12	Nitrat (NO_3^- N)(1)	mg/L	SMEWW 4500-NO_3^-.E:2017	<0,20	-
13	Phosphat (PO_4^{3-} P)(1)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,13	-
14	Tổng dầu mỡ(1)	mg/L	SMEWW 5520B:2023	<1,5	5
15	Chất hoạt động bề mặt anion(1)	mg/L	TCVN 6622-1:2009	<0,03	0,1
16	*Tổng Coliform*(1)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	1.500	≤ 5000[a]

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu/tên mẫu:

+ **25.854.NM7**: Mẫu nước mặt tại mương ký hiệu T2 phía Đông Bắc giáp khu vực dự án.
Tọa độ: X=2311410, Y=588373.

- Quy chuẩn so sánh:

+ **QCVN 08:2023/BTNMT**: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt;
Bảng 1: Giá trị giới hạn tối đa các thông số ảnh hưởng tới sức khỏe con người;
(a)Bảng 2: Giá trị giới hạn các thông số trong nước mặt phục vụ cho việc phân loại chất lượng nước sông, suối, kênh, mương, khe, rạch và bảo vệ môi trường sống dưới nước; Mức B;
- (1): Phép thử đã được chứng nhận Vimcerts;
- (*): Chỉ tiêu được thực hiện bởi Công ty Cổ phần Công nghệ và kỹ thuật Hatico Việt Nam. Vimcerts 269.

Hà Nội, ngày 05 tháng 05 năm 2025

P. PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG	P. KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG	TỔNG GIÁM ĐỐC
NGUYỄN THỊ THÙY LINH	LÂM THỊ THANH	NGUYỄN HOÀNG ANH

CÔNG TY CỔ PHẦN NEXTECH ECOLIFE

- *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.*
- *Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.*
- *Quá thời gian lưu mẫu Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.*
- *Không được sao chép một phần kết quả thử nghiệm nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty.*
- *(-): Không quy định.*
- *KPH: Không phát hiện.*
- *KPT: Không phân tích.*

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM
PHÒNG THỬ NGHIỆM – VIMCERTS 269 - VILAS 1349
Đ/c: Số 45 ngách 14/20 ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội
Đ/c PTN : Liền kề 16.31 khu đô thị Hinode Royal Park Kim Chung Di Trạch, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội
Tel: 0936.175.507 Email: haticovietnam2016@gmail.com

HATICO VIỆT NAM

Số: 04482/2025/PKQ/25.2344

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN NEXTECH ECOLIFE
Địa chỉ : LK 17-16, Khu đô thị mới Văn Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
Tên mẫu : - NM.230425-007- NM.250422.008, (NM.250422.008)
Tên mẫu/ Loại mẫu : Nước mặt Số lượng mẫu: 01
Ngày nhận mẫu : 23/04/2025 Ngày hoàn thành thử nghiệm: 29/04/2025

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
				NM.250422.008
1	Chì (Plumbum) (Pb)(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,001)
2	Tổng Chromi (Cr)(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,0005)

Ghi chú: KPH: Không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện MDL của phương pháp)
+ Mẫu do khách hàng gửi đến, tên mẫu và thông tin mẫu do khách hàng cung cấp

Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2025

TM. PHÒNG THỬ NGHIỆM	CÁN BỘ QA/QC	GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Duyên	Hoàng Thị Kim Anh	ThS. Đỗ Thị Duyên

1. (-) Không quy định
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vimcerts
4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội
5. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ
6. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm
7. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.
8. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

CÔNG TY CỔ PHẦN NEXTECH ECOLIFE
VIMCERTS 301 – VLAT-1.1492
Địa chỉ: LK 17-16, KĐT mới Văn Khê, P. La Khê, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội
Điện thoại: 0984.334.561 Email: nextech.ecolife@gmail.com

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 02251/2025/PKQ (25.854)

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Xây dựng và Môi trường 4 Tech
Địa chỉ : Số 5 ngõ 196 phố Bạch Mai, tổ 22, phường Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
Địa điểm quan trắc : Dự án: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật để Đấu Giá QSD đất khu Nhị Khê 6, huyện Thường Tín, Thành Phố Hà Nội
Loại mẫu : Không khí xung quanh
Mã mẫu : KXQ.250422.002, KXQ.250422.003, KXQ.250422.004
Ngày lấy mẫu/nhận mẫu : 22/04/2025
Ngày thử nghiệm : 22/04/2025 Ngày hoàn thành: 05/05/2025

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả			QCVN 05:2023/BTNMT
				25.854. KK1	25.854. KK2	25.854. KK3	Trung bình 1 giờ
1	Nhiệt độ(1)	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	29,3	29,5	29,6	-
2	Độ ẩm(1)	%	QCVN 46:2012/BTNMT	67,2	69,1	68,0	-
3	Tốc độ gió(1)	m/s	QCVN 46:2012/BTNMT	<0,5	<0,5	<0,5	-
4	Tiếng ồn(1)	dBA	TCVN 7878-2:2018	58,8	60,4	54,7	70[a]
5	TSP(1)	µg/Nm³	TCVN 5067:1995	120	138	125	300
6	CO(1)	µg/Nm³	NEJSC/HT/SOP-LMKK02	<5.100	<5.100	<5.100	30.000
7	NO_2(1)	µg/Nm³	TCVN 6137:2009	107	97,6	91,9	200
8	SO_2(1)	µg/Nm³	MASA 704B	89,0	99,3	78,8	350
9	Áp suất(1)	hPa	QCVN 46:2012/BTNMT	1.011	1.011	1.011	-

Ghi chú:
- **Vị trí lấy mẫu/tên mẫu:**
+ **25.854.KK1**: Mẫu không khí tại phía Tây Bắc của dự án. Tọa độ: X=2311524, Y=588035.
+ **25.854.KK2**: Mẫu không khí tại đường giao thông nội đồng phía Bắc của dự án. Tọa độ: X=2311416, Y=588184.
+ **25.854.KK3**: Mẫu không khí tại đường giao thông nội đồng phía Đông Bắc của dự án.
Tọa độ: X=2311372, Y=588368.
- **Quy chuẩn so sánh:**
+ **QCVN 05:2023/BTNMT**: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng Không khí; Trung bình 1 giờ;
+ **(a)QCVN 26:2010/BTNMT**: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, khu vực thông thường từ 6 giờ đến 21 giờ;
- (1): Phép thử đã được chứng nhận Vimcerts.

Hà Nội, ngày 05 tháng 05 năm 2025

P. PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG	P. KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG	TỔNG GIÁM ĐỐC
NGUYỄN THỊ THÙY LINH	LÂM THỊ THANH	NGUYỄN HOÀNG ANH

- *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.*
- *Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.*
- *Quá thời gian lưu mẫu Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.*
- *Không được sao chép một phần kết quả thử nghiệm nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty.*
- *(-): Không quy định.*
- *KPH: Không phát hiện.*
- *KPT: Không phân tích.*

CÔNG TY CỔ PHẦN NEXTECH ECOLIFE
VIMCERTS 301 – VLAT-1.1492
Địa chỉ: LK 17-16, KĐT mới Văn Khê, P. La Khê, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội
Điện thoại: 0984.334.561 Email: nextech.ecolife@gmail.com

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 02252/2025/PKQ (25.854)

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Xây dựng và Môi trường 4 Tech
Địa chỉ : Số 5 ngõ 196 phố Bạch Mai, tổ 22, phường Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
Địa điểm quan trắc : Dự án: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật để Đấu Giá QSD đất khu Nhị Khê 6, huyện Thường Tín, Thành Phố Hà Nội
Loại mẫu : Không khí xung quanh
Mã mẫu : KXQ.250422.005, KXQ.250422.006, KXQ.250422.007
Ngày lấy mẫu/nhận mẫu : 22/04/2025
Ngày thử nghiệm : 22/04/2025 Ngày hoàn thành: 05/05/2025

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả			QCVN 05:2023/BTNMT
				25.854. KK4	25.854. KK5	25.854. KK6	Trung bình 1 giờ
1	Nhiệt độ(1)	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	29,2	29,1	29,6	-
2	Độ ẩm(1)	%	QCVN 46:2012/BTNMT	67,8	69,4	69,1	-
3	Tốc độ gió(1)	m/s	QCVN 46:2012/BTNMT	<0,5	<0,5	<0,5	-
4	Tiếng ồn(1)	dBA	TCVN 7878-2:2018	56,2	59,3	62,1	70[a]
5	TSP(1)	µg/Nm^3	TCVN 5067:1995	150	133	126	300
6	CO(1)	µg/Nm^3	NEJSC/HT/SOP-LMKK02	<5.100	<5.100	<5.100	30.000
7	NO_2(1)	µg/Nm^3	TCVN 6137:2009	90,5	84,2	98,0	200
8	SO_2(1)	µg/Nm^3	MASA 704B	144	114	123	350
9	Áp suất(1)	hPa	QCVN 46:2012/BTNMT	1.011	1.011	1.011	-

Ghi chú:
- Vị trí lấy mẫu/tên mẫu:
+ **25.854.KK4**: Mẫu không khí tại phía Đông Nam của dự án. Tọa độ: X=2311216, Y=588366.
+ **25.854.KK5**: Mẫu không khí tại trung tâm của dự án. Tọa độ: X=2311324, Y=588268.
+ **25.854.KK6**: Mẫu không khí tại phía Tây Nam của dự án. Tọa độ: X=2311365, Y=588039.
- Quy chuẩn so sánh:
+ **QCVN 05:2023/BTNMT**: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng Không khí; Trung bình 1 giờ;
+ **(a)QCVN 26:2010/BTNMT**: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, khu vực thông thường từ 6 giờ đến 21 giờ;
- (1): Phép thử đã được chứng nhận Vimcerts.

Hà Nội, ngày 05 tháng 05 năm 2025

P. PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG	P. KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG	TỔNG GIÁM ĐỐC
NGUYỄN THỊ THÙY LINH	LÂM THỊ THANH	NGUYỄN HOÀNG ANH

CÔNG TY CỔ PHẦN NEXTECH ECOLIFE

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Quá thời gian lưu mẫu Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
- Không được sao chép một phần kết quả thử nghiệm nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty.
- (-): Không quy định.
- KPH: Không phát hiện.
- KPT: Không phân tích.

CÔNG TY CỔ PHẦN NEXTECH ECOLIFE
VIMCERTS 301 – VLAT-1.1492
Địa chỉ: LK 17-16, KĐT mới Văn Khê, P. La Khê, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội
Điện thoại: 0984.334.561 Email: nextech.ecolife@gmail.com

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 02253/2025/PKQ (25.854)

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Xây dựng và Môi trường 4 Tech
Địa chỉ : Số 5 ngõ 196 phố Bạch Mai, tổ 22, phường Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
Địa điểm quan trắc : Dự án: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật để Đấu Giá QSD đất khu Nhị Khê 6, huyện Thường Tín, Thành Phố Hà Nội
Loại mẫu : Không khí xung quanh
Mã mẫu : KXQ.250422.008
Ngày lấy mẫu/nhận mẫu : 22/04/2025
Ngày thử nghiệm : 22/04/2025
Ngày hoàn thành: 05/05/2025

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả	QCVN 05:2023/BTNMT
				25.854.KK7	Trung bình 1 giờ
1	Nhiệt độ(1)	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	28,9	-
2	Độ ẩm(1)	%	QCVN 46:2012/BTNMT	71,0	-
3	Tốc độ gió(1)	m/s	QCVN 46:2012/BTNMT	<0,5	-
4	Tiếng ồn(1)	dBA	TCVN 7878-2:2018	53,7	70[a]
5	TSP(1)	µg/Nm³	TCVN 5067:1995	108	300
6	CO(1)	µg/Nm³	NEJSC/HT/SOP-LMKK02	<5.100	30.000
7	NO_2(1)	µg/Nm³	TCVN 6137:2009	89,9	200
8	SO_2(1)	µg/Nm³	MASA 704B	127	350
9	Áp suất(1)	hPa	QCVN 46:2012/BTNMT	1.011	-

Ghi chú:
- Vị trí lấy mẫu/tên mẫu:
+ 25.854.KK7: Mẫu không khí tại đường giao thông nội đồng phía Nam của dự án. Tọa độ: X=2311288, Y=588161.
- Quy chuẩn so sánh:
+ QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng Không khí; Trung bình 1 giờ;
+ (a)QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, khu vực thông thường từ 6 giờ đến 21 giờ;
- (1): Phép thử đã được chứng nhận Vimcerts.

Hà Nội, ngày 05 tháng 05 năm 2025

P. PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG	P. KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG	TỔNG GIÁM ĐỐC
NGUYỄN THỊ THÙY LINH	LÂM THỊ THANH	NGUYỄN HOÀNG ANH

NEXTECH ECOLIFE
LIVE FOR TOMORROW

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Quá thời gian lưu mẫu Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
- Không được sao chép một phần kết quả thử nghiệm nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty.
- (-): Không quy định.
- KPH: Không phát hiện.
- KPT: Không phân tích.

CÔNG TY CỔ PHẦN NEXTECH ECOLIFE
VIMCERTS 301 – VLAT-1.1492
Địa chỉ: LK 17-16, KĐT mới Văn Khê, P. La Khê, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội
Điện thoại: 0984.334.561 Email: nextech.ecolife@gmail.com

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 02254/2025/PKQ (25.854)

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Xây dựng và Môi trường 4 Tech
Địa chỉ : Số 5 ngõ 196 phố Bạch Mai, tổ 22, phường Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
Địa điểm quan trắc : Dự án: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật để Đấu Giá QSD đất khu Nhị Khê 6, huyện Thường Tín, Thành Phố Hà Nội
Loại mẫu : Đất
Mã mẫu : Đ.250422.002, Đ.250422.003, Đ.250422.004
Ngày lấy mẫu/nhận mẫu : 22/04/2025
Ngày thử nghiệm : 22/04/2025
Ngày hoàn thành: 05/05/2025

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả			QCVN 03:2023/BTNMT	
				25.854.Đ1	25.854.Đ2	25.854.Đ3	Loại 1	Loại 2
1	Cd(1)	mg/Kg	US EPA Method 3050 + US EPA Method 7000B	<0,4	<0,4	<0,4	4	10
2	Cu(1)	mg/Kg	US EPA Method 3050 + US EPA Method 7000B	17,8	18,6	17,7	150	500
3	As(1)	mg/Kg	US EPA Method 3050 + SMEWW 3114B:2023	<0,2	<0,2	<0,2	25	50
4	Pb(1)	mg/Kg	US EPA Method 3050 + US EPA Method 7000B	<14	<14	<14	200	400
5	Cr(1)	mg/Kg	US EPA Method 3050 + US EPA Method 7000B	<5	<5	<5	150	200
6	Zn(1)	mg/Kg	US EPA Method 3050 + US EPA Method 7000B	26,2	24,1	23,8	300	600

Ghi chú:
- Vị trí lấy mẫu/tên mẫu:
+ **25.854.Đ1**: Mẫu đất tại phía Tây của dự án. Tọa độ: X=2311446, Y=588033.
+ **25.854.Đ2**: Mẫu đất tại phía Đông của dự án. Tọa độ: X=2311298, Y=588375.
+ **25.854.Đ3**: Mẫu đất tại phía Đông Nam của dự án. Tọa độ: X=2311194, Y=588350.
- Quy chuẩn so sánh:
+ **QCVN 03:2023/BTNMT**: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng đất;
Loại 1: Đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị;
Loại 2: Đất xây dựng trụ sở cơ quan;
- (1): Phép thử đã được chứng nhận Vimcerts.

Hà Nội, ngày 05 tháng 05 năm 2025

P. PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG	P. KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG	TỔNG GIÁM ĐỐC
NGUYỄN THỊ THÙY LINH	LÂM THỊ THANH	NGUYỄN HOÀNG ANH

CÔNG TY CỔ PHẦN NEXTECH ECOLIFE

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Quá thời gian lưu mẫu Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
- Không được sao chép một phần kết quả thử nghiệm nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty.
- (-): Không quy định.
- KPH: Không phát hiện.
- KPT: Không phân tích.

CÔNG TY CỔ PHẦN NEXTECH ECOLIFE
VIMCERTS 301 – VLAT-1.1492
Địa chỉ: LK 17-16, KĐT mới Văn Khê, P. La Khê, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội
Điện thoại: 0984.334.561 Email: nextech.ecolife@gmail.com

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 02255/2025/PKQ (25.854)

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Xây dựng và Môi trường 4 Tech
Địa chỉ : Số 5 ngõ 196 phố Bạch Mai, tổ 22, phường Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
Địa điểm quan trắc : Dự án: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật để Đấu Giá QSD đất khu Nhị Khê 6, huyện Thường Tín, Thành Phố Hà Nội
Loại mẫu : Đất
Mã mẫu : Đ.250422.005, Đ.250422.006, Đ.250422.007
Ngày lấy mẫu/nhận mẫu : 22/04/2025
Ngày thử nghiệm : 22/04/2025
Ngày hoàn thành: 05/05/2025

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả			QCVN 03:2023/BTNMT	
				25.854.Đ4	25.854.Đ5	25.854.Đ6	Loại 1	Loại 2
1	Cd(1)	mg/Kg	US EPA Method 3050 + US EPA Method 7000B	<0,4	<0,4	<0,4	4	10
2	Cu(1)	mg/Kg	US EPA Method 3050 + US EPA Method 7000B	19,1	18,2	15,7	150	500
3	As(1)	mg/Kg	US EPA Method 3050 + SMEWW 3114B:2023	<0,2	<0,2	<0,2	25	50
4	Pb(1)	mg/Kg	US EPA Method 3050 + US EPA Method 7000B	<14	<14	<14	200	400
5	Cr(1)	mg/Kg	US EPA Method 3050 + US EPA Method 7000B	<5	<5	<5	150	200
6	Zn(1)	mg/Kg	US EPA Method 3050 + US EPA Method 7000B	26,4	29,9	26,5	300	600

Ghi chú:
- Vị trí lấy mẫu/tên mẫu:
+ **25.854.Đ4**: Mẫu đất tại trung tâm của dự án. Tọa độ: X=2311304, Y=588250.
+ **25.854.Đ5**: Mẫu đất tại phía Nam của dự án. Tọa độ: X=2311282, Y=588250.
+ **25.854.Đ6**: Mẫu đất tại phía Bắc của dự án. Tọa độ: X=2311418, Y=588162.
- Quy chuẩn so sánh:
+QCVN 03:2023/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng đất;
Loại 1: Đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị;
Loại 2: Đất xây dựng trụ sở cơ quan;
- (1): Phép thử đã được chứng nhận Vimcerts.

Hà Nội, ngày 05 tháng 05 năm 2025

P. PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG	P. KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG	TỔNG GIÁM ĐỐC
NGUYỄN THỊ THÙY LINH	LÂM THỊ THANH	NGUYỄN HOÀNG ANH

- *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.*
- *Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.*
- *Quá thời gian lưu mẫu Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.*
- *Không được sao chép một phần kết quả thử nghiệm nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty.*
- *(-): Không quy định.*
- *KPH: Không phát hiện.*
- *KPT: Không phân tích.*

CÔNG TY CỔ PHẦN NEXTECH ECOLIFE
VIMCERTS 301 – VLAT-1.1492
Địa chỉ: LK 17-16, KĐT mới Văn Khê, P. La Khê, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội
Điện thoại: 0984.334.561 Email: nextech.ecolife@gmail.com

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 02256/2025/PKQ (25.854)

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Xây dựng và Môi trường 4 Tech
Địa chỉ : Số 5 ngõ 196 phố Bạch Mai, tổ 22, phường Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
Địa điểm quan trắc : Dự án: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật để Đấu Giá QSD đất khu Nhị Khê 6, huyện Thường Tín, Thành Phố Hà Nội
Loại mẫu : Đất
Mã mẫu : Đ.250422.008
Ngày lấy mẫu/nhận mẫu : 22/04/2025
Ngày thử nghiệm : 22/04/2025 Ngày hoàn thành: 05/05/2025

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả	QCVN 03:2023/BTNMT	
				25.854.Đ7	Loại 1	Loại 2
1	Cd(1)	mg/Kg	US EPA Method 3050 + US EPA Method 7000B	<0,4	4	10
2	Cu(1)	mg/Kg	US EPA Method 3050 + US EPA Method 7000B	16,7	150	500
3	As(1)	mg/Kg	US EPA Method 3050 + SMEWW 3114B:2023	<0,2	25	50
4	Pb(1)	mg/Kg	US EPA Method 3050 + US EPA Method 7000B	<14	200	400
5	Cr(1)	mg/Kg	US EPA Method 3050 + US EPA Method 7000B	<5	150	200
6	Zn(1)	mg/Kg	US EPA Method 3050 + US EPA Method 7000B	22,0	300	600

Ghi chú:
- **Vị trí lấy mẫu/tên mẫu:**
+ **25.854.Đ7**: Mẫu đất tại phía Tây Bắc của dự án. Tọa độ: X=2311524, Y=588033.
- **Quy chuẩn so sánh:**
+ **QCVN 03:2023/BTNMT**: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng đất;
Loại 1: Đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị;
Loại 2: Đất xây dựng trụ sở cơ quan;
- (1): Phép thử đã được chứng nhận Vimcerts.

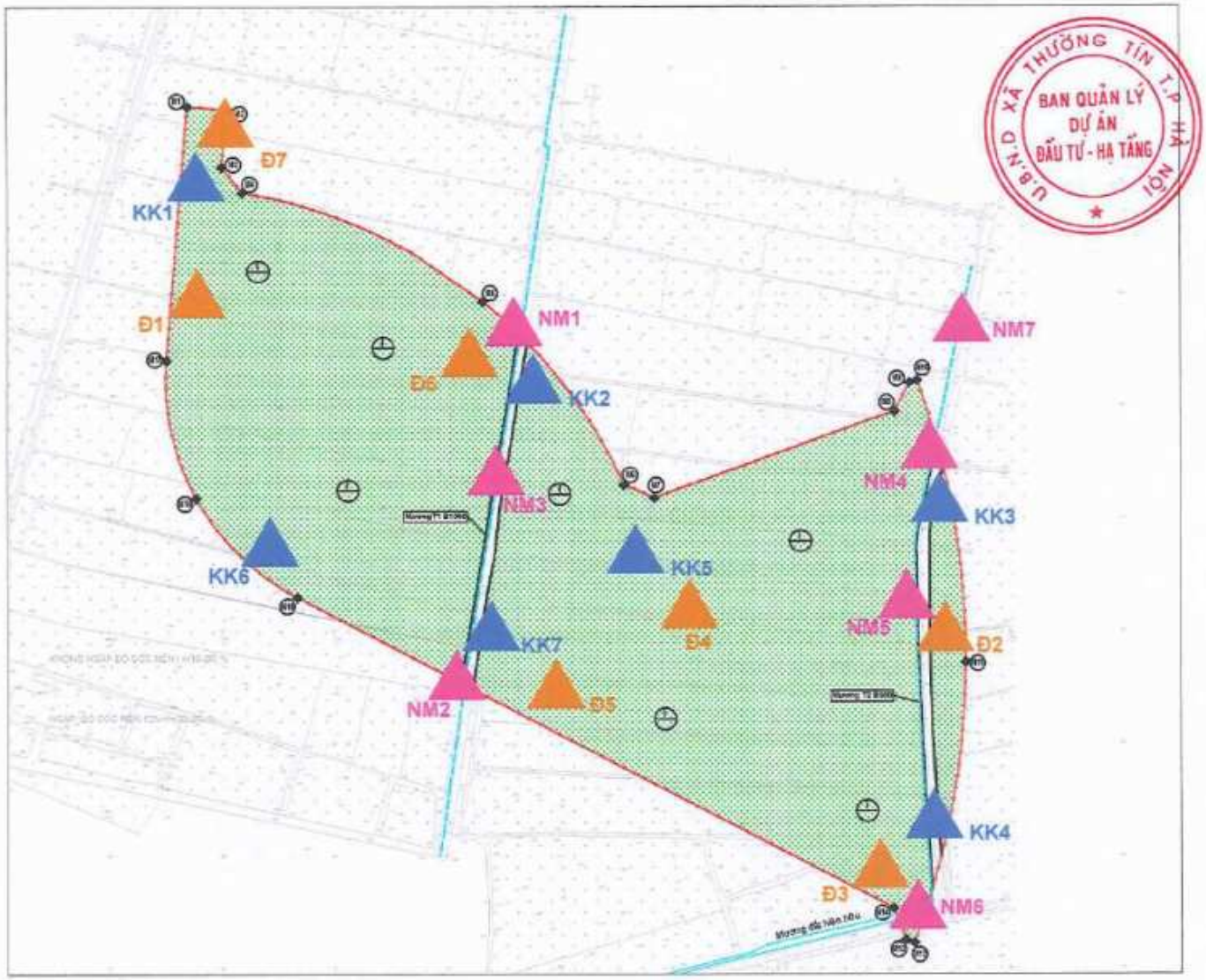
Hà Nội, ngày 15 tháng 05 năm 2025

P. PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG	P. KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG	TỔNG GIÁM ĐỐC
NGUYỄN THỊ THÙY LINH	LÂM THỊ THANH	NGUYỄN HOÀNG ANH

CÔNG TY CỔ PHẦN NEXTECH ECOLIFE

- *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.*
- *Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.*
- *Quá thời gian lưu mẫu Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.*
- *Không được sao chép một phần kết quả thử nghiệm nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty.*
- *(-): Không quy định.*
- *KPH: Không phát hiện.*
- *KPT: Không phân tích.*

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ LẤY MẪU MÔI TRƯỜNG NỀN



U.B.N.D XÃ THƯỜNG TÍN T.P HÀ NỘI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG

KÝ HIỆU

- Mẫu không khí
- Mẫu nước mặt
- Mẫu đất

QUY ĐỊNH SỬ DỤNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Tổ chức được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường phải thực hiện nghiêm chỉnh các quy định sau:

1. Xuất trình Giấy chứng nhận khi có yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

2. Cấm sửa chữa, tẩy xóa, giả mạo nội dung trong Giấy chứng nhận.

3. Cấm cho mượn, cho thuê và trao đổi Giấy chứng nhận

4. Cấm hoạt động không đúng phạm vi, lĩnh vực theo Giấy chứng nhận được cấp.

5. Làm thủ tục đăng ký gia hạn, cấp lại, điều chỉnh nội dung tại Tổng cục Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

GIẤY CHỨNG NHẬN

ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Số hiệu: VIMCERTS 301

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CHỨNG NHẬN

ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Số hiệu: VIMCERTS 301

(Cấp lần 01)

Tên tổ chức:

Công ty Cổ phần Nextech Ecolife

Trụ sở chính:

Liền kề 17-16, KĐT mới Văn Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Quyết định số 932 /QĐ-BTNMT ngày 06 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường

Người đứng đầu tổ chức:

Họ và tên: Nguyễn Hoàng Anh Chức vụ: Giám đốc

CMND số: 173365515 do Công an tỉnh Thanh Hóa

Cấp ngày 30 tháng 7 năm 2012

Thời hạn của Giấy chứng nhận: 03 năm

Từ ngày 06 tháng 5 năm 2022

Đến ngày 05 tháng 5 năm 2025

LĨNH VỰC VÀ PHẠM VI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

I. QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

1. Nước:		
- Nước mặt:	Lấy mẫu: 01 thông số	Đo tại hiện trường: 07 thông số
- Nước dưới đất:	Lấy mẫu: 01 thông số	Đo tại hiện trường: 06 thông số
- Nước mưa:	Lấy mẫu: 01 thông số	Đo tại hiện trường: 04 thông số
- Nước biển:	Lấy mẫu: 01 thông số	Đo tại hiện trường: 06 thông số
- Nước thải:	Lấy mẫu: 01 thông số	Đo tại hiện trường: 05 thông số
2. Khí		
- Không khí xung quanh:	Lấy mẫu: 14 thông số	Đo tại hiện trường: 07 thông số
- Khí thải:	Lấy mẫu: 03 thông số	Đo tại hiện trường: 11 thông số
3. Đất:	Lấy mẫu: 01 thông số	
4. Trầm tích:	Lấy mẫu: 01 thông số	
5. Bùn thải:	Lấy mẫu: 01 thông số	
6. Chất thải rắn:	Lấy mẫu: 01 thông số	

II. PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

1. Nước:	
- Nước mặt:	27 thông số
- Nước dưới đất:	28 thông số
- Nước mưa:	01 thông số
- Nước biển:	10 thông số
- Nước thải:	23 thông số
2. Khí:	
- Không khí xung quanh:	04 thông số
- Khí thải:	01 thông số
3. Đất:	04 thông số

(Chi tiết phương pháp thử, giới hạn phát hiện của các thông số được chứng nhận kèm theo Quyết định số 932 /QĐ-BTNMT ngày 06 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

Hà Nội, ngày 06 tháng 5 năm 2022

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Võ Tuấn Nhân

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số: 932 /QĐ-BTNMT	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 06 tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 19/2015/TT-BTNMT ngày 23 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc thẩm định điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường và mẫu giấy chứng nhận;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Quyết định số 796/QĐ-BTNMT ngày 27 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy trình thí điểm liên thông giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực quan trắc môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Hồ sơ đề nghị thực hiện quy trình thủ tục liên thông giải quyết thủ tục chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực quan trắc môi trường và chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường của Công ty Cổ phần Nextech Ecolife;

Căn cứ kết quả thẩm định của Tổng cục Môi trường về việc chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực quan trắc môi trường và chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường đối với Công ty Cổ phần Nextech Ecolife;

Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chứng nhận **"Công ty Cổ phần Nextech Ecolife"**, địa chỉ tại Liền kề 17-16, KĐT mới Văn Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, đã đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực quan trắc môi trường (số đăng ký **301/TN-QTMT**) theo quy định tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường (mã số **VIMCERTS 301**) theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (các Giấy chứng nhận kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Thông tin chi tiết về lĩnh vực và phạm vi được chứng nhận tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Công ty Cổ phần Nextech Ecolife phải thực hiện đầy đủ quy định về chứng nhận theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực 03 năm kể từ ngày ký.

Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường, Chánh Văn phòng Bộ và Công ty Cổ phần Nextech Ecolife chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Sở TNMT TP Hà Nội;
- Lưu: VT, VPMC, TCMT, QLCL (09).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Võ Tuấn Nhân

Phụ lục

LĨNH VỰC VÀ PHẠM VI ĐƯỢC CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG THỬ NGHIỆM VÀ ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Công ty Cổ phần Nextech Ecolife

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

1. NƯỚC

1.1. Nước mặt

1.1.1. Quan trắc hiện trường

a) Đo tại hiện trường

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Dải đo
1	pH	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12
2	Nhiệt độ	SMEWW 2550B:2017	4 ÷ 50°C
3	Ôxy hòa tan (DO)	TCVN 7325:2016	0 ÷ 16 mg/L
4	Độ dẫn điện (EC)	SMEWW 2510B:2017	0 ÷ 50 mS/cm
5	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	NEJSC/HT/SOP-DN02	0 ÷ 1.999 mg/L
6	Độ đục	TCVN 6184:2008	0 ÷ 500 NTU
7	Độ trong	NEJSC/HT/SOP-DN04	0 ÷ 20 m

** NEJSC/HT/SOP-DN02: quy trình nội bộ hướng dẫn đo tại hiện trường đối với TDS trong môi trường nước.*

** NEJSC/HT/SOP-DN04: quy trình nội bộ hướng dẫn xác định độ trong tại hiện trường đối với môi trường nước.*

b) Lấy và bảo quản mẫu

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng
1	Mẫu nước mặt	TCVN 6663-1:2011 TCVN 6663-3:2016 TCVN 5994-1995 TCVN 6663-6:2018 TCVN 8880:2011

1.1.2. Phân tích môi trường

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/Dải đo
1	Độ màu	TCVN 6185:2015 (C)	5,0 Pt-Co
2	Độ kiềm	TCVN 6636-1:2000	7,0 mg/L
3	Độ cứng tổng số (tính theo $CaCO_3$)	TCVN 6224:1996	5,0 mg/L
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	2,0 mg/L
5	BOD_5	TCVN 6001-1:2008	1,3 mg/L
6	COD	SMEWW 5220C:2017	3,0 mg/L
7	Amoni (NH_4^+ tính theo N)	TCVN 6179-1:1996	0,08 mg/L
8	Nitrit (NO_2^- tính theo N)	SMEWW 4500-NO_2^- .B:2017	0,015 mg/L
9	Nitrat (NO_3^- tính theo N)	SMEWW 4500-NO_3^- .E:2017	0,2 mg/L
10	Tổng N	TCVN 6638:2000	2,0 mg/L
11	Clorua (Cl^-)	TCVN 6194:1996	4,0 mg/L
12	Sulfua (S^{2-})	SMEWW 4500-S^{2-} .B&D:2017	0,05 mg/L
13	Sulfat (SO_4^{2-})	SMEWW 4500-SO_4^{2-} .E:2017	6,0 mg/L
14	Phosphat (PO_4^{3-} tính theo P)	TCVN 6202:2008	0,03 mg/L
15	Tổng P	TCVN 6202:2008	0,05 mg/L
16	Xyanua (CN^-)	SMEWW 4500-CN^-.C&E:2017	0,003 mg/L
17	Chất hoạt động bề mặt	TCVN 6622-1:2009	0,03 mg/L
18	Canxi (Ca)	TCVN 6198:1996	2,0 mg/L
19	Sắt (Fe)	TCVN 6177:1996	0,05 mg/L

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/Dải đo
20	Mangan (Mn)	SMEWW 3111B:2017	0,02 mg/L
21	Đồng (Cu)	SMEWW 3111B:2017	0,02 mg/L
22	Kẽm (Zn)	SMEWW 3111B:2017	0,02 mg/L
23	Niken (Ni)	SMEWW 3111B:2017	0,01 mg/L
24	Tổng hoạt độ phóng xạ α	TCVN 8879:2011	0,003 Bq/L
25	Tổng hoạt độ phóng xạ β	TCVN 8879:2011	0,03 Bq/L
26	Coliform	SMEWW 9221B:2017	03 MPN/100mL
27	E. Coli	SMEWW 9221B:2017	03 MPN/100mL

1.2. Nước dưới đất

1.2.1. Quan trắc hiện trường

a) Đo tại hiện trường

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Dải đo
1	pH	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12
2	Nhiệt độ	SMEWW 2550B:2017	4 ÷ 50°C
3	Ôxy hòa tan (DO)	TCVN 7325:2016	0 ÷ 16 mg/L
4	Độ dẫn điện (EC)	SMEWW 2510B:2017	0 ÷ 50 mS/cm
5	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	NEJSC/HT/SOP-DN02	0 ÷ 1.999 mg/L
6	Độ đục	TCVN 6184:2008	0 ÷ 500 NTU

b) Lấy và bảo quản mẫu

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng
1	Mẫu nước dưới đất	TCVN 6663-1:2011 TCVN 6663-11:2011 TCVN 6663-3:2016 TCVN 8880:2011

1.2.2. Phân tích môi trường

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/Dải đo
1	Độ màu	TCVN 6185:2015 (C)	5,0 Pt-Co
2	Độ kiềm	TCVN 6636-1:2000	7,0 mg/L
3	Độ cứng tổng số (tính theo $CaCO_3$)	TCVN 6624:1996	5,0 mg/L
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	2,0 mg/L
5	Chỉ số pemanganat	TCVN 6186:1996	0,5 mg/L
6	BOD_5	TCVN 6001-1:2008	1,3 mg/L
7	COD	SMEWW 5220C:2017	3,0 mg/L
8	Amoni (NH_4^+ tính theo N)	TCVN 6179-1:1996	0,15 mg/L
9	Nitrit (NO_2^- tính theo N)	SMEWW 4500-NO_2^- .B:2017	0,02 mg/L
10	Nitrat (NO_3^- tính theo N)	SMEWW 4500-NO_3^- .E:2017	0,25 mg/L
11	Tổng N	TCVN 6638:2000	2,0 mg/L
12	Clorua (Cl^-)	TCVN 6194:1996	4,0 mg/L
13	Sulfua (S^{2-})	SMEWW 4500-S^{2-} .B&D:2017	0,05 mg/L
14	Sulfat (SO_4^{2-})	SMEWW 4500-SO_4^{2-} .E:2017	6,0 mg/L
15	Phosphat (PO_4^{3-} tính theo P)	TCVN 6202:2008	0,03 mg/L
16	Tổng P	TCVN 6202:2008	0,05 mg/L
17	Xyanua (CN^-)	SMEWW 4500-CN^-.C&E:2017	0,003 mg/L
18	Chất hoạt động bề mặt	TCVN 6622-1:2009	0,03 mg/L
19	Canxi (Ca)	TCVN 6198:1996	2,0 mg/L

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/Dải đo
20	Sắt (Fe)	TCVN 6177:1996	0,05 mg/L
21	Mangan (Mn)	SMEWW 3111B:2017	0,02 mg/L
22	Đồng (Cu)	SMEWW 3111B:2017	0,02 mg/L
23	Kẽm (Zn)	SMEWW 3111B:2017	0,02 mg/L
24	Tổng Crôm (Cr)	SMEWW 3111B:2017	0,02 mg/L
25	Tổng hoạt độ phóng xạ α	TCVN 8879:2011	0,003 Bq/L
26	Tổng hoạt độ phóng xạ β	TCVN 8879:2011	0,03 Bq/L
27	Coliform	SMEWW 9221B:2017	03 MPN/100mL
28	E. Coli	SMEWW 9221B:2017	03 MPN/100mL

1.3. Nước mưa

1.3.1. Quan trắc hiện trường

a) Đo tại hiện trường

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Dải đo
1	pH	SMEWW 4500-H^+.B:2017	2 ÷ 12
2	Nhiệt độ	SMEWW 2550B:2017	4 ÷ 50°C
3	Độ dẫn điện (EC)	SMEWW 2510B:2017	0 ÷ 50 mS/cm
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	NEJSC/HT/SOP-DN02	0 ÷ 1.999 mg/L

b) Lấy và bảo quản mẫu

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng
1	Mẫu nước mưa	TCVN 5997:1995 TCVN 6663-3:2016

1.3.2. Phân tích môi trường

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/Dải đo
1	Clorua (Cl^-)	TCVN 6194:1996	4,0 mg/L

1.4. Nước biển

1.4.1. Quan trắc hiện trường

a) Đo tại hiện trường

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Dải đo
1	pH	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12
2	Nhiệt độ	SMEWW 2550B:2017	4 ÷ 50°C
3	Ôxy hòa tan (DO)	TCVN 7325:2016	0 ÷ 16 mg/L
4	Độ dẫn điện (EC)	SMEWW 2510B:2017	0 ÷ 50 mS/cm
5	Độ đục	TCVN 6184:2008	0 ÷ 500 NTU
6	Độ trong	NEJSC/HT/SOP-DN04	0 ÷ 20 m

b) Lấy và bảo quản mẫu

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng
1	Mẫu nước biển	TCVN 6663-1:2011 TCVN 5998:1995 TCVN 6663-3:2016 TCVN 8880:2011

1.4.2. Phân tích môi trường

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/Dải đo
1	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	2,0 mg/L
2	BOD_5	TCVN 6001-1:2008	2,0 mg/L
3	Amoni (NH_4^+ tính theo N)	TCVN 6179-1:1996	0,03 mg/L
4	Nitrit (NO_2^- tính theo N)	SMEWW 4500-NO_2^- .B:2017	0,02 mg/L
5	Nitrat (NO_3^- tính theo N)	SMEWW 4500-NO_3^- .E:2017	0,25 mg/L
6	Sulfua (S^{2-})	SMEWW 4500-S^{2-} .B&D:2017	0,05 mg/L
7	Phosphat (PO_4^{3-} tính theo P)	TCVN 6202:2008	0,03 mg/L

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/Dải đo
8	Xyanua (CN^-)	SMEWW 4500-CN^-.C&E:2017	0,003 mg/L
9	Sắt (Fe)	TCVN 6177:1996	0,05 mg/L
10	Coliform	SMEWW 9221B:2017	03 MPN/100mL

1.5. Nước thải

1.5.1. Quan trắc hiện trường

a) Đo tại hiện trường

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Dải đo
1	pH	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12
2	Nhiệt độ	SMEWW 2550B:2017	4 ÷ 50°C
3	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	NEJSC/HT/SOP-DN02	0 ÷ 1.999 mg/L
4	Vận tốc	ISO 4064-5:2014	0,3 ÷ 6,1 m/s
5	Lưu lượng	NEJSC/HT/SOP-DN05	-

** NEJSC/HT/SOP-DN05: quy trình nội bộ hướng dẫn xác định lưu lượng nước thải.*

b) Lấy và bảo quản mẫu

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng
1	Mẫu nước thải	TCVN 6663-1:2011 TCVN 5999:1995 TCVN 6663-3:2016 TCVN 8880:2011

1.5.2. Phân tích môi trường

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/Dải đo
1	Độ màu	TCVN 6185:2015 (C)	10,0 Pt-Co
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	2,0 mg/L
3	BOD_5	TCVN 6001-1:2008	3,0 mg/L
4	COD	SMEWW 5220C:2017	3,0 mg/L

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/Dải đo
5	Amoni (NH_4^+ tính theo N)	TCVN 6179-1:1996	0,3 mg/L
6	Nitrit (NO_2^- tính theo N)	SMEWW 4500-NO_2^- .B:2017	0,02 mg/L
7	Nitrat (NO_3^- tính theo N)	SMEWW 4500-NO_3^- .E:2017	0,25 mg/L
8	Tổng N	TCVN 6638:2000	2,0 mg/L
9	Clorua (Cl^-)	TCVN 6194:1996	4,0 mg/L
10	Clo dư	TCVN 6225-1:2012	0,3 mg/L
11	Sulfua (S^{2-})	SMEWW 4500-S^{2-} .B&D:2017	0,05 mg/L
12	Phosphat (PO_4^{3-} tính theo P)	TCVN 6202:2008	0,03 mg/L
13	Tổng P	TCVN 6202:2008	0,1 mg/L
14	Xyanua (CN^-)	SMEWW 4500-CN^-.C&E:2017	0,003 mg/L
15	Chất hoạt động bề mặt	TCVN 6622-1:2009	0,12 mg/L
16	Sắt (Fe)	TCVN 6177:1996	0,05 mg/L
17	Mangan (Mn)	SMEWW 3111B:2017	0,02 mg/L
18	Đồng (Cu)	SMEWW 3111B:2017	0,02 mg/L
19	Kẽm (Zn)	SMEWW 3111B:2017	0,02 mg/L
20	Tổng Crôm (Cr)	SMEWW 3111B:2017	0,02 mg/L
21	Tổng hoạt độ phóng xạ α	TCVN 8879:2011	0,003 Bq/L
22	Tổng hoạt độ phóng xạ β	TCVN 8879:2011	0,03 Bq/L
23	Coliform	SMEWW 9221B:2017	03 MPN/100mL

2. KHÔNG KHÍ

2.1. Không khí xung quanh

2.1.1. Quan trắc hiện trường

a) Đo tại hiện trường

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Dải đo
1	Nhiệt độ	QCVN 46:2012/BTNMT	0 ÷ 50°C
2	Độ ẩm	QCVN 46:2012/BTNMT	0 ÷ 100% RH
3	Áp suất	QCVN 46:2012/BTNMT	850 ÷ 1.100 hPa
4	Hướng gió	QCVN 46:2012/BTNMT	0 ÷ 360º
5	Tốc độ gió	QCVN 46:2012/BTNMT	0,5 ÷ 40,0 m/s
6	Tiếng ồn	TCVN 7878-2:2018	35 ÷ 130 dBA
7	Độ rung	TCVN 6963:2001	30 ÷ 119 dB

b) Lấy và bảo quản mẫu

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng
1	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	TCVN 5067:1995
2	Chì bụi (Pb)	TCVN 5067:1995
3	SO_2	MASA 704B
4	CO	NEJSC/HT/SOP-LMKK02
5	NO_2	TCVN 6137:2009
6	NH_3	MASA 401
7	H_2S	MASA 701
8	HF	NIOSH 7906
9	HCl	NIOSH 7907
10	HNO_3	NIOSH 7907
11	H_2SO_4	NIOSH 7908
12	Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (VOC)	NIOSH 1501
	Benzen	

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng
	Toluen	
	Xylen	
	Styren	
13	Hydrocacbon	NIOSH 1500
	n-Hexan	
	n-Heptan	
	n-Octan	
	n-Nonan	
	n-Decan	
	n-Deptan	
	Cyclohexan	
14	Asin (AsH_3)	NIOSH 6001

** NEJSC/HT/SOP-LMKK02: quy trình nội bộ hướng dẫn lấy mẫu CO trong môi trường không khí xung quanh.*

2.1.2. Phân tích môi trường

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/Dải đo
1	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	TCVN 5067:1995	10,0 µg/m^3
2	SO_2 *(chỉ áp dụng với quan trắc trung bình 1 giờ)*	MASA 704B	50,0 µg/m^3
3	CO *(chỉ áp dụng với quan trắc trung bình 1 giờ)*	NEJSC/HT/SOP-LMKK02	5.100 µg/m^3
4	NO_2	TCVN 6137:2009	11,0 µg/m^3

2.2. Khí thải

2.2.1. Quan trắc hiện trường

a) Đo tại hiện trường

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Dải đo
1	Xác định vị trí lấy mẫu	US EPA Method 01	-
2	Vận tốc	US EPA Method 02	0 ÷ 100 m/s
3	Lưu lượng	US EPA Method 02	0 ÷ 4.521.600 m^3/h
4	Khối lượng mol phân tử khí khô	US EPA Method 03	-
5	Hàm ẩm	US EPA Method 04	0 ÷ 100%
6	Nhiệt độ	NEJSC/HT/SOP-LMKT105	0 ÷ 1.000°C
7	Áp suất	NEJSC/HT/SOP-LMKT105	850 ÷ 1.100 mBar
8	O_2	NEJSC/HT/SOP-LMKT105	0 ÷ 25%
9	CO	NEJSC/HT/SOP-LMKT105	0 ÷ 11.400 mg/Nm^3
10	SO_2	NEJSC/HT/SOP-LMKT105	0 ÷ 13.100 mg/Nm^3
11	NO_x	NEJSC/HT/SOP-LMKT105	
	NO		0 ÷ 4.920 mg/Nm^3
	NO_2		0 ÷ 940 mg/Nm^3

** NEJSC/HT/SOP-LMKT105: quy trình nội bộ hướng dẫn đo tại hiện trường đối với nhiệt độ, áp suất, O_2, CO, SO_2 và NO_x trong khí thải.*

b) Lấy và bảo quản mẫu

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng
1	Bụi tổng (PM)	US EPA Method 05
2	NH_3	JIS K 0099:2004
3	H_2SO_4	US EPA Method 08

2.2.2. Phân tích môi trường

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/Dải đo
1	Bụi tổng (PM)	US EPA Method 05	0,3 mg/Nm^3

3. ĐẤT

3.1. Quan trắc hiện trường

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng
1	Lấy và bảo quản mẫu đất	TCVN 5297:1995 TCVN 7538-2:2005 TCVN 7538-1:2006 TCVN 7538-4:2007 TCVN 7538-5:2007

3.2. Phân tích môi trường

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/Dải đo
1	pH	TCVN 5979:2007	2 ÷ 12
2	Độ ẩm	TCVN 4048:2011	0,43%
3	Sulfat (SO_4^{2-})	TCVN 6656:2000	165,0 mg/kg
4	Tổng N	TCVN 6498:1999	16,0 mg/kg

4. TRẦM TÍCH

4.1. Quan trắc hiện trường

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng
1	Lấy và bảo quản mẫu trầm tích	ISO 5667-12:2017 TCVN 6663-19:2015 TCVN 6663-15:2004

5. BÙN THẢI

5.1. Quan trắc hiện trường

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng
1	Lấy và bảo quản mẫu bùn thải	TCVN 6663-13:2015 TCVN 6663-15:2004

6. CHẤT THẢI RẮN

6.1. Quan trắc hiện trường

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng
1	Lấy và bảo quản mẫu chất thải rắn	TCVN 9466:2012